



SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
(Kèm theo Công văn số 3779/SGDDT-TCCB ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Cơ quan quản lý / Đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng I	Hạng II	Hạng
1	Quận 1	Giáo viên mầm non		48	109	2		71	120		23	25
		Giáo viên tiểu học		140	162	1		169	162		30	19
		Giáo viên trung học cơ sở		267	252			306	243		44	44
		Giáo viên trung học phổ thông										
2	Quận 3	Giáo viên mầm non		125	274	41	50	274	41		106	3
		Giáo viên tiểu học		376	149	30	40	149	30		72	
		Giáo viên trung học cơ sở		402	206		50	206			77	
		Giáo viên trung học phổ thông										
3	Quận 4	Giáo viên mầm non		58	218	4	6	218	4	2	113	
		Giáo viên tiểu học		164	215	11	1	215	11	1	35	
		Giáo viên trung học cơ sở		166	148		4	148		3	28	
		Giáo viên trung học phổ thông										
4	Quận 5	Giáo viên mầm non		175	228	6	18	114			55	
		Giáo viên tiểu học		335	238	13	33	119			35	
		Giáo viên trung học cơ sở	6	336	200		34	100			71	
		Giáo viên trung học phổ thông			13			6				
5	Quận 6	Giáo viên mầm non		119	360	3		219			219	
		Giáo viên tiểu học		383	400	32		123			123	
		Giáo viên trung học cơ sở	4	371	295	15		82			82	
		Giáo viên trung học phổ thông										
6	Quận 7	Giáo viên mầm non		106	360	3	27	227	3		63	3
		Giáo viên tiểu học		303	486		56	458			83	
		Giáo viên trung học cơ sở	3	283	225		51	327			44	
		Giáo viên trung học phổ thông		1	17			9			9	
7	Quận 8	Giáo viên mầm non		140	385	13		203			162	
		Giáo viên tiểu học		296	500	17		113			83	
		Giáo viên trung học cơ sở		341	334			44			39	
		Giáo viên trung học phổ thông			16			1			1	
8	Quận 10	Giáo viên mầm non		118	351	3		125			125	
		Giáo viên tiểu học		268	292	10		44			44	
		Giáo viên trung học cơ sở	3	173	208			46			46	
		Giáo viên trung học phổ thông			27			3			3	
9	Quận 11	Giáo viên mầm non		89	289	4	20	133		27	129	
		Giáo viên tiểu học		312	296	15	1	69		1	69	
		Giáo viên trung học cơ sở	2	403	151		31	45		55	44	
		Giáo viên trung học phổ thông		1	17			7			7	
10	Quận 12	Giáo viên mầm non		140	399	12		173			147	
		Giáo viên tiểu học		509	747	34		329			246	
		Giáo viên trung học cơ sở	8	640	551			211			180	
		Giáo viên trung học phổ thông		2	66		1	30	37		27	
11	Quận Bình Tân	Giáo viên mầm non		143	516	20		93			93	
		Giáo viên tiểu học		583	1111	63		320			320	
		Giáo viên trung học cơ sở	4	644	670	14		138			138	
		Giáo viên trung học phổ thông		2	20			2			2	
12	Quận Bình Thạnh	Giáo viên mầm non		193	428	15	16	428	15	9	167	
		Giáo viên tiểu học		466	496	25	12	496	25	1	121	
		Giáo viên trung học cơ sở	1	495	381	31	10	381	31	6	72	
		Giáo viên trung học phổ thông										
13	Quận Gò Vấp	Giáo viên mầm non		258	313	16		137			76	
		Giáo viên tiểu học		684	525	48		127			83	
		Giáo viên trung học cơ sở		547	503	39		173			119	
		Giáo viên trung học phổ thông			23			1			1	
14	Quận Phú Nhuận	Giáo viên mầm non		113	202			82			82	
		Giáo viên tiểu học		188	213	2	5	28		5	28	
		Giáo viên trung học cơ sở	2	174	166		2	27		2	27	
		Giáo viên trung học phổ thông			25			22			22	
15	Quận Tân Bình	Giáo viên mầm non		217	319	10	9	150	16		142	
		Giáo viên tiểu học		625	419	30	2	89	16		54	

TT	Cơ quan quản lý / Đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng I	Hạng II	Hạng
15	Quận Tân Bình	Giáo viên trung học cơ sở		536	348	6	25	139	60		74	
		Giáo viên trung học phổ thông		2	32			2			2	
16	Quận Tân Phú	Giáo viên mầm non		200	302			66			39	
		Giáo viên tiểu học	1	541	481	15		94			68	
		Giáo viên trung học cơ sở	2	639	430			77			27	
		Giáo viên trung học phổ thông		2	41			22			1	
17	Huyện Bình Chánh	Giáo viên mầm non		72	605	20	84	438	286		174	
		Giáo viên tiểu học		304	1388	111	169	886	1034		248	
		Giáo viên trung học cơ sở	1	469	769	41	110	623	722		91	
		Giáo viên trung học phổ thông										
18	Huyện Củ Chi	Giáo viên mầm non		105	720	15	124	703	271		481	
		Giáo viên tiểu học		416	1006	26	106	825	647		308	
		Giáo viên trung học cơ sở	2	389	335		38	510	270		61	
		Giáo viên trung học phổ thông										
19	Huyện Cần Giờ	Giáo viên mầm non		71	171	8		108			92	
		Giáo viên tiểu học		143	175	15		125			75	
		Giáo viên trung học cơ sở		185	69		6	18			14	
		Giáo viên trung học phổ thông		3	11			5				
20	Huyện Nhà Bè	Giáo viên mầm non		61	301	5	33	137	5	15	135	
		Giáo viên tiểu học		119	491	11	65	223	11	1	173	
		Giáo viên trung học cơ sở		136	263		47	111		1	43	
		Giáo viên trung học phổ thông										
21	Thành phố Thủ Đức	Giáo viên mầm non	6	424	721		48	371		19	287	
		Giáo viên tiểu học	2	1275	1332		50	512		18	235	
		Giáo viên trung học cơ sở	10	1032	804		80	364		11	126	
		Giáo viên trung học phổ thông	4	63			7				7	
22	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập quận Tân Bình	Giáo viên mầm non			10			7				
		Giáo viên tiểu học		2	5							
		Giáo viên trung học cơ sở										
		Giáo viên trung học phổ thông			1			1			1	
23	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập Bình Chánh	Giáo viên mầm non		2	8			3		2	5	
		Giáo viên tiểu học		6	12			1		6	11	
		Giáo viên trung học cơ sở										
		Giáo viên trung học phổ thông										
24	Trường THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	Giáo viên trung học cơ sở		17	7			5			5	
		Giáo viên trung học phổ thông			38			30			3	
25	Trường THCS-THPT Thạnh An	Giáo viên trung học cơ sở		1	11			7	5		3	
		Giáo viên trung học phổ thông			18			10	8		4	
26	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Giáo viên mầm non		35	13			3			3	
27	Trường Mầm non Thành phố	Giáo viên mầm non		7	35			7			7	
28	Trường THPT An Nhơn Tây	Giáo viên trung học phổ thông		10	55			21			21	
29	Trường THPT An Lạc	Giáo viên trung học phổ thông		3	95			1			1	
30	Trường THPT Bà Điểm	Giáo viên trung học phổ thông		3	85		10	51	43		16	
31	Trường THPT Bình Chiểu	Giáo viên trung học phổ thông		5	73			11	67		6	
32	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Giáo viên trung học phổ thông		2	86			25			24	
33	Trường THPT Bình Khánh	Giáo viên trung học phổ thông			39		1	29	13		17	
34	Trường THPT Bình Phú	Giáo viên trung học phổ thông		9	85			16			16	
35	Trường THPT Bình Tân	Giáo viên trung học phổ thông		2	77			48			48	
36	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Giáo viên trung học phổ thông		1	98			13			13	
37	Trường THPT Cần Thạnh	Giáo viên trung học phổ thông			42		2	24	21		22	
38	Trường THPT Củ Chi	Giáo viên trung học phổ thông			100			17			17	
39	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Giáo viên trung học phổ thông		20	122		2	157	92		25	
40	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Giáo viên trung học phổ thông		4	160	1	6	55			20	
41	Trường THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định	Giáo viên trung học phổ thông			109			20			20	

TT	Cơ quan quản lý / Đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng I	Hạng II	Hạng
42	Trường THPT Dương Văn Dương	Giáo viên trung học phổ thông		1	74			45	27		30	
43	Trường THPT Dương Văn Thì	Giáo viên trung học phổ thông		3	56	5	3	38	36		5	
44	Trường THPT Đa Phước	Giáo viên trung học phổ thông			65			3			3	
45	Trường THPT Đào Sơn Tây	Giáo viên trung học phổ thông		1	86			10			6	
46	Trường THPT Gò Vấp	Giáo viên trung học phổ thông		7	70		8	40	31		21	
47	Trường THPT Gia Định	Giáo viên trung học phổ thông		6	125	4		31			31	
48	Trường THPT Giồng Ông Tố	Giáo viên trung học phổ thông		6	66		8	38	40		10	
49	Trường THPT Hàn Thuyên	Giáo viên trung học phổ thông		3	75			33			33	
50	Trường THPT Hiệp Bình	Giáo viên trung học phổ thông		1	82			12			12	
51	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Giáo viên trung học phổ thông		4	98			38			38	
52	Trường THPT Hùng Vương	Giáo viên trung học phổ thông			141			3			3	
53	Trường THPT Lê Minh Xuân	Giáo viên trung học phổ thông		2	90		3	52	60		22	
54	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên trung học phổ thông		8	82	5	10	56	40		6	
55	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Giáo viên trung học phổ thông		10	76			35			34	
56	Trường THPT Lê Trọng Tấn	Giáo viên trung học phổ thông		7	98	3		35	67		30	
57	Trường THPT Linh Trung	Giáo viên trung học phổ thông		6	82		8	47	33		20	
58	Trường THPT Long Thới	Giáo viên trung học phổ thông			54			14			8	
59	Trường THPT Long Trường	Giáo viên trung học phổ thông		6	59			32	34		14	
60	Trường THPT Lương Thế Vinh	Giáo viên trung học cơ sở Giáo viên trung học phổ thông		2 2	2 107							
61	Trường THPT Lương Văn Can	Giáo viên trung học phổ thông		16	77	3		20			20	
62	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Giáo viên trung học phổ thông		4	75		8	43	45		15	
63	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Giáo viên trung học phổ thông		5	129			43	96		19	
64	Trường THPT Marie Curie	Giáo viên trung học phổ thông		10	141			19			19	
65	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Giáo viên trung học phổ thông		2	77			9			9	
66	Trường phổ thông năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	Giáo viên trung học phổ thông			58			2			2	
67	Trường THPT Ngô Gia Tự	Giáo viên trung học phổ thông		4	75		9	59	41		1	
68	Trường THPT Ngô Quyền	Giáo viên trung học phổ thông		4	82			30			13	
69	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Giáo viên trung học phổ thông		2	86			20			20	
70	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Giáo viên trung học phổ thông		10	108			40			40	
71	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên trung học phổ thông		1	95			12			12	
72	Trường THPT Nguyễn Du	Giáo viên trung học phổ thông			99			12			12	
73	Trường THPT Nguyễn Hiền	Giáo viên trung học phổ thông		5	76			5			5	
74	Trường THPT Nguyễn Huệ	Giáo viên trung học phổ thông		3	91			56			32	
75	Trường THPT Nguyễn Hữu Cừu	Giáo viên trung học phổ thông		17	62			33			16	

TT	Cơ quan quản lý / Đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng I	Hạng II	Hạng
76	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	Giáo viên trung học phổ thông						11			11	
77	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Giáo viên trung học phổ thông		7	79			18			18	
78	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Giáo viên trung học phổ thông		11	81		11	55	44		26	
79	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Giáo viên trung học phổ thông		1	104			52			29	
80	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Giáo viên trung học phổ thông		5	90			16			16	
81	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Giáo viên trung học phổ thông		2	69			8			8	
82	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Giáo viên trung học phổ thông		1	98			33			33	
83	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Giáo viên trung học phổ thông		2	116			13			13	
84	Trường THPT Nguyễn Trãi	Giáo viên trung học phổ thông		4	78		4	55	38		32	
85	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Giáo viên trung học phổ thông		11	87		4	57	61		39	
86	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Giáo viên trung học phổ thông		17	53			20			15	
87	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Giáo viên trung học phổ thông			60		6	30	24		33	
88	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Giáo viên trung học phổ thông		2	68			42	28		25	
89	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Giáo viên trung học phổ thông			80			25			11	
90	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Giáo viên trung học phổ thông		4	86			38			38	
91	Trường THPT Phong Phú	Giáo viên trung học phổ thông		1	49			7			7	
92	Trường THPT Phú Hòa	Giáo viên trung học phổ thông			70			18			18	
93	Trường THPT Phú Nhuận	Giáo viên trung học phổ thông		22	91		6	74	51		47	
94	Trường THPT Phước Kiển	Giáo viên trung học phổ thông						13			13	
95	Trường THPT Phước Long	Giáo viên trung học phổ thông			75			4			4	
96	Trường THPT Tạ Quang Bửu	Giáo viên trung học phổ thông		9	81	6	9	50	46		25	
97	Trường THPT Tam Phú	Giáo viên trung học phổ thông		1	74			9			9	
98	Trường THPT Tân Bình	Giáo viên trung học phổ thông		5	88		11	58	46		22	
99	Trường THPT Tân Phong	Giáo viên trung học phổ thông		3	75			17			20	
100	Trường THPT Tân Túc	Giáo viên trung học phổ thông		2	87		5	50	51		11	
101	Trường THPT Tân Thông Hội	Giáo viên trung học phổ thông		6	69			15			9	
102	Trường THPT Tây Thạnh	Giáo viên trung học phổ thông		2	127			50			50	
103	Trường THPT Thanh Đa	Giáo viên trung học phổ thông						34			34	
104	Trường THPT Thanh Lộc	Giáo viên trung học phổ thông		3	69	5		12			12	
105	Trường THPT Thủ Đức	Giáo viên trung học phổ thông			105			45			39	
106	Trường THPT Thủ Thiêm	Giáo viên trung học phổ thông		8	61			22			22	
107	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Giáo viên trung học phổ thông		9	103			35			35	
108	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Giáo viên trung học phổ thông		19	80			20			20	
109	Trường THPT Trần Phú	Giáo viên trung học phổ thông		4	126			43			22	
110	Trường THPT Trần Quang Khải	Giáo viên trung học phổ thông		1	112			17			17	
111	Trường THPT Trưng Vương	Giáo viên trung học phổ thông		1	93		2	64			28	
112	Trường THPT Trường Chinh	Giáo viên trung học phổ thông		6	102			27			27	

TT	Cơ quan quản lý / Đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng	Hạng I	Hạng II	Hạng
113	Trường THPT Vĩnh Lộc	Giáo viên trung học phổ thông		5	61			18			18	
114	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Giáo viên trung học phổ thông			69			10			10	
115	Trường THPT Võ Thị Sáu	Giáo viên trung học phổ thông		12	109			50			30	
116	Trường THPT Võ Trường Toản	Giáo viên trung học phổ thông		8	85			21			21	
117	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Giáo viên trung học phổ thông		3	73		9	51	41		11	
118	Trung tâm GDKTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Giáo viên trung học phổ thông		4	35			19	20		10	
119	Đại học Sài Gòn	Giảng viên	42	36	393			36			36	



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2024**

Cấp học: Mầm non

(Kèm theo Công văn số 3779 /SGDDT-TCCB ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Trần Thị Minh Hoa	10	8	1972	x	08-05-1993	09-11-1995	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Bé Ngoan	UBND Quận 1	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B 1		Quyết định số QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	Dương Thị Kim Phượng	29	1	1970	x	09-01-1991	10-01-1994	Phó Hiệu trưởng	Trường MN 20/10	UBND Quận 1	19 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
3	Nguyễn Thị Thanh	2	10	1983	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên	Trường MN Phạm Ngũ Lão	UBND Quận 1	11 năm	V.07.02.26	3,03	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
4	Huỳnh Thanh Liễu	2	10	1971	x	08-01-1992	03-01-1994	Phó Hiệu trưởng	Trường MN 30-4	UBND Quận 1	10 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
5	Võ Thị Thanh Hồng	22	7	1986	x	09-01-2008	27/03/2009	Giáo viên	Trường MN 30-4	UBND Quận 1	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
6	Lê Thị Kim Thanh	9	3	1976	x	20/08/1998	02-01-2001	Giáo viên	Trường MN 30-4	UBND Quận 1	18 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh A		
7	Lâm Phương Thảo	2	11	1986	x	09-01-2008	27/03/2009	Giáo viên	Trường MN 30-4	UBND Quận 1	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
8	Huỳnh Đăng Thanh Xuân	13	3	1979	x	08-01-2013	03-11-2014	Giáo viên	Trường MN 30-4	UBND Quận 1	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng III		B	Anh B		
9	Nguyễn Huỳnh Đoàn Ngoan	26	1	1979	X	09-01-2000	29/11/2016	Giáo viên	Trường MN Tuổi Thơ	UBND Quận 1	15 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
10	Trần Thị Thanh Thảo	23	11	1978	X	08-01-1998	29/11/2016	Giáo viên	Trường MN Tuổi Thơ	UBND Quận 1	15 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
11	Nguyễn Thị Hoài Thương	28	1	1989	x	09-01-2010	40552	Giáo viên	Trường MN Hoa Quỳnh	UBND Quận 1	13 năm 7 tháng	V07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng III		Nâng cao	Anh B1		
12	Nguyễn Thị Kim Anh	4	11	1984	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên	Trường MN Lê Thị Riêng	UBND Quận 1	17 năm 8 tháng	V.)07.02.26	3,65	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
13	Huỳnh Thị Hoàng Anh	18	7	1988	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên	Trường MN Lê Thị Riêng	UBND Quận 1	12 năm 4 tháng	V.)07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II					
14	Trần Thị Út	10	8	1973		09-01-1997	09-01-1999	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Bến Thành	UBND Quận 1	14 năm 7 tháng	V.07.05.26	4,27	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
15	Lê Thị Hồng Nhung	10	5	1995	x	09-01-2019	09-01-2019	Giáo viên	Trường MN Bến Thành	UBND Quận 1	4 năm 8 tháng	V07.02.26	2,72	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
16	Võ Thị Trúc Phương	6	11	1981	x	09-05-2004	09-05-2010	Giáo viên	Trường MN Bến Thành	UBND Quận 1	14 năm 8 tháng	V07.02.26	3,96	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
17	Phạm Thị Minh Anh	4	5	1997	x	09-01-2019	03-01-2020	Giáo viên	Trường MN Bến Thành	UBND Quận 1	4 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
18	Nguyễn Thị Như Vãn	5	12	1983	x	01-09-2002	01-02-2003	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Lư	UBND Quận 1	14 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
19	Nguyễn Thị Thanh Yên	2	11	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường MN Hoa Lư	UBND Quận 1	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
20	Huỳnh Hải Yến	28	8	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường MN Hoa Lư	UBND Quận 1	15 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
21	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	10	11	1985	x	01-09-2007	01-02-2008	Giáo viên	Trường MN Hoa Lư	UBND Quận 1	14 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
22	Lưu Thị Phương Thanh	7	5	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường MN Hoa Lư	UBND Quận 1	15 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
23	Trần Thị Thu Trang	12	7	1980	x	08-01-2013	03-11-2014	Giáo viên	Trường MN Hoa Lan	UBND Quận 1	10 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
24	Lương Quỳnh Hoa	9	3	1973	x	01-01-2011	08-01-2015	Giáo viên	Trường GD Chuyên biệt Tương Lai	UBND Quận 1	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		B	B		
25	Võ Lê Thị Hoàng Hoa	27	07	1968		01/08/1993	09/01/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	Chứng nhận quản lý hiệu trưởng mầm non	Tin học nâng cao	Anh văn B		
26	Viên Thụy Ngọc Bích	29	09	1981	x	01/08/2003	01/08/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	20 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Cao đẳng Sư phạm Mầm non (đang học Đạ học)	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	Đại học Quản lý GDMN	B	Anh văn B		
27	Nguyễn Vũ Mộng Tuyền	30	04	1976		01/09/2003	22/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	Không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
28	Phạm Thị Đan Thanh	29	03	1981	x	01/08/2002	10/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	10 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,96	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh - B		
29	Bùi Mộng Hồng Loan	13	11	1976	nữ	07/01/1996	09/01/2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	Chứng nhận quản lý hiệu trưởng mầm non	Tin học nâng cao	Anh Văn B		
30	Trần Dạ Lý	8	6	1985	x	05/09/2009	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
31	Võ Thị Thảo Vân	19	1	1983	x	1/9/2008	1/9/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	CNTT nâng cao	Anh văn B		
32	Huỳnh Mỹ Linh	03	09	1989	x	01/09/2010	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi thơ 7	UBND Quận 3	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
33	Đặng Huỳnh Bích Trân	05	01	1985	x	01/09/2009	22/09/2010	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học Sư phạm Mầm Non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Trình độ B		
34	Vũ Thị Hồng Ân	10	08	1981	x	01/09/2005	09/01/2009	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học Sư phạm Mầm Non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Trình độ B		
35	Lê Thị Thanh Thảo	20	07	1979	x	01/01/2010	01/01/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm Mầm Non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
36	Hàng Ngọc Linh	14	2	1978		15/09/1998	09/01/2009	Giáo viên	Trường Mầm Non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Sư phạm mầm non	So cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
37	Phùng Thị Hùỵ	10	11	1980	x	05/09/2004	20/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm Non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp chính trị - (đang học)	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
38	Chương Thị Phương Loan	25	5	1971	x	01/08/1990	21/01/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi thơ 7	UBND Quận 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
39	Nguyễn Mộng Thủy Dương	01	11	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	09 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		
40	Lê Thị Thúy	23	10	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non tuổi thơ 7	UBND Quận 3	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Thạc sỹ - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	GV mầm non hạng III, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non	không	B	B1		
41	Ngô Thị Thắm	09	11	1981	x	01/09/2020	01/06/2021	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	02 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,10	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III	không	CNTTCB	Anh Bằng B		
42	Nguyễn Đông Quân	09	03	1979	x	01/08/2000	01/08/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng III, Hạng II	không	Tin học nâng cao	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
43	Nguyễn Thị Kim Tuyền	25	12	1992	x	15/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ 7	UBND Quận 3	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học Giáo dục mầm non.	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hàng III	không	Tin học cơ bản	Anh văn B		
44	DƯ THỊ MỸ HUYỀN	19	1	1988	X	15/8/2011	01/9/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp (Đang học lớp TCCT)	CDNN hạng III CDNN hạng II		Sơ cấp	B		
45	Bùi Thị Thê	9	4	1981	x	10-01-2013	03-01-2014	Tổ trưởng CM MG 5 -6 tuổi - GV	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II. III		CNTTCB	Anh A2		
46	Nguyễn Thị Thùy Linh	20	1	1978	x	09-05-1999	02-01-2000	Giáo viên	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	24 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II,III		CNTTN B	Anh B		
47	Nguyễn Thanh Hòa	30	9	1982	x	09-05-2002	02-01-2014	Chủ tịch công đoàn - GV	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	20 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,27	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II. III		CNTT A	Anh B		
48	Đặng Thị Thùy Tiên	13	12	1993	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	B		
49	Nguyễn Mai Hương	6	10	1984	X	09-01-2005	09-01-2006	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	18 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học Mầm Non	Sơ Cấp	GV Mầm Non hạng II, III		CCTHU D B	CC B		
50	Nguyễn Thị Phương Linh	29	12	1984	x	09-06-2006	09-06-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	16 năm 7 tháng	V. 07.02.26	3,65	Đại học	Cao cấp LLCT- HC	GV Mầm Non hạng II, III		THUĐ B	Anh B		
51	Phạm Thị Bảo Ngọc	10	3	1991	X	01-08-2014	01-02-2015	Tổ trưởng CM GV	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	09 năm 8 tháng	V. 07.02.26	2,72	Đại Học Mầm Non	Sơ cấp	GV Mầm Non hạng II, III		B	B2 cambridge		
52	Trương Thị Trang	12	12	1987	x	09-01-2010	25/03/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 4	UBND Q3	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN A	Anh B		
53	Trịnh Thị Yến Thanh	13	10	1992	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Q3	Phòng GD&ĐT Q3	06 năm 05 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng III		CNTTN A	Anh B		
54	Hồ Thị Thiên Kiều	14	12	1991	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Q3	Phòng GD&ĐT Q3	10 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III	X	CNTTN B	Anh B		
55	Nguyễn Thị Mỹ Linh	11	1	1992	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Q3	Phòng GD&ĐT Q3	07 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III		CNTTN A	Anh B		
56	Nguyễn Thị Hà	02	02	1975	x	01/09/1996	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 5	UBND Quận 3	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
57	Phạm Thị Thu Hoài	19	11	1992	x	08-01-2013	08-01-2014	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 5	Phòng GD&ĐT Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non	A	Bậc 2: A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
58	Trần Thị Thái Phụng	24	11	1978		01-09-1999	01-02-2000	Giáo viên Mầm non	Trường : Mầm Non 5	Sở GD&ĐT	24 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học SPMN	TC	GVMN hạng II		B	B		
59	Nguyễn Hồng Thảo	29	01	1980	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5	UBND Quận 3	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
60	Trần Thùy Trang	10	4	1985	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm Non 5	UBND Quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.02.05	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ	CNTT B	Tiếng Anh B1		
61	Phan Thị An	19	6	1976	x	01-09-1998	01-03-2003	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	20 năm 1 tháng	V.07.05.26	4,89+6 %	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Cử nhân	THUĐ A	Anh B		
62	Võ Thị Thu Hà	18	10	1970	x	01-08-1995	01-02-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	15 năm 2 tháng	V.07.05.26	4,89	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
63	Lê Thị Kim Anh	8	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng	CNTT cơ bản	Anh B		
64	Nguyễn Phương Thảo	15	10	1984	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh B		
65	Bùi Thị Thuý Nga	6	11	1993	x	01-10-2014	01-10-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
66	Trần Thị Thuý	16	4	1992	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	7 năm 9 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
67	Nguyễn Thị Thu Sương	16	6	1985	x	01-10-2014	01-10-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
68	Huỳnh Kim Khánh	16	10	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 6	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
69	Hoàng Thị Mai Uyên	11	8	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non 11	UBND Q3	15 năm 8 thán	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm mầm non	sơ cấp	GV MN hạng II		TH B	Anh B		
70	Nguyễn Thị Hồng Phúc	18	6	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường mầm non 11	UBND Q3	11 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm mầm non	sơ cấp	GV MN hạng II		TH A	Anh B		
71	Nguyễn Thị Thi	18	11	1978	x	15/09/1998	01/07/2007	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mai	Sở GD&ĐT	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	x	CNTTC A	Chứng chỉ Anh văn B		
72	Trương Thị Thu Trang	09	04	1972	x	01/12/1996	01/10/2005	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trường MN Hoa Mai	Sở GD&ĐT	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTC A	Chứng chỉ Anh văn B		
73	Phạm Thị Kiều Chinh	18	10	1980	x	01/01/2004	01/09/2008	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trường MN Hoa Mai	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTC A	Chứng chỉ Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
74	Nguyễn Quỳnh Anh	06	09	1989	x	19/08/2010	01/09/2011	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trường MN Hoa Mai	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Chứng chỉ Anh văn B		
75	Đoàn Thị Ngọc Hiền	18	10	1984	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trường MN Hoa Mai	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Chứng chỉ Anh văn B		
76	Bùi Thị Hồng Hạnh	24	4	1998	x	01/09/2020	01/06/2021	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	3 năm	V.07.02.26	2,1	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	sơ cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng tin học cơ bản	CC tiếng anh bậc 3		
77	Trần Ngọc Liên	11	12	1987	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	sơ cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng tin học cơ bản	CC tiếng anh trình độ B		
78	Huỳnh Ngọc Phương	13	10	1993	x	01/11/2014	01/05/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	8 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	sơ cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	CC tiếng anh trình độ B		
79	Trần Nguyễn Thùy Trang	25	3	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Trung cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng tin học cơ bản	CC tiếng anh trình độ B		
80	Trương Thị Minh Thuận	6	7	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	sơ cấp	GV MN hạng II		CC-A tin học ứng dụng	CC tiếng anh trình độ B		
81	Đặng Ngọc Tú	21	9	1987	x	01/09/2008	01/02/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	15 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Trung cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng tin học cơ bản	CC tiếng anh trình độ B		
82	Trần Thị Kiều Sa	2	12	1981	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 1	UBND QUẬN 3	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	sơ cấp	GV MN hạng II		CC ứng dụng tin học cơ bản	CC tiếng anh trình độ B		
83	Mai Thị Trường Giang	23	9	1982	x	01/08/2003	01/08/2004	Phó Hiệu trưởng	Mầm Non 3	Ủy ban nhân dân quận 3	19 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Cao đẳng sư phạm mầm non	Trung cấp LLHC	GVMN hạng II	Cử nhân quản lý giáo dục	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1		
84	Ngô Thị Kim Duyên	16	12	1994	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Mầm Non 3	Ủy ban nhân dân quận 3	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm mầm non	Trung cấp LLHC	GVMN hạng II	Chứng chỉ quản lý giáo dục	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
85	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14	7	1987	x	01/08/2012	01/08/2013	Giáo viên	Mầm Non 3	Ủy ban nhân dân quận 3	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân sư phạm mầm non	Trung cấp LLHC	GVMN hạng II	Chứng chỉ quản lý giáo dục	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
86	Trần Ngọc Huyền Diệu	11	03	1975	x	01/08/1995	01/02/1997	Giáo viên	Mầm Non 3	Ủy ban nhân dân quận 3	28 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân sư phạm mầm non	Sơ cấp LLCT	GVMN hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
87	Đỗ Vũ Thị Lan Hương	29	01	1988	x	01/08/2015	01/02/2016	Giáo viên	Mầm Non 3	Ủy ban nhân dân quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm mầm non	Sơ cấp LLCT	GVMN hạng II	Chứng nhận lớp đào tạo hiệu trưởng	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
88	Phạm Thị Thu Diễm	25	09	1971	x	01/9/2009	01/9/2010	Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 8	Sở GD&ĐT	Từ 01/09/2014	V.07.02.26	3.96+ 0.5%	Đại Học Sư Phạm Mầm Non Thạc sĩ Quản Lý Giáo Dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Chứng nhận	B	Anh Văn B		
89	Trần Thị Tuyết Mai	07	07	1976	x	01/9/2007	01/9/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 8	Sở GD&ĐT	Từ 01/09/2013	V.07.02.26	3.65 + 0.35%	Đại Học Sư Phạm Mầm Non	Trung Cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Chứng nhận	B	Anh Văn B		
90	Bùi Thị Thu Trang	14	10	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 8	Sở GD&ĐT	Từ 01/09/2016	V.07.02.26	3.03 + 0.35%	Đại Học Sư Phạm Mầm Non	Trung Cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Chứng nhận	B	Anh Văn B		
91	Vô Thị Ngọc Phượng	25	7	1978	x	01-09-1999	19-07-2000	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 9	Phòng GD&ĐT Quận 3	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học SPMN	Trung cấp	GV hạng II	CNQL	CNTTCB	Anh DH		
92	Trần Thị Phương Thảo	19	8	1977	x	01-01-1999	08-05-2000	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non 9	Phòng GD&ĐT Quận 3	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học SPMN	Trung cấp	GV hạng II	CNQL	CNTTCB	Anh - B		
93	Lê Thị Nga	3	12	1975	x	02-08-1993	13-12-1995	Giáo viên	Trường Mầm non 9	Phòng GD&ĐT Quận 3	19 năm 6 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học SPMN	Sơ cấp	GV hạng III		CNTTCB	Anh - B		
94	Nguyễn Thị Hồng Linh	02	12	1972	Nữ	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm Non 10	UBNDQ3	1 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
95	Cao Nguyên Trúc Mai	09	5	1984	Nữ	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm Non 10	UBNDQ3	1 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	A		
96	Nguyễn Hồng Hạnh	06	4	1992	Nữ	16-12-2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm Non 10	UBNDQ3	1 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
97	Nguyễn Thị Lan	25	2	1971	X	10-1994	01-10-2008	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	15 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng 2,3	Chứng chỉ	A	Chứng chỉ B		
98	Phạm Thị Hồng Xuân	28	7	1989	X	10-2010	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	học sư phạm mầm	Trung cấp	CDNN hạng 2,3	Chứng chỉ	A	Không		
99	Bùi Lê Thu	22	7	1980	X	9-2003	6-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	8 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	CDNN hạng 2,3	Chứng chỉ	A	Anh B		
100	Nguyễn Thị Kim Duyên	30	12	1987	X	10-2010	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	CDNN hạng 2,3		Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Không		
101	Đoàn Diệu Anh	16	11	1970	X	8-1991	3-1994	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	30 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	CDNN hạng 2,3		A	Anh B		
102	Vô Thị Thùy Vân	1	8	1987	X	10-2008	6-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	8 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	CDNN hạng 2,3		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
103	Đỗ Thúy Lan	24	3	1972	X	9-1998	9-1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Thơ 8	Ủy ban nhân dân Quận 3	25 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	CDNN hạng 2,3		A	Anh B		
104	Lê Thanh Nguyên	13	6	1982	x	01-01-1985	01-01-1986	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	23 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp LLCT	II		THU'D A	Anh B		
105	Huỳnh Thị Ngọc Phương	13	3	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Quản lý Giáo dục	Trung cấp LLCT	III		THU'D A	Anh B		
106	Bùi Thị Kim Hoàng	30	12	1974	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	26 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
107	Võ Thị Hoa	12	9	1970	x	02-08-1993	02-02-1995	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	29 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
108	Hồ Thu Vân	4	5	1973	x	15-08-1996	05-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	25 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Trung cấp LLCT	II		THU'D B	Anh B		
109	Nguyễn Hồng Ngọc	14	12	1980	x	01-08-1998	01-02-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	23 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
110	Huỳnh Sương Như	10	10	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
111	Trần Hồng Anh	16	4	1980	x	01-10-2003	01-10-2004	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
112	Hoàng Thị Yên	25	3	1980	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
113	Dương Thị Trúc Hà	30	11	1970	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	19 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
114	Phạm Thị Kim Thùy	27	9	1988	x	01-09-2010	31-08-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
115	Đoàn Lý Vương Mỹ	26	5	1974	x	15-08-1996	05-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	25 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
116	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	16	2	1978	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	22 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	III		THU'D A	Anh B		
117	Phạm Thanh Lai	29	1	1988	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp LLCT	II		THU'D B	Anh B		
118	Phan Thị Hoàng Trúc	17	4	1975	x	01-09-2011	29-02-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THU'D B	Anh B		
119	Nguyễn Thị Giang Thanh	3	5	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Trung cấp LLCT	III		THU'D A	Anh B		
120	Phạm Bảo Ngọc	18	6	1995	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	III		THU'D A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
121	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	24	8	1978	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm non 2	Sở GD&ĐT	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	II		THƯỞNG	Anh B		
122	Nguyễn Ngô Thị Ngọc Hiền	5	10	1978	x	05-09-1998	01-03-2002	Quyền Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,58	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính	II		B	B1		
123	Nguyễn Ngọc Thảo	20	06	1970	x	01/8/1990	01/12/1992	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89 + VK 7%	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính	II		B	B		
124	Nguyễn Thị Phúc	03	06	1981	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Trung cấp	II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ Anh văn B		
125	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	28	08	1979	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	II		B	B		
126	Bùi Thị Liên Hương	27	12	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	II		B	B		
127	Nguyễn Thị Na Na	17	07	1983	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm Non 12	UBND Q3	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Mầm Non	Sơ cấp	II		A	B		
128	Vũ Đặng Hồng Diễm	03	10	1977	x	04/09/1999	04/03/2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non 12	UBND Quận 3	23 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục Mầm non (ĐHSPMN)	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp GV MN Hạng II	Cử nhân QLGD	CNTTCB	Anh văn B		
129	Đỗ Thị Như Ngọc	1	4	1982	x	01-10-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 7	Sở GD&ĐT	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTTCB	Anh chứng chỉ B		
130	Đoàn Thị Ngọc Phượng	18	11	1983	x	01/9/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 7	Sở GD&ĐT	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTTN C	Anh chứng chỉ B		
131	Lý Ngọc Vân	2	12	1980	X	09-01-2002	07-06-2010	Hiệu trưởng	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	1 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN GV MN		CNTTCB	Anh văn B		
132	Nguyễn Kim Ngân	23	8	1993	X	10-01-2022	31/10/2022	Giáo viên	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	1 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Đặc Biệt	Sơ cấp	CDNN GV MN		CNTTCB	Anh Văn B1		
133	Phạm Thị Thúy An	23	2	1987	X	01-01-2022	31/10/2022	Giáo viên	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	1 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Đặc Biệt	Sơ cấp	đang học		CNTTCB	đang học		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
134	Phan Thị Thanh Thủy	15	8	1982	X	11-01-2011	11-01-2012	Giáo viên	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Đặc Biệt	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
135	Đinh Ngọc Tuyền	16	6	1995	X	11-01-2016	11-01-2017	Giáo viên	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	'6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Đặc Biệt	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
136	Lưu Hữu Thanh	30	8	1993	X	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	Trường Tương Lai Quận 3	Ủy Ban nhân dân Quận 3	'8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Đặc Biệt	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
137	Phan Thị Kim Thủy	3	8	1987	x	11-01-2014	05-01-2015	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 2	UBND Quận 4	9 năm	V.07.02.26	2,27	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B		
138	Phan Thanh Nhân	10	12	1993	x	11-01-2014	11-01-2015	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II+III		Cơ bản	Anh B		
139	Nguyễn Ngọc Trinh	23	1	1985	x	09-01-2009	03-01-2010	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B		
140	Nguyễn Kim Hạnh	1	1	1983	x	12-01-2016	06-01-2017	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
141	Trần Dương Ngọc Ngân	19	9	1994	x	08-01-2015	03-01-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Nâng cao	Anh B		
142	Lê Thị Khánh Ngọc	2	11	1993	x	11-01-2018	05-01-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
143	Lê Thị Mộng Ngọc	4	6	1977	x	11-01-2019	05-01-2020	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Nâng cao	Anh B		
144	Trần Thị Yến Nhung	28	6	1992	x	15/08/2014	02-01-2015	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,27	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
145	Nguyễn Thị Phương	24	3	1981	x	09-01-2015	09-01-2016	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
146	Châu Thị Minh Thái	16	6	1991	x	11-11-2017	05-01-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Nâng cao	Anh B		
147	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23	12	1987	x	11-01-2018	05-01-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
148	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12	2	1997	x	12-11-2017	06-01-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
149	Lê Thị Diễm Trinh	17	2	1998	x	11-01-2019	05-01-2020	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
150	Nguyễn Thị Cẩm Vân	22	8	1996	x	12-11-2017	06-01-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
151	Nguyễn Thị Ngọc Vui	15	2	1996	x	11-01-2018	05-01-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 2	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II+III		Nâng cao	Anh B		
152	Hà Hoàng Yến	18	8	1983	x	09-01-2006	03-01-2007	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 3	UBND Quận 4	17 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B		
153	Nguyễn Ngọc Linh	1	10	1996	x	01-01-2019	05-01-2020	Giáo viên mầm non	Mầm non 3	UBND Quận 4	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
154	Nguyễn Vũ Thanh Tuyền	19	11	1986	x	12-04-2019	12-04-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 3	UBND Quận 4	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
155	Bùi Thị Thu	16	9	1994	x	14/6/2018	25/7/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 3	UBND Quận 4	4 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
156	Mai Thủy Vy	17	9	1989	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên mầm non	mầm non 3	UBND Quận 4	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
157	Lê Thanh Thủy	10	2	1989	x	09-01-2011	29/1/2012	Giáo viên mầm non	mầm non 3	UBND Quận 4	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B1		
158	Lại Nguyễn Phương Oanh	14	7	1996	x	01-09-2020	01-03-2021	Giáo viên mầm non	mầm non 3	UBND Quận 4	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
159	Trần Nguyễn Phi Vân	14	6	1971	x	1/9/1999	03/01/2000	Hiệu trưởng	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II+III	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
160	Nguyễn Thị Bảo Trân	24	8	1979	x	1/1/2004	1/9/2007	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
161	Lý Thị Hồng Phương	20	11	1980	x	1/1/2003	1/9/2007	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
162	Trần Thị Hải Yến	18	4	1987	x	1/9/2008	1/9/2009	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
163	Nguyễn Thị Tuyết Mai	26	1	1987	x	1/9/2009	1/9/2010	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GV MN hạng III					
164	Lê Thị Ngọc Thảo	1	7	1986	x	1/9/2006	1/9/2010	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
165	Cao Thị Mai Thi	29	6	1988	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
166	Lưu Thị Bích Phương	25	12	1987		01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
167	Nguyễn Thị Trang	10	1	1988		01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
168	Trương Thị Ngọc Hiền	30	9	1992		01/09/2016	01/09/2016	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
169	Nguyễn Thụy Minh Thùy	9	8	1984		01/11/2018	01/11/2018	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
170	Nguyễn Thụy Phương Quỳnh	30	1	1987		01/11/2018	01/05/2019	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	5 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
171	Nguyễn Thị Hồng Đào	23	6	1990		01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
172	Nguyễn Thị Thủy Tiên	6	4	1994		01/11/2018	01/05/2019	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
173	Nguyễn Thanh Trúc	10	12	1995		01/11/2018	01/05/2019	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
174	Nguyễn Thanh Chúc	5	1	1993		01/11/2019	01/05/2020	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
175	Lê Thụy Khánh Linh	25	6	1996		08/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
176	Lê Phạm Ngọc Vân	27	2	1986		01/11/2019	01/11/2019	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
177	Nguyễn Nữ Thanh Thúy	25	12	1981		01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên mầm non	MN Nguyễn Tất Thành	UBND Quận 4	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
178	Hoàng Thị Định	19	7	1975	x	08-01-1998	27/02/2017	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 6	UBND Quận 4	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B1		
179	Trần Thị Ngọc Hải	28	7	1982	x	09-01-2008	18/11/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 6	UBND Quận 4	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II		A	Anh B1		
180	Nguyễn Thị Minh Đào	12	2	1988	x	09-01-2008	29/10/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 6	UBND Quận 4	4 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
181	Phan Thị Uyên Phương	13	04	1979	x	09-01-2010	09-01-2011	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 9	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ Quản lý GD	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Nâng cao	Anh B1		
182	Trần Thị Ngọc Hai	05	02	1989	x	09-01-2009	03-01-2010	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 9	UBND Quận 4	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Nâng cao	Anh B1		
183	Nguyễn Thị Thùy Dương	25	10	1984	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
184	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	18	2	1991	x	09-01-2012	03-01-2013	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
185	Đặng Thị Bảo Ngọc	21	05	1993	x	08-01-2013	02-01-2014	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
186	Nguyễn Thị Hồng Vân	11	7	1984	x	12-11-2017	06-11-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
187	Trần Tuyết Lệ	20	4	1990	x	09-08-2017	03-01-2018	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		A	Anh B		
188	Vũ Nguyễn Văn Như	7	11	1994	x	12-01-2016	06-01-2017	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
189	Trịnh Ngọc Mai Vy	31	1	1995	x	11-01-2019	05-01-2020	Giáo viên mầm non	Mầm non 9	UBND Quận 4	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
190	Phạm Thụy Thanh Thảo	12	12	1974	x	08-01-1994	01-02-1996	Hiệu trưởng	Mầm non 10	UBND Quận 4	28 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B1		
191	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	15	8	1977	x	09-01-2010	09-01-2011	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 10	UBND Quận 4	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B		
192	Đặng Thị Hồng Ngọc	12	10	1985	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 10	UBND Quận 4	12 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		Cơ bản	Anh B		
193	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	4	10	1986	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 10	UBND Quận 4	12 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
194	Nguyễn Linh Tàn	8	6	1986	x	02-01-2015	02-01-2015	Giáo viên mầm non	Mầm non 10	UBND Quận 4	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
195	Tô Thị Phương Mai	16	6	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
196	Vũ Thị Lệ	15	6	1981	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
197	Trần Thị Bích Thủy	27	11	1982	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
198	Tăng Thị Kim Chi	28	6	1989	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
199	Huỳnh Kim Uyên	27	8	1982	x	01/07/2003	01/07/2007	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 12	UBND Quận 4	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
200	Phạm Thị Hoàng Vân	20	5	1982	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
201	Nguyễn Thị Phương Dung	04	01	1984	x	01/10/2012	01/04/2013	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	10 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
202	Trần Bích Vân	15	11	1984	x	01/09/2010	01-03-2011	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
203	Trần Thị Hồng Ứng	22	10	1983	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
204	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	01	01	1989	x	01/07/2019	01/01/2020	Giáo viên mầm non	Mầm non 12	UBND Quận 4	4 năm 9 tháng	V.07.02.26	2.10'	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II		Cơ bản	Anh B		
205	Trần Thị Mỹ Dung	20	1	1976	x	09-01-1999	03-01-2000	Phó Hiệu trưởng	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	24 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Thạc sĩ Quản lý GD	Trung cấp	GV MN hạng II+III	Chuyên viên	Nâng cao	Anh B1		
206	Nguyễn Thị Kim Quyên	16	2	1975	x	09-01-1999	03-01-2000	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	24 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II+III		Cơ bản	Anh B		
207	Nguyễn Thị Thùy Trang	10	5	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II+III		Cơ bản			
208	Lê Đỗ Quỳnh Mai	24	10	1986	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II+III		Cơ bản	Anh B1		
209	Trần Thị Ngọc Diệp	6	1	1991	x	11-01-2014	11-01-2014	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II+III		Cơ bản	Anh B		
210	Lê Thị Kiều Trang	11	4	1993	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B1		
211	Nguyễn Thị Kim Ngọc	2	1	1992	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 12	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
212	Trương Thị Kim Dung	28	7	1980	x	09-01-2011	1-3-2012	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	12 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
213	Bùi Thị Gái Nhỏ	8	1	1988	x	09-01-2011	1-3-2012	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	12 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		THVP	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
214	Trần Thị Xuân Ngọc	8	2	1990	x	09-01-2011	1-9-2012	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
215	Nguyễn Hà Thiên Trang	23	10	1994	x	09-01-2014	1-5-2015	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	9 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
216	Nguyễn Thị Thủy	11	9	1995	x	10-01-2018	1-10-2018	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	5 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
217	Trần Thị Trang	19	5	1996	x	11-01-2018	05-01-2019	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	5 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
218	Đinh Thị Lệ Thanh	14	6	1982	x	11-01-2019	05-01-2020	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	4 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
219	Nguyễn Thị Bích Quỳnh	8	11	1993	x	10-01-2016	1-4-2017	Giáo viên mầm non	MN Sao Mai 13	UBND Quận 4	7 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
220	Nguyễn Thị Thủy Vân	20	12	1979	x	09-01-1999	14/4/2000	Hiệu trưởng	Mầm non 14	UBND Quận 4	23 năm	V.07.02.26	4,89	Thạc sĩ Quản lý GD	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Nâng cao	Anh B1		
221	Nguyễn Thị Thục Quỳnh	16	7	1977	x	04-01-1999	01-09-2010	Phó Hiệu trưởng	Mầm non 14	UBND Quận 4	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
222	Lê Thị Kim Hương	7	12	1991	x	1-9-2011	03-01-2012	Giáo viên mầm non	Mầm non 14	UBND Quận 4	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
223	Vũ Phương Yến	30	8	1987	x	08-01-2012	03-01-2013	Giáo viên mầm non	Mầm non 14	UBND Quận 4	11 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
224	Trần Thị Yến	10	11	1977	x	08-01-2014	27/2/2017	Giáo viên mầm non	Mầm non 14	UBND Quận 4	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
225	Nguyễn Thị Ngọc Anh	26	9	1982	x	09-01-2015	07-11-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non 14	UBND Quận 4	4 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	sơ cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
226	Đặng Thị Thủy Tiên	12	11	1976	x	09-01-2015	09-01-2016	Giáo viên mầm non	Mầm non 15	UBND Quận 4	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
227	Hồ Thị Tuyết Phương	21	1	1977	x	09-01-1999	03-01-2000	Giáo viên mầm non	Mầm non 15	UBND Quận 4	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
228	Lê Thị Hồng Thắm	28	2	1985	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên mầm non	Mầm non 15	UBND Quận 4	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B1		
229	Nguyễn Thị Thanh Vân	6	3	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên mầm non	Mầm non 15	UBND Quận 4	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
230	Nguyễn Thị Bích Trâm	26	6	1988	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III	Chuyên viên	A	Anh B		
231	Phạm Thị Ngọc Dung	29	5	1982	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	15 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
232	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8	2	1991	x	09-01-2011	03-01-2013	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	10 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
233	Bùi Kim Thanh	21	11	1983	x	09-01-2012	1-9-2013	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
234	Trần Vân Trang	13	11	1991	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
235	Phạm Thị Hằng	4	9	1984	x	09-01-2015	09-01-2016	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
236	Cao Thị Hồng Phương	30	8	1990	x	09-01-2016	09-01-2013	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III	Chuyên viên	Nâng cao	Anh B2		
237	Trần Mỹ Cúc	8	4	1993	x	09-01-2017	09-01-2017	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
238	Nguyễn Kim Oanh	26	4	1995	x	09-01-2017	03-01-2018	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	5 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
239	Lê Thị Trang	28	3	1995	x	01-12-2017	06-11-2018	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
240	Dương Thị Hồng Hậu	10	6	1994	x	12-01-2017	06-11-2018	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		B	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
241	Lê Thị Kim Thảo	2	1	1987	x	07-01-2019	16/8/2019	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
242	Nguyễn Thị Phụng	4	10	1985	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
243	Vương Mộng Tường Vân	23	4	1991	x	12-01-2016	06-01-2017	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh B		
244	Nguyễn Thị Bé Thảo	24	5	1995	x	12-01-2016	16/8/2017	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
245	Phan Thị Thu Dung	1	8	1996	x	09-01-2017	03-01-2018	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	5 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		A	Anh B		
246	Nguyễn Thị Mỹ Linh	30	9	1995	x	09-01-2017	03-01-2018	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	5 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		A	Anh A		
247	Mã Thị Bích Luân	6	11	1994	x	11-01-2018	05-01-2019	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Cơ bản	Anh A2		
248	Trần Thị Quỳnh Như	7	7	1995	x	01-01-2020	01-01-2020	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN		GV MN hạng III		Nâng cao	Anh A2		
249	Đào Thị Minh Trang	8	5	1997	x	01-09-2019	01-01-2020	Giáo viên mầm non	MN Ban Mai	UBND Quận 4	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng III		Cơ bản	Anh A2		
250	Huỳnh Thị Tường Anh	28	5	1974	x	01/8/1994	01-05-2000	Hiệu Trưởng	Trường Mầm Non 1 Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	29 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89 + 7%	Đại Học Giáo dục mầm non Thạc Sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II	Giấy chứng nhận bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	Trình độ B	Anh văn B1		
251	Trần Thị Dư	11	10	1970	x	01/4/1987	01-09-2007	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 2B	Ủy ban nhân dân Quận 5	23 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.89+1 2%	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
252	Lưu Thị Miên	10	6	1978	X	31/08/1998	24/11/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 4 tháng	V.07.02.05	4,58	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
253	Lê Thị Thu Trúc	14	2	1979	x	09/01/2004	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
254	Võ Thị Hồng	13	1	1972	x	01/09/1995	01/01/2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
255	Bùi Ngọc Tú Quyên	12	10	1984	x	09/01/2008	01/03/2009	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
256	Nguyễn Thị Yến Hoa	02	10	1968	x	01/08/1987	01/10/1994	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89+1 1%	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
257	Nguyễn Lê Cẩm Linh	05	5	1976	x	08/01/2014	01/08/2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	09 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
258	Nguyễn Thị Tâm	11	5	1968	x	15/08/1999	01/06/2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 5A	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
259	Lương Thị Ánh Nguyệt	30	9	1987	x	31/12/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 5B	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học Sài Gòn	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
260	Nguyễn Thị Giáng Kiều	28	12	1981	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 5B	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học Sư Phạm TP.HCM	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
261	Cao Thị Kim Trang	28	2	1972	x	01/1/1991	01-10-1994	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm Non 6	Ủy ban nhân dân Quận 5	29 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
262	Trần Tám Em	11	5	1981	x	01/9/2009	01-03-2010	Giáo viên Mầm Non	Trường Mầm Non 6	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung Cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
263	Dương Thị Thuý Dung	21	7	1985	x	09-01-2008	09-01-2009	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm Non 8	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
264	Võ Thị Thu Hương	10	6	1969	x	01-04-1993	10-01-1994	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 8	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	4.98+7 %	Đại học Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
265	Vũ Thị Thư Ngọc	12	4	1980	x	01/08/2013	24/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 10	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
266	Nguyễn Thị Thu Phương	17	3	1980	x	01/09/2000	01/9/2007	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non 11	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II	Chuyên viên	Trình độ B	Anh văn B1		
267	Tăng Mỹ Linh	14	12	1992	x	01/08/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 11	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B1		
268	Ngô Thị Bích Hồng	25	01	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
269	Lê Thị Thu Vân	30	09	1990	x	01/11/2011	01/11/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
270	Nguyễn Thị Ngọc Dung	08	12	1982	x	01/07/2004	01/07/2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
271	Đồng Thị Thuyết	02	09	1980	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
272	Nguyễn Phạm Thị Ngọc Thơ	26	07	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
273	Trần Thị Lệ Thu	30	04	1969	x	01/10/1998	'01/10/1999	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	24 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
274	Thái Thị Kim Nhung	15	06	1970	x	01/07/2004	01/07/2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 12	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
275	Ngô Thị Thu lê	02	05	1976	x	01/08/1998	01/02/1999	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi 1	Ủy ban nhân dân Quận 5	25 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
276	Vô Thị Hạnh	07	07	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi 1	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
277	Nguyễn Thị Mộng Tiễn	01	01	1987	x	01/08/2010	01/08/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi 1	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
278	Nguyễn Thị Bích Ngọc	15	05	1988	x	01/10/2010	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
279	Lý Thị Hồng Nhung	01	01	1988	x	01/09/2008	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II , hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
280	Ma Thị Hương	10	02	1976	x	01/10/2004	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
281	Vân Thiện Nga	23	07	1981	x	01/10/2004	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
282	Nguyễn Thị Bích Hường	19	11	1981	x	01/10/2004	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
283	Nguyễn Thị Nở	29	07	1969	x	05/09/1994	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
284	Nguyễn Kim Phượng	04	09	1985	x	01/04/2004	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
285	Hoàng Thị Hồng Hường	17	03	1981	x	01/09/2006	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
286	Huỳnh Thị Hồng Liên	28	06	1986	x	01/09/2006	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
287	Đàm Thị Thu	20	09	1986	x	01/09/2008	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 2	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III, II		Trình độ B	Anh văn B		
288	Dương Thị Diệu	01	04	1989	x	01/9/2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
289	Phan Thị Diệu Hằng	17	04	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
290	Thái Đắc Cẩm Mi	12	12	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Sư phạm Mầm non Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
291	Lê Thị Kim Hoàng	11	05	1976	x	01/8/1998	01/5/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
292	Dương Thị Ngọc Vân	29	11	1988	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 9 tháng	V.07.02.05	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
293	Lê Thị Tuyết	02	09	1973	x	01/9/1998	01/4/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Mi 3	Ủy ban nhân dân Quận 5	17 năm 8 tháng	V.07.02.05	4,58	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
294	Âu Dương Anh Khoa	01	08	1988		01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Ca quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
295	Giang Thị Ngọc Linh	23	12	1983	x	01/09/2005	01/09/2006	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Sơn Ca quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư phạm Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
296	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	21	01	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Ca quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
297	Vô Thị Phi Châu	03	03	1981	x	01/09/2002	01/09/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Sơn Ca quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư phạm Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
298	Diệp Như Quỳnh	22	11	1987	x	01/09/2008	02/03/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
299	Nguyễn Thị Phương Thảo	22	11	1988	x	01/09/2009	18/04/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
300	Lý Thanh	27	02	1981	x	05/09/2002	31/05/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
301	Nguyễn Thị Kim Ngân	12	01	1987	x	01/09/2009	18/06/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
302	Phan Thị Thu Linh	09	10	1988	x	01/09/2010	18/06/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh Quận 5	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
303	Lê Thị Hoa	8	8	1977	x	01/12/2005	01/9/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường chuyên biệt Tương Lai	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục đặc biệt	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III	Chuyên viên	Trình độ A	Anh văn B		
304	Phạm Thị Thùy Trang	2	2	1976	x	01/3/1998	01/9/2013	Giáo viên	Trường chuyên biệt Tương Lai	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục đặc biệt	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
305	Phan Thị Ngọc Hòa	23	06	1977	x	01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
306	Trì Thị Ngọc Liễu	14	7	1971	x	01/04/1997	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CC UDCNT T CB	Anh văn B		
307	Lê Thị Ngọc Trang	04	06	1979	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
308	Nguyễn Thị Thúy Hằng	06	05	1983	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
309	Nguyễn Thị Hiền	29	09	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
310	Trần Thị Ngọc Ái	31	07	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B1		
311	Phạm Thị Kiều Oanh	22	04	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
312	Nguyễn Thoại Vy	01	01	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
313	Nguyễn Thị Thủy Linh	19	02	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
314	Nguyễn Xuân Sang	14	01	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
315	Thân Hoàng Yến	16	04	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
316	Dương Thị Trúc Đăng	01	08	1983	x	01/10/2012	01/10/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
317	Dương Kim Loan	22	11	1993	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	05 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
318	Trần Kim Thắm	19	02	1994	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	04 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
319	Bùi Thị Hương	25	08	1995	x	01/12/2017	01/06/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	02 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
320	Nguyễn Thị Linh	25	03	1996	x	07/11/2018	07/05/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	02 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
321	Nguyễn Thị Mai Hương	11	04	1996	x	01/09/2019	01/05/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 1	Ủy ban nhân dân Quận 6	02 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
322	Mã Vương Phi Yến	20	1	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 2	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT TCB	Anh B		
323	Đặng Thị Hoàng Sa	13	6	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
324	Trần Thị Tuyết Linh	14	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	20 năm 7 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ A	Anh B		
325	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	22	3	1986	x	01-09-2008	01-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
326	Lương Ái Bình	07	07	1982	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ A	Anh B		
327	Lâm Thị Ngọc Hạnh	14	8	1989	x	01-10-2016	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		THƯĐ A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
328	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	21	5	1996	x	07-11-2018	07-05-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 3	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 0 tháng	V.07.02.26	45293	Đại học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		UD CNTT Cơ bản	Anh B		
329	Nguyễn Ngọc Lan	5	12	1980	x	01-09-2003	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B2		
330	Trần Minh Phương	12	10	1983	x	01-09-2006	01-03-2017	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học sư phạm giáo dục mầm non- Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B1		
331	Đặng Xuân Trang	27	5	1975	x	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B1		
332	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	17	8	1979	x	01-09-2003	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm giáo dục mầm non- Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B1		
333	Giang Mỹ Linh	11	9	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
334	Trần Quỳnh Thanh Trúc	12	1	1987	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
335	Mã Thị Bạch Tuyết	30	10	1985	x	01-09-2007	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
336	Trần Thị Ngọc Thảo	10	4	1984	x	01-09-2005	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
337	Hoàng Thị Ngọc Lan	20	12	1983	x	01-09-2007	01-01-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
338	Nguyễn Thị Ngọc Vân	20	11	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 4 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
339	Trần Thị Hồng	22	6	1974	x	01-08-1995	01-02-2003	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	21 năm 2 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
340	Trần Thái Quân	30	6	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
341	Nguyễn Thị Vân	20	11	1981	x	01-08-2014	05-10-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 4	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm giáo dục mầm non		GVMN hạng II		THU'D A	Anh B		
342	Nguyễn Thị Cẩm Hương	2	12	1970	X	28-07-1997	25-12-2001	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học		GVMN Hạng II		THU'D A	Anh B		
343	Nguyễn Thị Ngọc Lan	11	9	1976	x	28-07-1997	19-03-1999	Phó hiệu trưởng	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		THU'D B	Anh Bạc 3		
344	Thái Thị Kim Ngôn	11	6	1968	x	01-09-1994	29-12-2000	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		THU'D A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
345	Mai Kim Ngân	7	3	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
346	Phan Thanh Trúc	18	11	1996	x	22-06-2018	01-02-2021	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	3 năm 2 tháng	V.07.02.06	2,41	Đại Học - Giáo dục mầm non		GVMN Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
347	Nguyễn Thị Thanh Thúy	5	1	1979	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục mầm non		GVMN Hạng II		THƯỞNG B	Anh B		
348	Nguyễn Thị Quế Hương	26	6	1981	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
349	Phan Thị Liên	8	8	1984	x	01-09-2008	01-09-2008	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
350	Lê Trần Thụy Hải Hậu	27	6	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG B	Anh B		
351	Châu Lê Thùy Nga	25	11	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		THƯỞNG B	Anh B		
352	Phạm Ngọc Mỹ	9	2	1982	x	01-09-2009	01-09-2009	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
353	Lục Thị Mỹ Phát	30	10	1985	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
354	Nguyễn Thị Kim Sum	2	8	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
355	Hoàng Thị Kim Nga	9	6	1982	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
356	Trịnh Thị Thanh Tuyền	14	2	1991	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
357	Nguyễn Lý Thanh	20	1	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
358	Hứa Thị Xuân Mai	26	2	1994	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
359	Trần Thị Thu Thắm	1	12	1994	x	01-10-2016	01-04-2017	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		THƯỞNG B	Anh B		
360	Trần Thị Bé Ngọc	21	8	1993	x	01-03-2017	01-09-2017	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		THƯỞNG A	Anh B		
361	Nguyễn Thị Hiền	6	11	1993	x	01-07-2017	01-07-2017	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		THƯỞNG A	Anh B		
362	Phạm Kim Oanh	1	9	1992	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 5A	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		THƯỞNG A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
363	Mai Thị Kim Nguyệt	24	5	1968	x	01-03-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
364	Lê Thị Hồng Vân	19	6	1973	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	14 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
365	Hoàng Thị Thanh Thảo	21	8	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		THU'D B	Tiếng anh B		
366	Nguyễn Vũ Mỹ Phúc	3	7	1993	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
367	Huỳnh Thị Minh Thu	11	8	1984	x	01-09-2009	01-03-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B1		
368	Nguyễn Thị Phương Khanh	20	1	1989	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B1		
369	Trang Bích Vân	3	8	1978	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh A		
370	Nguyễn Thị Minh Anh	9	2	1977	x	01-05-2020	05/01/20222	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng trung		
371	Trần Thị Hồng Linh	15	4	1991	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
372	Nguyễn Thị Thu Tâm	5	9	1996	x	01/9/2018	01-03-2019	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
373	Huỳnh Thị Kim Hoa	19	10	1991	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 6	UBND Q6	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học Sư phạm mầm non		GVMN Hạng III		THU'D A	Tiếng anh B		
374	Dương Thị Kim Ngọc	2	2	1971	x	01-09-1993	04-02-2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
375	Nguyễn Thị Ngọc Yến	9	9	1980	x	01-10-1998	04-02-2009	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B1		
376	Trần Thị Kim Nương	25	11	1983	x	01-09-2007	01-09-2009	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
377	Phạm Thị Bích Trâm	2	6	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
378	Lê Thị Hoài Bửu	25	3	1986	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
379	Trần Thị Minh Thảo	6	2	1985	X	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh văn B		
380	Nguyễn Thị Tâm Nhung	25	10	1977	x	01/06/1998	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
381	Nguyễn Thị Kim Ngọc	21	8	1987	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh văn B		
382	Lê Ngọc Vân Thanh	4	1	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II,III		A	Anh B		
383	Vân Thị Thu Hiền	13	9	1989	x	01-03-2017	01-09-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	2 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II, III		A	Anh B		
384	Trần Thị Xuân Hương	13	5	1971	x	24-08-2015	24-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 6A	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II, III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
385	Huỳnh Quang Hạ	16	4	1985	X	01/09/2007	16/08/2019	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 7	UBNDQ6	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp hạng II	Chứng chỉ	UDCNT T năng cao	Anh-B		
386	Nguyễn Võ Mộng Uyên	17	11	1980	X	01/09/2004	01/02/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 7	UBNDQ6	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp hạng II		A	Anh-B		
387	Nguyễn Thị Thùy Dung	30	4	1985	X	01/09/2008	25/05/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 7	UBNDQ6	3 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp hạng II		B	Anh-B		
388	Bùi Thị Kim Xuyên	25	10	1987	x	01-10-2016	30-11-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTTCB	Anh Bạc 2		
389	Nguyễn Hà Phương Ánh	4	4	1995	x	01-10-2016	30-11-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN		CNTTCB	Anh Bạc 2		
390	Nguyễn Thụy Quế Anh	3	7	1978	x	01-10-2016	11-05-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 11 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GV MN		CNTTCB	Anh Bạc 2		
391	Châu Thị Cẩm Tú	29	3	1995	x	01-11-2018	08-07-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GV MN hạng III		CNTTCB	Anh Bạc 2		
392	Huỳnh Trúc Linh	13	6	1996	x	01-09-2017	31-05-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN		CNTTCB	Anh Bạc 2		
393	Tổng Thị Kim Trang	30	1	1997	x	01-11-2019	21-04-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm	V.07.02.26	2.1	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GV MN hạng III		CNTTCB	Anh Bạc 2		
394	Huỳnh Thị Thanh Huyền	11	8	1997	x	01-11-2019	21-04-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm	V.07.02.26	2.1	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GVMN		CNTTCB	Anh Bạc 2		
395	Huỳnh Thị Ngân	12	8	1993	x	01-12-2014	10-03-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 8	Ủy ban nhân dân Quận 6	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học - Sư phạm Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh Bạc 3		
396	Lê Thị Lan	16	7	1978	x	01/9/1999	01/3/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	19 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non - Thạc sĩ -Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯĐ A	Anh B1		
397	Võ Thị Xuân Thảo	27	2	1981	x	01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯĐ A	Anh B		
398	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	29	5	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non - Thạc sĩ -Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯĐ A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
399	Trần Thị Mỹ Hạnh	10	8	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh A		
400	Thái Thị Phương Thủy	28	10	1986	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh A		
401	Kiều Thanh Lan	14	2	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh C		
402	Đỗ Thị Mỹ Lan	11	12	1985	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
403	Lê Thị Hồng Hạnh	10	11	1985	x	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
404	Trần Thị Lệ	02	6	1975	x	01/9/2007	01/9/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
405	Nguyễn Mai Thanh Thảo	04	6	1976	x	01/10/1997	01/5/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	21 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,89 +7%	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
406	Đỗ Ngọc Phương	18	4	1983	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
407	Nguyễn Thị Thu Oanh	31	8	1986	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
408	Ngô Phạm Hải Đăng	15	7	1988	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		THƯ'D A	Anh B		
409	Nguyễn Ngọc Thà	28	2	1989	x	07/11/2018	07/5/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D B	Anh B		
410	Lê Thị Thanh	08	9	1996	x	01/11/2019	01/5/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
411	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04	4	1993	x	01/11/2019	01/5/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
412	Nguyễn Thị Thúy An	20	9	1985	x	01/3/2017	01/9/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
413	Trần Nguyễn Thúy Trinh	25	12	1988	x	01/10/2016	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		THƯ'D B	Anh B		
414	Phạm Ngọc Ánh	26	11	1984	x	01/9/2007	01/3/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
415	Dương Quế Chi	19	11	1997	x	07/11/2018	07/5/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
416	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03	3	1990	x	01/9/2017	01/3/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân quận 6	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
417	Ngô Thị Thu Thảo	18	8	1996	x	01/11/2019	01/5/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 9	Ủy ban nhân dân Quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm giáo dục mầm non		GV MN Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
418	Trần Ngọc Lan	27	10	1969	x	01-08-1988	01-04-1994	Hiệu trưởng	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	19 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89 (VK 7%)	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
419	La Tú Quyên	7	3	1976	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B1		
420	Nguyễn Thị Thanh Diệu	6	1	1974	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
421	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30	8	1977	x	05-09-2000	01-04-2003	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
422	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	9	10	1984	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
423	Phạm Thị Bích Phượng	23	5	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
424	Nguyễn Thị Hải Yến	23	12	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh văn B		
425	Nguyễn Hồ Thanh Tuyền	10	4	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		UDCNT T/CB	Anh văn B		
426	Nguyễn Thị Dương Mộng Trinh	21	11	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh văn B		
427	Huỳnh Thị Kim Ngân	7	3	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
428	Huỳnh Thị Nguyễn	1	11	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
429	Trần Thị Tuyết	9	7	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
430	Trương Thị Tuyết	22	12	1972	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
431	Trần Thị Thanh	3	10	1970	x	01-08-1998	01-03-2002	Giáo viên	Trường MNRD10	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh văn B		
432	Nguyễn Việt Hà	23	4	1977	x	01/9/2008	01/9/2008	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Thạc sĩ QLGD MN- Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		A	Anh B1		
433	Trần Thị Xuân Trang	22	12	1988	x	01/9/2012	01/3/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Thạc sĩ QLGD MN- Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B1		
434	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	01	10	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ GDMN	x	GVMN Hạng II		A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
435	Lê Kiều Chi	12	7	1989	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		A	Anh B		
436	Lý Kim Phụng	17	12	1990	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B		
437	Nguyễn Khắc Thu	07	4	1977	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học SPMN		GVMN Hạng II		A	Anh B		
438	Phạm Bạch Thu An	26	9	1984	x	01-09-2012	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Thạc sĩ QLGDMN- Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		B	Anh B		
439	Ngô Thanh Tuyền	29	4	1986	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học SPMN	x	GVMN Hạng II		B	Anh A		
440	Lâm Thị Tuyết Ngọc	05	8	1993	x	01/8/2013	16/8/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 11	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học SPMN		GVMN Hạng II		B	Anh B		
441	Lê Minh Nguyệt	18	10	1977	x	01-07-1998	01-03-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	22 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh Bạc 3		
442	Đặng Thị Ngọc Thủy	14	1	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 1		
443	Lâm Mộng Linh	26	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A			
444	Nguyễn Thị Lan	12	10	1990	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		
445	Tạ Thị Phương Quỳnh	6	5	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		
446	Nguyễn Đình Uyên Vy	1	1	1981	x	01-07-2005	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		
447	Nguyễn Ngọc Đoan	4	8	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	9 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ B			
448	Lê Trần Thụy Hải Nhân	26	5	1984	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	9 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		
449	Trần Thị Hoài Sương	9	3	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	9 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		CNTT cơ bản			
450	Nguyễn Ngọc Quý	17	4	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		
451	Đỗ Thị Thanh Hải	24	10	1982	x	01-11-2003	01-09-2008	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân quận 6	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bạc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
452	Lê Thị Bích Ngọc Phương	5	1	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
453	Nguyễn Thị Kim Thoa	13	5	1981	x	05-09-2000	01-09-2007	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
454	Nguyễn Thanh Tuyền	14	1	1982	x	01-08-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUĐ B	Anh Bậc 2		
455	Trần Thị Pha Lê	10	12	1988	x	01-11-2012	07-05-2019	Giáo viên	Trường MN Rạng Đông 11A	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		CNTT CB	Anh Bậc 2		
456	Nguyễn Thị Kiêm Nga	30	11	1971	x	24/08/1993	01/03/1995	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
457	Dương Thanh Nga	31	5	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
458	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	30	7	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B1		
459	Nguyễn Thị Bích Vân	20	10	1979	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
460	Lưu Thị Ngọc Hà	9	9	1995	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Tin học B	Anh B		
461	Võ Thị Kiều Hương	4	5	1984	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UDCNT TCB	Anh B1		
462	Phạm Thị Kim Phượng	16	10	1987	x	01/01/2018	01/07/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B1		
463	Nguyễn Thị Hải Lý	8	1	1994	x	01/01/2018	01/07/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Tin học B	Anh B		
464	Dương Thị Ánh Loan	24	1	1985	x	01/11/2019	01/05/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UDCNT TCB	Anh B		
465	Phạm Hồng Kim Sơn	22	9	1986	x	01/11/2019	01/05/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 12	Ủy ban nhân dân Quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
466	Chiêm Nguyễn Kim Duyên	3	10	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
467	Nguyễn Thị Hồng Hương	9	12	1978	x	01-08-1998	01-03-1999	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	26 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học - Sư phạm Mầm non	TCLLCT - HC	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
468	Nguyễn Thị Kim Nga	5	1	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	10 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
469	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	12	7	1982	x	01-09-2024	01-03-2005	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	20 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
470	Nguyễn Thị Thuý Dương	16	10	1985	x	01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
471	Trần Thị Thu Thảo	10	11	1972	x	25/9/1995	04-12-2002	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	22 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
472	Trần Thị Ngọc Giàu	28	8	1979	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
473	Nguyễn Thị Kim Ánh	5	10	1989	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	9 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Tin học A	Anh B		
474	Nguyễn Thị Trúc Phương	10	7	1974	x	01/09/1997	26/05/2005	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	25 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		Tin học A	Anh Bậc 2		
475	Lê Thị Thanh Thúy	26	2	1990	x	01/08/2012	01/02/2021	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	9 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		CNTTCB	Anh B		
476	Bùi Thị Phương Thảo	23	1	1992	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		Tin học A	Anh B		
477	Trần Kim Châu	15	7	1994	x	06/10/2016	01/04/2017	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	7 Năm	v.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		Tin Học B	Anh B		
478	Trương Thị Hoàng Yến	20	2	1994	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		CNTTCB	Anh B		
479	Trương Thị Ngọc Huyền	4	6	1997	x	01/11/2019	01/05/2020	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		CNTTCB	Anh B		
480	Nguyễn Thị Mai Sương	4	1	1997	x	01-11-2019	01/11/2019	Giáo viên	Trường Mầm Non Rạng Đông 13	UBND Quận 6	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,10	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		CNTTCB	Anh A2		
481	Ngô Thị Kim Hoàng	3	9	1969	x	01-08-1996	01-10-2005	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Chứng nhận Bồi dưỡng Hiệu trưởng trường MN công lần		B Anh văn		
482	Đỗ Nguyễn Thị Thanh Lý	25	5	1987	x	01-09-2009	01-01-2012	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học ứng dụng A	B Anh văn		
483	Lê Thị Hồng Kim	17	4	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học B	B Anh văn		
484	Trần Thị Hồng Phượng	14	4	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học B	B Anh văn		
485	Lê Thị Tường Vân	31	1	1980	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
486	Lê Thị Cẩm Vân	4	2	1987	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học B	Tiếng Anh Bậc 3/6		
487	Bùi Thị Thủy	30	5	1983	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
488	Nguyễn Thị Thanh Nhã	27	7	1971	x	01-10-1994	01-01-2012	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
489	Tăng Ngọc Bình	19	2	1979	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
490	Nguyễn Thị Hoàng Yến	21	9	1978	x	01-08-1998	01-03-2011	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 2 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
491	Nguyễn Bích Huyền	9	9	1979	x	01-09-2009	01-01-2019	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	45354	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
492	Phạm Thị Thùy Trâm	21	9	1984	x	01-09-2007	01-01-2012	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
493	Lê Minh Thê Phụng	19	4	1977	x	01-09-2005	01-01-2019	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	B Anh văn		
494	Đoàn Lưu Ngọc Bích	5	12	1990	x	01-08-2016	01-04-2017	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		Tin học B	B Anh văn		
495	Nguyễn Thị Hiếu	17	9	1977	x	01-01-2018	01-07-2018	Giáo viên	Mầm non Rạng Đông 14	Ủy ban nhân dân Quận 6	36 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		Tin học A	B Anh văn		
496	Nguyễn Thị Thu Cúc	23	12	1983	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		THUD B	Anh B1		
497	Bùi Thị Kim Ngọc	22	10	1979	x	01-09-2004	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
498	Trần Kim Mai	3	2	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD B	Anh B		
499	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28	5	1979	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non, Cử nhân Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
500	Lê Thị Cẩm Duyên	7	6	1979	x	01-09-2001	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUD B	Anh B		
501	Nguyễn Thị Kim Chi	5	2	1979	x	01-09-2001	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
502	Phùng Ngọc Khánh Linh	11	2	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
503	Lê Mỹ Trinh	13	5	1985	x	01-09-2006	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUD B	Anh B		
504	Lưu Toàn Thanh Phương	9	1	1990	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
505	Tạ Thị Kiều My	22	7	1990	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD B	Anh B		
506	Lưu Kim Yến	29	9	1988	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
507	Hồ Thị Hồng Hạnh	17	12	1972	x	01-09-1997	01-03-1999	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	25 năm	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
508	Nguyễn Thị Ngọc Hải	24	5	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
509	Nguyễn Thanh Tâm	11	6	1985	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	8 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
510	Nguyễn Thị Mỹ Chi	27	9	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUD A	Anh B		
511	Đặng Thị Phương Huyền	20	12	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		THUD B	Anh B1		
512	Dương Thuý Hằng	4	1	1984	x	01-09-2005	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		THUD A	Anh B		
513	Trần Thị Phương Diễm	12	12	1990	x	07-11-2018	07-05-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh B		
514	Nguyễn Trần Thị Quỳnh Như	1	1	1988	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non, Thạc sĩ Giáo dục học mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh B1		
515	Phan Hoài Tâm	26	6	1983	X	01-10-2016	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 6 tháng	V.07.02.06	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh B		
516	Đỗ Thị Huyền	25	3	1995	x	07-11-2018	07-05-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh A2		
517	Nguyễn Kim Hồng	8	10	1997	x	01-11-2019	01-05-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh B		
518	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7	1	1996	x	01-01-2018	01-07-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Rạng Đông Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng III		UDCNT T CB	Anh B		
519	Nguyễn Thị Xuân Mai	5	4	1969	x	25-09-1995	25-09-1995	Hiệu trưởng	Trường Hy Vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	25 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Trung cấp	CDNN mầm non hạng II, hạng III		IC3	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
520	Huỳnh Thị Thúy Hương	20	8	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên - TTCM mầm non	Trường Hy vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Trung cấp	CDNN mầm non hạng II, hạng III		IC3	Anh - TOEFL Ibt		
521	Phan Thị Hồng Phượng	27	7	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Hy vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Trung cấp	CDNN mầm non hạng II, hạng III		Tin học A	Anh B		
522	Nguyễn Thị Thúy An	3	1	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Hy vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt		CDNN mầm non hạng II, hạng III		Tin học A	Anh B		
523	Trần Thị Thu Diệu	8	5	1991	x	01-09-2016	01-09-2017	Giáo viên mầm non	Trường Hy vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt		CDNN mầm non hạng II, hạng III		Tin học A	Anh B		
524	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	23	11	1977	x	01-02-2002	01-02-2002	Giáo viên Tổ phó Tổ Mầm	Trường MN Tân Phong	UBND Quận 7	22 năm 3 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		THƯ/D A	Anh B		
525	Vũ Thị Bích Ngọc	5	9	1979	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú	UBND Quận 7	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
526	Trần Thị Kim Nguyễn	16	1	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú	UBND Quận 7	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non Thạc Sĩ - quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
527	Phan Thị Mai Thy	31	12	1982	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Quy	UBND Quận 7	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	x		UDCNT TNC	B		
528	Nguyễn Thị Kim Xuân	4	1	1977	x	01-09-1997	20-05-2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Quy	UBND Quận 7	8 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	x		UDCNT TCB	B		
529	Trần Thị Thủy Trang	16	9	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Quy	UBND Quận 7	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	x		B	B		
530	Nguyễn Thị Thanh Sương	21	9	1987	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Quy	UBND Quận 7	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	x		A	B		
531	Vũ Thúy Hoa	19	9	1979	x	09-01-1999	03-01-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II	Thạc sĩ QLGD	A	Anh Bậc 3		
532	Trần Thị Ngọc Tiên	3	6	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II	Thạc sĩ QLGD	B	Anh B1		
533	Nguyễn Thị Kim Chi	24	4	1989	x	06-07-1905	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	10 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh B		
534	Lê Thị Hồng Thắm	16	1	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
535	Phạm Thị Lan	13	3	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh A		
536	Nguyễn Thị Mỹ Nga	11	2	1972	x	09-01-1993	30/11/2017	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		A	Anh B		
537	Nguyễn Bích Tiên	14	7	1971	x	09-01-2004	03-01-2005	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	19 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh B		
538	Phan Thị Mỹ Hạnh	14	9	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	10 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh B		
539	Nguyễn Thị Như Nga	23	10	1983	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên	Trường MN Phú Mỹ	UBND Quận 7	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên Mầm non hạng II		B	Anh B		
540	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	26	11	1988	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	07 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT A	Anh B		
541	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	16	10	1974	x	09-01-1996	09-01-1996	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	14 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT A	Anh B		
542	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2	11	1990	x	10-01-2016	10-01-2016	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT B	Anh B		
543	Huỳnh Thị Bích Thùy	8	1	1991	x	09-01-2013	09-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	09 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT A	Anh B		
544	Hồ Thị Diễm Hồng	15	12	1987	x	09-01-2007	09-01-2007	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT B	Anh B		
545	Trần Thị Thanh Thủy	29	2	1984	x	09-01-2004	06-01-2005	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng III		CNTT A	Anh B		
546	Nguyễn Đan Bảo Uyên	16	5	1981	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		CNTT A	Anh B		
547	Trương Thị Phương Vân	20	10	1974	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên mầm non	Trường MN Phú Thuận	UBND Quận 7	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng III		CNTT A	Anh B		
548	Lê Thị Ngọc Minh	13	10	1971	x	01-09-1992	01-09-1993	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	30 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89 vượt khung 6%	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT cơ bản	Anh B		
549	Đỗ Thị Hoàng Yến	17	9	1984	x	01-09-2012	01-09-2013	P. Hiệu Trưởng	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.02.27	30,3	Đại Học - Sư phạm Mầm non Thạc Sĩ - quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT nâng cao	Anh B1		
550	Vũ Nguyễn Anh Chi	17	6	1980	x	01-01-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	22 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm Mầm non Thạc Sĩ - quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT cơ bản	Anh B		
551	Trần Thị Thùy Trang	11	6	1991	x	01/09/2012	01/3/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	10 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
552	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17	11	1991	x	01-09-2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT cơ bản	Anh B		
553	Nguyễn Thị Thúy Phương	3	5	1980	x	01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thuận Tây	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II		CNTT cơ bản	Anh B		
554	Vũ Thị Thanh Mai	28	3	1979	x	01/9/2009	01/9/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND Quận 7	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II	Lớp Cán bộ quản lý	Trình độ A	Trình độ B		
555	Nguyễn Thị Thanh Nga	21	6	1978	x	01-09-2006	09-01-2008	Giáo Viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
556	Nguyễn Thị Kim Duyên	7	5	1986	x	01/09/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	8 năm 01 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
557	Hoàng Thị Mai Hương	8	2	1987	x	1-9-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
558	Võ Thị Ngọc Tuyết	9	7	1985	x	1-8-2007	2008	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
559	Dương Thúy Loan	19	2	1987	x	01/09/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
560	Nguyễn Thị Thúy Hằng	20	9	1987	x	1-9-2008	01/3//2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	8 năm 01 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
561	Nguyễn Thị Thu Hương	9	3	1987	x	1-9-2010	1-9-2011	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	8 năm 01 tháng	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
562	Nguyễn Thị Thùy Diễm	10	9	1984	x	1-10-2015	01-10-2015	Giáo Viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	8 năm 7 tháng	V07.02.06	03.03	Đại Học	Sơ cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
563	Lê Thị Thu Hồng	14	1	1989	x	1-9-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND Quận 7	12 năm	V07.02.26	3.34	Đại học	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
564	Lê Thị Thu	2	10	1990	x	1-9-2013	1-9-2014	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	03.03	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
565	Tổng Hoàng Yến	26	6	1990	x	1-8-2014	1-8-2014	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	03.03	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
566	Đặng Nguyễn Hoàng Oanh	15	9	1983	x	01/9/2008	01/3//2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng III		B	Anh B		
567	Trần Thị Châu Bạch	22	5	1985	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường MN Hoa Hồng	UBND Quận 7	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng III		B	Anh B		
568	Dương Thị Thùy Trang	11	5	1980	x	01-10-2016	01-04-2021	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	3 năm	V.07.02.26	2.72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		A	B		
569	Lê Thị Thùy Trinh	10	11	1985	x	01-09-2008	01-03-2019	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	5 năm	V07.02.06	3.34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II	ac sĩ QLHC	ƯDCNT T cơ bản	B		
570	Trần Thị Ngọc Thảo	12	9	1984	x	01-09-2008	01-03-2019	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	5 năm	V07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		B	B		
571	Nguyễn Vương Tiểu Mai	22	10	1986	x	01-09-2008	01-03-2019	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	5 năm	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	B		
572	Võ Thái Hằng	19	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
573	Nguyễn Kim Phụng	21	2	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Tân Phong 2	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		A	B		
574	Nguyễn Thị Kim Thoa	15	7	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên, TTCM	Trường Mầm non Khu chế xuất Tân Thuận	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.02.25	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B1		
575	Vũ Trúc Phương	15	2	1976	x	1/9/2004	02-01-2005	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Tân Kiểng	UBND Quận 7	13 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học Giáo dục mầm non	TC	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
576	Phạm Thị Mỹ Lan	26	10	1987	x	09-05-2008	02-01-2009	Giáo viên	Trường MN Tân Kiểng	UBND Quận 7	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Giáo dục mầm non	TC	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
577	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25	12	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường MN Tân Kiểng	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Giáo dục mầm non	TC	GVMN hạng II		CNTTC	Anh B		
578	Nguyễn Thị Kim Ngọc	17	7	1993	x	01/8/2014	08-01-2015	Giáo viên	Trường MN Tân Kiểng	UBND Quận 7	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học Giáo dục mầm non	SC	GVMN hạng II		CNTTCB (Nâng cao)	Anh B		
579	Phạm Thị Thu Lan	16	7	1981	x	01/9/2002	01/03/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	14 năm	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư phạm mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	CDNN Giáo viên MN hạng II		THUD B	Anh Bạc 3		
580	Trần Thị Tuyết	1	11	1979	x	10-10-2002	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	14 năm	V.07.02.26	3,96	Đại Học Sư phạm mầm non	Trung cấp	CDNN Giáo viên MN hạng II		THUD B	Anh B		
581	Đỗ Thị Kiều Oanh	21	2	1982	x	01/9/2003	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	14 năm	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	CDNN Giáo viên MN hạng II		THUD A	Anh B		
582	Lý Hồng Nhựt	29	8	1975	x	01/9/2005	01/3/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	16 năm	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	TC	GV Mầm non hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	B	Anh B		
583	Nguyễn Thị Phương Thảo	17	8	1983	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	SC	GV Mầm non hạng II		B	Anh B		
584	Nguyễn Ngọc Diễm	23	10	1985	x	01/9/2006	01/3/2009	Giáo viên	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	TC	GV Mầm non hạng II		A	Anh A		
585	Thạch Thị Ngọc Thảo	05	9	1979	x	01/9/2001	01/3/2010	Giáo viên	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	SC	GV Mầm non hạng III		A	Anh B		
586	Trương Thị Thùy Trang	06	04	1992	x	01/10/2014	01/10/2015	Giáo viên	Trường mầm non Bình Thuận	UBND Quận 7	8 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm non	SC	GV Mầm non hạng II		A	Anh B		
587	Nguyễn Thị Kim Ngân	18	9	1989	x	01/09/2010	01/03/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	11 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trung cấp	A	Anh B		
588	Đỗ Thị Kim Phương	16	11	1978	x	13/02/2001	01/08/2001	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
589	Cao Thị Mai Anh	30	5	1981	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trung cấp	A	Anh B		
590	Nguyễn Thị Huệ	5	9	1973	x	01/04/1994	01/04/2012	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		A	Anh B		
591	Trần Thị Thanh Thảo	28	11	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III	Trung cấp	B			
592	Lê Thị Luyến	30	10	1983	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
593	Dương Thị Bích Ngọc	3	10	1982	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		A	Anh B		
594	Dương Thị Nhã Vy	5	6	1988	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
595	Bùi Thị Sợi	24	12	1992	x	01/09/2018	01/09/2018	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		B	Anh B		
596	Vô Cao Tường Vy	12	8	1994	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		A	Anh B		
597	Nguyễn Thị Hương Trinh	20	4	1997	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		B	Anh B		
598	Đỗ Thị Kim Ngân	10	3	1989	x	02/04/2018	01/01/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
599	Dương Trần Xuân Loan	1	5	1976	x	15/08/1996	30/12/1998	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
600	Cao Thị Tuyết Hoa	14	8	1977	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non Hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
601	Phan Thị Phương Thanh	26	6	1982	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
602	Vũ Thị Ngọc Lan	08	10	1977	x	01/08/1998	01/03/1999	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
603	Lê Thị Thu Trang	06	09	1974	x	16/09/1998	01/04/2000	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
604	Phạm Thị Kim Hoa	08	02	1986	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
605	Đỗ Thị Ngọc Bích	01	01	1996	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	06 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
606	Nguyễn Thùy Vân	14	10	1997	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Việt Nhi	UBND Q8	03 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
607	Nguyễn Lê Mỹ Dung	17	3	1982	X	01/09/2005	01/01/2019	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non Bình Minh	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		A	Anh B		
608	Lê Thị Thanh Mỹ	14	2	1985	X	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm non Bình Minh	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		A	Anh B		
609	Tô Thị Mỹ Dung	1	11	1980	X	01/09/2007	12/11/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Minh	UBND Q8	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II		A	Anh B		
610	Nguyễn Thị Bích Loan	13	9	1983	x	01/09/2003	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	14 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non Hạng II	Trung cấp	A	Anh B		
611	Phạm Thị Bình	28	12	1969	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	8 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
612	Nguyễn Thị Ánh Quyên	2	9	1993	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh A		
613	Thái Hồng Thắm	1	1	1983	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	3 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
614	Trần Ngọc Kim Ngân	18	3	1986	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
615	Nguyễn Ngọc Quỳnh	17	2	1986	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	3 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Trung cấp	Anh B		
616	Nguyễn Hoàng Thủy Vy	2	1	1996	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
617	Nguyễn Thị Phương Trúc	1	1	1995	x	01/09/2020	01/03/2021	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND Q8	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
618	Đặng Thị Bích Trâm	11	11	1986	x	15/09/2016	15/09/2016	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND Q8	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
619	Trần Thị Thúy Phương	2	9	1975	x	01/08/1995	18/10/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND Q8	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh-B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
620	Huỳnh Lê Hồng Nhung	25	10	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND Q8	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh-B		
621	Võ Hồng Kim Phụng	24	2	1978	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND Q8	19 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh-B1		
622	Nguyễn Ngọc Hạnh	9	7	1987	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
623	Trương Thị Hoàn Hải	14	6	1984	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
624	Hồ Huỳnh Mai	8	2	1989	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
625	Trần Thị Lệ Hằng	28	2	1988	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
626	Lê Thị Cẩm Tú	9	11	1986	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
627	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17	9	1989	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh B		
628	Đoàn Thị Hoàng Uyên	21	3	1995	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
629	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	9	12	1995	x	15/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	7 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
630	Bùi Thị Bích Ngọc	20	1	1994	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	7 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
631	Trần Hoàng Mai	9	12	1975	x	01/08/1996	30/12/1998	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	6 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản			
632	Dương Thúy Hà	14	1	1991	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh B		
633	Phan Thị Mỹ Châu	5	1	1979	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
634	Phạm Ngọc Khánh Trang	4	1	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND Q8	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
635	Nguyễn Thị Kim Loan	21	01	1983	X	01/9/2007	01/03/2008	Phó Hiệu Trưởng	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III	Trung cấp	A	Anh_B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
636	Nguyễn Thị Bình	25	02	1973	X	01/09/2011	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
637	Bùi Thị Ngọc Hà	16	03	1987	X	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Trung cấp	A	Anh_B		
638	Thạch Thị Kim Huệ	01	09	1974	X	01/09/1996	01/07/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
639	Nguyễn Thị Kim Loan	23	11	1976	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
640	Phan Thị Nhung	12	04	1971	X	01/10/1994	01/10/1994	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
641	Hà Thị Phương	04	01	1990	X	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Sơ cấp	A	Anh_B		
642	Nguyễn Thị Phương Thảo	25	07	1991	X	15/09/2016	15/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh_B		
643	Vũ Thị Hoàng Thương	22	09	1986	X	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
644	Trần Thị Thanh Thủy	31	12	1992	X	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
645	Trần Ngọc Thanh Trâm	06	06	1977	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
646	Đào Thị Mộng Vân	07	11	1993	X	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
647	Nguyễn Thị Thúy Vy	30	03	1996	X	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
648	Đỗ Ngọc Hoàng Yến	01	01	1985	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
649	Nguyễn Thị Bích Liên	08	6	1990	x	01/09/2015	01/09/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh_B		
650	Nguyễn Thị Dung	22	12	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
651	Đỗ Thị Thu Hiền	19	02	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh_B		
652	Nguyễn Hòa Thảo	16	10	1983	x	05/09/2005	05/09/2006	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
653	Lê Thị Thanh Hồng	30	7	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
654	Ngô Ngọc Châu	01	6	1986	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh_B		
655	Vũ Thị Minh Trâm	23	12	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
656	Nguyễn Thị Hồng Trang	16	9	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
657	Đặng Thị Phương Anh Thảo	26	11	1979	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B		
658	Phạm Phương Dung	08	3	1990	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh_B1		
659	Vũ Thị Kiều Hạnh	07	5	1983	x	01/09/2008	01/03/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh - B		
660	Lâm Huyền Bảo Trang	20	10	1991	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh - B		
661	Lê Thị Ngọc	21	7	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thỏ Ngọc	UBND Q8	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh - B		
662	Ngô Thị Kiều Linh	4	12	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh - B		
663	Mai Thị Bích Thuận	14	3	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
664	Tổng Thùy Linh	28	8	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
665	Lê Thị Ngọc Phú	30	9	1982	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - A		
666	Lê Ngọc Kim Cúc	22	8	1978	x	01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A			
667	Nguyễn Hoài Thu Trang	14	7	1991	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
668	Phạm Ngọc Hương	25	6	1994	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - A		
669	Vô Hoàng Mộng Quỳên	24	6	1996	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	3 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
670	Phan Thị Bảo Thy	16	12	1989	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên	UBND Q8	8 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - A2		
671	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	19	3	1986	x	01/08/2005	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Vầng Anh	UBND Q8	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
672	Trần Thị Thu Ngân	12	6	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
673	Lê Kim Ngân	11	3	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh - B		
674	Nguyễn Thị Hoàng Linh	21	8	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
675	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22	11	1988	x	01/09/2008	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	05 năm 3 tháng	V07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
676	Huỳnh Kim Chi	07	09	1990	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
677	Lê Thị Ngọc Mỹ	05	11	1988	x	01/08/2013	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	05 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
678	Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi	23	3	1991		01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	07 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
679	Lê Hoàn Kim	29	12	1996	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	07 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
680	Dương Thị Hồng Hạnh	25	02	1994	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	06 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
681	Trần Thị Mỹ Linh	08	5	1996		01/09/2019	01/03/2020	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	04 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
682	Trần Nguyễn Kim Ngân	08	11	1995	x	01/09/2019	01/03/2020	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	04 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
683	Nhâm Mỹ Duyên	02	02	1995	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	03 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
684	Đoàn Thanh Thảo	18	11	1990	x	01/09/2019	01/03/2020	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND Q8	03 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh - B		
685	Trần Thị Ngọc Phương	21	7	1977	x	01/09/1998	01/05/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoà Mi	UBND Q8	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
686	Nguyễn Thị Trúc Mai	06	8	1980	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoà Mi	UBND Q8	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
687	Vân Thuý Hà	14	6	1995	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoà Mi	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,10	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
688	Nguyễn Thị Phương Diệp	13	9	1975	x	01/09/2004	01/03/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65+19%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Chứng chỉ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh-Bạc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
689	Nguyễn Thị Xuân Diệu	5	5	1977	x	01/09/1998	01/05/2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.58+25%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh-Bạc 2		
690	Nguyễn Thị Thu Thảo	16	3	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34+11%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh-Bạc 2		
691	Nguyễn Thị Liên	9	10	1971	x	01/09/1997	01/08/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	10 năm 9 tháng	V.07.02.26	3.65+9%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A			
692	Nguyễn Ngọc Thịnh	22	8	1988	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	11 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.34+15%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A			
693	Chế Thị Bảo Trâm	28	12	1992	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2.72+11%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
694	Đỗ Thị Bé Lành	20	11	1983	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2.72+9%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
695	Huỳnh Thị Ngọc Chi	26	10	1981	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Năng Mai	UBND Q8	7 năm	V.07.02.26	2.41+7%	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
696	Dương Thị Mỹ Linh	6	1	1980	x	01/09/2003	01/03/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	14 năm 9 tháng	V.07.05.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non - Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Trung cấp	A	Anh - B2		
697	Phạm Thanh Mai	30	1	1981	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	12 năm 8 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III			Anh - B		
698	Mai Bích Thuận	10	1	1992	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	7 năm 8 tháng	V.07.05.26	2,27	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
699	Lê Thị Mỹ Hương	26	9	1977	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	4 năm 4 tháng	V.07.05.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
700	Lê Thị Ngọc Mai	9	11	1978	x	01/09/2011	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	9 năm 6 tháng	V.07.05.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
701	Vũ Hoài Lan Anh	28	7	1989	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	3 năm 1 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
702	Châu Thị Kim Trang	5	11	1993	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	4 năm 1 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		CN ứng dụng CNTT trong dạy học	Anh - B		
703	Nguyễn Thị Thanh Thơ	6	7	1981	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	4 năm 4 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
704	Nguyễn Ngọc Bích	11	7	1993	x	01/09/2015	01/03/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
705	Diệp Thanh Thảo	9	11	1986	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND Q8	7 năm 4 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
706	Nguyễn Thị Thu	19	12	1976	x	07/09/1999	01/03/2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
707	Huỳnh Thị Mỹ Tân	26	9	1979	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B1		
708	Đỗ Ngọc Minh Nhật	07	4	1994	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh - B		
709	Trần Ngọc Hương	19	8	1992	x	01/08/2013	01/08/2024	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh - B		
710	Ây Sá	22	3	1987	x	04/08/2014	01/02/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
711	Lê Thị Ánh Tuyết	08	3	1979	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh - B		
712	Nguyễn Thị Hoàng Yến	13	3	1994	x	04/09/2024	01/03/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh - B		
713	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20	2	1987	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
714	Trần Thị Hồng Thảo	15	10	1984	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B1		
715	Nguyễn Thị Thủy Tiên	13	11	1988	x	05/09/2018	01/09/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND Q8	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A2		
716	Nguyễn Trần Thanh Nương	3	6	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
717	Huỳnh Mỹ Phương	9	10	1986	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	UBND Q8	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
718	Nguyễn Thị Diễm Thủy	24	2	1979	x	16/09/1999	01/03/2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	UBND Q8	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B1		
719	Hồng Thanh Liên	6	11	1986	x	01/09/2008	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Hồng	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh B		
720	Phan Ngọc Như Quỳnh	21	7	1987	x	01/09/2007	01/03/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh B1		
721	Vũ Thanh Thùy Dung	5	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
722	Bùi Thị Kim Liên	9	6	1985	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B			
723	Nguyễn Thị Hường	29	12	1986	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
724	Lê Thị Tú Quyên	24	12	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
725	Lê Hồng Duyên	22	10	1987	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
726	Huỳnh Thái Phiến	28	3	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
727	Nguyễn Thị Bích Tiên	31	10	1993	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Q8	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
728	Lê Mỹ Ngân	25	7	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
729	Lê Thị Mộng Tuyền	25	11	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
730	Nguyễn Thị Thanh Thảo	4	7	1993	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
731	Nguyễn Thị Đài Trang	18	11	1983	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
732	Trần Thị Thu Nga	12	9	1970	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
733	Đỗ Tường Vy	25	11	1996	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		B	Anh B		
734	Lý Lưu Thị Hồng Đào	11	11	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bé Ngoan	UBND Q8	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
735	Lưu Hồng Mai	4	4	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	14 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Chuyên viên	A	Anh A2		
736	Phạm Thị Cẩm Linh	31	12	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	13 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
737	Nguyễn Ngọc Linh	3	6	1981	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	15 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		A	Anh B		
738	Trần Thị Thu Lan	15	6	1996	x	01/09/2018	01/03/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	5 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
739	Võ Thị Thanh Lam	12	11	1982	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	8 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
740	Nguyễn Thanh Hiền	26	5	1986	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	12 năm	V.07.02.26	3.65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
741	Nguyễn Thị Yến Nga	23	1	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	12 năm	V.07.02.26	3.65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		A	Anh A2		
742	Hà Vũ Như Yên	15	6	1982	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	4 năm	V.07.02.26	2.41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		B	Anh B		
743	Lê Thị Hồng Mai	2	7	1997	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	4 năm	V.07.02.26	2.41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		A	Anh B		
744	Nguyễn Thị Xuân	16	1	1990	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	4 năm	V.07.02.26	2.41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		A	Anh B		
745	Nguyễn Phương Tâm	16	8	1990	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	6 năm	V.07.02.26	2.72	Đại học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
746	Nguyễn Thị Cẩm Vàng	1	7	1995	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	4 năm	V.07.02.26	2.41	Đại học - Giáo dục Mầm non	Không có	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		B	Anh B		
747	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	2	7	1985	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND Q8	12 năm	V.07.02.26	3.65	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
748	Võ Hoàng Ngọc Thúy	17	8	1978	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên mầm non	Trường Hy Vọng	UBND Q8	14 năm 2 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		A	Anh - Bạc 2		
749	Bùi Vũ Bích Thủy	12	5	1983	x	01/09/2004	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)	Trung cấp	Tin học B	Anh Bạc 3		
750	Trần Thị Diễm Kiều	06	8	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)	Chứng chỉ	CNTTCB	Anh văn Bạc 2		
751	Lê Thị Hồng Nhung	11	9	1978	x	14/08/1997	01/12/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		CNTTCB	Anh văn Bạc 2		
752	Võ Ngọc Diễm Phương	6	12	1981	x	01-01-2003	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bạc 2		
753	Võ Thị Bích Trâm	4	1	1976	x	01-09-1997	01/09/2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bạc 2		
754	Trần Thị Mỹ Anh	15	9	1979	x	01-09-2002	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bạc 2		
755	Nguyễn Thị Ánh Vân	8	7	1987	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bạc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
756	Trần Thị Lan	3	5	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bậc 2		
757	Phạm Thị Minh Nguyệt	24	9	1980	x	01/12/2006	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bậc 2		
758	Võ Thị Xuân Nở	27	7	1987	x	01-09-2009	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bậc 2		
759	Trần Thị phương Thảo	30	1	1988	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học B	Anh văn Bậc 2		
760	Vũ Thị Ngọc	5	7	1981	x	01/09/2009	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	Sở GD&ĐT	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng II (Trước 30/6/2022)		Tin học A	Anh văn Bậc 2		
761	Nguyễn Thị Hồng Thanh	27	2	1982	x	01/09/2003	01-10-2004	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 2/9	UBND Q10	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học Sư phạm Mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II	Không	Tin học B	Tiếng Anh B		
762	Nguyễn Thị Cúc Hoàng	11	3	1977	x	01/08/1997	01-02-1998	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 2/9	UBND Q10	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học Sư phạm Mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II	Không	Tin học B	Tiếng Anh B		
763	Châu Đan Thụy	26	2	1976	x	01-08-1996	01/02/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 2/9	UBND Q10	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học Sư phạm Mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II	Không	Tin học B	Tiếng Anh B		
764	Lê Thị Thúy Hà	2	9	1985	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non 2/9	UBND Q10	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp Chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II	Không	Tin học A	Tiếng Anh B		
765	Bùi Cát Thụy	5	12	1977	x	01-09-1998	01-09-1998	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Sư phạm MN Thạc Sĩ - GDMN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn B1		
766	Nguyễn Trúc Thủy	8	6	1978	x	01-11-2003	01-09-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bậc 2		
767	Nguyễn Trần Minh Nhứt	23	12	1984	x	01-10-2005	01-09-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn B1		
768	Dương Thị Kiều Châu	26	3	1980	x	01-01-2003	01-12-2007	Giáo viên Tổ trưởng CM	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	16 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn Bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
769	Lê Thị Thu Hiền	11	3	1986	x	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên Tổ trưởng CM	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
770	Phùng Thị Bích Thảo	19	8	1985	x	01-09-2007	01-09-2011	Giáo viên Tổ phó CM	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
771	Nguyễn Thị Vân Nga	30	10	1985	x	01-10-2006	01-09-2008	Giáo viên Tổ phó CM	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn Bắc 2		
772	Nguyễn Thị Minh Thảo	24	9	1986	x	01-09-2007	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
773	Nguyễn Thị Ngọc Tiến	14	5	1985	x	01-09-2007	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn B1		
774	Ngô Thị Ngọc Lê	1	1	1983	x	01-12-2006	01-08-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
775	Phạm Hoàng Bảo Minh	26	1	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
776	Lê Minh Duyên	18	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
777	Vô Thị Hồng Vân	10	10	1988	x	01-09-2009	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
778	Trần Minh Trang	19	7	1991	x	01-09-2012	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
779	Trần Thị Trang	8	6	1992	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
780	Phan Thị Bê My	2	4	1990	x	01-09-2012	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
781	Đoàn Thanh Hương	3	12	1991	x	01-09-2012	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
782	Đinh Hương Thảo	30	1	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
783	Đặng Thị Nhị	21	9	1992	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học cơ bản	Anh văn Bắc 2		
784	Lê Thị Ngọc Hòa	12	2	1993	x	01-08-2014	01-09-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non I	UBND Quận 10	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm MN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn Bắc 2		
785	Lê Thiên Thu Thủy	1	1	1982		01-09-2004	06-04-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Măng Non III	UBND Q10	14 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Sư phạm mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng II	X	CNTTCB	Anh B1		
786	Trần Bích Nga	13	3	1982		01-09-2003	01-09-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Măng Non III	UBND Q10	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại Học - Sư phạm mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng II	X	CNTTCB	Anh B1		
787	Đặng Thị Thanh Uyên	31	12	1984		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Măng Non III	UBND Q10	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
788	Nguyễn Thị Hợp	12	7	1988		01-08-2015	25-05-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Măng Non III	UBND Q10	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
789	Huỳnh Ngọc Loan	27	1	1970	x	10-08-1992	01-02-1994	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non II	UBND Quận 10	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	4.89+5 %	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		UDCNT TCB	Tiếng Anh Bắc 2		
790	Lâm Thị Thanh Tịnh	12	11	1970	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non Măng non II	UBND Quận 10	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		UDCNT TCB	Tiếng Anh trình độ A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
791	Nguyễn Phương Anh	8	4	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	18 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TCB	Tiếng Anh Bậc 2		
792	Nguyễn Thị Lan Hương	15	11	1977	x			Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10		V.07.02.26	4.27	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		Tin học A	Tiếng Anh Bậc 2		
793	Lê Đoàn Hào	30	1	1980	x	01-08-2004	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TCB	Tiếng Anh Bậc 2		
794	Nguyễn Thụy Bảo Uyên	23	11	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II	X	ƯDCNT TCB	Tiếng Anh Bậc 2		
795	Đỗ Vũ Giang Lam	29	10	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TCB	Cử nhân ngữ văn Anh		
796	Ngô Thị Diệu Hạnh	8	11	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II	X	Tin học C	Tiếng Anh Bậc 2		
797	Phùng Xuân Hòa	31	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		Tin học A	Tiếng Anh Bậc 3		
798	Trịnh Thị Cẩm Loan	1	10	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại Học Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TCB	Tiếng Anh Bậc 3		
799	Lê Thị Ngọc Loan	13	9	1984	x	01-01-2023	01-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TNC	Tiếng Anh Bậc 2		
800	Đặng Thị Kim Hương	15	6	1973	x	01-08-1993	01-02-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Mãng non II	UBND Quận 10	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		ƯDCNT TCB	Tiếng Anh Bậc 2		
801	Nguyễn Hoài Thanh	17	2	1977	X	01-09-2001	01-09-2003	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	05 năm 01 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	CNTTCB	Anh B		
802	Phùng Nguyễn Xuân Uyên	17	9	1972	X	01-11-1996	01-06-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	15 năm 09 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	CNTTCB	Anh B		
803	Liều Yến Phương	3	11	1984	X	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	16 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	CNTTCB	Anh B		
804	Trần Thị Hiền Linh	20	5	1974	X	01-08-1994	01-08-1996	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	15 năm 08 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
805	Nguyễn Thị Huyền Ngọc	5	12	1987	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	10 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
806	Trịnh Thị Kim Oanh	12	1	1989	X	01-08-2015	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
807	Nguyễn Thị Hương Hiền	4	10	1984	X	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	14 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
808	Trần Thị Nguyệt	26	6	1979	X	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Q10	19 năm 01 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
809	Nguyễn Duy Bối Yên	21	12	1984	x	01/09/2006	01/03/2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 2	Ủy ban nhân dân Quận 10	05 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,65	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Chứng chỉ GVMN hạng II		THƯĐ A	Anh B1		
810	Lê Thị Tường Vân	02	03	1987	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên lớp Mầm	Trường Mầm non Phường 2	Ủy ban nhân dân Quận 10	05 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Chứng chỉ GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B1		
811	Nguyễn Thị Thúy Nga	19	02	1978	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên lớp Lá	Trường Mầm non Phường 2	Ủy ban nhân dân Quận 10	07 năm 04 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ GVMN hạng II		THƯĐ A	Anh B1		
812	Nguyễn Thị Ngọc Liên	03	01	1977	x	01/08/1998	01/02/1999	Giáo viên lớp Mầm	Trường Mầm non Phường 2	Ủy ban nhân dân Quận 10	09 năm 02 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ GVMN hạng II		THƯĐ A	Anh A		
813	Tổng Cảnh Bích Thủy	8	12	1980	x	01-08-2001	01-06-2008	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	15 năm 10 tháng	V.02.07.26	4,27	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng II		A	B1		
814	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	14	7	1989	x	01-09-2012	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	4 năm 4 tháng	V.02.07.26	3,03	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng II		A	B		
815	Nguyễn Thụy Thanh Thảo	10	1	1983	x	01-10-2008	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	4 năm 4 tháng	V.02.07.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng II		A	B		
816	Nguyễn Kim Yến	7	6	1985	x	01-09-2006	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	4 năm 4 tháng	V.02.07.26	3,65	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		A	B		
817	Phan Thị Mai	23	1	1969	x	01-01-1987	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	4 năm 4 tháng	V.02.07.26	4,89	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng III		A	B		
818	Lê Tố Trinh	18	10	1972	x	01-10-1992	16-11-2016	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	7 năm 5 tháng	V.02.07.26	4,89	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng III		A	B		
819	Nguyễn Hồng Yến	7	6	1985	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	4 năm 4 tháng	V.02.07.26	3,03	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng III		A	B1		
820	Ngô Nguyễn Thúy Vân	8	9	1986	x	01-09-2007	01-08-2015	Giáo viên mầm non	Trường MNP3	Ủy ban nhân dân Quận 10	8 năm 8 tháng	V.02.07.26	3,65	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV Mầm non hạng III		A	B		
821	Đinh Thị Tú Quyên	6	12	1981	x	01/9/2004	01/9/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 10	19 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT Nâng cao	Anh văn B2		
822	Trần Thị Bích Phương	3	10	1970	x	02/8/1993	02/3/1995	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 10	18 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT Nâng cao	Anh Văn B		
823	Nguyễn Đỗ Hoàng Yến	8	3	1986	x	01/9/2007	01/9/2008	GV-Tổ trưởng chuyên môn MG	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 10	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT Nâng cao	Anh Văn B		
824	Lưu Thị Hào	31	8	1992	x	01/9/2014	01/9/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 10	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT Nâng cao	B1		
825	Phạm Nga Phương Thảo	30	3	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	trường mầm non Phường 5	UBND Quận 10	6 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT Cơ bản	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
826	Phạm Thị Ánh Loan	11	7	1971	x	01/10/1992	01-10-2006	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 6 Quận 10	Ủy ban nhân dân Quận 10	17 năm 08 tháng (từ Tháng 10/2006)	V.07.02.26	4,89	Thạc sỹ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Chứng chỉ đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN ngạch chuyên viên	Ứng dụng CNTT Cơ bản	B1		
827	Trần Thị Chon Mỹ	13	12	1971	x	01/8/1994	01-09-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 6 Quận 10	Ủy ban nhân dân Quận 10	16 năm 09 tháng (từ Tháng 9/2007)	V.07.02.26	4,89	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng	B	B		
828	Lương Phạm Ngọc Uyên	06	4	1982	x	01-09-2005	01/9/2006	Giáo viên, Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Trường Mầm non Phường 6 Quận 10	Ủy ban nhân dân Quận 10	17 năm 09 tháng (từ Tháng 9/2006)	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II		A	B		
829	Tổng Nguyễn Cẩm Vân	03	11	1988	x	01/9/2008	01/01/2019	Giáo viên, Chủ tịch công đoàn	Trường Mầm non Phường 6 Quận 10	Ủy ban nhân dân Quận 10	05 năm 08 tháng (từ Tháng 9/2018)	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II		A	B		
830	Trương Thị Tuyết	08	3	1988	x	01/8/2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6 Quận 10	Ủy ban nhân dân Quận 10	07 năm 09 tháng (từ Tháng 8/2016)	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ đã hoàn thành khóa Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II		A	B		
831	Chung Mỹ Khoảnh	12	11	1980	x	01-08-2003	01-03-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Loại khá	A	Anh B		
832	Trương Thị Thanh Hường	24	01	1980	x	01-08-2002	01-08-2004	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		A	Anh A		
833	Trương Thị Như Huệ	28	02	1974	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
834	Trần Thị Ngọc Loan	31	12	1979	x	1-9-2004	02-06-2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	18 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
835	Lương Kim Hoa	05	02	1976	x	01-08-1997	01-02-2001	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		A	Anh B		
836	Nguyễn Thị Ngân Hà	21	11	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		A	Anh B		
837	Nguyễn Thị Nhật Ly	10	01	1997	x	1-9-2018	01-03-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		UDCNT T Cơ bản	Anh B		
838	Lê Ngọc Hoa Nhi	01	01	1994	x	01-08-2016	15/12/2020	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 8 Quận 10	UBND Quận 10	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		B	Anh B		
839	Lê Thị Phụng	24	9	1976	X	01/9/1999	01-03-2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 10	4 năm 6 tháng	V.07.05.26	4,58	Đại học giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN GVMN hạng II	GCN đào tạo Hiệu trưởng mầm non	Ứng dụng CNTT nâng cao	Trình độ B - Tiếng Anh		
840	Nguyễn Thị Thanh Liễu	26	9	1975	X	01/9/1999	01-03-2001	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 10	13 năm	V.07.05.26	4,58	Đại học giáo dục mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN hạng II		Bảng A Tin học ứng dụng	Trình độ A - Tiếng Anh		
841	Châu Mỹ Quý	28	4	1976	X	01/9/2011	01-03-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 10	4 năm 9 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học giáo dục mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN hạng III		Bảng A Tin học ứng dụng	Trình độ B - Tiếng Anh		
842	Nguyễn Thị Thanh Tâm	20	1	1973	X	01/9/2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN GVMN hạng II	GCN quản lý trường mầm non	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trình độ B - Tiếng Anh		
843	Nguyễn Dương Thụy Thanh Thảo	01	12	1979	x	01-09-2001	31-08-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 10	Phòng GD&ĐT Quận 10	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh Bạc 2		
844	Phạm Thị Thanh Thùy	31	05	1980	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 10	Phòng GD&ĐT Quận 10	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh Bạc 2		
845	Trần Thị Yến Ngọc	07	05	1981	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 10	Phòng GD&ĐT Quận 10	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh Bạc 2		
846	Hồ Ngọc Thương	19	01	1974	x	01-03-1995	01-03-2001	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 10	Phòng GD&ĐT Quận 10	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		A	Anh Bạc 1		
847	Nguyễn Thị Hồng Phượng	26	03	1980	x	01-09-2001	31-08-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 10	Phòng GD&ĐT Quận 10	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh Bạc 2		
848	Nguyễn Thị Tổ Anh	08	10	1972	x	01/11/1999	01/9/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường MNP14	UBND Q10	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh A2		
849	Châu Thị Kim Ngân	16	02	1977	x	01/9/2005	01/6/2008	Giáo viên	Trường MNP14	UBND Q10	15 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học mầm non		GVMN hạng II		THU'D B	Anh A2		
850	Mai Đặng Hồng Vân	08	09	1985	x	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên	Trường MNP14	UBND Q10	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
851	Trần Thị Bích Liên	06	9	1977	x	01-10-1998	19-10-1998	Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	18 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.89+6 %	Đại Học - Sư phạm Mầm Non Thạc Sĩ - Quản lý GDMN	TC	GV MN hạng II		B	Anh B1		
852	Hoàng Phương Yến	05	9	1980	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		A	Anh B		
853	Nguyễn Thị Kim Anh	06	5	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	12 năm 76 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		A	Anh B		
854	Mai Thị Ngọc Hồng	1	9	1976	x	04-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	12 năm 0 tháng (5/2012)	V.07.02.26	4.89	Đại Học SPMN	TC	GVMN hạng II	X	A	C		
855	Lê Thị Ngọc Mỹ	3	9	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	12 năm 8 tháng (9/2011)	V.07.02.26	3.34	Đại Học SPMN	SC	GVMN hạng II	0	A	C		
856	Trần Thị Linh	11	4	1990	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	9 năm 8 tháng (9/2014)	V.07.02.26	3.03	Đại Học SPMN	SC	GVMN hạng III	0	A	B1		
857	Nguyễn Hồng Diễm	7	5	1974	x	25-08-1997	01-02-2001	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	5 năm 4 tháng (1/2019)	V.07.02.26	4.58	Đại Học SPMN	SC	GVMN Hạng III	0	A	B		
858	Trần Thị Hồng Gấm	3	8	1981	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	5 năm 4 tháng (1/2019)	V.07.02.26	3.34	Đại Học SPMN	SC	GVMN hạng III	0	A	B		
859	Phạm Thị Anh Thư	26	3	1979	x	01-10-2002	01-10-2008	Giáo viên	Trường MN Phường 13	UBND Q10	15 năm 7 tháng (10/2008)	V.07.02.26	4.27	Đại Học SPMN	SC	GVMN hạng III	0	A	C		
860	Nguyễn Thị Thanh Mai	18	11	1980	x	13-10-1998	20-05-2000	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	13 năm 0 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		A	Anh B		
861	Phạm Thị Ánh Tuyết	26	4	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		A	Anh B		
862	Phạm Trùng Dương	20	01	1993	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		A	Anh B		
863	Ngô Thị Thùy Mỹ	0	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm Non Phường 15A	Sở GD&ĐT	09 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm Mầm Non		GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B1		
864	Nguyễn Thị Tường Anh	6	4	1987	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Phường 15B	Ủy ban nhân dân quận 10	3 năm	V.07.02.26	3,34	Cử nhân ngành giáo dục mầm non	Trung cấp	Hạng II	Trung cấp	B	B		
865	Trần Thị Kim Yến	25	2	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Phường 15B	Ủy ban nhân dân quận 10	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân ngành giáo dục mầm non	Trung cấp	Hạng II	Trung cấp	B	B2		
866	Đặng Ngọc Phượng	10	09	1972	x	01/8/1992	01/02/1994	Hiệu trưởng	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4.89 + 5% VK	Đại Học - Sư phạm giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng III, II	Trung cấp	Bằng A	Trình độ B		
867	Lê Thị Lan	27	08	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Không	GV Mầm non hạng III, II	Không	UDCNT T cơ bản	Trình độ B		
868	Nguyễn Thị Hậu	10	08	1988	x	01/9/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Không	GV Mầm non hạng III, II	Không	Tin học ứng dụng A	Trình độ B		
869	Đặng Thị Hồng Loan	9	11	1985	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Trung cấp	GV Mầm non hạng III, II	Không	UDCNT T cơ bản	Trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
870	Phan Thị Lệ	17	07	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III, II	Không	UDCNT T cơ bản	Trình độ B		
871	Vô Thị Ý Lan	23	08	1976	x	01/8/1998	01/02/2001	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	05 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III	Không	Trình độ B	Trình độ B		
872	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	27	10	1990	x	01/08/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	09 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III, II	Không	UDCNT T B	TOEFL ITP Bậc 2		
873	Nguyễn Thị Thanh Phương	17	02	1993	x	05/8/2015	01/8/2016	Giáo viên	Trường Chuyên Biệt Quận 10	UBND Quận 10	07 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Không	GV Mầm non hạng III, II	Không	UDCNT T cơ bản	Trình độ B		
874	Trần Kim Xuyên	4	4	1989	x	01/8/2013	01/8/2013	Giáo viên	Trường GDCB 15/5	UBND Quận 11	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Đặc Biệt	Sơ cấp	GVMN Hạng II (ngày cấp 31/5/2021)		B	Anh B		01-08-2014
875	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	24	10	1977	x	01/8/2005	01/10/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 1	UBND Quận 11	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Thạc sĩ - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 09/6/2021)		CNTTN C	Anh B		
876	Triệu Thanh Thảo	21	7	1979	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Phường 1	UBND Quận 11	10 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Thạc sĩ - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTN C	Anh B		
877	Vương Thanh Ngọc Thủy	04	7	1971	x	20/9/1997	01/3/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Quận 11	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục Mầm non (cấp ngày 09/10/2015)		GVMN hạng II (09/6/2021)		CNTTN C	Anh B		
878	Lê Thị Mỹ Vân	09	01	1978	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 1	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
879	Trịnh Hoàng Yến	24	10	1987	x	01/9/2009	01/3/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 2	UBND Quận 11	11 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN GVMN (cấp ngày 05/9/2023)		CNTTN C	Anh B		
880	Trần Mai Nga	23	11	1980	x	01/9/2006	01/3/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 2	UBND Quận 11	14 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		A	Anh B		
881	Nguyễn Thị Thảo Hạnh	19	12	1981	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 2	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		A	Anh B		
882	Nguyễn Thị Huyền	13	7	1984	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 2	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		B	Anh B		
883	Phan Nguyễn Hoàng Yến	24	11	1983	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 2	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
884	Nguyễn Hồng Phụng	13	8	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTCB	Anh B1		
885	Thạch Thị Mai Trinh	13	5	1989	x	01/9/2014	01/3/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	03 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 29/10/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 04/01/2021)		CNTTCB	Anh B		
886	Nguyễn Thị Quỳên	22	11	1985	x	01/11/2015	01/5/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	03 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân -Giáo dục mầm non (cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 04/01/2021)		CNTTCB	Anh B		
887	Nguyễn Thị Hiền	10	10	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	09 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân -Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 09/8/2021)		B	Anh B		
888	Ngô Mai Anh	21	12	1996	x	01/12/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	03 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 04/1/2021)		A	Anh B		
889	Đặng Thị Ngọc Tiên	17	12	1986	x	15/9/2007	15/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 3	UBND Quận 11	15 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 31/03/2022)		A	Anh B		
890	Lê Thị Chiến	02	9	1986	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 4	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 09/9/2013)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
891	Lý Hồng Quỳên	08	8	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B2		
892	Nguyễn Thị Kiều Ngân	09	10	1988	x	01/9/2010	01/3/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 11	11 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
893	Đỗ Thị Thanh Trúc	06	02	1990	x	01/9/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 5	UBND Quận 11	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
894	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	09	11	1981	x	01/12/2007	01/6/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	15 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN GVMN (cấp ngày 05/09/2023)		A	Anh bậc 2		
895	Mai Thị Thu	13	6	1990	x	01/11/2015	01/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	8 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN GVMN (cấp ngày 05/09/2023)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
896	Nguyễn Thị Thảo Sương	03	8	1981	x	01/09/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN GVMN (cấp ngày 05/9/2023)		A	Anh B		
897	Võ Thị Tuyết Nhung	24	4	1981	x	08/01/2020	08/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/8/2018)		GVMN hạng II (cấp ngày 26/9/2019)		CNTTCB	Anh B		
898	Nguyễn Thị Hoà	02	9	1985	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN GVMN (cấp ngày 05/9/2023)		Ứng dụng CNTT trong dạy học	Anh bậc 2		
899	Hồ Thụy Ngọc Diễm	04	9	1992	x	20/6/2018	01/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 6	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Cao đẳng - Giáo dục mầm non cấp ngày 14/8/2017		CDNN GVMN (cấp ngày 05/9/2023)		CNTTCB	Anh bậc 2		
900	Dương Mộng Thúy	15	10	1973	x	01/8/1997	01/02/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh B		
901	Nguyễn Thị Luyến	27	11	1973	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTN C	Anh B		
902	Son Thị Bích Nga	10	11	1973	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 26/9/2019)		CNTTN C	Anh B		
903	Trần Thị Tú	04	5	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	09 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTN C	Anh B		
904	Võ Hồng Hạnh	18	9	1980	x	01-12-2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/7/2019)		GVMN hạng II (cấp ngày 21/10/2021)		B	Anh B		
905	Phùng Thị Thu Hà	12	5	1982	x	02-07-2018	01-02-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 14/8/2017)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
906	Chung Yến Phương	21	3	1982	x	01-01-2020	01-07-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 7	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,1	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 18/02/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 07/4/2021)		CNTTCB	Anh B		
907	Lê Thị Hường	11	6	1976	x	01/9/2006	01/9/2007	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 8	UBND Quận 11	16 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)	Chuyên viên	CNTTCB	Anh B1		
908	Cao Nguyễn Bích Thuận	01	7	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 8	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 31/5/2021)		A	Anh B		
909	Vòng Chúng Kiu	03	8	1993	x	01/12/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 8	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 05/7/2021); Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/8/2016)		GVMN hạng II (cấp ngày 31/5/2021)		A	Anh Bậc 2		
910	Mai Thị Trà My	05	9	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh B1		
911	Tạ Thị Lan Đài	02	11	1981	x	01/9/2006	01/3/2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 11	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 26/9/2019)		CNTTCB	Anh B1		
912	Trần Yến Nhi	12	28	1986	x	01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 11	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B1		
913	Nguyễn Thị Thiên Kim	5	5	1975	x	15/01/2020	15/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 9	UBND Quận 11	16 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 09/9/2015)	Trung cấp	GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		
914	Lê Thị Hiền	23	4	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Phó Hiệu Trưởng	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
915	Hà Thị Hiền	28	8	1980	x	01/9/2011	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
916	Nguyễn Thị Thùy Trang	18	12	1979	x	01/9/2011	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
917	Lương Thị Ngọc Châu	26	10	1982	x	01/9/2009	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
918	Huỳnh Thị Nhân	12	11	1988	x	01/9/2012	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
919	Trần Thị Như Ý	15	4	1991	x	01/9/2013	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)	Trung cấp	CNTTCB	Anh B		
920	Bùi Lê Tuyết Hương	14	8	1993	x	01/3/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)	Chuyên viên	CNTTCB	Anh B		
921	Lê Nguyễn Thảo Vi	02	4	1994	x	01/9/2015	01/9/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	07 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B 1		
922	Trần Ngọc Kim Anh	10	4	1992	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	08 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
923	Bùi Thị Thanh Nhân	18	01	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	09 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh B		
924	Võ Thị Mỹ Hội	01	8	1992	x	01/3/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 26/9/2019)		B	Anh B		
925	Hồ Thị Thanh Phụng	12	11	1983	x	01/9/2010	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 26/9/2019)		CNTTCB	Anh B		
926	Trịnh Hồng Nhung	19	6	1994	x	01-11-2015	01-11-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	07 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
927	La Lê Tường An	14	9	1994	x	01/9/2015	01/9/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	07 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
928	Nguyễn Thị Ngọc Thương	20	6	1995	x	01/7/2022	01/7/2022	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND Quận 11	06 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 04/7/2016)		GVMN hạng III (cấp ngày 31/3/2022)		CNTTCB	Đã học học phần tiếng Anh 1 và tiếng Anh 3 tại bảng điểm bằng Cao đẳng - Giáo dục mầm non		
929	Đỗ Thị Thanh Nga	30	9	1969	x	04/08/1997	01/6/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	14 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 21/10/2021)		A	Anh B		
930	Quảng Thị Huyền Trang	13	3	1983	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 21/10/2021)		A	Anh B		
931	Nguyễn Trần Hương Thảo	06	09	1975	x	05/9/1996	05/9/1996	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4.89+7 %	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 19/02/2020)		A	Anh B		
932	Trần Thị Mỹ Hiền	02	12	1977	x	01/9/2014	01/9/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	09 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 19/02/2020)		A	Anh B		
933	Ngô Thị Nguyên Trinh	03	01	1992	x	01/8/2013	01/2/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 06/7/2018)		GVMN hạng II (cấp ngày 05/4/2021)		A	Anh B		
934	Đỗ Thị Thúy Phượng	13	6	1973	x	01/5/2017	01/5/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	08 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 07/6/2011)		GVMN hạng II (cấp ngày 19/02/2021)		CNTTCB	Anh B		
935	Nguyễn Thị Hồng Nhi	28	9	1995	x	01/7/2018	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	3 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 11/01/2021)		GVMN hạng III (cấp ngày 09/8/2021)		B	Anh B		
936	Ngô Thị Kim Thanh	30	11	1992	x	14/01/2020	14/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 11	UBND Quận 11	3 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 31/10/2022);Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/8/2016)		GVMN hạng III (cấp ngày 09/8/2021)		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
937	Trịnh Thị Mỹ Linh	20	2	1970	x	01/6/2008	01/6/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 12	Ủy ban nhân dân Quận 11	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh B		
938	Nguyễn Thanh Thủy	05	7	1978	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 12	Ủy ban nhân dân Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
939	Vũ Thị Liên	12	04	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B1		
940	Hoàng Thị Quỳnh	11	02	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	08 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh C		
941	Huỳnh Cẩm Loan	18	02	1987	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
942	Lê Ngọc Thu Trang	16	9	1985	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
943	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	05	12	1980	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
944	Bùi Thị Cúc Phương	10	10	1984	x	01/9/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 07/3/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		B	Anh B		
945	Nguyễn Vũ Thùy Trang	24	4	1986	x	01/8/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 18/7/2017)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
946	Nguyễn Thị Kim Trâm	27	8	1986	x	11/6/2018	01/11/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	3 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 29/10/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		
947	Nguyễn Bích Hằng	17	10	1995	x	09/01/2020	09/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 28/6/2017)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
948	Nguyễn Thị Hồng Hoa	24	02	1994	x	01/12/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	3 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 29/10/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		CNTTCB	Anh B		
949	Nguyễn Trần Khánh Tuyên	23	01	1996	x	01/9/2018	01/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	3 năm 03 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân Giáo dục mầm non (cấp ngày 11/01/2021)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		
950	Trần Hồng Loan	15	01	1989	x	01/09/2014	01/3/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	3 năm 06 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non (cấp ngày 29/10/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		A	Anh B		
951	Nguyễn Thị Kim Hồng	20	9	1995	x	03/02/2020	01/8/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phường 13	UBND Quận 11	03 năm 09 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,1	Cử nhân Giáo dục mầm non (cấp ngày 02/7/2018)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		
952	Lê Thị Kim Loan	28	02	1974	x	01/01/1995	01/3/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,89+7 %	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTN C	Anh B1		
953	Đinh Thị Mai Phương	05	10	1995	x	10/01/2020	10/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	3 năm 03 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 11/01/2021)		GVMN hạng III (cấp ngày 09/8/2021)		CNTTN C	Anh B		
954	Lý Kim Phụng	04	02	1995	x	01/11/2018	10/01/2020	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 02/7/2018)		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		UCNTT CB	Anh B		
955	Nguyễn La Thúy Hằng	23	3	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 26/9/2019)		A	Anh B		
956	Phạm Lê Thanh Tuyên	18	01	1996	x	10/01/2020	01/07/2020	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 31/3/2022); Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 14/8/2018)		GVMN hạng III (cấp ngày 06/10/2021)		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
957	Lê Ngọc Đào	10	7	1987	x	01/09/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 06 tháng 6 năm 2017)		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		B	Anh B		
958	Mạc Soi Oanh	07	8	1994	x	01/9/2015	01/03/2016	Giáo viên	Trường Mầm Non Phường 14	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 06/7/2018)		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		CNTTCB	Anh B		
959	Lê Thanh Hà	30	6	1977	x	01/09/1996	01/6/2008	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	15 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non; Thạc sĩ Quản lý Giáo dục		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)	Chuyên viên	CNTTN C	Anh B1		
960	Nguyễn Ngọc Hạnh	01	9	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTCB	Anh B1		
961	Nguyễn Hữu Quỳnh My	01	01	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTCB	Anh B1		
962	Nguyễn Ánh Phụng	13	5	1992	x	01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 19/4/2021)		CNTTN C	Anh B		
963	Trần Thị Kim Nga	26	4	1984	x	01/8/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 25/9/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh A		
964	Lê Thị Thuý Linh	16	12	1969	x	01/8/1993	01/3/2002	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		Ứng dụng CNTT	Anh B		
965	Nguyễn Thị Xuân Hương	01	01	1994	x	01/12/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/9/2021) Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 23/7/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
966	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	26	9	1994	x	01/12/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 01/11/2021) Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 04/7/2016)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
967	Nguyễn Ngọc Hoàng Linh	26	4	1996	x	03/02/2020	03/02/2020	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 14/10/2022) Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 03/7/2017)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
968	Trần Thị Thùy Linh	10	8	1990	x	01/3/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		CNTTCB	Anh B		
969	Đào Thị Thanh Tâm	04	12	1990	x	01/7/2018	18/7/2018	Giáo viên	Trường Mầm Non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 31/3/2022) Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 27/01/2016)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
970	Phạm Thị Ngọc Hiếu	01	02	1990	x	03/01/2020	01/8/2020	Giáo viên	Trường Mầm Non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 31/3/2022) Cao đẳng - Giáo dục mầm non (cấp ngày 20/5/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		A	Anh B		
971	Hứa Thị Kim Ngọc	18	12	1988	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm Non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 25/9/2019)		GVMN hạng II (cấp ngày 09/6/2021)		CNTTCB	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
972	Bùi Thị Quyển	04	12	1996	x	05/09/2017	01/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 10/01/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		CNTTCB	Anh B		
973	Hồ Ngọc Thúy Hoa	03	5	1988	x	03/02/2020	01/9/2020	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	03 năm 08 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 12/12/2018)		GVMN hạng III (cấp ngày 26/3/2021)		B	Anh B		
974	Phạm Thu Hà	07	9	1983	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 19/02/2020)		CNTTCB	Anh B		
975	Hồ Thị Phương Loan	27	02	1975	x	20/8/1993	01/5/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phường 16	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4.89+7 %	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/5/2019)		CNTTCB	Anh B		
976	Lưu Ngọc Trinh	17	4	1993	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	UBND Quận 11	8 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN GVMN hạng II (10/5/2019)		CNTTN C	Anh B		
977	Trần Ngọc Quỳnh	04	01	1974	x	01/8/1998	01/5/2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phường 16	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 12 tháng 12 năm 2018)		CDNN GVMN hạng II (06/10/2021)		CNTTN C	Anh B		
978	Lư Kim Cẩm Hạc	11	3	1985	x	01/9/2011	01/9/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTCB	Anh B1		
979	Trần Thị Thanh Nhã	07	6	1975	x	05/8/1996	01/3/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
980	Ngô Trịnh Hòa Hiệp	10	9	1976	x	17/8/1998	01/5/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		A	Anh B1		
981	Nguyễn Thị Dạ Thảo	11	11	1980	x	01/9/2006	01/3/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
982	Thái Võ Hồng Ngọc	07	3	1976	x	01/6/2007	01/6/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	12 năm 04 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
983	Trần Thị Ngọc Tuyết	24	2	1978	x	05/9/1998	01/5/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
984	Lê Thị Ngọc Hiếu	21	5	1983	x	01/9/2009	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh bậc 3		
985	Nguyễn Hoàng Ngọc Vân	15	5	1988	x	01/9/2010	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
986	Phạm Thị Lệ Quyên	30	12	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		Trung cấp CNTT	Anh B1		
987	Nguyễn Phương Chi	13	9	1985	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 28/9/2020)		CNTTCB	Anh B		
988	Huỳnh Thị Kim Yến	27	8	1974	x	21/8/1995	01/3/1997	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	12 năm 04 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 26/9/2019)		CNTTN C	Anh B		
989	Vân Ái Huệ	28	10	1981	x	01/9/2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	16 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 14/9/2020)		CNTTN C	Anh B		
990	Phạm Thị Hoàng Viên	21	4	1979	x	06/9/1999	01/01/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	12 năm 04 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		CNTTN C	Anh B		
991	Nguyễn Thị Kiều Diễm	05	9	1984	x	01/9/2009	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 09/6/2021)		CNTTN C	Anh B		
992	Ngô Thị Thanh Tâm	05	8	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		CNTTN C	Anh B		
993	Trần Thị Hồng Trâm	24	11	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	09 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
994	Nguyễn Thị Lân	15	02	1990	x	01/3/2015	01-01-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	08 năm 04 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
995	Đặng Thị Hải	05	02	1993	x	01/11/2015	01-11-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	07 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		GVMN hạng II (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
996	Nguyễn Thị Hạnh	11	9	1996	x	01/7/2018	01-02-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,10	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 25/02/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
997	Nguyễn Thị Ngọc Như	17	8	1979	x	01/9/2018	01/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 25/9/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
998	Lê Nguyễn Hồng Ngọc	10	10	1993	x	01/7/2018	12-07-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	03 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 11/11/2016)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
999	Trần Thị Diễm	02	5	1985	x	01/7/2018	01/7/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	03 năm 03 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,41	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 11/01/2021)		GVMN hạng III (cấp ngày 10/05/2019)		CNTTN C	Anh B		
1000	Đường Huệ Liên	17	02	1987	x	09/01/2020	01/8/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	03 năm 09 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,1	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 02/5/2019)		GVMN hạng III (cấp ngày 29/4/2021)		CNTTCB	Anh B1		
1001	Huỳnh Mỹ Oanh	17	5	1990	x	01/9/2015	01/3/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	3 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/11/2021)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 02/6/2020)		GVMN hạng III (cấp ngày 09/8/2021)		A	Anh B		
1002	Huỳnh Mỹ Phụng	07	01	1994	x	01/9/2015	01/3/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Quận 11	UBND Quận 11	3 năm 10 tháng	V.07.02.26 (được chuyển từ hạng IV qua mã hạng III từ 01/06/2022)	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non (cấp ngày 12/12/2018)		GVMN hạng II (cấp ngày 20/6/2022)		A	Anh B		
1003	Trần Thị Tú	09	03	1980	x	01-09-2007	16/4/2018	Giáo viên	Mầm non 1 Tháng 4	UBND Q12	6 năm	V.07.02.26	3,65	Cử nhân sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1004	Lê Thị Yến Nhung	18	10	1984	x	01/09/2008	01/01/2019	Giáo viên	Mầm non 1 Tháng 4	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1005	Phan Thị Thanh Thúy	22	10	1993	x	01/11/2018	01/11/2018	Giáo viên	Mầm non 1 Tháng 4	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1006	Trần Khánh Hường	01	09	1983	x	05/09/2009	17/7/2018	Giáo viên	Mầm non 1 Tháng 4	UBND Q12	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1007	Nguyễn Thị Thi	24	04	1995	x	01/09/2019	01/03/2020	Giáo viên	Mầm non 1 Tháng 4	UBND Q12	4 năm	V.07.02.26	2,41	Cử nhân sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1008	Đào Thị Bích Thảo	2	4	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Mầm non Bé Ngoan	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	x	B	Anh - B		
1009	Chu Thị Hằng	5	4	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Mầm non Bé Ngoan	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1010	Trần Thị Giang	30	6	1983	x	01-11-2022	01-11-2022	Giáo viên	Mầm non Bé Ngoan	UBND Q12	10 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		B	Anh - B		
1011	Phạm Thị Thu Hoài	14	6	1992	x	01-01-2020	01-07-2020	Giáo viên	Mầm non Bé Ngoan	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,01	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1012	Lê Thị Thanh Tâm	21	1	1980	x	01/09/2001	01/03/2002	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	14 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1013	Phan Thị Ánh Tuyết	23	3	1984	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1014	Huỳnh Kim Tuyền	22	4	1968	x	04/09/1987	01/07/1989	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.89+9 %	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1015	Vô Thị Hiếu Hạnh	16	3	1974	x	06/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1016	Đỗ Thị Nữ	20	4	1984	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1017	Huỳnh Thị Nương	17	11	1977	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	13 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1018	Vi Thị Thảo Trân	25	4	1979	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	21 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1019	Lê Thị Thanh Thúy	19	9	1983	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1020	Nguyễn Thị Hoàng	25	12	1980	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		
1021	Trần Thị Thu Trâm	18	4	1982	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bạc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1022	Nguyễn Kim Hằng	7	5	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1023	Nguyễn Thị Hoàng Loan	30	11	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1024	Nguyễn Minh Huệ	12	2	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1025	Nguyễn Thị Bích Huyền	22	8	1982	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Mầm non Bông Hồng	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1026	Trần Thị Thanh Thủy	16	05	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1027	Hồ Huỳnh Xuân Nhi	30	07	1985	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1028	Nguyễn Thị Hồng Hoa	15	09	1983	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1029	Đoàn Thị Minh Thư	10	08	1988	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1030	Lê Ngọc Yến Nhi	19	11	1987	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp			A	Anh - B		
1031	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	26	06	1987	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1032	Nguyễn Thị Thanh Hiệp	25	07	1984	x	01-01-2021	01-01-2021	Giáo viên	Mầm non Bông Sen	UBND Q12	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non				Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
1033	Trần Thị Khiên	2	10	1980	x	01-01-2021	01-10-2021	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		B	Anh - B1		
1034	Trương Thị Tương Vi	27	1	1995	x	01-01-2021	01-10-2021	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1035	Phạm Thị Tâm	5	6	1980	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
1036	Phí Thị Hoa	1	1	1992	x	01-01-2021	01-01-2021	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Không	Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1037	Nguyễn Hải Yến	6	8	1986	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	10 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1038	Phùng Thị Tâm	9	5	1983	x	01-09-2018	01-03-2019	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm mầm non	Không	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1039	Nguyễn Thị Mai	9	9	1981	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		A	Anh - B		
1040	Trần Huỳnh Hạnh Phúc	19	8	1990	x	01-11-2011	01-05-2012	Giáo viên	Mầm non Hoa Phong Lan	UBND Q12	12 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1041	Nguyễn Thị Thanh	04	8	1981	x	01/09/2005	01/09/2006	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Hoa Đỗ Quyền	UBND Q12	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,99	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II	x	B	Anh - B		
1042	Nguyễn Ngọc Trâm	27	5	1985	x	01/9/2006	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Đỗ Quyền	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1043	Nguyễn Ngọc Minh	13	12	1986	x	30/12/2020	01/01/2021	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Đỗ Quyền	UBND Q12	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - A		
1044	Nguyễn Thị Diễm T	28	11	1991	x	30/12/2020	01/01/2021	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Đỗ Quyền	UBND Q12	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non		A	Anh - B		
1045	Lê Thị Anh	10	2	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Đỗ Quyền	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II	x	B	Anh - B		
1046	Phạm Thị Thêu	14	5	1987	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 1	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1047	Trần Thị Thương	23	9	1989	X	15-08-2011	01-09-2012	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 1	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	TC chính trị	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1048	Phạm Thị Nhân	5	10	1988	X	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 1	UBND Q12	07 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	TC chính trị	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1049	Đoàn Ngọc Bích	21	6	1981	x	16/12/2010	09/05/2012	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh Bạc 2		
1050	Chu Thị Thanh Ngọc	12	5	1973	x	25/10/1994	29/12/1996	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	5 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bạc 2		
1051	Hà Thị Sáu	22	6	1978	x	24/11/2008	06/11/2009	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bạc 2		
1052	Đoàn Huỳnh Xuân Phượng	03	02	1978	x	01/09/2005	11/09/2006	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bạc 2		
1053	Lê Thị Thúy Phượng	04	11	1986	x	24/11/2008	16/06/2009	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bạc 2		
1054	Nguyễn Thị Mỹ Chi	30	11	1989	x	01/09/2010	09/05/2012	Giáo viên	Mầm non Hoà Mi 2	UBND Q12	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh Bạc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1055	Uông Trần Xuân Phúc	11	3	1981	x	13/09/1999	27/01/2000	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1056	Vũ Thị Bạch Tuyết	03	01	19833	x	01/09/2010	27/07/2011	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh Bậc 2		
1057	Nguyễn Thị Xuân Trang	12	09	1988	x	01/09/2008	09/01/2009	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh Bậc 2		
1058	Hồ Ngọc Linh	18	04	1982	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1059	Vũ Thị Quỳnh	23	08	1981	x	05/09/2012	17/01/2014	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	10 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1060	Trần Thị Thanh Châu	28	03	1981	x	01/09/2003	19/05/2004	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1061	Trần Hồng Hoa	30	8	1988	x	25/3/2015	16/11/2015	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1062	Nguyễn Thị Trang Thanh	09	05	1984	x	01/09/2008	18/03/2010	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	TC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1063	Nguyễn Thị Như Hồng	05	07	1985	x	01/09/2020	01/09/2020	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh Bậc 2		
1064	Hà Thị Khánh Phương	30	07	1985	x	01/12/2008	01/06/2009	Giáo viên	Mầm non Hòa Mĩ 2	UBND Q12	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	SC	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1065	Trần Thị Vân Anh	26	3	1981	x	01/9/2002	01/3/2019	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Hoa Đào	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Chứng nhận BDCBQ	B	Anh - B		
1066	Nguyễn Thị Yến	05	01	1982	x	01/1/2004	01/1/2005	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Chứng nhận BDCBQ L	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1067	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	3	8	1988	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1068	Phạm Thị Lan Anh	16	5	1990	x	06/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1069	Châu Phi	20	2	1992	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1070	Lê Công Sự	27	7	1994		08/1/2015	08/1/2016	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1071	Mai Thị Tâm	20	11	1988	x	04/9/2020	01/9/2020	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non		B	Anh - B		
1072	Nguyễn Thị Nhã Phương	23	1	1995	x	04/9/2020	01/9/2020	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		B	Tiếng anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1073	Nguyễn Thị Hồng	02	07	1984	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Tiếng anh C		
1074	Đỗ Thị Đức	13	04	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường MN Hoa Đào	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1075	Đâu Lâm Hoàng Anh	27	6	1996	Nữ	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non		UDCNT T trong dạy học	Anh - B		
1076	Lê Thị Bạch	19	5	1972	Nữ	10-04-1903	09-01-1900	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	15 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UDCNT T	Anh - B		
1077	Huỳnh Ngọc Thúy Diễm	13	8	1977	Nữ	09-05-1998	01-12-1998	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	10 năm 2 tháng	V07.02.05	4,58	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1078	Trần Thị Kim Hồng	15	12	1989	Nữ	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1079	Vũ Thị Loan	14	1	1985	Nữ	09-01-2020	06-01-2021	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,1	Cử nhân giáo dục mầm non	Không	Không		A	Anh - B		
1080	Lê Đoàn Duy Quỳnh	26	6	1985	Nữ	03-10-2006	01-10-2007	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	17 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1081	Phan Thị Thương	10	7	1993	Nữ	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Không		B	Anh - B		
1082	Nguyễn Lê Anh Trần	3	3	1996	Nữ	27-01-2022	01-06-2021	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,1	Cử nhân giáo dục mầm non	Không	Không		A	Anh - B		
1083	Nguyễn Ngọc Vy	18	8	1987	Nữ	18/08/2010	16/11/2011	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1084	Phạm Thị Xuân	7	12	1994	Nữ	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Mầm non Hồng Yến	UBND Q12	3 năm 7 tháng	V 07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non	Không	Không		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1085	Lê Thị Tuyết Dung	11	7	1978	x	07/12/2007	12/01/2009	Giáo viên	Mầm non Ngọc Lan	UBND Q12	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65+ 15%	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1086	Trần Thị Bích Hồng	4	1	1987	x	03/03/2016	03/3/2016	Giáo viên	Mầm non Ngọc Lan	UBND Q12	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3.03 + 10%	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B1		
1087	Phạm Thị Nga	27	7	1983	x	01/9/2011	01/9/2017	Giáo viên	Mầm non Ngọc Lan	UBND Q12	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	3.34 + 11%	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1088	Phạm Kim Thoa	25	10	1978	x	01/09/2009	03-01-2019	Giáo viên	Mầm non Ngọc Lan	UBND Q12	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3.34 + 0.15 + 19%	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1089	Nguyễn Thị Phương	5	4	1991	x	01/09/2012	01/01/2014	Giáo viên	Mầm non Ngọc Lan	UBND Q12	10 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.03 + 10%	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1090	Lê Thị Văn Hon	16	3	1987	x	01/01/2011	01/01/2021	Giáo viên	Mầm non Mai Vàng	UBND Q12	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cao đẳng Sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1091	Cao Thị Nguyệt Ánh	12	11	1980	x	01/9/2004	28/12/2018	Giáo viên	Mầm non Mai Vàng	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1092	Nguyễn Thị Mỹ Dung	02	10	1997	x	5/9/2020	01/6/2021	Giáo viên	Mầm non Mai Vàng	UBND Q12	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1093	Trần Hoàn Phương Ngón	12	5	1989	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1094	Đinh Thị Thu Phương	2	3	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1095	Hà Thị Hồng Gấm	10	10	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - A		
1096	Phạm Thị Hồng Vân	4	12	1988	x	01/09/2009	01/03/2011	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Sơn Ca 3	UBND Q12	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1097	Đỗ Huỳnh Phương	10	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 3	UBND Q12	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1098	Võ Nguyễn Hoàng Phương	12	10	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 3	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - C		
1099	Nguyễn Thị Hoàng Thơ	27	8	1988	x	01/09/2011	01/09/2011	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 3	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
1100	Trần Huỳnh Thùy	21	8	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 3	UBND Q12	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B2		
1101	Đặng Thị Hiền	20	4	1988	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 4	UBND Q12	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1102	Chu Thị Hồng Như	26	11	1983	X	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 5	UBND Q12	14 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1103	Nguyễn Thị Huệ	25	2	1981	X	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 5	UBND Q12	14 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1104	Nguyễn Thị Thùy T	4	2	1979	X	01-09-2001	01/3/2002	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 5	UBND Q12	19 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1105	Nguyễn Thị Mỹ Hiê	24	4	1989	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 5	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1106	Đỗ Thị Minh Xuân	28	3	1984	x	01/9/2008	01-03-2009	Giáo viên	Mầm non Sơn Ca 5	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1107	Nguyễn Thị Thúy An	30	7	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1108	Biện Thiên Hoàng	28	11	1978	x	01/9/2010	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1109	Lã Thị Ngọc Huyền	30	9	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1110	Tăng Ngọc Liên	26	11	1983	x	01/9/2010	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1111	Phan Lê Thủy Linh	7	11	1985	x	01/9/2008	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1112	Nguyễn Trương Thiên Lý	17	10	1982	x	01/9/2010	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1113	Phạm Hồng Ngọc	3	8	1991	x	01/8/2014	01/8/2014	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1114	Huỳnh Lê Mỹ Phụng	20	12	1993	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1115	Nguyễn Thị Thơ	30	8	1981	x	01/9/2004	01/02/2010	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1116	Nguyễn Thị Thúy	20	5	1984	x	01/9/2010	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1117	Cao Thị Diễm Trinh	5	5	1993	x	01/01/2021	01/01/2021	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non hạng		A	Anh - A2		
1118	Trần Thị Ngọc Tuyết	21	10	1988	x	01/9/2010	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1119	Phạm Thị Thu Vân	2	3	1972	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1120	Lê Thị Cẩm Vân	1	7	1982	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 6	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1121	Nguyễn Thụy Phương Quyên	13	10	1984	x	09-01-2009	17/5/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 7	UBND Q12	05 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Kỹ thuật viên tin học	Anh B		
1122	Nguyễn Thị Huyền	10	8	1988	X	01-9-2012	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1123	Đỗ Thị Hậu	23	12	1970	X	01-9-2012	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1124	Sỹ Thị Hòa	24	1	1977	X	01-9-2008	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1125	Văn Huỳnh Như	1	12	1992	X	01-8-2013	01-1-2017	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1126	Nguyễn Thị Thu Hương	15	8	1991	X	01-9-2012	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1127	Trần Thị Bích Trâm	01	01	1988	X	01-8-2013	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1128	Đặng Thị Bích Ngân	1	10	1987	X	01-9-2010	01-1-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1129	Phạm Thị Thúy Diễm	12	9	1983	X	01-9-2012	01-1-2017	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Ca 8	UBND Q12	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1130	Trịnh Thị Kế Phụng	17	1	1983	x	01-09-2011	01-03-2012	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1131	Nguyễn Vũ Thùy Dung	1	1	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1132	Nguyễn Thị Tiểu Hà	31	10	1983	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1133	Phạm Hồng Ngọc	11	4	1981	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	17 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1134	Nguyễn Phương Minh Thư	10	10	1986	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1135	Phạm Thị Thùy Dung	27	11	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1136	Nguyễn Thị Hòe	4	9	1987	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1137	Nguyễn Thị Thu Lan	18	2	1988	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1138	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	31	8	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	10 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh - B		
1139	Nguyễn Thị Bích Huyền	1	3	1985	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1140	Nguyễn Thị Bạch Hạc	21	9	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	21 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1141	Nguyễn Thị Nguyệt	10	2	1984	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1142	Nguyễn Thị Thu Thảo	15	5	1995	x	01-12-2017	01-12-2017	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1143	Nguyễn Thị Hiền	13	10	1994	x	01-11-2018	01-11-2017	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca 9	UBND Q12	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1144	Nguyễn Đức Thùy Hân	22	5	1979	x	01-09-2001	16-04-2018	Giáo viên	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	06 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1145	Trần Thị Minh Nghệ	22	9	1985	x	01-09-2012	16-04-2018	Giáo viên	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	06 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
1146	Huỳnh Thị Thanh Thủy	2	7	1982		01-09-2010	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	05 năm 3 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Anh - B		
1147	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	20	10	1986	x	01-09-2006	17-07-2018	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	05 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
1148	Trần Thị Kim Phi	21	5	1990	x	01-09-2011	16-04-2018	Giáo viên	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	06 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh - B		
1149	Nguyễn Thị Sen	10	11	1978		01-09-1999	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Mầm non Vàng Anh	UBND Q12	05 năm 3 tháng	V.07.02.05	4,27	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Anh - B		
1150	Trần Thị Tuyết Mai	27	07	1982	x	09-01-2007	10-08-2018	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non 30/4	UBND quận Bình Tân	5 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học-Giáo dục mầm non +Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II, III	Lãnh đạo cấp phòng	UDCNT TCB	Tiếng Anh_B		
1151	Nguyễn Thị Phụng	19	7	1981	x	01/09/2004	01/03/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	15 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học - Sư phạm Mầm non	TC	GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1152	Huỳnh Thị Diễm Thu	14	01	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		Tin học A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cố đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1153	Trần Thị Thu Trang	06	11	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1154	Nguyễn Thị Hồng Ngân	27	5	1985	x	08/09/2008	08/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	9 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh A		
1155	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	17	5	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh A2		
1156	Trương Thị Thủy Giang	15	10	1983	x	01/11/2008	01/05/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	13 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		Tin học A	Không		
1157	Nguyễn Thị Kim Xoàn	05	5	1991	x	01/04/2019	01/04/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	5 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		Tin học B	Anh A1		
1158	Đỗ Thị Quý	12	8	1991	x	01/12/2017	01/04/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND quận Bình Tân	5 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1159	Huỳnh Thị Bích Hiền	09	07	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non 20/10	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân- Giáo dục mầm non		GV mầm non hạng II		CNTTCB	B		
1160	Bùi Thị Huyền	10	04	1981	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non 20/10	UBND quận Bình Tân	3 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân- Giáo dục mầm non		GV mầm non hạng II		B	B		
1161	Hầu Mỹ Bình	4	10	1985	x	01/10/2015	19/01/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh Bạc 3		
1162	Ngô Thị Ngọc Chung	20	6	1983	x	01/08/2013	01/02/2020	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non Thạc sĩ chuyên ngành Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III	Quản lý cấp Phòng	CNTT cơ bản	Anh Bạc 3		
1163	Phạm Trần Thúy Diễm	10	11	1988	x	01/10/2015	19/01/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh Bạc 3		
1164	Trần Thị Ngọc Duyên	6	4	1982	x	01/10/2015	30/11/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh Bạc 3		
1165	Bùi Thụy Ái Mi	30	6	1986	x	01/10/2015	30/11/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh Bạc 3		
1166	Đặng Thị Phương Thủy	22	2	1992	x	01/10/2015	19/11/2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh Bạc 3		
1167	Nguyễn Thị Thanh Trang	15	10	1990	x	01/10/2015	30/11/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh Bạc 3		
1168	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	10	8	1994	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông	UBND quận Bình Tân	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh Bạc 3		
1169	Trương Thị Kim Huyền	8	6	1975	x	01/10/1998	12/04/2002	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình Trị Đông B	UBND quận Bình Tân	22 năm	V.07.02.26	4,89+7 %	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng II	Chứng chỉ	CNTTCB	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1170	Nguyễn Thị Thu Thảo	31	5	1987	x	01/09/2013	17/01/2014	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông B	UBND quận Bình Tân	10 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNNTCB	Anh B		
1171	Trần Thị Giang Nam	3	2	1981	x	01/06/2003	01/04/2018	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Bình Trị Đông B	UBND quận Bình Tân	7 năm	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNNTCB	Anh B		
1172	Mạch Hồng Vân	09	05	1979	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	15 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	B		
1173	Trần Ngô Dạ Thảo	09	02	1980	x	01/11/2001	01/03/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	B		
1174	Mao Khả Tú	15	02	1981	x	01/09/2008	01/10/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học - Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		A	B		
1175	Trần Thị Rum	04	08	1984	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		A	B1		
1176	Thái Thị Minh Hương	17	06	1980	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		B	B		
1177	Mai Thị Thúy	16	10	1974	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		B	B		
1178	Lê Thị Phương Lan	29	05	1982	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	B		
1179	Lê Thanh Thảo	15	05	1990	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	B		
1180	Đinh Thị Thúy Phượng	04	08	1982	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hương Sen	UBND quận Bình Tân	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		A	B		
1181	Nguyễn Thị Hồng	16	04	1987	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học		GVMN hạng II	X	UDCNT T cơ bản	Anh B		
1182	Mai Thị Thu Hiền	31	08	1990	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học		GVMN hạng II		A	Anh B		
1183	Ngô Thị Thúy Liễu	14	04	1993	X	01/11/2014	01/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học		GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1184	Lê Thị Hồng Nhung	11	01	1986	X	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B		
1185	Trần Minh Mỹ Tín	16	10	1982	X	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học		GVMN hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1186	Lê Thị Huyền Trân	23	08	1986	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B		
1187	Huỳnh Thanh Xuân	12	4	1984	x	1/11/2014	1/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1188	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	9	2	1980	x	1/9/2009	1/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1189	Phan Thị Lệ Thủy	20	10	1984	x	1/9/2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1190	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	12	4	1986	x	1/9/2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1191	Trần Thị Ngọc Thi	30	11	1989	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1192	Nguyễn Thị Thu	6	10	1984	x	01-09-2007	01-04-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Tạo A	UBND quận Bình Tân	07 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục mầm non		CDNN hạng II		UDCNT TCB	Tiếng Anh B		
1193	Huỳnh Thị Ngọc Ân	08	05	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Ngọc	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1194	Trịnh Thị Tuyết Hồng	24	03	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Ngọc	Sở GD&ĐT	05 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1195	Nguyễn Kim Nguyên	25	08	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Ngọc	Sở GD&ĐT	05 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1196	Lê Thị Huyền Trang	03	07	1991	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	04 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	A2		
1197	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	15	10	1984	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	05 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,65	Thạc sĩ - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	B1		
1198	Nguyễn Thị Quỳnh	18	03	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	15 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		A	B		
1199	Phạm Ngọc Loan	11	03	1969	x	01-08-1995	01-08-1996	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	16 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,89	Cao đẳng - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	B		
1200	Phạm Thị Kim Thành	19	12	1984	x	24-08-2010	31-08-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	B		
1201	Phạm Thị Thu Thúy	18	12	1988	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	08 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	B		
1202	Tiết Ngọc Bích Mai	20	01	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	Sở GD&ĐT	09 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTTCB	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1203	Bùi Thị Ngọc Thanh	10	8	1987	x	01/09/2007	13/3/2008	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Thiên Tuế	UBND quận Bình Tân	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục mầm non. Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B1		
1204	Hà Kim Tuyền	24	5	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Thiên Tuế	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục mầm non. Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II, III	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B1		
1205	Nguyễn Thị Khánh Vân	11	11	1984	x	01/03/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thiên Tuế	UBND quận Bình Tân	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục mầm non.		GVMN hạng III		Tin học ứng dụng A	Anh B		
1206	Nguyễn Thị Thái Linh	15	07	1983	x	01/09/2008	01/03/2009	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Đỗ Quyền	UBND quận Bình Tân	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	CCBD CDNN GVMN hạng 2	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh A		
1207	Lê Thị Hòa	29	03	1987	x	01/09/2012	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Đỗ Quyền	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN		CCBD CDNN GVMN hạng 2		CNTT cơ bản	Anh B		
1208	Nguyễn Ngọc Lan Chi	28	12	1979	x	01/9/1999	01-03-2000	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	14 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Thạc sĩ	Trung cấp	GVMN hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B1		
1209	Cao Thị Thanh	6	12	1989	x	'1/9/2013	'1/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
1210	Lê Thị Hằng	20	7	1995	x	1/10/2017	1/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1211	Vô Thị Kiều Duyên	26	4	1993	x	01/04/2019	01/04/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	5 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1212	Phạm Thị Bích Thủy	18	10	1982	x	01/04/2017	01/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1213	Lê Thị Hồng Vân	6	4	1985	x	'01/8/2013	1/8/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học		GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1214	Nguyễn Thị Phương	29	2	1988	x	01/09/2008	1/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1215	Nguyễn Thị Yến Ngọc	4	1	1994	x	01/04/2017	1/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh A2		
1216	Phạm Thị Phương Anh	27	10	1984	x	1/4/2017	1/4/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh A2		
1217	Nguyễn Thị Sen	29	1	1984	x	01/04/2017	01/04/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1218	Nguyễn Thị Hồng Ngự	21	3	1988	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1219	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	14	4	1989	x	1/11/2014	1/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học		GVMN hạng III		THƯỞ A	Anh B		
1220	Trần Mỹ Hoa	19	4	1983	x	01/09/2010	1/3/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	8 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh A		
1221	Ngô Hồng Trang	15	7	1991	x	01/11/2016	01/11/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1222	Khấu Hồng Huệ	25	2	1984	x	01/04/2017	01/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	4 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1223	Nguyễn Hồng Uyển	18	6	1984	x	1/04/2017	01/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	3 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1224	Nguyễn Phạm Minh Hồng	15	10	1987	x	01/04/2019	01/04/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	5 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1225	Lê Thị Ngọc Tinh	24	1	1993	x	01/10/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND quận Bình Tân	3 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1226	Lê Thị Ngọc Bích	22	1	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND Quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư Phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1227	Huỳnh Thị Ngọc Hiếu	23	3	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND Quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học Sư Phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1228	Nguyễn Hà Ngọc Uyển	12	10	1978	x	01-09-2001	01-04-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND Quận Bình Tân	15 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học Sư Phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1229	Võ Thị Thanh Tuyền	23	12	1983	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND Quận Bình Tân	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư Phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1230	Phạm Thị Tố Như	30	12	1984	x	01/09/2006	01/9/2007	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học ngành Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	- Bồi dưỡng quản lý giáo dục	UDCNT T Cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1231	Đỗ Lệ My	15	03	1981	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học ngành Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	- Bồi dưỡng hiệu trưởng trường Mầm non	UDCNT T Cơ bản	Tiếng Anh trình độ B1		
1232	Nguyễn Thị Kim Anh	27	04	1979	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học ngành Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		B	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1233	Trần Thị Tuyền	20	7	1980	x	01/09/2014	01-11-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND Quận Bình Tân	8 năm, 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học ngành Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học văn phòng chứng chỉ A	Tiếng Anh trình độ B		
1234	Trần Thị Kim Yến	8	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Cẩm Tú	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh B		
1235	Võ Thị Phương Thảo	6	12	1987	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Cẩm Tú	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh B		
1236	Võ Thị Thuý Kiều	27	11	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Ánh Mai	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTN C	Anh văn B1		
1237	Võ Thị Kim Châu	19	2	1977	x	09-01-2001	03-01-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Ánh Mai	UBND quận Bình Tân	22 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học Sư phạm		GV Mầm non hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ	Anh văn B		
1238	Lê Ngọc Hoa	1	4	1988	x	11-01-2014	11-01-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Ánh Mai	UBND quận Bình Tân	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		Tin học B	Anh văn B		
1239	Huỳnh Thị Tĩnh	15	02	1980	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Trường Mầm non Trúc Đào	UBND Quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm Mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B1		
1240	Mai Thị Thu Thảo	20	12	1986	x	10/08/2017	10/08/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Trúc Đào	UBND Quận Bình Tân	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1241	Nguyễn Thị Hiếu Trâm	02	09	1992	x	10/08/2017	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trúc Đào	UBND Quận Bình Tân	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
1242	Yên Thị Thùy Dung	10	1	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Dạ Lý Hương	UBND Quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		CNTTN C	Anh Bậc 2		
1243	Nguyễn Thị Hồng Vân	23	8	1977	x	01-08-1998	01-02-1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B		
1244	Hoàng Thụy Cẩm Tú	16	9	1988	x	01-08-2008	01-03-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	CN hành chính	A	Anh B		
1245	Nguyễn Thị Bích Thủy	29	9	1981	x	05-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1246	Nguyễn Thị Bích Huyền	31	8	1985	x	01-08-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1247	Lê Thị Hoàng Yến	18	5	1987	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1248	Đỗ Thị Xuân Anh	28	2	1979	x	03-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1249	Trần Thị Kim Phụng	26	3	1981	x	03-08-2015	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1250	Võ Thị Minh Hân	21	10	1974	x	15/8/1998	05-01-2000	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 6 tháng	V.07.02.05	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1251	Quách Nữ Thu Trâm	27	8	1974	x	08-07-1995	02-01-1997	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 9 tháng	V.07.02.05	4,98	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh A		
1252	Lê Thị Thanh Tuyền	16	10	1984	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1253	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	20	2	1984	x	11-01-2016	11-01-2016	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 5 tháng	V.07.02.05	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1254	Nguyễn Thị Loan Phụng	8	7	1972	x	08-01-1996	06-01-1998	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 9 tháng	V.07.02.05	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1255	Hoàng Thị Thái Hằng	25	5	1975	x	25/8/2017	09-01-2017	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1256	Nguyễn Thị Hạnh	17	5	1977	x	09-01-1999	03-01-2000	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 9 tháng	V.07.02.05	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1257	Cao Thị Trà Giang	20	12	1985	x	09-01-2012	03-01-2013	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 1 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1258	Nguyễn Thị Bích Sơn	7	9	1981	x	09-01-2010	03-01-2011	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1259	Nguyễn Ngọc Bích	21	8	1976	x	08-01-1996	06-01-1998	Giáo viên	trường Mầm non 2	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 9 tháng	V.07.02.05	4,89	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1260	Trần Thị Mai	16	8	1974	x	01/09/2000	01-10-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 3	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	B	Anh B		
1261	Lê Thị Thanh Hồng	30	4	1985	x	01/09/2010	15-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm Non 3	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	CNTT cơ bản	Anh A2		
1262	Quách Thị Bảy	11	9	1989	x	01/09/2011	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm Non 3	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
1263	Huỳnh Thị Ánh Hồng	9	6	1987	x	06/09/2011	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm Non 3	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
1264	Trần Thị Hoàng Oanh	14	4	1987	x	01/9/2008	09-01-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 5	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 4 tháng	V.07.02.25	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		THU'D A	Anh B		
1265	Phạm Minh Thùy Dung	15	6	1989	x	01/9/2008	26/4/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 5	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 11 tháng	V.07.02.25	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	THU'D A	Anh B		
1266	Bồ Nguyễn Tuyết Nhi	11	6	1993	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 6	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1267	Nguyễn Hồng Nhung	9	3	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 7A	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTCB	Anh B		
1268	Phan Phụng Tiên	28	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm Non 7A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B2 Aptis		
1269	Lê Thị Mộng Thanh	9	11	1969	x	04-08-1997	07-01-2007	Giáo viên	Trường Mầm non 7B	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		THU'D B	Anh B		
1270	Lê Thị Cát Dung	22	2	1972	x	09-01-2001	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 7B	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		THU'D A	Anh B		
1271	Phạm Thị Trúc Phương	12	6	1980	x	01/09/2007	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 11A	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B1		
1272	Phạm Nguyễn Hoàng Yến	21	12	1976	x	01/09/2003	01/09/2007	Giáo viên	Trường Mầm non 11A	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1273	Bùi Nguyễn Hoàng Yến Trang	5	5	1974	x	01/09/2003	01/03/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 11A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III	Trung cấp	A	Anh B1		
1274	Nguyễn Thị Hoan	28	5	1988	x	01/09/2011	01/09/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 11A	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II	Trung cấp	Tin học căn bản	A2		
1275	Trương Thị Kiều Tiên	28	10	1973	x	01/08/1997	01/02/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 11B	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1276	Dương Thị Thu Trang	16	3	1980	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Trường Mầm non 11B	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1277	Nguyễn Thị Ngọc Chi	29	7	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1278	Huỳnh Thị Tú Phương	10	4	1980	x	01-11-2011	01-08-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1279	Lý Ngọc Mai	8	10	1979	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1280	Huỳnh Thị Nam Phương	25	7	1979	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1281	Nguyễn Thị Kim Thi	21	1	1990	x	01-08-2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1282	Trần Thị Minh Hương	23	5	1978	x	01-09-1999	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1283	Đặng Thị Ngọc Tuyền	26	1	1984	x	01-09-2005	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1284	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	25	11	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1285	Vũ Thị Ngọc Diễm	29	3	1979	x	10-12-2004	01-06-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 13	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		CNTT CB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1286	Trần Thị Kim Trang	21	8	1984	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 13	UBND Quận Bình Thanh	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		CNTT CB	Anh A2		
1287	Nguyễn Hồng Thắm	23	9	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 13	UBND Quận Bình Thanh	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		A	Anh B		
1288	Nguyễn Bùi Khánh Vy	17	11	1986	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND Quận Bình Thanh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.34 + 2%	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	ĐH	UDCN TT	Anh B		
1289	Hoàng Thị Vượt	02	10	1988	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND Quận Bình Thanh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.03 + 2%	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		UDCN TT	Anh B		
1290	Trần Thị Ngọc Thảo	12	3	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận Bình Thanh	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1291	Đào Thị Sáng	20	5	1985	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận Bình Thanh	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh A		
1292	Lê Thị Ngọc Anh	23	9	1993	x	01/04/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận Bình Thanh	8 năm	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
1293	Nguyễn Thị Quyên	17	3	1995	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận Bình Thanh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		B	Anh B		
1294	Trần Thị Kim Hậu	4	1	1995	x	01/09/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND Quận Bình Thanh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1295	Lê Trương Thủy Loan	21	7	1969	x	01/03/1995	01/03/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thanh	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.89+6 %	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	A	Trình độ B		
1296	Nguyễn Thanh Hường	6	8	1976	x	01/01/2001	01-07-2001	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thanh	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Trung cấp	A	Trình độ A		
1297	Nguyễn Thị Nhung	8	7	1988	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thanh	11 năm	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Trình độ B		
1298	Trần Thụy Thủy Tiên	1	5	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thanh	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Trình độ A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1299	Trần Thị Mỹ Hà	22	9	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		Tin học Ứng dụng	Trình độ A2		
1300	Lê Thị Kim Nương	10	7	1987	x	01-11-2014	01-05-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III	Trung cấp	A	Trình độ B		
1301	Trương Thị Thanh Thắm	17	11	1988	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Trình độ B		
1302	Lê Thị Ánh Ngọc	14	4	1980	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Trình độ B		
1303	Đặng Thị Thúy Lan	9	7	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Trình độ A		
1304	Diệp Thanh	28	4	1993	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTT CB	Trình độ B		
1305	Quang Công Thị Phương Nhi	19	10	1995	x	01-06-2019	01-06-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTT CB	Trình độ B		
1306	Dương Thị Bích Vân	25	10	1994	x	01-06-2019	01-06-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 15B	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTT CB	Trình độ B		
1307	Lưu Ngọc Tiên	22	2	1983	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT CB	Anh B		
1308	Đinh Thị Tuyết Mai	20	9	1994	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1309	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	15	9	1987	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTT CB	Anh B		
1310	Ngô Thị Quỳnh Mai	30	6	1979	x	01-08-2014	01-02-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT CB	Anh B		
1311	Lê Ngọc Thu Hà	19	7	1995	x	25-08-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		CNTT CB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1312	Nguyễn Thị Thanh Loan	15	5	1982	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT CB	Anh B		
1313	Ngô Thị Diệu Anh	28	3	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTT CB	Anh B		
1314	Lâm Thanh Hà	15	9	1993	x	22-08-2016	01-09-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1315	Lê Thị Thuý Dung	23	6	1988	x	18-09-2018	01-04-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
1316	Nguyễn Thị Phương Trang	13	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1317	Nguyễn Kim Thuyền	11	8	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		UDCB	Anh B		
1318	Phạm Thị Thuý Dung	4	6	1983	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 17	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 5 tháng	V.07.02.26	30,3	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		UDCB	Anh B		
1319	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	27	9	1983	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1320	Trần Diễm Châu	3	12	1986	x	01-09-2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		Cao đẳng	Anh B		
1321	Nguyễn Thị Thu Thuý	10	12	1980	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1322	Nguyễn Thanh Tuyet	20	10	1991	x	01/09/2014	01/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1323	Nguyễn Thị Ngọc Y	25	9	1987	x	09-01-2009	03-01-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,06	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1324	Trương Thị Tuyết H	10	10	1994	x	01-09-2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 19	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1325	Nguyễn Đắc Trà Mi	06	01	1986	x	01/10/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm Non 21	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1326	Phan Hoàng Thanh Trúc	09	12	1994	x	01/08/2015	01/02/2016	Giáo viên	Trường Mầm Non 21	UBND Quận Bình Thạnh	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1327	Phan Thị Kim Nguyên	15	01	1993	x	01/09/2014	01/05/2015	Giáo viên	Trường Mầm Non 21	UBND Quận Bình Thạnh	09 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1328	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18	02	1995	x	01/12/2017	26/09/2018	Giáo viên	Trường Mầm Non 21	UBND Quận Bình Thạnh	06 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT CB	Anh A2		
1329	Nguyễn Ngọc Tô Châu	23	11	1984	X	01/9/2006	01-09-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non 22	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Trung cấp	CNTT CB	Anh B		
1330	Nguyễn Thị Thuý	27	6	1971	x	09-05-2006	03-01-2007	Giáo viên	Trường Mầm Non 22	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Đại học	CNTT CB	Anh B		
1331	Vương Thị Mỹ Dung	1	1	1974	X	01-08-1998	01/02/1999	Giáo viên	Trường Mầm Non 22	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Trung cấp	CNTT CB	Anh B		
1332	Lê Thị Minh Hiếu	25	2	1985	X	01-09-2009	19-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm Non 22	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT CB	Anh B		
1333	Mai Thị Ngọc Hoài	4	5	1990	X	01/9/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm Non 22	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT CB	Anh A		
1334	Trần Thị Bích Loan	26	10	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng II		A	Anh B		
1335	Nguyễn Thị Duy Phương	22	7	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng II		A	Anh B		
1336	Bùi Thị Hoàng	10	6	1979	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng II		A	Anh A		
1337	Lưu Thị Thu Huyền	13	8	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng II		A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1338	Nguyễn Ngọc Thanh Vân	08	6	1982	x	22-08-2019	01-03-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.10	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng III		B	Anh B		
1339	Nguyễn Thị Cẩm Nguyễn	01	2	1990	x	18-09-2018	01-04-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 24A	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm	V.07.02.26	2.41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Không	GV MN hạng III		A	Anh B		
1340	Lê Thị Hiệp	08	08	1981	x	01/8/2014	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1341	Nguyễn Thị Kim L	26	6	1984	x	01/8/2014	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1342	Nguyễn Thị Ngọc T	12	8	1971	x	01/8/1992	01/6/1994	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Giáo dục Mầm non	TCCT	GV MN hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1343	Đặng Thị Hồng S	23	4	1989	x	01/11/2014	01/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	09 năm 04 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
1344	Nguyễn Ngọc Uyên	2	7	1983	X	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1345	Nguyễn Thị Hoàng	8	2	1981	x	01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1346	Lê Thụy Thanh Quy	13	8	1983	x	01/9/2004	01/3/2005	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
1347	Cao Thị Lương D	20	10	1986	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 24B	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1348	Nguyễn Thị Hạnh	03	05	1974	N ữ	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non 25A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1349	Nguyễn Thị Thái Hòa	13	04	1976	N ữ	04-08-1997	01-04-1999	Giáo viên	Trường Mầm non 25A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SCCT	GV MN Hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1350	Trần Thị Kiều Phương	25	09	1978	N ữ	01-09-2001	01-06-2008	Giáo viên	Trường Mầm non 25A	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		UD CNTT CB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1351	Phạm Thị Hiền	25	07	1990	Nữ	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 25A	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SCCT	GV MN Hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1352	Nguyễn Thị Hồng Châu	04	08	1976	Nữ	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 25A	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
1353	Nguyễn Kim Hà	12	01	1978	X	01-09-2006	01-06-2011	P.Hiệu trưởng	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	TC	GV MN Hạng II		A	Anh B		
1354	Lương Thị Thu Thảo	17	11	1990	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng II		A	Anh B		
1355	Nguyễn Thị Thúy An	17	04	1987	X	01-04-2012	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	09 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng II		B	Anh B		
1356	Võ Thị Việt	07	07	1984	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	09 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng II		A	Anh B		
1357	Đặng Thị Hồng Diễm	31	12	1981	X	01-09-2006	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng II		A	Anh A		
1358	Nguyễn Thị Khuyên	01	05	1993	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng II		A	Anh B		
1359	Lê Trần Đan Thanh	05	05	1984	X	01-09-2007	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng III		A	Anh B		
1360	Phạm Thị Thu Phương	28	03	1984	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng III		A	Anh B		
1361	Nguyễn Lưu Thanh	25	01	1987	X	01/08/2012	01/03/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	07 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN Hạng III		A	Anh B		
1362	Nguyễn Thị Thùy N	23	02	1989	X	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	07 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng III		B	Anh B		
1363	Hoàng Thị Hằng	10	10	1995	X	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	07 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1364	Bùi Thị Hồng Nhiên	21	11	1997	X	01/09/2019	01/03/2020	Giáo viên	Trường Mầm non 25B	UBND Quận Bình Thạnh	03 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,10	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN Hạng III		CNTTCB	Anh B1		
1365	Lê Thị Ngọc Phương	22	1	1977	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1366	Bùi Thị Thanh Thủy	18	1	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1367	Trần Thị Diễm Châu	5	3	1974	x	01-09-1999	02-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1368	Trần Thị Diễm	15	5	1984	x	01-09-2006	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1369	Nguyễn Thị Liên	27	10	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1370	Lê Thị Mai Trâm	22	10	1985	x	01-10-2005	01-06-2008	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1371	Phạm Thị Tuyết Nhung	19	6	1978	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1372	Nguyễn Thị Tim	15	6	1978	x	01-08-2014	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 6 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1373	Phạm Thị Phương Thảo	17	4	1978	x	01-03-2007	01-03-2007	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,99	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1374	Phạm Thị Ngọc Anh	21	9	1986	x	01-01-2021	01/01/2021	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1375	Phạm Thị Thu Hà	11	3	1993	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1376	Trần Ngọc Hạnh Trang	11	9	1980	x	01/9/2005	01/3/2006	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1377	Vũ Thị Lan	16	9	1991	x	01-09-2014	01-05-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1378	Nguyễn Thị Thu Ngọc	23	6	1990	x	01-01-2021	01-05-2021	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1379	Nguyễn Thị Phương Thảo	28	2	1983	x	01-10-2018	01-10-2018	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1380	Nguyễn Nhân Đức	4	11	1984	x	28-11-2011	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1381	Lê Nguyễn Thanh Phương	15	11	1994	x	01/9/2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1382	Nguyễn Thị Cẩm Thu	6	5	1995	x	01/9/2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1383	Huỳnh Thị Minh Thư	22	8	1997	x	01-01-2021	01-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	TOEIC		
1384	Lê Thị Thuý	5	3	1988	x	01-01-2021	01-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non 26	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
1385	Châu Nguyễn Thủy Dung	29	12	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 09 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Thạc Sĩ	A	Anh B1		
1386	Phạm Thị Thủy Hương	17	10	1977	x	15-08-1998	01-03-2001	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1387	Nguyễn Thị Phương Trang	4	1	1975	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 09 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1388	Bùi Thị Thanh Huệ	25	3	1978	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		B	Anh B		
1389	Lê Thị Thu Hà	2	9	1975	x	01-11-2005	01-11-2006	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1390	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	18	12	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1391	Hồ Thanh Tuyền	27	3	1978	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		B	Anh B		
1392	Bùi Thị Kim Phượng	12	11	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		NC	Anh A2		
1393	Trần Thị Xuân Trang	29	5	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng II		NC	Anh B		
1394	Đậu Thị Hải Lý	28	9	1989	x	15-04-2015	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1395	Nguyễn Trần Uyên	20	12	1975	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		B	Anh B1		
1396	Kiều Thị Thúy Nga	26	11	1985	x	25-08-2017	26-09-2018	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng II		B	Anh B		
1397	Phan Thị Ngọc Quỳnh	1	8	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1398	Trần Thị Diễm Thy	9	1	1986	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		B	Anh B		
1399	Trần Thị Thanh Thảo	21	6	1992	x	08-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng II		B	Anh B		
1400	Phan Minh Trang	14	6	1993	x	01-12-2016	07-06-2017	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,410	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		NC	Anh B		
1401	Nguyễn Thị Bích	15	7	1974	x	18-09-2018	01-04-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 00 tháng	V.07.02.26	2,100	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh A2		
1402	Phạm Thị Lan Trinh	3	8	1995	x	18-09-2018	01-04-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	5 năm 00 tháng	V.07.02.26	2,100	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		NC	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1403	Lê Thị Hoàng Anh	16	4	1997	x	03-09-2019	01-03-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	4 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,100	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		NC	Anh B		
1404	Bùi Thị Hồng Ngọc	26	8	1995	x	01-09-2020	01-03-2021	Giáo viên	Trường Mầm non 27	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,100	Đại Học - Giáo dục Mầm non	SC	GV MN hạng III		A	Anh B		
1405	Nguyễn Thị Bích Thủy	14	5	1977	x	15-09-1998	01-03-1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 28	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	4.58+24%	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Cử nhân	A	Anh B		
1406	Nguyễn Ngọc Giàu	9	4	1991	x	01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 28	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2.72+8%	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN		CN TTCB	Anh B		
1407	Phan Ngọc Ngân Bình	9	9	1996	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non 28	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2.1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN		CN TTCB	Anh B		
1408	Nguyễn Diệu Thu	12	4	1987	x	01-09-2018	01-04-2019	Giáo viên	Trường Mầm non 28	UBND Quận Bình Thạnh	3 năm 5 tháng	V.07.02.26	2.1	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN		CN TTCB	Anh B		
1409	Lê Thị Huyền Châu	4	3	1981	x	01-09-2016	01-09-2016	Giáo viên	Trường Mầm non 28	UBND Quận Bình Thạnh	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.96+12%	Đại Học - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	CDNN GVMN		B	Anh B		
1410	Trần Thị Ngọc Thanh	16	8	1978	x	01-01-2001	01-07-2001	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	20 năm 8 tháng	V07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non		GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT B	B		
1411	Trần Thị Uyên Thy	4	8	1985	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 8 tháng	V07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT A	B		
1412	Hoàng Thị Thùy Hương	24	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non		GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT B	B		
1413	Lương Thị Kim Tuyền	7	10	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 6 tháng	V07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT A	B		
1414	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh - B		
1415	Nguyễn Thị Kim Ngân	12	7	1985	x	01-09-2004	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1416	Nguyễn Thị Ngân Tâm	10	9	1992	x	09-05-2012	01-09-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		B	Anh - B		
1417	Lại Trần Bảo Ngọc	27	5	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh - B		
1418	Lý Ngọc Thuận	5	1	1982	x	08-01-2013	12-12-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh - B		
1419	Nguyễn Huỳnh Phương Tuyền	1	1	1989	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	09 năm 08 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		A	Anh - B		
1420	Nguyễn Thị Mỹ Hường	13	1	1984	x	09-01-2008	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh - B		
1421	Đặng Thị Nguyệt	22	3	1979	x	02-09-2000	01-07-2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh A2		
1422	Biện Ngọc Thiên Thanh	13	10	1988	x	01-09-2010	01-11-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hồng Nhung	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	45354	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		A	Anh - B		
1423	Khổng Thị Phương	27	12	1987	x	01/09/2014	01/9/2015	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Nhật Quỳnh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng III		THƯ'Đ A	Anh B		
1424	Văn Thị Thủy Linh	23	05	1983	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Nhật Quỳnh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		B	Anh B		
1425	Nguyễn Thị Thủy Linh	12	06	1975	x	01/09/2008	14-04-2009	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Nhật Quỳnh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng III		B	Anh B		
1426	Phạm Trúc Quỳnh	03	01	1984	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Nhật Quỳnh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng III		B	Anh B		
1427	Hồ Thị Xuân Sang	23	05	1980	x	03/09/2004	03/09/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Nhật Quỳnh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1428	Nguyễn Thanh Vy	24	8	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	3	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		THƯ'Đ A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1429	Huỳnh Vy Bảo Phúc	18	11	1979	x	01-08-1998	17-07-2018	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòa Mi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh B		
1430	Nguyễn Thị Xuân Trà	2	7	1977	x	01-08-1997	17-07-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh B		
1431	Nguyễn Hoàng Lan Thi	30	5	1986	x	01-09-2007	17-07-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh B		
1432	Nguyễn Thị Thanh Hà	17	10	1994	x	01-08-2015	17-07-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Mi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V.07.02.05	2,72	Đại học sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
1433	Đào Thị Thơm	10	8	1982	x	01/09/2010	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Anh B		
1434	Nguyễn Thu Thủy	22	11	1981	x	01/09/2003	01/01/2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Anh A		
1435	Nguyễn Thị Kiều Hân	15	12	1985	x	01-09-2014	14-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	07 năm 01 tháng	V.07.02.26	3	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II	Không có	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn trình độ B		
1436	Nguyễn Thị Ý Lan	14	3	1994	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	07 năm 8 tháng	V.07.02.26	3	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II	Không có	Tin học trình độ A+ Ứng dụng CNTT dạy học	Anh văn trình độ B		
1437	Lâm Thị Bích Đồng	10	2	1982	x	01-10-2006	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học trình độ A+ Ứng dụng CNTT dạy học	Anh văn trình độ B		
1438	Dương Thị Phú Khánh	10	10	1985	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường MN Hạnh Thông Tây	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	09 năm 08 tháng	V07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng III		Tin học căn bản B	Chứng chỉ tiếng anh B		
1439	Bùi Thị Cẩm Hồng	01	11	1979	x	01-09-2002	01/07/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thủy Tiên	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng II		ỨNG DỤNG	Anh_B		
1440	Hồ Thị Thủy	23	04	1984	x	01/12/2014	01/12/2014	Giáo viên mầm non	Trường MN Hạnh Thông Tây	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	09 năm 04 tháng	V07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		Tin học căn bản B	Chứng chỉ tiếng anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1441	Trịnh Nguyễn Ngọc Phương	13	09	1985	x	01/08/2007	01/08/2008	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hạnh Thông Tây	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 08 tháng	V07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, III	Trung cấp	Tin học căn bản A	Chứng chỉ tiếng anh B		
1442	Trần Thị Thanh Bình	10	10	1982	x	01/09/2011	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường MN Hạnh Thông Tây	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 07 tháng	V07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, III		Tin học căn bản B	Chứng chỉ tiếng anh B		
1443	Dư Thị Mỹ Dung	06	08	1991	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Hạnh Thông Tây	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 08 tháng	V07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II, III		Tin học căn bản B	Chứng chỉ tiếng anh B		
1444	Nguyễn Thị Phương Anh	7	8	1981	x	01-01-2001	01-07-2001	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 09 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Trình độ B		
1445	Lê Thị Linh	3	12	1978	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UDCNT T	Trình độ B		
1446	Lê Thị Ánh Nga	12	9	1977	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UNCNT T nâng cao	Trình độ B		
1447	Hy Thị Kim Chi	9	12	1972		01-01-1992	02-01-2002	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	23 năm 9 tháng	V,07,02,26	4,89+8%	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II, III		UDCNT TCB	Anh B		
1448	Trần Thị Thanh Nhã	26	8	1984		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V,07,02,26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT TCB			
1449	Vũ Thị Huyền	3	2	1978	x	01-09-2006	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Sen	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 3 tháng	V07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	CC bồi dưỡng QL GDMN	B	B		
1450	Đinh Thị Hoa	14	4	1976	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Ngọc Lan	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V07.02.26	4,89	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Không có	UDCNT T	B		
1451	Đỗ Thị Thuý Nga	22	4	1974	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoàng Yến	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B	Anh B		
1452	Nguyễn Thị Chung	20	11	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoàng Yến	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B	Anh B		
1453	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16	11	1988	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoàng Yến	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1454	Tô Mỹ Vân	5	9	1983	x	12-09-2018	12-09-2018	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoàng Yên	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1455	Đặng Thị Thắm	04	06	1982	x	01-10-2012	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quỳnh Hương	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 3 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		THUĐ A	Anh B		
1456	Đoàn Thị Ngọc Thái	04	03	1979	x	01-12-2004	04-06-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học GDMN		GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B		
1457	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	06	08	1981	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GVMN hạng II		THUĐ A	Anh văn B		
1458	Lê Thị Hồng Gấm	24	06	1981	x	01-09-2004	01-08-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học GDMN	Trung cấp	GVMN hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh văn B		
1459	Nguyễn Quỳnh Anh	06	07	1990	x	01/09/2010	01/09/2011	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Bằng ngôn ngữ Anh		
1460	Nguyễn Thị Phương Dung	24	10	1987	x	01/09/2011	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học GDMN		GVMN hạng II		THUĐ B	Anh văn B		
1461	Nguyễn Thị Liên	15	03	1971	x	01/09/1993	01/09/1993	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	30 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89+5 %	Đại học GDMN	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh văn B1		
1462	Nguyễn Thị Tuyết Anh	07	11	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GVMN hạng II		CNTT B	Anh văn B1		
1463	Ngô Thị Kim Hồng	11	12	1977	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học GDMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh văn B		
1464	Dương Thị Thu Trang	18	11	1983	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	20 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học GDMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh văn B		
1465	Nguyễn Trang Đài	26	06	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Anh Đào	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học GDMN		GVMN hạng II		THUĐ B	Anh văn B		
1466	Lê Mộng Tuyền	18	12	1983	x	01-09-2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non hạng III	Trường Mầm non An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1467	Nguyễn Thị Bảo Trân	1	1	1984	x	01/11/2006	01/08/2015	Giáo viên mầm non hạng III	Trường Mầm non An Nhơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	8 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		GVMN hạng II		B	Anh văn B		
1468	Vũ Hoàng Anh	17	7	1988	x	01/12/2010	01/08/2014	Giáo viên mầm non hạng III	Trường Mầm non An Nhơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh văn B		
1469	Nguyễn Ngọc Quyên	19	12	1985	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non hạng III	Trường Mầm non An Nhơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn B		
1470	Nguyễn Thị Lan Vy	2	3	1980	x	15-06-2001	16-05-2016	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	trung cấp	CDNN hạng III, II		B	B		
1471	Nguyễn Yến Ly	20	3	1984	x	01-09-2011	08-05-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	trung cấp	CDNN hạng III, II		B	B		
1472	Đỗ Thị Kim Dung	26	3	1987	x	01-09-2007	13-02-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	4 năm 9 tháng	V07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	sơ cấp	CDNN hạng III, II		B	B		
1473	Nguyễn Thị Phương Thảo	20	2	1993	x	01-08-2014	12-03-2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 9 tháng	V07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN hạng III, II		A	B		
1474	Cao Thị Hoài Phương	18	7	1988	x	01-08-2015	01-08-2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tường Vi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	8 năm 9 tháng	V07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III		B	B		
1475	Lưu Thị Nguyên	14	9	1972	x	01-07-2010	16-03-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 01 tháng	V07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng III		Ứng dụng	Anh văn _ B		
1476	Trần Thị Minh Hiểu	1	3	1985	x	01-09-2007	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng III		Ứng dụng	Anh văn _ B		
1477	Hoàng Thị Nga	20	10	1984	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng III		Ứng dụng	Anh văn _ B		
1478	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	9	10	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 4 tháng	V07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng III	QLGD	Ứng dụng	Anh văn _ B		
1479	Hồ Hà Hồng Hương	1	11	1987	x	12-09-2016	12-09-2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	7 năm 8 tháng	V07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN hạng III		Ứng dụng	Anh văn _ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1480	Trần Thị Chung	13	13	1987	x	01-09-2011	12/09/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sóc Nâu	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên MN hạng III		Ứng dụng	Anh văn _ B		
1481	Trần Thị Ngọc Anh	28	5	1989	x	09-01-2011	01-09-2012	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Mai Vàng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân GDMN		GVMN hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
1482	Nguyễn Thùy Trinh	31	7	1988	x	01-08-2014	01-02-2015	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Mai Vàng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân GDMN Thạc sĩ quản lý giáo dục		GVMN hạng II		THƯỞNG B	Anh B		
1483	Phan Minh Thục	20	11		x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Mai Vàng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân GDMN		GVMN hạng III, II		THƯỞNG B	Anh B		
1484	Phan Thị Tuấn Anh	30	11	1980	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Mai Vàng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân GDMN	Trung cấp	GVMN hạng III , II	QLNN ngạch chuyên viên	THƯỞNG B	Anh B		
1485	Nguyễn Thị Kiều Trinh	31	7	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Mai Vàng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân GDMN	Trung cấp	GVMN hạng II, III		THƯỞNG B	Anh B		
1486	Nguyễn Thị Thanh Hiền	26	9	1976	x	09-01-2003	03-01-2004	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
1487	Võ Nguyễn Gia Hiếu	04	4	1976	x	09-01-1999	03-01-2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	QLGD MN	CNTTN C	Anh B		
1488	Trần Diễm Hồng	27	5	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1489	Nguyễn Thị Khánh Phương	28	10	1979	x	04/08/1997	02/04/1999	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	6 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Giáo dục Mầm non	sơ cấp	GVMN hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B		
1490	Nguyễn Thị Kim Thảo	17	9	1985	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Anh B		
1491	Đinh Thị Hồng Vân	24	4	1987	x	01/08/2014	02-01-2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 1	UBND quận Phú Nhuận	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT TNC	Anh B		
1492	Lư Hồng Anh Hoa	14	12	1977	x	04/08/1997	01/05/2000	Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	23 năm 11 tháng	V.07.02.26	4.89+2 5%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B1		
1493	Nguyễn Thị Thu Hà	04	11	1970	x	01/08/1994	01/02/1996	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	28 năm 02 tháng	V.07.02.26	4.89+2 7%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		Nâng cao	Anh B		
1494	Nguyễn Đỗ Thanh Quỳnh	20	05	1979	x	01/09/2001	04/12/2006	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	18 năm 04 tháng	V.07.02.26	3.65+2 2%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1495	Nguyễn Thị Như Quỳnh	30	08	1979	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 01 tháng	V.07.02.26	2.72+11%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Cơ bản	Anh B		
1496	Trần Thị Thu Hằng	24	02	1982	x	01/08/2007	01/08/2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3.34+12%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh cấp độ 2		
1497	Nguyễn Phương Quỳnh	02	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 2	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.03+11%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		A	Anh B1		
1498	Trương Kim Hoà	6	1	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 3	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 6 tháng	V.07.05.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II, hạng III	QLGDM N	CNTTCB	Anh Bậc 2		
1499	Nguyễn Thị Yến Nhi	15	6	1978	x	15/9/1999	15/3/2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 3	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II, hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
1500	Vũ Thị Ngọc Lan	25	5	1974	x	28/08/2002	09-01-2004	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 3	UBND quận Phú Nhuận	20 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II, hạng III		UDCNT TCB	B		
1501	Phan Thị Ngọc Loan	5	10	1974	x	4/8/1997	16/3/1999	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 3	UBND quận Phú Nhuận	25 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II, hạng III	QLGDM N	CNTTCB	Anh văn Bằng B		
1502	Trần Ngọc Trâm	02	02	1975	x	01-01-2001	01/7/2001	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 4	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	4.27	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	QLGDM N	UDCNT TCB	Anh B1		
1503	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	13	9	1992	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 4	UBND quận Phú Nhuận	9 Năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		UDCNT TCB	Anh B1		
1504	Nguyễn Tuyết Hươ	6	7	1982	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 4	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.33	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	QLGDM N	UDCNT TCB	Anh B1		
1505	Phó Bích Phương	27	11	1973	x	01/8/1995	01/02/1997	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 4	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		UDCNT TCB	Anh A2		
1506	Đào Thị Kim Hồng	20	4	1982	x	01-09-2002	01-04-2003	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 4	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		UDCNT TCB	Anh A2		
1507	Phạm Thị Kiều Diễm	25	02	1982	x	01/09/2002	01/06/2003	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,96+0,35	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, hạng III	QLGDM N	THƯĐ A	Anh B		
1508	Tổng Thị Kim Trúc	20	09	1982	x	01/09/2003	01/06/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,27+0,35	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, hạng III	QLGDM N	THƯĐ A	Anh B		
1509	Nguyễn Thị Mỹ Châu	29	11	1969	x	01-09-1990	01/03/1992	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	32 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,89+6%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯĐ A	Anh B		
1510	Nguyễn Ngọc Linh Châu	19	10	1981	x	01-09-2004	01/03/2005	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	19 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạngII, hạng III		THƯĐ A	Anh B		
1511	Trần Thuý Quế Hương	14	10	1976	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	18 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯĐ B	Anh B		
1512	Phùng Thị Bích Hồng	26	09	1972	x	02-08-1993	01-03-1995	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	28 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,89+5%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯĐ B	0		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1513	Nguyễn Thị Thanh Hằng	04	06	1978	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		THƯ'D B	Anh B		
1514	Nguyễn Thị Giáng Kiều	20	06	1970	x	01-09-2002	01-12-2004	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	19 năm 04 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1515	Huỳnh Thị Mỹ Linh	04	11	1988	x	01-10-2008	01/09/2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1516	Ngô Thị Thuý Loan	09	08	1978	x	01-09-1999	01/03/2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58+0 ,15	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1517	Huỳnh Vy Cẩm Ngọc	18	11	1979	x	01/08/199	01/02/2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1518	Phan Hoàng Nguyên	16	09	1990	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1519	Đỗ Thị Thuý Trang	30	04	1982	x	01/09/2004	01-09-2004	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	19 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II, Hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1520	Đỗ Thị Phương Trinh	28	11	1970	x	01-09-1990	01/03/1992	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	32 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89+0 ,2+7%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II, Hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1521	Mai Thị Bạch Yến	06	1	1979	x	01-09-1999	01/03/2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 7	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58+0 ,15	Đại học Giáo dục Mầm non		GVMN Hạng II, Hạng III		THƯ'D A	Anh B		
1522	Nguyễn Thị Tinh	14	3	1976	x	01-09-1995	01-08-2017	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 8	UBND quận Phú Nhuận	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	B1		
1523	Vũ Thị Bích Huyền	1	10	1973	x	01-09-1998	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 8	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	A		
1524	Nguyễn Hoàng Kim Uyên	7	9	1987	x	01/10/2011	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 8	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	B		
1525	Lê Thị Tuyết	14	4	1969		01/5/1996	01/5/1997	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	19 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.58 + 0.35%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	CC BD LĐ cấp phòng	CNTTCB	Anh -A2		
1526	Phạm Thị Như Huỳnh	6	6	1987	x	09-01-2008	09-01-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65 + 0.35%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	CC ngạch chuyên viên - CC LĐ cấp phòng	B	B		
1527	Nguyễn Thanh Ngoan	12	8	1980		09-01-2009	09-05-2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
1528	Trần Vũ Thanh Điền	29	4	1985	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
1529	Trần Thị Thu Thảo	10	7	1995		01-08-2015	01-02-2016	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	BD CDNN MN		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1530	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	22	9	1975		08-01-1998	02-01-2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	20 năm	V.07.02.26	4.58 + 2%	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
1531	Lê Minh Ánh	13	12	1968		08-01-1991	13/4/1993	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	26 năm	V.07.02.26	4.89 + 6%	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	QL GDMN	B	B		
1532	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10	12	1977	x	08-04-1997	02-04-1999	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	20 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	B		
1533	Đào Thị Ngọc Hạnh	18	11	1979	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	B		
1534	Huỳnh Thị Thảo Trang	20	10	1986	x	08-01-2008	09-01-2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non		GV mầm non hạng III		A	B		
1535	Huỳnh Khánh Yến Nhi	18	12	1992		01-08-2014	01-02-2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	6 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III		B	B		
1536	Hà Phúc Bảo Uyên	5	10	1993	x	15/8/2016	01/02/2017	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 9	UBND quận Phú Nhuận	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh văn cơ bản		
1537	Phạm Thị Thiên Nga	13	02	1984	x	07/9/2004	01/8/2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 8 tháng	V.07.05.26	2,72	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1538	Võ Thị Cẩm Loan	2	8	1970	x	01/8/1992	01-10-2005	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	18 năm 6 tháng	V.07.05.26	4.58+5 %	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1539	Nguyễn Thị Kim Chi	21	11	1983	x	01/9/2005	01/9/2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh A		
1540	Nguyễn Thị Loan	11	9	1982	x	01/9/2011	27-03-2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 1 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT nâng cao	Anh B1		
1541	Đoàn Thị Sâm	04	10	1975	x	01/8/2009	09/01/2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 4 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh A		
1542	Ngô Thị Thanh Hằng	16	5	1974	x	01/12/1998	01-10-2005	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	18 năm 6 tháng	V.07.02.05	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1543	Vân Thị Diễm Nghi	05	10	1974	x	01/8/1994	12-04-2002	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	22 năm 0 tháng	V.07.05.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1544	Nguyễn Thị Huyền Châu	15	01	1974	x	01/8/1994	12-04-2002	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	22 năm 0 tháng	V.07.02.05	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1545	Lê Huyền Phương Vũ	05	8	1970	x	15/09/1997	01/7/2007	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 9 tháng	V.07.05.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh B1		
1546	Phạm Thị Phú	09	03	1971	x	15/09/1994	12-04-2002	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 10	UBND quận Phú Nhuận	22 năm 0 tháng	V.07.05.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN		CNTT cơ bản	Anh A2		
1547	Phan Thị Thanh Bình	21	02	1973	x	01-09-1994	01-09-1996	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 11	UBNDQP N	29 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.89+7 %	Đại học Giáo dục Mầm non	X	GVMN hạng II, III		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1548	Nguyễn Thị Hồng Phượng	28	6	1979	x	09-01-2001	03-01-2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 11	Sở GD&ĐT	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.96+0.2%	Đại học Giáo dục Mầm non		GV Mầm Non hạng II, III		UDCNT T cơ bản	Anh văn B		
1549	Vân Huỳnh Phương	27	10	1985	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 11	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV THPT hạng II, III		A	A2		
1550	Phạm Thị Thu Hiền	25	8	1980	x	01-09-2009	không có	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II	X	CNTT cơ bản	Anh B1		
1551	Tăng Xuân Ngọc	28	8	1970	x	01-09-1992	01-04-1994	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II		CNTT cơ bản	B		
1552	Bùi Thái Thực Oanh	16	12	1977	x	15-08-1998	01-02-2000	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II		CNTT cơ bản	B		
1553	Huỳnh Thị Thanh Thảo	26	6	1969	x	01-10-1992	01-04-1994	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,98	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II		CNTT cơ bản	B		
1554	Lê Phước Nguyên Thy	31	7	1974	x	01-08-1996	01-08-1997	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II		CNTT cơ bản	B		
1555	Nguyễn Thụy Thanh Trâm	19	2	1976	x	05-08-1996	05-04-1997	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II		CNTT cơ bản	B		
1556	Lưu Thị Kim Quyên	8	3	1975	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 12	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN hạng III, II	X	CNTT cơ bản	B		
1557	Nguyễn Thị Bích Liên	2	9	1973	x	30/08/1997	21-06-1905	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 14	UBND quận Phú Nhuận	26 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
1558	Lê Thị Thu Vân	5	1	1975	x	08-01-1995	30/09/1997	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 14	UBND quận Phú Nhuận	29 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
1559	Phan Mỹ Trinh	30	10	1982	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 14	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
1560	Vương Thê Hiền	1	5	1985	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 14	UBND quận Phú Nhuận	10 năm	V. 07.02.05	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
1561	Đỗ Hoàng Thủy Vi	23	10	1993	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 14	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1562	Dương Thị Bích Hồng	16	12	1970	x	01-09-1994	01-04-1996	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn ca 15	UBND quận Phú Nhuận	9 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	0	UDCNTTN C			Anh văn B		
1563	Hồ Thị Hương Đa Thảo	14	1	1976	x	01-08-1997	01-03-1999	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 15	UBND quận Phú Nhuận	9 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục Mầm non	0	UDCNTTC B			Anh văn B		
1564	Lê Thị Sơn Chi	25	4	1977	x	01-08-1997	01-03-1999	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 15	UBND quận Phú Nhuận	9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục Mầm non	0	THUD - B			Anh văn B		
1565	Nguyễn Thị Hồng Tâm	29	7	1977	x	01-08-2006	01-08-2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Sơn ca 15	UBND quận Phú Nhuận	17 năm	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục Mầm non	0	UDCNTTC B			Anh văn B		
1566	Trần Trương Thùy	5	6	1985	x	01/09/2005	01-01-2019	Giáo viên mầm non	Trường mẫu giáo Hương Sen	UBND quận Phú Nhuận	05 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Không	CNTTB	B Anh Văn		
1567	Nguyễn Thị Yến Thảo	21	1	1988	x	01/09/2009	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường mẫu giáo Hương Sen	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II	Không	CNTTB	B Anh Văn		
1568	Đào Thị Thu Hằng	26	9	1989	x	01/9/2011	24/4/2013	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	10 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh A2		
1569	Phạm Thị Ánh Nguyệt	12	12	1977	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1570	Vũ Thị Xuân Thanh	22	8	1984	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 2	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh A2		
1571	Phạm Thị Thanh Vân	7	12	1981	x	01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 2	UBND quận Tân Bình	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1572	Trang Thị Kim Kiều	6	9	1993	x	01/8/2015	01/8/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 2	UBND quận Tân Bình	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1573	Lê Thị Cẩm Giang	28	1	1993	x	01/11/2015	01/11/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 2	UBND quận Tân Bình	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		A	Anh C		
1574	Huỳnh Ngọc Thúy	22	10	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND quận Tân Bình	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		A	Anh A2		
1575	Đinh Thị Kim Chi	15	3	1980	x	01/9/2007	01/3/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND quận Tân Bình	5 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
1576	Lý Thị Phương Dung	20	7	1987	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Kim Đồng	UBND quận Tân Bình	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
1577	Trần Thị Kim Chung	12	8	1986	x	01/9/2008	01/9/2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1578	Trần Thu Hiền	20	11	1982	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1579	Phạm Trần Thanh Trúc	6	1	1989	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1580	Nguyễn Thị Hồng Xuyên	29	12	1986	x	01/8/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1581	Trần Thị Diễm Phú	18	12	1986	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1582	Huỳnh Phương Dung	30	3	1986	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1583	Lê Thị Nguyệt	4	10	1983	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1584	Nguyễn Kim Yến	25	7	1988	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 3	UBND quận Tân Bình	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1585	Vũ Thị Hồng	24	04	1983	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	Trường Mầm non 4	UBND quận Tân Bình	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	B	Anh C		
1586	Vũ Thị Thía	15	12	1982	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 4	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	x	CNTT trong dạy học	Anh B		
1587	Mìn Thanh Trúc	04	01	1989	x	01/9/2010	01/9/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B1		
1588	Nguyễn Ánh Xuân	07	07	1994	x	01/8/2015	01/8/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B1		
1589	Nguyễn Thị Nương	31	08	1984	x	01/9/2010	01/8/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	6 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1590	Nguyễn Thị Lan Trinh	13	08	1994	x	01/9/2015	07/4/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1591	Phan Thị Yến	23	01	1979	x	09/4/2004	03/01/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	6 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96 + 0,35%	- Cử nhân Giáo dục mầm non - Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh B1		
1592	Nguyễn Thị Mơ	28	06	1988	x	05/9/2009	05/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1593	Nguyễn Thị Lan Phương	22	08	1985	x	01/8/2006	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		B	B		
1594	Võ Thị Cẩm	09	02	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1595	Nguyễn Thị Minh Dự	02	09	1976	x	01/9/2004	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		B	Anh B		
1596	Phan Thị Thanh Hiếu	02	02	1990	x	01/8/2012	01/8/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1597	Nguyễn Thủy Vi	25	09	1983	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1598	Dương Thị Ngọc Hân	25	05	1983	x	09/01/2006	03/01/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65 + 0,2%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT cơ bản; UDCNT T trong dạy và học	Anh B		
1599	Nguyễn Thị Lý	10	09	1981	x	09/5/2004	09/01/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Quận	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		A	Anh B		
1600	Trần Thị Thanh Vân	24	9	1981	x	10/01/2011	01/3/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 5	UBND quận Tân Bình	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II	x	A	Anh B1		
1601	Nguyễn Thị Thúy	08	02	1982	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 5	UBND quận Tân Bình	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B1		
1602	Đào Lưu Phương Hoàng	24	02	1981	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 5	UBND quận Tân Bình	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1603	Trần Thị Nhung	5	9	1977	x	01/9/2009	16/4/2010	Giáo viên	Trường Mầm Non 6	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1604	Trần Thị Yến Nhi	5	3	1982	x	05/9/2004	02/6/2005	Giáo viên	Trường Mầm non 6	UBND quận Tân Bình	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1605	Bùi Thị Hương	9	9	1983	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 6	UBND quận Tân Bình	16 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II, hạng III		CNTT cơ bản	Anh B1		
1606	Nguyễn Thị Duy Thảo	10	01	1983	x	01/9/2008	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 7	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh B		
1607	Đèo Thụy Như Quý	06	02	1986	x	01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 7	UBND quận Tân Bình	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh B1		
1608	Trần Thị Ngọc Châu	02	08	1991	x	01/9/2011	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 7	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1609	Lưu Thị Thu Nguyệt	23	07	1980	x	01/9/2015	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 7	UBND quận Tân Bình	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1610	Hồ Võ Nam Phương	20	03	1989	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Xanh	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1611	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	13	4	1989	x	01/9/2009	16/4/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 8	UBND quận Tân Bình	04 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng III	Chuyên viên	A	Anh B1		
1612	Vương Thị Châu	07	7	1984	x	01/9/2006	26/3/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 8	UBND quận Tân Bình	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B		
1613	Trần Thị Chuyển	10	2	1976	x	01/9/2009	07/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 8	UBND quận Tân Bình	04 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
1614	Nguyễn Thị Châu Thanh	06	01	1982	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B		
1615	Nguyễn Thị Thu Thủy	12	11	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1616	Đào Vũ Uyên Duyệt	20	08	1979	x	01/8/2008	01/8/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1617	Phạm Kim Hiền	20	9	1987	x	01/8/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
1618	Lê Thị Thu Dung	03	12	1991	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1619	Sử Thị Ngọc Châu	26	11	1990	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1620	Nguyễn Song Hà Ny	06	02	1995	x	01/9/2018	01/3/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B1		
1621	Nguyễn Thị Bích Ngọc	26	10	1994	x	01/9/2018	01/3/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1622	Nguyễn Thị Minh Thư	11	07	1996	x	01/9/2018	01/3/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 9	UBND quận Tân Bình	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1623	Nguyễn Thị Thùy Vân	30	05	1979	x	01/9/2007	01/9/2008	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học Sư phạm Mầm non Thạc Sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh Bậc 3		
1624	Cao Nữ Phương Lan	24	02	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		A	Anh B		
1625	Trương Tú Trần	22	06	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND quận Tân Bình	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1626	Đào Thị Ngọc Oanh	05	12	1993	x	01/8/2015	01/8/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND quận Tân Bình	7 năm 8 tháng	V.07.02.27	2,72	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1627	Lê Thị Thanh	12	10	1988	x	01/9/2009	01/3/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 10	UBND quận Tân Bình	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Chuyên viên	B	Anh B		
1628	Nguyễn Trần Bình An	2	2	1980	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND quận Tân Bình	6 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1629	Lê Thị Chiến	3	3	1986	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND quận Tân Bình	6 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1630	Trần Hoà Hiệp	28	10	1982	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1631	Lý Thuý Phương	18	2	1984	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 10	UBND quận Tân Bình	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1632	Mai Thị Mộng Thu	01	06	1981	x	01/09/2002	01/03/2003	Hiệu trưởng	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	18 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,27	Thạc sĩ	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B		
1633	Lê Thị Diệu	10	06	1978	x	01/09/2008	01/03/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	B	Anh B		
1634	Bùi Thị Hoa Phương	11	11	1983	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1635	Đinh Thị Quỳnh Như	23	02	1979	x	01/08/1997	01/02/1998	Giáo viên	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	14 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1636	Trịnh Thị Nguyệt	15	06	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1637	Phạm Thị Mai	05	07	1987	x	01/9/2010	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		B	Anh B		
1638	Tạ Ngọc Mai	23	04	1994	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 10A	UBND quận Tân Bình	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1639	Võ Thanh Bình	10	12	1984	x	01/09/2011	01/03/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B1		
1640	Phạm Thị Diệp	25	03	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B1		
1641	Nguyễn Thị Thủy An	06	08	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Chuyên viên	B	Anh B		
1642	Phùng Quang Tuyết Vân	25	09	1979	x	01/08/1997	01/02/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1643	Phạm Ngọc Lan Anh	04	10	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1644	Nguyễn Trần Ngọc Khuyến	11	12	1981	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1645	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	17	10	1993	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	5 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1646	Nguyễn Thị Kiều Trinh	19	03	1984	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1647	Bùi Nguyễn Xuân Thảo	13	12	1991	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1648	Từ Mạnh Linh	09	01	1977	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1649	Mai Thị Thanh Nghĩa	11	11	1971	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1650	Vũ Thị Châm	02	12	1980	x	01/9/2008	20/2/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B1		
1651	Lê Thị Hồng Trinh	28	6	1977	x	01/9/2008	20/2/2009	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1652	Đặng Thị Máy	28	8	1975	x	01/8/2008	25/11/2008	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		B	Anh B		
1653	Đặng Thị Thương	22	11	1983	x	01/2/2009	31/12/2009	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		B	Anh B		
1654	Trần Đỗ Uyên	18	5	1987	x	01/2/2009	31/12/2009	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	15 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1655	Tạ Thị Tuyết Hằng	27	7	1988	x	01/9/2009	26/01/2020	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		B	Anh B1		
1656	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10	6	1990	x	01/6/2011	01/6/2011	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		B	Anh B		
1657	Phạm Thụy Mai Khanh	15	8	1991	x	01/8/2015	15/9/2016	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	x	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
1658	Nguyễn Thị Anh Thơ	17	04	1987	x	01/09/2009	26/11/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		UD CNTT	Anh B		
1659	Nguyễn Thị Hoài Thương	18	12	1979	x	01/09/2009	26/11/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1660	Hồ Thị Thu Nguyệt	07	04	1980	x	01/09/2009	26/11/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1661	Nguyễn Thị Tuyết Mai	27	10	1990	x	15/08/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1662	Trịnh Thị Minh Hồng	14	10	1978	x	01/09/2002	01/07/2007	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1663	Phùng Thị Thuý Loan	12	07	1990	x	01/08/2015	01/09/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1664	Phạm Thị Lương	21	01	1993	x	01/09/2014	01/12/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 11	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1665	Hồ Ngọc Như Nguyễn	26	5	1978	x	01/9/1997	01/5/2000	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	26 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1666	Đỗ Thị Thủy Nhung	05	02	1981	x	01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1667	Phạm Thị Thanh Nhã	09	02	1986	x	01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1668	Nguyễn Thụy Khánh Uyên	25	02	1978	x	01/9/2008	01/11/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		B	Anh B		
1669	Trần Thị Mỹ Trang	14	01	1980	x	01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1670	Dương Trâm Anh	23	10	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		B	Anh B		
1671	Nguyễn Thị Tài	16	01	1981	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1672	Dương Thị Ánh Hồng	12	11	1982	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1673	Trần Vũ Thụy Hằng	14	12	1982	x	01/9/2007	01/9/2023	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	16 năm	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1674	Phạm Nguyễn Ngọc Uyên	26	10	1980	x	01/9/2007	01/9/2023	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	16 năm	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	Anh B		
1675	Phạm Thị Huyền Trang	19	10	1993	x	01/8/2015	01/9/2023	Giáo viên	Trường Mầm non 12	UBND quận Tân Bình	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non		B	Anh B		
1676	Trần Hồng Thủy	11	11	1974	x	01/09/2007	15/05/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	15 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		B	Anh B1		
1677	Trần Thị Thúy	17	06	1987	x	01/09/2009	26/11/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		A	Anh B		
1678	Trương Đào Phương Uyên	11	06	1991	x	01/09/2012	28/04/2014	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	10 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B		
1679	Vũ Thị Thủy	16	03	1988	x	01/08/2014	19/06/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN hạng II		CNTT cơ bản			
1680	Nguyễn Thị Kim Thanh	18	07	1980	x	01/08/2015	07/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	8 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		ƯDCNT T trong dạy học	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1681	Vương Thị Hồng	11	11	1987	x	01/08/2014	19/06/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1682	Nguyễn Hoàng Thảo Hân	26/	12	1993	x	01/09/2014	17/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1683	Phạm Thị Kim Thoa	29	07	1990	x	01/08/2015	15/09/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 1	UBND quận Tân Bình	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T trong dạy học	Anh B1		
1684	Huỳnh Thị Trang	4	2	1972	x	01/10/1993	01/10/2006	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	18 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89 - 6%	Đại Học - Sư phạm mầm non (2016)	Trung cấp	GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1685	Đỗ Hồng Trang	3	11	1968	x	01/08/1994	01/08/1999	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	19 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm mầm non (2017)	Trung cấp	GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1686	Nguyễn Thị Bích Chi	23	9	1982	x	01/9/2004	01/3/2005	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	5 năm	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non (2015)	Trung cấp	GV mầm non		THUD theo chuyên ngành	Anh B		
1687	Trần Thị Nga	26	6	1974	x	01/08/1995	01/06/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	16 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non (2014)		GV mầm non		A	Anh B		
1688	Huỳnh Ngọc Huyền	29	10	1995	x	01/9/2017	01/3/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non (2018)		GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1689	Tạ Thị Thu Hiền	4	5	1991	x	01/9/2016	01/3/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non (2019)	Trung cấp	GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1690	Đàm Lâm Quỳnh	20	7	1995	x	01/9/2017	01/3/2018	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non (2017)	Trung cấp	GV mầm non		UDCNT T trong dạy- học	Anh B		
1691	Châu Cẩm Tú	16	4	1995	x	01/08/2015	01/02/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non (2018)	Trung cấp	GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1692	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12	3	1993	x	01/10/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại Học - Sư phạm mầm non (2015)		GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1693	Đồng Thị Phương Uyên	7	11	1992	x	01/8/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	6 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non (2017)	Trung cấp	GV mầm non		B	Anh B		
1694	Nguyễn Hồ Thu Ng	13	2	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	9 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non (2014)	TC LLCT	GV mầm non		UDCNT T	Anh B		
1695	Trần Thị Hoài Thu	22	10	1994	x	01/9/2016	01/3/2017	Giáo viên	Trường Mầm non 14	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non (2018)	TC LLCT	GV mầm non		UDCNT T Tin học - B	Anh B		
1696	TrầnThị Hợp	28	6	1978	x	01/9/2011	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Bầu Cát	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1697	Hồ Thị Xuân Hoài	5	3	1985	x	01/9/2007	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bầu Cát	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1698	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	29	3	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bàu Cát	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1699	La Thị Thủy	10	4	1981	x	01/9/2004	01/9/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bàu Cát	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1700	Nguyễn Trịnh Phương Linh	13	01	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1701	Lê Thị Kim Chi	23	06	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1702	Phạm Thuý Thu Cúc	12	03	1982	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	19 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Đang học	B	Anh B1		
1703	Vũ Thị Hồng Doan	15	06	1969	x	01/11/1995	01/06/2008	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	15 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B		
1704	Tào Thị Kim Thanh	23	04	1981	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1705	Mai Thị Sừ	03	01	1987	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B1		
1706	Nguyễn Thị Châu Giang	16	01	1975	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh B1		
1707	Phạm Thị Bích Tuyền	21	07	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1708	Phan Thị Hồng Nhung	01	08	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1709	Phạm Thị Hoàn	06	01	1983	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm non 15	UBND quận Tân Bình	07 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		A	Anh B1		
1710	Nguyễn Quỳnh Như	19	3	1987	x	01-09-2008	01-09-2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bông Sen	UBND quận Tân Phú	15N7T	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II	Chuyên viên	THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
1711	Huỳnh Thị Hồng Thắm	21	11	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND quận Tân Phú	11N5T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1712	Trần Thị Như Ý	20	10	1993	x	01-09-2014	01-03-2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bông Sen	UBND quận Tân Phú	4N6T	V.07.02.27	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1713	Lê Thị Ánh Tuyết	18	9	1977	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1714	Nguyễn Thị Minh Phương	27	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1715	Nguyễn Thị Kim Hằng	27	06	1989	x	01/8/2013	01/9/2014	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1716	Nguyễn Thị Kim Thảo	29	04	1989	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1717	An Thị Thoan	01	08	1979	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	UBND quận Tân Phú	16N8T	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1718	Bùi Thị Quỳnh	05	02	1985	x	01-08-2008	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	UBND quận Tân Phú	5N1T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1719	Nguyễn Thị Bạch Yến	20	05	1987	x	01-10-2012	01-04-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hướng Dương	UBND quận Tân Phú	4N7T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1720	Lê Thị Bích Trâm	24	02	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1721	Nguyễn Thị Ái Vẽ	18	08	1988	x	01-08-2013	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1722	Huỳnh Thị Kim Vy	14	05	1985	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		ƯD CNTT nâng cao	Tiếng Anh B1		
1723	Trịnh Thị Thanh Xuân	19	04	1989	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	8N8T	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1724	Phạm Thị Thi	24	11	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		THƯĐ A	Tiếng Anh ĐH		
1725	Phan Thị Hiền	6	11	1978	x	01-09-2000	01/09/2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Nhiều Lộc	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		ƯD CNTT nâng cao	Tiếng Anh B1		
1726	Phạm Thị Ngát	24	10	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Phương Hồng	UBND quận Tân Phú	11N7T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1727	Hạp Thị Duyên	22	1	1984	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phương Hồng	UBND quận Tân Phú	17N7T	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng III		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1728	Lê Thị Nhung	22	2	1979	x	09-01-1999	04-01-2000	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phương Hồng	UBND quận Tân Phú	24N7T	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non Hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1729	Nguyễn Thị Thuý Vy	23	8	1981	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phương Hồng	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non Hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1730	Đinh Thị Thiện	20	12	1975	x	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quỳnh Anh	UBND quận Tân Phú	7N3T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1731	Lê Thị Phương	2	9	1987	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Quỳnh Anh	UBND quận Tân Phú	4N7T	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, III		THƯĐ A	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1732	Nguyễn Thị Thu Hà	3	8	1979		01-08-2006	01-08-2007	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Rạng Đông	UBND quận Tân Phú	17N8T	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1733	Phan Hiếu Hòa	21	3	1981		12-11-2007	12-11-2008	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Rạng Đông	UBND quận Tân Phú	16N7T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
1734	Nguyễn Phương Thu	10	9	1980	x	01/09/2001	01/08/2007	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thiên Lý	UBND quận Tân Phú	22N8T	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		THƯĐ A	Tiếng Anh A		
1735	Nguyễn Thị Thu Huyền	27	02	1982	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thiên Lý	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1736	Trần Nguyễn Hoàng Đoan	19	12	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thiên Lý	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1737	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21	11	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thiên Lý	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1738	Phạm Thị Mai Anh	24	10	1982	x	01/09/2016	01/09/2016	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Thiên Lý	UBND quận Tân Phú	7N8T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng II</u>		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1739	Nguyễn Thị Phương Uyên	14	01	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thủy Tiên	UBND quận Tân Phú	16N5T	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN <u>Hạng II, III</u>		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1740	Đặng Thị Mến	18	11	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thủy Tiên	UBND quận Tân Phú	11N5T	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN <u>Hạng II, III</u>		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1741	Trần Thị Đỗ Quý	25	10	1983	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thủy Tiên	UBND quận Tân Phú	18N4T	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên MN <u>Hạng II, III</u>		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1742	Nguyễn Thị Tố Quyên	04	09	1986	x	01-08-2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Trạng Nguyên	UBND quận Tân Phú	6N1T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>hạng II, III</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1743	Hồ Thị Thành	16	01	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Trạng Nguyên	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>hạng II, III</u>	X	ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1744	Trần Thị Kim Yến	13	09	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Trạng Nguyên	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>hạng II, III</u>		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
1745	Lê Thị Trang	20	08	1979	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Trạng Nguyên	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non <u>hạng II, III</u>		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
1746	Nguyễn Thị Bảo Linh	26	07	1993	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Trạng Nguyên	UBND quận Tân Phú	7N8T	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		Giáo viên mầm non <u>hạng II, III</u>		THƯĐ B	Tiếng Anh B		
1747	Đỗ Thị Thảo Nguyên	02	10	1987	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND quận Tân Phú	4N6T	V.07.04.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1748	Nguyễn Hoàng Thảo Sương	13	02	1986	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND quận Tân Phú	4N6T	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non <u>Hạng III</u>		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1749	Nguyễn Thị Kim Chi	04	12	1990	x	01-09-2011	10-10-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thủy Tiên 1	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34+ 11%	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN <u>hạng II</u>		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1750	Đỗ Thị Cẩm Loan	31	12	1986	x	05-09-2006	01-03-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phong Lan	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT	Anh A		
1751	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	21	03	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Ngọc Lan	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1752	Võ Thị Phương Trang	06	05	1978	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Ngọc Lan	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1753	Lê Thị Ngọc Giàu	14	06	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1754	Trần Tú Châu Giang	22	12	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
1755	Lê Thị Ngọc Ánh	14	06	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1756	Nguyễn Thị Phương	12	04	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1757	Nguyễn Thị Kim Huệ	25	01	1986	x	01/9/2007	01/3/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1758	Đỗ Nguyễn Bảo Anh	30	12	1974	x	01-09-2002	01-03-2003	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
1759	Hà Mai Huỳnh	21	08	1989	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	6 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1760	Lại Thị Tuyết Ngân	15	10	1985	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1761	Lê Thị Hoàng Trang	28	03	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1762	Phạm Thị Mỹ Nhung	03	10	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1763	Võ Bảo Xuyên	19	07	1984	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1764	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10	03	1996	x	01-04-2018	01-10-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		UDCNT T cơ bản	Anh B		
1765	Lê Thị Hồng Cẩm	18	10	1995	x	05-12-2016	05-06-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 2	UBND huyện Bình Chánh	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		UDCNT T cơ bản	Anh B		
1766	Huỳnh Thị Mai Thắm	20	10	1987	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Anh	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh Bạc 2		
1767	Võ Thị Mỹ Hạnh	10	06	1991	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1768	Đặng Thị Thanh Tâm	03	12	1990	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
1769	Lại Thị Ngọc Hiệp	19	11	1978	x	01-09-2004	01-03-2005	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.96	Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		THU'D A	Anh B		
1770	Trần Thị Kim Ánh	18	12	1987	x	01-09-2007	29-02-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1771	Trần Thị Mỹ Phương	26	07	1984	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		THU'D A	Anh B		
1772	Tạ Thị Kim Phụng	12	05	1983	x	01-09-2004	01-09-2019	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh A2		
1773	Trần Thị Thu Trang	16	06	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1774	Nguyễn Thị Kim Anh	30	04	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1775	Trịnh Ngọc Trân	07	09	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1776	Đinh Kim Phượng	02	10	1982	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1777	Đặng Thị Thùy Trang	05	05	1986	x	01-09-2007	01-01-2019	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1778	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25	07	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1779	Tổng Thị Hải Yến	17	02	1987	x	01-09-2007	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1780	Nguyễn Thị Loan	03	08	1979	x	01-09-2010	01-04-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1781	Nguyễn Thị Huyền Trang	01	04	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1782	Vô Thị Hồng Nhung	06	11	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1783	Huỳnh Thị Xuân Phương	27	10	1982	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1784	Kiều Liên Nhung	28	09	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1785	Lê Thị Hoàng Yến	06	01	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B1		
1786	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	03	04	1994	x	01-09-2015	01-03-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1787	Lê Thị Hương Danh	14	04	1984	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Anh	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh B		
1788	Vô Thị Ngọc Ánh	04	06	1983	x	01-09-2007	01-03-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1789	Phạm Phi Yến	01	05	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1790	Trần Ánh Hòa	31	01	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1791	Võ Thị Kiều Oanh	23	03	1988	x	01-09-2015	01-09-2015	Giáo viên - TTCM	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1792	Phan Thị Thúy Hằng	19	01	1988	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học A	Anh B		
1793	Phạm Thị Bích Thuy	20	09	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1794	Trần Thuy Hà Linh	29	05	1980	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	15 năm	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1795	Huỳnh Thị Thùy Trang	30	03	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1796	Phạm Thị Ngọc Diệu	20	04	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		Tin học A	Anh B		
1797	Đỗ Thị Ngọc	11	07	1981	x	28-02-2012	01-07-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1798	Võ Thị Kim Thoa	30	01	1994	x	01-09-2015	01-03-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T CB	Anh B		
1799	Cao Thanh Tuyền	22	06	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Baby	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		ƯDCNT T NC	Anh B		
1800	Huỳnh Vũ Phương Sơn	18	11	1983	x	01-09-2004	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Anh Đào	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,7+19%	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1801	Nguyễn Thị Trúc Vân	30	03	1991	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Hương	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCTTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1802	Lê Thị Trúc Linh	26	03	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Hương	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCTTT nâng cao	Anh B		
1803	Hoàng Thị Thùy Trang	10	11	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Hương	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B, UDCNT T Cơ bản	Anh A		
1804	Trần Thị Hồng Phương	28	12	1994	x	01-09-2015	01-09-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Hương	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		UDCTTT nâng cao	Anh B		
1805	Võ Tuyết Linh	15	11	1986	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Quỳnh Hương 2	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1806	Lại Ngọc Phượng	09	04	1987	x	01/09/2008	01/03/2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.65	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh B1		
1807	Lê Thị Mỹ Phương	07	03	1973	x	01-09-2007	01-03-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.65	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1808	Lê Thị Tươi	19	03	1993	x	01/09/2015	01/03/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1809	Lê Thị Ngọc Tú	17	11	1976	x	01/09/2016	01/03/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 7 tháng	V.07.02.27	2.72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV hạng III		A	Anh B1		
1810	Nguyễn Hoài Thương	14	10	1995	x	01/09/2017	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	6 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1811	Nguyễn Thị Phương	20	08	1990	x	01/04/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1812	Trần Thụy Hà Vy	30	06	1991	x	01/04/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	6 năm 6 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1813	Đinh Thị Chúc Tươi	15	02	1989	x	18-08-2019	18-08-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	2.10	Cử nhân Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1814	Trần Hương Vân	30	09	1996	x	01/09/2019		Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.10	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1815	Trần Thị Ngọc Ngân	01	04	1985	x	01-09-2007	01-03-2008	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Sen 3	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 10 tháng	V.07.02.26	3.65+16%	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		UDCN TT Nâng cao	Anh B1		
1816	Dương Thị Kim Tuyền	28	03	1980	x	01-08-2014	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1817	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	07	04	1980	x	01-09-2002	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1818	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	07	02	1988	x	01-09-2008	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Sen Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1819	Lâm Kim Tuyền	14	06	1988	x	01-09-2008	14-06-2019	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, III		A	Anh B		
1820	Hồ Thị Liệu	20	10	1987	x	01-09-2009	10-07-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II, III		A	Anh B		
1821	Nguyễn Thị Bé Chín	06	04	1981	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1822	Đặng Thị Kim Thơ	12	12	1992	x	01-08-2014	01-02-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B	Anh B		
1823	Trần Thị Huyền	12	05	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1824	Đỗ Thị Vui	02	09	1984	x	01-09-2014	01-09-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1825	Nguyễn Thị Ngân	30	04	1993	x	01-08-2014	01-02-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1826	Bùi Thị Thủy	01	12	1980	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Phượng Hồng	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
1827	Lại Thị Mộng Kiều	25	02	1980	x	01-09-2001	01-03-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học NC	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1828	Huỳnh Thị Ngân Phương	30	08	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		Tin học NC	Anh B		
1829	Huỳnh Thị Hoàng Cẩm	02	04	1982	x	01-09-2007	01-03-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 2	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1830	Đặng Thị Ngọc Tuyền	21	12	1989	x	01-08-2014	01-02-2015	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 2	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1831	Nguyễn Thị My Công	20	02	1979	x	01-09-2003	24-01-2017	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 1	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GVMN hạng II	Chuyên viên	THUĐ B	Anh B1		
1832	Nguyễn Thị Thanh Trúc	26	03	1988	x	01-10-2010	24-01-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 1	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B1		
1833	Nguyễn Thị Ái	02	10	1988	x	01-09-2011	24-01-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 1	UBND huyện Bình Chánh	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	03.03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ A	Anh B		
1834	Hồ Thị Thuận Lộc	30	12	1988	x	01-08-2013	24-01-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý 1	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	03.03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THUĐ B	Anh B		
1835	Nguyễn Thị Thúy A	18	06	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1836	Đinh Thị Phước Hạ	16	08	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1837	Trương Thị Kiều Di	19	01	1991	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND huyện Bình Chánh	5 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1838	Lê Thị Nguyệt	10	6	1990	x	01-09-2014	01-09-2015	Phó Hiệu trưởng	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Giáo dục đặc biệt Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT nâng cao	B1		
1839	Trần Thị Thu Hà	20	4	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại Học - Giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT nâng cao	B1		
1840	Nguyễn Thanh Lan	18	7	1982	x	01-09-2006	01/3/2007	Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ- Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1841	Bùi Thị Hồng Diệu	8	9	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ- Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1842	Lê Thị Mộng Tuyền	25	08	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1843	Phạm Thị Gái Bảy	19	5	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	14 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục Mầm non	Trung cấp lý luận chính trị	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1844	Bùi Thị Ngọc Diễm	16	3	1985	x	01/9/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1845	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22	9	1978	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1846	Bùi Thị Hồng Nhi	08	02	1987	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm- giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1847	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	14	2	1995	x	01/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1848	Vương Cẩm Tiên	31	10	1994	x	01-09-2014	01/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1849	Nguyễn Thị Diễm	06	02	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1850	Nguyễn Thị Bích Lan	10	5	1988	x	01-09-2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1851	Lê Thị Thanh Tuyền	31	8	1993	x	01-11-2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III	-	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1852	Phạm Thị Phượng Hồng	22	03	1987	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II, hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1853	Nguyễn Thị Trúc Phương	26	11	1990	x	01-11-2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1854	Vương Mỹ Tiên	25	2	1990	x	01-11-2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1855	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	19	10	1984	x	01/01/2020	01/07/2020	Giáo viên	Trường Mầm non An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	3 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh -B		
1856	Nguyễn Thị Kim Thủy	18	03	1971	x	01-10-1993	01-04-1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,89+6 %	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng nhận Quản lý trường mầm	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1857	Lê Thị Bạch Mai	07	04	1970	x	23-11-1993	23-05-1995	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,89+6 %	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1858	Phạm Thị Thủy	12	09	1978	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1859	Lý Thị Thanh Nga	13	09	1976	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	04 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1860	Trần Thị Kiều Duyên	24	12	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1861	Nguyễn Thị Phương	16	05	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1862	Phan Thị Thanh Hoa	29	12	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1863	Nguyễn Thị Hương Giang	16	07	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1864	Hà Thị Diễm	04	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1865	Trần Thị Kim Hà	25	01	1981	x	01/02/2001	01/09/2001	Giáo viên	Trường Mầm non An Phú	UBND huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1866	Trần Thị Kim Thoa	10	11	1988	x	01/09/2008	01/03/2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD M N	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		
1867	Nguyễn Thị Tuyết	25	7	1970	x	01/09/1996	01/09/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	13 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1868	Nguyễn Mỹ Trang	19	9	1979	x	01/09/2001	02-05-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1869	Nguyễn Hoàng Uyên	19	8	1984	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1870	Nguyễn Thị Kim Huýnh	10	18	1971	x	01/09/2009	02/02/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	12 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1871	Phan Hồng Phụng	23	4	1994	x	29/09/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1872	Nguyễn Thị Hà	1	12	1985	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	10 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD M N	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1873	Nguyễn Thanh Tâm	15	4	1977	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1874	Bùi Thị Phương Thy	6	9	1984	x	29/09/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1875	Phạm Thị Kim Thoa	29	1	1989	x	25/09/2012	04-02-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1876	Nguyễn Kiều Khanh	24	2	1993	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1877	Huýnh Thị Như Thủy	3	11	1993	x	09/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1878	Lưu Thị Kim Ngọc	6	6	1993	x	01/09/2013	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1879	Nguyễn Thị Kiều Giang	9	12	1992	x	25/08/2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Mỹ	UBND huyện Củ Chi	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1880	Cao Thị Hồng	10	9	1985	x	01/10/2010	01/10/2011	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B2		
1881	Lê Thị Hiền	12	2	1985	x	01/09/2008	01/03/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1882	Trần Thị Mỹ Phương	11	7	1970	x	21/09/1990	01/06/1992	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	19 năm 11 tháng	V.07.02.26	4.89+7 %	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1883	Hồ Ngọc Ánh	15	7	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1884	Nguyễn Thị Thu Thảo	7	6	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1885	Hồ Thị Lan Phương	23	5	1984	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1886	Phạm Thị Kiều Phương	5	12	1988	x	01/10/2011	01/04/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1887	Phan Thị Mộng Tuyền	22	12	1992	x	01/09/2013	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1888	Tô Hồng Hoa	11	5	1985	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1889	Nguyễn Hoàng Yến	4	2	1985	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1890	Trần Thanh Trúc	29	9	1992	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	09 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1891	Nguyễn Thị Mai	3	6	1994	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1892	Phạm Thúy Hồng	13	9	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1893	Lê Thanh Thúy	20	3	1992	x	01/9/2014	01/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - C		
1894	Nguyễn Huỳnh Thanh Thuận	3	7	1993	x	01/9/2014	01/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1895	Mai Thị Thu Hà	13	9	1990	x	01/04/2019	01/05/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1896	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	6	9	1996	x	02/01/2020	01/07/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	4 bài LLCT	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1897	Ngô Thị Thu Hiền	4	3	1997	x	02/01/2020	01/07/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hòa Phú	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	4 bài LLCT	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1898	Đặng Thị Thúy Hằng	15	4	1978	x	01/01/2001	02/05/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Nguyễn Thị Đậu	UBND huyện Củ Chi	14 năm 04 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1899	Vô Ánh Nguyệt	18	11	1980	x	29/09/2001	02/05/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Nguyễn Thị Đậu	UBND huyện Củ Chi	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1900	Phạm Thị Bảo Quyên	12	11	1996	x	01/04/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Đậu	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1901	Trần Thị Chi	02	03	1975	x	01/08/1995	01/02/1998	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Đậu	UBND huyện Củ Chi	15 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1902	Nguyễn Ngọc Hồng Thơ	08	12	1980	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Đậu	UBND huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1903	Hồ Phương Thảo	30	06	1991	x	01/03/2012	01/09/2012	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1904	Đỗ Thị Ngọc Thảo	29	01	1986	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học ứng dụng trình độ	Tiếng Anh - B		
1905	Nguyễn Thị Oanh	21	10	1992	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1906	Dương Thanh Tuyền	29	12	1993	x	01/04/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1907	Lê Thị Thanh Loan	20	06	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1908	Phạm Thùy Nhung	20	01	1987	x	01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên	Trường MN Nguyễn Thị Dậu	UBND huyện Cù Chi	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Chứng chỉ Tin học Trình độ A	Tiếng Anh - B		
1909	Cam Thị Thoa	13	7	1978	x	01-08-1998	01-02-1999	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1910	Đỗ Thị Loan	10	3	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1911	Nguyễn Thị Xuân Thanh	09	12	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1912	Nguyễn Thị Trang	11	12	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1913	Nguyễn Thu Minh	17	6	1973	x	1/10/1994		Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1914	Nguyễn Thị Ngọc Nhân	10	6	1985	x	01-10-2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1915	Lê Thị Mỹ Thắm	16	3	1994	x	01-12-2014	'01/04/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1916	Nguyễn Ngọc Thảo	27	3	1990	x	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1917	Hồ Ngọc Sương	20	10	1996	x	1/4/2018	1/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1918	Lê Thị Mỹ Ngọc	2	9	1997	x	01-02-2020	01-08-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1919	Nguyễn Thị Trúc Giang	25	3	1992	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1920	Nguyễn Thị Bích Như	21	4	1996	x	1/02/2020	1/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	3 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1921	Nguyễn Phương Quyên	10	6	1996	x	01-02-2020	01-08-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	3 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT CƠ BẢN	Tiếng Anh - B		
1922	Phạm Ngọc Lan Vi	11	9	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoàng Minh Đạo	UBND huyện Cù Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1923	Võ Thị Mỹ Tiên	27	6	1993	x	26/03/2015	12-07-2016	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1924	Lâm Thị Ngọc Hiếu	28	4	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1925	Đỗ Thị Như Quỳnh	3	6	1997	x	08-01-2018	02-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng GVMN		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh - A2		
1926	Nguyễn Thị Kim Ngân	5	12	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1927	Đào Thị Tuyết Loan	6	7	1993	x	10-01-2015	10-01-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Tiếng Anh - B1		
1928	Đặng Hoàng Thiên Lý	28	11	1993	x	1/10/2015	1/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	7 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Tiếng Anh B		
1929	Hồ Thị Thanh Trúc	16	7	1995	x	01-03-2019	01-10-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1930	Nguyễn Thị Kim Ngân	5	12	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1931	Nguyễn Thị Ngọc Nhạn	2	12	1981	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	12 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Trình độ B	Tiếng Anh - B		
1932	Hồ Thị Bảo Châu	3	1	1980	x	13/8/1997	09-01-1997	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	3 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1933	Nguyễn Thi Liễu	10	12	1977	x	01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	03 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1934	Ngô Thị Yến Nhi	1	5	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Nhuận Đức	UBND huyện Cù Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1935	Bùi Thị Ngọc Tiên	15	3	1983	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1936	Lý Thị Hồng Vân	11	8	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1937	Nguyễn Thị Thu Hà	29	6	1985	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1938	Cao Thị Thu Cúc	10	02	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1939	Lê Thị Phương Loan	17	05	1968	x	01/09/2005	01/3/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	18 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1940	Vương Thị Tuyết Mai	25	07	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1941	Nguyễn Thị Ngọc Lành	18	5	1977		01/9/1998	01/3/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1942	Lê Minh Thơ	19	11	1988		01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1943	Vũ Thị Hồng Ngọc	09	06	1991		01/9/2013	01/3/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1944	Trương Thị Thuý Hằng	07	04	1980		01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1945	Nguyễn Thị Thuý Anh	28	08	1982		01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	09 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1946	Lưu Thị Kim Ngà	06	06	1993		01/9/2013	01/3/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1947	Lê Thị Kim Hà	09	12	1988		01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1948	Lê Thị Ngọc Quyên	05	10	1991		01/10/2019	01/4/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1949	Võ Thị Nguyệt	09	09	1970	x	01-08-1988	01-05-1990	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	14 năm 05 tháng	V.07.02.26	4.89+9 %	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1950	Lê Thị Bích Ngọc	20	02	1987	x	01/09/2009	01/03/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1951	Đỗ Thị Thu Thủy	13	10	1987	x	01-09-2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1952	Bùi Thị Thanh Thức	09	12	1978	x	01-09-2002	01/05/2003	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	14 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1953	Nguyễn Thị Thu Cúc	07	11	1989	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	7 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1954	Trần Thị Cẩm Thúy	02	07	1993	x	01/09/2013	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1955	Lê Thị Phương	15	10	1982	x	01/12/2020	01/12/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1956	Lý Thị Ngọc Tín	01	10	1984	x	01/05/2019	01/11/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phạm Văn Cội 2	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1957	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	11	03	1984	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	11 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	B1		
1958	Vô Thị Thùy Linh	24	03	1988	x	01/09/2008	01/03/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Cử nhân ngôn ngữ anh		
1959	Trần Thị Thuý Kiều	14	06	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Cù Chi	14 năm 09 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1960	Nguyễn Ngọc Giàu	11	04	1985	x	28/02/2011	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	12 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng anh trình độ B		
1961	Đặng Ngọc Khoa	09	07	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	12 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1962	Phan Thu Thủy	06	08	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	12 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1963	Tô Thị Tuyết Ngần	14	10	1987	x	01/10/2011	01/10/2012	GIÁO VIÊN	Trường Mầm non PHÚ HOÀ ĐÔNG	UBND huyện Cù Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1964	Phạm Thị Cẩm Nhung	26	12	1970	x	22/08/1997	01/02/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Cù Chi	14 năm 04 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1965	Phạm Thị Phi Tiên	25	11	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Cù Chi	11 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1966	Trần Thanh Tuyền	13	02	1979	x	16/08/1997	01/08/2001	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	14 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1967	Vô Thị Mỹ Khanh	12	01	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Cù Chi	10 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1968	Nguyễn Thị Thu Huyền	27	07	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	10 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1969	Lâm Thị Thu Hồng	14	09	1972	x	13/01/1992	23/05/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh: B		
1970	Trần Thị Hồng Gấm	16	03	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Củ Chi	11 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II, III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1971	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	22	02	1972	x	01/08/1991	01/03/1997	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		Tin học B	Tiếng Anh - B		
1972	Nguyễn Thị Cúc	28	06	1978	x	16/10/2001	02/05/2022	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1973	Nguyễn Thị Minh Trang	08	07	1977	x	01/09/1998	01/03/2001	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1974	Nguyễn Thị Quỳnh	03	06	1994	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	07 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1975	Lã Thị Vân	20	02	1984	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1976	Đặng Thị Hồng Phần	27	07	1984	x	01/09/2012	01/03/013	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1977	Nguyễn Thị Thanh Tâm	27	05	1994	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1978	Trần Sứ Liên Thuý	13	05	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	10 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1979	Nguyễn Thị Vân	10	06	1985	x	01/09/2013	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1980	Nguyễn Thị Diệu	07	02	1993	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1981	Bùi Thị Cẩm Nhung	02	01	1994	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	07 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1982	Phan Thị Nữ	17	03	1993	x	01/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1983	Phan Thị Nhu	23	10	1989	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	08 năm 09 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1984	Nguyễn Thị Xuân Yển	12	02	1993	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	07 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1985	Phạm Thị Thuý Linh	20	06	1995	x	01/04/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Củ Chi	05 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1986	Nguyễn Thị Diễm Hương	30	08	1993	x	01/04/2019	01/04/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hoà Đông	UBND huyện Củ Chi	05 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Bồi dưỡng CDNN hạng III		Bằng B	Tiếng Anh Toeic 425		
1987	Ngô Thị Ngọc Mai	01	08	1995	x	01/04/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phú Hòa Đông	UBND huyện Củ Chi	05 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Bồi dưỡng CDNN hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1988	Phạm Thị Anh Đào	20	2	1983	x	01-09-2004	28-9-2005	P. hiệu trưởng	Trường mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1989	Ngô Hoàng Yển	10	3	1973	X	04-08-1997	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	BD Hiệu trưởng Mầm non	Chứng chỉ B	Tiếng anh B		
1990	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15	9	1994	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	BD Hiệu trưởng Mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1991	Nguyễn Đức Huỳnh Loan	22	36	1973	x	6-8-1993	8-12-1994	Giáo viên	trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	1 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT A	Tiếng Anh - A2		
1992	Trần Thị Thanh Thuý	7	10	1992	X	21-02-2019	1-10-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	1 năm 9 tháng	V.07.02.26	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1993	Lê Thị Hồng Luận	27	7	1979	x	27-11-2001	18-05-2004	Giáo viên	Trường Mầm Non Phuovs Hiệp	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD Mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - A		
1994	Trần Thị Diệu Hiền	27	6	1995	x	10-12-2019	01-07-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1995	Trần Thị Cẩm Hồng	15	7	1995	X	21-02-2019	1-10-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
1996	Phan Thanh Hằng	9	7	1992	x	21-02-2019	01-10-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1997	Thái Thị Kim Thanh	16	7	1992	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	BD Hiệu trưởng Mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1998	Trần Ánh Nguyệt	20	1	1993	X	1-12-2020	1-12-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	3 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Tin học B	Tiếng Anh - B		
1999	Nguyễn Thị Tam Phú Tiên	22	8	1988	x	01-01-2018	01-07-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	03 năm 03 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Chứng chỉ B UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2000	Lâm Thị Huyền Trang	17	5	1987	N ữ	01-11-2021	01-11-2021	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	1 năm 4 tháng	V.07.02.06	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2001	Trần Thị Yến	08	8	1976	x	04/8/1997	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	14 năm 9 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2002	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12	12	1978	x	04/8/1997	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	14 năm 9 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2003	Nguyễn Thị Kim Khoa	06	01	1979	x	01/8/1998	01/3/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	13 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2004	Nguyễn Thị Kim Giang	05	4	1977	x	04/08/1997	01/10/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	14 năm 9 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2005	Nguyễn Thị Ngọc Yến	23	7	1988	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	03 năm 1 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		TRÌNH ĐỘ B	Tiếng Anh - B		
2006	Trần Thị Phương Toàn	23	10	1986	x	01/9/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2007	Lê Gia Hoàng	13	10	1987	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2008	Huỳnh Ngọc Hiếu	10	06	1991	x	01/9/2012	01/9/2013		Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2009	Lê Bích Thùy	19	01	1990	x	01/9/2013	27/10/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		
2010	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20	12	1992	x	01/9/2013	27/10/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	09 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2011	Lâm Thị Hồng Linh	6	8	1982	X	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2012	Đặng Thị Kim Oanh	13	02	1980	x	25/10/2003	01/3/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2013	Ngô Thị Yến Nhi	4	10	1996	X	15/01/2018	01/3/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2014	Nguyễn Thị Kim Ngân	8	7	1995	x	15/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2015	Huỳnh Thanh Hà	12	5	1996	x	15/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT Nâng Cao	Tiếng Anh - B		
2016	Phan Trần Diễm Nhi	12	12	1995	x	15/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2017	Huỳnh Nguyễn Ngân Hà	31	12	1991	x	15/01/2018	01/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2018	Võ Thị Thanh Xuân	19	11	1984	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2019	Vũ Thị Lan Ngọc	01	4	1989	x	26/3/2015	06/11/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	8 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
2020	Nguyễn Hồng Hạnh	12	8	1993	x	29/9/2015	10/02/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
2021	Võ Thị Bé	1	1	1974	x	28-02-2011	30-11-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	12 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
2022	Ngô Thị Thúy Diễm	21	1	1984	x	16-01-2012	14-08-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2023	Nguyễn Thị Quyên	12	2	1984		04-02-2013	29-04-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	09 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
2024	Nguyễn Thị Huyền	24	4	1986	x	31/12/2009	12/7/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Tin học trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
2025	Trần Thị Quyền	9	9	1987	x	31/12/2009	18/02/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	13 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2026	Trần Thị Bích Diễm	1	7	1995	x	09-01-2018	07-03-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		Tin học trình độ B	Tiếng Anh trình độ A2		
2027	Trần Thị Cẩm Giang	19	8	1993	x	10-12-2019	08-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B			
2028	Cao Thị Ngọc Lê	29	8	1992	x	09-01-2018	07-03-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B			
2029	Nguyễn Thị Như Thảo	28	2	1988	x	09-01-2018	19-02-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B			
2030	Lê Cao Anh Thư	26	7	1995	x	21-02-2019	26-11-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	4 năm 5 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	UD. CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B			
2031	Nguyễn Thị Trúc Linh	3	11	1993	x	10-12-2019	08-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	3 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	UD. CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B			
2032	Đặng Thị Nguyệt Minh	4	7	1993	x	'29/9/2015	10-02-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	7 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B			
2033	Trần Lạc Anh	02	5	1983	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2034	Lê Thị Dương	06	02	1988	x	01/5/2011	01/5/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B			
2035	Nguyễn Thị Hồng Gấm	23	10	1979	x	20/8/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2036	Nguyễn Thị Hà	18	5	1976	x	04/8/1997	01/3/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2037	Hoàng Thị Hiền	17	01	1972	x	01/9/2010	01/3/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2038	Phan Thị Thanh Nhân	30	9	1985	x	31/10/2016	01/5/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT Chứng chỉ B	Tiếng Anh - B			
2039	Nguyễn Thị Hồng Nhu	24	9	1976	x	11/12/1996	01/01/1997	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2040	Lương Chi Phụng	29	01	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2041	Nguyễn Thị Phương	01	10	1985	x	01/3/2019	01/9/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2042	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	06	8	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B			
2043	Nguyễn Thị Trang	22	4	1984	x	01/3/2019	22/5/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	UD. CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2044	Bê Thị Uyên	11	11	1982	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2045	Trần Thị Thu Vân	22	7	1995	x	31/10/2016	01/5/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2046	Nguyễn Ngọc Diễm Thuý	14	10	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	14 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2047	Phan Thị Phương	30	9	1973	x	01-09-1996	01/03/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	16 năm 06 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2048	Lương Thị Hiếu	20	04	1982	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2049	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04	02	1982	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	09 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2050	Nguyễn Thị Ngọc Yển	07	04	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sài Gòn - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2051	Võ Ngọc Phương	07	02	1968	x	02/11/1990	01/04/1992	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	09 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2052	Lê Thanh Hải	19	04	1971	x	17/09/1992	01/03/1994	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	09 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2053	Nguyễn Thị Phương Tuyền	07	08	1994	x	01/04/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	04 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - A2		
2054	Đỗ Thị Bé Ba	01	02	1993	x	01/02/2020	01/02/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	04 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2055	Lê Thị Thu Trang	26	01	1993	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - A		
2056	Lê Ngọc Hạnh	19	7	1994	x	01/02/2020	01/02/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2057	Ngô Thị Thuý Luyến	25	01	1997	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học Sài Gòn - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2058	Nguyễn Thị Anh Thư	08	08	1996	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2059	Đinh Thị Hương	24	03	1994	x	01/03/2019	01/03/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân An Hội 2	UBND huyện Củ Chi	04 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - TOEIC		
2060	Phan Thị Kim Chi	29	9	1971	x	02-11-1990	01/4/2019 V.07.02.05	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	5 năm 1 tháng	V.0 7.02.26	4.89 + 5%	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chuyên viên	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2061	Võ Thị Thu	10	11	1981	x	01-09-2001	02-05-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	11 năm 5 tháng	V.0 7.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2062	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21	4	1984	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.0 7.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2063	Bùi Thị Thuỳên Quỳn	16	4	1983	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 8 tháng	V.0 7.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2064	Đặng Thị Kim Đào	10	4	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.0 7.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2065	Đỗ Thị Ngọc Ái	2	9	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.0 7.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2066	Nguyễn Thị Kim Xuân	18	11	1977	x	4/8/1997	4/2/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	8 năm 6 tháng	V.0 7.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2067	Đặng Ngọc Loan	16	5	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.0 7.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2068	Võ Thị Thanh Thủy	5	3	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.0 7.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2069	Lê Ngọc Cẩm My	8	7	1994	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	7 năm 6 tháng	V.0 7.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2070	Võ Thị Huỳnh Như	12	8	1993	X	15-09-2014	01-03-2015	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm 15 ngày	V.0 7.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		
2071	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	24	10	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.0 7.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2072	Mai Thị Lại	29	11	1980	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	13 năm 1 tháng	V.0 7.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2073	Nguyễn Thị Thanh Ngân	3	6	1977	x	04-08-1997	04-02-1999	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 1 tháng	V.0 7.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2074	Lê Thị Hiếu	13	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường mầm non Tân Phú Trung 1	UBND huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.0 7.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2075	Phạm Thị Ánh Hồng	4	7	1987	x	01/09/2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2076	Ouly Thị Diễm Khanh	7	8	1980	x	01/09/2005	01/03/2006	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2077	Trần Thị Vẹn	2	7	1979	x	16-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,58	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2078	Lê Thị Phương Thư	8	7	1979	x	16-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,58	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2079	Nguyễn Thụy Mộng Thu	9	4	1983	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2080	Lê Thị Chung	15	2	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		
2081	Phan Thị Thu Hương	20	8	1977	x	22-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,58	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2082	Đặng Thị Kim Phụng	2	7	1991	x	01-03-2019	01-03-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - Bạc 2		
2083	Nguyễn Thị Huyền Trân	31	7	1995	x	01-02-2020	01-02-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2084	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	8	8	1994	x	01-03-2015	01-03-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Phú Trung 2	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2085	Trương Thị Sen	4	1	1980	x	05-09-1998	01/01/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,58	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2086	Nguyễn Thị Hồng Vân	14	8	1995	x	01-09-2007	01/03/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2087	Phạm Thanh Hằng	10	5	1968		07/07/1988	01-03-1991	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	4,89 +5%VK	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2088	Lê Thị Kim Thoa	8	6	1971	x	01-10-1994	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	12 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,89 +5%VK	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2089	Nguyễn Thị Thu Cúc	22	5	1973		01/08/1991	01/04/1993	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	4,89	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2090	Phạm Thị Lan Chi	17	1	1978	x	01-09-2001	01/05/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	13 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2091	Vũ Thị Vân	3	1	1982	x	01-09-2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2092	Nguyễn Ngọc Luân	9	2	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2093	Trần Thị Kim Phụng	20	3	1987	x	01-09-2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	04 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,34	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2094	Trần Ngọc Hân	1	1	1987	x	01-09-2009	'01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2095	Trần Thị Kim Yến	22	7	1989	x	01-09-2010	'01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2096	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	17	11	1981	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2097	Võ Thị Tuyết Hồng	5	6	1988	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2098	Đặng Mộng Thơ	19	2	1985	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2099	Nguyễn Thị Thúy An	12	12	1993	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	08 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2100	Trần Bích Liễu	25	10	1990	x	01-09-2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	08 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2101	Trần Tố Nguyên	23	5	1984	x	01-10-2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2102	Nguyễn Thị Thủy Tiên	19	12	1994	x	01-11-2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2103	Nguyễn Thị Sinh Sinh	15	5	1992	x	01-11-2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2104	Phạm Thanh Trúc	3	6	1996	x	01-04-2018	01-10-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2105	Trần Thanh Hiếu	26	1	1995	x	01-04-2018	01-10-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2106	Trần Thị Thanh Tuyền	25	12	1995	x	01-11-2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2107	Võ Thủy Tiên	29	9	1996	x	01/4/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2108	Nguyễn Thị Vân	2	6	1995	x	01/4/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Đông	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN GVMN		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2109	Lê Thị Bích Cẩm	30	01	1985	x	01/09/2006	01/03/2007	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2110	Đặng Thị Kiều Loan	27	5	1980	x	01/09/2008	01/03/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2111	Nguyễn Thị Thu Hiền	15	10	1978	x	01/09/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	14 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,89	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2112	Lâm Thị Thu Thảo	11	09	1983	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2113	Phạm Thị Ngọc Diễm	30	04	1983	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 04 tháng	V.07.02.26	3,65	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2114	Ngô Thị Thủy	02	06	1987	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		
2115	Lâm Thị Bích Phượng	28	08	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2116	Di Thị Ngọc Tuyết	02	12	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2117	Nguyễn Thị Thu Hương	26	10	1984	x	01/11/2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2118	Nguyễn Minh Thảo	04	07	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2119	Nguyễn Thị Quyền	04	03	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	07 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2120	Dư Thanh Vân	07	07	1996	x	09/01/2018	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2121	Ngô Thị Hương	28	03	1994	x	09/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2122	Nguyễn Trúc Mai	30	06	1994	x	21/02/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2123	Võ Thị Hồng Duyên	18	02	1995	x	21/02/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2124	Đặng Thị Minh Hiếu	14	04	1993		21/02/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2125	Đinh Kiều My	15	08	1993	x	21/10/2020	01/06/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	02 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,10	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2126	Võ Kim Tuyền	10	09	1992	x	10/12/2019	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 1	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Dại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2127	Lê Thị Thu Thủy	15	12	1973	x	01/08/1996	01/02/1998	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	18 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.89+0,5%	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2128	Lưu Thị Thúy Diễm	06	06	1973	x	04/08/1997	01/01/2000	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.89+0,35%	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2129	Nguyễn Thị Thúy	14	08	1973	x	01/08/1995	01/03/1997	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.89+0,35%	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2130	Nguyễn Thị Ngọc Loan	21	07	1975	x	04/08/1997	01/05/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2131	Hà Thị Kiều	14	01	1982	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2132	Nguyễn Thị Lan Phương	24	08	1984	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2133	Nguyễn Thanh Thúy	08	07	1982	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2134	Nguyễn Thị Lê	01	06	1984	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2135	Trang Thị Tú Anh	04	12	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2136	Võ Minh Hùng	01	04	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2137	Nguyễn Thái Ngân	08	04	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2138	Lê Thị Thu Huyền	08	02	1986	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2139	Trần Thị Ngọc Diệp	20	11	1981	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2140	Trần Thị Xuân Trang	09	09	1985	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2141	Nguyễn Thị Kiều Anh	10	03	1992	x	01/09/2013	01-03-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2142	Nguyễn Nhựt Thư	07	11	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học - B	Tiếng Anh - B		
2143	Huỳnh Thị Mỹ Linh	19	08	1983	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2144	Phạm Thị Thu Huệ	18	11	1993	x	01/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2145	Nguyễn Thị Hiệp	08	11	1995	x	01/03/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2146	Võ Thị Kim Phụng	30	09	1989	x	01/03/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2147	Lê Thị Vê	27	04	1995	x	01/03/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2148	Trần Nguyễn Phương Trâm	26	01	1996	x	01/03/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2149	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	01	03	1975	x	01/08/1996	01/12/2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	14 năm 05 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên môn	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2150	Phan Ngọc Mỹ	17	03	1974	x	14-08-1996	01/10/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	18 năm 07 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Không	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2151	Trần Thị Ngọc Diễm	23	04	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Không	THUĐ B	Tiếng Anh - B		
2152	Ngô Thị Ngọc Bích	04	12	1992	x	01/10/2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	7 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Không	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2153	Nguyễn Thị Hoa	20	06	1986	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	10 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III	QL hành chính NN - QL ngành GDĐT	THUĐ A	Tiếng Anh - B		
2154	Trần Minh Hiếu	02	03	1987	x	01/09/2012	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Không	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2155	Nguyễn Thị Mỹ Linh	28	12	1993	x	13/10/2014	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Không	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2156	Trần Thị Kim Tiến	23	11	1994	x	01/10/2015	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Không	CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2157	Võ Vương Phương Huỳnh	10	01	1993	x	01/11/2016	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Giấy chứng nhận Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục- đào tạo	CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2158	Nguyễn Thị Ngọc Sương	01	11	1984	x	01/11/2016	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Giấy chứng nhận Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục- đào tạo	CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2159	Nguyễn Thị Thanh Phú	11	09	1996	x	01/03/2019	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2160	Trần Thị Thanh Giang	07	09	1996	x	01/03/2019	01/04/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 3	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2161	Nguyễn Thị Xuân Mai	5	12	1984	x	01/10/2010	01/04/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	04 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ BD CBQL trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2162	Mai Thị Hà	10	9	1991	x	01/10/2015	01/10/2016	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	07 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ BD CBQL trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2163	Trần Thụy Vi Linh	1	2	1974	x	08/01/1994	26/12/1996	Giáo viên	Trường Mầm Non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng Hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2164	Trương Ngọc Bích Trâm	24	2	1985	x	09/01/2012	09/01/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ BD nghiệp vụ QL MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2165	Trương Thị Kim Ngân	26	8	1993	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	07 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ BD nghiệp vụ QL MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2166	Nguyễn Thị Kim Chi	25	5	1994	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD CNTT nâng cao	Tiếng anh trình độ B		
2167	Danh Thị Thu Trang	26	2	1993	x	31/10/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2168	Nguyễn Thị Thùy Duyên	07	11	1993	x	21/02/2019	01/04/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2169	Huỳnh Thị Ngọc Hậu	14	1	1995	x	21/02/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2170	Đặng Thị Yến Nhi	15	5	1995	x	10/12/2019	01/10/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2171	Nguyễn Thị Kim Thương	18	10	1994	x	21/2/2019	01/4/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thông Hội 4	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2172	Nguyễn Thị Nữ	16	7	1979	x	01/09/2002	02/05/2003	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	10 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2173	Nguyễn Thị Thanh Vân	28	12	1970	x	01/09/1996	31/08/1997	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2174	Hồ Kim Loan	19	9	1983	x	01/09/2007	01/03/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh - B		
2175	Huỳnh Thị Ngọc Hiếu	23	6	1979	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	17 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm – Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2176	Vương Thị Tiểu Nhi	10	2	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2177	Lê Thị Hòa Sang	12	8	1986	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ -Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		Tin học B	Cử nhân tiếng Anh		
2178	Phạm Thị Ngọc Thanh	11	12	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2179	Lưu Thị Thuý Oanh	27	6	1977	x	01/09/1997	01/03/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm- Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2180	Huỳnh Ngọc Thu Vân	12	7	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2181	Trịnh Thị Kim Hạnh	21	3	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II -		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2182	Nguyễn Thị Kim Thủy	22	12	1986	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Trường mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2183	Trần Thị Ngàn	10	6	1980	x	09-01-2001	09-01-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	14 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2184	Nguyễn Thị Thu Trang	5	9	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2185	Trần Hương Vương Liễu	15	1	1994	x	01-09-2014	01-03-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
2186	Hồ Ngọc Minh	29	10	1978	x	05-05-2011	10-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2187	Nguyễn Thị Linh Phương	26	8	1994	x	10-01-2015	04-01-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Thái Mỹ	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2188	Phan Thị Hồng Nhung	25	9	1982	x	01-09-2005	01-03-2006	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2189	Lê Thị Trâm Anh	08	05	1985	x	01-09-2006	01-03-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2190	Phạm Ngọc Hương Trà	05	11	1984	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 02 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non		A	Tiếng Anh - B		
2191	Lê Trần Thanh Trúc	04	04	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Tiếng Anh - B		
2192	Nguyễn Thị Hồng Châu	27	3	1988	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	11 năm 03 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2193	Huỳnh Nhật Minh Phú	16	6	1983	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Tiếng Anh - B		
2194	Nguyễn Thị Thanh Thương	27	8	1987	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Tiếng Anh - B		
2195	Trịnh Thị Kim Ngân	07	08	1996	x	01/04/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2196	Lương Thị Hồng Ngọc	28	9	1992	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2197	Phạm Thị Lam Tuyền	14	7	1996	x	01/02/2020	01/08/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2198	Lê Thị Hằng	15	10	1984	x	27/09/2011	01/04/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III		B	Tiếng Anh - B		
2199	Huỳnh Thị Diễm	16	06	1976	x	01/09/1998	01/03/1999	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chuyên viên	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2200	Phạm Huỳnh Thanh Tuyền	18	11	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2201	Hoàng Thị Phương Anh	11	10	1979	x	04/08/1997	01/03/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2202	Phan Thị Kim Thoa	12	01	1979	x	01/08/1998	01/02/1999	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2203	Nguyễn Thanh Nhân	12	12	1981	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2204	Nghiêm Ngọc Giàu	16	08	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT Cơ bản	Tiếng Anh - B		
2205	Lương Thị Hồng Thắm	15	08	1983	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2206	Trương Đào Tuyền	14	01	1986	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2207	Trần Ánh Loan	23	09	1983	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	13 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Tiếng Anh - B		
2208	Trần Thị Nguồn	04	04	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2209	Huỳnh Thị Sơn Trà	27	07	1986	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Tiếng Anh - B		
2210	Trang Thùy Dung	14	12	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2211	Nguyễn Bùi Thúy An	18	01	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2212	Ngô Huỳnh Kim Ngân	23	02	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		B	Tiếng Anh - B		
2213	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10	6	1985	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		B	Tiếng Anh - B		
2214	Đặng Thị Thùy Trang	8	2	1995	x	18/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		A	Tiếng Anh - B		
2215	Nguyễn Thị Nhung	6	5	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		A	Tiếng Anh - B		
2216	Hồ Thị Dịu Linh	17	7	1984	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	17 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		B	Tiếng Anh - B		
2217	Nguyễn Hồ Mộng Thu	1	10	1984	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Tiếng Anh - B		
2218	Lê Ngọc Triệu	24	11	1992	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	5 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT Cơ bản	Tiếng Anh - B		
2219	Lý Lan	2	4	1993	x	21/02/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT Cơ bản	Tiếng Anh - B		
2220	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18	12	1993	x	21/02/2019	01/09/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		B	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2221	Võ Thị Thu Hằng	23	10	1990	x	18/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		A	Tiếng Anh - B		
2222	Đoàn Nguyễn Phương Uyên	13	4	1993	x	18/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 2	UBND huyện Cù Chi	7 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Tiếng Anh - B		
2223	Lê Thanh Truyền	16	04	1973	x	28/08/1991	15/11/1993	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	14 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,89+7 %	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ khóa quản lý nhà nước	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - B		
2224	Nguyễn Thị Tuyết Loan	04	01	1983	x	18/11/2003	18/05/2003	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ khóa quản lý nhà nước	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - B		
2225	Trần Thị Ánh Hoa	19	12	1978	x	24/09/2001	27/11/2001	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ khóa quản lý nhà nước	Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B	Tiếng Anh - B		
2226	Võ Thị Thúy Hải	05	03	1983	x	27/10/2004	02/12/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B	Tiếng Anh - B		
2227	Nguyễn Thị Phương	01	01	1987	x	21/02/2013	15/11/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ khóa quản lý nhà nước	Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B	Tiếng Anh - B		
2228	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	28	01	1980	x	29/09/2001	27/11/2001	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	14 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi					Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
2229	Nguyễn Thị Thu Dung	23	11	1980	x	30/09/2002	11/12/2002	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - B	
2230	Hồng Thị Hồng	09	01	1988	x	01/09/2008	05/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B	Tiếng Anh - B	
2231	Đào Thị Hiền	09	01	1981	x	24/11/2008	08/05/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ A	Tiếng Anh - B	
2232	Nguyễn Thị Tú Anh	22	12	1992	x	07/01/2016	22/08/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin rình độ A	Tiếng Anh - B	
2233	Nguyễn Thị Kiều Anh	26	02	1996	x	18/09/2019	27/04/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,06	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - B	
2234	Nguyễn Thị Hồng Yến	06	01	1992	x	04/02/2013	07/06/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,66	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non <u>hạng II</u>		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh - B	
2235	Bùi Kim Phụng	01	12	1994	x	23/11/2018	22/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non <u>hạng II</u>		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh - B	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2236	Nguyễn Thị Tuyết Mai	25	10	1983	x	05/03/2009	08/05/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Thị trấn Cù Chi 3	UBND huyện Cù Chi	3 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh - Bậc 3		
2237	Trịnh Thị Thu Hương	12	9	1969	x	14/09/1991	15/11/1993	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Trung An 1	UBND huyện Cù Chi	4 năm 08 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2238	Phạm Thị Minh Hà	4	12	1988	x	01/09/2012	01/03/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Trung An 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2239	Nguyễn Kim Thúy	2	11	1985	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2240	Bùi Thị Cẩm Tú	11	7	1991	x	01/08/2017	01/02/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 1	UBND huyện Cù Chi	06 năm 04 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non		Tin học ứng dụng- B	Tiếng Anh - B		
2241	Nguyễn Thị Thúy Hai	14	4	1989	x	01/09/2013	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 1	UBND huyện Cù Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2242	Trần Yến Ngọc	25	06	1987	x	07/12/2007	18/01/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	04 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non	QL Bồi dưỡng quản lý trường mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2243	Trần Thị Thanh Loan	12	02	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	11 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non	chứng nhận hiệu trưởng trường mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1 (Bậc 3/6)		
2244	Phan Trần Phương Thảo	7	11	1980	N ữ	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	QL Bồi dưỡng quản lý trường mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2245	Lê Thị Sáu	16	1	1974	N ữ	01/09/1996	01/09/1996	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2246	Dương Thị Quỳnh Hoa	13	6	1993	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	08 năm 04 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2247	Lâm Thị Cẩm Lai	01	01	1994	X	08/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Cù Chi	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	sơ cấp	Giáo viên mầm non	Chứng nhận hiệu trưởng trường mầm non	UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2248	Nguyễn Thị An Hòa	02	01	1977	x	01/02/1996	01/02/1997	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2249	Mai Ngọc Ánh	08	09	1978	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2250	Nguyễn Thị Xuân Đào	01	02	1982	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2251	Hồ Thị Cẩm Nhung	06	07	1988	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2252	Nguyễn Thị Thùy An	10	12	1988	X	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2253	Lê Thị Hương	01	02	1971	x	01/09/1998	01/01/2001	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 Tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2254	Trần Thị Hồng Thắm	14	4	1984	x	09-01-2006	03-01-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 Tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2255	Võ Thị Thùy Linh	07	10	1986	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2256	Nguyễn Thị Kim Thoa	06	05	1987	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2257	Nguyễn Thị Thu Hạnh	09	03	1988	x	01-09-2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	8 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		UDCNT T Nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2258	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	14	11	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	QL Bồi dưỡng hiệu trưởng trường MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2259	Lê Thị Kim Yến	27	12	1980	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2260	Trần Thị Bích Tiên	30	11	1983	X	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Trung An 2	UBND huyện Củ Chi	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD MN	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh trình độ B		
2261	Phạm Thị Hồng Nhũ	18	8	1978	x	01/09/1998	01/01/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	16 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng nhận đào tạo hiệu trưởng trường mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2262	Nguyễn Thị Kiều Nhi	08	3	1990	x	01/10/2011	01/10/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2263	Nguyễn Mai Tiên	23	02	1992	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng nhận đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Hiệu trưởng trường mầm non	UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2264	Nguyễn Ngọc Oanh	27	06	1989	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2265	Trịnh Thị Thuý	16	02	1991	x	01/12/2020	01/12/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2266	Phạm Thị Ngọc Sang	15	04	1981	x	01/04/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh - B		
2267	Nguyễn Thị Kim Oanh	07	3	1978	x	01/09/1998	01/05/2000	Giáo viên	Trường Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2268	Tô Thị Kiều Phương	25	3	1995	x	6/2/2018	1/9/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2269	Nguyễn Thị Thúy Kiều	12	11	1995	x	1/4/2019	1/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2270	Nguyễn Thị Hồng Đào	29	11	1996	x	1/4/2019	1/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2271	Lê Thị Huyền	2	9	1988	x	1/9/2013	10/7/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B		
2272	Trần Thị Tuyền	15	6	1990	x	6/2/2018	1/2/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2273	Lê Thị Lệ My	12	12	1991		06-02-2018	01-03-2018	Giáo Viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2274	Nguyễn Thủy Duyên	23	9	1996	x	01/04/2019	01/0/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2275	Nguyễn Mai Gia Hân	5	08	1997	x	1/4/2019	1/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Không	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2276	Võ Thị Minh Thương	30	6	1986	x	01-09-2007	01-12-2016	Phó Hiệu Trưởng	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục Mầm non Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2277	Nguyễn Thị Ngọc Loan	16	8	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	12 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2278	Nguyễn Thị Hải	11	3	1983	x	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2279	Hà Hoàng Oanh	6	5	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2280	Dương Thị Trúc Linh	30	4	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2281	Lê Nhật Nha	29	9	1993	x	01-11-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	8 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2282	Nguyễn Thị Kiều Diễm	11	7	1993	x	01-10-2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2283	Nguyễn Thị Hồng Thi	5	4	1980	x	01-09-1999	01-12-2009	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2284	Phan Thị Mộng Thường	23	9	1979	x	01-05-2000	01-12-2010	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	13 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.58	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2285	Trần Thị Kim Quyên	25	10	1994	x	01-11-2014	01-05-2015	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2286	Nguyễn Thị Mỹ Lê	2	2	1985	x	01-10-2010	01-04-2011	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2287	Trần Thị Thuý Nhung	19	2	1992	X	01-11-2014	01-05-2015	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2288	Phan Thị Hồng Đào	10	8	1993	x	01-11-2016	01-05-2017	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2289	Nguyễn Thị Bích Thảo	5	2	1985	X	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2290	Võ Thị Cẩm Tiên	22	2	1994	X	01-11-2016	01-05-2017	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2291	Phạm Thị Kim Anh	12	7	1992	X	01-11-2016	01-05-2017	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2292	Phạm Thị Trúc Phương	26	11	1994	X	01-11-2016	01-05-2017	Giáo viên	Trường mầm non Trung Lập Thượng	UBND huyện Củ Chi	7 năm	V.07.02.26	2,41	Cử nhân - Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2293	Võ Thị Yến Phương	8	3	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm Tản Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2294	Nguyễn Thị Hồng Phương	13	8	1983	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm Tản Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2295	Trần Đặng Thảo Nguyên	27	8	1982	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm Tản Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2296	Hà Tuyết Hoa	28	8	1984	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường Mầm Tản Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	12 năm 07 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2297	Trần Thị Hồng Thu	7	5	1976	x	01/08/1996	01/03/1998	Giáo viên	Trường Mầm Tản Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2298	Nguyễn Thị Phương Thảo	1	3	1995	x	18/11/2016	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	06 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2299	Võ Thị Thùy Dương	19	4	1995	x	21/02/2019	01/03/2019	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	05 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
2300	Nguyễn Ngọc Giàu	13	9	1983	x	18/11/2016	01-03-2018	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	06 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2301	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	7	11	1994	x	18/11/2016	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	06 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2302	Nguyễn Thị Tuyền	20	7	1989	x	18/11/2016	01/03/2018	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	06 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2303	Trần Thị Thanh Thủy	27	5	1996	x	21/02/2019	01/03/2019	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	05 năm 02 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT Cơ bản	Tiếng Anh - B		
2304	Bùi Thu Trang	20	4	1994	x	09/01/2018	01/10/2018	Giáo viên	Trường Mầm Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	03 năm 01 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2305	Nguyễn Thị Mỹ Liên	19	2	1992	x	21/10/2020	01/05/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tân Thạnh Tây	UBND huyện Củ Chi	3 năm	V.07.02.26	2.10	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT Cơ bản	Tiếng Anh - B		
2306	Trần Thị Thoa	28	12	1984	X	01/09/2011	01/09/2012	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	11 năm 08 tháng	V.07.02.26	3.34+0,5	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2307	Nguyễn Lê Thu Chương	7	12	1983	X	01/09/2007	01/09/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	15 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65 + 3.5	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2308	Trần Thị Dung	4	7	1974	X	01/09/1996	01/09/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	25 năm 08 tháng	V.07.02.26	4.58	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2309	Nguyễn Thị Phương Trúc	2	9	1980	X	09-01-1999	03-01-2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.89+0,2	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non	UD.CNT T nâng cao	Tiếng Anh - B		
2310	Nguyễn Thị Hồng Thụy	13	7	1993	X	09-01-2013	31/02/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD.CNT T nâng cao	Tiếng Anh - B		
2311	Lê Thị Huệ Anh	21	5	1981	X	10-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD.CNT T nâng cao	Tiếng Anh - B		
2312	Lê Thị Xuân Hồng	6	5	1993	x	10-01-2014	10-01-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	08 năm 07 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2313	Nguyễn Huyền Trân	29	12	1993	X	04-01-2019	10-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2314	Phạm Hồng Trang	2	4	1995	X	04-01-2019	10-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2315	Lê Thị Thu Thủy	2	9	1993	X	03-01-2019	03-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
2316	Nguyễn Thị Ánh Linh	12	10	1993	X	04-01-2019	10-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		UD, CNTT nâng cao	Tiếng Anh- B		
2317	Tạ Thị Kim Loan	13	12	1993	X	04-01-2019	10-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		UD, CNTT nâng cao	Tiếng anh - B		
2318	Nguyễn Trương Nữ Minh Châu	5	12	1990	X	12-01-2020	02-01-2021	Giáo viên	Trường Mầm non Tây Bắc	UBND huyện Củ Chi	3 năm 01 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		A	Tiếng Anh - B		
2319	Bùi Thị Ca Li	18	6	1981	x	01-11-2000	01-03-2003	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh Bậc 2		
2320	Phạm Thị Ánh Nguyệt	29	6	1971	x	15-08-1994	15-02-1995	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
2321	Đặng Thị Ngọc Diễm	4	3	1980	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh Bậc 2		
2322	Dương Thúy Loan	4	1	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh Bậc 2		
2323	Trần Thị Hồng Sương	25	8	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
2324	Lê Tuyết Phượng	8	11	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
2325	Hồ Thị Ngọc Phương	6	12	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ A	Anh Bậc 2		
2326	Huỳnh Thị Mộng Mơ	1	8	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ B	Anh Bậc 2		
2327	Phạm Kim Thoa	18	1	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		THUĐ B	Anh Bậc 2		
2328	Trần Thị Thanh Loan	20	9	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình An	UBND huyện Cần Giở	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Anh Bậc 2		
2329	Nguyễn Thị Hoàng Bích Thắm	23	10	1983	x	01-09-2004	01-03-2005	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giở	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học giáo dục mầm non Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		THUĐ A	Anh B2		
2330	Nguyễn Thị Thanh Thúy	30	12	1985	x	01-09-2005	01-03-2006	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giở	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học giáo dục mầm non Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		THUĐ B	Anh B2		
2331	Lê Thị Bích Lan	02	11	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giở	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2332	Trương Thị Hồng Vân	22	10	1984	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		
2333	Nguyễn Ngọc Ngân	26	11	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THUD A	Anh B2		
2334	Nguyễn Thị Hương	10	01	1976	x	15-08-1998	01-03-2002	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		
2335	Nguyễn Thị Ngọc Mai	11	12	1973	x	02/08/1993	20-01-1997	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	18 năm 6 tháng	V.07.05.26	4.89+6 %	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B		
2336	Phạm Thị Hồng	15	10	1976	x	01/08/1996	01/08/1998	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	18 năm 6 tháng	V.07.05.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II	x	THUD B	Anh B		
2337	Đoàn Thị Thanh Xuân	15	3	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II	x	THUD A	Anh B		
2338	Lê Thị Kim Thoa	02	01	1988	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2339	Đoàn Thị Hà Mi	29	10	1985	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 4 tháng	V.07.05.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2340	Lê Thị Nga	09	08	1977	x	15-08-1998	20/05/2000	Giáo viên	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 4 tháng	V.07.05.26	4,58	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		THUD B	Anh B		
2341	Nguyễn Thị Bích Hạnh	10	5	1984		01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		THUD B	Anh B		
2342	Lê Thị Ngọc Hà	05	10	1985	x	01/1/2007	01/12/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2343	Lê Thị Thanh Thảo	03	01	1990	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2344	Hồ Thị Mỹ Yến	04	09	1974	x	01/08/1997	01/04/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2345	Lê Thị Bích Thuý	20	11	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2346	Lê Thị Oanh	06	04	1974	x	16-08-1997	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2347	Nguyễn Thị Thùy Dương	15	2	1987	x	01/9/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2348	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18	4	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2349	Đoàn Thị Thu Lan	3	6	1970		15/8/1994	01/08/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	14 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2350	Nguyễn Ngọc Đông	8	10	1972	x	01/9/1993	01/10/2005	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		THƯĐ A	Anh B		
2351	Nguyễn Thị Hồng Điều	12	12	1987	x	01/09/2007	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		THƯĐ A	Anh B		
2352	Trần Thị Bích Thuý	25	8	1986	x	09-01-2007	01/11/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2353	Nguyễn Thị Thùy Nhung	19	4	1984	x	1/9 2009	01/11/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2354	Huỳnh Thị Phương Trúc	26	2	1984	x	01/9/2007	01/12/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2355	Hồ Thị Thùy Ngân	06	04	1989	x	01-09-2009	01/11/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2356	Trần Thị Mai	07	08	1981	x	01-09-2005	01/12/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2357	Nguyễn Thị Kim Hết	19	12	1977	x	15-10-1998	01/11/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2358	Võ Trần Trúc Mai	20	10	1982	x	01/09/2004	01/04/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		THƯĐ A	Anh B		
2359	Nguyễn Thị Mỹ Linh	25	10	1985	x	01-09-2007	01/12/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2360	Phùng Thị Cẩm Loan	13	03	1986	x	01/09/2007	01/01/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên Mầm non hạng II		THƯĐ A	Anh B		
2361	Nguyễn Thị Chung	20	4	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	9 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	x	CNTT nâng cao	Anh B		
2362	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	25	8	1989	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	x	CNTT nâng cao	Anh B		
2363	Trang Thị Cẩm Ngân	10	8	1991	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2364	Nguyễn Thụy Thái Hiền	30	8	1983	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2365	Trần Thị Kim Liên	1	9	1989	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2366	Nguyễn Thu Thủy	15	2	1989	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 7 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2367	Huỳnh Thị Thanh Vẹn	12	9	1990	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường mầm non Đồng Tranh	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 4 tháng	V.07.05.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2368	Lê Thị Yến Tuyết	10	11	1983	x	01-09-2005	01-03-2006	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	14 năm 0 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2369	Vô Ngọc Thảo	29	06	1987	x	01-09-2009	01-03-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2370	Lê Thị Cẩm Loan	20	09	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	7 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2371	Nguyễn Thị Hằng	15	10	1981	x	01-09-2006	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non		CNTT cơ bản	Anh B		
2372	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc Thúy	19	04	1987	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	Giáo viên mầm non hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
2373	Lê Thị Thanh Thúy	21	7	1985	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Long Hòa	UBND huyện Cần Giuộc	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,46	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non		CNTT cơ bản	Anh B		
2374	Nguyễn Thị Hồng Hoa Lan	14	10	1972	x	01/09/1992	01/03/2009	Hiệu trưởng	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4.89+9 %	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Chuyên viên	THƯ/D B	Anh B		
2375	Lê Thị Mỹ Tiên	01	11	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2376	Vô Thị Mỹ Huyền	19	09	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2377	Trần Thị Bích Vân	28	12	1974	x	01/10/2000	01/12/2011	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2378	Phạm Thúy Hoan	6	5	1987	x	01/9/2007	20-08-2019	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2379	Trần Thị Minh Hiếu	21	8	1994	x	01/10/2015	01-10-2016	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2380	Tô Trần Thị Trúc Khương	3	7	1988	x	09-01-2008	01-11-2012	Giáo viên	Trường Mầm non An Thới Đông	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2381	Nguyễn Thị Kim Tuyền	16	10	1977	x	04/08/1997	20/05/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯ/D A	Anh B	x	
2382	Phan Thị Bé	15	12	1976	x	04/08/1997	20/05/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯ/D A	Anh B	x	
2383	Trương Hồng Phượng	29	9	1986	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B	x	
2384	Lê Thị Kim Thúy	18	10	1984	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THƯ/D A	Anh B	x	
2385	Hoàng Thị Kim Hồng	29	6	1990	x	01/09/2011	01-01-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯ/D A	Anh B	x	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2386	Ngô Thị Kim Hân	14	6	1994	x	01-10-2016	01-04-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		UDCNT T cơ bản	Anh B		
2387	Nguyễn Thị Ngọc Mai	13	5	1994	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CC tin học Trình độ A	Anh B		
2388	Lê Thị Kim Phụng	11	11	1994	x	01/10/2015	01/04/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CC tin học Trình độ A	Anh B		
2389	Phạm Thị Kim Hương	4	6	1982	x	05/02/2021	05/08/2021	Giáo viên	Trường Mầm non Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CC tin học Trình độ A	Anh B		
2390	Lê Thị Thu Thảo	06	02	1991	x	01/09/2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thạnh An	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		THU'D A	Anh B		
2391	Quảng Thị Thúy Ngân	13	07	1991	x	01/09/2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Thạnh An	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		THU'D A	Anh B		
2392	Huỳnh Thị Thu Vàng	03	03	1991	x	01/09/2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thạnh An	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		THU'D B	Anh B		
2393	Quảng Thị Thu Cúc	05	06	1993	x	01/10/2016	01/10/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Thạnh An	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 9 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		THU'D A	Anh B		
2394	Lê Thị Mỹ Hằng	2	1	1986	x	01/09/2009	01-03-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 4 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2395	Hồ Thị Tuyết An	8	3	1977	x	01/09/2007	01-03-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THU'D B	Anh B		
2396	Ngô Thị Hồng Trang	16	5	1988	x	1/9/2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2397	Nguyễn Thị Hồng Thắm	4	8	1991	x	1/9/2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2398	Nguyễn Thị Ánh Hồng	30	12	1986		1/9/2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2399	Nguyễn Thị Mộng Duy	29	10	1987	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2400	Trần Thảo Linh	21	11	1996	x	10-01-2017	04-01-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II và GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2401	Nguyễn Huỳnh Ngọc Mai	26	6	1984	x	01-11-2011	27-04-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2402	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07	11	1989	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B	x	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2403	Chan Thị Mộng Tuyền	5	1	1995	x	01-10-2015	01-04-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2404	Hoàng Kim Thúy	1	2	1989	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2405	Trần Thị Tuyết Trinh	30	9	1993	x	01-10-2015	01-04-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	3 năm 0 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B	x	
2406	Trương Thị Ngọc Dung	14	5	1968	x	01-10-1988	01/04/1990	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	4.89+10%	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2407	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	15	11	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B	x	
2408	Thái Thị Kim Thúy	25	1	1977	x	01-08-1998	01-05-2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2409	Nguyễn Thị Tố Trinh	17	1	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2410	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	24	4	1985	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2411	Nguyễn Thị Ngọc Lan	15	11	1988	x	01-09-2008	01-03-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B1		
2412	Đặng Thị Hoàng Kim	22	11	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học A, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B1		
2413	Trần Thị Mộng Thu	17	7	1984	x	01/09/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2414	Dương Thị Hoàng Oanh	18	5	1989	x	01/09/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B1		
2415	Mai Ngọc Liễu	05	01	1991	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2416	Nguyễn Thị Liễu	27	08	1987	x	01/08/2010	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao	Anh B1		
2417	Phan Thị Thúy Vân	16	04	1990	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao	Anh B		
2418	Phan Hoàng Lệ Quyên	19	02	1984	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2419	Nguyễn Thị Thùy Dương	01	08	1993	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học A, Chứng chỉ CNTT nâng cao	Anh B		
2420	Võ Thị Kim Xuyến	03	08	1991	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2421	Nguyễn Thị Ngọc Mai	16	08	1994	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, UDCNT T Trong dạy học	Anh B		
2422	Trần Mỹ Phụng	30	11	1993	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2423	Phạm Thị Thu Thảo	28	06	1994	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2424	Nguyễn Thị Thanh Xuân	22	02	1994	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, UDCNT T Trong dạy học	Anh B		
2425	Lê Thị Phước Minh	29	10	1994	x	01/12/2015	01/06/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học B, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2426	Trần Nguyễn Song Anh	16	3	1994	x	25/08/2015	01/12/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học B, Chứng chỉ CNTT nâng cao, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2427	Nguyễn Thị Kim Chi	22	9	1994	x	25/08/2015	01/12/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	7 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		Tin học A, Chứng chỉ CNTT nâng cao, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2428	Trần Thị Mộng Hương	23	11	1995	x	01/11/2016	01/05/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	6 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng II		Tin học A, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2429	Nguyễn Thị Lệ Thu	10	08	1994	x	06/08/2020	01/09/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III	x	Tin học A, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2430	Lê Thị Kim Chi	18	10	1996	x	06/08/2020	01/09/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Tin học A, Chứng chỉ CNTT cơ bản	Anh B		
2431	Lâm Thị Mỹ Huyền	01	08	1998	x	06/08/2020	01/09/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hướng Dương	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		Chứng chỉ CNTT nâng cao	Anh B		
2432	Lâm Hoàng Phi	10	6	1987	x	01/9/2008	01/3/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T NC	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2433	Phạm Thị Bích Chi	11	7	1975	x	01/9/1994	01/9/1995	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T CB	B		
2434	Võ Thị Thanh Loan	30	5	1983	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T CB	B		
2435	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	16	5	1986	x	01/9/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T CB	B		
2436	Võ Thị Ngọc Hân	6	9	1985	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	B		
2437	Phùng Thị Sa Ly	12	12	1985	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	B		
2438	Nguyễn Thị Ngọc Hương	22	10	1985	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T CB	B		
2439	Trần Thị Hương	1	5	1985	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		UDCNT T CB	B		
2440	Ngô Thị Thiên Lý	13	7	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		B	B		
2441	Trần Thị Diễm Hương	21	2	1988	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2442	Nguyễn Anh Thu	18	12	1995	x	04/7/2019	01/3/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2443	Lê Thị Ngọc Diễm	9	6	1990	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2444	Lê Thị Cẩm Nhung	4	4	1981	x	01/5/2018	01/11/2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	5 năm 5 tháng	V.07.02.26	3.96	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2445	Lê Thị Kim Loan	18	7	1987	x	01/12/2015	01/6/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2446	Nguyễn Huỳnh Tuyết Liễu	9	8	1998	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.1	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2447	Trần Mỹ Ly Ly	29	12	1996	x	01-09-2020	01-09-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Lan	Huyện Nhà Bè	3 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T CB	B		
2448	Trần Thị Mỹ Duyên	5	11	1981		01/09/2001	29-04-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Họa Mi	Huyện Nhà Bè	20 năm 7 tháng	V.07.02.26	4.27+20%	Đại học sư phạm Mầm non Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2449	Nguyễn Kim Phương	26	5	1988	x	01/8/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường mầm non Họa Mi	Huyện Nhà Bè	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72+8%	Đại học Sư phạm Mầm non. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh văn B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2450	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	12	10	1987	x	01/9/2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03+1 3%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2451	Lê Thị Như Hoa	19	8	1978	x	01/09/2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	20 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34+ 19%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2452	Dương Thị Hà	27	3	1985	x	01/08/2014	01-02-2015	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72+ 9%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2453	Đoàn Thị Hà	1	9	1981		01/12/2006	01-12-2008	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,65+1 6%	Đại học sư phạm Mầm non Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2454	Bùi Thị Cẩm Nhung	7	11	1986	x	01/10/2010	01/04/2011	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	13 năm	V.07.02.26	3,03+1 3%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2455	Thái Thị Ngọc Trâm	30	4	1990	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03+1 2%	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2456	Nguyễn Thị Kim Hương	29	3	1990		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	12 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03+1 1%	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh văn B		
2457	Phạm Thị SaRi	3	11	1983	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72+1 0%	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2458	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14	5	1993	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường mầm non Hòa Mi	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72+1 0%	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2459	Nguyễn Thị Thúy Hằng	19	6	1978	x	01/9/1996	01/9/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	23 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh B		
2460	Võ Thị Thanh Lan	11	12	1982	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh B		
2461	Phạm Thị Ngọc Ánh	13	7	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		
2462	Phạm Thị Kiều Oanh	26	8	1986	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
2463	Huỳnh Thị Xuân Lan	26	12	1985	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		
2464	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	10	4	1992	x	01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		B	Anh B		
2465	Nguyễn Thị Cẩm Hương	31	3	1988	x	01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		B	Anh B		
2466	Lưu Nguyễn Phương Trúc	28	11	1991	x	01/9/2012	28/12/2016	Giáo viên, Tổ phó	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2467	Nguyễn Ngọc Nga	8	10	1991	x	01/9/2012	28/12/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
2468	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	30	6	1990	x	01/8/2013	01/2/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		B	Anh B		
2469	Lê Thị Kim Tín	3	7	1990	x	01/9/2014	01/9/2014	Giáo viên, Tổ phó	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		B	Anh B		
2470	Nguyễn Thị Trâm	06	7	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		
2471	Trần Ngọc Quỳnh	27	10	1992	x	01/9/2018	01/3/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		
2472	Phan Thị Ngọc Nghiêm	18	12	1993	x	01/11/2016	01/5/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Mạ Non	Huyện Nhà Bè	6 năm 11 tháng	V.07.02.26	2.41	Đại học Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		
2473	Huỳnh Thị Ánh	10	5	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2474	Trần Thị Bích Tuyền	15	4	1983	x	1/9//2009	03-01-2010	Giáo viên, tổ phó	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2475	Đặng Thị Bích Ngân	30	3	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2476	Đào Thị Bích Trâm	2	9	1986	x	09-01-2007	03-01-2008	Giáo viên, tổ phó	Trường Mầm non Thị Trấn Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B, CNTT CB	Anh B		
2477	Nguyễn Thị Thanh Phụng	04	06	1971	x	16/8/1990	01/05/1992	Hiệu trưởng	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	31 năm 11 tháng	V.07.02.26	4,89 + 9%	Đại học Sư phạm Mầm non. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh B		
2478	Trần Thị Thúy Quyên	03	04	1979	x	01/09/2010	01/03/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Thạc sĩ Sư phạm Mầm non. Chứng nhận quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh B1		
2479	Phạm Thị Ngọc Mẫn	13	11	1970	,	04/09/1997	01/09/2008	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh B		
2480	Nguyễn Thị Ngọc Dung	22	8	1970	x	01/10/1994	01-02-1997	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	27 năm 2 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2481	Nguyễn Thị Mộng Bình	01	03	1984	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2482	Nguyễn Thị Thanh Cẩm	04	12	1985	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2483	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21	10	1990	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2484	Trần Thị Lê Na	15	8	1984	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTN C	Anh B1		
2485	Lê Thị Mộng Cầm	02	01	1992	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2486	Nguyễn Thị Kim Loan	22	02	1968	x	01/10/1993	01/09/1999	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	24 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2487	Nguyễn Thị Tú Trinh	10	05	1991	x	01/09/2011	01/08/2014	Giáo viên	Trường mầm non Vành Khuyên	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		CNTTN C	Anh B		
2488	Dương Hoàng Phúc	10	8	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Sao Mai	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2489	Lê Thị Kim Loan	5	6	1978	x	09-01-2010	01/03/2011	Giáo viên, Tổ phó	Trường mầm non Sao Mai	Huyện Nhà Bè	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2490	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	2	3	1992	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Mầm non Sao Mai	Huyện Nhà Bè	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2491	Nguyễn Thị Thùy Trang	18	10	1988	x	01/9/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Mầm non Sao Mai	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2492	Nguyễn Ngọc Liên	13	4	1972	x	01/09/2004	01/03/2005	Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	19 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2493	Mai Thị Quế Minh	18	6	1972	x	01/09/1995	01/09/2001	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	22 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,89+5%	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2494	Hồ Thị Kiều Oanh	2	3	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2495	Châu Thị Ngọc Nữ	16	12	1988	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2496	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	16	12	1985	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2497	Hồ Thị Mộng Tuyền	4	4	1986	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2498	Bùi Thị Hoài Thu	12	1	1987	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường mầm non Sơn Ca	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2499	Nguyễn Thị Kim Ngọc	25	10	1989	x	01/9/2010	11-11-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II, Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B2		
2500	Nguyễn Thị Thùy Vân	12	3	1985	x	01/09/2014	21/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	08 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II, Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2501	Võ Thị Bé Hai	20	11	1992	x	01/08/2014	21/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III, Hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2502	Vũ Thị Phương Thanh	24	2	1988	x	01-09-2010	11-11-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2503	Nguyễn Thị Bạch Kim	3	5	1988	x	01-09-2010	11-11-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng II, Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2504	Hà Thị Thu An	3	6	1993	x	01/08/2013	31/01/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	10 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2505	Nhữ Thị Thu	10	8	1989	x	01/12/2015	01/12/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng III		B, CNTT CB	Anh B		
2506	Trần Công Thu Vân	19	7	1978	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non.	Trung cấp	GVMN Hạng III		A, CNTT CB	Anh B		
2507	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	15	5	1993	x	01/8/2013	03/3/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2508	Huỳnh Thị Ngọc	19	9	1984	x	01/9/2012	03/01/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2509	Lê Thị Huỳnh Như	2	8	1992	x	01/8/2012	09/01/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2510	Phạm Thị Thanh Hương	26	12	1992	x	01/8/2012	09/01/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Đồng Xanh	Huyện Nhà Bè	11 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng III		UDCNT T Cơ Bản	Anh B		
2511	Phan Thị Ngọc Phú	25	11	1986	x	01/8/2014	21/9/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Sen	Huyện Nhà Bè	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B, CNTT nâng cao	Anh B1		
2512	Trần Thuý Trinh	14	1	1984	x	01-09-2009	01-03-2010	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 Tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm Mầm non, Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh B		
2513	Nguyễn Thị Thanh Thuý	16	9	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	24 năm	V.07.02.26	4,58	Thạc sĩ giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chuyên viên	A	Anh B1		
2514	Lê Thị Thuý Liễu	8	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	03.01	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh văn B		
2515	Ngô Thị Tuyết Trinh	3	12	1987	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Anh B		
2516	Lê Thị Tuyết Mai	5	3	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	03.01	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh văn B2		
2517	Trần Thị Thu Trang	30	6	1993	x	01-08-2014	01-02-2015	Giáo viên, tổ phó	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		A	Anh B		
2518	Trần Thị Diễm Hường	15	10	1993	x	01-08-2013	1-2-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	03.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		B	Anh B		
2519	Phạm Võ Anh Thư	21	10	1987	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung Cấp	GVMN Hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2520	Nguyễn Thị Diễm Trúc	16	4	1996	x	16-11-2017	16-5-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		A	Anh B		
2521	Dương Thuý Vân	28	4	1994	x	01-12-2016	1-6-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	6 năm 10 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		B	Anh B		
2522	Nguyễn Thị Trúc Linh	12	9	1994		04-09-2018	4-3-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	5 năm 01 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		A	Anh B		
2523	Huỳnh Thị Thảo Lan	29	8	1995	x	16-11-2017	16-5-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		A	Anh B		
2524	Huỳnh Yến Nhi	3	7	1997	x	16-11-2017	16-5-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		A	Anh B		
2525	Dương Mỹ Duyên	6	11	1996	x	16-11-2017	16-5-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Huyện Nhà Bè	5 năm 11 tháng	V.07.02.26	02.01	Đại học Sư phạm Mầm non		GVMN Hạng III		A	Anh B		
2526	Dương Thị Minh Lan	6	11	1971	x	01-09-1993	01-09-1994	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	27 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chứng chỉ đào tạo Hiệu trưởng Trường Mầm non	B	Tiếng Anh B		
2527	Hồ Ngọc Mỹ	11	8	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên - Tổ trưởng	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chứng nhận Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục- đào tạo	B	Tiếng Anh B		
2528	Nguyễn Thị Thu Thảo	15	5	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên - chủ tịch công đoàn	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chứng chỉ đào tạo Hiệu trưởng Trường Mầm non	A	Tiếng Anh B		
2529	Ngô Thị Bích Tuyền	1	9	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II		Chứng chỉ CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
2530	Phạm Thị Thuyền	14	6	1984	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hang II	Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý giáo dục mầm non	Chứng chỉ CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
2531	Hồ Thị Lệ Xuân	25	5	1987	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên - Tổ trưởng	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	12 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm		GVMN Hạng III		A	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2532	Dương Thị Kim Châu	6	10	1988	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2533	Phạm Lan Linh	15	3	1994	x	01-12-2015	01-06-2016	Giáo viên - Tổ phó	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm		GVMN Hạng III		Chứng chỉ CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
2534	Vương Ngọc Ánh	2	8	1993	X	01-12-2015	01-06-2016	Giáo viên - Bí thư chi đoàn	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm	Trung cấp thanh vận	GVMN Hạng III	Chứng chỉ đào tạo Hiệu trưởng Trường Mầm non	Chứng chỉ B-Chứng chỉ CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
2535	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8	4	1994	x	01-12-2015	01-06-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng III	Chứng chỉ đào tạo Hiệu trưởng Trường Mầm non	Chứng chỉ CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
2536	Lê Thị Kiều Tiên	10	2	1990	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên - Tổ phó	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	12 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm	Trung cấp	GVMN Hạng II	Chứng chỉ đào tạo Hiệu trưởng Trường Mầm non	Chứng chỉ B,Chứng chỉ CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
2537	Nguyễn Thị Tuyết Mai	26	12	1990	x	01-11-2018	01-05-2019	Giáo viên - Trưởng ban TTND	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	4 năm 11 tháng	V.07.02.26	2,1	Đại học sư phạm	Sơ cấp	GVMN Hạng III	Chứng nhận Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục & đào tạo	A	Tiếng Anh B		
2538	Nguyễn Ngọc Kim Thùy	6	2	1994	x	01-10-2016	01-04-2017	Giáo viên - Phó chủ tịch công đoàn	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	UBND huyện Nhà Bè	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm	Sơ cấp	GVMN Hạng III		A	Tiếng Anh B		
2539	Trần Phương Linh	11	01	1986	x	01/09/2008	01/03/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	10 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2540	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	26	9	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2541	Nguyễn Thị Minh Thơ	17	10	1986	x	01/09/2010	01/02/2012	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	12 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2542	Chu Thị Ngọc Diệp	15	3	1987	x	01/9/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2543	Lê Thị Ngọc Dung	19	4	1988	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2544	Trần Thị Bạch Tuyết	10	10	1989	x	01/08/2014	01/02/2016	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	8 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2545	Bùi Thị Mộng Lành	20	07	1988	x	01/09/2012	01/03/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Vàng Anh	Huyện Nhà Bè	5 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN Hạng II		CNTTCB	B		
2546	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	12	3	1970	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2547	Nguyễn Thị Hồng	11	1	1990	x	09-01-2012	03-01-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		A Tin học	B Anh văn		
2548	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	29	5	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		A Tin học	Anh B		
2549	Ngô Tuyết Trinh	24	09	1986	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường mầm non An Khánh	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III		UDCNT TCB	Anh B		
2550	Lê Thị Trang	26	04	1987	x	01/09/2015	01/09/2015	Giáo viên	Trường mầm non An Khánh	UBND TP Thủ Đức	8 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV mầm non hạng II		A	Anh B		
2551	Ngô Thụy Thanh Hoàng	18	8	1986	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học SPMN		GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2552	Dương Thị Tuyết	21	7	1981	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2553	Nguyễn Thị Thanh	01	12	1978	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2554	Đặng Ngọc Hồng	26	9	1984	x	01/9/2008	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,65	Đại học SPMN	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ A	Anh Văn B		
2555	Lương Văn Tuyết Ngọc	10	12	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học SPMN	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2556	Nguyễn Mỹ Trinh	08	4	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 4 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học SPMN	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B1		
2557	Trần Thị Hiền	07	9	1980	x	D	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.05	3,34	Đại học SPMN	Sơ cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2558	Lê Thị Hà	14	6	1990	x	01-09-2011	01/3/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non An Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 11 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học SPMN	Trung cấp	GVMN hạng II		Trình độ B	Anh Văn B		
2559	Nguyễn Thị Hồng Diệp	3	7	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Bình Thọ	UBND TP Thủ Đức	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Mầm Non	Trung cấp	GV MN hạng II		B	B		
2560	Đinh Thị Dinh	20	09	1983	x	09-01-2009	03-01-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trưng Đông	UBND TP Thủ Đức	5 năm 2 tháng	V.07.02.06	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm Non		GVMN hạng III		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2561	Phạm Thị Mai	20	01	1982	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Bình Trưng Đông	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm Non		GVMN hạng III		UDTTC B	Chứng chỉ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2562	Nguyễn Thị Huyền	17	07	1981	x	09-01-2008	03-01-2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	5 năm 2 tháng	V.07.02.06	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm Non		GVMN hạng III		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2563	Đỗ Thị Ngọc Yến	14	02	1990		08-01-2014	26/03/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	5 năm 4 tháng	V.07.02.05	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2564	Đinh Thị Bạch Yến	09	05	1970	x	04-09-1989	01-04-1991	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	21 năm	V.07.02.26	4.89+8 % VK	Đại Học - Sư phạm Mầm Non	Sơ cấp	GV MN hạng II, III		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2565	Nguyễn Thị Phụng	09	09	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II,III		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2566	Mai Thùy Ngân	30	06	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	12 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm mầm non	Trung Cấp	GV MN hạng II,III		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2567	Nguyễn Thị Thùy Vân	6	12	1981	x	01-09-2003	01-03-2004	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	20 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học -Sư phạm Mầm Non	Trung cấp	GV Mầm Non hạng II	Quản lý trường Mầm non - Hiệu trưởng trường Mầm non	B	Anh B		
2568	Nguyễn Thị Hồng Diễm	27	3	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học SPMN	Trung cấp	GVMN Hạng II	Quản lý trường Mầm non	CNTTCB, Bông B	Anh Bằng B		
2569	Lưu Kim Ngân	7	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học SPMN	sơ cấp	GVMN hạng II	Chứng chỉ Hiệu trưởng mầm non	THƯỞ B CNTTCB	Anh B		
2570	Nguyễn Thị Ánh Mỹ	25	8	1983	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		THƯỞ B	Anh B		
2571	Lê Thị Thu Thảo	10	4	1986	x	01-09-2007	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		B	Anh văn bằng B		
2572	Trần Thị Bích Ngọc	5	12	1989	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		B	Anh văn bằng B		
2573	Nguyễn Thị Thu Thủy	6	5	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên- Tổ trưởng Mầm - Nhà trẻ	Trường Mầm Non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm Non hạng II		CNTTCB	Anh văn bằng B		
2574	Trần Thị Thanh Tuyền	2	8	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Quản lý trường Mầm non	UDCNT TCB, bằng B	Anh văn bằng B		
2575	Lê Thị Thu Hiền	2	3	1992	x	06/09/2018	03/10/2017	Giáo viên	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh thành phố Thủ Đức	UBND TP Thủ Đức	06 năm 06 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B			
2576	Trần Thị Hằng	9	8	1990	x	01/09/2013	19/08/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh thành phố Thủ Đức	UBND TP Thủ Đức	04 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2577	Trần Thị Thanh Tuyền	9	9	1989	x	19/08/2010	01/11/2011	Giáo viên	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh thành phố Thủ Đức	UBND TP Thủ Đức	12 năm 05 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		A	Anh B		
2578	Nguyễn Thị Phúc Cẩn	24	07	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh II	UBND TP Thủ Đức	11 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp chính trị	giáo viên mầm non hạng II		Trình độ tin học B	Trình độ tiếng Anh - B		
2579	Trương Thúy Ngần	27	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh II	UBND TP Thủ Đức	12 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp chính trị	giáo viên mầm non hạng II		Trình độ tin học B	Trình độ tiếng Anh - B		
2580	Nguyễn Kim Hiền	15	10	1986	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh II	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.03	Cử nhân giáo dục mầm non		giáo viên mầm non hạng III		Trình độ tin học B	Trình độ tiếng Anh - B		
2581	Đỗ Thị Thu Hiền	13	10	1984	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh II	UBND TP Thủ Đức	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân giáo dục mầm non		giáo viên mầm non hạng III		Trình độ tin học B	Trình độ tiếng Anh - B		
2582	Trịnh Thị Mỹ Hoàng	7	9	1980	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh B		
2583	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	15	12	1990	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III	X	A	Anh B		
2584	Nguyễn Hoàng Yến Ly	17	2	1978	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		A	Anh B		
2585	Đặng Thị Hải Hà	17	7	1994	x	22-08-2019	24-12-2019	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	4 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTTCB	Anh B		
2586	Trần Thị Thanh Thủy	1	8	1994	x	01-12-2017	01-06-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	5 năm 10 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh A2		
2587	Bùi Thị Mơ	18	5	1980	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hiệp Bình Chánh III	UBND TP Thủ Đức	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		B	Anh B		
2588	Phạm Thiên Thảo Uyên	04	4	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III	Quản lý Giáo dục mầm non	CNTTCB	Anh B		
2589	Nguyễn Thị Kim Anh	29	5	1994	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTTCB	Anh B		
2590	Nguyễn Thị Kiều Tiên	05	7	1993	x	01/8/2015	01/8/2016	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học - Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTTCB	Anh B		
2591	Phạm Thị Thu Thủy	29	7	1992	x	01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại Học - Giáo dục mầm non	Sơ Cấp	GVMN hạng II	Quản lý Giáo dục mầm non	Tin học A	Anh B		
2592	Nguyễn Thị Thu Mai	07	9	1982	x	01/8/2010	26/4/2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Quản lý Giáo dục mầm non	Tin học B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2593	Lưu Thụy Vũ Miên	27	01	1982	x	01/8/2007	27/6/2008	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Bình Phước	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Quản lý Giáo dục mầm non	Tin học B	Anh B		
2594	Nguyễn Thị Hồng Danh	22	11	1985	x	09-01-2006	03-01-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.36+0.35	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp LLCT-	GVMN hạng II	Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	CNTTN C	Anh B		
2595	Mai Mỹ Thanh	6	6	1981	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	21 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.96	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Sơ cấp	CNTTCB	Anh B		
2596	Trần Thị Lan Chi	9	8	1992	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2597	Nguyễn Thị Kim Dung	22	1	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03+0.15	Cử nhân giáo dục Mầm non		GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2598	Trần Thị Cẩm Vân	23	8	1987	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03+0.2	Cử nhân giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II	Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	CNTTCB	Anh B		
2599	Đinh Thị Thanh Thủy	9	6	1982	x	01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34 + 0.2	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung cấp LLCT-	GVMN hạng III	Chứng chỉ	A	Anh B		
2600	Nguyễn Thị Út	21	8	1969	x	15/8/1988	1/3/1990	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	34 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,98+10%	Đại học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn bằng B		
2601	Nguyễn Thị Hồng Châu	25	08	1972	x	1/8/1991	1/8/1993	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	30 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,9+5%	Đại học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn bằng B		
2602	Phạm Thị Nguyệt Hằng	18	7	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	Anh văn bằng B		
2603	Nguyễn Lê Kim Thanh	28	08	1990	x	01/09/2012	01/9/2013	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A UDCNT T	Anh văn bằng B		
2604	Trương Thị Huỳnh Dung	07	12	1990	x	01/09/2011	01/9/2012	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn bằng B		
2605	Huỳnh Thị Phương Thảo	22	11	1991	x	01/09/2012	01/9/2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		B	Anh văn bằng B		
2606	Hoàng Thị Ngọc Diễm	1	1	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên MN		Tin học ứng dụng B	Tiếng anh B		
2607	Trương Thị Toàn	4	5	1982	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên MN		Tin học ứng dụng B	Tiếng anh B		
2608	Lê Thị Mỹ Tiên	12	12	1989	x	01/10/2018	01/04/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	5 năm	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên MN		Tin học ứng dụng B	Tiếng anh B		
2609	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	20	12	1981	x	01/09/2005	02/05/2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	3 năm 11 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	CDNN giáo viên MN		Tin học ứng dụng B	Tiếng anh B		
2610	Trần Thị Hương	10	10	1987	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Hoa Lan	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		Bậc 2	Anh Bậc A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2611	Đàm Thị Tâm	20	1	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Hoa Lan	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		Bậc 2	Anh Bậc A2		
2612	Nguyễn Thị Hoa	16	7	1987	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường MN Hoa Lan	UBND TP Thủ Đức	11 năm 11 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		Bậc 1	Anh Bậc A2		
2613	Lê Kiều Loan Anh	19	10	1989	x	01/09/2014	01/09/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	CDNN		CNTTN C	B		
2614	Nguyễn Thị Minh C	07	09	1979	x	01/09/2003	01/03/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	CDNN		CNTTN C	B		
2615	Nguyễn Thị Thu Hi	11	12	1986	x	01/09/2008	01/09/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	5,34	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2616	Nguyễn Thị Bích M	26	06	1989	x	01/09/2010	01/09/2014	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2617	Lý Thụy Thanh Ph	21	02	1983	x	01/09/2014	01-03-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2618	Nguyễn Thanh Th	13	12	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2619	Bùi Thị Thu Hồng	01	03	1979	x	01/08/2015	01-02-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	5 năm 3 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2620	Hồ Thị Nguyệt Th	29	09	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	CDNN		CNTTN C	B		
2621	Cao Thị Phương L	19	05	1989	x	16/08/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2622	Lê Thị Cẩm Nh	15	01	1992	x	16/08/2019	01/10/2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2623	Lâm Thị Diễm Tr	15	02	1991	x	01/10/2016	01-10-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	5 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2624	Lê Thị Thu Huyền	01	06	1996	x	06/09/2018	06-03-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2625	Nguyễn Thị Dung	04	05	1991	x	01/09/2017	01-03-2020	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2626	Phan Thị Mai	16	04	1993	x	01/08/2014	01/02/2015	Giáo viên	Trường Mầm non Hoa Mai	UBND TP Thủ Đức	9 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN		CNTTN C	B		
2627	Phạm Thị Kim Tuyền	16	5	1969	x	01-09-1988	01-03-1990	Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Hoa M	UBND TP Thủ Đức	15 năm	V.07.02.26	4,89-10%	Đại học Sư phạm - Giáo dục Mầm Non	Trung Cấp LLCT	GVMN hạng II	Trung cấp	Tin học B	Anh văn B		
2628	Phan Ngọc Quỳnh Thy	25	11	1989	x	01-09-2012	01-03-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoa M	UBND TP Thủ Đức	10 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm - Giáo dục Mầm Non	Trung Cấp LLCT	GVMN Hạng II		Tin học A	Ngôn ngữ Anh văn bằng 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Cổ đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2629	Trần Minh Ngọc	11	7	1987	x	09-01-2007	03-01-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hòa Mi	UBND TP Thủ Đức	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm - Giáo dục Mầm Non	Trung Cấp LLCT	GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2630	Mai Phạm Thị Thu Sương	29	7	1986	x	09-01-2007	03-01-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hòa Mi	UBND TP Thủ Đức	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm - Giáo dục Mầm Non	Trung Cấp LLCT	GV MN hạng III	Trung cấp	Tin học B	Anh Văn B		
2631	Trần Thị Mỹ Hồng	4	12	1984	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hòa Mi	UBND TP Thủ Đức	16 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục Mầm non	Trung Cấp LLCT	GV MN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2632	Nguyễn Thị Kim Lan	27	12	1983	x	01/09/007	01-08-2003	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2633	Lê Thị Sáu	11	10	1977	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2634	Nguyễn Thị Thảo	25	10	1986	x	01-11-2011	01-09-2012	Giáo viên - Tổ phó	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	12 năm 04 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2635	Lê Thị Lân	13	7	1988	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	8 năm 4 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non		CDNN hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2636	Nguyễn Thị Thu Thảo	16	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2022	Giáo viên - Tổ trưởng	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	12 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2637	Nguyễn Thị Hồng Xuân	01	01	1985	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên - Tổ trưởng	Trường MN Hòa Mi 3	UBND TP Thủ Đức	10 năm 06 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	CDNN hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2638	Nguyễn Thị Phương Thảo	18	3	1985	x	01/9/2008	05/11/2009	Giáo viên	Trường MN Hoàng Yến 2	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Chứng nhận QLGD	UDCNT TNC	Anh văn B		
2639	Huỳnh Thanh Thuận	22	6	1983	x	01/9/2012	11/2013	Giáo viên	Trường MN Hoàng Yến 2	UBND TP Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non		GVMN hạng II		UDCNT TNC	Anh văn B		
2640	Trần Thị Thanh Thúy	14	2	1986	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	16 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2641	Nguyễn Anh Thy	11	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	trung cấp	GV mầm non hạng II		THƯ'D B	Anh A		
2642	Thạch Nguyễn Xuân Thảo	19	4	1994	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	sơ cấp	GV mầm non hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2643	Phạm Thanh Kim Phụng	29	10	1995	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	trung cấp	GV mầm non hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2644	Trần Thị Tuyết Nga	5	12	1975	x	01-03-2001	01-03-2002	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	22 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THƯ'D B	Anh B		
2645	Nguyễn Thị Hoàng Yến 93	28	7	1993	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	sơ cấp	GV mầm non hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2646	Tổng Vũ Miên Trường	23	8	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	12 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	trung cấp	GV mầm non hạng III		THƯ'D B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2647	Hoàng Thị Diệu Hồng	17	6	1988	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	sơ cấp	GV mầm non hạng III		THU'D B	Anh B		
2648	Lê Thị Ngọc Thuận	1	8	1994	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non	sơ cấp	GV mầm non hạng III		THU'D A	Anh B		
2649	Phan Thị Minh Định	20	2	1974	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	6 năm	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D B	Anh B		
2650	Nguyễn Ngọc Trinh	9	3	1989	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D A	Anh B		
2651	Hoàng Thị Trang Đài	25	1	1991	x	01-09-2016	01-09-2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	8 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D B	Anh B		
2652	Nguyễn Thị Đăng Trang	10	6	1982	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	16 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D B	Anh B		
2653	Nguyễn Thụy Phương Hồng	9	6	1987	x	01-09-2018	06-09-2018	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	5 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D B	Anh A2		
2654	Hoàng Thị Bích Hiền	11	12	1995	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường Mầm Non Hoàng Yến 3	UBND TP Thủ Đức	7 năm	V.07.02.26	2,72	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		THU'D A	Anh B		
2655	Nguyễn Thị Ngọc Đ	17	10	1982		01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên Lớp Lá 4	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng III		CNNTCB	Anh B		
2656	Bùi Ngọc Sương	13	1	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Lớp Mầm 2	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng III		CNNTCB	Anh A2		
2657	Nguyễn Thị Sự	21	10	1987		01-09-2018	01-09-2018	Giáo viên Lớp Lá 3	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND TP Thủ Đức	5 năm 8 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng III		CNNTCB	Anh B		
2658	Hà Thị Thanh Tâm	25	12	1985		15-08-2009	01-03-2010	Giáo viên Lớp Lá 1	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND TP Thủ Đức	11 năm 5 tháng	V.07.02.26		Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV Mầm non hạng III		CNNTCB	Anh B		
2659	Nguyễn Thị Thanh Phương	27	2	1977	x	01-09-1998	01/05/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Hoa sen 1	UBND TP Thủ Đức	26 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,98+5 %	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II	Chứng nhận BD CBQL mầm non	THU'D B	Anh B		
2660	Vũ Thị Việt Nga	26	7	1975	x	04-08-1997	01-02-1999	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa sen 1	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		THU'D B	Anh B		
2661	Bùi Thị Thu Thủy	12	7	1976	x	01-10-2011	01-03-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hoa sen 1	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III, II	Chứng nhận BD CBQL mầm non	THU'D B	Anh B		
2662	Đặng Tuyết Trang	20	8	1984	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	05 năm 04 tháng	V.07.02.26	3.65	Đại Học Sư phạm Mầm Non		GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2663	Nguyễn Thị Minh Thủy	20	2	1969	x	01/09/1987	01/04/1989	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	4.89	Cử nhân Mầm non		GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2664	Trần Chí Nguyên	5	10	1974	x	01/10/2014	01/04/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân mầm non	Trng cấp chính trị	GVMN hạng III	Chứng nhận quản lý trường mầm non	Tin học B	Anh văn C		
2665	Trần Thị Hoa	1	1	1982	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	08 năm 04 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân mầm non		GVMN hạng II		Tin học A	Anh văn B		
2666	Nguyễn Thị Huỳnh Nga	12	11	1988	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân mầm non	Trng cấp chính trị	GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2667	Phan Thị Thuý Trinh	10	12	1988	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân mầm non	Trng cấp chính trị	GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2668	Hoàng Phạm Hồng Quế	16	3	1982	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Hương Sen	UBND TP Thủ Đức	05 năm 09 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân mầm non	Trng cấp chính trị	GVMN hạng III		Tin học B	Anh văn B		
2669	Đinh Thị Phương Dung	27	9	1981	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Linh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	16 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II	QLGD	A	B		
2670	Nguyễn Thị Thanh Xuân	11	1	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Linh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II	QLGD	B	B		
2671	Nguyễn Thị Xuân Lan	01	11	1983	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường Mầm non Linh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân GDMN	Sơ cấp	GV MN hạng II	QLGD	B	B		
2672	Hoàng Thị Minh Lý	11	6	1991	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Linh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân GDMN	Trung cấp	GV MN hạng II	QLGD	B	B		
2673	Bùi Thị Tuyết Nhung	13	1	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV MN Hạng II		A	Anh - B		
2674	Trần Hồng Thực Như	26	11	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	TC	GV MN Hạng II	TC	B	Anh - B		
2675	Lê Thị Thảo Hằng	25	6	1983	x	01/8/20214	01-08-2015	Giáo viên	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV MN Hạng III		B	Đại học		
2676	Đỗ Thị Thúy Nga	15	7	1983	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		B	Anh - B		
2677	Hoàng Phương Hiền	25	1	1978	x	01-08-2013	01-08-2013	Tổ trưởng CM Khối Lá	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV MN Hạng II		B	Anh - B		
2678	Kiều Hồng Thy	27	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng CM Khối Mầm	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	TC	GV MN Hạng II	TC	A	Anh - B		
2679	Vô Ngọc Diễm	11	12	1983	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		A	Anh - B		
2680	Đặng Thị An Vi	23	12	1982	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên	Trường MN Linh Tây	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN Hạng II		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2681	Lê Thị Ngọc Hà	03	4	1987	x	31-12-2007	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường MN Linh Trung	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.05.26	3,34	Cử nhân mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2682	Hà Thị Du	8	2	1985	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường MN Linh Trung	UBND TP Thủ Đức	9 năm 10 tháng	V.07.05.26	3,03	Cử nhân mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2683	Vương Thị Minh Hà	10	10	1979	x	13-08-2008	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường MN Linh Trung	UBND TP Thủ Đức	16 năm 8 tháng	V.07.05.26	4,58	Cử nhân mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2684	Trương Thị Mậu Thìn	20	12	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường MN Linh Trung	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.05.26	3,34	Cử nhân mầm non	Trung cấp	GV MN hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2685	Tổng Thị Diễm Lê	27	07	1982	Nữ	01/09/2002	01/3/2003	Hiệu trưởng	Trường MN Long Phước	UBND TP Thủ Đức	9 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng	CNTTCB	B1		
2686	Nguyễn Thị Vân	07	08	1986	Nữ	1/9/2015	1/9/2016	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Phước	UBND TP Thủ Đức	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non	sơ cấp	GV MN hạng II		A	B		
2687	Lê Thụy Vy	11	05	1986	Nữ	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Phước	UBND TP Thủ Đức	5 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng	B	B		
2688	Phạm Thị Thoa	07	03	1984	Nữ	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Phước	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân giáo dục mầm non	sơ cấp	GV MN hạng II		A	B		
2689	Vũ Thị Cẩm Hường	12	12	1979	x	01-09-2003	01-11-2003	Giáo viên	Trường MN Long Thạnh Mỹ	UBND TP Thủ Đức	20 năm 5 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2690	Phan Thị Huyền	10	8	1986	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường MN Long Thạnh Mỹ	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2691	Võ Thị Bích Tiên	11	10	1983	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
2692	Lê Thị Thanh Lan	07	07	1986	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
2693	Nguyễn Trần Ngọc Thanh	05	06	1986	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
2694	Trần Thị Thu Trang	03	01	1987	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTTN C	Anh B		
2695	Hồ Thị Xuân Đà	10	08	1982	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		A	Anh B		
2696	Nguyễn Thị Kim Yến	18	02	1974	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Long Trường	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Giáo dục mầm non		GVMN hạng II		B	Anh B		
2697	Lê Phương Oanh	16	07	1991	x	01/8/2013	01/02/2014	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Măng Non	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V07.02.26	2,72	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV mầm non hạng III		Tin học A	Anh B		
2698	Trương Ngọc Như Ý	15	04	1981	x	01/9/2012	01/03/2013	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Măng Non	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III		Tin học B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2699	Cao Thị Hồng Sâm	12	1	1983	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
2700	Lê Nguyễn Phương Dung	21	1	1987	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh văn B1		
2701	Nguyễn Thị Thu Diễm	22	5	1982	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
2702	Trịnh Thị Thúy Mùi	11	8	1984	x	01-09-2008	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		A	Anh văn B		
2703	Phan Thị Ngọc Giàu	17	2	1980	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II		A	Anh văn B		
2704	Nguyễn Thị Minh Tuyền	25	5	1981	x	01-10-2007	01-04-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Phong Phú	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
2705	Nguyễn Thị Dung	13	5	1989	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2706	Bùi Thị Ly Lan	11	10	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2707	Trần Thị Mai	23	2	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THƯ'D A	Anh B		
2708	Nguyễn Thị Nam	1	4	1981	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		THƯ'D B	Anh B		
2709	Nguyễn Thị Mộng N	10	10	1983	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		THƯ'D B	Anh B		
2710	Bùi Thị Kiều Oanh	1	6	1978	x	01-09-2009	01-09-2009	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THƯ'D A	Anh B		
2711	Phan Thị Thu	1	1	1985	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THƯ'D B	Anh B		
2712	Phạm Thị Anh Thư	23	5	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	08 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng II		THƯ'D A	Anh B		
2713	Phạm Thị Vân	10	8	1980	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		THƯ'D A	Anh B		
2714	Nguyễn Thị Thúy V	1	6	1979	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường MN Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học Sư phạm Mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		THƯ'D B	Anh B		
2715	Trần Đỗ Hoàng Anh	27	7	1978		05-09-2005	5/9/2006	Hiệu Trưởng	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,96	Cử nhân Mầm Non	Trung Cấp	GVMN hạng II	Quản lý cấp phòng	B	B		
2716	Hoàng Thị Phương	20	12	1987	x	01-10-2015	5/9/2016	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân Mầm Non	Không	GVMN hạng II		A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2717	Phạm Thị Hoàng Thùy	3	3	1972	x	01-10-1992	01/4/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	18 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.89+7 %	Cử nhân mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Quản lý cấp phòng	Trình độ B	Anh- B		
2718	Lê Thị Hồng Nhung	20	5	1989	x	01-08-2015	01/8/2016	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2,72	Cử nhân sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		A	B		
2719	Nguyễn Thị Diệu Chi	25	1	1981	x	01-09-2008	01/9/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân sư phạm mầm non	Trung Cấp	GV MN hạng II	Quản lý cấp phòng	B	B		
2720	Nguyễn Thị Thanh Dung	12	6	1984	x	01-09-2008	01/9/2009	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Mầm Non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	B		
2721	Lê Thị Mỹ Dung	1	12	1980	x	10-09-2001	01/3/2002	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	06 năm 10 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		B	Anh B		
2722	Lê Thị Thanh Tuyền	16	5	1982	x	01-09-2006	01/03/2007	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân Mầm Non	Trung cấp	GVMN hạng II		B	B		
2723	Lê Thy Thanh Huyền	22	04	1983	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Sao Mai	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân sư phạm mầm non	Không	GV MN hạng II	Không	B	B		
2724	Dương Thị Huyền	3	2	1975	x	09-01-2001	03-01-2002	Hiệu trưởng	Trường Mầm non sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,58	Cử nhân - Ngành giáo dục mầm non	Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính	GV MN hạng III, II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non	Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B	Anh - B		
2725	Phan Thị Kim Thảo	10	6	1971	x	2/8/1993	27/11/1995	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	18 năm 6 tháng	V.07.02.26	4.89+5 %	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng III		CNTTCB	Anh - B		
2726	Vũ Thị Thùy	1	4	1986	x	1/9/2006	1/3/2007	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTTCB	Anh - B		
2727	Hồ Thị Xuân Mai	31	10	1985	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học- Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng III		CNTTCB	Anh - B		
2728	Trần Thị Lan	2	5	1982	x	09-01-2007	03-01-2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học- Sư phạm mầm non		GV MN hạng III, II		CNTTCB	Anh - B		
2729	Nguyễn Thị Thu Hằng	25	1	1977	x	09-01-2007	03-01-2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Sen Hồng 1	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học- Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III		CNTTCB	Anh - B		
2730	Lê Thị Thúy Hạnh	19	7	1978	x	03-04-2002	09-04-2002	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sen Hồng 1	UBND TP Thủ đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Sư phạm mầm non		GV Mầm non hạng III		CNTTCB	Anh - B		
2731	Thân Kiều Linh Thy	26	02	1983	x	30/08/2006	10-08-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mn Sen Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	16 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II, hạng III		THUĐ B	Anh B		
2732	Nguyễn Minh Phương	07	07	1987	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên mầm non	Trường Mn Sen Hồng 3	UBND TP Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp LLCT	GV MN hạng II, hạng III		THUĐ B	Anh B		
2733	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	29	8	1979	x	09/01/2007	09/01/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 1	UBND TP Thủ Đức	16 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học mầm non		Giáo viên mầm non hạng III		Trình độ A	Tiếng anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2734	Lý Lê Ánh Hoa	19	11	1985	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 1	UBND TP Thủ Đức	14 năm 01 tháng	V.07.02.05	3,03	Đại học mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III		Trình độ B	Tiếng anh trình độ B		
2735	Triệu Dương Thị Mộng Tuyền	14	8	1986	x	01/9/2009	01/3/2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 1	UBND TP Thủ Đức	14 năm 01 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng III	Bồi dưỡng quản lý trường mầm non	Trình độ B	Tiếng anh trình độ B		
2736	Nguyễn Thị Phương	03	04	1992	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 1	UBND TP Thủ Đức	7 năm 8 tháng	V.07.02.26	2.72	Đại học mầm non		Giáo viên mầm non hạng III, II		Trình độ B	Tiếng anh trình độ B		
2737	Nguyễn Thị Thanh Thủy	11	11	1977	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 2	UBND TP Thủ Đức	22 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	GVMN Hạng II		TH-B	Anh-B		
2738	Lê Thị Kiều Vân	3	9	1979	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 2	UBND TP Thủ Đức	22 năm 8 tháng	V.07.02.26	4,27	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	GVMN Hạng II		UDCNT T Cơ Bản	Anh-B		
2739	Nguyễn Thị Thúy Hằng	8	7	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Sơn Ca 2	UBND TP Thủ Đức	17 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	TC	GVMN Hạng II		UDCNT T Nâng cao	Anh-B		
2740	Phan Thanh Huyền	03	02	1974	x	01/09/1995	01/10/2005	Hiệu trưởng	Trường Mầm Non Sơn Ca 3	UBND TP Thủ Đức	18 năm 6 tháng	V.07.02.06	4.89+6 %	Đại Học - Giáo dục mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV Mầm non hạng II	Chứng chỉ	B	Anh văn B		
2741	Hứa Trần Ngọc Thanh	12	07	1983	x	01/09/2007	19/08/2019	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm Non Sơn Ca 3	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.06	3.65	Đại Học - Giáo dục mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV Mầm non hạng II	Chứng chỉ	B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
2742	Nguyễn Thị Thanh Hà	31	05	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Mầm Non Sơn Ca 3	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.06	3.65	Đại Học - Giáo dục mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II	Chứng chỉ	A	Anh văn B		
2743	Lê Thị Huyền Anh	19	12	1991	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Mầm Non Sơn Ca 3	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.02.06	2.72	Đại Học - Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II	Chứng chỉ	B	Anh văn B		
2744	Vũ Ngọc Tường Vi	19	04	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
2745	Tạ Thị Bắc	30	04	1982	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Trường mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		A	B		
2746	Biện Thị Hoàng Nhung	02	11	1986	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Mầm Non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	04 năm 08 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II	Nghiệp vụ quản lý giáo dục	UDCNT TNC	B- Anh văn		
2747	Ngô Thị Thảo Lan	26	9	1992	x	01-11-2015	01-11-2016	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại Học -Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh Bậc 2(A2)		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2748	Nguyễn Thị Bích Thủy	4	4	1984	x	1/8/2013	1/2/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTCB	Trình độ B		
2749	Nguyễn Thị Ngọc Vân	12	12	1984	x	01-09-2006	04-03-2007	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	Giáo viên mầm non hạng II	Quản lý giáo dục Mầm non	Trình độ B	Trình độ B		
2750	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	13	7	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường mầm non Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	Anh B		
2751	Phạm Thị Mai Hên	26	9	####	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tam Đa	UBND TP Thủ Đức	15 năm 07 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân - Giáo dục Mầm non		GV MN hạng II		UDCB	Anh B		
2752	Lê Đặng Phương Quỳnh	16	5	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03+0.35%	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2753	Nguyễn Thị Lan	15	10	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.05	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2754	Trần Thị Diễm Châu	2	10	1992	x	09-01-2014	09-01-2015	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.05	2.72+0.15%	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Sơ cấp	GVMN hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
2755	Võ Thị Huyền Trang	1	1	1991	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.02.05	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2756	Đàm Thị Ngọc Loan	22	7	1984	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	17 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.65	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2757	Đinh Thị Thảo Ly	2	4	1988	x	08-01-2013	08-01-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3.03+0.2%	Cử nhân Giáo dục mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2758	Hoàng Thị Thùy	1	4	1983	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm	V.07.02.26	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm Non	Sơ cấp	GVMN Hạng III		THƯĐ B	Anh B		
2759	Ngô Thị Thùy Trâm	10	11	1987	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THƯĐ CNTT nâng cao	Anh B		
2760	Nguy Cẩm Hạnh	20	7	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2761	Nguyễn Liêu Phương	16	7	1981	x	09-01-2004	01-01-2006	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	18 năm 3 tháng	V.07.02.26	3.96	Cử nhân Giáo dục mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		THƯĐ B	Anh B		
2762	Nguyễn Thị Thanh Vân	25	11	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03 + 0.15%	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2763	Nguyễn Thị Thúy Hằng	31	12	1981	x	09-01-2016	09-01-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	7 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.03	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		THƯĐ A	Anh B		
2764	Nguyễn Thị Trọng	19	8	1975	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3.34	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2765	Phạm Ngô Đan Vân	15	5	1983	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm	V.07.02.26	03.03	Cử nhân Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2766	Mai Lê Ngân Tâm	9	4	1990	x	08-01-2018	03-06-2019	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	5 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân GDMN	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
2767	Phạm Ngọc Hoa Tiên	13	10	1983	x	09-01-2017	03-01-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục Mầm non		GVMN hạng III		THUĐ B	Anh B		
2768	Đoàn Thị Yên	15	6	1989	x	09-01-2017	03-01-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	6 năm 1 tháng	V.07.02.26	2.41	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		THUĐ B	Anh B		
2769	Đinh Thị Thu Vân	9	5	1989	x	12-01-2016	12-01-2016	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	7 năm 3 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2770	Hoàng Nữ Kiều Chinh	19	12	1993	x	09-06-2018	09-06-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2771	Nguyễn Thị Nờ	31	12	1987	x	10-01-2016	04-01-2017	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	7 năm 6 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2772	Nguyễn Thị Kim Trang	14	12	1989	x	09-06-2018	09-06-2018	Giáo viên	Trường Mầm non Tam Phú	UBND TP. Thủ Đức	5 năm 7 tháng	V.07.02.26	2.72	Cử nhân Giáo dục Mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng III		THUĐ B	Anh B		
2773	Lê Thị Thanh Xuân	02	12	1979	x	09-01-2005	09-01-2006	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	17 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65+5 %	Đại Học Sư phạm mầm non Thạc Sĩ QLGD	Trung cấp LLCT	GV MN hạng II		CNTT nâng cao	Chứng chỉ B		
2774	Trần Thị Tuyết Trinh	25	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	TC LLCT hành chính	GV MN hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2775	Trương Thị Nhuận	17	07	1979	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Trường MN Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại Học - Sư phạm Mầm non		GV MN hạng III		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2776	Nguyễn Thị Lý	14	9	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường MN Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm Mầm non	TC LLCT hành chính	GV MN hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
2777	Phạm Thị Hoa	18	1	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	TCCT	GV MN hạng II	TC	CNTTCB	Anh văn b1		
2778	Hà Thị Thu Hường	19	8	1980	x	09-01-2000	07-12-2001	giáo viên	Trường mầm non Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	7 năm 5 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
2779	Nguyễn Thị Thu Sương	5	4	1968	x	05-09-1987	09-03-2017	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	B		
2780	Lương Thị Ngọc Yến	4	5	1982	x	01-09-2003	09-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
2781	Đặng Thị Hồng Việt	22	6	1980	x	01-01-2004	09-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại Học - Sư phạm mầm non		GVMN hạng II		CNTTCB	B		
2782	Phạm Thị Hiền	7	4	1990	x	01-09-2011	09-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2783	Mai Thị Hồng Lê	27	10	1971	x	01-09-2010	01-10-2019	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTCB	B		
2784	Vũ Thị Thu Hồng	7	11	#####	x	01-09-2012	09-03-2017	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GVMN hạng II		CNTTN C	B		
2785	Nguyễn Thanh Thủy	26	08	1987	x	01/08/2008	01/03/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Thảo Điền	UBND TP. Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.25	3,34	Đại Học - Giáo dục mầm non	TC	GVMN hạng III		B	Anh B		
2786	Nguyễn Tuyết Phương	28	08	1988	x	01/08/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Mầm non Thảo Điền	UBND TP. Thủ Đức	4 năm 6 tháng	V.07.02.25	3,03	Đại Học - Giáo dục mầm non	TC	GVMN hạng III		B	Anh B		
2787	Trần Thị Mỹ Linh	14	7	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Thỏ Ngọc	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2788	Nguyễn Hữu Ngọc Nhung	19	08	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Thỏ Ngọc	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.05	3,34	Cử nhân giáo dục mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng III		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2789	Dương Kiều Diễm	4	11	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Trường Thạnh	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Mầm Non		GV MN hạng II		CNTTN C	Bằng B		
2790	Trương Thị Thanh Lan	14	11	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường MN Trường Thạnh	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,34	Cử nhân Mầm Non		GV MN hạng II		CNTTN C	Bằng B		
2791	Võ Thị Hồng Diễm	6	10	1992	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường MN Trường Thạnh	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân Mầm Non		GV MN hạng II		CNTTCB	Bằng B		
2792	Đỗ Thị Ánh Nguyệt	05	10	1982	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Trường MN Trường Thọ	UBND TP Thủ Đức	4 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư Phạm Mầm non	Sơ cấp	GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2793	Lê Phạm Xuân Thảo	06	06	1983	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Trường Thọ	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học Sư Phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II		CNTTN C	Anh B		
2794	Phạm Thị Phương Thảo	24	2	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND TP Thủ Đức	01-09-2012	V.07.05.26	3,03	ĐHSPMN	Trung cấp	GV MN hạng II		B	B		
2795	Đặng Thị Tuyết	20	3	1972	x	01-09-2008	01-04-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND TP Thủ Đức	01-04-2019	V.07.05.26	3,34	ĐHSPMN	Trung cấp	GV MN hạng II		A	B		
2796	Lê Thị Minh Tuyết	7	9	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Tuổi Hoa	UBND TP Thủ Đức	01-09-2010	V.07.05.26	3,34	ĐHSPMN	Trung cấp	GV MN hạng II		A	B		
2797	Lê Thị Mỹ Dung	8	10	1983	x	1/9/2011	12/4/2013	Giáo viên	Trường mầm non Tuổi Hồng	UBND TP Thủ Đức	11 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		CNTTCB	Anh B		
2798	Võ Ngọc Ly Tuân	1	3	1986	x	1/8/2013	9/6/2014	Giáo viên	Trường mầm non Tuổi Hồng	UBND TP Thủ Đức	9 năm 10 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II		THƯỞ B	Anh B		
2799	Nguyễn Kim Phương	22	11	1980	x	1/9/2002	29/08/2019	Giáo viên	Trường mầm non Tuổi Hồng	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại học - Sư phạm mầm non		GV Mầm non hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2800	Lê Thị Thu Hương	15	2	1975	x	01/9/2010	01/3/2011	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	13 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		CNTTN C	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2801	Thái Mộng Thu	15	2	1982	x	01/6/2005	01/9/2012	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II	Giấy chứng nhận	CNTTN C	Anh B		
2802	Vô Thị Muội	11	1	1977	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
2803	Trần Thị Mai Quyên	1	9	1985	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
2804	Trần Thị Thanh Thủy	31	1	1985	x	01/9/2007	01/09/2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	16 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		Chứng chỉ B	Anh A		
2805	Nguyễn Thị Thu Hân	17	8	1984	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	11 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
2806	Lê Thị Thủy Trang	7	2	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
2807	Đặng Thị Ly	14	3	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non		GV mầm non hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
2808	Phan Thị Minh Nguyệt	9	2	1986	x	20/6/2008	20/7/2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Tuổi Ngọc	UBND TP Thủ Đức	15 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV mầm non hạng III		Chứng chỉ B	Anh B		
2809	Nguyễn Hoàng Huyền	29	4	1983	x	01-09-2011	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Thơ	UBND TP Thủ Đức	7 năm 4 tháng	V.07.02.26	3.34	Đại Học Sư phạm Mầm non	Trung Cấp	GV MN hạng II	Sơ cấp	B	B		
2810	Đoàn Lê Thanh Xuân	26	8	1986	X	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên Mầm non	Trường MN Vàng Anh	UBND TP Thủ Đức	4 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV MN hạng II	Bồi dưỡng Hiệu trưởng	CNTTCB	Anh Bậc 3		
2811	Nguyễn Thị Thúy Vân	11	7	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên 1	UBND TP.Thủ Đức	17 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II, III	Chứng chỉ bồi dưỡng	Tin học B	Anh văn B		
2812	Đặng Thị Phương Hồng Huệ	6	4	1988	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên 1	UBND TP.Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Sư phạm Mầm non	Trung cấp	GV Mầm non hạng II, III	Chứng chỉ bồi dưỡng	Tin học B	Anh văn B		
2813	Nguyễn Thị Lan	16	10	1986	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vành Khuyên 1	UBND TP.Thủ Đức	7 năm 1 tháng	V.07.02.26	3,03	Cử nhân - Sư phạm Mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng II, III	Chứng chỉ bồi dưỡng	Tin học B	Anh văn B		
2814	Nguyễn Thị Kim Thoa	13	3	1985	x	01-09-2008	18-05-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	11 năm 5 tháng	V.07.02.26	4.98+5 %	Đại học - Giáo dục mầm non Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV MN hạng III		B	Anh B		
2815	Bùi Thị Ngọc Bích	26	8	1995	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		CNTTCB	Anh B		
2816	Nguyễn Lê Phương Trang	26	10	1995	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		A	Anh B		
2817	Phạm Thị Lan Anh	22	11	1995	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	6 năm 2 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2818	Lã Phạm Thùy Trang	20	1	1990	x	06-09-2018	06-03-2019	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
2819	Nguyễn Thị Thu Sương	28	4	1985	x	06-09-2018	06-03-2019	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	4 năm 1 tháng	V.07.02.26	2,41	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
2820	Lê Thị Hải Yến	10	12	1981	x	01-09-2004	01-01-2006	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	18 năm 3 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		A	Anh B		
2821	Mai Thị Hạnh	20	8	1982	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		B	Anh B		
2822	Nguyễn Thị Hương	2	8	1995	x	01-10-2019	01-04-2020	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	4 năm	V.07.02.26	2,1	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh Bậc 2		
2823	Nguyễn Thị Yến Nhi	1	5	1985	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.26	2,72	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
2824	Phạm Thị Hạnh	24	10	1973	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	24 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,58	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		A	Anh B		
2825	Phạm Thị Vân	13	1	1973	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		A	Anh B		
2826	Thiệu Thuận	30	3	1986	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,65	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng II		A	Anh B		
2827	Trần Thị Kim Nhiều	20	12	1980	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	8 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
2828	Vũ Thị Hoàng Anh Vân	25	3	1983	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên mầm non	Trường MN Vành Khuyên 3	UBND TP Thủ Đức	9 năm 6 tháng	V.07.02.26	3,96	Đại học - Giáo dục mầm non		GV MN hạng III		B	Anh B		
2829	Nguyễn Thị Thu Huyền	28	3	1986	x	06/9/2012	07/02/2014	Giáo viên Mầm non	Trường MN Vườn Hồng	UBND TP Thủ Đức	10 năm 2 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học sư phạm mầm non	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN giáo viên mầm non Hạng II		B	B - Anh		
2830	Phạm Thị Thu Hiền	24	5	1976	x	08-01-1994	26-12-1996	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non Vườn Hồng	UBND TP Thủ Đức	19 năm 4 tháng	V.07.02.26	4.89+6 %	Đại Học - Sư phạm mầm non		GV MN hạng II		B	B		
2831	Trần Thị Ngọc Thu	10	9	1984	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên Mầm non	Trường MN Vườn Hồng	UBND TP Thủ Đức	18 năm 1 tháng	V.07.02.05	3.65	Đại Học - Sư phạm mầm non	Trung cấp	GV mầm non hạng II		CNTTCB	B - Anh		
2832	Trương Thị Thanh Nhung	18	11	1987	x	01-09-2015	01-09-2016	Giáo viên Mầm non	Trường MN Vườn Hồng	UBND TP Thủ Đức	8 năm 7 tháng	V.07.02.05	2.72	Đại Học - Sư phạm mầm non	Sơ cấp	GV Mầm non hạng III		CNTTCB	B - Anh		
2833	Ngô Thị Huệ	10	3	1986	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GVMN hạng II, III	-	CNTT cơ bản	Anh B1	x	
2834	Trần Nguyễn Tú Trinh	4	7	1987	X	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.02.26	3,34	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GVMN hạng II, III	-	CNTT cơ bản	Anh B1	x	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2835	Thạch Thị Hoài Linh	19	7	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên mầm non	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GVMN hạng II, III	-	CNTT cơ bản	Anh B2		
2836	Lê Thị Thụy Trâm	10	12	1974	N ữ	01/032003	31-05-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	21 năm 1 tháng	Mã số V.07.02.26	4,27	ĐHSP GDMN	Trung cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2837	Huỳnh Thị Hạnh	10	12	1971	N ữ	01/03/2003	31-05-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	21 năm 1 tháng	Mã số V.07.02.26	4,27	ĐHSP GDMN	Sơ cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2838	Nguyễn Thị Mộng Thắm	22	3	1975	N ữ	01/03/2003	31-05-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	13 năm 7 tháng	Mã số V.07.02.26	3,34	ĐHSP GDMN	Sơ cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2839	Nguyễn Thụy Mộng Hoài Thu	11	4	1981	N ữ	01/10/2005	31-05-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	18 năm 6 tháng	Mã số V.07.02.26	3,96	ĐHSP GDMN	Sơ cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2840	Trần Thị Thu Thảo	23	8	1984	N ữ	01/09/2011	30-12-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	11 năm 5 tháng	Mã số V.07.02.26	3,34	ĐHSP GDMN	Sơ cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2841	Nguyễn Đỗ Yên Hà	19	11	1988	N ữ	01/09/2012	30-12-2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	11 năm 5 tháng	Mã số V.07.02.26	3,34	ĐHSP GDMN	Trung cấp	Chứng chỉ BD hạng 2	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2842	Trần Thị Tuyết Phương	3	10	1981	N ữ	3/08/2004	29/12/2022	Giáo viên	Trường MNTP	Sở GDĐT	20 năm	Mã số V.07.02.26	3,96	ĐHSP GDMN	Sơ cấp	Chứng chỉ BD hạng 3	Không	Ứng dụng CNTT	Anh B		
2843	Trần Hồng Vân	6	6	1969	x	01/09/1985	01/04/1993	Phó Giám đốc	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Sở GD&ĐT	21 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,89	Đại Học - Sư phạm GDĐB	Trung cấp	GV MN hạng II		ƯDCNT T	B		
2844	Nguyễn Thị Thắm	18	4	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Sở GD&ĐT	21 năm 1 tháng	V.07.02.26	4,27	Đại Học - Sư phạm GDĐB	Trung cấp	GV MN hạng II		ƯDCNT T	B		
2845	Phạm Hoa Tiên Trúc	10	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.02.26	3,03	Đại Học - Sư phạm GDĐB		GV MN hạng II		A	B		



**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2024**
Cấp học: Tiểu học
(Kèm theo Công văn số 3779/SGDDT-TCCB ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Cao Thị Hà	20	11	1978	x	11-01-2000	05-01-2001	Hiệu trưởng	Trường GD Chuyên biệt Trương Lai	UBND Quận 1	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		CNTTNC	Anh Bậc 3		Quyết định số QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	Lê Ngọc Thảo	11	10	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường TH Chương Dương	UBND Quận 1	15 năm 6 tháng	V.07.05.29	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Cơ bản	Anh B		
3	Trần Thị Tường Vân	15	4	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường TH Chương Dương	UBND Quận 1	10 năm 1 tháng	V.07.05.29	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Cơ bản	Anh B		
4	Lê Trung Vũ Phương	28	7	1982		09-01-2003	03-01-2004	Giáo viên	Trường TH Chương Dương	UBND Quận 1	10 năm 1 tháng	V.07.05.29	4,32	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Nâng cao	Anh B		
5	Trương Thị Bích Ngọc	22	8	1971	x	16/8/1990	09-01-1992	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	UBND Quận 1	10 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		CNTT Nâng cao	Tiếng Anh A 2		
6	Đỗ Xuân Trường	20	1	1972		08-01-1992	02-01-1994	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	UBND Quận 1	10 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hang II		Tin học VP A	Tiếng Anh A2		
7	Trần Trọng Thịnh	26	11	1977		24/08/1992	24/08/2000	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	UBND Quận 1	10 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B 1		
8	Lê Thị Hồng Phượng	20	3	1979	x	09-01-2001	03-01-2002	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	UBND Quận 1	10 năm	V.07.03.29	4,32	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hang II		CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B 1		
9	Nguyễn Văn Đông	13	10	1979		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	UBND Quận 1	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học		CDNN Hang II		CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B 1		
10	Ninh Thị Hoàng Lan	23	7	1988	x	02-08-2012	08-12-2013	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 1	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	TCCT	CDNN Hang II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
11	Nguyễn Thị Soa	4	4	1978	x	01-01-2008	01-01-2009	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 1	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học		CDNN Hang II		Nâng cao	Anh A2		
12	Phan Anh Dũng	28	10	1970		20/08/1989	04-01-1992	Giáo viên	Trường TH Trần Hưng Đạo	UBND Quận 1	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Cử nhân	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ		
13	Chu Thị Bình	7	1	1990	x	24/10/2012	24/10/2013	Giáo viên	Trường TH Trần Hưng Đạo	UBND Quận 1	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hang II		Nâng cao	Anh B		
14	Nguyễn Thị Giang	4	1	1978	x	09-01-1998	03-01-1999	Giáo viên	Trường TH Trần Hưng Đạo	UBND Quận 1	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Nâng cao	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ		
15	Lê Thị Hồng Liên	28	2	1983	x	09-01-2006	03-01-2007	Giáo viên	Trường TH Trần Hưng Đạo	UBND Quận 1	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hang II		Cơ bản	Anh B		
16	Lê Anh Tuyền	14	9	177	x	09-01-1998	03-01-2000	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Huệ	UBND Quận 1	10 năm	V.07.03.29	4,65	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hang II		Nâng cao	Anh B		
17	Nguyễn Ngọc Thảo	20	2	1984	x	10-01-2007	10-01-2008	Giáo viên	Trường TH Kết Đoàn	UBND Quận 1	10 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		Nâng cao	Anh A2		
18	Nghiêm Quế Nhi	28	2	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường TH Phan Văn Trị	UBND Quận 1	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hang II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
19	Mai Thủy Tiên	30	1	1970	x	16/8/1993	01-03-1995	Phó hiệu trưởng	Trường TH Trần Khánh Dư	UBND Quận 1	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B1		
20	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	10	4	1989	x	09-01-2010	09-01-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.09.07.29	3,66	Thạc sĩ	TC	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B		
21	Nguyễn Thủy Trang	17	02	1978	X	01/09/1999	01-04-2000	Giáo viên	Trường tiểu học Mê Linh	Sở GD&ĐT	24 năm	V.07.03.29	4,65	Cử nhân-Đại học Sư phạm		Chứng chỉ BD CDNN giáo viên TH Hạng II		Chứng chỉ Tin học trình độ A	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
22	Huỳnh Thị Li Phương	10	12	1989	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường tiểu học Mê Linh	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân-Đại học Mở bán công TP Hồ Chí Minh		Chứng chỉ BD CDNN giáo viên TH Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh		
23	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	23	7	1974	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 3	27 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Không	Chứng chỉ CDNN hạng II	Không	B	Anh B		
24	Lương Hoàng Vy	5	1	1992	x	01-03-2018	01-09-2018	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 3	5 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại Học - Sư phạm thể dục	Không	Chứng chỉ CDNN hạng II	Không	B	Anh B		
25	Nguyễn Thị Phương	28	8	1978	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 3	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại Học - Sư phạm âm nhạc	Không	Chứng chỉ CDNN hạng II	Không	B	Anh B		
26	Đàm Lệ Phần	26	1	1969	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng Giáo Dục Q3	16 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Cử nhân tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III và hạng II		Trung cấp Tin học	B		
27	Võ Thị Phương Đài	25	7	1975	x	01-08-1997	01-02-1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng Giáo Dục Q3	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Cử nhân tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng III		A	A		
28	Trần Thị Mỹ Duyên	9	7	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên tiếng anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng Giáo Dục Q3	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Cử nhân tiếng Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và hạng III		A	B1		
29	Nguyễn Đan Ngọc	20	5	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng Giáo Dục Q3	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Cử nhân tiểu học	Sơ cấp	Hạng III và Hạng II		A	B		
30	Nguyễn Thị Thanh Uyên	24	10	1971	x	01-08-1993	01/02/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	28 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		B	Anh B		
31	Nguyễn Ngọc Dung	13	6	1972	x	01-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	28 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		B	Anh B		
32	Trần La Mỹ Phương	17	5	1973	x	01-08-1994	01-11-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	27 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		B	Anh B		
33	Trương Thị Diệu Châu	18	2	1973	x	15-08-1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	23 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		B	Anh B		
34	Đinh Duy Linh	02	4	1979		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	22 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học Sư phạm	TC	CDNN hạng II		A	Anh B		
35	Bùi Kim Thư	18	3	1979	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm	TC	CDNN hạng II		A	Anh B		
36	Lê Bảo Trâm	25	6	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		A	Anh B		
37	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	05	3	1990	x	15-08-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		A	Anh B		
38	Nguyễn Tú Trinh	03	10	1983	x	15-08-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
39	Nguyễn Thị Mỹ Lệ Nga	17	9	1972	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Định Của	Ủy ban nhân dân Quận 3	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm	SC	CDNN hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
40	Đỗ Thị Kiều Liên	04	1	1994	x	01-08-2017	01-03-2018	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Thiện Thuật	UBND Q3	6 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,34+5 %	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		Tin học nâng cao	Anh Bậc 2		
41	Lê Thị Huyền Trân	27	11	1983	x	01-09-2018	3/01/2019	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Thiện Thuật	UBND Q3	5 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTTCB	Anh văn B		
42	Nguyễn Thụy Phương Thảo	31	3	1979	x	01-09-2018	3/01/2019	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Thiện Thuật	UBND Q3	5 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTTCB	Anh văn B		
43	Hoàng Mỹ Thanh	05	06	1979	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
44	Nguyễn Ngọc Hường	24	01	1972	x	09-01-1990	09-01-1998	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	26 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học B	Anh B		
45	Nguyễn Thị Nga	3	2	1976	x	01-09-1996	01-09-1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	25 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học Sài Gòn	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
46	Tôn Thị Ngọc Hạnh	23	6	1977	x	01-09-1998	01-09-2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	23 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học Sài Gòn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
47	Trần Khánh Hưng	28	5	1993		01/09/2015	01/02/2016	TPT/Giáo viên khối 2	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại Học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		B	B2		
48	Phạm Thị Hải Hường	31	12	1978	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học B	Anh B		
49	Vũ Thị Bích Hạnh	7	12	1979	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm		GV TH hạng II		A	B		
50	Hà Ngọc Bảo Anh	14	6	1990		01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên Anh Văn	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.00	Đại Học KHXH&NV - Ngữ Văn Anh		GV TiH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 4		
51	Trần Thanh Dũng	04	07	1976		01/09/1997	01/02/2000	Giáo viên Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Kỳ Đồng Quận 3	Ủy Ban Nhân Dân Quận 3	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học Mỹ Thuật TP.HCM	Sơ cấp	GV TiH hạng II		A	B		
52	Bùi Thụy Phương Anh	25	4	1981	x	01-01-2003	01-09-2006	Giáo viên Anh văn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Pháp B		
53	Lê Hoàng Hiệp	22	11	1992		01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên Anh văn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	7 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Pháp B		
54	Lê Văn Sĩ	20	11	1982		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm thể dục	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
55	Lục Như Hoa	11	4	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Tiếng Anh Đại học		
56	Lưu Thị Mỹ Linh	31	5	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên Anh văn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Pháp B		
57	Nguyễn Hồng Sáng	30	7	1991		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
58	Nguyễn Thị Kim Hồng	24	12	1978	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh C		
59	Nguyễn Thị Thanh Lan	16	11	76	x	01-09-1998	01-10-2005	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm thể dục	Sơ cấp	GV TH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
60	Nguyễn Thúy Hà	12	5	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	21 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
61	Phạm Ngọc Khanh	19	10	1967		01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Sơn	UBND Quận 3	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư phạm âm nhạc	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
62	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20	1	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường tiểu học Nguyễn Sơn Hà	UBND Quận 3	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Cử nhân Quản lí Giáo dục	A	B		
63	Tạ Thị Mỹ Liên	21	11	1980	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Sơn Hà	UBND Quận 3	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng Cán bộ quản lý trường phổ thông	Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B	Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B		
64	Trương Thụy Thanh Thủy	04	03	1990	x	01/08/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	UBND Quận3	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B1 Pháp B		
65	Nguyễn Thị Giao Linh	23	10	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Hân	UBND Quận 3	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh văn B1		
66	Huỳnh Thanh Hằng	4	3	1977	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Hân	UBND Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	2.67	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
67	Hoàng Thị Phương	15	5	1974	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Hân	UBND Quận 3	28 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
68	Nguyễn Thị Xuân Yền	27	12	1979	x	01-03-2001	18-11-2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Hân	UBND Quận 3	20 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
69	Lê Toàn Thắng	10	8	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	Ủy ban nhân dân Quận 3	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	CDNN GV TiH hạng II		CNTTCB	Pháp B		
70	Lê Thị Xuân Hương	8	1	1978	x	01/10/1998	01/04/1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Thảo	Ủy ban nhân dân quận 3	16 năm 8 tháng (tính đến hết T3/2024)	V.07.03.29	4,65	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II	Không	A	Anh B		
71	Thái Thị Thanh Thảo	22	9	1981	x	01/10/2003	01/04/2004	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường Tiểu học Trần Quốc Thảo	Ủy ban nhân dân quận 3	13 năm 5 tháng (tính đến hết T3/2024)	V.07.03.29	3,99	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II	Không	A	Anh B		
72	Đặng Kim Quân	30	4	1976		01/08/1996	01/05/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Thảo	Ủy ban nhân dân quận 3	18 năm 5 tháng (tính đến hết T3/2024)	V.07.03.29	4,65	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II	Không	B	Anh B		
73	Nguyễn Thị Kim Hòa	11	1	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Quốc Thảo	Ủy ban nhân dân quận 3	9 năm 7 tháng (tính đến hết T3/2024)	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II	Không	A	Anh B		
74	Nguyễn Thị Kim Loan	16	2	1969	x	01-03-1997	01-03-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Trần Quang Diệu	Sở GD&ĐT	26 năm	V.07.03.29	4,65+2.5%	Đại Học - Sư phạm tiểu học	SC	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
75	Hàng Lâm Phụng	11	10	1977	x	01-10-1997	01-10-2008	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Trần Quang Diệu	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.03.30	4,32+1.5%	Đại Học - Sư phạm tiểu học	SC	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
76	Nguyễn Minh Thông	1	6	1981		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Mỹ thuật	Trường TH Trần Quang Diệu	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.03.31	4,33+1.1%	Đại Học - Sư phạm nghệ thuật	TC	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
77	Tạ Thị Hảo Tâm	12	12	1985	x	09-01-2009	03-01-2010	Giáo viên môn Nhạc	Trường Tiểu Học Trương Quyền	UBNDQ3	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học Sư phạm		GV TH hạng II		CNTTCB	B		
78	Nguyễn Hồ Hải Yền	16	9	1978	x	01-09-1998	01-03-2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu Học Trương Quyền	UBNDQ3	17 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại Học Sư phạm	Trung cấp	GV TH	Chứng chỉ Microsoft	B			
79	Huỳnh Thị Hồng Nhớ	11	2	1993	x	01-08-2019	01-02-2020	Giáo viên	Trường tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	4 năm 11 tháng	V.07.03.29	2,34	Cử nhân	Sơ cấp			Cơ bản	B		
80	Trần Thị Phương Thảo	14	9	1987	x	01-09-2015	01-09-2016	Giáo viên	Trường tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	7 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.00	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN giáo viên Hạng III		A	A		
81	Phạm Ngọc Thủy	18	4	1969		15-08-1988	15-04-1990	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	36 năm	V.07.03.29	5,13	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN giáo viên Hạng III, Hạng II		A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị	
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
82	Hoàng Thị Nguyệt	13	9	1995	x	01-03-2018	01-09-2018	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	5 năm 10 tháng	V.07.03.29	2,34	Cử nhân	Sơ cấp				A	B1		
83	Vũ Nhật Linh	9	2	1992	x	01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	6 năm	V.07.03.29	2,34	Cử nhân	Trung cấp				A	Anh B2		
84	Mai Khôi	7	2	1996		01-09-2017	01-03-2018	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	6 năm	V.07.03.29	2.67	Cử nhân	Sơ cấp				Cơ bản	B		
85	Vũ Tiến Đạt	24	1	1969		01-08-2011	01-08-2019	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.00	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN giáo viên Hàng III			B	Pháp B		
86	Bùi Nguyên Mai Ly	2	8	1989	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Đang	UBND Q3	8 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.00	Cử nhân	Trung cấp			CNTT cơ bản	Anh C1			
87	Nguyễn Chí Dũng	20	7	1976		25/08/1997	18/05/1999	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Nguyễn Huệ I	UBND Quận 4	24 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học			GV TH hạng II		A	Anh B		
88	Bùi Trần Thúy Ái	8	10	1989	x	15/08/2011	09-01-2012	Giáo viên môn tiếng Anh	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp		GV TH hạng II		A	Anh B1		
89	Siêu Ngọc Tuyền	5	9	1990	x	15/08/2011	09-01-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		A	Anh A2		
90	Nguyễn Thụy Thủy Trang	15	11	1979	x	09-01-2006	03-01-2007	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND Quận 4	17 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng III		A	Anh B		
91	Lê Thị Hải Hà	9	2	1987	x	1/9/2011	09-01-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Lê Thánh Tôn	UBND Quận 4	11 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
92	Nguyễn Thị Thu Lan	9	12	1971	x	1-9-2009	01/9/2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Lê Thánh Tôn	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
93	Nguyễn Thị Phương Trang	2	7	1989	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Lê Thánh Tôn	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp		GV TH hạng II		Kỹ thuật viên	Anh ĐH		
94	Trương Huỳnh Thiên Thủy	3	10	1974	x	10-01-1996	10-01-1996	Phó Hiệu trưởng	Tiểu học Vĩnh Hội	UBND Quận 4	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp		GV TH hạng II		A	Anh B		
95	Nguyễn Thị Kim Khánh	27	3	1986	x	09-01-2012	09-01-2012	Giáo viên môn tiếng Anh	Tiểu học Vĩnh Hội	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp		GV TH hạng II		Cao đẳng	Anh B1		
96	Nguyễn Mỹ Kim	23	8	1991		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Đặng Trần Côn	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp		GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
97	Phạm Thị Hiếu Hạnh	15	6	1980	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Lý Nhơn	UBND Quận 4	10 năm	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
98	Thái Thị Thu Uyên	10	2	1980	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Lý Nhơn	UBND Quận 4	12 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		A			
99	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18	2	1978		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên Tin học	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND Quận 4	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm CNTT	Sơ cấp		GV TH hạng II		Đại học	Anh B1		
100	Đỗ Thanh Nhân	23	9	1986		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND Quận 4	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		A	Anh B2		
101	Nguyễn Xuân Nhật Tài	5	1	1991		09-05-2012	09-05-2013	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND Quận 4	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Thạc sĩ - QLQD	Sơ cấp		GV TH hạng II		A	Anh B1		
102	Nguyễn Thị Tuyết Loan	26	6	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Bạch Đằng	UBND Quận 4	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		A			
103	Nguyễn Thị Hiệp	12	10	1982		25/8/2004	25/08/2005	Giáo viên	Tiểu học Bạch Đằng	UBND Quận 4	17 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng II		A	Anh B		
104	Đinh Thị Diễm Phúc	8	3	1983	x	01/10/2001	01/4/2002	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Bến Càng	UBND Quận 4	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học			GV TH hạng II		B	Anh B		
105	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	5	8	1990		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Bến Càng	UBND Quận 4	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học			GV TH hạng III		B	Anh B		
106	Phan Thị Thanh Hiếu	2	9	1982		15/08/2011	15/08/2012	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Xóm Chiếu	UBND Quận 4	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng III		Nâng cao	Anh A2		
107	Nguyễn Thị Thu Chuyển	15	11	1990		08-01-2011	08-01-2012	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Xóm Chiếu	UBND Quận 4	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp		GV TH hạng III		Nâng cao	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
108	Ngô Thị Kim Liên	8	4	1987	x	09-01-2008	09-01-2009	Hiệu trưởng	Tiểu học Đồng Đa	UBND Quận 4	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chuyên viên	A	Anh B1		
109	Nguyễn Thị Thủy Trang	22	2	1979	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Đồng Đa	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A			
110	Đỗ Nguyễn Hàn Uyên	6	11	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên nhiều môn	Tiểu học Đồng Đa	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
111	Đoàn Thị Hiền	14	6	1989	x	01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND Quận 4	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	Anh B		
112	Lê Thị Tinh Thương	28	2	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên-TT khối 4	Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	UBND Quận 4	12 năm 5 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
113	Nguyễn Thị Hoa	19	6	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên-TT khối 1	Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	UBND Quận 4	11 năm 5 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		Cơ bản	Anh B		
114	Phạm Thị Thanh Tùng	20	3	1979	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên-TT khối 3	Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	UBND Quận 4	14 năm 5 tháng	V07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		Cơ bản	Anh B		
115	Phạm Vũ Phương Minh	3	2	1978	x	22/8/1998	22/8/1999	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	UBND Quận 4	24 năm 6 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		Cơ bản	Anh B		
116	Trần Nguyễn Trúc Như	23	12	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên-TT Tiếng Anh	Tiểu học Nguyễn Trường Tộ	UBND Quận 4	12 năm 5 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		Cơ bản	Anh B2		
117	Châu Đan Thủy	19	6	1978	x	09-01-1999	03-01-2000	Phó Hiệu trưởng	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 4	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chuyên viên	Cơ bản	Anh B1		
118	Tôn Thị Tuyết Hằng	26	11	1971		08-01-1991	01-03-1993	Giáo viên tiểu học	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 4	16 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %VK	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A			
119	Nguyễn Ngọc Diệp	28	2	1971	x	18/10/1996	08-01-1998	Giáo viên tiểu học	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 4	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
120	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	16	1	1983	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên tiểu học	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A			
121	Vương Thị Nga	13	9	1989	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên tiểu học	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Quận 4	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B			
122	Phùng Ngọc Thủy Dương	3	7	1983	x	01/9/2006	01/9/2008	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bầu Sen	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm, 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học		Trình độ A	Anh văn A		
123	Vũ Khắc Long	19	12	1966		01/8/1986	01/8/1987	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bầu Sen	Ủy ban nhân dân Quận 5	36 năm, 8 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,35	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học		Trình độ B	Anh văn B		
124	Nguyễn Hữu Sơn	1	12	1967		01/1/1991	01/01/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bầu Sen	Ủy ban nhân dân Quận 5	30 năm, 3 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,25	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học		Trình độ B	Anh văn B		
125	Nguyễn Minh Đức	8	12	1977		01/12/2003	01/7/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Bầu Sen	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm, 9 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học		Trình độ A	Anh văn B		
126	Quang Tô Quế	16	5	1972		01-09-1992	01/10/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Huỳnh Kiển Hoa	Ủy ban nhân dân Quận 5	20 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
127	Nguyễn Anh Tuấn	10	12	1974		01-09-1995	01-09-1996	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Huỳnh Mẫn Đạt	Ủy ban nhân dân Quận 5	27 năm 8 tháng	V.07.03.28	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II+III		Trình độ B	Anh văn B		
128	Đỗ Thị Hồng Diễm	24	4	2024	x	01/1/1985	01/01/1986	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Hàm Tử	Ủy ban nhân dân Quận 5	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn A2		
129	Cao Quế Hằng	20	8	1982		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên bộ môn Mỹ thuật	Trường Tiểu học Lý Cảnh HỒN	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 6 tháng	V.07.03.07	3,33	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
130	Nguyễn Thị Thuý Anh	05	12	1984	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
131	Lê Hà Ngọc Linh	21	11	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạmTiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
132	Đặng Thị Nguyệt Nga	27	09	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạmTiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Tiếng Pháp B		
133	Nguyễn Ngọc Thuý	27	09	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạmTiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
134	Huỳnh Trâm	01	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạmTiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
135	Phạm Thái Hòa	22	4	1965		01/01/2002	01-06-2008	Giáo viên Mỹ thuật	Trường TH Lê Văn Tám	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn A		
136	Trần Quang Mỹ	20	7	1972		01-08-1997	01/03/2002	Giáo viên chủ nhiệm	Trường TH Lê Văn Tám	Ủy ban nhân dân Quận 5	21 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
137	Nguyễn Thị Ngọc Châu	15	1	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường TH Lê Văn Tám	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
138	Hoàng Đại Kim	25	2	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Minh Đạo	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
139	Lê Thị Phương Loan	1	3	1982	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Nguyễn Đức Cảnh	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II,III		Trình độ B	Anh văn A2		
140	Lê Thị Thanh Diệu	5	5	1989	x	15/8/2012	15/8/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Nguyễn Đức Cảnh	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 4 tháng	V.07.03.08	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II,III		Trình độ B	Anh văn A2		
141	Nguyễn Đức Vinh	16	4	1975		11-01-1996	11-01-1998	Giáo viên bộ môn	Trường Nguyễn Đức Cảnh	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 9 tháng	V.07.03.08	4,58	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên Tiểu học hạng III		Trình độ B	Anh văn B2		
142	Trần Thanh Văn	06	3	1969		15/8/1988	08-10-1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 11 tháng	V.07.03.08	4,89	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
143	Trần Trọng Hiếu	03	7	1971		15/9/1992	10-01-1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn A		
144	Trần Bội Nhi	07	4	1981	x	01/9/2005	09-01-2006	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
145	Nguyễn Thị Kim Sang	16	10	1970	x	15/9/1989	10-01-1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+0,2 bảo lưu	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
146	Võ Thị Hồng Nhật	27	3	1973	x	15/9/1998	03-01-2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
147	Phạm Thanh Trúc	14	7	1977	x	09-01-1998	03-01-2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	4,58	Đại học Giáo dục Thể chất		Giáo viên Tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B1		
148	Trần Kim Nhân	01	11	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
149	Phạm Lê Bích Ngọc	12	11	1992	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên bộ môn	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 9 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại học Giáo dục Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
150	Nguyễn Thị Lan Anh	25	11	1971	x	01/09/1993	01/09/2007	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
151	Lê Thị Thu Thảo	28	3	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
152	Võ Thị Lợi	13	2	1971	x	01/9/1999	01/9/2001	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân Quận 5	21 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		Trình độ A	Anh văn B		
153	Dương Hoàng Yến Thanh	23	3	1976	x	01/9/2001	01/9/2002	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân Quận 5	20 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		Trình độ A	Anh văn A		
154	Trương Thị Thủy Dung	24	4	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		Trình độ B	Anh văn B		
155	Lê Thị Kim Ngọc	09	11	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chính Nghĩa	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
156	Trần Kim Châu	25	6	1991	x	01/09/2012	09-01-2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chính Nghĩa	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
157	Phạm Thị Mộng Lan	22	2	1970	x	24-09-2001	24-09-2001	Giáo viên tiểu học	Trường Hy Vọng quận 6	Ủy ban nhân dân quận 6	23 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt		CDNN tiêu học hạng II, hạng III		Tin học A	Anh B		
158	Đàm Thị Mỹ Ngọc	24	8	1978	x	01-09-2006	01-09-2006	Giáo viên - TTCM THCS	Trường Hy Vọng Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt	Trung cấp	CDNN THCS hạng II		IC3	Anh B		
159	Võ Ngọc Thụy	14	2	1970	x	01-09-2008	01-09-2008	Giáo viên THCS	Trường Hy Vọng Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học - Sư phạm giáo dục đặc biệt		CDNN THCS hạng II		Tin học A	Anh B		
160	Phạm Thụy Thanh Xuân	9	3	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tiên	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
161	Phùng Chí Thanh	15	12	1987		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tiên	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Thể dục thể thao	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
162	Phan Thị An Toàn	4	7	1968	x	15/10/1987	25-03-1989	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
163	Đỗ Thị Kim Thủy	11	4	1988		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
164	Lương Thị Minh Phương	28	1	1974	x	01/09/1996	01/09/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		CNTTCB	Anh B		
165	Nhữ Đăng Trọng	20	12	1982		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc, Thạc sĩ - Khoa học Giáo dục và Đào tạo giáo viên	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
166	Lương Ngọc Hạnh	5	1	1978	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		CNTTCB	Anh B		
167	Phạm Thị Bích Hạnh	20	6	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		CNTTCB	Anh B		
168	Vương Văn Bình	18	4	1967		01-11-1988	01-08-1990	Giáo viên	Trường tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	23 năm 08 tháng	V.07.03.29	4.98(C hính lịch bảo lưu: 0.25)	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
169	Trương Hà Hạnh	20	1	1985	x	01-09-2010	14-02-2011	Giáo viên	Trường tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân SP tiếng Anh; Cử nhân SP tiếng Nga		GV tiểu học hạng II		CCIC3G S4, Tin học ứng dụng A, U7DCNT T trong dạy học	Cử nhân, FCE (B2)		
170	Phạm Thị Hồng	26	8	1983	x	09-01-2005	05-03-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,36	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		B	B		
171	Bành Mỹ Anh	30	8	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Cử nhân sư phạm GDTH		GV Tiểu học hạng II		A	Anh Bậc 2		
172	Tạ Thảo Ly	6	11	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
173	Trần Thị Ngọc Trang	26	1	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Cử nhân sư phạm GDTH	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh Bậc 2		
174	Nguyễn Thị Kim Châu	01	10	1977	x	01/07/1997	01/03/1999	Giáo viên	Trường TH Đặng Nguyên Cẩn	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH-Hạng II		Tin học ứng dụng B + Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh B		
175	Nguyễn Thị Kim Phụng	04	07	1971	x	15/08/1992	01/02/1995	Giáo viên	Trường TH Đặng Nguyên Cẩn	Ủy ban nhân dân Quận 6	29 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,98+ VK 5%	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH-Hạng II		Tin học ứng dụng B + Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh B		
176	Bùi Thị Thái Hoà	30	12	1972	x	18/08/1993	01/02/1995	Giáo viên	Trường TH Đặng Nguyên Cẩn	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98+ VK 5%	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên TH-Hạng II		Tin học ứng dụng A + Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh B		
177	Trần Thị Diệu	15	12	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III		Đại học	Anh B		
178	Nguyễn Hồng Tuấn	24	12	1978		01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 6	25 năm	V. 07.03.29	4,65	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		THUD A	Anh B		
179	Võ Hồng Trâm	27	10	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III		THUD A	Anh B		
180	Nguyễn Thị Ái	14	3	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B1		
181	Phan Mộng Thanh Thủy	30	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B		
182	Vũ Thị Thoa	1	7	1985	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		UDCNTT CB	A2		
183	Đỗ Thanh Yên Nhà	24	3	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B1		
184	Nguyễn Thị Thu Vân	15	10	1990	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B		
185	Nguyễn Minh Hoàng	4	9	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B		
186	Võ Minh Luân	22	10	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
187	Bùi Thị Tường Vy	17	7	1982	x	02-01-2006	02-07-2006	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	B		
188	Ngô Thị Xuân Hiếu	5	2	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B1		
189	Mộc Thiên Bửu	1	6	1982		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B		
190	Nguyễn Thị Đông Nghi	26	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Hùng Vương	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B		
191	Bạch Quyết Chiến	5	10	1988		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Him Lam	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Hạng III		B	Pháp B		
192	Nguyễn Hữu Lộc	28	4	1969		01-09-1993	01-10-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Him Lam	Ủy ban nhân dân Quận 6	28 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm Tiểu học	TCCT	Hạng III		A	B		
193	Bình Văn Kiểm	12	6	1984		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Him Lam	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học TDTT	Sơ cấp	Hạng II, III		A	B		
194	Nguyễn Kim Ngân	17	11	1992	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Him Lam	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Hạng II, III		UDCNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
195	Vũ Thị Kim Oanh	20	10	1973	X	01-08-1997	01-03-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Him Lam	Ủy ban nhân dân Quận 6	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Hạng II, III		A	B		
196	Phạm Thị Thái Ngân	05	07	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
197	Chung Thị Kim Ngọc	03	04	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
198	Ngô Anh Trung	26	10	1992		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
199	Phạm Mạnh Thắng	27	11	1987		01/09/2011	01/04/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	10 năm	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Kỹ sư Công nghệ thông tin		GV TH hạng II		Tin học Đại học	Anh B		
200	Châu Thị Quỳnh Trâm	27	11	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
201	Lưu Nguyễn Kim Ngân	24	12	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
202	Huỳnh Yến Phương	20	02	1976	x	16/09/1996	01/04/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh Bậc 3/6		
203	Nguyễn Hồng Vũ	13	04	1974		01/09/1994	01/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.98 + 5%	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh Bậc 3/6		
204	Hồ Nguyệt Tuyết Mai	26	09	1971	x	04/09/1992	01/6/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98+6 %	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
205	Phan Thị Huệ	24	05	1969	x	15/08/1988	01/03/1990	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98+0.2	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
206	Phạm Trung Dũng	14	01	1970		08/09/1997	01/10/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 6	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc B1		
207	Nguyễn Thụy Lệ Tâm	31	1	1980	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	21 năm	V.07.03.29	4,32	Cử nhân GDTH	Trung cấp	GVTH Hạng II		B	Anh B		
208	Trần Dạ Hương	1	10	1984	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân GDTH	Trung cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B1		
209	Lê Thị Thu Hoài	31	7	1976	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	GVTH Hạng II		B	Cử nhân ngoại ngữ		
210	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14	5	1981	x	20-01-2003	01-04-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm	V.07.03.29	4,32	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
211	Huỳnh Trang Khánh	13	11	1972	x	09-07-1992	01-10-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	21 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
212	Nguyễn Thị Hồng Mai	31	3	1974	x	01-09-1995	01-03-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 vk 5%	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
213	Lê Như Sang	24	12	1984		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân GDTC	Trung cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
214	Nguyễn Hồng Loan	23	3	1980	x	01-12-2013	01-12-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm	V.07.03.29	3,33	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Anh B		
215	Lê Thị Thu Hồng	1	5	1972	x	01-08-1992	01-01-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	22 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98 vk 6%	Cử nhân GDTH	Trung cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
216	Nguyễn Quốc Vinh	20	5	1976		01-09-1998	01-03-2004	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
217	Phạm Huỳnh Thiên Kim	19	3	1971	x	04-09-1992	01-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân GDTH		GVTH Hạng III		A	Anh B		
218	Nguyễn Thùy Linh	28	1	1974	x	08-01-1996	01-02-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	18 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
219	Nguyễn Thị Mỹ Khánh	23	1	1975	x	10/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,00	Cử nhân GDTH	Sơ cấp	GVTH Hạng II		B	Anh B		
220	Kim Xà Rại	6	3	1989		01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,00	Cử nhân Âm nhạc	Sơ cấp	GVTH Hạng II		A	Anh B		
221	Ngô Trần Trúc Thảo	8	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng II, III		A	Anh B		
222	Ngô Thị Ngọc Lan	21	6	1976	x	27-09-1996	01-04-1998	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	26 năm	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
223	Trần Thị Phương Oanh	26	11	1969	x	24-08-1992	01-04-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	30 năm	V.07.03.29	4,98+ PCBL 0,3	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		Tin học A	Anh B		
224	Đào Thị Kim Xuân	25	12	1970	x	01-09-1992	01-09-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	29 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		Tin học A	Anh B		
225	Nguyễn Thị Mộng Thủy	11	8	1974	x	01-09-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		Tin học A	Anh B		
226	Nguyễn Thị Phương	13	9	1984	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV TH hạng II		Tin học A	Anh B		
227	Nguyễn Văn Tài	1	10	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		Tin học A	Anh B		
228	Phạm Tuấn Sơn	15	5	1981		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại Học - Kỹ sư Công nghệ thông tin		GV TH hạng III		Đại học	Anh B		
229	Nguy Phương Uyên	5	3	1987	x	01-04-2011	01-04-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm	V.07.03.29	3,33	Đại Học Tiếng Anh		GV TH hạng II		Tin học A	Anh ĐH		
230	Đỗ Ngọc Huyền Chi	27	1	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		UDCNTT	Anh B		
231	Nguyễn Thị Diễm Trang	20	5	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học -Cử nhân sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		UDCNTT	Anh B		
232	Huỳnh Hữu Nhân	4	5	1967		15/08/1986	01/03/1988	Giáo viên	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		UDCNTT	Anh B		
233	Nguyễn Thị Kim Ngọc	22	9	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCA	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
234	Phạm Thanh Minh	28	5	1979	x	01-08-1997	01-08-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	24 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm		GV TH hạng II		CNTTNB	Anh B		
235	Nguyễn Thị Kim Ngân	25	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học sư phạm		GV TH hạng II		CNTTC A	Anh B		
236	Ngô Hoàng Thị Mỹ Tú	8	2	1970	x	01-09-1989	01/3/1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	32 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.89	Đại học sư phạm		GV TH hạng III		CNTTC A	Anh B		
237	Nguyễn Thị Thanh Thủy	3	7	1973	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm		GV TH hạng II		CNTTC A	Anh B		
238	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	2	11	1980	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 11 tháng	V.07.03.29	2.67	Đại học xã hội nhân văn		GV TH hạng III		CNTTC B	Anh B2		
239	Lại Thị Thư	30	4	1979	x	01-10-2007	01-04-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại Học Sư phạm Khoa Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
240	Lao Xuân Lan	28	9	1969	x	15-08-1988	01-02-1990	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	19 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.98+ bảo lưu 0.3	Đại Học Sư phạm Khoa Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh A		
241	Huỳnh Thụy Tuyết Trần	20	8	1978	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại Học Sư phạm Khoa Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh A		
242	Huỳnh Thị Phương	3	6	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại Học Sư phạm Khoa Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
243	Đỗ Thị Phương Lan	1	1	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Thạc Sĩ - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
244	Lê Thị Ba Mỹ	20	3	1973	x	01-09-1993	01-03-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Định - Quận 6	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại Học Sư phạm Khoa Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh A		
245	Trần Lưu Ngọc Thu Huyền	13	4	1987	x	14/02/2011	28/02/2013	Giáo viên	Trường Phú Đông	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B2		
246	Bùi Thị Hồng Ngọc	1	3	1974	x	13/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Trường Phú Đông	Ủy ban nhân dân Quận 6	15 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
247	Vũ Thị Trường An	10	7	1970	x	11/07/1994	01/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	30 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Anh B		
248	Nguyễn Thị Kim Oanh	11	4	1970	x	31/08/1993	01/04/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	31 năm	V.07.03.29	4,98% + VK 5%	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Anh B		
249	Đậu Thị Hạnh	24	8	1978	x	01/11/2004	01/04/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	19 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Anh B		
250	Đặng Ngọc Quý	21	6	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Anh B		
251	Kiều Ngọc Anh	30	1	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Kỹ sư Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Đại học	Anh B		
252	Nguyễn Trọng Phát	18	1	1985		01/09/2009	01/03/2010	GV CNTT	Trường tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Kỹ sư Công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Đại học	Anh B		
253	Đặng Thị Ngân	24	11	1977	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		B	Anh B		
254	Hoàng Viết Khánh	1	9	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Thạc sĩ - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Đại học	Tiếng Anh B1		
255	Phạm Thị Thủy Uyên	22	12	1970	x	15/07/1996	23/03/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
256	Phan Thị Mỹ Dung	21	12	1973	x	11/07/1994	22/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	30 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Tiếng Anh B		
257	Phạm Thị Thuý	10	12	1980	x	26/08/2002	22/07/2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		A	Tiếng Anh B1		
258	Lương Thị Kim Lan	21	11	1972	x	01/09/1997	01/03/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng III		B	Anh B		
259	Huỳnh Tấn Anh Thanh	11	2	1971	x	01/09/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư Phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		A	Anh B		
260	Châu Phi Long	04	2	1968		01/08/1997	01/03/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục thể chất		Giáo viên Tiểu học hạng III		A	Anh B		
261	Nguyễn Ngọc Minh	11	12	1973		01/09/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Lâm	Ủy ban nhân dân Quận 6	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục thể chất		Giáo viên Tiểu học hạng III		A	Anh B		
262	Nguyễn Thị Phương Linh	3	9	1975	x	01-08-1996	01-02-1998	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	Thạc sĩ QLGD	B	Tiếng Anh B1		
263	Dương Hoàng Mộng Ngọc Kiều Loan	17	6	1975	x	01-12-1996	01-06-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	Bồi dưỡng CBQL	B	Tiếng Anh B		
264	Nguyễn Thị Bạch Ngọc	5	9	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học	Đang học Trung cấp	CDNN hạng II		A	Tiếng Anh C		
265	Mai Thị Cẩm Tú	17	10	1976	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học		CDNN hạng II		A	B		
266	Võ Thị Xuân Hoa	23	1	1970	x	08-08-1990	01-02-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 (VK 5%)	Đại học		CDNN hạng III		A	B		
267	Trần Thị Thanh Thủy	26	1	1973	x	01-08-1993	02-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Ủy ban nhân dân Quận 6	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học		CDNN hạng III		A	B		
268	Đại Lệ Văn	23	10	1991	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
269	Nguyễn Thị Kim Thoa	5	4	1970	X	01-08-1988	01-03-1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+0,25%	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
270	Đặng Thị Mỹ Thanh	4	11	1968	X	01-10-1988	01-10-1988	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	19 năm	V.07.03.29	4,98 + 0,15%	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
271	Lê Hồng Đạt	27	2	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Thể chất	Trung cấp	CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
272	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	30	8	1984		01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Công nghệ thông tin		CDNN hạng III		Đại học - CNTT	Anh Bậc 2		
273	Lê Thị Cẩm Thanh	21	1	1977	X	01-09-1977	01-03-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng III		CNNTCB	Anh Bậc 2		
274	Nguyễn Hồng Thủy	29	8	1971	X	27-08-1992	01-12-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	29 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng III		CNNTCB	Anh Bậc 2		
275	Lê Ngọc Phúc	20	11	1971		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Thể chất		CDNN hạng III		CNNTCB	Anh Bậc 2		
276	Võ Kim Khánh	29	12	1982	X	01-10-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		
277	Vân Thị Thu Hương	19	6	1970	X	04-09-1990	01-03-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Ủy ban nhân dân Quận 6	31 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		CDNN hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
278	Nguyễn Thị Kim Hoàng	6	12	1973	x	01/08/1994	01/02/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Công Định	Ủy ban nhân dân quận 6	28 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		B	Anh B		
279	Nguyễn Thị Thanh Hậu	16	3	1990	x	23/02/2012	26/06/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Công Định	Ủy ban nhân dân quận 6	10 năm 10 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
280	Bùi Thị Xuân Oanh	9	3	1977	x	01/09/1998	15/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Công Định	Ủy ban nhân dân quận 6	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
281	Nguyễn Thị Bích Vân	14	7	1970	x	15/09/1995	10/03/1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Công Định	Ủy ban nhân dân quận 6	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
282	Phan Thị Dung	29	3	1972	x	01-09-1990	ng có hồ sơ hết tập	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND Quận 7	27 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh A2		
283	Đào Thị Bích Hợp	10	6	1975	x	15-08-1995	15-02-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND Quận 7	23 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh A2		
284	Tô Thanh Liêm	25	4	1967		27-07-1987	27-01-1989	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND Quận 7	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Giáo dục tiểu học Thạc sỹ - Quản lý giáo dục	Cao cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B1		
285	Nguyễn Ngọc Phước	27	10	1967		01-09-1990	01-09-1990	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thuận Đông	UBND Quận 7	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98+5%	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II	Không	A	B		
286	Lê Thị Thảo	02	09	1984		01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thuận Đông	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II	Không	UD CNTT CB	A		
287	Phan Thị Kim Than	18	8	1972	x	01-09-1993	01-09-1994	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	29 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
288	Tăng Ngọc Ánh	21	1	1972	x	01-10-1994	01-10-1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	28 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
289	Lâm Ngọc Tâm	29	1	1992	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
290	Trần Thị Thủy Tran	22	10	1991	x	01-10-2014	01-10-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	CDNN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
291	Cao Hồng Phần	6	11	1993	x	01-10-2014	01-10-2015	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	CDNN hạng II	Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý giáo dục	CNTTCB	Anh ĐH		
292	Trần Kim Lắc	15	8	1971	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	10 năm	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	CDNN hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
293	Đoàn Hoàng Minh	23	3	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Quy	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	CDNN hạng II	Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý giáo dục	CNTTCB	Anh Bậc 2		
294	Nguyễn Thị Thu Hương	8	5	1974	x	01/10/1992	01/10/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tân Hưng	UBND Quận 7	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98 + 5%	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng 3		THƯỞ A, UĐCNT T trong dạy học	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
295	Ngô Thị Ngọc Trần	29	7	1991	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tân Hưng	UBND Quận 7	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		THƯỞ A, UDCNT T trong dạy học	Anh B		
296	Nguyễn Thị Thu Thảo	14	8	1969	x	01/09/1990	01/09/1990	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tân Hưng	UBND Quận 7	33 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98 + 5 %	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	Chứng chỉ nghiệp vụ QLGD	THƯỞ A, UDCNT T trong dạy học	Anh B		
297	Ngô Thị Bích Nga	18	2	1972	x	01/09/1991	01/09/1991	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tân Hưng	UBND Quận 7	32 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98 + 5%	Đại học-Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II		THƯỞ A, UDCNT T trong dạy học	Anh B		
298	Cao Văn Bảy	15	3	1968		01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tân Hưng	UBND Quận 7	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		THƯỞ B	Anh B		
299	Nguyễn Hoàng Chính	1	1	1972		01-09-2016	01-09-2017	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	hạng III		B	Đại học		
300	Nguyễn Thị Hoa	12	5	1991	x	01/10/2018	01-04-2019	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	hạng III		A	Anh A2		
301	Hà Thị Linh	20	10	1990	x	01/09/2016	01-03-2017	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	hạng III		B	Anh B		
302	Hồ Thị Trúc Ly	20	12	1975	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	hạng III		B	Anh B		
303	Hà Như Mỹ	20	6	1992	x	04/08/2014	04/08/2015	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	hạng III		B	Anh B		
304	Nguyễn Thị Mai Ngân	24	11	1996	x	01-10-2018	01-04-2019	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại học sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	hạng III		A	Anh B1		
305	Nguyễn Tín Tấn	18	4	1996		01-10-2020	01-04-2021	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND Quận 7	1 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại học sư phạm Thể dục thể thao	Sơ cấp	hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
306	Trương Vĩnh Phương	6	3	1967		01-08-1986	10-05-1991	Hiệu trưởng	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	UBND Quận 7	32 năm 11 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại Học SPGDTH	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	CBQL	CNTTCB	Anh B		
307	Võ Thị Mỹ Hạnh	20	5	1977	x	01-07-1997	15-04-2000	Giáo viên	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	UBND Quận 7	24 năm	V.07.03.29	4.98	Đại Học SPGDTH	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
308	Trần Văn Giàu	16	2	1971		01-09-1990	01-12-1994	Giáo viên	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	UBND Quận 7	29 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại Học SPGDTH	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
309	Hoàng Thị Kim Minh	10	11	1983	x	31-08-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	UBND Quận 7	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Cử nhân Khoa học ngành GDTH	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
310	Nguyễn Lê Kim Ngân	16	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	UBND Quận 7	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B2		
311	Phạm Thị Thủy Phương	26	6	1977	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Quận 7	11 năm 6 tháng 15 ngày	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh		GV Tiểu học hạng II		A	Cử nhân		
312	Phan Thị Trường An	27	09	1970	x	01/9/1990	01/10/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hưởng	UBND Quận 7	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
313	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	19	05	1972	x	1991	01/10/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hưởng	UBND Quận 7	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
314	Phạm Thị Huệ	18	08	1979	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hưởng	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
315	Trần Thị Thủy Phương	03	06	1972	x	1991	01/10/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hưởng	UBND Quận 7	18 năm	V.07.03.29	4.98+5 %	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
316	Võ Thị Kim Thoa	01	12	1969	x	1990	01/10/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hường	UBND Quận 7	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+ (Bảo lưu 0.15)	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
317	Nguyễn Ngọc Mai	15	02	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hường	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		B	Anh B		
318	Nguyễn Thị Dầu	01	03	1980	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Hường	UBND Quận 7	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		
319	Nguyễn Văn Chiến	4	9	1990		09-01-2011	09-01-2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66+1 1%	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Thạc sĩ quản lí giáo dục	B	B1		
320	Hoàng Thị Như Thủy	2	9	1978	x	10-01-2001	04-01-2002	Tổ trưởng chuyên môn khối 1	Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm	UBND Quận 7	22 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32+2 2%	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	B		
321	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8	3	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Tổ trưởng chuyên môn khối 2	Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33+1 0%	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	B		
322	Nguyễn Chí Thảo	30	3	1966		01-10-1985	01-04-1987	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	38 năm 6 tháng	V.07.03.29	5.370	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		B	B		
323	Đỗ Thị Huyền	3	10	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		A	B		
324	Ngô Thị Chiến	7	10	1975	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng II		B	Cử nhân ngữ văn Anh		
325	Mai Đức Hiền	16	9	1978		01-09-1999	01-03-2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	24 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.99	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II		A	B		
326	Hồ Phạm Kim Yến	30	5	1974	x	01/08/1996	01/08/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND Quận 7	25 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		UD CNTT CB	Anh B		
327	Phạm Thị Minh Nguyệt	13	11	1979	x	01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND Quận 7	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng II		B	Anh B		
328	Nguyễn Thị Kim Ngân	24	4	1973	x	01/09/1992	01/09/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND Quận 7	29 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		A	Anh B		
329	Nguyễn Thị Kim Hương	28	2	1977	x	01/09/1997	01/09/1999	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND Quận 7	24 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GVTH hạng II		A	Pháp B		
330	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	28	10	1982	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng II		A	Anh B		
331	Nguyễn Song Dũng	16	8	1972		01/9/1993	01/10/1994	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/10/2008 (15 năm 7 tháng)	V.07.03.29	4,98 + 6%	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
332	Nguyễn Thị Huyền Thương	6	10	1978	x	01/11/2009	01/11/2010	Tổ trưởng- GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/9/2011 (12 năm 8 tháng)	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
333	Nguyễn Hưng	6	11	1974		15/9/1995	01/5/1997	GV-TPT Đội	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/7/2007 (16 năm 10 tháng)	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
334	Ngô Nguyễn Bích Thủy	15	6	1986	x	01/9/2011	01/9/2012	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/9/2012 (10 năm 4 tháng)	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
335	Ngô Gia Bảo	21	2	1973		12/9/1994	12/4/1997	Tổ trưởng- GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/10/2005 (13 năm 7 tháng)	V.07.03.29	4,98	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
336	Nguyễn Thị Nhân	20	11	1986	x	01/10/2009	01/4/2010	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Thuận	UBND Quận 7	01/02/2013 (10 năm 4 tháng)	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
337	Nguyễn Mạnh Phúc	01	01	1987		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Thể dục - Tò trưởng	Trường Tiểu học Phú Mỹ	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
338	Hoàng Thị Huệ	03	8	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Phú Mỹ	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
339	Trần Thị Kim Hương	22	8	1991	x	01/9/2013	01/9/2014	Giáo viên - Tổ trưởng	Trường Tiểu học Phú Mỹ	UBND Quận 7	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
340	Lê Thị Sang	04	10	1972	x	01/9/1993	01/12/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Mỹ	UBND Quận 7	29 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh A2		
341	Nguyễn Thị Thanh	30	5	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Mỹ	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
342	Phan Thanh Phong	11	12	1970		01-09-1989	ng có hồ sơ hết t	Hiệu trưởng	Trường TH Võ Thị Sáu	UBND Quận 7	34 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	Hạng II		B	B1		
343	Đỗ Thị Hồng Sương	22	6	1990	x	15-08-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Võ Thị Sáu	UBND Quận 7	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	Hạng II		A	B		
344	Trần Thị Ngọc Loan	25	11	1970	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường TH Võ Thị Sáu	UBND Quận 7	15 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	Hạng II		Trung cấp	B		
345	Thạch Như Mai Thảo	19	10	1971	x	01-09-1990	01-09-1991	Giáo viên	Trường TH Võ Thị Sáu	UBND Quận 7	33 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Sơ cấp	Hạng II		B	Cử nhân ĐHSP		
346	Nguyễn Thị Kim Anh	20	11	1975	x	01-09-2011	01-04-2012	Giáo viên	Trường TH Võ Thị Sáu	UBND Quận 7	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3	Đại học	Sơ cấp	Hạng III		A	B		
347	Trần Lê Kim Hằng	09	09	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
348	Nguyễn Lại Yên Mỹ	27	12	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
349	Lê Tấn Hưng	04	11	1969		15/10/1992	15/10/1993	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	30 năm 6 tháng	V07.03.29	4,98+5%	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
350	Trần Thị Hà Hải	20	04	1974	x	01/09/1994	01/09/1995	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	28 năm 7 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
351	Nguyễn Thị Thu Thảo	12	08	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V07.03.07	3,66	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
352	Hà Thị Thanh Thương	21	11	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V07.03.07	3,99	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
353	Nguyễn Đức Yên Oanh	11	02	1985	x	01/10/2014	01/10/2015	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	8 năm 6 tháng	V07.03.07	3	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
354	Nguyễn Thị Hoàn	22	02	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V07.03.07	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
355	Nguyễn Thị Hồng Phúc	10	11	1989	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	9 năm 7 tháng	V07.03.07	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
356	Đinh Quỳnh Thủy	30	12	1989	x	01/10/2014	01/10/2015	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	8 năm 6 tháng	V07.03.07	3	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
357	Nguyễn Thị Thu Thảo	25	09	1984	x	01/10/2014	01/10/2015	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	8 năm 6 tháng	V07.03.07	3	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
358	Lê Tuyết Vân	16	07	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
359	Nguyễn Thị Xuân	12	02	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V07.03.29	3,03	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
360	Nguyễn Thị Thủy	15	02	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
361	Nguyễn Thanh Vinh	02	07	1968		01/06/1993	01/09/1993	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	30 năm 7 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
362	Trần Thị Ngọc Diễm	06	01	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	11 năm 7 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
363	Trần Thị Hồng Nga	22	11	1979	x	01/09/2013	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V07.03.07	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
364	Nguyễn Thị Bích Thủy	11	06	1976	x	01/09/1998	01/03/1999	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Anh Xuân	UBND Quận 7	25 năm 2 tháng	V07.03.07	4,65	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
365	Dương Văn Qui	03	06	1966		27/07/1987	27/07/1987	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hạng II		A	Anh B		
366	Nguyễn Ngọc Uyên	12	09	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hạng II		A	Anh B		
367	Nguyễn Thị Hải Âu	26	05	1983	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hạng II		B	Anh B		
368	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08	05	1974	x	01/09/2007	01/03/2008	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	12 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
369	Nguyễn Thị Thúy An	21	06	1987	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	9 năm 2 tháng	V.07.03.29	3	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
370	Phạm Thị Oanh	03	12	1975	x	01/01/1999	01/10/2005	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	UBND Q8	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B1		
371	Nguyễn Thụy Thủy Loan	18	7	1979	x	09/09/1999	11/05/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	23 năm 11 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp chính trị	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
372	Nguyễn Vũ Thanh Minh	15	9	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp chính trị	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh B		
373	Võ Thị Phương Thảo	15	7	1977	x	01/08/1997	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh B		
374	Nguyễn Ngọc Huỳnh Mai	20	8	1971	x	30/08/1993	16/05/1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh A		
375	Ngô Thị Kim Hoàng	25	7	1974	x	01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh A		
376	Lý Thanh Sơn	30	4	1967		01/09/1993	01/03/2002	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Rạch Ông	UBND Q8	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+2 %BL	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
377	Nguyễn Đình Thị Thủy Duyên	13	6	1977	x	15/08/1998	01/12/2001	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ấu Dương Lân	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại học- Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học Hang II	Sơ cấp	B	Anh B		
378	Trần Quốc Toàn	29	1	1974	x	20/08/1997	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ấu Dương Lân	UBND Q8	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học- Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
379	Nguyễn Thị Anh Thư	11	7	1989	x	12/08/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ấu Dương Lân	UBND Q8	11 năm	V.07.03.29	3.66	Đại học- Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học Hang II	Sơ cấp	A	Anh A2		
380	Ngô Văn Hùng	14	6	1968		01/09/1997	01/09/1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	UBND Q8	14 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
381	Trần Thị Minh Trí	11	4	1977	x	01/09/1998	01/03/1999	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	UBND Q8	16 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang III		B	Anh A2		
382	Huỳnh Thị Hồng Yển	3	5	1980	x	12/09/2001	01/03/2002	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	UBND Q8	5 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
383	Du Chí Cường	3	1	1988		01/09/2009	01/09/2011	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Thái Hưng	UBND Q8	15 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học Hang III		A	Anh B		
384	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22	9	1976	x	01/09/1999	01/03/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	UBND Q8	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học		A	Anh B		
385	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8	5	1972	x	01/09/1994	01/09/1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	UBND Q8	27 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN giáo viên Tiểu học		A	Anh B		
386	Lâm Khiết Nhi	2	12	1978	x	01/09/1998	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	UBND Q8	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN giáo viên Tiểu học		A	Anh B		
387	Nguyễn Thúy Khiêm	29	9	1979	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	UBND Q8	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	5,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN giáo viên Tiểu học		A	Anh C		
388	Đoàn Thị Ánh Xuân	26	8	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hoàng Minh Đạo	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	CDNN giáo viên Tiểu học		A	Anh A2		
389	Bùi Thị Mai Trang	1	4	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
390	Hà Minh Thiện	19	10	1988		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bùi Minh Trực	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân CNTT		Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Đại học	Anh B		
391	Nguyễn Văn Trung	9	7	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Trường Tiểu học An Phong	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
392	Nguyễn Anh Thi	17	11	1982	x	01/10/2004	01/04/2005	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Trường Tiểu học An Phong	UBND Q8	19 năm	V.07.03.29	3.99	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật.	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
393	Phạm Thị Bích Hợp	20	5	1990	x	01/01/2014	01/01/2015	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học An Phong	UBND Q8	9 năm 3 tháng	V.07.03.29	3.00	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
394	Vũ Thị Huệ	31	12	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học An Phong	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
395	Nguyễn Thị Bé Tú	5	8	1972	x	01/11/1998	07/02/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học An Phong	UBND Q8	12 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
396	Đặng Thị Kim Yến	20	11	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	10 năm	V.07.03.29	3.66	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung Cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B1		
397	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	24	11	1971	x	09/05/1991	03/01/1993	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	9 năm 06 tháng	V.07.03.29	4.98 VK 5%	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		B	Anh B		
398	Nguyễn Thị Kim Chi	11	1	1969	x	08/10/1988	12/06/1992	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	9 năm 06 tháng	V.07.03.29	4.98+ VK 6%	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh A2		
399	Đinh Thị Thanh Bình	3	12	1971	x	04/09/1992	10/06/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	9 năm 06 tháng	V.07.03.29	4.98+ VK 5%	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		B	Anh B		
400	Trần Thị Thủy Ngân	20	7	1985	x	01/09/2008	01/9/2009	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	14 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Ngoại ngữ	Sơ Cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		B	Anh B1		
401	Thạch Trung Tuấn	14	4	1991		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Ngạn	UBND Q8	6 năm 03 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung Cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
402	Chu Thị Thương	16	5	1989	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		C	Anh B		
403	Nguyễn Thị Phương Thủy	29	10	1983	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tin học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Tin học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		Đại học	Anh C		
404	Phùng Thị Bình	16	3	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh B		
405	Huỳnh Ngọc Diệu	2	10	1981	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh A		
406	Mai Thị Hiền	25	4	1976	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh B		
407	Nguyễn Thị Thanh Vân	22	9	1974	x	15/09/1995	01/09/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Danh Lâm	UBND Q8	25 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		A	Anh A		
408	Tạ Quốc Mai	27	9	1973	x	01/09/1993	04/09/2007	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	UBND Q8	16 năm 9 tháng	V.09.02.09	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
409	Thạch Minh Vũ	28	3	1976		01/08/1997	01/08/2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Nhân Tông	UBND Q8	14 năm 8 tháng	V.09.02.09	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
410	Nguyễn Thị Thanh Thảo	05	11	1988	x	01/10/2009	01/10/2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hưng Phú	UBND Q8	13 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
411	Trần Văn Nhân	14	10	1963		01/12/1994	01/12/2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	UBND Q8	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	không	A	Anh B		
412	Trần Ngọc Tường Huy	3	10	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy Tin học	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học CNTT	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	không	Đại học	Anh B		
413	Cung Thị Hồng	6	6	1992	x	30/08/2013	01/06/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	UBND Q8	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	không	B	Anh B		
414	Hà Thị Phương	2	8	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	không	B	Anh B		
415	Lê Hồng Khánh	1	8	1966		10/08/1987	11/02/1989	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	UBND Q8	35 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng III</u>	không	A	Anh A		
416	Nguyễn Thị Hằng	7	2	1971	x	01/11/1990	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Đại học		
417	Mai Thị Kim Hồng	21	1	1971	x	01/09/1993	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	15 năm 9 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
418	Vũ Thị Hồng Diệp	10	8	1973	x	01/08/1996	01/06/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	14 năm 8 tháng	V07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		B	Anh B		
419	Phan Việt Hồng	3	10	1973	x	01/08/1995	10/02/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
420	Trương Thị Kiều Oanh	14	8	1978	x	25/09/2000	01/10/2001	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	14 năm 2 tháng	V07.03.29	3,99	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng III</u>		B	Anh B		
421	Nguyễn Thị Thuý Mai	11	5	1973	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tuy Lý Vương	UBND Q8	18 năm 0 tháng	V07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng III</u>		A	Anh B		
422	An Văn Thịnh	4	12	1975		01/08/1996	13/04/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Nguyên Hân	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
423	Nguyễn Lê Hồng Quyền	29	10	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Nguyên Hân	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh ĐH		
424	Phùng Lê Diệu Hạnh	13	7	1974	x	01/09/1994	01/03/2002	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+2 %	Đại học GD Tiểu học - Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	Trung cấp	A	Anh Cao đẳng		
425	Bùi Thị Cẩm Vân	8	7	1968	x	07/08/1987	10/02/1989	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	35 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+3 %	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
426	Nguyễn Thị Kim Hoa	8	12	1969	x	10/08/1988	15/02/1990	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	34 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+2 5%	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
427	Phạm Thị Hoa	25	6	1969	x	09/09/1988	01/05/1990	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	33 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98+3 5%	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
428	Hồ Thị Bích Quyền	17	3	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
429	Nguyễn Thị Tuyết Vân	22	11	1972		15/08/1994	15/08/1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Hồng Đức	UBND Q8	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		
430	Trần Hữu Dự	19	9	1968		05/09/1989	02/07/1991	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Nhục Thi	UBND Q8	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,3	Đại học Giáo dục Tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>	TC	A	Anh B		
431	Phạm Văn Cảnh	16	7	1965		15/08/1986	25/02/1988	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhục Thi	UBND Q8	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,35	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học <u>Hạng II</u>		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
432	Trần Thị Ngọc Oanh	24	11	1971	x	25/08/1992	10/03/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhựt Thi	UBND Q8	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0.2	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
433	Ngô Thanh Thủy	3	3	1968	x	01/09/1993	01/09/1993	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhựt Thi	UBND Q8	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98 + VK 5%	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
434	Nguyễn Thị Minh Tâm	27	1	1973	x	01/09/1994	26/03/1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhựt Thi	UBND Q8	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
435	Trương Ngọc Mai	17	2	1974	x	21/08/1995	21/02/1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhựt Thi	UBND Q8	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
436	Phan Thị Hằng	20	6	1991	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Nhựt Thi	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh B1		
437	Nguyễn Ngọc Công	18	2	1969		30/12/1990	10/06/1994	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	29 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B1		
438	Nguyễn Thị Kim Anh	27	9	1978	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh A2		
439	Trần Thị Tuyết Hương	14	7	1971	x	15/09/1992	26/12/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh A		
440	Đỗ Khánh Vân	13	12	1978	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh A		
441	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	7	12	1977	x	15/08/1998	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		B	Anh A2		
442	Nguyễn Thị Kim Hằng	8	10	1974	x	01/08/1995	01/08/1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
443	Phạm Thị Hồng Ngân	10	7	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý Giáo dục	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B1		
444	Huỳnh Thị Ngọc Nhiên	10	5	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
445	Nguyễn Thị Ngọc Anh	5	9	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lưu Hữu Phước	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A	Anh B		
446	Nguyễn Văn Be	19	6	1969		15/10/1997	15/10/1997	Phó Hiệu trưởng	Trường Hy Vọng	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục đặc biệt	Trung cấp	Giáo viên tiểu học Hang II	Chuyên viên	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - Bạc 3		
447	Lê Thị Thu Hương	01	11	1982	x	07/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Hy Vọng	UBND Q8	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ Cấp	Giáo viên tiểu học Hang II		A			
448	Trà Hoàng Tuấn	15	12	1992		01-08-2014	01/08/2014	Giáo viên dạy Tiếng anh	Trường TiH Thiên Hộ Dương	UBND Quận 10	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33+8 %	Đại học Sài Gòn - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	Giấy chứng nhận GV TH (hang II)	Chứng chỉ QLNN	Chứng chỉ Trình độ A	Tiếng Anh Đại học		
449	Phan Thị Duyên Anh	21	11	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên dạy Âm nhạc	Trường TiH Thiên Hộ Dương	UBND Quận 10	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66+1 1%	Nhạc viện TP.HCM - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giấy chứng nhận GV TH (hang II)	Chứng chỉ QLNN	Chứng chỉ Trình độ A	Chứng chỉ Trình độ B		
450	Trần Thị Kim Vân	20	5	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên dạy Tiếng anh	Trường TiH Thiên Hộ Dương	UBND Quận 10	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66+1 3%	Đại học Sài Gòn - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	Giấy chứng nhận GV TH (hang II)		Chứng chỉ Trình độ A	Tiếng Anh Đại học		
451	Phạm Diệp Quỳnh Giao	20	1	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Âm nhạc	Trường tiểu học Nhật Tảo	Phòng GD&ĐT Quận 10	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên Tiểu học hang II		Tin học A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
452	Phan Thị Hằng	3	1	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Nhật Tảo	Phòng GD&ĐT Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A		
453	Trần Thu Nhi	06	06	1972	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên dạy Thể dục	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Q.10	18 năm	V.07.03.08	3,65	ĐHSP Giáo dục Thể chất		Giáo viên tiểu học hạng III		UDCN TTCB	Anh Bạc B1		
454	Bùi Thị Thủy	20	07	1992	x	01/12/2013	01/12/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Q.10	09 năm 04 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại học Sư phạm Tiểu học	sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		CCTH A	Anh Bạc B		
455	Phan Thị Anh Đào	20	05	1971	X	09-01-1997	01-01-2000	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	Ủy ban nhân dân Quận 10	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
456	Trần Chí Sinh	03	01	1971		01/09/1992	01/09/1994	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	Ủy ban nhân dân Quận 10	30 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98+ 5%	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
457	Lê Nguyễn Nam Phương	22	06	1991	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên cơ bản - Tổ trưởng chuyên môn Khối 5	Trường tiểu học Trần Nhân Tôn	Ủy ban nhân dân Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
458	Lê Phạm Minh Nhựt	13	07	1987		09/02/2009	01/09/2011	Giáo viên TPT	Trường tiểu học Trần Nhân Tôn	Ủy ban nhân dân Quận 10	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B2		
459	Nguyễn Thị Ái Loan	06	11	1989	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Âm nhạc	Trường tiểu học Trần Nhân Tôn	Ủy ban nhân dân Quận 10	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc		GV tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
460	Phạm Thị Thu Hiền	10	8	1978	x	1/9/2006 (01/9/2003)	09-01-2007	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CCTHU D - B	Anh văn B		
461	Nguyễn Ngọc Hạnh	15	6	1989	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên cơ bản	TRƯỜNG TIH DƯƠNG MINH CHÂU	UBNDQ10	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân GDTH	Trung cấp	GVTH Hạng II		Tin học A CNTT trong dạy học	Anh B		
462	Ngô Hoàng Dung	08	11	1989	X	01-09-2013	01-09-2013	Giáo viên Tin Học	TRƯỜNG TIH DƯƠNG MINH CHÂU	UBNDQ10	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Kỹ sư CNTT		GVTH Hạng II		Kỹ sư	Anh Bạc 2		
463	Đậu Kim Loan	9	4	1989	X	15-12-2014	01-01-2016	Giáo viên cơ bản	TRƯỜNG TIH DƯƠNG MINH CHÂU	UBNDQ10	8 năm 3 tháng	V.07.03.07	3,00	Cử nhân GDTH		GVTH Hạng II		Tin học B CNTT	Anh B		
464	Son Thị Bích Vân	3	8	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Hồ Thị Kỳ	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II, GV TH hạng III		Tin học A	Tiếng Anh B1		
465	Vũ Tuấn Vinh	04	09	1987		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bắc Hải	UBND Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm Giáo dục thể chất		GV TH hạng II hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
466	Nguyễn Thị Lan Minh	24	04	1975		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bắc Hải	UBND Quận 10	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II hạng III		THUD A	Anh B		
467	Đinh Thị Mai	14	03	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bắc Hải	UBND Quận 10	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
468	Nguyễn Thị Thu Hoa	14	9	1969	X	05/09/1991	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	30 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Bảng cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	sơ cấp	GV tiểu học Hạng II; hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
469	Phan Thị Thục Hiền	30	11	1973	X	01/08/1997	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	23 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Bảng cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	sơ cấp	GV tiểu học Hạng II; hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
470	Trương Thị Thu Thảo	29	6	1973	X	06/10/1997	01/03/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	25 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Bằng cử nhân ngành Giáo dục tiểu học	sơ cấp	GV tiểu học Hạng II; hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
471	Cổ Đình Văn	24	4	1987		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Bằng cử nhân Giáo dục tiểu học	sơ cấp	GV tiểu học Hạng II; hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
472	Nguyễn Thị Hồng Linh	20	12	1984	X	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục thể chất	sơ cấp	GV tiểu học Hạng II; hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
473	Nguyễn Hồng Đức	20	8	1972		01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Trương Định	UBND Quận 10	19 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân sư phạm âm nhạc	sơ cấp	GV tiểu học Hạng III		Chứng chỉ tin học ứng dụng Trình độ A	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
474	Đỗ Đức Huỳnh	04	02	1990		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Thể dục thể chất	Trường tiểu học Lê Thị Riêng	UBND Q10	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục thể chất		GVTH hạng II		A	Anh B		
475	Nguyễn Thị Diễm Hương	10	3	1975	x	08-01-1995	02-01-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Lê Thị Riêng	UBND Q10	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Sư Phạm	TC	GVTH hạng II		A	Anh B		
476	Võ Thị Tuyền	29	3	1973	x	08-01-1995	02-01-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Lê Thị Riêng	UBND Q10	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Sư Phạm		GVTH hạng II		A	Anh A		
477	Hà Thiều Hoa	25	5	1984		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Lê Thị Riêng	UBND Q10	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư Phạm		GVTH hạng II		A			
478	Đỗ Viết Hoàng	20	5	1990		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên Mỹ Thuật	Trường tiểu học Lê Thị Riêng	UBND Q10	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư Phạm Mỹ Thuật		GVTH hạng II		THCB	AVCB		
479	Nguyễn Văn Phước Trình	17	7	1978	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Kiêu	Ủy ban Nhân dân Quận 10	9 năm 9 tháng	V,07,03,29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng III		CNTTCB	Anh B		
480	Vương Mỹ Ngọc	2	8	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Kiêu	Ủy ban Nhân dân Quận 10	9 năm 9 tháng	V,07,03,29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng III		CNTTCB	Anh B		
481	Tăng Thị Thu Dung	25	7	1991	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Văn Kiêu	Ủy ban Nhân dân Quận 10	10 năm 8 tháng	V,07,03,29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng II		CNTTCB	Anh B		
482	Võ Minh Hùng	6	10	1986		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên chủ nhiệm	Trường Tiểu học Triệu Thị Trinh	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học - Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
483	Đào Minh Trung	18	08	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Nghệ thuật (Âm nhạc)	Trường Tiểu Học Triệu Thị Trinh	UBND Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm âm nhạc	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		A	B		
484	Trần Mai Hà	13	9	1978	x	09/01/2012	09/01/2013	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Triệu Thị Trinh	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Công nghệ thông tin		GV Tiểu Học hạng II		Đại học	B		
485	Lê Thị Hạnh Dung	23	6	1974	x	20/09/1995	01/04/1997	Giáo viên dạy nhiều môn - Trưởng ban thanh tra Công đoàn	Trường Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Quận 10	8 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II	Không	Tin học ứng dụng - Trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
486	Nguyễn Thị Thúy Nga	19	3	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Điện Biên	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10	10 năm 8 tháng	V.07.03.29		Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II	Chứng nhận Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục cho Cán bộ trưởng phổ thông	A	B		
487	Nguyễn Phương Anh	16	9	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 10	Mã 15a204: 6 năm Mã V07.03.08: 5 năm 9 tháng Mã V07.03.29: 1 năm 1 tháng Tổng cộng : 12 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học giáo dục Tiểu học		Hạng III Hạng II		Trình độ A	Anh B		
488	Trịnh Thị Việt Hà	04	12	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 10	Mã 15a204: 6 năm Mã V07.03.08: 5 năm 9 tháng Mã V07.03.29: 1 năm 1 tháng Tổng cộng : 12 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Mỹ Thuật	Sơ cấp	Hạng III Hạng II		ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
489	Đặng Trần Phương Thảo	03	8	1985	x	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 10	Mã 15a204: 9 năm Mã V07.03.08: 6 năm Mã V07.03.29: 1 năm 9 tháng Tổng cộng : 16 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	Hạng III		Trình độ A	ĐH tiếng Anh		
490	Trần Thị Quế Hương	01	12	1972	x	01/11/1993	01/01/2000	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 10	Mã 15a204: 7 năm Mã V07.03.08: 5 năm 8 tháng Mã V07.03.29: 3 năm 11 tháng Tổng cộng : 16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng III		ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
491	Trần Thị Phương Hồng	13	07	1987	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 10	Mã V07.03.08: 7 năm 10 tháng Mã V07.03.29: 1 năm 11 tháng Tổng cộng : 9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm tiếng Anh		Hạng III Hạng II		Trình độ A	ĐH tiếng Anh		
492	Dương Thị Ngọc Dung	24	08	1974	x	01/8/1994	01/4/1996	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98 +5%	Đại học - Giáo dục tiểu học Thạc sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 02/5/2019)	Chuyên viên	UDCNTT trong dạy học	Anh Bắc 3		
493	Nguyễn Thị Bích Hằng	20	09	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 21/5/2021)		A	Anh B		
494	Dương Thị Thanh Tâm	08	01	1975	x	01/8/1997	01/02/1999	Khối trưởng - Giáo viên	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 23/04/2019)		A	Anh B		
495	Nguyễn Thái Tổ Oanh	4	4	1974	x	01/9/1994	01/02/1996	Phó Hiệu trưởng	Trường tiểu học Đại Thành	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 30/11/2021)		A	Anh B		
496	Nguyễn Thy Phương Liên	24	3	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Đại Thành	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 06/10/2021)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
497	Đặng Thanh Thủy	18	8	1877	x	01/8/1997	01/02/1999	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Đề Thám	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 06/10/2021)		UDCNTT trong dạy học	Anh B		
498	Phạm Thị Lan	11	05	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Hòa Bình	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 23/04/2019)		B	Anh B		
499	Nguyễn Thị Hồng Vân	20	10	1975	x	01/8/1995	01/3/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II (Ngày cấp 06/5/2021)		A	Anh B		
500	Lê Thị Minh Tú	22	8	1979	x	01/10/2005	01/10/2008	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II (Ngày cấp 06/5/2021)		A	Anh B		
501	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	22	3	1969	x	26/8/1991	01/10/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 +5%	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH Hạng II (Ngày cấp 30/6/2021)		A	Anh B		
502	Đặng Tuấn Duy	10	5	1968		06/11/1990	01/11/1992	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,25 CLBL	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II (Ngày cấp 06/5/2021)		A	Anh B		
503	Lê Thị Hồng Hạnh	16	11	1976	x	06/9/1999	01/3/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II (Ngày cấp 06/5/2021)		A	Anh B		
504	Quách Lai Hưng	27	9	1980		01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH Hạng II (Ngày cấp 06/5/2021)		A	Anh B		
505	Lê Thị Hương Lan	1	9	1976	x	01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hưng Việt	UBND Quận 11	13 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III (ngày cấp 28/8/2019)		B	Anh B		
506	Đoàn Lê Yến Trân	12	12	1981	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên mỹ thuật	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	UBND Quận 11	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		B	Anh B		
507	Nguyễn Thị Ngọc Tỷ	19	7	1984	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	UBND Quận 11	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 05/05/2021)		B	Anh B		
508	Nguyễn Thị Hồng Loan	24	3	1973	x	01/8/1993	01/4/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	UBND Quận 11	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 20/01/2022)		CNTTNC	Anh B		
509	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30	5	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 19/03/2021)		A	Anh B		
510	Thái Mỹ Loan	16	3	1974	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Quận 11	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 02/05/2019)		A	Anh ĐH		
511	Đỗ Thị Tuyết	14	8	1987	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Quận 11	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 21/5/2021)		A	Anh B		
512	Lê Ngọc Diệp	5	10	1991		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Quận 11	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 20/05/2021)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
513	Vũ Văn Hiếu	1	10	1984		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Mĩ thuật	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	UBND Quận 11	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		B	Anh B		
514	Nghiêm Thị Thu Hải	2	12	1968	x	20/8/1990	01/10/1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+ (0,15 CLBL)	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (Ngày cấp 06/05/2021)		B	Anh B		
515	Dương Thị Ngọc Hường	17	12	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (Ngày cấp 06/05/2021)		A	Anh B		
516	Ngô Tấn Phương	19	02	1975		20/9/1995	01/01/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (Ngày cấp 21/05/2021)		A	Anh B		
517	Nguyễn Thị Phương Thanh	01	08	1975	x	15/9/1995	01/3/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	UBND Quận 11	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (cấp ngày 27/09/2019)		A	Anh B		
518	Trương Thị Thanh Diệu	15	12	1971	x	05/8/1993	01/01/1996	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thi	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (cấp ngày 27/09/2019)		B	Anh B		
519	Đào Mộng Tuyền	26	09	1971	x	20/7/1990	01/02/1992	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	UBND Quận 11	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+ CLBL 0,25	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 21/5/2021)	Chuyên viên	UDCNTT trong dạy học	Anh B1		
520	Nguyễn Triệu Phú	26	03	1981		01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 23/4/2019)		B	Anh B		
521	Đỗ Thị Loan	04	4	1968	x	27/7/1987	01/3/1989	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ	UBND Quận 11	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98+ CLBL 0,35	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		B	Anh B		
522	Nguyễn Thành Lê Hoa	18	6	1978	x	22/8/1998	01/9/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 19/3/2021)		B	Anh B		
523	Trần Uyên Thi	16	12	1978	x	01/9/2002	01/3/2003	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh B		
524	Tổng Thị Minh Nguyệt	29	12	1975	x	06/9/1999	01/3/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh B1		
525	Lê Thị Lệ Hiền	17	6	1971	x	15/8/1997	01/02/1999	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
526	Phùng Thị Vân	28	2	1978	x	18/01/1998	01/12/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND Quận 11	13 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 10/3/2021)		A	Anh B		
527	Lê Thị Mỹ Anh	23	11	1971	x	01/8/1991	01/02/1994	Phó hiệu trưởng	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98 + 6%	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 02/5/2019)		A	Anh B		
528	Trương Thị Xuân Mai	07	12	1972	x	10/8/1992	01/3/1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
529	Lê Kiều Nga	15	3	1973	x	01/9/1993	01/3/1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		CNTTNC	Anh B		
530	Nguyễn Thị Bích Lương	27	8	1971	x	01/9/1993	01/3/1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
531	Nguyễn Thị Phương Uyên	25	11	1976	x	01/8/1996	01/3/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
532	Lê Thị Hồng Hậu	26	4	1976	x	01/8/1996	01/3/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
533	Trần Thị Hồng Duyên	27	02	1976	x	16/9/1996	01/8/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh B		
534	Lê Thị Diễm Hương	13	02	1973	x	15/8/1997	01/02/1999	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh B		
535	Hoàng Thị Bắc	08	11	1978	x	01/9/1999	01/3/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
536	Nguyễn Dạ Lan	25	10	1984	x	01/9/2010	01/3/2011	Giáo viên Tin học	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân - Sư phạm công nghệ thông tin		GVTH hạng II (ngày cấp 28/01/2019)		Đại học	Anh B		
537	Vũ Thị Hồng Hạnh	22	09	1975	x	01/8/1995	27/11/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		CNTTNC	Anh B		
538	Trần Thị Thủy Duyệt	08	11	1978	x	15/8/1998	01/01/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		CNTTNC	Anh B		
539	Đỗ Minh Mão	07	12	1978		01/9/1999	01/3/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		UDCNTT trong dạy học	Anh B		
540	Đặng Thị Lành	20	10	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Phú Thọ	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 28/8/2019)		A	Anh B1		
541	Kha Trúc Loan	26	5	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 02/05/2019)		A	Anh B		
542	Lê Hà Thanh Phương	16	12	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 23/04/2019)		B	Anh B		
543	Ngô Thị Kim Vân	06	9	1972	x	01/8/1993	01/8/1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phùng Hưng	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 21/05/2021)		B	Anh B		
544	Nguyễn Hiền Sĩ	11	7	1967		27/7/1987	01/3/1989	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Quyết Thắng	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,3 CLBL	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 02/5/2019)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
545	Nguyễn Văn Ngọc	05	07	1978		25/8/1995	01/12/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Quyết Thắng	UBND Quận 11	16 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,34	Đại học - Giáo dục tiểu học Thạc sĩ - Giáo dục học		GVTH hạng II (ngày cấp 10/03/2021)		B	Anh B		
546	Trần Thị Hiền	19	3	1988		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Thái Phiên	UBND Quận 11	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		B	Anh B		
547	Tăng Tuấn Kiên	07	10	1992		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Phiên	UBND Quận 11	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 17/6/2021)		A	Anh ĐH		
548	Ngô Hiếu Hồng Anh	21	01	1979	x	01/9/2004	01/3/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II (ngày cấp 23/4/2019)		UDCNTT trong dạy học	Anh B		
549	Vũ Kim Anh	03	11	1970	x	20/8/1991	01/01/1994	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		A	Anh B		
550	Đàm Hoàng Phương Quỳnh	11	01	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Quận 11	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 21/5/2019)		A	Anh B		
551	Triệu Ngọc Thụy	25	12	1971		01/9/1993	01/9/1995	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		A	Anh B		
552	Lê Trần Anh Đào	14	01	1974	x	01/8/1994	01/02/1996	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Quận 11	13 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 12/9/2019)		A	Anh B		
553	Tạ Đình Cường	11	2	1966		27/7/1987	01/9/1990	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+ 0,2 CLBL	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		A	Anh B		
554	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7	7	1971	x	01/8/1991	01/3/1993	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98+ 0,15 CLBL	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 12/9/2019)		A	Anh B		
555	Phạm Thị Ngọc Thủy	25	4	1974	x	01/8/1995	01/3/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 27/9/2019)		A	Anh B		
556	Lê Thị Ngọc Lan	24	6	1976	x	01/8/1996	01/5/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III (ngày cấp 05/5/2021)		CNTTNC	Anh B		
557	Lê Đỗ An	19	3	1971		01/9/1993	01/3/1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 20/01/2022)		CNTTNC	Anh B		
558	Võ Thị Kim Chi	29	10	1973	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân - Sư phạm Tiếng anh		GVTH hạng II (ngày cấp 04/6/2021)		CNTTCB	Pháp B		
559	Phạm Võ Ngọc Anh	03	6	1982	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II (ngày cấp 23/4/2019)		A	Anh B		
560	Nguyễn Trọng Nhân	24	3	1990		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trung Trắc	UBND Quận 11	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm Tiếng anh		GVTH hạng II (ngày cấp 02/5/2019)		A	Pháp B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
561	Nguyễn Thị Ngọc Sương	14	4	1969	x	01-12-1994	15-04-2000	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	24 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
562	Nguyễn Thị Ngọc Yến	24	7	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
563	Nguyễn Thị Bích Hạnh	7	2	1983	x	01-08-2012	01-08-2013	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	12 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,03	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
564	Phạm Thị Ngọc Xuân	31	8	1975	x	01-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	22 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
565	Trương Thị Ngọc Tuyết	14	2	1986	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.0	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
566	Trần Duy Long	6	9	1981		01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
567	Huỳnh Thị Thanh Mai	17	11	1982	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học CNTT	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Đại học	Anh - B		
568	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	17	10	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
569	Phan Thị Cẩm Tú	19	10	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.0	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
570	Nguyễn Thị Xuân Hằng	18	2	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	19 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
571	Nguyễn Thị Kim Hoa	15	12	1993	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.08	3.03	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
572	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	16	6	1982	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.0	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
573	Nguyễn Thị Châu	7	7	1984	x	1-10-2012	1-10-2013	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	12 năm	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
574	Nguyễn Thị Phổ	3	3	1989	x	1-8-2014	08-01-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3.0	Đại học SP Anh văn		Giáo viên tiểu học		B	Anh ĐH		
575	Trần Thị Phương	17	7	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	11 năm	V.07.03.08	03.03	Đại học Mỹ thuật	sơ cấp			A	Anh - B		
576	Bùi Thị Hương Giang	24	12	1981	x	1-9-2009	1-9-2010	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
577	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11	12	1970	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,34	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A		
578	Nguyễn Thị Oanh	13	3	1991	x	1-8-2014	1-8-2015	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.08	2.72	Đại học CNTT		Giáo viên tiểu học hạng III		cử nhân CNTT	Anh - B		
579	Phan Thị Thanh Hương	09	07	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A2		
580	Lê Thị Hằng	6	10	1981	x	01-09-2000	01-03-2001	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
581	Đỗ Thảo Nguyễn	23	7	1977	x	09-01-2006	03-01-2007	Giáo viên	Tiểu học Hà Huy Giáp	UBND Q12	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
582	Ngô Thị Thủy Dung	13	01	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Tiểu học Hồ Văn Thanh	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
583	Nguyễn Thụy Uyên Trâm	13	03	1977	x	15-09-1999	15-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
584	Hoàng Phương Khánh	01	09	1987	x	01-11-2008	01-11-2009	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
585	Mai Thị Thu Hiền	18	10	1974	x	01-01-1993	01-01-1994	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	30 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98+0.15	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
586	Hồ Đình Trà My	12	04	1973	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	28 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	/	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
587	Trịnh Thị Ngọc Dung	23	01	1976	x	05-09-1996	01-03-1998	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	/	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
588	Nguyễn Thị Hương	26	11	1971	x	04-09-1995	01-01-1998	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	26 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
589	Đậu Thị Việt Anh	28	11	1981	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
590	Nguyễn Thị Hằng	20	03	1979	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	16 năm 2 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
591	Nguyễn Hoàng Như Nguyễn	30	12	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
592	Nguyễn Thị Kim Tuyết	01	03	1993	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	2.67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
593	Trần Thị Thúy Hằng	25	09	1978	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
594	Trần Kim Vân Anh	03	07	1992	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	2.67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
595	Trần Quang Minh	05	10	1985		01-12-2016	01-11-2018	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	2.67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	/	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
596	Lưu Thị Thủy Dương	28	01	1992	x	01-09-2016	01-03-2017	Giáo viên	Tiểu học Kim Đồng	UBND Q12	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	2.67	Cử nhân Ngữ văn Anh	/	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B2		
597	Hoàng Viêt Hòa	02	08	1990		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm Mỹ Thuật	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
598	Vân Minh Trang	06	11	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
599	Lâm Thị Diễm Mí	29	02	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Đang học	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
600	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30	11	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
601	Phạm Thị Huyền	23	02	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
602	Hoàng Thị Ngần	29	07	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
603	Lê Huỳnh Thị Minh Thư	09	08	1985	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
604	Lê Thị Phòng	13	06	1983	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
605	Hoàng Thị Thảo	27	09	1978	x	10-01-2002	01/04/2003	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	21 năm	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
606	Lê Thị Minh Thúy	14	12	1978	x	09-01-1995	03-01-2000	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
607	Nguyễn Thị Vân	30	06	1978	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
608	Nguyễn Thị Biên	20	02	1977	x	1-9-2007	09-01-2008	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		B	Anh - B		
609	Lê Thị Lại	16	06	1975	x	1-9-1998	01-09-1999	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	24 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
610	Phạm Thị Hải Lý	02	09	1973	x	01-09-1992	01-04-1994	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	31 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
611	Nguyễn Thị Xoan	05	06	1971	x	01-10-1992	01-04-1994	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	31 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
612	Tổng Thị Chinh	07	11	1991		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
613	Vũ Thị Kim Trang	22	6	1979	x	09-01-2004	03-01-2005	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
614	Bùi Thị Loan	21	08	1986	Nữ	10-12-2007	31/10/2008	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	14 năm 05 tháng 11 ngày	V07.03.08	3,65	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		B	Bậc 4		
615	Trương Ngọc Quỳnh Anh	10	04	1974	x	08-01-1993	02-01-1995	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		A	Anh - B		
616	Nguyễn Thị Mỹ Loan	14	2	1971	x	05-09-1991	26-02-1996	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	29 năm 1 tháng	V.07.02.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
617	Lý Thị Phương Hằng	14	09	1974	x	01-01-1993	01-07-1995	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	28 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		A	Anh - B		
618	Hà Thị Hương	5	2	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm Mỹ Thuật	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		B	Anh - B		
619	Nguyễn Thị Thuý	06	11	1984	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
620	Phạm Thu Hà	10	09	1970	x	11/11/1990	11/11/1991	Giáo viên	Tiểu học Lê Văn Thọ	UBND Q12	22 năm	V.07.03.08	4,89+5 %	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
621	Hà Thị Thuý Trâm	12	1	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Lý Tự Trọng	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
622	Lê Trung Văn Khanh	26	08	1973	x	01-01-1993	01-07-1995	Giáo viên	Tiểu học Lý Tự Trọng	UBND Q12	29 năm 9 tháng	V07.03.08	4,89	Cử Nhân Tiểu học	Trung Cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
623	Phạm Thị Quỳnh	08	03	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Tiểu học Lý Tự Trọng	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
624	Đặng Anh Thắng	15	10	1988		01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Tiểu học Lý Tự Trọng	UBND Q12	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
625	Nguyễn Văn Vững	8	8	1990		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Lý Tự Trọng	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại học Sư phạm TDTT	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B1		
626	Lê Thị Thanh Hương	7	3	1973	x	01-01-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Du	UBND Q12	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
627	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	5	2	1974	x	01-01-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Du	UBND Q12	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.98 Bảo lưu 0.15	Cử Nhân Giáo dục Tiểu học	Trình độ TCLLTC-HC	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
628	Nguyễn Thị Thủy	16	5	1976	x	01-10-1998	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Du	UBND Q12	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử Nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - A		
629	Huỳnh Thanh Thảo Quyên	20	01	1980	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Du	UBND Q12	19 năm 2 tháng	V07.03.29	3,66	Cử Nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
630	Lưu Thị Cẩm Dân	4	3	1983	x	01-10-2008	01-10-2008	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Du	UBND Q12	15 Năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học sư phạm Âm nhạc		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
631	Phạm Thị Huệ	20	03	1968	x	01/08/1990	01/09/1992	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	12 năm 02 tháng	V.07.03.08	4.89+6 %	Đại học Giáo dục tiểu học	không	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A		
632	Chiêm Ngọc Tuyết	27	02	1977	x	01/08/1997	01/03/2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	15 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	không	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
633	Huỳnh Thị Kim Phụng	10	01	1980	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	10 năm 09 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
634	Thái Thị Lại	20	03	1980	x	01/09/2014	01/09/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	09 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	không	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
635	Phạm Nguyễn Thị Hồng Nhiên	19	03	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	11 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
636	Dương Thị Hồng Minh	04	09	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	11 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
637	Nguyễn Thị Huỳnh Minh	19	04	1981	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	09 năm 00 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Ngữ văn Anh	không	Giáo viên tiểu học hạng II		A			
638	Nguyễn Thị Thu Hiền	28	03	1986	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	11 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
639	Lại Huy Tùng	12	09	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Trung cấp	Anh - B		
640	Trần Thị Hương	17	01	1971	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	11 năm 03 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
641	Nguyễn Thị Nhật Trang	10	01	1977	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND Q12	09 năm 00 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
642	Hà Thị Hương Giang	30	07	1978	x	01/09/1995	01/09/1996	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	17 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
643	Huỳnh Thị Thiện Hòa	30	11	1979	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
644	Ngô Thị Mỹ Lâm	05	08	1979	x	01/09/2000	01/03/2001	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
645	Lê Thị Thanh Nga	01	09	1976	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
646	Trần Thị Nhân	10	02	1973	x	01/09/1995	01/03/1996	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	27 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
647	Mai Phạm Thanh Phương	14	06	1978	x	13/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	14 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
648	Hà Phụng Tiên	15	05	1986	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	09 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	SC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
649	Nguyễn Thị Bảo Trân	16	02	1990	x	15/08/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	11 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
650	Trần Văn Tuấn	11	08	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Q12	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	TC	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
651	Lê Thành Tạo	6	11	1977		1-9-2010	01-03-2011	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn An Khương	UBND Q12	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B1		
652	Trần Thị Thu Hương	2	11	1989	x	31-8-2011	31-8-2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn An Khương	UBND Q12	12 năm 4 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B1		
653	Phạm Thị Hồng Châu	8	2	1984	x	1-9-2009	1-9-2010	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn An Khương	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm âm nhạc		Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
654	Trần Bá Minh	02	8	1988		01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
655	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	27	3	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
656	Lê Thị Diễm Nhi	11	9	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
657	Trần Thị Hải Yến	26	8	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
658	Ngô Thị Quỳnh	16	6	1989	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
659	Cao Hoàng Thu Nhi	11	3	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
660	Nguyễn Thị Huệ	12	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
661	Lê Thị Ngọc Lan	13	6	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Ngôn ngữ anh	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	B2 quốc tế		
662	Bùi Thị Hoan	22	8	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Cao đẳng	Anh - B		
663	Phan Thị Trà Giang	04	3	1993	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
664	Huỳnh Thị Trúc Ly	26	7	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
665	Phạm Thị Kim Oanh	13	8	1979	x	01-09-2012	01-03-2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	11 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
666	Nguyễn Như Thu Hà	15	10	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
667	Hoàng Thị Thanh Tư	01	02	1977	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh - B		
668	Trần Thị Cảnh	10	5	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
669	Đỗ Thị Thủy Dương	12	9	1990	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh - C		
670	Phạm Thị Xoài	06	11	1993	x	01/08/2013	01-02-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh - B		
671	Phạm Thị Là	07	8	1992	x	1-8-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thái Bình	UBND Q12	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		A	Anh - B		
672	Phan Thị Ngọc Phương	10	9	1975	X	20/8/1998	02/01/2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	9 năm 6 tháng	V.07.03.08	4,89	Thạc sỹ QLGD- Cử nhân sư phạm	TCTT	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B1		
673	Võ Thị Trà My	9	12	1979	X	01/09/2001	01/09/2004	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	19 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	TCTT	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B1		
674	Mai Thùy Linh	29	8	1991	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		
675	Nguyễn Thị Thanh Nga	7	3	1988	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
676	Vũ Thị Mỹ	27	8	1990	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
677	Phạm Thị Hương	17	8	1988	X	01/09/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
678	Phan Thiên Ngọc Phương	2	3	1992	X	01/09/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - A		
679	Nguyễn Thị Thom	14	7	1992	X	01/09/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
680	Đinh Thị Hoàn	22	1	1979	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,34	Đại học Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		Đại học	Anh - B		
681	Trương Thị Thuận	30	11	1986	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm - Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
682	Phạm Thị Tú Trinh	21	04	1974	x	05-09-1996	01-03-1998	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
683	Lê Thị Thảo	28	10	1988	x	01-08-2014	01/08/2015	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Thanh nhạc	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - A		
684	Phạm Thị Mai Loan	19	01	1972	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	17 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		
685	Phạm Thị Thanh Huyền	04	09	1978	x	01/09/2011	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
686	Nguyễn Thị Thu Hồng	01	05	1972	x	01-01-1993	01-01-1994	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		
687	Đường Thị Thanh Hào	16	10	1974	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Q12	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
688	Trần Thị Mỹ Chi	1	9	1976	x	15/8/1998	15/8/1999	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	26 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A		
689	Bùi Thị Thanh Dung	9	4	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
690	Hoàng Thị Hoa Đào	3	3	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
691	Nguyễn Thị Hạnh	14	7	1976	x	09-01-2002	03-01-2003	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	21 năm	V.07.03.29	4,3	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
692	Phạm Thùy Liễm	8	5	1984	x	01/10/2006	01/11/2008	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	15 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học Thạc Sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
693	Trần Thị Kim Loan	29	9	1972	x	01/12/1994	15/4/2000	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	24 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
694	Huỳnh Như Mai	6	11	1979	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
695	Phan Tú Phương	8	5	1978	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	22 năm 1 tháng	V.07.03.08	3,96	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
696	Đoàn Văn Tuấn	9	3	1988		09-10-2010	09-10-2011	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	13 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		A	Anh - B		
697	Trần Thị Ngọc Trân	15	10	1979	x	09-01-2005	03-01-2006	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	14 năm 1 tháng	V.07.03.08	3,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
698	Trần Thị Bích Thủy	15	8	1985	x	01/9/2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B2		
699	Lê Thị Thu	6	6	1976	x	15/9/2000	03-01-2001	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	23 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
700	Phan Thị Thủy Tiên	19	2	1970	x	01-01-1991	01/01/1991	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	33 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,89 + 5 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
701	Lê Thị Bảo Yến	15	3	1993	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V07.03.29	3,03	Đại học Giáo dục tiểu học	sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
702	Phạm Thị Thu Yến	18	7	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Tiểu học Nguyễn Văn Thệ	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		B	Hoa - B		
703	Võ Thành Danh	03	01	1975		01-01-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98+0,15 bảo lưu	Đại Học - GDTH Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
704	Lê Quốc Thanh	20	08	1976		01-08-1997	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
705	Nguyễn Thị Lệ Hằng	01	02	1978	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	12 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
706	Nguyễn Thị Thùy Linh	29	12	1978	x	06-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
707	Dư Thị Phương Linh	17	01	1971	x	01-01-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp			A	Anh - A		
708	Trần Thị Mỹ Linh	03	03	1970	x	01-08-1989	01-07-1991	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+0,2 bảo lưu	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp			B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị	
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
709	Nguyễn Thị Hữu Phụng	16	03	1972	x	01-08-1994	18-08-1997	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp				B	Anh - B		
710	Nguyễn Thị Mộng Tuyết	26	07	1976	x	15-08-1997	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp				A	Anh - B		
711	Nguyễn Trang Bảo Khánh	11	03	1975	x	01-08-1997	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp				B	Anh - B		
712	Lương Thị Anh Thục	24	12	1978	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp				B	Anh - B		
713	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	10	05	1979	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp				B	Anh - B		
714	Nguyễn Thị Thắm	10	02	1985	x	01-10-2006	01-10-2007	Giáo viên	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	UBND Q12	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp			Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B			
715	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	14	10	1977	x	01/12/1994	01/12/1994	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	29 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98 + 0.15	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
716	Đinh Thị Thúy Uyên	4	10	1976	x	01/12/1994	01/12/1994	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	29 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.98 + 0.15	Th.S QLGD	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B1		
717	Nguyễn Thị Hà	30	10	1975	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	13 năm 7 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
718	Nguyễn Quỳnh Phương	17	10	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
719	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22	11	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
720	Trần Thị Hoa	2	10	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
721	Đoàn Thị Thu Hồng	20	4	1974	x	01/9/1998	01/9/1999	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	24 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
722	Phạm Thị Thương	10	11	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	10 năm 7 tháng	v .07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
723	Nguyễn Thị Mộng Trinh	19	9	1978	x	01/9/2005	01/3/2006	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			B	Anh - B		
724	Nguyễn Thị Lan	20	3	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
725	Trần Thị Thanh	20	4	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - C		
726	Trương Thị Thanh Thúy	10	9	1992	x	01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	11 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
727	Trần Thị Kim Thoa	17	9	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			A	Anh - B		
728	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	24	03	1983	x	09/01/2009	01/09/2010	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			B	Anh - B		
729	Nguyễn Như Thị Hỷ	18	04	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			B	Anh - B		
730	Hà Thị Hoàng	15	08	1978	x	01/10/2008	01/02/2013	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III			B	Anh - B		
731	Đỗ Thị Huệ	01	02	1989	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	9 năm	V.07.03.08	3,03	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II			B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
732	Nguyễn Thị Hồng Thắm	30	12	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
733	Hồ Thị Thanh Thủy	06	06	1983	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	3	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
734	Lê Thị Hòa	10	10	1987	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29	3	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
735	Vũ Thị Thu	29	01	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
736	Nguyễn Vũ Như Thủy	08	06	1977	x	01/04/2010	01/01/2011	Giáo viên	Tiểu học Quới Xuân	UBND Q12	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
737	Trần Thu Thảo	24	5	1990	x	01/8/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
738	Đỗ Thị Thu Yến	1	9	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - A		
739	Trương Thị Thùy Dương	7	5	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
740	Hoàng Văn Kiên	7	8	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
741	Lê Thị Vuốt	3	10	1979	X	01/09/2010	01/9/2011	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
742	Võ Thị Ánh Tuyết	15	7	1971	x	01/07/1994	01/07/1995	Giáo viên	Tiểu học Thuận Kiều	UBND Q12	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
743	Nguyễn Kim Ngọc	15	11	1969	X	03-09-2009	03-09-2010	Giáo viên	Tiểu học Trương Định	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Không	B	Anh - B		
744	Nguyễn Thị Phương Loan	13	03	1988	X	31-12-2009	01-12-2010	Giáo viên	Tiểu học Trương Định	UBND Q12	14 năm 4 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân sư phạm ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Không	B	Anh - B		
745	Dương Chánh Tâm	14	05	1991		31-08-2013	31-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Trương Định	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,33	Kỹ sư công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Chứng chỉ	Kỹ sư	Anh - B		
746	Đặng Trúc Phương Em	04	02	1977		20-10-2010	20-04-2011	Giáo viên	Tiểu học Trương Định	UBND Q12	13 năm	V.07.03.08	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Không	B	Anh - B		
747	Trần Thị Hải Yến	19	09	1991	X	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên	Tiểu học Trương Định	UBND Q12	10 năm 02 tháng	V.07.03.08	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Không	B	Anh - B		
748	Nguyễn Minh Sang	2	4	1963		1-9-1985	21-4-1986	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
749	Lê Đức Nhật Toàn	2	9	1990		1-9-2011	1-9-2012	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
750	Nguyễn Thị Hòa	17	10	1979	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
751	Nguyễn Thị Thuý Tiên	6	5	1972		01-12-1994	01-07-2007	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4.89	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
752	Nguyễn Thị Trang	27	8	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
753	Lê Anh Tiến	10	9	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
754	Phạm Thị Mỹ Tuyền	6	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.08	3.34	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
755	Nguyễn Bảo Quốc	22	10	1982		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
756	Đỗ Thị Thảo	26	11	1985		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Cao đẳng		
757	Phan Xuân Hoi	25	10	1971		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	9 năm	V.07.03.29		Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
758	Phạm Thị Mỹ Hạnh	24	9	1980	x	05-09-2005	01-03-2006	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
759	Nguyễn Thị Lan Dương	3	7	1978	x	03-09-2002	03-09-2003	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	20 Năm 3 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		B	Đại học		
760	Trần Thị Quỳnh Trang	25	9	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	11 Năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học CNTT	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		Đại học	Anh - B		
761	Nguyễn Thị Chinh	14	6	1970	x	10-09-1992	10-09-1993	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	31 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học- Sư phạm GD Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
762	Phạm Ngọc Thuận	11	7	1969		01-01-1991	01-01-1992	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	33 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		A	Anh - A		
763	Võ Thị Lại	12	1	1971	x	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	9 năm 1 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
764	Nguyễn Thị Thanh Loan	20	10	1972	x	01/9/2011	01-03-2012	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	12 năm 2 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học		CDNN giáo viên Tiểu		B	Anh ĐH		
765	Trần Thị Hồng	3	3	1972	x	29-12-1991	01-06-1994	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	30 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		
766	Lê Mỹ Phương	10	1	1972	x	01/01//1993	01-01-1996	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	31 năm 3 tháng	V.7.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		A	Anh - B		
767	Trần Nữ Kim Oanh	05	7	1975	x	20.7.1992	01-01-1995	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	32 năm 5 tháng	V.7.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B		
768	Hồ Thị Ngọc Nữ	24	12	1978	x	01-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	25 năm 8 tháng	V.7.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
769	Lê Thị Vân	10	12	1989	x	01-09-2011	01-03-2012	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	12 năm	V.7.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
770	Huỳnh Thị Thiện	4	4	1970	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	13 năm	V.7.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
771	Nguyễn Thị Anh Đào	7	1	1977	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Tiểu học Trần Quang Cơ	UBND Q12	13 năm	V.7.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		
772	Đỗ Thị Hiếu Hạnh	15	10	1978	x	15-08-1998	01-03-1999	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	25 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		A	Anh - B1		
773	Trương Dạ Giao Tiên	15	2	1972	x	08-08-1997	01-02-1998	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	26 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		A	Anh - A		
774	Đỗ Thị Quỳnh Như	19	9	1980	x	25-10-2003	25-10-2003	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	20 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		B	Anh - B		
775	Nguyễn Thành Long	19	10	1976		01-04-2002	15-03-2003	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	22 năm	V.07.03.29	3.99	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
776	Trương Thị Mùi	6	9	1983	x	27-09-2001	17/10/20202	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
777	Hoàng Thị Thùy	7	7	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B		
778	Lê Thị Hoàng Yến	13	9	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
779	Đỗ Thị Huyền	03	07	1980	x	13-09-2002	16/04/2003	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	21 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Chứng nhận: XI-Giỏi	B	Anh - B		
780	Vũ Mai Cẩm Tú	16	08	1982	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Thạc Sĩ Giáo dục học (Chuyên ngành Giáo dục thể chất)	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B1		
781	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12	06	1987	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - C		
782	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07	03	1991	x	16/08/2012	09-01-2013	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh - B1		
783	Lê Thị Thúy Liễu	15	10	1989	x	10-09-2010	10-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		A	Anh - B		
784	Hồ Thị Dương Châu	02	02	1972	x	15/09/1998	15/04/2000	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	25 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
785	Nguyễn Thị Kim Anh	08	01	1988	x	09-01-2014	09-01-2015	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Thửa	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,00	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
786	Đinh Duy Minh Anh	21	07	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Sáu	UBND Q12	11 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Hiệu trưởng	B	Anh - B		
787	Châu Hoàng Bảo Trần	16	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Sáu	UBND Q12	11 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
788	Nguyễn Thị Ngọc Loan	01	04	1978	x	01/10/2005	01/04/2006	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Sáu	UBND Q12	18 năm 00 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B2		
789	Nguyễn Thị Hiếu	13	9	1979	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
790	Nguyễn Anh Minh Triều	27	1	1969		01-08-1989	01-04-1994	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	30 năm	V.07.03.08	4,89	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
791	Trần Thị Ánh	31	1	1972	x	01-02-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	24 năm 1 tháng	V.07.03.08	4,89	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
792	Nguyễn Thị Mỹ Liên	2	10	1970	x	01-02-1994	01-03-2000	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	24 năm 1 tháng	V.07.03.08	4,89	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
793	Hoàng Thị Thuý Linh	9	3	1970	x	14-01-1991	01-07-1994	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	29 năm 9 tháng	V.07.03.08	4,89	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
794	Đinh Hoàng Tổ Như	22	1	1975	x	01-08-1997	01-03-2002	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
795	Nguyễn Thị Thủy Dung	12	4	1979	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	22 năm 1 tháng	V.07.03.08	4,27	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
796	Trần Thị Thúy Ngân	19	3	1979	x	01-09-2002	01-01-2005	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	19 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B1		
797	Phạm Thị Tuyết Ngân	21	8	1979	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	18 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
798	Nguyễn Thị Huệ	19	5	1975	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	16 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
799	Nguyễn Hoàng Vương	10	4	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
800	Huỳnh Thị Ánh Nguyệt	10	6	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B		
801	Nguyễn Thị Hồng Lụa	6	9	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
802	Nguyễn Huỳnh Đức	21	10	1983		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.03.08	2,72	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh - B		
803	Trần Thị Tiên	6	10	1978	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Anh - B		
804	Nguyễn Thị Thom	9	9	1980	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	A	Anh - B		
805	Đặng Thị Thu Hoài	2	2	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		A	Anh - B2		
806	Trần Hải Hà	19	1	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Tiểu học Võ Văn Tần	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học		B	Anh - B		
807	Lê Thị Trúc Phương	22	03	1969	x	01/08/1987	01/10/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 - bảo lưu 0,3	Đại Học - Quản lí Giáo dục	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II	QLNN Ngạch Chuyên viên	CNTTNC	B		
808	Tương Thị Quỳnh Giao	24	11	1977	x	01/09/2003	01/01/2008	TTCM - Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
809	Trương Thị Mỹ Liễu	12	11	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
810	Nguyễn Thị Thanh Liễm	12	11	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
811	Nguyễn Thị Trúc Mai	09	03	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
812	Trương Thị Kim Phúc	31	03	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		B	B		
813	Chung Ngọc Phương Dung	09	01	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
814	Phan Thị Kim Tuyền	17	12	1974	x	01/08/1993	01/10/2005	TTCM - Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + VK 5%	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		A	B		
815	Đặng Thị Thúy	09	09	1972	x	01/09/1990	01-08-2007	TPCM - Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98 + bảo lưu 0,15	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
816	Phan Thị Lan	15	10	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
817	Bùi Thị Thơ	11	04	1974	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
818	Trương Thị Thu Hiền	14	07	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
819	Lê Thị Ánh Tuyết	27	08	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	TCLLCT	GV Tiểu học hạng II		A	B		
820	Trần Thị Thu Hằng	06	07	1986	x	01/09/2007	01/09/2008	TPCM - Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B		
821	Võ Văn Thúc	15	05	1986		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Thể dục Thể thao		GV Tiểu học hạng II		A	B		
822	Trần Thị Thanh	27	09	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	B1		
823	Nguyễn Thị Kim Duy	03	01	1979	x	01/09/2002	01/01/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 1	UBND quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		B	B		
824	Trần Thị Kim Loan	28	12	1970	x	01/09/1990	01/09/1993	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		B	Anh B		
825	Cao Thị Kim Nga	25	08	1977	x	15/08/1998	01/03/2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		B	Anh B		
826	Lê Thị Thanh Hương	09	08	1977	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		B	Anh B		
827	Phạm Thị Kim Thoa	23	09	1978	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		A	Anh A		
828	Nguyễn Thị Tuyết Vân	26	12	1976	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		B	Anh B		
829	Nguyễn Thị Thanh Nhu	06	06	1977	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	15 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		A	Anh A		
830	Nguyễn Ngọc Hà	11	03	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		A	Anh B		
831	Hoàng Anh Sỹ	10	07	1985		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học An Lạc 2	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục thể chất		GVTH hạng II		A	Anh B		
832	Phan Thị Kim Chi	14	6	1977	x	01/09/1998	01/03/2000	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Lạc 3	UBND quận Bình Tân	19 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH hạng II		Cao đẳng	Anh Bậc 3		
833	Trần Thị Hồng Dịu	6	5	1974	x	15/09/1994	01/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 3	UBND quận Bình Tân	14 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GVTH hạng II		B	Anh B		
834	Huỳnh Mỹ Phương	13	4	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 3	UBND quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		A	Anh B		
835	Trang Tấn Lộc	11	6	1986	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Tiểu học An Lạc 3	UBND quận Bình Tân	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		B	Anh B		
836	Đặng Thị Thu Ngân	11	9	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiếng anh	Trường Tiểu học An Lạc 3	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng anh	Trung cấp	GVTH hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
837	Nguyễn Thanh Liêm	5	9	1972		01-09-1990	01-09-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	13 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		A	B		
838	Quách Hoàng Liên Hạ	31	9	1972	x	01-08-1993	01-02-1996	Tổ trưởng K2- Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		A	C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
839	Nguyễn Thị Thùy Loan	6	11	1974	x	14-08-1993	01-05-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
840	Đoàn Tấn Tài	28	10	1970		01-09-1990	01/09/19/92	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng III		B	B		
841	Nguyễn Thị Anh Đào	26	5	1971	x	15-08-1993	01/02/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	21 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Nâng cao	B		
842	Nguyễn Thị Thanh Khuê	6	11	1973	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		A	B		
843	Phan Thị Kim Thoa	16	10	1971	x	01-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng III		A	B		
844	Ngô Ngọc Sương	25	10	1972	x	23-08-1994	01/04/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		A	B		
845	Phạm Thị Mỹ Liên	2	9	1969	x	01-08-1993	01/05/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		B	B		
846	Nguyễn Đồng Anh	2	1	1975		01-10-1995	01-03-1997	Tổ phó K4- Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
847	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12	7	1975	x	15-09-1995	01-03-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		A	B		
848	Đỗ Thị Hồng Vân	24	9	1974	x	01-09-1994	01-02-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
849	Võ Ngọc Anh Thư	19	4	1976	x	01-09-1994	01-02-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		A	B		
850	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	21	2	1978	x	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		A	B1		
851	Nguyễn Thị Phương Thảo	24	5	1977	x	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
852	Lê Thị Bích Trang	24	9	1974	x	01-10-1998	01-04-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		A	A		
853	Huỳnh Thị Bích Ngọc	8	6	1977	x	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B		
854	Trần Thị Lệ Thanh	30	8	1978	x	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B1		
855	Tô Thị Anh Thư	8	12	1977	x	01-10-1998	01-04-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		B	B		
856	Mai Thị Ngọc Thu	11	8	1978	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	21 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B		
857	Nguyễn Thị Thu Thủy	10	1	1970	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
858	Trần Thị Thanh Hiếu	12	6	1979	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		B	B		
859	Lê Thị Mến	2	12	1985	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B		
860	Phạm Thị Hoàng Yến	20	8	1990	x	01/09/11	01/09/2012	Tổ phó K2 - Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học		GVTH hạng II		CNTT Nâng cao	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
861	Phan Thị Thanh Thê	26	4	1982	x	01-09-2012	01/03/2014	Tổ phó K1 - Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	10 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B1		
862	Nguyễn Thành Nghĩa	03	9	1980		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B		
863	Nguyễn Thị Phương Liên	01	3	1986	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		B	B		
864	Huỳnh Thành Trung	25	11	1988		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		A	B		
865	Trương Thị Phương Oanh	15	12	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		CNTT Cơ bản	B		
866	Thái Thị Hồng Oanh	15	9	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Tổ phó K3 - Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 2	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD Tiểu học	TC	GVTH hạng II		A	B		
867	Đỗ Thị Ngọc Thu	28	3	1970	x	01/09/1994	01-02-1998	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
868	A Thị Thu Trang	7	4	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
869	Bùi Thị Yến Ngọc	15	2	1991	x	01-11-2014	01-11-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
870	Đặng Thị Thủy Dung	23	6	1987	x	01-11-2014	01-11-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
871	Đào Thị Thúy	14	12	1990	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
872	Đinh Thị Mỹ Hạnh	5	10	1991	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A		
873	Huỳnh Minh Thuần	3	10	1978		01-09-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A		
874	Huỳnh Thị Bích Thủy	11	1	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
875	Huỳnh Trang Như Thủy	29	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
876	Lại Kim Tuyết	22	3	1968	x	07-10-1994	05-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,2	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A		
877	Lâm Thị Thanh Thủy	1	9	1990	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
878	Lê Thị Bích Liên	6	11	1987	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
879	Lê Thị Huệ	26	6	1988	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
880	Lê Văn Ngọc	17	12	1987		01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Thể chất		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
881	Mã Như Lệ	9	1	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
882	Ngô Thị Ánh	9	12	1973	x	14/08/1993	01-02-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
883	Ngô Thúy Hạnh	10	1	1974	x	01/08/1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
884	Nguyễn Hoàng Thắm	12	6	1989	x	01-11-2014	01-11-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
885	Nguyễn Hoàng Yển	23	3	1989	x	15/08/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
886	Nguyễn Tấn Thành	25	12	1967		21/08/1986	01-06-1988	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	38 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,3	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
887	Nguyễn Thanh Thủy	10	5	1976	x	01/09/1995	01-04-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	27 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
888	Nguyễn Thị Bảo Trâm	26	11	1990	x	11/08/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
889	Nguyễn Thị Hương	5	1	1990	x	01/08/2014	01-10-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
890	Nguyễn Thị Hương	10	10	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
891	Nguyễn Thị Mai	8	6	1988	x	01/11/2014	01-11-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
892	Nguyễn Thị Phương	14	9	1987	x	11/08/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - VIỆT NAM HỌC		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
893	Nguyễn Thị Thanh Thủy	7	4	1978	x	08-12-1999	01-06-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	24 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
894	Nguyễn Thị Thoa	25	2	1979	x	01/02/2000	01-08-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm thể dục		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
895	Nguyễn Thị Thương	10	10	1971	x	01/11/2008	01-05-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
896	Nguyễn Thị Thủy	10	7	1987	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm thể dục		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
897	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	4	4	1988		01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Cao đẳng	Anh B		
898	Nguyễn Văn Phúc	17	2	1985		01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Thể chất		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
899	Phạm Thị Hồng Nhi	3	6	1990	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
900	Phạm Thị Lệ Hằng	1	12	1987	x	15/08/2011	01-08-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
901	Phạm Văn Tươi	15	1	1968		15/08/2011	01-08-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15	Đại học - Sư phạm mỹ thuật		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A		
902	Phan Thanh Hải	7	4	1979	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
903	Phan Thị Tuyết Dung	18	7	1974	x	02/08/1998	01-08-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	25 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
904	Tô Kim Nga	23	8	1987	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A		
905	Trần Minh Hùng	25	9	1984		01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh A		
906	Trần Ngọc Yến Linh	14	8	1990	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
907	Trần Thị Bích Tuyền	6	5	1989	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
908	Trần Thị Hồng Nữ	8	3	1986	x	15/08/2011	01-08-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
909	Trần Thị Lân	11	3	1984	x	15/08/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh A2		
910	Trần Thị Ngọc Phương	30	3	1977	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
911	Trần Thị Phương Thảo	12	11	1990	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh B		
912	Trịnh Thị Thu Thủy	8	5	1991	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		A	Anh A2		
913	Trương Thị Thùy Hương	2	1	1982	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
914	Tử Thị Ngọc Châu	23	3	1990	x	15/08/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		B	Anh B		
915	Võ Thị Ngọc Trâm	22	1	1987	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị 1	UBND quận Bình Tân	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
916	Nguyễn Trọng Hiếu	20	7	1983		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên - Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,34	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GVTH hạng III		A	B		
917	Võ Thị Hồng Lan	23	10	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng III		UDCNTT CB	B		
918	Lại Thị Phương Thảo	29	10	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III		UDCNTT CB	B		
919	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8	6	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		B	B		
920	Trần Thị Thu An	8	7	1988	x	01/09/2010	01/01/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		B	A2		
921	Phạm Thanh Tiến	26	8	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
922	Ngô Quốc Thành	15	12	1983		01/11/2008	01-05-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	10 năm 09 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GVTH hạng III		Trung cấp	B		
923	Phạm Xuân Hoàng	27	5	1973		01/08/1994	01/08/1996	Giáo viên - Chủ tịch công đoàn	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND quận Bình Tân	17 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		A	B		
924	Trần Thị Hồng Gấm	21	5	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Công Phép	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học giáo dục tiểu học	Trung cấp lý luận chính trị	GV TH hạng II, GV TH hạng III		B	Anh B		
925	Ngô Thị Ngọc Dung	10	4	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Công Phép	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		THƯỞ B	Anh B		
926	Trương Thị Kim Đồng	25	2	1974	x	01/08/1993	01/08/2007	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường tiểu học Lê Công Phép	UBND quận Bình Tân	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
927	Ngô Hoàng Thị Phương Thảo	16	8	1972	x	01/09/1994	01/01/2008	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Công Phép	UBND quận Bình Tân	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học giáo dục tiểu học		CDNN hạng 2		CNTT A	Anh ĐH		
928	Trần Thị Thanh Thủy	08	12	1971	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Hữu Nghĩa	Sở GD&ĐT	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm		GV TH Hạng II		CNTTCB	Anh B1		
929	Lê Thị Bích Liễu	10	12	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Hữu Nghĩa	Sở GD&ĐT	13 năm 06 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B1		
930	Hoàng Thị Tươi	21	04	1984	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	sơ cấp	Hạng III, hạng II.		B	B - Anh Văn		
931	Nguyễn Thị Thế Mỹ	06	02	1984	x	28-08-2008	01-03-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	sơ cấp	Hạng 3, Hạng 2		CNTT CB, B	B - Anh Văn		
932	Vũ Thị Hường	20	07	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	Hạng III, hạng II.		B	B - Anh Văn		
933	Nguyễn Thị Hương Giang	08	05	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	Hạng III, hạng II.		B	CD - Anh Văn		
934	Trần Thị Hồng Minh	18	03	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	Hạng III, hạng II.		UDCNTT CB, B	B - Anh Văn		
935	Hoàng Thị Hà	10	11	1975	x	10-09-1996	01-04-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	19 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	CC Hạng III, hạng II.		A	B - Anh Văn		
936	Lê Văn Liễu	01	02	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	Hạng III, hạng II.		UDCNTT CB	B - Anh Văn		
937	Đặng Văn Công	20	05	1972		01-09-2003	01-01-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	16 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học	Sơ cấp	Hạng III, hạng II.		UDCNTT CB	B - Anh Văn		
938	Ngô Thị Hiền	04	09	1981	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	Hạng II, hạng III		B	B - Anh văn		
939	Nguyễn Đỗ Sao Ly	10	03	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	Hạng II, hạng III		UDCNTT CB	B1 - Anh văn		
940	Nguyễn Thị Kim Long	22	10	1978	x	28-08-1998	01-03-1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	25 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
941	Nguyễn Thanh Tùng	30	9	1981		01-10-2000	01-03-2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
942	Đỗ Thị Hồng Liên	20	5	1988	x	01-08-2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
943	Nguyễn Thị Ngọc Minh	29	6	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
944	Trần Thị Hương	8	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
945	Phạm Đình Phong	18	1	1987		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên GDTC	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học GDTC		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
946	Nguyễn Thị Hiệp	27	4	1982	x	01-01-2004	01-05-2005	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	20 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học GDTH	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
947	Đinh Thị Bằng	8	4	1971	x	01-10-1991	01-04-1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	32 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B		
948	Trần Thị Hồng Điệp	26	6	1980	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học GDTH	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		UDCNT T cơ bản	Anh B1		
949	Nguyễn Thị Tuyết Nga	2	11	1980	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
950	Trần Văn Vĩ	25	11	1982		04-11-2003	05-05-2004	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	20 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
951	Nguyễn Thị Bích Liên	29	5	1977	x	01/03/1999	01/03/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	25 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		THƯD A	Anh B		
952	Nguyễn Văn Quân	1	4	1969		01-04-1969	05-09-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	14 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
953	Nguyễn Thị Thom	11	10	1979	x	01-08-2013	01-02-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
954	Đặng Thị Bích Ngọc	20	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tiếng Anh	Trường tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		GV Tiểu học hạng II		THƯD A	Anh B2		
955	Ngô Nguyễn Hân	16	12	1970		01-08-2013	01/092014	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học Kim Đồng	UBND quận Bình Tân	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học GDTH		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
956	Nguyễn Thị Bích Hương	08	08	1988	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	UDCNTT CƠ BẢN	B1 Tiếng Anh		
957	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	02	04	1988	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm Tiểu học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	Tin học cơ bản	Trình độ B		
958	Lê Thị Ngọc Nhã	04	06	1978	X	01-09-2006	01-03-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Tiểu học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	A, UDCNTT	B1		
959	Nguyễn Thị Ngọc Linh	03	03	1971	X	01/08/1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + bảo lưu 0,15	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II	Chứng chỉ Tổ trưởng chuyên môn	UDCNTT CƠ BẢN	Anh Văn: B1		
960	Nguyễn Thị Hà	21	03	1985	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	không	Giáo viên Tiểu học hạng II	không	UDCNTT CƠ BẢN	B1		
961	Nguyễn Thị Thu Hà	10	06	1974	X	01-10-1994	01-04-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	16 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Không	Giáo viên tiểu học hạng II	Tổ trưởng chuyên môn tiểu học	UDCNTT CƠ BẢN	Anh B1		
962	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25	11	1986	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo viên tiểu học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	Chứng chỉ B	Anh văn: B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
963	Trần Thanh Phụng	29	05	1990	X	15-08-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	11 năm 4 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	CC THUD	Anh văn - B1		
964	Bùi Thị Ngọc Minh	16	10	1979	X	01/09/2007	01/09/2008	Gv nhiều môn (lop 1)	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	ĐH- GD Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	UDCNTT trong dạy học	B1		
965	Nguyễn Thành Trung	19	01	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	12 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Công nghệ thông tin	Không	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp hạng 2	Không	Đại học	B1		
966	Phan Thị Thanh Thảo	23	05	1977	X	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên - Tổ trưởng Tổ 5	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	UDCNTT CƠ BẢN	B1		
967	Lê Hoàng Duy	16	01	1988		01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Tân	UBND quận Bình Tân	12 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học	Không	Giáo viên Tiểu học hạng II	Không	B	B		
968	ĐOÀN THI NGỌC TUYỀN	2	2	1978	X	09-01-2002	03-01-2003	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Thạc sĩ	Trung cấp	GV tiểu học hạng II	Sơ cấp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
969	TRẦN THỊ HUỆ	28	9	1988	X	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
970	HỒ THỊ HÀ	3	9	1990	X	08-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
971	NGUYỄN THỊ NHƯ	6	2	1985	X	15/08/2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
972	NGUYỄN THỊ HẰNG	16	6	1982	X	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
973	NGÔ THỊ THU HIỀN	17	4	1990	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
974	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG	25	4	1991	X	08-02-2013	08-02-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
975	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	2	6	1991	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh A		
976	LÂM KIM NGÂN	17	6	1988	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
977	HỒ THỊ THANH TRANG	5	4	1986	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
978	NGUYỄN THỊ CÚC	26	6	1987	X	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân		GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
979	NGUYỄN QUỐC HUY	2	10	1971		08-01-1998	02-01-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phù Đổng	UBND Quận Bình Tân	24 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân		GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
980	Trần Thị Kim Thu	7	12	1979	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa 1	Sở GD&ĐT	16 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Sài Gòn		GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh A		
981	Ngô Huỳnh Thanh Thư	13	9	1978	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa 1	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Đà Nẵng		GV TH hạng II		UDCNTT A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
982	Lê Thị Uyên Nhi	19	8	1973	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa 1	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Đà Nẵng		GV TH hạng II		UDCNTT A	Anh A		
983	Đỗ Khắc Hậu	8	12	1969		16-08-1989	01-03-1991	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa 1	Sở GD&ĐT	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,3	Đại học sư phạmVinh		GV TH hạng II		UDCNTT A	Anh (C)		
984	Nguyễn Thị Lệ Uyên	13	6	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng Hòa 1	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạmVinh		GV TH hạng III		UDCNTT A	Anh (C)		
985	Chung Thị Kim Xuân	28	6	1978	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Tiếng Anh Cao đẳng		
986	Đặng Phước Lành	10	10	1983		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh A		
987	Đặng Thị Sương	29	12	1977	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
988	Đào Thị Thủy	27	11	1976	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B1		
989	Đinh Thị Hồng Liên	11	12	1979	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh A		
990	Đỗ Thị Thu	8	10	1973	x	25-08-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
991	Lâm Thị Hằng Nga	9	2	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh A		
992	Lê Phương Như	10	4	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		Đại học	Anh B		
993	Lê Thị Luân	18	2	1970	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
994	Lê Thị Ngọc Mỹ	18	1	1977	x	31-12-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
995	Lê Văn Hương	20	9	1978		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
996	Nguyễn Hoa Tranh	3	2	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
997	Nguyễn Hoàng Luân	23	8	1984		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên TH Hạng II		Trung cấp	Anh ĐH		
998	Nguyễn Phi Long	4	8	1981		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Sư phạm thể dục		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
999	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	5	5	1968	x	25-08-2008	24-11-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		
1000	Nguyễn Thị Thúy Mai	27	9	1978	x	01-09-1998	01-06-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
1001	Phạm Thanh Vân	5	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
1002	Trần Thị Thanh Hiền	11	2	1979	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	18 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên TH Hạng II		CNTT nâng cao	Anh A		
1003	Trần Thị Thanh Lịch	26	11	1968	x	05-09-2011	05-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1004	Trương Mỹ Linh	23	3	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
1005	Võ Đức Tấn	10	5	1965		02-10-1985	15-11-1993	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
1006	Võ Thị Hòa	18	4	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1007	Võ Thị Hồng Nhung	13	10	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh A		
1008	Vũ Thị Thu Thanh	12	7	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên TH Hạng II		THUD A	Anh B		
1009	Lê Thị Ánh Nguyệt	18	10	1974	x	01/08/1997	01/02/1999	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	25 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	Hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1010	Đặng Thị Ngọc Hoa	23	1	1972	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	18 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học		Hạng II		A	Tiếng Anh B1		
1011	Nguyễn Trần Hà	11	5	1968		01/11/2008	01/05/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	14 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học		GVTH		A	Tiếng Anh B		
1012	Nguyễn Thị Thanh Trang	25	4	1979	x	01/11/2008	01/05/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	14 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học		Hạng II		A	Tiếng Anh B		
1013	Nguyễn Thị Thanh Nhân	25	8	1988	x	01/10/2009	01/10/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học		Hạng II		A	Tiếng Anh B		
1014	Đổng Thị Kim Pho	20	7	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học		Hạng II		A	Tiếng Anh B1		
1015	Phạm Đình Văn	28	10	1989		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học		Hạng II		A	Tiếng Anh B1		
1016	Lê Giang Tân	20	11	1981		01/09/2004	01/09/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học sư phạm Tiểu học Thạc Sĩ - QLGD	Trung cấp	GVTH hạng II		CNTTNC	Anh Bắc 3		
1017	Nguyễn Thị Long	9	1	1986	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học-sư phạm tiếng Anh		GVTH hạng II		A	Đại học		
1018	Nguyễn Quang Vũ	20	4	1985		30/08/2008	30/08/2009	Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Tiểu học		GVTH hạng II		B	B		
1019	Hoàng Thị Duyên	10	5	1985	x	15/03/2013	15/04/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	10 năm 0 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học-sư phạm tiếng Anh		GVTH hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh IELTS 5.5 (B2 Bắc 4)		
1020	Nguyễn Đình Tam	3	2	1980		01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	20 năm 6 tháng	V07.03.29	3,99	Đại học sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH hạng II		A	B		
1021	Nguyễn Ngọc Lan	25	2	1970	x	15/08/1988	01/04/1991	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	35 năm 8 tháng	V07.03.29	4,98 + 0,25	Đại học sư phạm Tiểu học		GVTH hạng III		A	B		
1022	Đậu Thị Thủy	18	5	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	GV Mỹ thuật	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Mỹ thuật		GV TH hạng II		B	B		
1023	Trần Lê Trứ	20	2	1984		01/04/2009	01/04/2010	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	11 năm 0 tháng	V07.03.29	3,00	Đại học GDTC		GVTH hạng III		A	C		
1024	Lê Phương Anh	30	6	1995	x	01/11/2016	01/5/2017	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Phòng GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V07.03.29	2,67	Đại học Sài Gòn Thạc Sĩ - QLGD		GVTH hạng III		A	B		
1025	Ngô Hoàng Anh	27	6	1987		01-09-2011	01-03-2012	GV Thể dục	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Sở GD&ĐT	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh		GV TH hạng II		A	Tiếng Anh Bắc 3		
1026	Trần Ngọc Đoàn Trinh	22	12	1988	x	15/08/2013	02-01-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1027	Hà Thị Mỹ Hòa	16	1	1983	x	15/08/2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1028	Hồ Ngọc Hằng	4	11	1990	x	11/08/2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1029	Hoàng Thị Huyền	4	10	1987	x	01-09-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		B	Anh B		
1030	Lê Ngọc Hương	4	10	1990	x	01-09-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1031	Nguyễn Thị Kim Anh	28	11	1984	x	02/08/2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1032	Nguyễn Thị Ngọc Thy	23	1	1988	x	02/08/2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1033	Trần Nguyễn Ngọc Hiền	24	12	1989	x	15/08/2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1034	Trương Thị Ngọc Hân	15	7	1991	x	02/08/2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		B	Anh B		
1035	Bùi Thị Ngọc Bích	27	9	1987	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1036	Đào Thị Yến	9	2	1983	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		B	Anh B		
1037	Nguyễn Đức Hà	26	3	1973		17/08/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1038	Nguyễn Lê Hằng	14	12	1987	x	24/08/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		B	Anh B		
1039	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18	11	1988	x	01-09-2009	01-10-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1040	Trần Kim Châu	25	3	1987	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1041	Cao Thị Hòa	1	8	1974	x	04-09-2001	01-12-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1042	Mai Thị Phú Châu	30	10	1977	x	01/08/1996	01-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	18 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1043	Ngô Văn Thanh	20	10	1972		04-09-1997	01-03-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1044	Cao Thị Nhan	15	9	1972	x	09-01-1990	01/09/1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 (BL 0,2)	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1045	Lê Thị Bích Thủy	3	5	1973	x	03/08/1994	01-10-2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1046	Mai Thị Hòp	20	2	1971	x	01/08/1993	01-02-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1047	Mai Thị Lý	20	3	1974	x	01/08/1995	01-10-2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1048	Trang Hoàng Cảnh	18	4	1965		15/8/1987	03-01-1989	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo	UBND quận Bình Tân	15 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98 (BL 0,25)	Đại học Giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng II		A	Anh B		
1049	Dương Hữu Phước	26	6	1990	Nam	01-08-2013	08-08-2014	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Thạc sĩ QLGD Đại học GDTH	Trung cấp	GVTH Hạng II	không	A	Cử nhân		
1050	Phạm Thị Thanh Bình	16	8	1975	Nữ	15-08-1998	01-09-2000	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	26 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD tiểu học	không	GVTH hạng II	Chứng chỉ Quản lý cấp phòng	CNTTCB	Tiếng Anh B1		
1051	Phạm Thanh Thúy	29	5	1978	Nữ	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học GD tiểu học	không	GVTH hạng II	CC QL Cấp phòng	CNTTCB	Anh B1		
1052	Hồ Ngọc Thanh Nhã	21	11	1975	Nữ	15-08-1998	01-01-2000	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	26 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD tiểu học	không	GVTH	Chứng chỉ quản lý cấp phòng	A	Tiếng Anh B1		
1053	Nguyễn Thanh Tịnh	1	3	1979	Nam	01-10-2003	30-05-2008	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	20 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học GD tiểu học	Không	GVTH hạng III	Không	A	B		
1054	Lê Thị Ngọc Ân	29	9	1990	Nữ	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD tiểu học	Không	GVTH Hạng II	Không	A	Tiếng Anh B1		
1055	Nguyễn Thị Lệ Hiền	9	2	1990	Nữ	30-08-2012	30-08-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	11 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GD tiểu học	không	GVTH hạng II	không	A	B		
1056	Nguyễn Thị Kim Liên	11	9	1981	Nữ	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học GD tiểu học	Không	GVTH hạng II	Không	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1057	Nguyễn Thị Hiệp	12	1	1979	Nữ	02-10-2000	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học GD tiểu học	Không	GVTH hạng II	Không	A	A		
1058	Nguyễn Thị Thu Thảo	16	4	1970	Nữ	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	25 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GD tiểu học	Không	GVTH hạng II	Không	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1059	Trần Như Thủy	11	8	1977	Nữ	15-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	25 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	CC QL Cấp phòng	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1060	Trần Vũ Phong	26	10	1978	Nam	01-09-2005	27-03-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học GD tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II	Không	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1061	Phan Thị Ngọc Định	18	2	1972	Nữ	01-09-1993	01-03-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Tạo A	UBND Quận Bình Tân	31 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học GD tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	CC QL Cấp phòng	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1062	Hồ Bùi Thu Phương	8	12	1976	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Long	UBND quận	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1063	Bùi Thị Thêm	5	7	1979	x	01-04-1997	01-10-1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Long	UBND quận	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1064	Nguyễn Huỳnh Thị Lệ	1	12	1968	X	01/09/1990	01/10/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,20	Đại học- Giáo dục tiểu học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp chính trị	GV Tiểu học hạng III, hạng II	Lãnh đạo cấp Phòng; Chuyên viên	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh B1		
1065	Tào Thị Diễm Phúc	3	8	1980	X	01/11/2008	01/11/2009	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục tiểu học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, hạng II	Lãnh đạo cấp Phòng; Chuyên viên	UDCNT T nâng cao	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1066	Trương Thị Kim Anh	3	2	1968	X	01/11/1989	01/04/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	15 năm 00 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,25	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1067	Đỗ Thị Hương	9	12	1968	X	15/08/1986	01/04/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	15 năm 00 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,25	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1068	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	13	12	1976	X	01/09/1998	01/04/2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	16 năm 00 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1069	Nguyễn Anh Tuấn	1	7	1971		01/01/1994	01/10/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + VK 5%	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B		
1070	Bùi Thị Minh	10	10	1985	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B		
1071	Lê Xuân Hùng	14	11	1975		01/08/1996	01/08/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	A Tin học	Tiếng Anh B		
1072	Phan Thị Quy	16	2	1987	X	01/11/2010	01/11/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	12 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	B Tin học	Tiếng Anh B		
1073	Nguyễn Đăng Giao	3	6	1972		01/03/1993	01/10/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + VK 5%	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	A Tin học	Tiếng Anh A		
1074	Trương Thị Dện	20	11	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1075	Đặng Thị Ngọc Anh	26	01	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục tiểu học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	B Tin học	Tiếng Anh B1		
1076	Hồ Thị Ngọc Thảo	05	06	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	A Tin học	Tiếng Anh B		
1077	Nguyễn Ngọc Lung	15	10	1970	x	01/11/2014	01/12/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1078	Nguyễn Thị Ninh	09	12	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNT T năng cao	Tiếng Anh B1		
1079	Phan Thị Bích Hạnh	06	06	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1080	Nguyễn Thị Liễu	25	06	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	A Tin học	Tiếng Anh B1		
1081	Lê Thị Nga	09	05	1971	x	01/09/2005	01/04/2009	Giáo viên	Trường tiểu học Ngô Quyền	UBND quận Bình Tân	15 năm 00 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	/	GV Tiểu học hạng III, hạng II	/	A Tin học	Tiếng Anh B1		
1082	Đinh Thị Nường	12	5	1977	x	09-01-1998	03-01-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học Thạc Sĩ - quản lý	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B1		
1083	Nguyễn Lê Tuyết Hân	1	9	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1084	Bùi Thị Hải Yến	13	7	1976	x	09-01-2005	03-01-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	14 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1085	Lưu Thanh Hào	14	2	1989		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Thể dục	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm TDTT		GV TH hạng II		B	Anh B		
1086	Nguyễn Lưu Bình	17	3	1975		1/9/2003	03-01-2004	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	14 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1087	Nguyễn Kỳ Hậu	26	2	1988		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm TDTT		GV TH hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1088	Huỳnh Thị Bích Thuận	23	4	1986	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh B		
1089	Lê Khánh Huyền	12	6	1986	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh B		
1090	Vũ Thị Hào	5	3	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1091	Chung Thị Thanh Thảo	30	9	1979	x	09-01-2000	03-01-2001	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	17 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		CNTT NC	Anh B1		
1092	Lê Thị Ngọc Thắm	6	1	1969	x	25/7/1989	1/3/1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thuận	UBND Quận Bình Tân	12 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1093	Võ Thị Tuyết Nhung	12	10	1971	x	01-09-1993	01-02-1995	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15	Đại học - sư phạm GDTH		GVTH hạng 2		UDCNTT CB	B		
1094	Lê Thị Cẩm Hồng	03	01	1989	x	01/08/2013	01/08/2024	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH	Trung cấp	GVTH hạng 2		UDCNTT CB	B		
1095	ĐinhThị Thơ	04	01	1992	x	10/10/2013	01/08/2014	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH	Trung cấp	GVTH hạng 2		UDCNTT CB	B		
1096	Phan Thị Hồng Ngọc	28	05	1985	x	01/08/2013	01/08/2014	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH	Trung cấp	GVTH hạng 2		UDCNTT CB	B		
1097	Trần Duy Quang	11	11	1986		01/08/2013	01/08/2014	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH		GVTH hạng 2		Trung cấp	B		
1098	Lê Anh Thơ	07	01	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	GV dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	12 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GVTH hạng 2		A	B		
1099	Nguyễn Minh Phong	13	06	1987		01/08/2013	01/08/2014	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH	Trung cấp	GVTH hạng 2		UDCNTT CB	B		
1100	Nguyễn Thanh Hằng	11	07	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	GV dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - sư phạm GDTH	Trung cấp	GVTH hạng 2		B	B		
1101	Lê Thị Thanh Thủy	24	4	1977	x	01/10/1998	01/04/2000	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	18 năm, 0 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp	CNTTNC	Anh Bắc 3		
1102	Võ Thị Kim Tiền	18	12	1983	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bắc 3		
1103	Hồ Thị Mười	15	3	1978	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp	UDCNTT CB	Anh Bắc 2		
1104	Võ Văn Yên	19	7	1985		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bắc 3		
1105	Lê Văn Thống	15	8	1985		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	11 năm, 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Thể dục	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bắc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1106	Lê Huỳnh My	14	3	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	11 năm, 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
1107	Lê Tuấn Anh	31	3	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		Cao đẳng	Anh Bậc 3		
1108	Trần Thị Thúy An	28	8	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	11 năm, 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		A	Anh Bậc 3		
1109	Huỳnh Thị Ánh Thu	23	9	1977	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1110	Nguyễn Thị Tú Kiều	12	10	1983	x	01/08/2014	01/11/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1111	Giáp Thị Hoa Trinh	9	10	1982	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1112	Võ Thị Hoàng Oanh	27	12	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 2		
1113	Phạm Thị Khánh Ly	6	11	1979	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1114	Lại Ngọc Bích Thảo	5	12	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm, 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
1115	Phạm Thị Phương	21	8	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm, 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		GV TH hạng II		A	Anh Bậc 2		
1116	Phạm Thị Thanh Vân	26	11	1979	x	01/10/2000	01/05/2001	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	17 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1117	Mai Thị Huyền Trang	28	12	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm, 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 2		
1118	Lê Thị Chuyên	29	9	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	9 năm, 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc		GV TH hạng II		B	Anh Bậc 2		
1119	Nguyễn Thị Loan	15	3	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Trọng Tấn	UBND Quận Bình Tân	11 năm, 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị - Hành chính	GV TH hạng II		B	Cao đẳng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1120	Nguyễn Thị Thu Dung	23	10	1978	x	01/09/2003	01/03/2004	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lạc Hồng	UBND quận Bình Tân	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Sư phạm tiểu học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV TH hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	UDCNTT NC	Anh B1		
1121	Nguyễn Văn Thám	2	8	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Lạc Hồng	UBND quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Công nghiệp mỹ thuật		GV TH hạng II		A	Anh B		
1122	Lý Thị Cẩm Thúy	20	6	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Hồng	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	không		
1123	Võ Thế Yên An	18	6	1979	x	01/08/2008	01/03/2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lạc Hồng	UBND quận Bình Tân	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	B1		
1124	Võ Hoàng Nam	20	8	1983		01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lạc Hồng	UBND quận Bình Tân	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học - Sư phạm TĐTT		GV TH hạng II		A	B		
1125	Trần Thị Thủy	10	5	1987	x	01/01/2011	01/12/2019	Giáo viên	Trường Chuyên biệt Bình Tân	UBND quận Bình Tân	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục đặc biệt		Giáo viên Tiểu học hạng 3		A	B		
1126	Phạm Thị Ánh Ngọc	23	7	1987	x	01/9/2012	01/11/2016	Giáo viên	Trường Chuyên biệt Bình Tân	UBND quận Bình Tân	11 năm 01 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học - Giáo dục đặc biệt	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng 3		B	B		
1127	Trần Văn Tấn Lộc	26	7	1988		01-10-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Tô Vĩnh Diện	UBND Quận Bình Thạnh	09 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm		GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh B2		
1128	Trần Thị Kim Chi	02	01	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường TH Tô Vĩnh Diện	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm		GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1129	Nguyễn Thị Thanh Linh	12	11	1980	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường TH Tô Vĩnh Diện	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm		GV TH hạng II		Cao đẳng	Anh B		
1130	Trần Thị Hồng Ngự	23	10	1977	x	01-03-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường TH Tô Vĩnh Diện	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 00 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Sư phạm		GV TH hạng II		CNTT nâng cao			
1131	Nguyễn Bá Thưởng	23	09	1982		01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1132	Trần Thị Thủy Trang	25	05	1987	x	01/09/20210	01-09-2011	Giáo viên	Trường TH Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh A		
1133	Nguyễn Ngọc Duyên	04	09	1973	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Trường TH Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1134	Trần Huỳnh Vĩnh An	24	07	1977	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường TH Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1135	Nguyễn Thụy Bích Trâm	08	10	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1136	Phạm Hữu Dư	20	11	1967		23/09/1985	01/03/1987	Giáo viên	Trường TH Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98+0 ,3501 CL	Đại học- Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	Anh B		
1137	Trần Thuý Thanh Thảo	31	8	1976	x	11/09/1999	01/03/2000	Giáo viên	Trường TH Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học- Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1138	Nguyễn Ngọc Tuyết Phương	21	01	1976	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	Anh B		
1139	Nguyễn Thị Minh Duyên	27	5	1991	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường TH Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3	Đại học- Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		A			
1140	Lê Thị Ngọc Mai	11	10	1977		09-01-1999	01/03/2000	Giáo viên	Trường TH Yên Thế	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1141	Nguyễn Thị Hoàng Linh	24	9	1976	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Ngành giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1142	Nguyễn Thị Kim Hồng	6	12	1976	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân - Ngành giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1143	Nguyễn Đông Khánh Duyên	20	9	1988	x	1/9/2021	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Ngôn ngữ anh		GV TH hạng II		A	Anh ĐH		
1144	Lê Thị Thu Sương	1	5	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Ngôn ngữ anh		GV TH hạng II		B	Anh ĐH		
1145	Võ Thị Thu Thủy	30	4	1976	x	01-08-1996	01-03-1998	Hiệu Trưởng	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục		GV TH hạng III		B	Anh B		
1146	Nguyễn Thị Thúy Kiều	19	9	1977	x	01-08-1997	01-03-1999	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1147	Hoàng Hải Yến	2	6	1978	x	01-09-2000	01-03-2001	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục		GV TH hạng III		A	Anh B		
1148	Lê Thị Hoàng Yến	29	7	1977	x	01-09-1996	01-09-1997	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh B		
1149	Lê Văn Trung	4	11	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Thể chất Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục		GV TH hạng III		B	Anh B		
1150	Phan Thị Bảo Ngọc	18	4	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1151	Lê Nguyễn Thủy Vi	26	3	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh B		
1152	Ao Thanh Ngọc	22	3	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh B		
1153	Đặng Thanh Trúc	13	9	1977	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1154	Nguyễn Thị Kim Hồng	21	4	1979	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1155	Vũ Thị Thanh Hương	13	2	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1156	Phạm Thị Thanh	12	4	1972	x	01-08-1996	01-03-1998	Giáo Viên	Trường TH Bế Văn Đàn	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1157	Lưu Thị Cẩm Hằng	10	12	1972	x	05/8/1996	27/2/1998	Giáo viên	Trường TH Trần Quang Vinh	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm	V07.03.29	4,65	Đại học- Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1158	Nguyễn Ánh Phụng	28	10	1985	x	01-10-2007	01-10-2008	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1159	Lê Thị Chiến	30	8	1986	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Mĩ thuật	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1160	Hồ Thị Phương Anh	28	1	1986	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1161	Đoàn Ngọc Bảo Châu	29	8	1976	x	01/08/1996	01/08/1998	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1162	Lê Thị Như Ý	14	9	1971	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	28 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+0,15	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1163	Nguyễn Thị Thu Hương	15	1	1974	x	01-08-1994	01-02-1996	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	28 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1164	Nguyễn Thị Thanh Ngọc Nga	11	8	1973	x	01-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1165	Nguyễn Xuân Đài	15	4	1977		12-01-1998	07-01-2007	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		Chứng chỉ IC3	Anh B		
1166	Trần Thị Thu An	14	2	1978	x	01-11-2000	01-03-2009	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1167	Đỗ Thị Thu Thảo	14	9	1975	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	28 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	B		
1168	Châu Thanh Hà	27	5	1970	x	15/09/1995	01/03/1997	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	34 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh A		
1169	Trần Mỹ Hòa	28	9	1969		15/08/1988	15/08/1989	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+0,25	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1170	Lương Nguyễn Nhật Hiền	5	9	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường TH Bình Hòa	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm	V.07.03.29	3,03	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B2		
1171	Trần Thị Như Diễm	24	9	1986	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên	Trường TH Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 06 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học		GV THCS hạng II		B	B		
1172	Nguyễn Thị Bích Trâm	08	5	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh C		
1173	Tăng Cẩm Xuyên	19	9	1987	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1174	Nguyễn Thị Thanh Xuân	09	6	1979	x	01-09-2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		B	Anh B		
1175	Phạm Thị Kiều Linh	08	7	1973	x	01/09/1994	01/03/1995	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	29 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1176	Nguyễn Thanh Nhã	20	12	1975		01/10/1996	01/03/1997	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1177	Trần Thị Kim Mai	29	5	1975	x	01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1178	Phạm Thị Thu Thảo	07	12	1981	x	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	UBND Quận Bình Thạnh	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Đại Học -Sư phạm tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1179	Lê Trần Duyên Trang	30	10	1970	x	13/09/1997	01/02/1999	Giáo viên	Trường TH Lê Đình Chinh	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 04 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh A		
1180	Lê Thị Minh Trinh	03	08	1972	X	01-08-1992	01-03-1994	Giáo viên	Trường TH Hồng Hà	UBND Quận Bình Thạnh	30 năm 01 tháng	V.07.03.08	4,98+5 %	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh A		
1181	Son Hà	15	04	1976	X	21-08-1997	01-02-1999	Giáo viên	Trường TH Hồng Hà	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 02 tháng	V.07.03.08	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh A2		
1182	Nguyễn Thị Thúy Lan	20	12	1969	X	21-08-1997	01-02-1999	Giáo viên	Trường TH Hồng Hà	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 02 tháng	V.07.03.08	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B1		
1183	Trần Phương Trang	17	9	1971	x	01/08/1992	01/02/1994	Giáo viên	Trường TH Phú Đồng	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 06 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	TC	A	B		
1184	Mai Quang Khải	16	5	1971		01/08/1993	01/02/1995	Giáo viên	Trường TH Phú Đồng	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 06 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1185	Huỳnh Vũ Việt	5	4	1974		01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường TH Phú Đồng	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	TC	A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1186	Trần Phương Cầu	13	5	1978	x	01/12/1998	01/03/2002	Giáo viên	Trường TH Phú Đồng	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1187	Mai Quỳnh Phương Tiên	02	07	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường TH Phú Đồng	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm Anh		GV TH hạng II		A	B		
1188	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	22	5	1970	x	22-09-1995	01-07-2007	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Trọng Tuyển	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	B		
1189	Hồ Thị Ánh Xuân	2	11	1970	x	01-09-1991	01-11-2009	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Trọng Tuyển	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	B		
1190	Trương Ngọc Thời	15	5	1966		26-08-1986	01-07-2007	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Trọng Tuyển	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	B		
1191	Nguyễn Minh Ngọc	1	4	1992	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Trọng Tuyển	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm mỹ thuật	Sơ cấp	GV TH hạng III		A	B		
1192	Phan Thị Tuyết Ngọc	06	02	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Bạch Đằng	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 6 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1193	Nguyễn Thùy Linh	30	05	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Trường TH Bạch Đằng	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 6 tháng	V.07.02.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II	Chứng chỉ QLNN	B	Anh B		
1194	Tô Thị Thương	02	02	1982	x	01/09/2003	01/09/2005	Giáo viên	Trường TH Bạch Đằng	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 6 tháng	V.07.02.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1195	Nguyễn Thị Phương Anh	22	02	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Bạch Đằng	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 6 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1196	Trần Ngọc Quỳnh	05	01	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường TH Bạch Đằng	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1197	Nguyễn Thị Đoàn Trang	30	10	1971	x	01/08/1992	01/03/1994	Hiệu trưởng	Trường TH Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Trung cấp	A	Anh B1		
1198	Huỳnh Thị Thu Hoàng	24	4	1978	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường TH Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm	V.07.03.29	3.99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	B		
1199	Trần Thị Thủy Phương	19	05	1970	x	01/08/1992	01/07/1994	Hiệu trưởng	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 06 tháng	V.07.03.29	4.98+0 .2	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1200	Nguyễn Thị Kim Thủy	03	12	1968	x	01/09/1989	01/05/1992	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 05 tháng	V.07.03.29	4.98+0 .25	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B1		
1201	Trương Hồng Khánh	27	07	1969	x	01/08/1989	01/09/1992	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 05 tháng	V.07.03.29	4.98+0 .25	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1202	Trần Thị Phương Thảo	24	02	1973	x	01/09/1993	01/03/1995	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98+0,15	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1203	Lê Thị Thanh Xuân	12	10	1973	x	01/08/1994	01/02/1996	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 05 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1204	Phạm Hoàng Phố	11	01	1972	x	01/08/1994	01/02/1996	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 05 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh B		
1205	Nguyễn Thị Lại	30	06	1970	x	01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1206	Trần Hồng Thảo Uyên	12	02	1978	x	01/12/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 05 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh A		
1207	Huỳnh Thị Nhật Linh	13	06	1978	x	01/09/2002	01/09/2005	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 07 tháng	V.07.02.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1208	Tô Ngọc Diễm	25	10	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1209	Võ Trường Giang	13	06	1978		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,33	Cử nhân SP Anh		GV TH hạng II		A	HSK2		
1210	Hà Thị Hồng Vân	26	06	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 07 tháng	V.07.02.29	3,33	Cử nhân SP Anh		GV TH hạng II		A	Anh ĐH		
1211	Nguyễn Thị Ánh	19	10	1980	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1212	Võ Minh Trí	17	06	1982		09/2008	01/09/2008	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 08 tháng	V.07.03.08	3,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	Anh A		
1213	Nguyễn Thu Hà	12	07	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường TH Tầm Vu	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 08 tháng	V.07.03.08	3,03	Cử nhân SP Anh		GV TH hạng II		A	Anh ĐH		
1214	Lâm Thanh Bình	9	1	1973		01-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	30 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1215	Vũ Thị Cảnh	10	1	1975	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1216	Trần Thị Minh	20	5	1975	x	29-08-1996	01-09-1997	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1217	Trần Thanh Thảo	28	11	1976	x	01-08-1996	01-08-1998	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1218	Phùng Thị Kim Ngọc	22	4	1976	x	21-08-1997	01-02-1999	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1219	Trần Mai Thảo	26	4	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm 06 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		Cử nhân	B		
1220	Hoàng Xuân Nam	13	8	1979		05-09-2001	01-09-2008	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	22 năm 06 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm Tin học		GV TH hạng III		Cử nhân	Anh A		
1221	Mai Hoàng Ân	24	4	1980		01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm 06 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1222	Hoàng Thị Hằng	6	3	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 06 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục thể chất		GV TH hạng II		B	B		
1223	Lê Nguyễn Thủy Tiên	3	1	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1224	Đào Thị Hải Lương	21	10	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
1225	Hà Thị Hồng Nhung	20	6	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường TH Chu Văn An	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		A	B		
1226	Trần Thị Tường Vân	07	02	1970	x	01-11-1992	01-11-1994	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	29 năm 5 tháng	V.07.02.29	4,98+5 %	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B1		
1227	Đào Thụy Nhật Loan	04	07	1975	x	01-11-1995	01-11-1997	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 5 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B1		
1228	Trần Đỗ Quỳnh Dung	31	12	1977	x	01-11-1998	01-11-1999	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 5 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B1		
1229	Nguyễn Thị Bích Nga	6	11	1976	x	01-07-1997	01-07-1999	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 9 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B1		
1230	Đào Duy Luận	04	07	1973		01-11-1994	01-11-1997	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	26 năm 5 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1231	Huỳnh Thị Kiều Hương	03	08	1973	x	01-11-1998	01-11-2000	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	23 năm 5 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B1		
1232	Cung Phúc Toàn	01	02	1973		01-03-1993	01-03-1995	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	29 năm 1 tháng	V.07.02.29	4,98+0 ,15	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B1		
1233	Đỗ Thị Ngọc Diệp	22	03	1973	x	01-07-1994	01-07-1996	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 9 tháng	V.07.02.29	4,98	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1234	Ngô Thúy Hạnh	14	04	1973	x	01-10-1994	01-10-1996	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 6 tháng	V.07.02.29	4,98	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1235	Nguyễn Kim Hoàng Nam	18	09	1974		01-10-1997	01-10-1999	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 6 tháng	V.07.02.29	4,32	Đại Học - Sư phạm	sơ cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1236	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08	11	1978	x	01-07-1999	01-07-2000	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	23 năm 9 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1237	Nguyễn Thị Diên	14	08	1974	x	01-07-2000	01-07-2001	Giáo viên	Trường TH Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	22 năm 9 tháng	V.07.02.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1238	Diệp Thị Ngọc Tiên	20	6	1975	Nữ	01/09/1993	01/03/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	30 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chứng chỉ	CNTT cơ bản	Anh B1		
1239	Nguyễn Thị Kim Ngân	24	2	1992	Nữ	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II	Chứng chỉ	CNTT cơ bản	B		
1240	Đỗ Thị Minh Thuận	25	10	1973	Nữ	01/08/1994	01/08/1995	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	29 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
1241	Mai Thị Ánh Nguyệt	22	11	1977	Nữ	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chứng chỉ	CNTT cơ bản	Cao đẳng		
1242	Bùi Thị Hào	08	2	1976	Nữ	01/09/1996	01/03/1998	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	B		
1243	Nguyễn Ngọc Quan	25	11	1981	Nam	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II			B		
1244	Vũ Quang Hữu	20	04	1972	Nam	01-08-1992	01-03-1994	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	31 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	B		
1245	Hà Thị Thơm	01	11	1980	Nữ	01/10/2001	01/04/2002	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	B		
1246	Trần Quang Hưng	27	12	1969	Nam	01/08/1988	01-04-1990	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	35 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	Anh A		
1247	Đoàn Thùy Dương	10	06	1990	Nữ	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường TH Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh A		
1248	Đinh Thị Hồng Nga	6	2	1980		01-10-2007	01-10-2007	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II, III		Ứng dụng	Anh B		
1249	Nguyễn Thị Ngọc Quế	20	3	1974	X	01/09/2001	01/03/2022	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32 ⁴	Đại học sư phạm		Giáo viên TH hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1250	Nguyễn Thị Thanh Vân	14	4	1973	X	01/09/1994	01/10/1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 đ	Đại học sư phạm		Giáo viên TH hạng III		B	Anh B		
1251	Đỗ Minh Phúc	31	10	1989		01/09/2013	01/10/2015	Giáo viên tiếng anh	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33 đ	Đại học/ ngôn ngữ anh		Giáo viên TH hạng II		A	Pháp B		
1252	Nguyễn Thị Ngọc Dung	29	8	1978	X	01/08/1998	01/01/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65 đ	Đại học sư phạm		Giáo viên TH hạng II		B	Anh B		
1253	Trịnh Thị Thu Trang	15	9	1992	X	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33 đ	Đại học sư phạm		Giáo viên TH hạng II		A	Anh B		
1254	Trần Thị Thủy Dương	2	3	1979	X	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66 đ	Đại học sư phạm		Giáo viên TH hạng II		B	Anh CĐ		
1255	Phạm Đức Thanh Thủy	7	8	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Hanh Thông	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1256	Hoàng Văn Hậu	2	7	1981		01-09-2007	01-09-2010	Giáo viên Âm nhạc -TPT	Trường Tiểu học Hanh Thông	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học SP Âm nhạc	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1257	Phan Văn Đường	10	9	1987		01-09-2009	04-06-2013	Giáo viên mỹ thuật	Trường Tiểu học Hanh Thông	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học SP mỹ thuật	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1258	Lê Trần Ngọc Hoa	16	10	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Hanh Thông	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1259	Ngô Lê Bảo Ngọc	16	4	1993	x	01-09-2014	01-05-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		
1260	Nguyễn Vương Bích Ngọc	22	4	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		
1261	Trần Lê Khánh Lộc	19	2	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		
1262	Nguyễn Thị Thúy Hằng	31	10	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm9 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		
1263	Phan Thị Thủy Trang	3	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm9 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Sơ Cấp	GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		
1264	Nguyễn Thị Trang Đài	3	12	1974	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	28 năm9 tháng	V.07.03.29	5	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng III		CNTTNC	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1265	Lê Thị Nguyệt	1	11	1979	x	01-08-2004	01-02-2010	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCA	Anh văn B		
1266	Nguyễn Phan	20	10	1988		18-08-2010	01-09-2010	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	không	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh văn B		
1267	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23	7	1975	x	01-08-1995	01-02-1996	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	28 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân tiểu học	không	GV TH hạng II		B	Anh văn B		
1268	Trần Thị Hà	30	6	1970	x	01-08-1993	01-10-1994	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	29 năm 7 tháng	V.07.03.29	5,13	Cử nhân tiểu học	không	GV TH hạng II		B	Anh văn B		
1269	Nguyễn Thị Mai Lan	1	4	1973	x	01-08-1994	01-02-1995	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	30 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân tiểu học	không	GV TH hạng II		B	Anh văn B		
1270	Trần Văn Duyên	16	11	1984		01/11/2011	01/11/2012	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 05 tháng	V 07.03.29	3,66	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trung cấp	GVTH hạng III + GVTH hạng II		Thạc sĩ	TOEFL iBT		
1271	Trương Đình Phương	27	10	1972	x	01/08/1996	01/08/2006	Giáo viên Âm Nhạc	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Sư phạm Âm Nhạc		GVTH hạng III		Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh B1		
1272	Nguyễn Thanh Thảo	02	12	1991	X	01/9/2012	01/09/2013	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học; Cử nhân Quản lý giáo dục		Giáo viên Tiểu học Hạng III, Hạng II		CNTT, Chứng chỉ tinh độ A	Tiếng Anh trình độ B		
1273	Đinh Thị Khánh Loan	4	6	1978	x	09-01-2006	09-01-2007	giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	v.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	trung cấp	GVTH		UDCNTT - TIN A	B- AV		
1274	Lý Long Nương	27	1	1989	x	08-01-2011	08-01-2012	Tổ phó- giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Kim Đồng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V07.02.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	TCTT	GVTH hạng II		TH A và UDCNTT	B		
1275	Lê Thị Diệp	12	11	1989	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên Tiểu học hạng III (Nhiều môn)	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN Hạng III		A	B		
1276	Phạm Hoài Khánh Vy	26	12	1989	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên Tiểu học hạng III (Nhiều môn)	Trường Tiểu học Chi Lăng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm	V,07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN Hạng III		A	B		
1277	Bùi Thị Chung	24	8	1988	X	01-09-2014	01-09-2014	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 7 tháng	V07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Bồi dưỡng CDNN Hạng III		B	B		
1278	Trịnh Thị Định	15	8	1980	x	04-09-2001	04-09-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	22 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III, II		B	Tiếng Anh B		
1279	Trần Thị Thủy	27	6	1972	x	01-09-1994	01-03-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1280	Ngô Phạm Anh Trang	8	1	1971	x	16-9-1996	01-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1281	Nguyễn Thị Phương Lan	27	5	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1282	Nguyễn Đăng Hồng Duyên	22	6	1979	x	01-01-2002	01-08-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	21 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.32	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1283	Nguyễn Thị Kim Phương	14	7	1980	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	20 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.99	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1284	Phạm Thị Ngọc Nữ	25	5	1973	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.99	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1285	Hồ Thị Bình	28	11	1982	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1286	Nguyễn Hồng Bích	23	8	1984	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1287	Nguyễn Thị Huyền	20	10	1981	x	09-09-2002	01-03-2003	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	21 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.99	Cử nhân sư phạm âm nhạc		GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
1288	Lê Thị Ngọc Thúy	18	12	1978	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1289	Phan Thị Long	11	2	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học An Hội	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V07.03.08	3.34	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật		GV TH hạng II		B	Anh B		
1290	Phạm Nguyễn Lệ Quyên	23	02	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1291	Trần Thị Ngọc Thủy	20	12	1982	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1292	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26	9	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lam Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học		GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1293	Trần Thị Quỳnh Giao	3	3	1971	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	25 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCA	Anh văn B		
1294	Nguyễn Thị Tuấn Anh	2	3	1976	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1295	Nguyễn Xuân Phái	5	4	1976		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên TPT Đội	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1296	Phạm Thị Hậu	28	2	1985	x	1-9-2010	1-9-2011	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng	Tiếng Anh B		
1297	Trần Nguyễn Vũ	20	4	1982		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		A-Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1298	Nguyễn Thị Lan	28	10	1975	x	01-09-1994	01-03-1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1299	Huỳnh Thị Mỹ Anh	26	4	1973	x	05-09-1996	05-03-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1300	Nguyễn Thị Hoài	26	11	1982	x	28-6-2006	27-10-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1301	Lê Thị Thiện	29	8	1975	x	01-09-2001	10/04/2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Hoàn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT A	B		
1302	Phùng Thị Kim Trang	9	6	1979	x	01-09-2003	1-3-2005	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 năm	V.07.03.29	3,99	Đại học		BD CDNN GV Tiểu học Hạng II, III		CNTT cơ bản	Anh B		
1303	Phạm Thị Ngọc Mỹ	17	7	1981	x	01-09-2007	1-9-2008	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	BD CDNN GV Tiểu học Hạng II, III		CNTT cơ bản	Anh B		
1304	Đặng Trung Hậu	25	1	1980		01-09-2002	1-9-2012	Giáo viên dạy Thể dục	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	BD CDNN GV Tiểu học Hạng III		THUĐ B			
1305	Võ Thị Thủy Tiên	19	10	1992	x	1-8-2013	1-8-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học		BD CDNN GV Tiểu học Hạng II, III		CNTT cơ bản	Anh B		
1306	Chu Viễn Hà	12	8	1987	x	01-08-2013	1-8-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học		BD CDNN GV Tiểu học Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1307	Nguyễn Thanh Hùng	02	09	1969		20/08/1991	01/07/2005	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1308	Hoàng Lê Hằng	29	04	1969	x	20/07/1990	01/10/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+ HSCL BL 0,25	Cử nhân Giáo dục tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1309	Nguyễn Thị Thanh Loan	17	05	1983	x	01/09/2005	01/09/2006	TTCM, Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1310	Mai Thị Hiền	20	03	1974	x	01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III		B	Anh CD		
1311	Nguyễn Thị Thu Hà	30	03	1972	x	01/09/1997	01/08/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng III, GV Tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1312	Phó Trang Thảo Nguyễn	1	3	1972	x	16-08-1994	01-07-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học Hạng II		THUĐ B	Anh B		
1313	Vũ Thị Thanh Thủy	21	3	1979	x	01-09-1995	01-09-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1314	Tạ Thị Thanh Tâm	21	5	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học Hạng II		THUĐ B	Anh B2		
1315	Bùi Thị Chúc	9	7	1972	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học Hạng II		THUĐ B	Anh B		
1316	Ấu Đức Tú	02	01	1974	x	08-01-1995	01-11-2022	Giáo viên	Trường TH Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 06 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học Hạng II		THUĐ B	Anh B		
1317	Lê Thanh Tùng	11	01	1972		09-06-1994	01-11-2022	Giáo viên	Trường TH Trần Quang Khải	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN Giáo viên tiểu học					
1318	Dương Thị Xuyên	27	10	1978	X	28-08-2001	01-08-2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		
1319	Lê Thùy Phương Linh	17	3	1981	X	01-09-2004	01-09-2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh trình độ B		
1320	Lê Thị Hồng	12	4	1972	X	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
1321	Ngô Kim Ánh	7	10	1991	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A-UDCNTT	Tiếng Anh trình độ B		
1322	Nguyễn Thị Lan	20	6	1990	X	05-09-2011	05-06-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		
1323	Nguyễn Thị Ngọc Thu	21	9	1978		01-09-1997	01-02-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh trình độ B1		
1324	Vũ Thị Huyền	6	2	1976	x	01-09-1996	01-03-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	25 năm 4 tháng	V.07.03.29	5,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		UDCNT TCB	Anh A2		
1325	Đinh Thị Liên	2	11	1980	x	01-10-2001	01-04-2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	21 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1326	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12	10	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II		Ứng dụng CNTT trong dạy học (IWB)	Tiếng Anh trình độ B		
1327	Hoàng Thị Nguyệt	11	4	1971	X	1-9-1995	01-03-2002	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	5 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học GDĐB	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		B	B		
1328	Vũ Thị Phương Ngọc	10	10	1980	X	1-9-2005	1-9-2007	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học GDĐB	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		A	B		
1329	Phạm Thùy Giang	15	10	1981	X	1-9-2006	01-09-2007	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học GDĐB	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		A	B		
1330	Trần Thị Như Thảo	25	3	1984	X	01-08-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiểu học Hạng III	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học GDĐB	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng III, II		B	B		
1331	Trần Thị Hồng Tươi	03	01	1990	x	01/8/2015	01/6/2016	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục tiểu học	TCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1332	Hoàng Thị Thanh Viên	15	10	1971	x	15/8/1991	15/02/1993	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	31 năm	V.07.03.29	3.99	Đại học Giáo dục tiểu học	SCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1333	Mai Thị Hồng Hạnh	12	8	1970	x	01/9/1991	07/9/1992	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	32 năm	V.07.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	SCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1334	Phạm Thị Thủy Lan	05	7	1976	x	05/9/1997	05/3/1998	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	26 năm	V.07.03.29	4.65	Đại học Giáo dục tiểu học	SCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1335	Nguyễn Thị Thanh Vy	04	11	1976	x	01/8/1997	01/8/1998	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	26 năm	V.07.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	SCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1336	Nguyễn Thị Kim Liên	02	4	1974	x	01/8/1994	01/2/1996	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	28 năm	V.07.03.29	4.98	Đại học Giáo dục tiểu học	SCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1337	Nguyễn Thị Ngọc Châu	15	11	1979	x	01/9/2000	01/9/2001	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	23 năm	V.07.03.29	4.32	Đại học Giáo dục tiểu học	TCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh A2		
1338	Nguyễn Thị Ngọc H	28	8	1974	x	01/92010	01/9/2011	GV tiếng Anh	Trường tiểu học Đồng Ba	UBND quận Phú Nhuận	13 năm	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục tiểu học	TCCT	GV T/H hạng II, III		CNTT nâng cao	Anh B2 Pháp B		
1339	Diệp Thanh Thủy	21	3	1976	x	16/09/1996	16/05/1998	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đặng Văn Ngữ	UBND quận Phú Nhuận	25 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,89	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1340	Nguyễn Thị Thu Thảo	2	1	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đặng Văn Ngữ	UBND quận Phú Nhuận	09 năm	V.07.03.29	3	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		CNTT B	Anh B		
1341	Bùi Thị Bích Hà	28	4	1974	x	01-08-2013	01/02/2014	GV nhiều môn	Trường tiểu học Đặng Văn Ngữ	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng III		CNTT A	Anh B		
1342	Nguyễn Thị Thu Thảo	10	4	1981	x	01-09-2012	01-09-2013	GV Mỹ thuật	Trường tiểu học Đặng Văn Ngữ	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm mỹ thuật	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh C		
1343	Trần Thị Mỹ Hạnh	25	5	1983	x	01/04/2012	01/04/2013	GV Âm nhạc	Trường tiểu học Đặng Văn Ngữ	UBND quận Phú Nhuận	11 năm	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm âm nhạc	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		ứng dụng CNTT nâng cao	Anh C		
1344	Trương Thị Thanh Thủy	18	3	1969	x	01/08/1992	01/07/1994	GV nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	31 năm 3 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1345	Lê Thu Hồng	12	9	1976	x	01-09-2008	02-10-2009	GV nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1346	Nguyễn Lê Thanh Hằng	1	10	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	GV nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH hạng II		B	Anh B		
1347	Trần Thị Tường Vi	20	9	1987	x	09-01-2011	09-01-2012	GV nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1348	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20	12	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	GV nhiều môn	Trường tiểu học Nguyễn Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		Văn phòng	Anh B		
1349	Ta Quang Vũ	09	02	1989		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên Thể dục	Trường tiểu học Trung Nhất	UBND quận Phú Nhuận	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Thể dục Thể thao	Sơ cấp	Hạng II, III	Không	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B		
1350	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25	09	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	GV nhiều môn	Trường tiểu học Trung Nhất	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng II, III	Không	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1351	Nguyễn Bùi Tuyết Oanh	22	05	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	GV nhiều môn	Trường tiểu học Trung Nhất	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng II, III	Không	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1352	Nguyễn Thị Thu Cúc	28	01	1993	x	03/09/2014	01/09/2015	GV nhiều môn	Trường tiểu học Trung Nhất	UBND quận Phú Nhuận	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Hạng III	Không	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1353	Dương Kiều Khanh	20	08	1994	x	01/08/2015	01/08/2016	GV nhiều môn	Trường tiểu học Trung Nhất	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Hạng III	Không	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1354	Trần Thị Kim Tuyền	14	12	1972	x	01/09/2008	01/09/2008	GV nhiều môn	Trường tiểu học Vạn Tường	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II		Tin học trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
1355	Đỗ Thị Năm	11	6	1977	x	20-11-2008	20-11-2008	GV nhiều môn	Trường tiểu học Vạn Tường	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II		Tin học trình độ A	Tiếng Anh trình độ A		
1356	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	6	7	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngọc Thạch	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66+1 1%	ThS Quản lý Giáo dục	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học Cơ bản	Anh Bậc 3		
1357	Đinh Văn Kỳ	21	6	1980		01/9/2010	01/9/2011	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Ngọc Thạch	UBND quận Phú Nhuận	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66+1 2%	Đại học Giáo dục Thể chất	Sơ cấp	GV TH hạng II		Tin học Cơ bản	B Tiếng Anh		
1358	Phạm Thanh Thủy	26	1	1981	x	01/9/2009	01/9/2010	GV tiếng Anh	Trường tiểu học Lê Đình Chính	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Anh	Sơ cấp	GV CDNN Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	-Đại học sư phạm Tiếng Nga - Tiếng Anh B2		
1359	Đoàn Thị Thanh Nhân	04	04	1976	x	01/09/1999	01/03/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	UBND quận Tân Bình	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
1360	Vũ Thị Thanh Phương	17	04	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Sĩ	UBND quận Tân Bình	10 năm	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Cử nhân		
1361	Đinh Văn Hùng	10	8	1984		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Thể dục	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1362	Trần Thanh Bình	29	4	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhất	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Mỹ Thuật	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh C		
1363	Ngô Thị Hồng Nhung	08	8	1980	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	Trường tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	UBND quận Tân Bình	20 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1364	Hoàng Trần Ngọc Linh	20	10	1982	x	01/10/2004	01/09/2005	Giáo viên	Trường tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	UBND quận Tân Bình	18 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản			
1365	Đỗ Thị Thanh Vân	28	10	1979	x	01/09/2007	01/09/2007	Giáo viên	Trường tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền	UBND quận Tân Bình	16 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		UDCNTT	Anh B		
1366	Trần Quang Khải	03	11	1984		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Giã	UBND quận Tân Bình	13 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,34	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung Cấp	GV TH hạng III		Cao đẳng	Anh B		
1367	Phạm Thị Hồng	08	03	1990	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Giã	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,00	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1368	Phạm Mỹ Hạnh	19	8	1984	x	01/10/2008	09/11/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	UBND quận Tân Bình	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV TH Hạng II		A	Anh B		
1369	Trần Thị Ngọc Khánh	28	2	1976	x	01-08-1996	01-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	UBND quận Tân Bình	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Thạc sĩ	Trung cấp	GV TH Hạng III		B	Anh B		
1370	Đào Tuyết Thanh Vân	08	7	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường tiểu học Phạm Văn Hai	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV TH Hạng III, II		B	Anh B1		
1371	Vũ Thị Anh	04	7	1977	x	01/09/1995	01-07-2007	Giáo viên	Trường tiểu học Phạm Văn Hai	UBND quận Tân Bình	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH Hạng III, II		B	Anh B		
1372	Phạm Minh Trang	22	08	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Đa	UBND quận Tân Bình	12 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1373	Nguyễn Thị Tuyết Anh	01	03	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Đa	UBND quận Tân Bình	11 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1374	Trần Thị Lan Chi	19	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Đa	UBND quận Tân Bình	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1375	Đặng Thúy Hòa	12	07	1975	x	01/08/1996	01/03/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Đa	UBND quận Tân Bình	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		A	Anh B		
1376	Lê Thị Kim Loan	23	10	1975		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bánh Ván Trần	UBND quận Tân Bình	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GV TH hạng III		A	Anh B1		
1377	Trần Thị Ngọc Trần	26	2	1982		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bánh Ván Trần	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học CNTT	Trung cấp	GV TH hạng III		Đại học	Anh B		
1378	Dương Thu Ngân	21	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1379	Phan Thị Thúy Nga	13	6	1984	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV TH hạng III		B	Đại học		
1380	Hồ Lê Minh Trí	24	06	1988		01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH Hạng II		A	Anh B		
1381	Lương Thị Thanh Trúc	25	09	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH Hạng II		A	Anh B		
1382	Nguyễn Phương Hằng	28	11	1978	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1383	Nguyễn Thị Minh Trang	16	10	1969	x	01/08/1990	15/08/1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH Hạng II		A	Anh B		
1384	Trần Bình Phương	28	06	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH Hạng II		A	B		
1385	Đỗ Quang Huân	14	07	1986		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV TH Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1386	Lê Trà Giang	02	10	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1387	Bùi Thị Kim Ngân	16	01	1973	x	01/06/1999	01/12/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND quận Tân Bình	19 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Tiếng Anh		GV TH hạng II		A	Trung B		
1388	Phạm Thị Đình	08	09	1975		01/09/1995	01/03/1997	Hiệu trưởng	Trường tiểu học Cách Mạng Tháng Tám	UBND quận Tân Bình	7 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Ngành Giáo dục tiểu học Thạc sĩ Khoa học giáo dục - Chuyên ngành: Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV TH hạng III và hạng II	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh B		
1389	Nguyễn Thị Việt Hà	31	10	1982	x	09-05-2005	09-05-2006	Giáo viên	Trường TiH Cách Mạng Tháng Tám	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III và II		A	Anh B		
1390	Lê Thị Thu Thảo	14	05	1971	x	01/09/1994	01/08/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND quận Tân Bình	18 năm 75 ngày	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Cao đẳng Sư phạm		
1391	Nguyễn Thị Hồng Thắm	06	07	1976	x	01/09/1994	01/11/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND quận Tân Bình	16 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	B		
1392	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09	02	1973	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	UBND quận Tân Bình	12 năm 58 ngày	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	B		
1393	Lục Văn Tân Tiến	01	01	1987		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	UBND quận Tân Bình	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV TH hạng II		UDCNTT	Anh B		
1394	Phạm Văn Hồng Ngọc	17	10	1975	x	01/08/1996	01/03/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	UBND quận Tân Bình	25 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		A	Anh B		
1395	Vũ Dạ Thảo	07	01	1981	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	UBND quận Tân Bình	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1396	Nguyễn Thị Hồng Hà	30	11	1980	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	UBND quận Tân Bình	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
1397	Phạm Thị Nhuận	26	04	1977	x	05/09/1996	01/09/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND quận Tân Bình	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm		GV TH hạng II		A	Anh B		
1398	Đinh Thị Xuân Kiều	11	01	1977	x	01/08/1997	01/06/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND quận Tân Bình	26 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm		GV TH hạng II		A	Anh A		
1399	Nguyễn Thụy Diễm Quyên	16	05	1982	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND quận Tân Bình	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm		GV TH hạng II		B			
1400	Bùi Trúc Vy	24	08	1991	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm		GV TH hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1401	Đinh Thị Hoa	20	11	1981	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Cang	UBND quận Tân Bình	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm/ Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1402	Nguyễn Thị Thu Thảo	28	7	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Cang	UBND quận Tân Bình	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tin học/ Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III			Anh B		
1403	Nguyễn Thị Hoài Thanh	6	3	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Sơn Cang	UBND quận Tân Bình	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm/ Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1404	Lại Thị Mai Thi	13	12	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Trụ	UBND quận Tân Bình	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1405	Đoàn Thị Kim Lệ Thi	19	05	1982	x	01/9/2010	01/3/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Trụ	UBND quận Tân Bình	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	- ĐHSP ngành CNTT - Chứng chỉ NVSP	Trung cấp	GV TH hạng II		Đại học	Anh B		
1406	Đào Xuân Hưng	28	09	1967		01/9/1995	01/3/1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Trụ	UBND quận Tân Bình	13 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chuyên viên	CNTT CB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1407	Nguyễn Huy Cương	03	12	1989		01-10-2012	01-04-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kíp	UBND quận Tân Bình	10 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV TH hạng III		CNTT cơ bản	B		
1408	Dương Thị Ngoan	06	7	1980	x	01/09/2007	31-03-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Kíp	UBND quận Tân Bình	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		A	B		
1409	Nguyễn Thị Loan	27	10	1982	x	01/09/2003	29/09/2004	Giáo viên	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	UBND quận Tân Bình	19 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân (giáo dục tiểu học)	trung cấp	GV TH hạng II, hạng III		B	Anh B1		
1410	Phạm Thị Thu Trang	21	01	1975	x	01/9/2004	01/03/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	UBND quận Tân Bình	19 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		A	Anh B		
1411	Trần Thị Phương	10	07	1988	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	UBND quận Tân Bình	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1412	Trương Thủy Lan	14	06	1974	x	01/12/1998	01/12/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Huy Ích	UBND quận Tân Bình	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng III		A	Anh B		
1413	Trần Mỹ Linh	06	12	1983	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên Tiểu học	Trường Chuyên biệt Bình Minh	UBND quận Tân Phú	8N9T	V.07.03.29	3,33	ĐHSP/Giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		THUD A	Tiếng Anh B		
1414	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	10	10	1993	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên Tiểu học	Trường Chuyên biệt Bình Minh	UBND quận Tân Phú	8N9T	V.07.03.29	3,33	ĐHSP/Giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		THUD B	Tiếng Anh B		
1415	Văng Tuyết Nghi	24	7	1991	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên Tiểu học	Trường Chuyên biệt Bình Minh	UBND quận Tân Phú	8N9T	V.07.03.29	3,00	ĐHSP/Giáo dục đặc biệt	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		THUD A	Tiếng Anh B1		
1416	Tô Ngọc Phương	28	10	1978	x	01-09-2000	01-03-2001	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	23N1T	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		THUD B	Tiếng Anh B		
1417	Lê Hồng Vân	19	5	1982	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	17N7T	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học		THUD B	Tiếng Anh B		
1418	Hoàng Thị Mỹ Diệu	4	5	1972	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học		THUD B	Tiếng Anh B		
1419	Nguyễn Thị Hằng	10	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		THUD B	Tiếng Anh B		
1420	Nguyễn Văn Huệ	22	1	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên tiểu học		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1421	Trương Thị Diệu Loan	24	5	1979	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiếng anh		Giáo viên tiểu học		THUD B	Tiếng Anh ĐH		
1422	Hoàng Thị Tâm	10	4	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	15N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên tiểu học		THUD A	Tiếng Anh B		
1423	Lê Nguyễn Thủy Tiên	17	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học		THUD A	Tiếng Anh A2		
1424	Trương Hiền Hòa	17	6	1984	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Âu Cơ	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.03.29	3,33	Đại học CNTT		Giáo viên tiểu học		Đại học	Tiếng Anh B		
1425	La Thị Thanh Thủy	21	11	1977	x	01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Trung cấp	UD CNTT nâng cao	Tiếng Anh ĐH		
1426	Nguyễn Trọng Ngọc Minh Trúc	26	12	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	14N7T	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II	Trung cấp	THUD B	Tiếng Anh ĐH		
1427	Vô Thị Thanh Hằng	8	10	1982	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1428	Nông Trần Minh	15	10	1991		01-09-2021	01-09-2021	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1429	Hoàng Thị Chung	22	12	1980	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	17N7T	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1430	Lê Thị Bích Trâm	21	1	1989	x	01-08-2011	01-08-2021	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	11N6T	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1431	Võ Nguyễn Ngọc Thuý	17	9	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh	UBND quận Tân Phú	8N8T	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1432	Đỗ Thị Minh Phụng	12	7	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	11N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1433	Hà Thị Hương	3	12	1976	x	01-09-2007	01-03-2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	13N	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B1		
1434	Phan Thị Ngọc Trâm	14	8	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>	ƯD CNTT cơ bản	THƯỞNG B	Tiếng Anh A2		
1435	Lê Thị Hồng Thanh	11	8	1971	x	01-09-1990	01-03-1992	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	32N1T	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1436	Phạm Thị Hoàng Yến	31	12	1975	x	01-08-1996	01-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	14N2T	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1437	Phạm Thị Thanh Huyền	10	7	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	9N4T	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1438	Nguyễn Khắc Thị Lý	14	6	1968	x	20-09-1996	01-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	11N3T	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1439	Nguyễn Thị Lịch	12	9	1970	x	01/09/2007	01-03-2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	12N1T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1440	Lý Minh Phước	16	12	1986		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1441	Trần Thị Tuyết Sang	10	12	1979	x	01-10-2007	01-04-2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	13N	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1442	Võ Thị Hồng Thanh	4	6	1978	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1443	Huỳnh Thị Bích Thủy	31	3	1979	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	15N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1444	Huỳnh Thị Hoa	24	2	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II, III</u>		THƯỞNG A	Tiếng Anh B		
1445	Nguyễn Thị Diễm Chi	4	2	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Duy Tân	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG A	Tiếng Anh B		
1446	Lê Phạm Thủy Tiên	29	9	1993	x	01/08/2014	01/8/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Duy Tân	UBND quận Tân Phú	8N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1447	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	2	9	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Duy Tân	UBND quận Tân Phú	8N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>	ƯD CNTT cơ bản	THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1448	Trần Thu Hằng	11	08	1993	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Duy Tân	UBND Quận Tân Phú	8N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm tiểu học		Giáo viên Tiểu học <u>hạng III</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B2		
1449	Nguyễn Phạm Thủy Trang	25	3	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1450	Ngô Thị Chung	4	5	1978	x	01-10-2008	01-04-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	15N1T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>	ƯD CNTT cơ bản	THƯỞNG B	Tiếng Anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1451	Huỳnh Thị Kim Huệ	26	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1452	Nguyễn Ngọc Xuyên	25	11	1971	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	12N	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1453	Trần Mỹ Hương	30	1	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1454	Nguyễn Thị Doan	23	11	1976	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Hiệp Tân	UBND quận Tân Phú	13N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1455	Nguyễn Thị Thủy Sương	16	4	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hồ Văn Cường	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, hạng III		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1456	Phan Thanh Thủy	15	3	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Hồ Văn Cường	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, hạng III		THƯỞNG A	Tiếng Anh B		
1457	Thần Thị Hoàng Oanh	6	1	1969	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Hồ Văn Cường	UBND quận Tân Phú	13N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, hạng III		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1458	Trịnh Quốc Khánh	05	01	1976		01/09/2009	01/03/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Thánh Tông	UBND quận Tân Phú	13N	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1459	Nguyễn Vương Cẩm Vân	17	05	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thánh Tông	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh ĐH		
1460	Nguyễn Hoàng Ngọc Hương	20	12	1974	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thánh Tông	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1461	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	23	2	1973	x	02-08-1993	01-07-1995	Giáo viên tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND quận Tân Phú	18N6T	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II	Sơ cấp	THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1462	Vũ Thị Thu Nga	22	9	1977	x	10-09-1997	01-01-2000	Giáo viên dạy Thể dục	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	UBND quận Tân Phú	18N6T	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm thể dục		Giáo viên tiểu học hạng II	Trung cấp	THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1463	Nguyễn Hoàng Bích Trang	24	06	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Hoà	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG A	Tiếng Anh B1		
1464	Nguyễn Thị Khanh	10	08	1987	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Hoà	UBND quận Tân Phú	10N7T	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B1		
1465	Lê Thị Thanh Thủy	10	03	1982	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Hoà	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1466	Vũ Thị Minh Trang	23	09	1971	x	15/08/1992	07/11/1994	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Hoà	UBND quận Tân Phú	16N8T	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		THƯỞNG A	Tiếng Anh A		
1467	Huỳnh Chơn Ngân	29	3	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1468	Nguyễn Thị Phương Loan	17	12	1973	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	16N8T	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		ƯD CNTT nâng cao	Tiếng Anh B		
1469	Trần Thị Như An	17	5	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG A	Tiếng Anh B		
1470	Võ Thị Thanh Trúc	1	1	1979	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
1471	Vương Thành Triệu	30	7	1970		01-08-1990	01-08-1992	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	16N8T	V.07.03.29	4,98 VK25 %	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1472	Dương Thảo Phương	30	0'5	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1473	Dương Đan Thủy	14	10	1974		01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	21N2T	V.07.03.29	4,32	Đại học Sư Phạm Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1474	Nguyễn Thành Lượng	21	11	1972		01-08-1994	01-04-1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Hương	UBND quận Tân Phú	16N8T	V.07.03.29	4,98 VK 15%	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1475	Trương Tuyết Thanh	15	6	1983		01/8/2005	01/8/2006	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì	UBND quận Tân Phú	18N8T	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư Phạm Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1476	Lê Văn Hưng	09	03	1987		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		Đại học	Tiếng Anh B		
1477	Quang Thị Thủy Trang	24	8	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Thới	UBND quận Tân Phú	12N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		
1478	Hạp Thị Hà	8	2	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Thới	UBND quận Tân Phú	11N7T	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		
1479	Trần Như Ngọc	10	6	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Thới	UBND quận Tân Phú	9N8T	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		
1480	Phạm Thị Huyền	12	8	1981	x	01-08-2008	01-08-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Thới	UBND quận Tân Phú	16N	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		
1481	Phạm Thị Thêu	09	09	1981	x	09/01/1999	09/01/2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		B	Anh B		
1482	Võ Thị Bích Phượng	09	06	1987	x	01/09/2019	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh B		
1483	Phạm Thị Thu Hằng	27	12	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn (TT2)	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, hạng III		A	Anh B		
1484	Nguyễn Thị Hoàng Minh Tuyền	24	03	1986		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn (UVBCHCD)	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, hạng III		A	Anh B		
1485	Lê Thanh Luận	29	10	1976	x	01/09/2005	01/03/2006	Giáo viên nhiều môn (CTCĐ)	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		UDCNT TCB	Anh B1		
1486	Trần Thanh Trúc	18	04	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh B		
1487	Lê Thị Hoa Chung	19	10	1986	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh B		
1488	Dương Thị Ngọc Hằng	20	01	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II, III		A	Anh B		
1489	Nguyễn Thị Công Thúc	02	11	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1490	Nguyễn Thiện Minh	10	07	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn (TT3)	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II, III		B	Anh B		
1491	Thái Thị Diễm Chi	25	04	1973	x	01/08/1993	01/02/1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II, III		A	Anh B		
1492	Tổng Thị Kim Loan	28	12	1969	x	01/01/1990	01/01/1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 3 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II, III		A	Anh B		
1493	Nguyễn Thị Phương Thảo	28	10	1978	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên dạy tiếng Anh (TT)	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		UDCNT T nâng cao	Anh B2		
1494	Hồ Thị Thùy Linh	31	05	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy tiếng Anh	Trường Tiểu học Bình Hưng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		UDCNT T nâng cao	Đại học tiếng Anh, B tiếng Pháp		
1495	Nguyễn Thị Trân Châu	15	02	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		UDCNTT NC	B		
1496	Nguyễn Hồng Gấm	26	10	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		UDCNTT CB	B		
1497	Trương Thị Thuý Ngân	16	06	1991	x	01/02/2016	01/08/2016	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 8 tháng	V.07.03.29	2.67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học Thạc sĩ Giáo dục học Tiểu học	Sơ cấp	Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1498	Huỳnh Hữu Hiệp	12	09	1965		01/09/1983	01/12/1986	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	38 năm 5 tháng	V.07.03.29	4.98+1 0%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1499	Nguyễn Thị Bửu Phương	15	06	1970	x	15/10/1990	01/09/1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	31 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Cử nhân giáo dục Tiểu học		Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1500	Huỳnh Kim Nờ	13	12	1971	x	'1/8/1993	02-01-1996	TT3- Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân giáo viên Tiểu học		Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1501	Nguyễn Xuân Dung	25	02	1973	x	09/07/1993	05/07/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân giáo dục Tiểu học		Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1502	Nguyễn Thị Thúy An	01	01	1989	x	01/9/2010	01/09/2011	TT5- Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V07.03.29	3.66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1503	Nguyễn Văn Hiếu	10	04	1984		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên TD	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân giáo dục thể chất	Trung cấp	Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1504	Nguyễn Thanh Vũ	30	11	1978		01/10/2009	01/10/2010	TT- Giáo viên TD	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V 07 .03.29	3.66	Cử nhân giáo dục thể chất		Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1505	Trần Thị Hồng Đào	30	04	1984	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân giáo dục Tiểu học		Chức danh NN- GVTH hạng II		Tin học A	Tiếng Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1506	Nguyễn Tấn Sang	13	09	1982		01/09/2012	01/09/2013	TT2- Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân giáo dục Tiểu học		Chức danh NN- GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1507	Huỳnh Thị Kim Chi	06	12	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	GVTH (nhiều môn)	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.05.29	3.33+10%	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV hạng II		CNTTCB	Anh A2		
1508	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	20	06	1974	x	01/08/1993	01/05/1996	GVTH (nhiều môn)	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.98+27%	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV hạng II		CNTTCB	Anh B		
1509	Bùi Thị Nga	03	06	1991	x	01/09/2011	01/03/2012	GVTH (nhiều môn)	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3.33 + 11%	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV hạng II		CNTTCB	Anh A2		
1510	Nguyễn Thanh Nhân	04	02	1985		01/08/2013	01/08/2014	GVTH (nhiều môn)-TTCM	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33 + 0.2%	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTNC	Anh 2/6		
1511	Nguyễn Hoàng Anh Thư	10	10	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	GVTH (nhiều môn)	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.05.29	3.66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV hạng II		CNTTNC	A2		
1512	Lê Thị Thanh Quyên	20	05	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	GVTH (nhiều môn)	Trường Tiểu học Qui Đức	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.05.29	3.33+9%	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV hạng II		CNTTNC	Anh A2		
1513	Phan Thị Dung	12	07	1973	x	01/09/1993	05/07/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 5 tháng	V.07.03.29	4.98+ Bảo lưu 0.15	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	CC bồi dưỡng QLGD và QLNN	UDCNTT NC	Anh B1		
1514	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14	05	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		UDCNTT CB- Chứng chỉ tin học B	Anh B		
1515	Đặng Thị Kim Xuyên	18	06	1973		01/09/1993	01/09/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 5 tháng	V.07.03.29	4.98+ Bảo lưu 0.25	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng III		CNTTCB	Anh B		
1516	Nguyễn Thị Cẩm Vân	07	03	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng III		CCTH Trình độ A	Anh B		
1517	Nguyễn Thị Mỹ Trang	16	02	1982	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1518	Nguyễn Văn Quan	05	11	1967		16/08/1989	01/02/1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 02 tháng	V.07.03.29	4.98+ Bảo lưu 0.2	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng III		CNTTCB	Anh B		
1519	Đặng Thị Thu Hiền	20	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Hưng Long	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân giáo dục tiểu học		GV tiểu học hạng III		CNTTCB	Anh A		
1520	Lại Nguyễn Phương	06	09	1976	x	01/08/1996	01/08/1998	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	19 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1521	Trần Thị Hiền Nhân	06	04	1985	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1522	Nguyễn Thu Vân	11	11	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Tiểu học-Môn Tiếng Anh	Trường TH Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Sư phạm tiếng Anh	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh ĐH		
1523	Nuyễn Thị Kim Cúc	20	09	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1524	Huỳnh Thị Hoàng Yến	17	06	1977	x	12/08/ 1998	1/3/2000	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Tân Quý Tây 3	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 11 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1525	Nguyễn Anh Tuấn	21	08	1976		01-08-1997	01-02-1999	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Tân Quý Tây 3	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1526	Nguyễn Thị Trang	28	03	1978	x	15/9/1999	15/3/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường tiểu học Tân Quý Tây 3	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1527	Phạm Thị Thuý	12	11	1978	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Tân Quý Tây 3	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 11 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1528	Huỳnh Kim Khánh	12	07	1975	x	01/10/1994	01/02/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Chánh	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.98+5 %	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1529	Bùi Thị Hồng Đào	24	06	1983	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Chánh	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1530	Hồ Thanh Trúc	03	09	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Chánh	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1531	Lê Thị Mỹ Chi	19	04	1985	x	01/8/2013	01/02/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Chánh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 2 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		THUD C	Anh B		
1532	Thái Thị Thu Hương	17	06	1991	x	01/8/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Chánh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		THUD B	Anh B		
1533	Trương Thị Chúc Giang	30	11	1987	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo viên Tiểu học hạng II ,III		A	C		
1534	Phạm Thị Thu Hiền	08	12	1971	x	01/09/1990	01-09-1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	UBND huyện Bình Chánh	30 năm 9 tháng	V.07.03.29	05.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo viên Tiểu học hạng II ,III		A	B		
1535	Bùi Hồng Nhung	04	11	1997	x	01/08/1997	01-02-1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	UBND huyện Bình Chánh	23 năm 4 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo viên Tiểu học hạng II ,III		A	B		
1536	Nguyễn Thị Thu	21	11	1978	x	01/10/2002	01-04-2003	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 2 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo viên Tiểu học hạng II ,III		A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1537	Trần Thị Ngân Trang	18	05	1992	x	18/05/1992	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Nhân Tôn	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo viên Tiểu học hạng II, III		A	B		
1538	Phạm Thị Thủy Trang	14	11	1978	x	01-09-2003	01/03/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	20 năm	V.07.03.29	4,27	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	B1		
1539	Lê Thị Tuyết Nhung	30	12	1976	x	01/10/1997	01/4/1999	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	17 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1540	Ngô Hồng Nguyệt Thảo	04	10	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1541	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	28	04	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	A2		
1542	Lương Thị Hồng Loan	01	12	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1543	Trần Thị Mộng Thủy	12	10	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường tiểu học An Phú Tây	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1544	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	09	08	1978	x	01-09-1998	01-03-2000	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	B	Anh B		
1545	Nguyễn Thị Mộng Xuân	14	11	1986	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	A	Anh B		
1546	Nguyễn Ngọc Hải	05	06	1978	x	01-09-1998	01-03-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 1 tháng	V.07.03.29		Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	CNTTCB	Anh B		
1547	Nguyễn Thị Kim Thủy	13	04	1977	x	01-12-2000	01/06/2001	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	23 năm 10 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II, III	không	A, CNTTCB	Anh B		
1548	Lê Thị Phương Dung	24	11	1989	x	01-08-2013	01-02-2015	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 2 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II, III	Không	CNTTCB	Anh B		
1549	Trần Thị Tư	06	09	1976		01-09-1998	01-03-2000	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	A, CNTTCB	Anh B		
1550	Phan Thị Mai	02	09	1983	x	01-09-2007	01/09/2008	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1551	Nguyễn Thị Ngo	23	09	1986	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	UDCNTT CB	Anh B		
1552	Trần Thị Hồng Nga	01	09	1984	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III	Không	A	Anh B		
1553	Huỳnh Kim Thịnh	16	10	1971	x	9/01/1990	01/10/2005	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học Sư phạm Tiểu học	sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1554	Tăng Xuân Thùy	17	08	1980	x	01/9/2001	01/8/2007	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.32	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1555	Thái Thị Ngọc Diệp	23	06	1981	x	01/12/2002	01/9/2005	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1556	Huỳnh Ngọc Thương	19	01	1973	x	01/08/1993	01/4/2009	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	15 năm	V.07.03.29	04.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh A		
1557	Đỗ Thị Kim Loan	28	01	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1558	Võ Thị Thảo	15	02	1984	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		Chứng chỉ B	Anh B		
1559	Lê Thị Thúy Vân	20	03	1985	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1560	Phan Kiều Dạ Yến	26	07	1969	x	01/09/1990	01/10/2005	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 bảo lưu 0,15	Đại Học Sư phạm Tiểu học	sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		Tin học B	Anh B		
1561	Kiều Nguyệt Bạch Liên	01	11	1977	x	01/09/2003	01/6/2010	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 10 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học	sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1562	Huỳnh Tấn Lợi	14	12	1991		01/08/2013	01/8/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm tiểu học		GV Tiểu học Hạng II		Tin học B	Anh B		
1563	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	14	12	1985	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 9 tháng	V.07.03.08	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		Tin học B	Anh B		
1564	Lê Thị Tuyết Linh	23	01	1979	x	01/09/2002	01/8/2007	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		CNTT nâng cao	Anh A		
1565	Phan Hữu Nhân	05	10	1989		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1566	Võ Thị Kim Ngân	28	02	1985	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	đại học sư phạm Sài Gòn-mĩ thuật		GV Tiểu học hạng III		CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1567	Lê Thị Lan	19	12	1986	x	09/01/2011	09/01/2012	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 3 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm GDTC		GV Tiểu học hạng III		CNTTN A	Anh A		
1568	Trương Thị Diệp Trinh	26	05	1992	x	08-01-2013	02/01/2014	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	02.01	Đại học sư phạm âm nhạc		GV Tiểu học hạng III		CNTTCA	Anh B		
1569	Cao Tấn Tài	30	11	1967		15-08-1986	01/8/2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	05.01	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		THUD A	Anh B		
1570	Lê Văn Miên	29	06	1986		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Thể dục	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
1571	Nguyễn Thị Thu An	03	05	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1572	Trương Thị Ánh	03	11	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
1573	Trương Ngọc Yến	12	09	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
1574	Đình Thanh Huệ	21	06	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1575	Phan Kim Minh Nguyệt	21	06	1991	x	01/9/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1576	Mai Thị Phương	03	11	1987	x	01/08/2009	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV tiểu học hạng III		THUD A	Anh B		
1577	Nguyễn Thị Hồng Nga	22	02	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
1578	Ngô Bảo Bình	05	02	1986		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
1579	Phan Hữu Trung Khanh	08	11	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD A	Anh B		
1580	Trần Thị Thúy Vân	25	05	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B1		
1581	Nguyễn Thị Tuyết Dung	11	01	1968	x	14/08/1987	01/03/1991	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD B	Anh B		
1582	Phan Kim Nga	23	01	1979	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1583	Phạm Văn Hùng	06	08	1983		01/03/2008	01/01/2009	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 3 tháng	V.07.03.29	2.67	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng III		THUD B	Anh B		
1584	Nguyễn Thị Kim Phụng	14	04	1975	x	23/7/1996	02/4/1998	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	25 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục Tiểu học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT nâng cao	Trình độ B		
1585	Nguyễn Thị Ngọc Hải	21	02	1976	x	01/8/1997	01/02/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Trình độ B		
1586	Nguyễn Thị Kiều	25	11	1973	x	06/8/1993	22/5/1996	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	26 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Trình độ B		
1587	Lê Thị Ngọc Nữ	27	02	1990	x	1/8/2013	1/8/2014	Giáo viên nhiều môn - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III, hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1588	Nguyễn Thị Thúy Hồng	09	02	1989	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1589	Trần Thị Thu Vân	16	10	1968	x	1/9/1990	1/9/1994	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	29 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98 VK	Đại học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1590	Dương Thiệu Hà	01	09	1982		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Giáo Dục Thể Chất	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử Nhân Giáo Dục Thể Chất	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1591	Nguyễn Thanh Trung	06	11	1973		9/9/1993	1/3/1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Nhựt 6	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử Nhân Giáo Dục Tiểu Học. (Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học)	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không có	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		
1592	Trần Thị Thanh Thúy	22	03	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V. 07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1593	Nguyễn Thị Yến Ngọc	10	10	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1594	Ngô Thị Thu Ngân	19	02	1982	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1595	Nguyễn Thị Bích Tuyền	06	09	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V. 07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1596	Phan Thị Thanh Trúc	09	10	1987	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V. 07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1597	Huỳnh Thị Kim Loan	18	03	1980	x	01/09/2007	01/09/2007	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3.66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh Bậc 2		
1598	Phan Thị Thảo	11	01	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3.66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1599	Đoàn Thị Ngọc	15	07	1970	x	01/09/1990	01/01/1994	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	30 năm 3 tháng	V. 07.03.29	4,98+v k5%	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
1600	Nguyễn Thị Dung Loan	16	08	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 2	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V. 07.03.29	3.66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc		GV TH hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
1601	Hà Thị Mỹ Hào	26	01	1977	x	08/01/1997	02/01/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	25 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại Học Sư phạm -Giáo viên Tiểu học		GV Tiểu học hạng III		CNNTCB	Anh B		
1602	Nguyễn Võ Kim Chi	15	09	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.03.09	3.66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng CBQL	UDCNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1603	Võ Thị Cẩm Tú	18	08	1982	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNNTCB	B		
1604	Nguyễn Thị Hồng Vân	01	04	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNNTCA	A2		
1605	Đinh Thị Mỹ Vân	28	01	1977	x	08-01-1997	02-01-1999	Giáo viên	Trường TH Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	25 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNNTCA	B		
1606	Hoàng Thị Diện	12	03	1991	x	10-01-2012	10-01-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh		GV tiểu học hạng III		CNNTCB	Cử nhân tiếng Anh, Tiếng Anh B2		
1607	Hoàng Thị Tâm	28	02	1992		01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		CNNTCB	Tương đương A2		
1608	Lê Thị Quỳnh Trang	31	03	1991		01/9/2012	01/3/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		CNNTCB	Tương đương A2		
1609	Nguyễn Ngọc Thu	03	01	1984		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Minh Xuân 3	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Sư phạm Giáo viên Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		CNNTCA	A		
1610	Trần Thị Hồng Lan	27	03	1969	x	15/08/1988	01/03/1990	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1611	Lê Thị Thừa	22	05	1983	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1612	Phạm Đình Hòa	15	06	1980		01/09/2001	01/03/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	17 năm	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1613	Cao Thị Thúy Diệu	10	10	1983	x	01/09/2009	01/09/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B		
1614	Nguyễn Thị Thủy Liên	03	01	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1615	Phạm Thị Cẩm Tú	24	07	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
1616	Nguyễn Thị Hồng	06	08	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Cầu Xáng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
1617	Lê Thị Xuân	27	02	1977	x	15/08/1998	01/08/2007	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân	Sơ cấp	CDNN GVTH hạng 2		A	Anh B		
1618	Nguyễn Thanh Liêm	15	02	1978		01/03/2008	01/04/2012	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.03.29	3.66	Cử nhân	Trung cấp	CDNN GVTH hạng 2		B	B		
1619	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18	08	1987	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	10 năm, 6 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân	Trung cấp	CDNN GVTH hạng 2		B	Anh B		
1620	Phạm Thị Kim Phương	15	09	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân	Trung cấp	CDNN GVTH hạng 2		A	Anh B		
1621	Quách Hoàng Thủy Vi	16	01	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân	Trung cấp	CDNN GVTH hạng 2		A	Anh B		
1622	Lê Văn Út	11	06	1966		09/01/1994	04/01/2009	Giáo viên	Tiểu Học An Hạ	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân	Sơ cấp	CDNN GVTH hạng 3		B	Anh B		
1623	Phạm Thị Tuyết Hồng	13	01	1974	x	01/09/1994	01/02/1998	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II	Không	Trình độ B	Anh B		
1624	Nguyễn Thị Thủy	04	05	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường TH Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Anh A		
1625	Mai Thị Công	06	08	1985	x	01/12/2006	01/02/2007	Giáo viên	Trường TH Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng II	Không	Trình độ B	Anh B		
1626	Hồ Thị Tinh	18	04	1981	x	04/09/2007	28/02/2008	Giáo viên	Trường TH Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	17 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Anh B		
1627	Hoàng Thị Nga	01	08	1981	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	21 năm	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học 07/09/2012		GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		
1628	Lại Thị Linh Kiều	28	05	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
1629	Trần Thị Thủy Trang	08	01	1986	x	01/10/2010	01/10/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		
1630	Đỗ Thị Thảo	01	01	1981	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1631	Nguyễn Minh Thiện	30	11	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II	Không	UD CNTT CB	Tiếng Anh trình độ B		
1632	Phan Thành Đồng	08	10	1984		01/10/2009	01/10/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 5 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học 31/12/2013		GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Đại học Ngôn ngữ Anh		
1633	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	07	10	1976	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học hạng II	Không	Trình độ A	Anh B		
1634	Phạm Công Nhứt	14	10	1985		01-09-2006	01-09-2007	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại học - SP GD tiểu học, Thạc sỹ QLGD	Trung cấp CT	GV TH hạng II		Chứng chỉ A	Anh Bậc 3		
1635	Nguyễn Hữu Bằng Giang	23	09	1986		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - SP GD Tiểu học	Trung cấp CT	GV TH hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
1636	Phan Thị Diệu Hiền	13	02	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học - SP GD Tiểu học	Trung cấp CT	GV TH hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
1637	Đặng Ngọc Tùng	20	08	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm giáo dục thể chất		GV TH hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
1638	Võ Thị Phương Hòa	30	10	1972	x	01-09-1992	01-04-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	20 năm	V.07.03.29	4.98+ BL 0.15	Đại học - SP GD Tiểu học	Sơ cấp CT	GV TH hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
1639	Phạm Thị Ngọc Dung	06	10	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1640	Nguyễn Hoàng Như Thơ	26	12	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1641	Nguyễn Thanh Tuyền	18	09	1987	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1642	Nguyễn Thị Kim Loan	25	02	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Thạc sĩ - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1643	Nguyễn Thị Tuyết Sương	06	03	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1644	Hoàng Thị Thu Huyền	10	03	1982	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	20 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1645	Phan Thị Thanh Loan	06	11	1976	x	01/09/1998	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		
1646	Trần Thị Thu Thủy	08	10	1979	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THƯD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1647	Nguyễn Thị Dậu	11	03	1969	x	01/08/1993	01/04/1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	27 năm	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV.TH hạng III		THUD A	Anh B		
1648	Nguyễn Thị Kim Anh	02	08	1969	x	01/09/1990	01/01/1994	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Bình Lợi	UBND huyện Bình Chánh	30 năm 3 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV.TH hạng III		THUD A	Anh B		
1649	Phan Ngọc Nương	10	10	1971	x	01/9/1990	01/01/1994	Giáo viên - Tổ trưởng khối 1	Trường TH Vĩnh Lộc 1	UBND huyện Bình Chánh	30 năm 4 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học	TC	Bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III,II		A	Tiếng Anh B		
1650	Nguyễn Thị Xã	10	12	1977	x	01/10/2008	01/04/2009	Giáo viên	Trường TH Vĩnh Lộc 1	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III		B	Tiếng Anh B		
1651	Lê Văn Ngon	01	01	1969		01/8/1993	04/01/1997	Giáo viên	Trường TH Vĩnh Lộc 1	UBND huyện Bình Chánh	27 năm 4 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III, II		B	Tiếng Anh B		
1652	Phạm Thị Lắm	07	11	1972	x	01/9/1990	01/9/1993	Giáo viên	Trường TH Vĩnh Lộc 1	UBND huyện Bình Chánh	30 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+HSBL 0,15	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học		Bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III		B	Tiếng Anh B		
1653	Phan Thị Thanh Xuân	02	10	1987	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên - CTCĐ	Trường TH Vĩnh Lộc 1	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm Giáo dục tiểu học	TC	Bồi dưỡng CDNN giáo viên TH hạng III,II		B	Tiếng Anh B		
1654	Dương Quý Kiên	13	06	1983		01/11/2006	01/09/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	ĐH Cử nhân khoa học	Trung cấp	X	X	Nâng cao	B1		
1655	Phạm Thị Hồng Thuý	09	09	1978	x	22/08/1998	*01/08/2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	X		Nâng cao	B		
1656	Phan Thị Hương	09	04	1989	x	31/01/2013	01/01/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		X		Nâng cao	A2		
1657	Phạm Thị Phương	15	07	1970	x	17/08/1989	01/08/2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98 và hệ số bảo lưu 0.25	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	X		Nâng cao	B		
1658	Võ Thị Lệ	17	08	1971	x	01/08/1993	01/10/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 và hệ số bảo lưu 0.15	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	X		B	B		
1659	Đỗ Hùng Khôi	01	11	1969		01/10/1995	01/10/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 và hệ số bảo lưu 0.15	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	X		Cơ bản	B		
1660	Nguyễn Tiến Liệu	17	10	1985		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục thể chất	Sơ cấp	X		Cơ bản	B		
1661	Trần Thị Ánh Tuyết	06	06	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 2	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Sư phạm mỹ thuật	Sơ cấp	X		Nâng cao	A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1662	Trương Thị Cẩm Nhung	28	11	1985	x	01/08/2013	01/08/2014	Tổ phó chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II		ƯDCNTT cơ bản (03) + B	Anh Bậc 2		
1663	Nguyễn Thị Thu	02	01	1984	x	01/09/2012	01/01/2014	Tổ phó chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng B, UDCNTT cơ bản (TT03)	Anh B		
1664	Phạm Trúc Linh	25	10	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Tổ trưởng chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng B, UDCNTT cơ bản (TT03)	Anh B		
1665	Trần Thị Thuý Dung	03	12	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Tổ phó chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng A, UDCNTT cơ bản (TT03)	Chứng chỉ Tiếng anh B		
1666	Ngô Dương Hiếu	04	07	1980		01/09/2011	01/09/2011	Tổ trưởng chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 1 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học	Trung cấp	BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II	Chứng chỉ	CNTTCB	Anh B		
1667	Nguyễn Thị Mỹ Hương	17	06	1987	Nữ	01/09/2012	01/09/2013	Tổ phó chuyên môn - Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học		BD theo tiêu chuẩn CDNN GV Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng B	Anh B		
1668	Trần Khắc Hân	25	03	1982		01/8/2007	01/8/2008	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học	Chứng chỉ	CNTTCB	Tiếng Anh B		
1669	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05	10	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Sư phạm Tiểu học- Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	tiếng Anh Bậc 3		
1670	Vũ Văn Sáng	11	02	1980		01/09/1999	22/03/2002	Giáo viên Tiểu học nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 9 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1671	Phạm Thị Thu Ngân	30	12	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
1672	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11	01	1975		08-01-1996	30/3/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phạm Hùng	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II, III	QLTH	Trình độ A	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1673	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	07	04	1976	x	01-08-1997	01-08-1999	Giáo viên dạy nhiều môn lớp 2 và Tổ trưởng	Trường Tiểu học Phạm Hùng	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp Chính trị	GV TH hạng II		Tin học A UDCNTT	Anh văn B		
1674	Nguyễn Thị Thu Vân	12	12	1978	x	01-10-2002	01-04-2003	Tổ trưởng + Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Hùng	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	04.01	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTA UDCNTT	Anh văn B1		
1675	Trịnh Thị Khả	10	11	1971	x	10/09/1992	01/09/1993	Giáo viên dạy nhiều môn lớp 4	Trường Tiểu học Phạm Hùng	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4.98 + 5%	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV TH hạng II		Tin học A UDCNTT	Anh văn B		
1676	Vân Thị Thanh Nhân	21	04	1985	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên Tiếng Anh - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Phạm Hùng	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		GV TH hạng II		A	Anh cử nhân, Anh B2 FCE quốc tế, Nga cử nhân		
1677	Phan Thị Ngọc Nữ	10	03	1978	x	01/9/2007	01/3/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 3 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân GDTH		GVTH hạng II	Trung cấp LLHC	UDCNTT CB	B		
1678	Nguyễn Thị Kim Nhung	12	04	1986	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân GDTH		GVTH hạng III		UDCNTT CB	B		
1679	Huỳnh Thị Thanh Trang	07	02	1990	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B		
1680	Phạm Thị Hồng Hạnh	19	01	1989	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học sư phạm Tiểu học	Không	GV Tiểu học hạng II	Không	CNTT cơ bản	Anh văn B		
1681	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26	05	1988	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên tiểu học nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		CNTTCB	B		
1682	Dương Châu Ngọc Phương	16	01	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II, III		B	B		
1683	Nguyễn Văn Thắng	27	03	1986		1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên môn nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		GV Tiểu học hạng II		A	B		
1684	Phạm Thị Thuý Trang	16	06	1986	x	10-01-2011	10-01-2012	Giáo viên tiểu học nhiều môn	Trường TH An Phú Tây 2	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		CNTTCB	AV Bậc 3(B1)		
1685	Trần Văn Diện	08	01	1971		01/02/1994	31/01/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 8 tháng	V07.03.29	4.98+5 %	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTCB	B		
1686	Nguyễn Ngọc Diệp	26	09	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 7 tháng	V07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng III (theo TT cũ)		CNTTCB	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1687	Trương Thị Xuân Loan	26	01	1974	x	01/02/1996	01/02/1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTCB	B		
1688	Ngô Thị Bích Loan	19	05	1969	x	01/01/1987	01/3/1991	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V07.03.29	4.98+8 %	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTNC	B		
1689	Trương Thị Hồng My	26	02	1986	x	01-10-2012	01/10/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 5 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTCB	B		
1690	Lương Thị Nga	10	02	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTCB	B		
1691	Lại Thị Thu Thảo	03	10	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phong Phú 2	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên tiểu học hạng II (theo TT cũ)		CNTTCB	B		
1692	Nguyễn Thị Tám	21	04	1980	x	01-11-2001	01/5/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 11 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo viên tiểu học (ngày cấp bằng 10/3/2014)	Trung cấp	GVTH hạng II	Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường tiểu học	CNTT nâng cao	Anh B1		
1693	Nguyễn Ngọc Hân	19	10	1987	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên nhiều môn - Tổ trưởng Tổ Một	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục tiểu học (ngày cấp bằng 30/6/2022)	Sơ cấp	GVTH hạng III	Không	CNTT nâng cao	Anh A2		
1694	Huỳnh Thị Hồng Minh	15	12	1976	x	01/8/1996	01/02/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	04.01	Cử nhân Giáo dục tiểu học (ngày cấp bằng 22/5/2014)	Trung cấp	GVTH hạng II	Không	CNTT nâng cao	Anh B		
1695	Nguyễn Ngọc Khôi	20	02	1974		01/8/1995	01/02/1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	27 năm 2 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Sư phạm giáo dục tiểu (ngày cấp bằng 10/10/2012)	Sơ cấp	GVTH hạng II	Không	CNTT cơ bản	Anh B		
1696	Thái Thị Hồng Liên	25	12	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục tiểu học (ngày cấp bằng 04/6/2020)	Sơ cấp	GVTH hạng III	Không	CNTT cơ bản	Anh B		
1697	Nguyễn Thị Tuyết Mai	06	03	1990	x	01-08-2013	01-02-2015	Giáo viên nhiều môn - Tổ trưởng Tổ Bốn	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 2 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục tiểu học (ngày cấp bằng 04/6/2020)	Sơ cấp	GVTH hạng III	Không	THƯỞ B	Anh B		
1698	Trần Thị Hoa	25	08	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Tổ trưởng Tổ Bộ môn - Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân Giáo dục thể chất (ngày cấp bằng 12/11/2020)	Sơ cấp	GVTH hạng II	Không	THƯỞ B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1699	Nguyễn Thị Nga	23	08	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Tân Túc 2	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật (ngày cấp bằng 28/6/2017)		GVTH hạng II	Không	CNTT cơ bản	Anh B		
1700	Ngô Thị Hồng Thủy	18	09	1976	x	01/8/1997	01/02/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	B	Tiếng Anh trình độ B		
1701	Hồ Kim Diệp	03	06	1973	x	01/08/1994	01/02/1996	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B1		
1702	Huỳnh Thị Thu Thảo	14	08	1980	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Trung cấp	Tiếng Anh trình độ B		
1703	Lại Minh Trí	28	05	1975		01/10/1999	01/01/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1704	Nguyễn Ngọc Nga	20	10	1973	x	28/08/1995	01/03/1997	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ A2		
1705	Phan Thị Lệ Thi	19	07	1977	x	01/10/1998	01/03/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ A2		
1706	Trần Thị Thúy Hằng	22	08	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1707	Nguyễn Thị Bích Xoan	20	08	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1708	Bùi Thị Lành	05	02	1990	x	01/09/2012	01/03/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		A	Tiếng Anh trình độ B		
1709	Phạm Thị Thủy	01	01	1980	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm âm nhạc		GVTH hạng II		B	Tiếng Anh trình độ B		
1710	Trịnh Đình Huân	13	06	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục thể chất		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1711	Trần Tuấn Dũng	21	09	1980		01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Huỳnh Văn Bánh	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học		GVTH hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		
1712	Phan Viết Hưng	19	11	1985		01/09/2012	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường TH Kim Đồng	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Trung cấp	Anh B1		
1713	Nguyễn Thị Yến Linh	17	05	1980	x	06/09/2002	01/04/2003	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Kim Đồng	UBND huyện Bình Chánh	21 năm	V.07.03.29	04.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		ƯDCNT TCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1714	Lê Thị Ngọc Phương	29	01	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Kim Đồng	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		UDCNT TCB	Anh B		
1715	Đinh Thị Ngọc Huyền	14	06	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường TH Kim Đồng	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Đang Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh bậc 3		
1716	Nguyễn Trung Tin	14	07	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường TH Kim Đồng	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Cử nhân - Sư phạm Âm nhạc	Đang Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		TH ứng dụng trình độ B	Anh B1		
1717	Huỳnh Thị Bích Huyền	23	01	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại học - Giáo dục Tiểu học		Không		CNTT nâng cao	Anh B		
1718	Phan Thái Hiệp	14	11	1978		01-09-1998	01-09-1999	Hiệu trưởng	Trường tiểu học Lê Quý Đôn	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 7 tháng	V. 07.03.29	4.65	Thạc sĩ quản lí giáo dục	Trung cấp	CDNN giáo viên Tiểu học		Đại học	Anh ĐH		
1719	Nguyễn Thị Kim Nương	10	10	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Bình Chánh	10 năm	V.07.03.29	03.01	Cử nhân giáo dục tiểu học	trung cấp	GV Tiểu học hạng II		UDCNTT CB	tiếng Anh bậc B		
1720	Mai Thị Ngọt	06	08	1988	x	1/9/2011	1/3/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 5 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân		GV Tiểu học hạng III		B tin học	B Tiếng Anh		
1721	Trịnh Phương Tuyền	20	10	1991	x	1/8/2013	1/8/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 9 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân		GV Tiểu học hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
1722	Thái Thị Thu Thủy	01	12	1976	x	1/8/1996	1/2/1998	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Bình Chánh	27 năm 9 tháng	V07.03.29	04.01	Cử nhân	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II, III		UDCNTT CB, UDCNTT trong quản lí điều hành	Tiếng Anh B1		
1723	Nguyễn Ngọc Chiêu	02	02	1990	x	1/8/2013	1/8/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 9 tháng	V07.03.29	03.01	Cử nhân	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II, III		bằng A	B2		
1724	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	27	02	1991	x	01-08-2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Rạch Giá	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	03.01	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng III		A	Anh Bậc B		
1725	Trần Thị Thanh Chung	10	8	1978	x	15-08-1998	01-03-1999	Giáo viên	Trường tiểu học An Phú 1	UBND Huyện Củ Chi	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Không có	THVP B	Anh B		
1726	Hồ Thị Ngọc hương	8	8	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường tiểu học An Phú 1	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Không có	THVP A	Anh A		
1727	Huỳnh Hoàng Huân	17	12	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT - B	Anh B		
1728	Nguyễn Văn Bổng	31	5	1967		26/8/1986	15/11/1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98 +CLB L 0.3	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTH ỨNG DỤNG Trình độ A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1729	Nguyễn Thị Lê Hồng	30	9	1970	x	08-10-1992	09-09-1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 +CLB L 0.2	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCA	Anh B		
1730	Nguyễn Tú Trinh	07	08	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1731	Nguyễn Thị Lài	17	10	1987	x	12-01-2013	12-01-2014	Giáo viên Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Sư phạm Mỹ Thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1732	Phạm Thị Hải Yến	20	08	1976	x	01/07/2007	01/07/2008	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 09 tháng	V.07.02.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1733	Lê Thị Kim Thanh	02	11	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1734	Đào Thị Kim Loan	22	08	1977	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,36	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1735	Huỳnh Thị Ngọc Túy	27	11	1990	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD, CNTT nâng cao	Anh B		
1736	Nguyễn Hồ Thanh Loan	02	01	1984	x	23/09/2005	23/09/2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	18 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,99	Đại học sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1737	Huỳnh Thị Huyền	30	08	1972	x	01/08/1993	01/02/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 02 tháng	V.07.02.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		THUD A	Anh B		
1738	Nguyễn Hồng Thảo	29	10	1979	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Hòa Phú	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 08 tháng	V.07.02.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		THUD B	Anh B		
1739	Nguyễn Văn Lam	20	11	1968		29/07/1987	01-06-1989	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	36 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98+0,2	Đại học- Sư phạm tiểu học	TC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1740	Lê Thị Xuân	16	11	1973	x	01/10/1995	23/08/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1741	Hồ Thị Mỹ Dung	15	10	1974	x	01/10/1995	23/03/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1742	Nguyễn Thị Thu	02	12	1972	x	01/08/1994	01/04/1996	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98 +5%	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1743	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	20	5	1970	x	01/10/1995	23-3-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1744	Phạm Thị Non	4	11	1974	x	01/10/1995	23/3/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1745	Nguyễn Thị Huệ	11	3	1972	x	01/10/1995	23/3/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1746	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	17	10	1977	x	01/09/1998	01/01/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1747	Nguyễn Thu Hà	6	1	1971	x	01-01-1991	01/3/1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1748	Nguyễn Thành Tài	07	09	1977		01-08-1998	01/01/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1749	Trần Thị Kim Chi	27	4	1974		01/10/1995	23/3/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Sư phạm tiểu học	SC	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		THUD A	Anh ĐH		
1750	Trương Hương Bình	30	12	1974		01-08-1995	01-03-1997	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học- Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng Hiệu trưởng	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1751	Đặng Thị Như Oanh	19	8	1978	x	15-08-1998	01-01-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1752	Nguyễn Thị Kim Ngân	16	5	1976	x	14-09-1999	01-03-2000	Giáo viên Tổ trưởng tổ 5	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học- Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ quản lý trường tiểu học	Tin học trình độ A	Anh B		
1753	Nguyễn Thị Hồng Thắm	23	3	1975	x	16-10-1995	01-04-1997	Giáo viên Tổ trưởng tổ 2	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ quản lý trường tiểu học	Tin học trình độ A	Anh B		
1754	Hồ Thị Xuân Mai	20	5	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên Tổ trưởng tổ văn thể mỹ	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Ngôn ngữ anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng nhận bồi dưỡng cán bộ quản lý trường tiểu học	Tin học trình độ A	Anh B		
1755	Trần Thị Lý	18	9	1980	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên Tổ trưởng tổ 3	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học trình độ A	Anh B		
1756	Trần Thị Ngọc Nhiên	28	2	1978	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học trình độ B	Anh B		
1757	Nguyễn Thị Loan Anh	26	6	1976	x	01-09-2013	01-03-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 01 tháng	V.07.03.29	3	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B			
1758	Võ Thị Tiên	22	9	1972	x	01/08/1993	01/02/1995	Giáo viên Tổ trưởng tổ 3	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học- Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1759	Nguyễn Thị Thúy Diễm	05	4	1975	x	01/08/1995	22/03/1998	Giáo viên Tổ trưởng tổ 4	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1760	Tô Thị Luận	30	01	1975	x	01/08/1995	23/03/1998	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1761	Trương Văn Minh	20	10	1989		01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên Mỹ Thuật	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm mỹ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1762	Lê Thị Hồng Thảo	22	4	1985	x	20/07/2010	20/10/2010	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1763	Phạm Văn Toàn	07	7	1979		01/10/2009	01/05/2010	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học- Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1764	Nguyễn Thị Kim Lai	22	5	1978	x	01-09-1998	01-01-2000	Tổ trưởng tổ 4, dạy lớp 4/3	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1765	Nguyễn Thị Trang	4	5	1975	x	01-09-1997	01-01-2000	Dạy lớp 3/2	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1766	Phan Thị Hồng Lan	18	9	1976	x	01-08-1996	01-02-1998	Dạy lớp 5/5	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1767	Thái Thị Thuý Dung	14	5	1974	x	19/8/1993	01/02/1995	Tổ trưởng tổ 2, dạy lớp 2/3	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1768	Nguyễn Văn Rường	15	6	1966		14-08-1988	01-04-1991	Giáo viên Tổng phụ trách đội - Tổ trưởng tổ Văn phòng	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	35 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ B	Anh B		
1769	Trần Thị Ngọc Anh	22	12	1974	x	16-10-1995	23-03-1998	Dạy lớp 1/3	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1770	Phạm Văn Cường	20	12	1968		15-08-1995	23-03-1998	GV dạy thể dục	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1771	Nguyễn Thị Nhiên	1	2	1978	x	01/09/2009	01/03/2010	GV dạy lớp 4	Trường Tiểu học An Nhơn Đông	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học trình độ A	Anh B		
1772	Võ Văn Khang	13	07	1967		03/08/1987	07/03/1989	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	35 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,25	Đại Học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD CNTT	Anh B		
1773	Nguyễn Văn Cường	25	08	1981		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học A, UDCNTT	Anh A		
1774	Võ Thị Quyên	08	03	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 07 tháng	V.07.03.29	3.99 + 0.20	Đại Học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học A, UDCNTT	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1775	Lê Văn Thành	03	05	1973		01-08-1994	15-03-1997	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		UD CNTT	Anh B		
1776	Nguyễn Thị Thuý	20	12	1975	x	01/08/1995	23/03/1998	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 09 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD CNTT	Anh B		
1777	Nguyễn Thị Kim Liên	11	07	1973	x	19-08-1993	09-09-1995	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học A	Anh B		
1778	Lê Văn Kích	01	06	1974		15/08/1998	01/01/2000	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,2	Đại Học Sư phạm- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD CNTT	Anh B		
1779	Cao Thị Mộng Thu	03	06	1979	x	09-01-2001	06-01-2002	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	21 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh B		
1780	Giang Thị Huyền Ni	19	08	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD CNTT	Pháp B		
1781	Trần Cao Đạt	19	07	1973		10-10-1995	23-03-1998	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	26 năm	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh B		
1782	Nguyễn Ngọc Hương	13	03	1991		10-01-2013	03-05-2014	Giáo viên dạy Tin học	Trường Tiểu học Phú Mỹ Hưng	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Cao đẳng Tin học	Anh B		
1783	Nguyễn Tiến Sỹ	20	01	1984		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	x	CNTT nâng cao	Anh B		
1784	Tô Thị Hồng Nhung	04	01	1980	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1785	Nguyễn Quang Phúc	29	11	1974		15-07-1996	01-02-1998	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục thể chất	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1786	Châu Mỹ Hạnh	26	06	1970	x	01-08-1995	01-03-1997	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1787	Nguyễn Thị Hồng Quế	28	09	1979	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1788	Phan Thanh Thúy	8	8	1978	x	15-08-1998	01-03-1999	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1789	Võ Thị Phương	9	12	1971	x	02-11-2001	01-08-2002	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1790	Đặng Nguyễn Băng Tâm	4	8	1978	x	01-10-2008	01-04-2009	Giáo viên tiểu học	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1791	Nguyễn Thị Kim Oanh	27	11	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiếng Anh	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh ĐH		
1792	Nguyễn Thị Minh	2	8	1991	x	01-12-2013	01-12-2014	Giáo viên Tiếng Anh	Trường tiểu học Bình Mỹ 2	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh ĐH		
1793	Trần Thị Hồng Hạnh	19	7	1971		17/09/1992	01-03-1994	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ B	Anh B		
1794	Huỳnh Thị Kiều	30	4	1977	x	23/08/1997	01/01/2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ B	Anh B		
1795	Nguyễn Thị Kiều Ngân	30	5	1971	x	10/08/1992	09/09/1995	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại Học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ B	Anh B		
1796	Trương Thị Hồng Nguyệt	29	11	1973	x	01/08/1995	01-03-1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1797	Huỳnh Kim Phụng	09	10	1973	x	31/08/1996	01-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ A	Anh B		
1798	Phạm Văn Sang	10	2	1974		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Viện ĐH Mở Hà Nội (Ngôn Ngữ Anh)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ A	Anh B1		
1799	Nguyễn Thị Thảo	20	2	1989	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn Tiếng anh	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh ĐH Pháp B		
1800	Võ Hồng Thủy	07	1	1973	x	15-08-1995	01-04-1997	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ A	Anh B		
1801	Lê Thị Ngọc Tuyết	08	11	1973	x	20-09-1994	01/04/1996	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ B	Anh B		
1802	Châu Thị Út Em	09	9	1988	x	01/10/2011	01-10-2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1803	Lê Thị Thu Hà	01	1	1976	x	15/08/1996	01-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ A	Anh B		
1804	Nguyễn Thanh Linh	15	6	1968	x	01/08/1996	01/09/1998	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Tân Tiến	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT trình độ B	Anh B		
1805	Đỗ Đồng Anh	8	2	1972	x	15/08/1996	03-01-2011	Tổ trưởng chuyên môn 4&5	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ nâng cao	Anh B		
1806	Cao Mạnh Quyền	13	6	1991	x	09-01-2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1807	Nguyễn Ngọc Thi	29	4	1992	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Cọ	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1808	Thái Thị Thu Vân	15	2	1975	x	30-09-1999	05-11-2001	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1809	Lê Thanh Hà	20	3	1975	x	37/07/1995	23-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1810	Huỳnh Hoa Nhật Thanh	2	12	1974		30-09-1995	23-03-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1811	Nguyễn Thị Dung	28	6	1986	x	24-11-2008	14-12-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1812	Phạm Thị Phương	5	10	1977	x	30-09-2008	08-05-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1813	Nguyễn Thị Cẩm Liên	25	3	1991	x	10-09-2012	31-08-2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1814	Trương Thị Thu Dung	19	10	1977	x	02-02-2010	12-07-2010	Giáo viên tiểu học	Trường TH Lê Thị Pha	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCN nâng cao	Anh B		
1815	Lê Thị Mỹ Dung	23	6	1977	x	05-09-1998	01-01-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1816	Hứa Diệu Hiền	28	2	1972	x	15/09/1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	26 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1817	Nguyễn Thị Kiều Linh	24	9	1972	x	10/08/1992	23/03/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	26 năm	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1818	Phan Văn Long	24	8	1968		05-08-1991	21-12-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	30 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98+7 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1819	Nguyễn Thị Kim Phương	19	12	1973	x	23/08/1995	23/02/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1820	Trần Chí Vĩnh	30	7	1969		01-08-1991	21-12-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	30 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1821	Nghiêm Xĩa	7	3	1972		01-08-1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	26 năm	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1822	Huỳnh Thị Ngọc Ân	28	05	1973	x	23/10/1995	01/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1823	Liêu Thị Vân	05	05	1979	x	31/08/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1824	Huỳnh Công Tâm	17	04	1974		23/10/1995	01/01/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh A		
1825	Huỳnh Thị Kiều Trang	01	03	1972	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1826	Phạm Thị Xuân Anh	29	09	1978	x	14/09/1999	14/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		UD CNTT	Anh B		
1827	Thái Hữu Châu	24	01	1991		01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú Trung	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Công Nghệ Thông Tin và Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Đại học	Anh B		
1828	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	29	5	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu Học Trung An	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ A	Tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		
1829	Võ Thị Minh Nguyệt	14	2	1970	x	25-07-1989	01-03-1991	Giáo viên	Trường Tiểu Học Trung An	UBND Huyện Củ Chi	33 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98+ 0,2 BL	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ A	Anh B		
1830	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20	2	1972		01-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu Học Trung An	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ A, UDCNTT	Anh B		
1831	Nguyễn Minh An	9	6	1992		01-09-2013	01-03-2014	Giáo viên	Trường Tiểu Học Trung An	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 02 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Anh B		
1832	Lê Thị Kim Chi	4	1	1980	x	01-09-2006	28-03-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	17 năm	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ B	Anh B		
1833	Lê Minh Hồng	29	11	1976		09-09-1997	15-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTH nâng cao	Anh B		
1834	Nguyễn Thị Hội	1	1	1975	x	15-09-1995	23-03-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	26 năm	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tính học ứng dụng trình độ A	Anh B		
1835	Nguyễn Thị Lê Hằng	7	6	1976	x	12-08-1996	15-05-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	25 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT	Anh B		
1836	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	14	10	1991	x	17-08-2012	06-02-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT	Anh B		
1837	Nguyễn Thị Mỹ Dung	8	9	1971	x	05-08-1994	15-03-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Trung Lập Hạ	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Trình độ A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1838	Nguyễn Thị Ngọc Lũy	22	5	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1839	Phan Thị Hoài	20	3	1991	x	01-10-2013	01-10-2014	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1840	Lê Thị Minh Thủy	30	3	1992	x	01-10-2013	01-10-2014	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
1841	Nguyễn Khánh Linh	25	8	1971	x	05/08/1991	01-02-1993	Giáo viên - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 4 tháng	V.07.03.08	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1842	Nguyễn Thị Nương	19	12	1992	x	01/9/2013	01/9/2014	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1843	Nguyễn Thị Thanh Diễm	7	5	1975	x	22/8/1997	01/09/1997	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1844	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	3	10	1969	x	15-01-1991	01/04/1993	Giáo viên dạy lớp	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	31 năm	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD CNTT cơ bản	Anh B		
1845	Trần Văn Mít	1	6	1968		03-07-1987	01/06/1989	Giáo viên tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	35 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1846	Trần Thị Bạc	1	12	1970	x	01-08-1995	01-02-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1847	Trần Thị Loan	6	1	1980	x	05-09-2002	01-04-2003	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	21 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT NC	Anh - B		
1848	Lê Thị Nương	14	12	1970	x	30-08-1994	01-03-1996	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		
1849	Lê Văn Hùng	9	5	1971		01-04-1993	01-03-1996	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		
1850	Nguyễn Thị Thu Hồng	20	2	1972	X	15-01-1991	01-04-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		
1851	Phạm Thị Yến Phương	16	4	1977	X	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		
1852	Nguyễn Thị Kim Tuyền	17	6	1981	X	01-09-2009	01-01-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		
1853	Nguyễn Minh Quan	12	1	1975		01-08-1995	01-03-1997	Giáo viên giáo dục thể chất	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Rảnh	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học ứng dụng - A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1854	Nguyễn Thị Đình Phương	8	6	1974	x	18/08/1993	01/02/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+CLBL 0,15	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng Hiệu trưởng	CNTT nâng cao	Anh B		
1855	Nguyễn Thị Rơi	7	7	1976	x	22-08-1997	01-01-2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1856	Lê Thị Hồng Mai	2	7	1973	x	13-09-1993	01-03-1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1857	Trần Ngọc Thu	23	11	1980	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1858	Nguyễn Lê Thu Châu	23	3	1975	x	31/08/1995	23/03/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1859	Trần Cao Chánh	4	10	1992		01/9/2014	01-09-2015	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	8 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân chuyên ngành GDTC ngày 14/01/2019 Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục ngày 29/12/2021	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL	CNTT nâng cao	Anh B1		
1860	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	20	1	1993	x	01-10-2014	01-04-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND Huyện Củ Chi	9 năm	V.07.03.29	3,00	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1861	Nguyễn Thị Kim Liên	01	10	1974	x	23-08-1994	01-04-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1862	Nguyễn Thị Thuận	01	01	1975	x	01-08-1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh B		
1863	Phạm Thị Thu Vân	05	05	1972	x	01-08-1993	01-03-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh B		
1864	Hồng Lệ Thủy	01	01	1976	x	25/09/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1865	Trần Thị Nguyệt	27	09	1976	x	16-09-1996	01-08-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	25 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
1866	Nguyễn Trí Quang	25	09	1967		26-09-1985	01-04-1991	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phước	UBND Huyện Củ Chi	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học A	Anh B		
1867	Đoàn Thanh Lâm	26	11	1973		19/8/1995	19/8/1997	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT Nâng cao	Anh B		
1868	Phạm Thị Hiệp	6	10	1977	X	09/01/1998	01/01/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTnâng cao	Anh B		
1869	Nguyễn Thái Hiệp	13	10	1978		08/15/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1870	Trịnh Ngọc Tâm	27	02	1979	X	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ B và UDCNTT Nâng cao	Anh B		
1871	Nguyễn Thị Bích Liễu	19	1	1978	x	01/9/1998	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.65 + 5%	Đại học Sư phạm	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh B		
1872	Trần Thị Yến Ngọc	12	11	1992	x	09/01/2013	09/01/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ A và UDNC	Anh B		
1873	Nguyễn Thị Thúy Linh	18	4	1981	x	09/7/2013	09/7/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Trình độ B và UDNC	Anh B		
1874	Lê Thị Yến	13	4	1977	x	19/8/1997	19/8/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	24 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,89	Đại học Sư phạm	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ UDCNTT NC	Anh B		
1875	Nguyễn Quốc Minh	19	1	1991		01/9/2013	01/9/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm TĐTT	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CNTTCB	Anh B		
1876	Nguyễn Thụy Ngọc Diễm	22	8	1973	x	08/01/1993	08/01/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh B		
1877	Lê Thị Bích Ngọc	18	2	1971	x	24/9/1997	01/01/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	24 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh A		
1878	Lê Thị Mỹ Nhung	14	10	1992	x	09/01/2013	09/01/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học A Ứng dụng CNTT	Anh B		
1879	Nguyễn Thị Hồng Ngân	19	1	1980	x	09/01/2004	09/01/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Cội	UBND Huyện Cù Chi	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT Nâng cao	Anh B		
1880	Nguyễn Thị Bích Hồng	06	7	1984	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Vĩnh An	UBND Huyện Cù Chi	14 năm	V.07.03.29	3.99	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học nâng cao	Anh B		
1881	Cao Ngọc Lý	21	02	1986	x	01/10/2008	01/10/2009	TTCM tổ 4	Trường Tiểu học Phước Vĩnh An	UBND Huyện Cù Chi	15 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
1882	Huỳnh Thị Ngọc Trang	31	8	1979	x	01/9/1999	01/3/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Vĩnh An	UBND Huyện Cù Chi	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học B	Anh B		
1883	Phan Tấn Phong	01	9	1972		17-08-1993	01-08-1995	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Cù Chi	28 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,98+ 6%	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		
1884	Lê Văn Châu	13	3	1969		04-09-1989	01-03-1991	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Cù Chi	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,25	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		UD. CNTT-A	Anh B		
1885	Trần Thị Kim Loan	01	1	1973	x	19-08-1993	01-02-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Cù Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1886	Lâm Thị Luyến	2	7	1971	x	15-01-1991	01-03-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD, CNTT nâng cao	Anh B		
1887	Đào Thị Lan Phương	01	10	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD, CNTT nâng cao	Anh B		
1888	Lê Thị Tuyết Nhung	23	9	1979	x	30-08-2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		UD, CNTT nâng cao	Anh B		
1889	Nguyễn Thị Loan	27	5	1970	x	01-09-2008	01-03-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		UD, CNTT nâng cao	Anh B		
1890	Nguyễn Văn Đức	12	2	1966		01/09/1985	18/02/1992	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98 hệ số chênh lệch bảo lưu 0,2	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng Hiệu trưởng	Tin học trình độ B	Anh B		
1891	Huỳnh Thị Phương	4	7	1973	x	01/08/1994	01/05/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNT T nâng cao +Trình độ B UDCNTT	Anh B		
1892	Tô Tuyết Linh	22	8	1970	x	24/11/2008	08/05/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1893	Dương Hồng Cẩm	28	3	1987	x	01/09/2009	15/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Bảng A tin học	Anh B		
1894	Phạm Uy Duy	11	5	1988	x	01/09/2009	18/02/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,99	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Bảng A tin học	Anh B		
1895	Huỳnh Thị Xuyến	9	1	1974	x	17/09/1994	15/03/1997	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1896	Nguyễn Thị Yêm	2	1	1973	x	15/07/1996	12/09/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1897	Phan Thị Mỹ Trúc	28	7	1973	x	17/09/1994	01/04/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nhơn Tây	UBND Huyện Củ Chi	28 năm	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,15	Bảng Cử nhân Ngành giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
1898	Trần Hồng Thảo	13	7	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1899	Nguyễn Thị Thảo	19	8	1991	x	01-12-2013	01-12-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Mĩ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1900	Nguyễn Thị Kim Hoàng	3	9	1993	x	13-10-2014	01-04-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 00 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1901	Phan Huỳnh Thanh Thủy	5	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	UBND Huyện Cù Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1902	Huỳnh Thị Xuân Loan	18	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	UBND Huyện Cù Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1903	Nguyễn Thị Lan Phương	17	12	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	UBND Huyện Cù Chi	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1904	Nguyễn Thị Phụng	8	2	1973	x	01-08-1995	01-03-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	UBND Huyện Cù Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản, Tin học A	Anh B		
1905	Lương Thị Quyên	17	7	1976	x	01/09/1998	01/03/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Phan Văn Khải	UBND Huyện Cù Chi	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1906	Đào Thị Phụng	23	2	1980	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1907	Phan Thị Hồng Thắm	14	10	1980	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	21 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1908	Lê Thị Kim Loan	15	12	1976	x	01/09/2010	01-10-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh C		
1909	Đoàn Tuấn Trung	4	3	1975		01-10-1996	01-03-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1910	Nguyễn Thị Phương Lan	1	1	1973	x	01-09-1997	01-03-1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1911	Nguyễn Thị Cẩm	30	6	1969	x	01-08-1988	01-02-1990	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	34 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1912	Lâm Võ Thị Anh Thư	15	8	1973	x	01/09/2008	01-03-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1913	Nguyễn Văn Đặng	3	1	1970		31/08/2010	01-02-1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	31 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1914	Nguyễn Văn Tiếp	9	8	1964		01-11-1994	01-05-1996	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông 2	UBND Huyện Cù Chi	27 năm 11 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học-Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1915	Bùi Thị Hạnh	17	12	1974	x	08-01-1995	01-03-1997	Tổ trưởng tổ 1, dạy lớp 1/1	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Cù Chi	17 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1916	Bùi Văn Bảo	20	12	1968		01-08-1986	01-08-1988	Tổ trưởng tổ 4, dạy lớp 4/1	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Cù Chi	17 năm 06 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1917	Trần Thanh Tuyết	19	9	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên dạy lớp 3/6	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Sư phạm TPHCM)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1918	Huỳnh Thị Gái	6	8	1971	x	01-01-1990	15-03-1997	Giáo viên dạy lớp 2/5	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1919	Trần Thị Kim Chi	3	4	1974	x	16-10-1995	01-03-1997	Tổ trưởng tổ 2, dạy lớp 2/1	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1920	Nguyễn Lê Thu Cúc	21	3	1973	x	19-08-1994	19-07-1996	Giáo viên dạy lớp 4/5	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1921	Nguyễn Ngọc Hoa	1	1	1976	x	15-08-1996	05-08-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh A		
1922	Võ Thị Nga	19	5	1975	x	23-08-1995	01-03-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Vinh)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Cứng chỉ tin học cơ bản	Anh B		
1923	Đỗ Thị Mai	26	7	1978	x	26-08-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học (Đại học Sài Gòn)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học trình độ A	Anh B		
1924	Lâm Thanh Thảo	24	3	1989	x	26-08-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Thế	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.03.30	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh (Đại học Sài Gòn)	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học UDCNTT nâng cao	Đại học		
1925	Lê Thị Kim Phụng	16	3	1972	x	23/08/1994	01/04/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1926	Nguyễn Văn Minh	29	3	1972		16/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	UBND Huyện Củ Chi	25 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1927	Trịnh Thị Mỹ Trinh	10	6	1977	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Thông Hội	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học sư phạm - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
1928	Lê Thị Cẩm Loan	6	12	1984	x	26-10-2006	01-09-2007	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm- tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		TH UD A	Anh B		
1929	Trần Thị Ngân Điền	24	9	1980	x	05-09-2008	01-03-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm- tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		TH UD A	Anh B		
1930	Nguyễn Thanh Thủy	22	11	1983	x	11-11-2005	08-11-2006	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND Huyện Củ Chi	17 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm- tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III	chứng nhận	CNTT Chứng chỉ A	Anh B		
1931	Huỳnh Thị Hồng Thắm	09	11	1993	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 01 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh A		
1932	Nguyễn Thị Hồng Phúc	29	6	1993	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND Huyện Củ Chi	09 năm 01 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1933	Nguyễn Thị Thùy Trang	10	4	1972	x	01/08/1994	01/10/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nhuận Đức 2	UBND Huyện Củ Chi	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+7 %	Đại Học - Sư phạm- tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng Hiệu trưởng	Tin học trình độ A	Anh B		
1934	Trần Thị Tân	16	10	1981	x	01/01/2006	01/10/2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nhuận Đức 2	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ TH ứng dụng trình độ B	Anh B		
1935	Nguyễn Thị Cẩm Linh	03	08	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nhuận Đức 2	UBND Huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		Chứng chỉ TH ứng dụng trình độ A	Anh B		
1936	Lê Đình Trang Đài	08	09	1973	x	10/7/1993	01/02/1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1937	Lê Đình Ngọc Diễm	23	09	1979	x	27/8/1999	01/3/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Cơ bản	Anh B		
1938	Nguyễn Thị Thu Thủy	10	11	1970	x	19/08/1989	02-03-1991	Giáo Viên	Trường Tiểu Học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại Học - Sư phạm TP.HCM	Sơ Cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1939	Nguyễn Thị Thanh Nga	7	5	1978	x	01/09/1998	1/1/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư Phạm	Sơ Cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1940	Nguyễn Thị Mỹ Loan	10	08	1973	x	1/9/1994	19/07/1996	Giáo Viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1941	Lê Thị Minh Trang	2	2	1977	x	01/09/1998	1/1/2000	Giáo Viên	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Sư Phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1942	Liêu Thị Thanh Thủy	10	7	1987	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên Mĩ thuật	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học- Sư phạm Mĩ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1943	Nguyễn Thị Thanh Tâm	30	9	1975	x	15-08-1995	01-04-1997	Tổ phó chuyên môn 2	Trường tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	27 năm	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1944	Lương Thị Hà	12	02	1981	x	13/09/2002	01/04/2003	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Phước Hiệp	UBND Huyện Củ Chi	21 năm	V.07.03.29	3,99	Đại Học Sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1945	Nguyễn Ánh Quyền	2	8	1969		15/8/1988	06-01-1991	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	32 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+7 %	Đại học- Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	CN BDCBQL	A	Anh B		
1946	Nguyễn Thị Thu Hồng	29	3	1978	x	09-01-2010	09-01-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	CN BDCBQL	B	Anh B		
1947	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10	1	1976	x	01-08-1997	01-03-2001	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNTT	Anh B		
1948	Lê Thị Mỹ Duyên	13	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1949	Nguyễn Thị Thu	23	11	1978	x	10-09-1998	01-03-2001	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	23 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CC A, UDCNTT	Anh B		
1950	Phan Thị Nguyên Minh	14	12	1973	x	13/9/1993	15/3/1997	Giáo viên tiểu học. TTCM	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Cử nhân Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT Nâng cao	Anh B		
1951	Trần Thị Kim Loan	7	5	1978	x	01-09-2009	01-03-2010	Giáo viên tiểu học. TPCM	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT Nâng cao	Anh B		
1952	Nguyễn Hà Thu	29	1	1976	x	10-01-2010	04-01-2011	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT Nâng cao	Anh B		
1953	Phạm Thị Hồng Nga	1	5	1974	x	20/09/1994	04-01-1996	Giáo viên tiểu học -Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	28 năm	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh B		
1954	Võ Thị Phương Hoa	01	09	1974	x	10-10-1995	23/03/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT Nâng cao	Anh B		
1955	Võ Thị Kim Anh	25	10	1971	x	04/09/1992	09/09/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1956	Hồ Thanh Tùng	30	12	1975		23-08-1997	01-03-2000	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo viên tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Chứng chỉ B Tin học	Anh B		
1957	Nguyễn Văn Hiến	14	12	1986		01/09/2009	01/09/1010	Giáo viên	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
1958	Võ Văn Thanh	9	5	1968		21/8/1989	06-01-1991	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND Huyện Củ Chi	32 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân- Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CNTT A	Anh B		
1959	Huỳnh Thị Hương	01	01	1975	x	01/08/1995	01/03/1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Vinh - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Anh B		
1960	Nguyễn Thị Lệ	05	05	1971	x	14/08/1992	14/02/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2	UBND Huyện Củ Chi	30 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Vinh - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1961	Trần Vĩnh Thế Phong Linh	14	03	1970		22/08/1989	01/03/1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1962	Lê Thị Lệ Thu	12	09	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi 2	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1963	Bùi Thị Liên	29	07	1976	x	01-09-2010	01-09-2011	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Chấm	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp CT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II, III		B- Nâng cao	Anh C		
1964	Phan Thị Lâm	26	2	1971	x	01/9/1993	01/9/1995	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Chấm	UBND Huyện Củ Chi	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp CT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II, III		B- Nâng cao	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1965	Từ Thị Ngọc Mai	5	5	1986	x	01/9/2008	01/9/2009	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp CT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II, III		B- Nâng cao	Anh C		
1966	Lê Thị Kiều Ngân	5	1	1985		15/8/2007	15/02/2008	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	UBND Huyện Củ Chi	15 năm	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục tiểu học TPHCM	Sơ cấp CT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		B, nâng cao	Anh B		
1967	Nguyễn Ngọc Lệ	13	7	1970	x	20/9/1994	04-01-1996	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trần Văn Châm	UBND Huyện Củ Chi	17 năm	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư Phạm Tiểu học	Sơ cấp CT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B- Nâng cao	Anh B		
1968	Lê Thị Lan	27	8	1972	x	01-09-1997	01-01-2000	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Sư Phạm TPHCM	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1969	Huỳnh Văn Hùng	6	4	1985		01-09-2008	01-09-2009	Giáo Viên GDTC	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Trường Đại Học Sư Phạm Thể dục - Thể thao TP HCM	sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
1970	Nguyễn Chí Phương	23	9	1977		07-11-1998	28-12-2001	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	22 năm 4 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Sư Phạm TPHCM	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1971	Phan Ngọc Phương	30	12	1977	x	01-09-1997	01-10-2000	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Vinh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1972	Phan Thị Gái	9	6	1975	x	28-03-1995	01-03-1997	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Vinh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1973	Trần Thị Ngọc Diễm	24	2	1979	x	01-09-2003	01-03-2004	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	20 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Vinh	sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UDCNT T nâng cao	Anh B		
1974	Trần Ngọc Nhi	8	6	1978	x	01-09-1998	01-03-2001	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	23 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Vinh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
1975	Võ Thị Thủy Hằng	22	12	1975	x	01-09-1997	01-01-2000	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Sư Phạm TPHCM	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		THUD B	Anh B		
1976	Lê Thị Liên	5	6	1975	x	31-08-1995	01-02-1997	GV nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học Trường ĐH Vinh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
1977	Nguyễn Văn Sương	2	8	1967		15-08-1988	01-12-1990	Giáo viên kiểm thủ quỹ	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	33 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1978	Lê Thị Nga	4	10	1972	x	15/01/1991	1-4-1993	Giáo viên nhiều môn- TTK1	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	30 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1979	Trần Thị Sem	23	3	1970	x	01/08/1991	01/02/1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1980	Trần Thị Cẩm Hồng	18	2	1971	x	12/09/1991	01-03-1993	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1981	Nguyễn Thị Khánh Trang	1	4	1970	x	15/01/1991	15/11/1993	Giáo viên nhiều môn- TTK3	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II, III		A	Anh B		
1982	Dương Thị Thu Trang	28	2	1974	x	22/08/1994	1-4-1996	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1983	Nguyễn Thị Nam	24	2	1974	x	31/08/1995	22-08-2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	17 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1984	Huỳnh Thị Kim Y	17	1	1973	x	22/08/1994	27-03-1997	Giáo viên nhiều môn- TTK5	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	27 năm	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1985	Ngô Thị Quyên	14	4	1977	x	01/09/2000	01-08-2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	CBQL	A	Anh B		
1986	Nguyễn Thị Hằng	14	12	1976	x	15/08/1998	15/03/2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1987	Hồ Thanh Hải	30	10	1979		24/9/2001	24-3-2002	Giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1988	Nguyễn Thị Đan Thanh	20	10	1982	x	01-09-2004	01-03-2005	Giáo viên dạy mỹ thuật	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	19 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		ƯDCNT TCB	Anh B		
1989	Phạm Ngọc Mai	12	2	1989	x	01/09/2012	1-9-2013	Giáo viên GDTC	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục thể chất	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1990	Nguyễn Thị Mỹ Dung	15	4	1971	x	01/09/2011	01/3/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	12 năm	V.07.03.29	3	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1991	Dương Hồ Ngọc Mỹ	3	12	1977	x	01/08/1997	01-01-2000	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Mỹ	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
1992	Trần Thị Thu	05	05	1974	x	05-09-1994	01-01-1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	27 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
1993	Trần Thị Kim Thư	29	01	1975	x	20-08-1994	01-04-1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	27 năm	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	TCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1994	Nguyễn Thị Hồng Nhi	22	06	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		B	Anh B		
1995	Nguyễn Thị Hiếu	03	11	1981	x	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên dạy Anh văn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học Sư Phạm Ngoại Ngữ	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		B	Cử nhân Anh Văn		
1996	Đặng Thanh Sơn	18	8	1969		18-03-1991	01-04-1993	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	31 năm	V.07.03.29	4,98+0,25HS BL	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1997	Nguyễn Tấn Đoàn	3	10	1969		01-11-1991	01-04-1993	Giáo viên dạy thể dục	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	31 năm	V.07.03.29	4,98+0,2HSB L	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		A	Anh B		
1998	Đặng Thị Ngọc Lan	13	10	1971	x	16/08/1996	01-03-1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	SCCT	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		B	Anh B		
1999	Trần Thị Kim Loan	6	8	1973	x	01/8/1994	01/3/1996	Khởi trường khối 1- Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại Học Sư phạm (Cử nhân Giáo dục Tiểu học)	sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTHU D Trình độ A	Anh B		
2000	Trần Thị Trắng	14	02	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học Sư phạm (Cử nhân Giáo dục Tiểu học)	sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTHU D Trình độ A	Anh B		
2001	Nguyễn Thị Đẹp	26	01	1977	x	01/8/1997	03-01-1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		Tin học ứng dụng - B	Anh B		
2002	Lưu Thị Thảo Hằng	28	7	1991	x	01/9/2012	09-01-2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - B	Anh B		
2003	Lê Trường Duy	8	6	1974		05/09/1996	09/12/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	25 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học sư phạm - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học - B	Anh B		
2004	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01	4	1974	x	09-01-2004	03-01-2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	19 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
2005	Lâm Thị Hoài Nghĩa	12	7	1978	x	09-01-2011	03-01-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CNTTCB	Anh B		
2006	Trần Ngọc Mơ	25	05	1977	x	01/9/1999	01/3/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTHU D B	Anh B		
2007	Trần Thị Thu	17	11	1976	x	23/8/1997	01-01-2000	GV-Khối trưởng Khối 5	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	24 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTHU D B	Anh B		
2008	Trần Thị Ngọc Hân	18	4	1975	x	07-08-1995	23/03/1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	26 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		CCTHU D B	Anh B		
2009	Nguyễn Văn Tú	20	3	1991		01-09-2012	09-01-2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	NGHIỆP VỤ QLGD - Ngày cấp: 21/7/2023	Tin học ứng dụng - B	Anh B		
2010	Nguyễn Thanh Phong	15	4	1971		08/01/1993	01/02/1995	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Tin học ứng dụng - B	Anh B		
2011	Hà Thị Ngọc Hương	15	3	1979	x	01/10/2009	01/4/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Hoà Đông	UBND Huyện Củ Chi	14 năm	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư Phạm (Cử nhân Giáo dục Tiểu học)		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		CCTHU D Trình độ A	Anh B		
2012	Nguyễn Bạch Liên	12	11	1970		24-08-1990	01-01-1993	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Củ Chi	31 năm 03 tháng	V.07.03.29	4,98 + VK 7%	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II	sơ cấp	A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2013	Nguyễn Hà Thế Phu	13	8	1973		23-8-1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Anh B		
2014	Phan Thị Ngọc Mai	14	4	1974	x	20-10-1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	26 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
2015	Trần Thanh Bình	28	3	1977		01-07-1997	15-3-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
2016	Phan Thị Thủy Trar	15	4	1974	x	09-09-1998	12-04-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	22 năm	V.07.03.29	4,65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN cấp Tiểu học		A	Anh B		
2017	Lâm Thị Thanh Tú	19	02	1992	x	01-09-2013	01-03-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	10 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II, III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
2018	Lê Thị Kim Loan	10	6	1979	x	8-9-2011	01/04/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng	UBND Huyện Cù Chi	12 năm	V.07.03.29	3,00	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Anh B		
2019	Đặng Võ Quyền	1	8	1984		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		
2020	Lê Thị Liễu	8	6	1971	x	05-08-1992	01-02-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	30 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
2021	Hà Thị Ánh Loan	5	2	1974	x	01-09-1994	01-04-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	28 năm	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		
2022	Trần Thị Ngọc Minh	18	5	1974	x	10-10-1995	01-04-1997	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	27 năm	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Sư phạm tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		
2023	Nguyễn Thị Linh	6	11	1970	x	01-09-1994	19/7/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	27 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
2024	Nguyễn Hoàng Sinh	7	8	1967		02-08-1986	01-10-1988	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	35 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
2025	Lê Thị Kim Chi	19	8	1970	x	01-08-1991	01-04-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	31 năm	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
2026	Lý Thị Mỹ Dự	2	2	1972	x	01-09-2001	08-04-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	22 năm	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		B	Anh B		
2027	Lâm Quang Tấn	16	9	1966		18-09-1986	01-06-1989	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	34 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2028	Phạm Thị Thanh Tú	12	12	1970	x	01-08-1991	01-02-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	31 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		A	Anh B		
2029	Quách Thị Hồng Trang	28	6	1991	x	12-08-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng II		UD. CNTT nâng cao	Anh B		
2030	Lê Thị Bình Minh	6	9	1973	x	09-02-1995	01-09-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Thị trấn Cù Chi	UBND Huyện Cù Chi	27 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Thể chất	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN Tiểu học hạng III		UD. CNTT Cơ bản	Anh - B1		
2031	Võ Thanh Hiền	21	04	1994		01-10-2013	01-10-2014	Giáo viên môn Thể dục	Trường TH - THCS Tân Trung	UBND Huyện Cù Chi	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	ĐH Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng III		Tin học B	Tiếng Anh B		
2032	Trần Ngọc Diệp	2	1	1984	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật	UBND huyện Cù Chi	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học-Giáo dục Chính trị	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		IC3	A		
2033	Lương Văn Ân	20	11	1970		01-09-1994	01-04-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng III		THUD A	Anh B	Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp 4	
2034	Huỳnh Thị Dum	19	3	1992	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	UBND huyện Cần Giờ	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		THUD A	Anh B	Giải pháp nâng cao chất lượng "Giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo".	
2035	Nguyễn Thị Bé Diệp	6	10	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học An Nghĩa	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,67	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		THUD A	Anh B	Một số biện pháp làm tốt công tác chủ nhiệm để nâng cao năng lực học sinh lớp bốn	
2036	Chan Văn Sơn	17	2	1974		01/01/2000	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2037	Lê Phát Thiện	20	3	1974		05/09/1995	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2038	Ngô Quang Thành	28	11	1971		25/09/1990	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	30 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2039	Nguyễn Thy Thảo	11	12	1970	x	01/08/1996	01/02/1998	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	26 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2040	Nguyễn Văn Giác	21	1	1974		01/09/1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2041	Nguyễn Thị Kim Dung	28	4	1977	x	15/08/1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2042	Phan Thị Kim Ngọc	21	8	1990	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học An Thới Đông	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2043	Bùi Minh Trí	5	8	1984		01-02-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Thể chất		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2044	Đoàn Thanh Cang	20	11	1983		01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Công nghệ thông tin; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên tiểu học hạng II		Đại học Công nghệ thông tin	Anh B		
2045	Hồng Thanh Trung	23	11	1977		01-09-1998	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	17 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2046	Nguyễn Thành Phương	1	4	1966		01-08-1986	01-05-1987	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2047	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	9	6	1973	x	01-01-1994	01-01-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	18 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2048	Nguyễn Thị Ngọc Đào	25	9	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2049	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	27	9	1977	x	01-10-2000	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2050	Nguyễn Thị Thanh Trang	25	10	1979	x	01-11-2000	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2051	Phạm Thị Ngọc Hiền	15	11	1969	x	01-08-1991	01-04-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	18 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2052	Phạm Thị Thu Hồng	15	12	1969	x	01-09-1990	01-01-1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2053	Phạm Thị Thu Thủy	7	10	1972	x	01-09-1990	01-04-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2054	Võ Thị Thanh Nga	1	7	1969	x	01-09-1990	01-04-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Khánh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2055	Đặng Thị Ngọc Kiều	1	10	1984	x	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục thể chất		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2056	Huỳnh Văn Nghiệp	19	1	1978		01-09-2006	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2057	Trần Văn Thảo	16	9	1969		01-09-1991	01-03-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bình Mỹ	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2058	Đặng Thanh Huân	3	3	1972		01-09-1990	25-05-1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	UBND huyện Cần Giờ	19 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15 CLBL	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2059	Huỳnh Văn Mười	14	5	1973		09-03-1992	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,25 CLBL	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		THUD A	Anh B		
2060	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	20	1	1986	x	09-01-2012	01-03-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	UBND huyện Cần Giờ	10 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15 CLBL	Đại học Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên tiểu học hạng II		Trung cấp	Anh C		
2061	Phạm Văn Khánh	10	10	1970		01-09-1990	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Phước	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2062	Trần Văn Đước	26	9	1973		09-09-1992	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,58	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2063	Cao Thị Hương	17	7	1981	x	15/9/2003	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2064	Huỳnh Thị Nguyệt	14	2	1969	X	05-09-1995	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2065	Nguyễn Kim Hồng	10	4	1979	x	15/9/2004	01-09-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2066	Nguyễn Thị Hiền	26	10	1970	x	01-09-1994	01-03-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	22 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2067	Nguyễn Thị Thơm	8	1	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15 CLBL	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2068	Trần Thị Mộng Lê	27	7	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2069	Lê Thị Hương	10	8	1974	x	05-09-1997	01/4/2003	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	21 năm 0 tháng	V 07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2070	Nguyễn Thúy An	20	3	1989	X	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V07.03.29	4,32	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2071	Lê Thị Mỹ Hạnh	01	01	1987	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2072	Nguyễn Kim Đông	27	03	1972		01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,15	Đại học Sư phạm âm nhạc		Giáo viên tiểu học hạng III		THUD B	Anh B		
2073	Nguyễn Minh Nhứt	12	11	1981		01/9/2001	01/10/2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2074	Nguyễn Phước Trung	24	2	1970		01/10/1992	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2075	Trần Văn Cầu	21	2	1967		01/8/1997	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2076	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15	7	1989	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2077	Nguyễn Văn Hiếu	24	7	1966		01-05-1984	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	UBND huyện Cần Giờ	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cao đẳng giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		Đại học	Anh B		
2078	Võ Thị Hận	28	9	1980	x	01-09-2006	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Đồng Hòa	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2079	Hồ Thị Bích Kiều	12	6	1972	x	13/10/2003	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2080	Nguyễn Thanh Bình	18	2	1988		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 7 tháng	V 07.03.29	3,99	Đại học sư phạm Mĩ thuật	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2081	Nguyễn Thị Quang	16	10	1980	x	01/4/2024	01/4/2005	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	19 năm 0 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2082	Nguyễn Thị Út	25	9	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	11 năm 7 tháng	V 07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2083	Trần Thị Kim Hương	19	6	1981	x	01/9/2004	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 7 tháng	V 07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2084	Trương Hồ Dân Ca	23	3	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Hoà Hiệp	UBND huyện Cần Giờ	13 năm 7 tháng	V 07.03.29	3,99	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD B	Anh B		
2085	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02	05	1992	x	01/9/2013	01/9/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Thạnh	UBND huyện Cần Giờ	9 năm 7 tháng	V 07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2086	Đỗ Thị Yến	01	06	1990	x	01/09/2011	01/03/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2087	Huỳnh Thị Hằng	14	04	1977	x	01/11/2000	01-06-2008	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+0,25	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2088	Nguyễn Thị Kim Vê	07	08	1970	x	15/08/1991	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	30 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98+0,25	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2089	Nguyễn Thị Thu Loan	09	09	1987	x	01/09/2021	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98+0,2	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ A	Anh B		
2090	Nguyễn Văn Tâm	01	05	1972		05/09/1996	01-03-2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2091	Phan Thị Thanh Trang	09	09	1977	x	01/08/1997	01/02/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2092	Phạm Thị Ngọc Thu	10	05	1970	x	15/08/1991	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2093	Phạm Thị Thanh Trang	30	11	1972	x	07/11/1990	01/04/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2094	Phạm Hữu Thành	26	06	1985		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giuộc	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên tiểu học		THUĐ B	Anh B1		
2095	Bùi Quốc Thanh	31	12	1972		07-01-1997	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ A	Anh B		
2096	Lê Thị Dung	16	10	1992	x	01-10-2012	01-04-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98+6%	Đại học Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		CNTT cơ bản	Anh B		
2097	Lương Quang Luận	31	7	1988		09-01-2013	01-03-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	10 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ B	Anh B		
2098	Nguyễn Minh Hiệp	19	6	1973		10-01-1992	01-03-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THUĐ B	Anh B		
2099	Nguyễn Thị Thùy Trang	18	11	1974	x	15/7/1996	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		THUĐ A	Anh B		
2100	Nguyễn Thị Thắm	16	3	1991	x	09-01-2012	01-04-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 0 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		CNTT cơ bản	Anh B		
2101	Đinh Thị Huyền Mơ	14	8	1990		01-04-2013	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	UBND huyện Cần Giuộc	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3	Đại học Giáo dục Tiểu học	Không	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>		THUĐ B	Anh B		
2102	Đinh Thị Liễu	14	4	1987	x	01-11-2009	01-11-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạnh An	UBND huyện Cần Giuộc	13 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>	Chứng chỉ	Cao Đẳng Tin học	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
2103	Nguyễn Thanh Trí	1	1	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	UBND huyện Cần Giuộc	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>	Chứng chỉ	THUĐ A	Anh B		
2104	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22	9	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạnh An	UBND huyện Cần Giuộc	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng III</u>	Không	THUĐ A	Anh B		
2105	Hoàng Thị Lợi	7	8	1977	x	01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Tiểu Học Vàm Sát	UBND huyện Cần Giuộc	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>	Chứng chỉ	CNTT cơ bản	Anh B		
2106	Nguyễn Lưu Truyền	2	4	1972	x	05-09-1994	05-09-1994	Giáo viên	Trường Tiểu Học Vàm Sát	UBND huyện Cần Giuộc	14 năm 3 tháng	V07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		CNTT cơ bản	Anh B		
2107	Trịnh Thị Hằng	20	9	1989	x	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên	Trường Tiểu Học Vàm Sát	UBND huyện Cần Giuộc	12 năm 6 tháng	V07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học <u>hạng II</u>		CNTT cơ bản	Anh B		
2108	Huỳnh Kim Sửu	31	8	1973	x	01/09/1994	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2109	Nguyễn Xuân Thanh	15	3	1984		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục thể chất	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2110	Nguyễn Thị Mỹ	23	10	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2111	Nguyễn Thị Kim Thoa	25	5	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2112	Nguyễn Ngọc Lợi	27	9	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2113	Nguyễn Huỳnh Mai	1	11	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2114	Phạm Thị Hồng Đào	6	5	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học, Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh B1		
2115	Nguyễn Doãn Nhân	12	8	1989		01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	9 năm 01 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		UDCNTT CB	Anh A2		
2116	Nguyễn Thụy Thu Trục	21	6	1975	x	01/12/2015	01/12/2016	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Lợi	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
2117	Trần Văn Nhan	6	3	1969		01/01/1993	01/3/2000	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTTCB	Anh trình độ B		
2118	Nguyễn Thị Tuyết Phương	10	12	1975	x	01/9/1994	01/3/2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh trình độ B		
2119	Nguyễn Trung Hiếu	9	11	1978		01/10/1996	01/3/2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh trình độ B		
2120	Nguyễn Thanh Vy	17	8	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh trình độ B		
2121	Trần Thị Yến Như	16	11	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh trình độ B		
2122	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07	5	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh trình độ B		
2123	Lê Thanh Tùng	17	10	1985		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh trình độ A2		
2124	Trần Thị Thanh Nhà	15	2	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
2125	Nguyễn Thị Hoàng Yến	29	1	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học Giáo dục Tiểu học. Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
2126	Đoàn Thị Kiều Diễm	7	11	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTNC	Anh B		
2127	Lê Thị Mộng Trinh	6	10	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục Tiểu học. Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
2128	Nguyễn Thị Thịnh	28	3	1987	x	01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học Giáo dục Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2129	Phan Quốc Phong	19	8	1974		01-09-2010	01-03-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Huyện Nhà Bè	13 năm 01 tháng	V.07.03.29	3.66	Thạc sĩ Giáo dục học bậc Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III	CCBD nghiệp vụ QLNN ngạch chuyên viên	UDCNTT NC	Anh Bậc 3		
2130	Trương Hồng Liên	9	11	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên, tổ phó	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2131	Trần Thị Thu Mai	17	3	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2132	Đinh Phạm Thủy Hương	26	6	1978	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2133	Hồ Bích Diệp	9	7	1972	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2134	Trần Thị Bé	1	10	1970	x	01-09-1997	01-03-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+0,25	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2135	Trịnh Thị Ánh Nguyệt	20	6	1974	x	01-09-1994	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2136	Phan Thị Hồng Hạnh	20	10	1973	x	01-11-1992	01-11-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2137	Phạm Ngọc Tuyết Anh	20	5	1989	x	01/09/2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học-Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2138	Trần Kim Huệ	12	9	1977	x	01/09/1995	01-03-2000	Giáo viên, tổ phó	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2139	Đặng Thị Thu Trang	30	3	1983	x	01/09/2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2140	Từ Thị Ngọc Hiền	23	4	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2141	Lê Thị Hồng Cẩm Vân	21	10	1975	x	01/09/1994	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2142	Trần Thị Lan	15	3	1976	x	01/09/1994	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	18 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2143	Phạm Thị Thủy Hằng	20	4	1976	x	01/09/1994	01-03-2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	18 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98+6%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2144	Phạm Văn Chương	24	4	1968		01/08/1988	01/12/1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	16 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+0,15	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2145	Nguyễn Thị Thúy An	22	6	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2146	Phạm Thị Thanh Huyền	24	8	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2147	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24	1	1983	x	01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2148	Hồ Thị Thanh Thảo	15	9		x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân ngôn ngữ Anh, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Pháp B		
2149	Trần Ngọc Thùy Trang	06	10	1976	x	01/09/1994	01/03/2000	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	24 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2150	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	16	07	1972	x	01/09/1990	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	29 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98+5%	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2151	Hồ Thị Như Ngọc	03	05	1981	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2152	Võ Thị Kim Sang	01	01	1973	x	01/09/1993	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	24 năm 02 tháng	V.07.03.29	4,98+6%	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2153	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07	05	1973	x	01/09/1991	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	29 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2154	Phạm Thị Bích Thảo	24	10	1978	x	01/10/2007	01/10/2008	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	15 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Pháp B		
2155	Trần Văn Tạo	06	06	1969		01/08/1989	01/05/1991	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	31 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,25	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2156	Trần Thị Phúc Ngân	19	06	1983	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lâm Văn Bền	Huyện Nhà Bè	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	TCCC	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2157	Đỗ Văn Chung	15	12	1973		01/01/1993	01/03/2000	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,2	Đại học Sư phạm Tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTTNC	Anh B1		
2158	Mai Thị Thùy Linh	9	11	1973	x	01/08/1993	01/03/2002	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	22 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,15	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2159	Phạm Thanh Hương	22	4	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2160	Nguyễn Ngọc Hoàng Oanh	3	11	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2161	Ngô Thị Ngọc Vân	1	7	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2162	Nguyễn Thị Vân Phương	17	7	1985	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên, chủ tịch công đoàn	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2163	Lê Thị Mộng Tuyền	30	1	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2164	Lê Thị Thanh Trúc	26	4	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B1		
2165	Lê Thị Nho	20	6	1970	x	01/09/1993	01/10/1994	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2166	Phạm Hữu Thanh	8	9	1976		01/09/1994	01/03/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	24 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		Trình độ A	Tiếng Anh B		
2167	Ngô Thị Phương Chi	4	2	1976	x	01/09/1994	01/03/2000	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2168	Nguyễn Thị Hoa Mai	29	5	1975	x	01/09/1994	01/03/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Huyện Nhà Bè	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại học Sư phạm Tiểu học		GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2169	Nguyễn Thanh Hiền	30	12	1976		01/09/1997	01/01/1999	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	25 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B1		
2170	Huỳnh Thị Thanh Thảo	9	9	1972	x	01/09/1992	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		
2171	Nguyễn Thị Thu Hương	28	3	1972	x	01/09/1991	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+0 ,2	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		
2172	Trần Thị Lài	1	6	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		
2173	Trần Thị Tánh	14	1	1975	x	01/09/1995	01/01/1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	25 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2174	Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt	29	12	1970	x	01/09/1989	01/03/2000	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	24 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		
2175	Nguyễn Thị Xuân Hương	16	11	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB			
2176	Nguyễn Thị Khuyên	3	8	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học giáo dục thể chất	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh - B		
2177	Lê Ngọc Tâm	28	10	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Huyện Nhà Bè	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Thạc sĩ Quản lý giáo dục; Đại học Công nghệ thông tin Trung cấp giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		Đại học	Anh - B1		
2178	Phạm Hữu Thuận	17	08	1974		01/09/1994	01/03/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân giáo dục tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B1		
2179	Phan Thị Minh	07	08	1973	x	01/09/1991	01/10/1994	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2180	Huỳnh Thị Hồng Loan	05	09	1973	x	01/09/1994	01/03/2000	Giáo viên, UV.BCHCĐ	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2181	Phan Thị Thu Thủy	02	12	1968	x	01/09/1989	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2182	Trương Văn Huy	08	02	1984		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên, Tổng phụ trách Đội	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục thể chất	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2183	Ngô Thị Năm	06	02	1973	x	01/09/1994	01/01/2000	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Anh B		
2184	Kiều Ngọc Giang	09	11	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	11 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2185	Nguyễn Thị Kim Vân	10	11	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Trưởng ban TTND	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	10 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2186	Trần Thị Thanh Hương	02	02	1981	x	01/09/2008	01/03/2009	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Huyện Nhà Bè	15 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Anh B		
2187	Võ Ngọc Phương	27	9	1974		01/05/1995	15/4/2000	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thệ	Huyện Nhà Bè	18 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,98	Thạc sĩ giáo dục học bậc tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B1		
2188	Bùi Thị Thùy Trang	13	9	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thệ	Huyện Nhà Bè	10 năm 03 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2189	Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt	03	02	1972	x	01/11/1993	31/10/2017	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thệ	Huyện Nhà Bè	9 năm	V.07.03.29	4,98	- Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2190	Phan Thị Bảy	31	5	1969	x	01/09/1988	15/04/2000	Giáo viên, CTCĐ	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2191	Nguyễn Ánh Hạnh Nhân	2	6	1968	x	01-09-1989	15/04/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2192	Nguyễn Thị Trinh	15	5	1973	x	15-11-1993	12/04/2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	15 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2193	Nguyễn Thị Kim Vương	2	3	1969	x	15-8-1988	01/04/1993	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2194	Bùi Thị Phương Loan	8	2	1968	x	01/09/1995	15/04/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2195	Lê Thị Kim Thúy	12	10	1976	x	01/10/1995	15/04/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	16 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2196	Võ Thị Ngọc Lan	19	1	1981	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên; UV.BCHCĐ	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2197	Trương Nguyễn Ngọc Thu	24	12	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2198	Nguyễn Thị Mỹ Dung	2	4	1985	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên; Tổ phó	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2199	Hoàng Kim Anh	27	9	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên; Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2200	Trần Phương Oanh	1	1	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên; Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2201	Võ Thị Kim Thoa	1	10	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên; Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2202	Ngô Thương Anh Tuấn	30	5	1979		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên; Phó CTCĐ	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B2		
2203	Võ Thị Kim Hoàng	25	03	1970	x	01/09/1990	18/01/1995	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2204	Châu Thị Bích Thủy	16	07	1995	x	01/12/2016	01/06/2017	Giáo viên; Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	6 năm 9 tháng	V.07.03.29	2,67	Thạc sĩ Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B1		
2205	Võ Thị Hương	07	07	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên; Tổ phó	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân sư phạm Âm Nhạc	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2206	Lâm Văn Sơn	15	06	1967		01/09/1991	12/04/2002	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2207	Lê Thị Dung	07	09	1992	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2208	Trần Thị Hoàng Huy	13	8	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2209	Nguyễn Thị Mỹ Nga	30	4	1969	x	01-11-1994	01-11-1994	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98 + 6%	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2210	Trần Kim Như Lệ Thủy	16	7	1976	x	01-09-1994	01-09-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2211	Phạm Thị Hồng Xuyến	27	3	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2212	Nguyễn Thị Kim Thi	5	6	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2213	Lê Vinh Phú	14	11	1989		01-09-2011	01-09-2012	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2214	Đỗ Thị Luận	29	7	1971	x	01-10-1993	01-10-1993	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2215	Trương Thị Kim Liêng	4	8	1969	x	01-09-1987	01-09-1987	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	14 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98 + 6%	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2216	Nguyễn Thị Hương	28	7	1971	x	01-09-1996	01-09-1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	16 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2217	Nguyễn Trọng Nho	23	7	1972		01-09-1991	01-09-1991	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + 6%	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2218	Phạm Tấn Hùng	14	5	1972		01-09-1990	01-09-1991	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	5,18	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2219	Đặng Hồng Phương	24	11	1972	x	01-08-1997	01-08-1999	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2220	Ngô Thị Niềm	6	7	1969	x	01-10-1989	01-10-1989	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	13 năm 04 tháng	V.07.03.29	5.13	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCCTT CB	Tiếng Anh B		
2221	Vũ Thị Thu Lành	2	2	1981	x	01-10-2000	29-04-2010	Giáo viên, Tổ phó	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	13 năm 11 tháng	V.07.03.29	4.65	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCCTT CB	Tiếng Anh B		
2222	Vân Thị Kim Nho	26	12	19	x	01-10-1992	01-10-1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2223	Lê Minh Giàu	28	4	1989		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh C		
2224	Nguyễn Văn Giàu	18	5	1973		01/9/1991	01/10/2005	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	18 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + 5%	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2225	Trịnh Văn Dũng	27	2	1984		20/08/2009	01/03/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCN TTCB	Tiếng Anh B1		
2226	Vũ Thị Ngọc	21	4	1988	x	01/09/2009	01/03/2010	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Huyện Nhà Bè	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		UDCN TTCB	Tiếng Anh B		
2227	Trương Thanh Phương	21	10	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		B	Anh ĐH		
2228	Nguyễn Thị Thu Thảo	30	7	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2229	Nguyễn Thị Thảo	24	3	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		B	Tiếng Anh B		
2230	Nguyễn Ngọc Hà	2	2	1984	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2231	Lê Thị Ngọc Quý	7	7	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2232	Lê Thị Tâm	15	10	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2233	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	8	7	1975	x	01/10/2001	01-07-2009	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Huyện Nhà Bè	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		B	Tiếng Anh B		
2234	Nguyễn Thị Thom	2	10	1973	x	01/10/1992	01/10/1994	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2235	Nguyễn Thị Diệp	5	10	1975	x	01/10/1993	01/3/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Sư phạm Tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
2236	Nguyễn Thị Thu Thủy	14	10	1970	x	01/01/1993	01/3/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2237	Trần Thị Kim Loan	21	6	1971	x	01/11/1990	01/10/1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Đại học		
2238	Nguyễn Văn Trọng	23	4	1969		01/9/1994	01/3/2000	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	24 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		A	Tiếng Anh B		
2239	Phạm Thị Thủy Hạnh	24	10	1978	x	01/6/2008	01/6/2009	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	14 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2240	Hồ Thị Ngọc Sang	20	4	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên, Tổ phó	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	14 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2241	Vương Cẩm Kiều	25	7	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT B1	Tiếng Anh B1		
2242	Phạm Thị Cẩm Hà	19	11	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2243	Nguyễn Thị Cẩm Xuyên	15	5	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2244	Mai Thị Yến Nhi	30	9	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm Tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		A	Tiếng Anh B		
2245	Lê Thị Xuân Thới	15	10	1972	x	12/09/1994	01/12/1996	Giáo viên	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Huyện Nhà Bè	27 năm 4 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục Tiểu học		GVTH Hạng II		UDCNTT CB			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2246	Lê Thị Bích Liễu	13	7	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2247	Nguyễn Thủy Trang	2	3	1988	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2248	Trần Thị Diễm Trinh	27	8	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		A	Tiếng Anh B		
2249	Trần Thị Thanh Loan	1	10	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2250	Phạm Thị Kiều Vân	6	8	1971	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GVTH Hạng III		A	Tiếng Anh C		
2251	Trương Thành Phát	22	4	1988		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên, tổ phó	Trường Tiểu học Ta Uyên	Huyện Nhà Bè	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Kỹ sư công nghệ thông tin		GVTH Hạng III		B	Tiếng Anh B		
2252	Bùi Thu Thủy	11	09	1971	x	01/09/1990	01-04-1993	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	29 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,98 + 0,15 CLB	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2253	Lê Thị Hồng Trang	05	03	1972	x	01/09/1994	01/03/1996	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	28 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2254	Huỳnh Thị Trúc Phương	24	02	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2255	Trần Thị Kim Hồng	28	08	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2256	Trần Ngọc Hải Yến	07	04	1985	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2257	Phạm Thị Thủy Trang	20	10	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2258	Trương Thị Thủy Luyện	04	04	1982	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2259	Đặng Văn Quân	05	03	1988		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2260	Đoàn Thị Ngọc Thuận	22	10	1989	x	01/12/2013	01/12/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	9 năm 4 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2261	Hoàng Thị Tuyền	08	02	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2262	Phạm Thị Hồng Vân	30	5	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTNC	Tiếng Anh B		
2263	Đoàn Thanh Ngân	04	05	1993	x	01/9/2014	01/3/2015	Giáo viên, tổ phó	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	9 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,67	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTNC	Tiếng Anh B		
2264	Mai Thị Hồng Nhung	08	08	1985	x	01/3/2008	01/3/2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
2265	Trịnh Thị Tuyết	20	07	1987	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Huyện Nhà Bè	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		CNTTNC	Tiếng Anh B		
2266	Phan Thị Luận	10	01	1992	x	01/08/2013	01/02/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	2,67	Đại học Sư phạm Tiểu học.	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT cơ bản	Trình độ B		
2267	Huỳnh Kim Ngọc	8	6	1975	x	01-09-1994	01-09-1998	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2268	Trương Thị Lệ Hằng	12	6	1982	x	01-09-2012	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2269	Nguyễn Thị Mỹ Kiều	13	2	1973	x	01-09-1993	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2270	Võ Thị Lan Hương	29	1	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Kỹ sư Công nghệ thông tin, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GVTH Hạng II		ĐH	Tiếng Anh B		
2271	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22	1	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2272	Phạm Thị Thu Thủy	29	1	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Giáo dục tiểu học. Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2273	Đoàn Thị Kim Long Giao	3	6	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2274	Phạm Thị Ngọc Giao	10	3	1983	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Tổ phó	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2275	Trần Thị Kim Phụng	10	2	1973	x	01-09-1991	01-09-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2276	Nguyễn Thị Mỹ Hải	20	5	1974	x	01-09-1993	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2277	Lê Thị Hồng Loan	25	7	1972	x	01-09-1990	1-10-1994	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2278	Phạm Hữu Phương	16	2	1970		15-08-1993	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2279	Lê Thị Kim Hương	28	5	1976	x	01-08-1996	01-01-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98+6 %	Đại học Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2280	Trần Thị Thu Trang	16	4	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học ngôn ngữ Anh, Cao đẳng sư phạm Anh	Sơ cấp	GVTH Hạng II		UDCNTT CB	ĐH		
2281	Nguyễn Văn Minh	14	10	1973		01-12-1995	01/06/1997	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	08 năm 08 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục Tiểu học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	TC	GV Tiểu học hạng III; GV Tiểu		Trình độ B	Anh Bậc 3		
2282	Nguyễn Thị Thu Hà	01	09	1968	x	04/09/1985	01/08/1987	Giáo viên chuyên trách	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	10 năm 00 tháng	V.07.03.29	4,98 + CLBL 0,25	Đại học - Giáo dục Tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III		Trình độ B	Anh - Trình độ B		
2283	Đỗ Thị Thanh Huyền	12	02	1972	x	01-01-1993	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	11 năm 01 tháng	V.07.03.29	4,98	Đại học - Giáo dục Tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III; GV Tiểu		Trình độ B	Anh - Trình độ B		
2284	Nguyễn Thị Sinh	08	04	1987	x	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	10 năm 07 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	TC	GV Tiểu học hạng III		Trình độ B	Anh - Trình độ B		
2285	Nguyễn Thị Hồng Vân	30	05	1976	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	12 năm 03 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	TC	GV Tiểu học hạng III		Trình độ A	Anh - Trình độ B		
2286	Đặng Thị Vang	01	11	1976	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường Tiểu học An Khánh	UBND TP Thủ Đức	10 năm 09 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Ngôn ngữ Anh	TC	GV Tiểu học hạng III; GV Tiểu		Trình độ B	Anh ĐH		
2287	Đỗ Thị Xuân Mai	1	2	1978	x	30/09/2002	30/9/2003	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học An Phú	UBND TP Thủ Đức	16 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học - Cử nhân Sư phạm	TCCT	GVTH hạng II		A	B		
2288	Lê Thị Ngọc Thanh	28	4	1986	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học An Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Cử nhân Sư phạm	TCCT	GVTH hạng II	Chứng chỉ - CBQL	A	B		
2289	Lê Thị Giang	12	9	1984	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Tin Học	Trường Tiểu học An Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin Chứng chỉ sư phạm bậc 2	TCCT	GVTH hạng II		Đại học CNTT	B		
2290	Đặng Thị Tuyết Mai	13	1	1975		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu Học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2291	Đỗ Minh Trường	16	2	1988		01-09-2010	01-03-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu Học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
2292	Nguyễn Thị Thanh Cúc	23	3	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu Học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
2293	Lê Thị Hoài Vân	16	4	1985		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	14 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu Học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
2294	Nguyễn Thị Hồng Liên	20	5	1992		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu Học		GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
2295	Lê Thị Thu Sương	20	06	1976	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Quới	UBND TP Thủ Đức	16 năm 8 tháng	V.07.3.29	3.99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTCB	Anh B		
2296	Bùi Mộng Thanh Trúc	30	03	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Quới	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.3.29	3.66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTNC	Anh C		
2297	Phạm Ngọc Thủy Dương	12	02	1989	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	09 năm	V.07.03.29	3.0+8 %	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
2298	Lưu Thị Kim Dung	23	03	1976	x	06/12/1995	01/05/1999	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	19 năm	V.07.03.29	4,65+2 4%	Đại Học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
2299	Đặng Thị Kim Liên	04	02	1970	x	25/08/1990	01/07/1992	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	19 năm	V.07.03.29	4,98+3 1%	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
2300	Phạm Thị Hồng	04	04	1978	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	.99+16%	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II	x	A	B		
2301	Nguyễn Thị Kiều Chinh	17	08	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	10 năm	V.07.03.29	3.33+9 %	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh ĐH Pháp B		
2302	Nguyễn Thị Thủy Dung	19	01	1978	x	31/08/2007	27/06/2008	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Triệu	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	.33+16%	Đại học - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
2303	Trịnh Hoàng Anh	4	7	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên- TTCM	Trường Tiểu học Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	11 năm	V.07.03.29	3.33	Cử nhân- Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		THUD B	Anh B		
2304	Trương Mộng Diệp	1	4	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên - TTCM khối 5	Trường Tiểu học Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	11 năm	V.07.03.29	3.33	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	Anh B		
2305	Ngô Thị Hoàng Hạnh	27	6	1976	x	01-09-2008	01-09-2009	Giao viên	Trường Tiểu học Bình Trung Đông	UBND TP Thủ Đức	16	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Anh văn	Trung cấp	GV TH hạng III		B Tin học	B Pháp văn		
2306	Bùi Thị Kim Thoa	9	1	1972	x	01-09-1993	01-03-1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	29 năm 2 tháng	V.7.03.29	4,65	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		A	Tiếng Anh A		
2307	Nguyễn Thị Nam Trân	17	2	1980	x	01-09-2005	01-03-2006	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	18 năm 2 tháng	V.7.03.29	3,99	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		B	Tiếng Anh B		
2308	Nguyễn Thị Thu Tuyết	27	5	1976	x	01-08-1996	01-02-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	26 năm 3 tháng	V.7.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học		B	Tiếng Anh B		
2309	Hoàng Thị Hương	9	1	1972	x	01-09-1997	01-09-1997	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	26 năm 8 tháng	V.7.03.29	4,98	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		A	Tiếng Anh B		
2310	Trần Thị Tâm	14	4	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.7.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		B	Tiếng Anh B		
2311	Trần Mỹ Ngọc	25	9	1993	x	01-09-2014	01-03-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Bùi Văn Mới	UBND TP Thủ Đức	9 năm 2 tháng	V.7.03.29	2,67	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2312	Hoàng Thị Khánh Chi	20	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33+11%	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ A	Anh B		
2313	Nguyễn Thị Hiền	6	2	1979	x	01-09-2011	01-09-2012	giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66+19%	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2314	Trịnh Thị Huệ	19	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66+12%	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2315	Triệu Thị Nhung	29	4	1991	x	01-06-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.08	3.03+11%	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh - TOEIC 720		
2316	Ngô Thị Thu	17	3	1974	x	01-09-2010	01-02-2013	giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3.33+13%	Đại Học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2317	Nguyễn Trần Thanh Vi	29	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	giáo viên	Trường Tiểu học Đặng Thị Rành	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33+11%	Đại Học - Giáo dục tiểu học		Giáo viên Tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2318	Võ Thị Thanh Phúc	06	04	1992	X	30/08/2013	01/06/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đặng Văn Bật	UBND TP Thủ Đức	9 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTNC	Anh trình độ B		
2319	Nguyễn Thị Thảo Quyên	24	08	1992	X	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Đặng Văn Bật	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		CNTTNB	Anh trình độ B		
2320	Lương Thị Tinh	19	10	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	B		
2321	Vũ Thị Ngọc Thủy	25	11	1977	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		B	CĐ		
2322	Phạm Thị Linh Huệ	16	07	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		UDCNTT CB	B		
2323	Bùi Thị Hạnh	25	09	1971	x	22/08/1991	01/09/2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98 + 6%	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	B		
2324	Nguyễn Thị Hương	23	03	1986	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.03	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng III		UDCNTT CB	B		
2325	Phan Thị Phương Liên	23	07	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		UDCNTT CB	B		
2326	Nguyễn Đức Hạnh	05	11	1974		01/09/2009	01/02/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		B	B		
2327	Nguyễn Thị Thúy Hằng	09	09	1979	x	01/09/2010	01/09/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	B		
2328	Lê Thị Trúc Linh	11	09	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		UDCNTT CB	B		
2329	Trần Thị Quế Thanh	14	07	1988	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Đào Sơn Tây	UBND TP Thủ Đức	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3.66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		A	B		
2330	Ngô Thị Lai	16	11	1985	x	09/01/2010	01/01/2012	Giáo viên tiếng Anh	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	UBND TP Thủ Đức	12 năm	3,66	5	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	CDNN hạng 2,3		B	B2-Cambridge		
2331	Trần Thị Phi Trâm	11	02	1985	x	01/09/2011	01/08/2012	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	UBND TP Thủ Đức	12 năm	3,33	4	Cử nhân Âm nhạc	Sơ cấp	CDNN hạng 3	Sơ cấp	A	B		
2332	Nguyễn Cẩm Linh	22	05	1987	x	01-01-2009	01-01-2010	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên tiểu học hạng II		THUĐ A	Anh ĐH		
2333	Vũ Thị Thanh Thảo	02	01	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2334	Quần Thị Huyền	05	10	1979	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	11 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2335	Võ Thị Nhiều	05	03	1974	x	01-10-2009	01-02-2013	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	11 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2336	Phạm Thị Liên	22	12	1973	x	25-09-1997	01-08-2005	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,65	Cử nhân giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		THUĐ B	Anh B		
2337	Nguyễn Thị Hiền	07	10	1986	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Đỗ Tấn Phong	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Thạc sĩ giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
2338	Nguyễn Đăng Quỳnh Như	26	11	1974	x	01/8/1995	07/4/1997	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	26 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân- Giáo dục tiểu học Thạc sỹ QLGD	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh- Bậc 3		
2339	Trần Thị Cẩm Vân	11	3	1990	x	01/9/2021	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân- Giáo dục tiểu học Thạc sỹ QLGD	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh - B		
2340	Mai Thu Hiền	01	02	1980	x	01/9/2009	03-01-2010	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Sư phạm mỹ thuật	Trung cấp	GV TH hạng III		B	Anh - B		
2341	Lê Minh Kha	31	8	1976		01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên TD	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	17 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh - B		
2342	Nguyễn Thị Kiều P	18	11	1977	x	01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	19 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân- Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh - B		
2343	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	14	7	1985	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân- Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		B	Anh - B		
2344	Phạm Thị Thu Tran	07	10	1987	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	4,68	Cử nhân- Sư phạm Âm nhạc		GV TH hạng III		B	Anh - B		
2345	Đoàn Thị Thu Dung	23	3	1986	x	01/9/2011	01/3/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	12 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,00	Cử nhân- Giáo dục tiểu học		GV TH hạng III		A	0		
2346	Nguyễn Thị Mỹ Phương	25	8	1981	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu họcHiệp Bình Chánh	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH Hạng II		B	B Anh		
2347	Lê Thị Bích Liên	10	5	1982	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu họcHiệp Bình Chánh	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học		GV TH Hạng II		B	B Anh		
2348	Hoàng Thị Thu Hạnh	21	1	1978	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu họcHiệp Bình Chánh	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH Hạng II		B	B Anh		
2349	Trần Thị Thu	1	7	1978	x	01/9/2001	01/3/2002	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	22 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,99	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng III		B	Tiếng Anh B		
2350	Bùi Thị Kim Thoa	27	10	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 4 tháng	V.07.03.08	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CCB	Tiếng Anh B		
2351	Phạm Thị Kim Hương	24	8	1982	x	01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	20 năm 1 tháng	V.07.03.08	3,99	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2352	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18	9	1981	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CCB	Tiếng Anh B		
2353	Lê Thị Minh	28	4	1980	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
2354	Phan Thị Kim Cúc	15	9	1978	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CB	Tiếng Anh Bậc 4		
2355	Bùi Thị Ngọc Anh	11	7	1988	x	15/8/2009	15-8-2010	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường Tiểu học Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,66	Cử nhân sư phạm âm nhạc		GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CCB	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2356	Đặng Thị Ngân	06	7	1985	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Ngỗi	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm âm nhạc Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng II		B	B		
2357	Nguyễn Thị Thu Thảo	23	06	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Huỳnh Văn Ngỗi	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GVTH hạng III		B	B		
2358	Trần Huyền Trang	24	06	1986	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		A	B		
2359	Trần Thị Minh Quyền	10	01	1982	x	03/9/2006	01/7/2007	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		UDCNTT CB	B		
2360	Trần Mai Ngọc Trúc	01	01	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		A	B		
2361	Đậu Thị Hiền	20	07	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		UDCNTT CB	B		
2362	Phan Mỹ Khanh	30	11	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		A	B		
2363	Đinh Thị Hồng	09	02	1979	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III			B		
2364	Đào Khắc Sự	29	11	1989		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Thể dục thể chất	Trường Tiểu học Lê Văn Việt	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		B	B		
2365	Nguyễn Thị Thiên Hà	27	7	X		01/09/2007	01/09/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu họcLinh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		B	Anh ĐH		
2366	Nguyễn Thị Mười Ba	12	7	1985	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Tiểu họcLinh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		B	Anh C		
2367	Bùi Thị Hằng	3	2	1982	X	01/09/2010	01/03/2011	Giáo viên	Trường Tiểu họcLinh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		B	Anh B		
2368	Nguyễn Xuân Hiệp	16	2	1979	X	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Tiểu họcLinh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học		GV tiểu học hạng II					
2369	Trần Thị Thanh Hòa	17	8	1990	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu họcLinh Chiểu	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		UDCNTT CB	Anh C		
2370	Trương Thị Ánh Mai	02	11	1988	x	01/9/2010	01/09/2011	Giáo viên Tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Linh Đông	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Chứng chỉ	B	Anh B		
2371	Cao Trần Thanh Thủy	5	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên tiểu học - Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu họcLinh Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo viên tiểu học		GV TH hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ anh văn B		
2372	Huỳnh Kim Khánh	25	12	1986	x	20-01-2010	20-07-2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu họcLinh Tây	UBND TP Thủ Đức	13 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo viên tiểu học		GV TH hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ anh văn B		
2373	Hoàng Thị Tuyền	9	11	1984	x	01/03/2013	01/09/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu họcLong Bình	UBND TP Thủ Đức	9 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33+1 0%	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV tiểu học hạng II		A	B		
2374	Trần Thị Ngọc Lý		1	1985	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu họcLong Thanh Mỹ	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Ngữ Văn Anh	SC	GV TH hạng III; II		CNTTNC	Anh ĐH		
2375	Nguyễn Huỳnh Thùy Hươn	2		1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên TH hạng III	Trường Tiểu họcLong Thanh Mỹ	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân GDTH	SC	GV TH hạng III; II		CNTTNC	Anh B		
2376	Nguyễn Hồ Phương Lan	12		1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên TH hạng III	Trường Tiểu họcLong Thanh Mỹ	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân GDTH	SC	GV TH hạng III; II		CNTTNC	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2377	Từ Thị Mỹ Trúc	30	8	1975		25/08/1997	16-07-1999	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	UBND TP Thủ Đức	18 năm 3 tháng	V.07.03.29	4.32	Cử nhân Giáo Dục Tiểu Học	Sơ cấp	GV TH hạng II		B	B		
2378	Trần Ngọc Tuyền	18	7	1979	x	01/09/2001	01/03/2022	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh I	UBND TP Thủ Đức	22 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV TH hạng II, GV TH hạng III		THUD A	Anh B1		
2379	Nguyễn Thị Oanh	12	4	1983	x	01/09/2007	01/03/2013	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh I	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II, GV TH hạng III		THUD B	Anh B		
2380	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	04	11	1973	x	01/09/1993	01/09/1996	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	31 năm	V.07.03.29	4.98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II	Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Tin học A	B1 - Anh		
2381	Đào Ngọc Thái	16	10	1966		01/08/1986	01/03/1992	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	24 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,98 + bảo lưu 0,25	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II		CNTTCB	B - Anh		
2382	Trần Thị Hoa Hồng	09	08	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	12 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	chức danh nghề nghiệp hạng III		Tin học A	B - Anh		
2383	Hà Thị Ngọc Trâm	07	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II		CNTTCB	B - Anh		
2384	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	26	10	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II		CNTTCB	B - Anh		
2385	Trịnh Thanh Phong	12	5	1988		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II	Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Tin học B	Anh Bậc 4 B - Pháp		
2386	Nguyễn Thị Thuý Linh	20	09	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	chức danh nghề nghiệp hạng III		Tin học A	B - Anh		
2387	Nguyễn Thị Hoa Bắc	10	04	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Mỹ Thủy	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	chức danh nghề nghiệp hạng II		CNTTCB	B - Anh		
2388	Nguyễn Thị Bạch Cúc	12	10	1976	x	01/9/1999	01/4/2000	Giáo Viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	16 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học -Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng B Tiếng Anh		
2389	Vũ Thị Kiều Oanh	5	5	1991	x	01-08-2013	01/08//2014	Giáo Viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học -Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		Bằng A Tin học	Bằng B tiếng Anh		
2390	Trần Thị Lê Na	28	3	1976	x	31-12-1996	27-12-1998	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	15 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		Bằng B Tin học	Bằng B tiếng Anh		
2391	Nguyễn Thị Loan	15	3	1980	x	04-01-1997	07-05-2006	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	14 năm 2 tháng	V.07.03.29	4,58	Cử Nhân khoa học ngành Giáo Dục Tiểu Học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		Bằng B Tin học	Bằng B tiếng Anh		
2392	Cao Thi Ly	28	4	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo Viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học -Cử nhân Ngôn Ngữ Anh		GV Tiểu học hạng III		Bằng B Tin học	Bằng B Tiếng Trung		
2393	Đào Thị Thanh	10	2	1974	x	30/8/2005	09-01-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		Bằng B Tin học	Bằng B tiếng Anh		
2394	Nguyễn Duy Hải	7	2	1978		01-08-2013	01/08//2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Cử nhân Giáo dục Tiểu Học		GV Tiểu học hạng III		Bằng A Tin học	Bằng B tiếng Anh		
2395	Đặng Thị Thủy Trang	2	10	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,34	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Trung cấp	GV Tiểu học hạng III		Đại học	Bằng B tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2396	Nguyễn Thị Thu Hương	20	9	1985		01-08-2013	01/08//2014	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	UBND TP Thủ Đức	10 năm 3 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại học - Cử nhân Sư phạm Mỹ thuật	Trung Cấp	GV Tiểu học hạng III		Bảng B Tin học	Bảng B tiếng Anh		
2397	Nguyễn Lê Trúc Phương	16	6	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Minh Quang	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân sư phạm giáo dục thể chất	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II và III		UDCNTT NC	Anh B		
2398	Mai Thị Ngoát	7	6	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên tiểu học- Môn Thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Minh Quang	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II và III		UDCNTT CB	Anh B		
2399	Đỗ Thị Minh Tuyền	4	3	1990	x	01-09-2011	01-01-2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Minh Quang	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên Tiểu học Hạng II và III		UDCNTT CB	Anh A2		
2400	Nguyễn Thị Hương	21	3	1981	x	01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư	UBND TP Thủ Đức	19 năm 05 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại Học - Sư phạm Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		CNTTCB	Anh B		
2401	Phan Thị Lai	14	1	1969	x	01/9/2010	01/3/2011	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	UBND TP Thủ Đức	13 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		A	Anh - B		
2402	Ngô Thị Huyền	21	12	1984	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng, II, hạng III		B	Anh - B		
2403	Trần Thị Thắm	22	11	1986	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân SP Mĩ thuật	Trung cấp	GV TH hạng III		A	Anh - B		
2404	Nguyễn Thị Việt Anh	15	3	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng, II, hạng III		B	Anh - B		
2405	Nguyễn Thị Thêu	6	6	1990	x	01/8/2014	01/8/2014	Giáo viên tiểu học hạng III	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.08	3,03	Cử nhân Tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng, II, hạng III		C	Anh - B		
2406	Lại Thị Thu Hà	24	10	1978	x	01-06-2008	24-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	15 năm 6 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
2407	Đặng Thị Cúc	04	07	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
2408	Võ Thị Mỹ Ngọc	05	10	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V07.03.08	03.03	Đại học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh C		
2409	Cao Thị Kim Thủy	31	1	1977	x	20-08-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	24 năm 7 tháng	V 07.03.08	4.58	Đại học	Trung cấp	Gv TH Hạng II		CNTT B	Anh B1		
2410	Đào Thị Thủy	10	2	1990	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
2411	Nguyễn Ngọc Bích	20	11	1968	x	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Banh	UBND TP Thủ Đức	24 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học	sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
2412	Lương Thị Lan	5	2	1991	x	01-08-2013	01-02-2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND TP Thủ Đức	09 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,00 đ	Cử nhân- Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng II		B	Anh B		
2413	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16	1	1986	x	01-09-2009	01/03/2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Lịch	UBND TP Thủ Đức	14 năm 01 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân- Giáo dục tiểu học		GV Tiểu học hạng III		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2414	Cao Thị Trà	06	08	1990	x	01/08/2013	01-02-2014	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở	UBND TP Thủ Đức	10 năm 2 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2415	Nguyễn Thị Nghĩa	16	11	1979	x	01/09/2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở	UBND TP Thủ Đức	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học	Trung cấp	GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2416	Võ Thị Thanh Hằng	15	01	1976	x	01/09/2009	01-03-2010	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở	UBND TP Thủ Đức	14 năm 1 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học		GV tiểu học hạng II		THUD A	Anh B		
2417	Nguyễn Thị Bích Hòa	02	06	1988	x	01/09/2011	01/01/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 3 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại Học - Sư phạm giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2418	Đặng Thị Hiền	20	04	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tây	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại Học - Sư phạm giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học hạng II		B	B		
2419	Nguyễn Thị Phước Vinh	20	02	1990	x	01/09/2014	01/09/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tây	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,03	Đại Học - Sư phạm giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng III		UDCNTT Cơ bản	B		
2420	Trần Hồng Ân	13	2	1978	x	01-09-1998	01-01-2000	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Triết	UBND TP Thủ Đức	14 năm 5 tháng	V.07.03.08	4,58	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		giáo viên tiểu học Hạng II		Trình độ B	Trình độ A		
2421	Bùi Thị Sen	3	11	1976	x	30/08/1996	30-08-1997	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Triết	UBND TP Thủ Đức	14 năm 5 tháng	V.07.03.08	4,89	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		giáo viên tiểu học Hạng III+II		Trình độ B	Trình độ B		
2422	Trần Thị Tuyết Sương	22	3	1976	x	05/09/1996	05/03/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Triết	UBND TP Thủ Đức	14 năm 5 tháng	V.07.03.08	4,58	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		giáo viên tiểu học Hạng II		UDCNTT-TDH	Tiếng Anh A		
2423	Lê Thị Băng Tâm	24	11	1975	x	01-08-1996	01/02/1998	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Triết	UBND TP Thủ Đức	14 năm 3 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học - Sư phạm Tiểu học		giáo viên tiểu học Hạng III		UDCNTT-TDH	Tiếng Anh B		
2424	Đoàn Minh Hiếu	02	02	1984		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học-Cử nhân Ngữ văn Anh	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III và hạng		Trình độ B	Anh ĐH		
2425	Trương Thị Ngần	10	01	1986	x	01/9/2009	01/09/2010	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học-Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III và hạng		Trình độ B	Anh ĐH		
2426	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26	01	1993	x	01/8/2013	01/02/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	10 năm 1 tháng	V.07.03.29	3.00	Đại học-Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III và hạng		Trình độ B	Trình độ B		
2427	Nguyễn Thị Phương Thanh	19	02	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học-Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III		UDCNTT CB	Bậc 3		
2428	Hồng Thảo Nguyễn	13	11	1988	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học-Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III		Trình độ B	Anh ĐH		
2429	Lê Thị Kim Phi	05	7	1972	x	01/9/1993	18/7/1995	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	28 năm 8 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học-Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III		Trình độ B	Trình độ B		
2430	Vương Huỳnh Thủy Trang	19	9	1977	x	12/8/1997	01//02/1999	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	25 năm 1 tháng	V.07.03.29	4.65	Đại học-Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III		Trình độ A	Trình độ B		
2431	Huỳnh Văn Thạch	15	5	1971		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc Thạc sĩ - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng III và hạng II		Trình độ B	B2		
2432	Vũ Thị Quyên	15	11	1985	x	01/09/2010	01-01-2012	Giáo viên VTM	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	12 năm 3 tháng	V.07.03.29	3,66 +12%	Đại Học - Sư phạm Giáo dục tiểu học	TC	CC CDNN GV tiểu học		B	B- Anh		
2433	Phạm Trường Giang	12	12	1989		15/08/2011	01-09-2012	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33 + 12%	Đại Học - Sư phạm Thể dục thể thao TP. HCM	SC	CC CDNN GV tiểu học		B	B- Anh		
2434	Mai Thị Hồng Khánh	6	10	1991	x	07/12/2011	07/6/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	11 năm 10 tháng	V.07.03.29	3,00 + 11%	Đại Học - Sư phạm Giáo dục tiểu học	SC	CC CDNN GV tiểu học		B	B- Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2435	Võ Thị Nghĩa	23	1	1980	x	01/09/2014	01/03/2015	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	9 năm 1 tháng	V.07.03.29	2,67 + 9%	Đại Học - Sư phạm Giáo dục tiểu học	SC	CC CDNN GV tiểu học		B	B- Anh		
2436	Nguyễn Hồ Quang Tiến	1	11	1987		08-01-2013	08-01-2014	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chính	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Văn Anh Nghiệp vụ sư phạm GV Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		B	Anh C2, Hoa B		
2437	Huỳnh Thị Thanh Huệ	16	11	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Tổ trưởng chuyên môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chính	UBND TP Thủ Đức	18 năm 07 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng III		CNTTNC	Anh B		
2438	Phan Yến Xuân	4	11	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phạm Văn Chính	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Sư phạm Mĩ thuật	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		TH Ứng dụng - Trình độ A	Tiếng Anh B		
2439	Nguyễn Thị Thùy Trang	8	2	1974	x	14-12-1996	01-02-2006	Hiệu trưởng	Trường Tiểu họcPhong Phú	UBND TP Thủ Đức	18 năm 2 tháng	V.07.03.28	5,02	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTNC	Anh B1		
2440	Lý Thị Huệ	14	10	1988	x	14-01-2011	01-01-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu họcPhong Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTNC	Anh C		
2441	Nguyễn Hoàng Yến	29	10	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu họcPhong Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTNC	Anh B		
2442	Nguyễn Đắc Huy Vinh	17	10	1974		08-01-1994	26/12/1996	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	27 năm 5 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTTNC B	Anh B		
2443	Hồ Thụy Quế Hương	08	05	1973	x	01-08-1993	01-02-1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	28 năm 2 tháng	V.07.03.08	4,89+6 %	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
2444	Trần Công Lý	01	01	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
2445	Hoàng Thị Huyền Trang	08	03	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
2446	Đoàn Thị Múa	15	08	1984	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
2447	Nguyễn Thị Kim Tuyền	08	03	1981	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	4,32	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A	Anh B1		
2448	Trần Hồ Khánh Chi	09	06	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD B	Cao đẳng		
2449	Trương Thị Thủy Dung	09	09	1982	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,34	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A			
2450	Phạm Thị Thu Ngọc	02	01	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		THUD A			
2451	Lê Thị Kim Liên	19	10	1976	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		THUD B	Anh B		
2452	Huỳnh Nguyễn Ngọc Sơn	11	11	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Tiểu học Phước Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.03.08	3,34	Đại Học - Sư phạm tiểu học	Sơ cấp	GV TH hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
2453	Lê Thị Kim Ngân	25	9	1981	x	09-01-2003	03-01-2004	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND TP Thủ Đức	20 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Giáo dục Tiểu học Thạc Sĩ - GD học	Trung cấp	GV TH hạng II	Trung cấp	CNTTNC	Anh B		
2454	Ngô Quang Sáng	12	9	1981		08-01-2010	08-01-2011	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Bồi dưỡng CBQL	Tin học A	Anh B		
2455	Trần Thanh Thúy	15	3	1978	x	09-01-2007	09-01-2007	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND TP Thủ Đức	16 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		UDCNTT NC	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2456	Võ Hồ Thanh Mai	4	7	1992	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Tiểu học	Trường Tiểu học Phước Thạnh	UBND TP Thủ Đức	10 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II	Bồi dưỡng CBQL	UDCNTT NC	Anh B		
2457	Phạm Thị Thủy Ngân	24	07	1979	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	Tin học Trình độ B	Tiếng Anh Trình độ B		
2458	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	28	03	1981	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	18 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.99	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	Tin học Trình độ B	Tiếng Anh Trình độ B		
2459	Lê Mai Tuyết Lan	04	04	1974	x	05/08/1994	01/10/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	18 năm 7 tháng	V.07.03.29	4.98	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	UDCNTT CB	Tiếng Anh Trình độ B		
2460	Đào Thị Tuyết Trinh	24	06	1986	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3.66	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	Tin học Trình độ B	Tiếng Anh Trình độ B		
2461	Phạm Thị Hồng Thương	07	10	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3.33	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	Tin học Trình độ B	Tiếng Anh Trình độ C		
2462	Đinh Thị Trần Hương	27	12	1979	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	18 năm 8 tháng	V.07.03.08	3.96	Đại học - Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học - hạng II	Không	Tin học Trình độ A	Tiếng Anh Trình độ B		
2463	Lương Thị Thu Hồng	24	11	1969	x	20/08/1990	01/03/1993	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	30 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	0,2	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II	Trung cấp hành chính	Ứng dụng CNTT trong dạy - học		
2464	Nguyễn Thị Huệ	01	04	1969	x	21/07/1987	01-03-1990	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	33 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	0,3	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		CNTT chứng chỉ A		
2465	Nguyễn Như Văn	09	10	1976	x	09-01-1996	01/8/2002	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	21 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99		Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Tin học Ứng dụng A		
2466	Nguyễn Thị Linh Huệ	20	12	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33		Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		UDCNTT - A		
2467	Đặng Thị Kim Quyên	17	2	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33		Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học hạng II		Trình độ A và UDCNTT trong dạy học		
2468	Bùi Thị Ánh Nguyệt	20	8	1985	x	01/09/2006	01/02/2009	Giáo viên Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	15 năm 0 tháng	V.07.03.29	3,66		Đại học - Sư phạm Mỹ Thuật	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Chứng chỉ B		
2469	Nguyễn Trọng Năm	3	9	1981		01-09-2007	01-08-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66		Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao		
2470	Trần Thị Luyến	5	10	1985	x	01-10-2009	01-10-2010	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 6 tháng	V.07.03.29	3,66		Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Chứng chỉ A		
2471	Phạm Thị Hoàng Lan	1	9	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33		Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Giáo viên Tiểu học hạng II		Đại học		
2472	Phạm Đào Cathy	10	5	1982	x	01/09/2003	01/10/2004	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	19 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,96	Đại học SP giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		A	A		
2473	Lê Thị Kim Hiền	11	12	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	14 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học SP giáo dục tiểu học	TC	GV TH hạng III		UDCNT TNC	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2474	Nguyễn Văn Danh	23	5	1989		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên giáo dục thể chất	Trường Tiểu học Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học SP giáo dục thể chất	TC	GV TH hạng II		UDCNT TNC	B		
2475	Trương Thị Thúy Vân	9	10	1989	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học SP giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		UDCN TTCB	B		
2476	Phạm Thị Phương Loan	8	3	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tin học	Trường Tiểu học Tạ Uyên	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học công nghệ thông tin		GV TH hạng II			A2		
2477	Trần Quốc Hưng	10	03	1990		01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II		UDCNTT cơ bản	Anh B		
2478	Trần Công Lan Thảo	17	03	1988	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh A		
2479	Nguyễn Thị Quỳnh Tiên	12	07	1989	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh B		
2480	Lê Hoàng Yến	24	11	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học - Giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II		UDCNTT nâng cao	Anh B		
2481	Nguyễn Đăng Nhật Vũ	16	11	1973		01/08/1993	18/07/1995	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	28 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,98+5 %	Cử nhân - GD tiểu học Thạc Sĩ -Quản lý GD	TC	GV TH hạng II	QLNN	Tin học - B	Tiếng Anh -B1		
2482	Lê Thị Thảo	20	1	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	TC	GV TH hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh -B		
2483	Trần Ngọc Thu	17	5	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Giáo dục Tiểu học	TC	GV TH hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh -B		
2484	Nguyễn Thị Kim Chi	26	2	1977	x	1997	9/1998	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Thị Bưởi	UBND TP Thủ Đức	16 năm 10 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân - Giáo dục tiểu học		GV TH hạng II		Ứng dụng B	Anh - B		
2485	Trần Thị Quyên	11	11	1983	x	2007	01-12-2008	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Trần Thị Bưởi	UBND TP Thủ Đức	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Giáo dục tiểu học	Trung cấp LLCT	GV TH hạng II		UDCNTT NC	Anh - B		
2486	Đoàn Ngân Hạnh	07	11	1982	x	01/10/2008	01/10/2009	TTCM Khối 4 - GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	15 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Cử nhân Giáo dục tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B2		
2487	Lý Quốc Hoàng	22	07	1978		01/09/2009	01/09/2010	TTCM tổ bộ môn - GV Âm nhạc	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	14 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc , Thạc sĩ Quản lí văn hóa	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
2488	Trương Thanh Lợi	20	06	1979	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại học - Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B2		
2489	Vũ Thị Tâm	27	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
2490	Võ Thị Thanh Hương	19	08	1987	x	01/03/2011	01/03/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	12 năm	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV Tiểu học Hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh A2		
2491	Trương Thị Hồng Diễm	02	02	1979	x	01/09/2006	01/03/2007	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	17 năm	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2492	Nguyễn Minh Triết	29	10	1981		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	10 năm 4 tháng	V.07.03.29	3	Cử nhân công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II			Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2493	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	09	07	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	TPCM Khối 4 - GV nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
2494	Nguyễn Thị Dương	01	02	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	11 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục Tiểu học	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		Cao đẳng công nghệ thông tin	Anh B		
2495	Nguyễn Thị Lệ Hoa	12	10	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Mỹ Thuật	Trường Tiểu học Trường Thạnh	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	13 năm 4 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV Tiểu học Hạng II		Tin học B	Anh A		
2496	Nguyễn Thị Thanh Thủy	18	9	1977	x	15-08-1998	01-05-2000	Giáo viên dạy nhiều môn - TTCM	Trường Tiểu học Trương Văn Hải	UBND TP Thủ Đức	24 năm 0 tháng	V.07.03.29	4,65	Đại Học sư phạm	Trung cấp	GV TH hạng II	QL CB cấp phòng	CNTTB	Anh B		
2497	Phạm Thị Bích Vân	11	11	1986	x	15/08/2011	01-09-2012	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Văn Hải	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Tiểu học		GV TH hạng II		CNTTB	Anh B		
2498	Hồ Thị Kim Loan	8	2	1979	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Văn Hải	UBND TP Thủ Đức	17 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Đại Học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II		CNTT B	Anh B		
2499	Lê Thị Lệ Thảo	7	10	1975	x	01/08/1993	01/03/1995	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	29 năm 1 tháng	V.07.03.29	4,98	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp CT	GV TH hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
2500	Phạm Thị Hiền	11	4	1987	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân Giáo dục Tiểu học	Trung cấp	GV TH hạng II.	Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD	CNTTB	Anh văn B		
2501	Châu Thị Hương	10	8	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	GV Tin học	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân - Công nghệ thông tin		GV TH hạng II		Đại học	Anh Trình độ B		
2502	Hồ Thị Hương Lý	2	2	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm âm nhạc		GV TH hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh Trình độ B		
2503	Lê Thị Hằng Nga	8	11	1990	x	01/01/2012	01/10/2012	Giáo viên Mĩ thuật	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm Mĩ thuật		GV TH hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh Trình độ B		
2504	Vũ Ngọc Thanh Trúc	16	8	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật		GV TH hạng II		CNTT B	Anh B		
2505	Nguyễn Thành Sang	13	11	1992		01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Trương Văn Thành	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV TH hạng II.		CNTTNC	Chứng chỉ C		
2506	Nguyễn Thị Thu Cúc	19	7	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III và Hạng II		UDCNTT NC	Tiếng Anh B2		
2507	Lê Khương Minh Thư	11	4	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III và Hạng II		UDCNTT NC	Tiếng Anh B2		
2508	Lê Thị Tinh	22	12	1969	x	01/11/1999	01/07/2009	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	14 năm 9 tháng	V.07.03.29	4,32	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III và Hạng II		UDCNTT NC	Tiếng Anh C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
2509	Bùi Thị Nhị	23	3	1982	x	01/08/2013	01/08/2013	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,99	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III và Hạng II		UDCNTT NC	Tiếng Anh B		
2510	Nguyễn Thị Thanh Lý	1	12	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.03.29	3,66	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III và Hạng II		UDCNTT NC	Tiếng Anh C		
2511	Phạm Thị Thủy	8	10	1990	x	01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	9 năm 5 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân giáo dục tiểu học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III		UDCNTT NC	Tiếng Anh B		
2512	Đặng Bảo Thi	3	9	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	GV Mỹ thuật	Trường Tiểu học Võ Văn Hát	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Cử nhân sư phạm mỹ thuật	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên tiểu học Hạng III		UDCNTT NC	Tiếng Anh B1		
2513	Hồ Thị Thủy	02	12	1987	x	01-08-2014	26-01-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Xuân Hiệp	UBND TP Thủ Đức	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2514	Ngô Thị Ngọc Hoàn	15	01	1989	x	01-08-2014	26-01-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Xuân Hiệp	UBND TP Thủ Đức	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại Học - Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2515	Nguyễn Thị Oanh	02	09	1991	x	01-08-2014	26-01-2015	Giáo viên	Trường Tiểu học Xuân Hiệp	UBND TP Thủ Đức	09 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,00	Đại Học - Giáo dục tiểu học		Giáo viên tiểu học Hạng II		B	Tiếng Anh B		
2516	Mai Hoàng Linh Uyên	22	7	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.03.29	3,66	Đại Học - Sư phạm GDDB		GV TH hạng II		B	B		

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2024**

Cấp học: Trung học cơ sở
(Kèm theo Công văn số /SGDDT-TCCB ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Võ Hoàng Mỹ Vy	5	10	1991	x	2012	15/11/2014	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	SC	CDNN Hạng II					Quyết định số/QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	Nguyễn Đăng Trung Hiếu	13	8	1974		1996	12-01-1998	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học	SC	CDNN Hạng II		Đại học	Anh B1		
3	Vương Minh Thành	2	10	1987		2009	18/02/2011	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	SC			Đại học	Anh B1		
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	3	5	1987	x	2010	26/01/2011	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	13 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	TC	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
5	Vũ Thị Thúy Nga	18	2	1979	x	2019	08-01-2004	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	TC	CDNN Hạng II		B	Anh B2		
6	Trần Ngọc Trí	22	12	1985		2023	15/01/2014	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	SC	CDNN Hạng II		B	Anh B1		
7	Trương Thị Phương Loan	5	11	1989	x	2016	16/03/2016	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ	SC	CDNN Hạng II		Cơ bản	B1		
8	Ninh Nhân Phẩm	11	7	1978		2002	30/01/2004	Giáo viên	Trường THCS Đồng Khởi	UBND Quận 1	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học		CDNN Hạng II		Cơ bản	A2		
9	Đỗ Phạm Văn Anh	20	2	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Võ Trường Toản	UBND Quận 1	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Đại học	Anh B1		
10	Trần Minh Thuận	16	3	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Võ Trường Toản	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học		CDNN Hạng II		A	Anh B		
11	Vũ Thùy Trang	21	1	1983	x	01-01-2006	01-01-2007	Giáo viên	Trường THCS Võ Trường Toản	UBND Quận 1	11 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
12	Nguyễn Thị Thu Sang	28	7	1989	x	01-07-2016	01-07-2017	Giáo viên	Trường THCS Võ Trường Toản	UBND Quận 1	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ		CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B1		
13	Tăng Thị Hạnh	31	10	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 1	9 năm 8 tháng.	V.07.04.32	3,66	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Đại học	Cử nhân đại học		
14	Trần Lê Nhật Trang	20	10	1991	x	10-01-2012	10-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 1	9 năm 3 tháng.	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	B1		
15	Hồ Tấn Đạt	18	7	1991		08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 1	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	B1		
16	Nguyễn Thụy Hồng Hoàng	13	6	1987	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 1	7 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	B1		
17	Lê Thị Cúc	56	9	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	UBND Quận 1	9 năm 3 tháng.	V.07.4.32	3,33	Đại học	Không	CDNN Hạng II		Cơ bản	Tiếng Anh B		
18	Nguyễn Thị Thu Vân	20	8	1989	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	UBND Quận 1	10 năm	V.07.4.32	3,33	Đại học	Không	CDNN Hạng II		Cơ bản	Tiếng Anh B		
19	Nguyễn Thị Ngọc Hương	27	5	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên	Trường THCS Minh Đức	UBND Quận 1	9 năm 7 tháng.	V.07.4.32	3,66	Đại học	Không	CDNN Hạng II		Đại học	Tiếng Anh B1		
20	Trương Quốc Hưng	15	9	1965		01-01-1985	10-01-1994	Hiệu trưởng	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học	Cao cấp	CDNN Hạng II		Đại học	Anh B1		
21	Lê Ngọc Thúc	11	4	1990		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	8 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ		CDNN Hạng II		A	Anh B1		
22	Phạm Tấn Đại	14	3	1990		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	10 năm	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Cử nhân Anh văn		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
23	Lê Trần Anh Tuấn	14	11	1991		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	8 năm 4 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
24	Trần Hải Đăng	16	2	1986		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		B	Anh B1		
25	Nguyễn Thị Thu Hiền	18	8	1990	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	10 năm	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
26	Phạm Thị Kim Hoa	6	12	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		CDNN Hạng II		A	Anh B1		
27	Đỗ Thị Kim Giàu	29	9	1990	x	09-01-2012	09-01-2017	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
28	Nguyễn Bích Liên	27	5	1992	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THCS Đức Trí	UBND Quận 1	8 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
29	Văn Công Thắng	27	5	1991		01-07-2016	01-07-2017	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	6 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
30	Võ Thị Tuyết Phương	26	11	1987	x	10-01-2016	10-01-2016	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	7 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
31	Lê Thúy Vi	26	4	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	15 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
32	Nguyễn Ngọc Anh Huy	12	10	1969		01-10-1992	01-10-1994	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	13 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Đại học	CDSP Pháp - CDSP Anh		
33	Phạm Thị Thanh Trang	15	10	1989	x	15/08/2011	15/08/2012	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
34	Bùi Trung Đình	12	9	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	11 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
35	Lê Thị Mỹ Loan	14	11	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Trần Văn Ôn	UBND Quận 1	13 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B		
36	Phan Trần Thủy Mộng	1	1	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	UBND Quận 1	10 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		B	Anh B1		
37	Trần Hoàng Đan Phương	2	8	1986	x	02-01-2010	02-01-2011	Giáo viên	Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	UBND Quận 1	11 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		B	Cử nhân Anh văn		
38	Nguyễn Công Phúc Khánh	31	1	1989		26/01/2011	16/02/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Du	UBND Quận 1	7 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Cử nhân Anh văn		
39	Đặng Hữu Trí	31	10	1991		01-09-2013	15/01/2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	UBND Quận 1	9 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		Nâng cao	Cử nhân Anh		
40	Võ Kim Bảo	14	9	1992		03-11-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	UBND Quận 1	9 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		CDNN Hạng II		Cơ bản	Anh B2		
41	Nguyễn Văn Trung	15	1	1988		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Văn Lang	UBND Quận 1	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ		CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh B1		
42	Phạm Lê Hải Đăng	11	10	1979		09-01-2003	03-01-2004	Giáo viên	Trường THCS Văn Lang	UBND Quận 1	19 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học		CDNN Hạng II		Nâng cao	Anh A		
43	Hồ Châu Lý	7	7	1966		09-01-1989	09-01-1994	Giáo viên	Trường THCS Văn Lang	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học		CDNN Hạng II		Đại học	Cao đẳng sư phạm Anh		
44	Dương Nguyễn Yến Nhi	25	1	1986	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Trường THCS Văn Lang	UBND Quận 1	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ		CDNN Hạng II		Đại học	Cử nhân Anh văn		
45	Mai Xuân Huy	12	4	1989		01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên môn Văn	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		A	AV- B		
46	Tăng Ngọc Mỹ Hạnh	12	10	1990	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên môn Văn	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		A	AV - B1		
47	Nguyễn Thị Tố Uyên	08	04	1987	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	AV- B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
48	Phạm Mai Hương	09	05	1988	x	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên môn Anh văn	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	AV - C1		
49	Nguyễn Quang Hiếu	11	04	1989	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên môn Công nghệ	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	AV- B		
50	Trần Thị Hải Vân	28	03	1990	x	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên môn Sinh	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	AV- B		
51	Trần Dương Mỹ Hương	29	12	1990	x	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	AV- B		
52	Đào Quang Hiuy	7	1	1989		01/9/20210	01/9/2011	Giáo viên môn Âm nhạc	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		A			
53	Trần Thanh Nguyên Duy	10	10	1966		01-09-1987	27-11-1993	Giáo viên môn Công nghệ	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	30 năm 4 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		B	Đại học		
54	Phạm Thị Bích Ngọc	24	6	1990	x	1/8/2013	01-08-2014	Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên Trường THCS Colette	UBND Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Đại học		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		A	AV- B		
55	Nguyễn Thu Hằng	30	9	1983	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Lê Quý Đôn, Quận 3	UBND Quận 3	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Công nghệ Cử nhân	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Bằng A	Anh - Đại học		
56	Đặng Thị Thụy Trang	27	2	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT A	Anh B		
57	Cổ Thị Kiều Trúc	29	2	1972	x	01/09/2012	01/09/2012	Giáo viên môn GDTC	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	12 năm	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm TĐTT TPHCM Thạc Sĩ - GDTC		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 1		
58	Bùi Nông Trường	25	5	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - Vật Lý- Quang học		GV THCS hạng II		CNTTCB	B1 Châu Âu		
59	Phùng Thị Hồng	13	5	1983	x	01-10-2008	01-07-2009	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	3.0	Đại Học - Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
60	Huỳnh Ngọc Thanh	15	7	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học	sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh B1		
61	Đoàn Minh Ngọc	18	8	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Kinh Tế Gia Đình	Sơ Cấp	GV THCS hạng II		Trình độ A	Anh - B		
62	Nguyễn Thị Diễm Kiều	2	2	1994	x	01/03/2018	01/12/2018	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	5 năm 5 tháng	V.07.04.32	2.67	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		GV THCS hạng II		CNTT bảng B	Anh B1 (bậc 3 VSTEP)		
63	Phan Thị Hương	20	2	1990	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại Học Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cao đẳng	Anh B		
64	Trần Ngọc Lân	12	7	1981		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn giáo dục thể chất	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	15 năm	V.07.04.32	3,66	Đại Học Sư Phạm TĐTT Thành Phố	Trung cấp	GV THCS hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTTCB			
65	Nguyễn Thị Thương Huyền	2	2	1985		01/01/2009	01/01/2010	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	15 năm	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Mỹ thuật		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh văn căn bản		
66	Nguyễn Thủy Trang	21	10	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 3	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	b2- châu âu		
67	Nguyễn Trần Hồng	22	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Phan Sào Nam	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		CNTTC A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
68	Huỳnh Lý ngân An	28	10	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn THPT	Trường THCS Phan Sào Nam	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh		GV THCS hạng II		CNTTNA	B		
69	Nguyễn Kim Thế	13	9	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Anh văn	Trường THCS Phan Sào Nam	Sở GD&ĐT	9 năm 0 tháng	V.07.04.32	3	Đại Học - Ngữ văn Anh Thạc Sĩ - Ngôn ngữ Học		GV THCS hạng II		CNTTNB	Anh ĐH		
70	Trần Thị Nga	15	01	1991	x	01-12-2014	01-12-2015	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	9 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng A	Anh văn B		
71	Lê Thu Hồng Nga	10	06	1988	x	01-03-2018	01-03-2018	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư Phạm Ngữ văn Thạc sĩ Văn học Việt Nam		GV THCS hạng II	Giấy chứng nhận Luật GD và QLHC NN	CNTT cơ bản	B1 khung châu Âu		
72	Nguyễn Thị Hằng Nga	16	06	1982	x	09-01-2003	05-01-2005	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	15 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Tiếng Anh		CDNN giáo viên THCS		CNTT cơ bản	B2 quốc tế		
73	Nguyễn Quỳnh Nga	24	05	1981	x	09-01-2003	03-01-2004	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	20 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng B	Anh văn B		
74	Trương Ngọc Bích Vân	05	11	1978	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên	Trường THCS Bạch Đằng	Phòng GD&ĐT	15 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư Phạm Thể Dục Thể Thao		GV THCS Hạng III, Hạng II		Tin học ứng dụng A	Anh văn B		
75	Lê Ngọc Phương Dung	3	6	1980	x	09-01-2005	09-01-2006	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Bàn Cờ	Phòng GD&ĐT Quận 3	17 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc Sĩ - Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ B	C1		
76	Bùi Thị Hồng Châu	19	7	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Bàn Cờ	Phòng GD&ĐT Quận 3	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A			
77	Trần Kim Ngọc	21	4	1973	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Bàn Cờ	Phòng GD&ĐT Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại Học - Sư phạm Công Nghệ	Sơ cấp	GV THPT hạng II			B_ Anh		
78	Trần Bình Quý	30	5	1983	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	UBND QUẬN 3	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		Tin Học B	Tiếng Anh B1		
79	Nguyễn Thị Thúy Phương	24	4	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	UBND QUẬN 3	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học- Sư phạm Tiếng Anh		BD CDNN giáo viên THCS Hạng II		Tin Học B	Cử nhân		
80	Nguyễn Thị Tuyết Anh	26	6	1985	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	14 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - CNTT	Trung cấp	GV THCS hạng II		ĐH	Anh B		
81	Nguyễn Hồng Giang	10	10	1991		05-08-2013	05-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THCS hạng II	Chứng chỉ	CNTT nâng cao	Anh B1		
82	Trần Hồng Hân.	17	9	1990		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
83	Nguyễn Xuân Hoàng	2	8	1988		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng Chuyên môn	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Quận 3	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THCS hạng II	Chứng chỉ Quản lý GD	CNTT nâng cao	Anh B		
84	Nguyễn Thị Hường	20	10	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Quận 3	12 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A		
85	Nguyễn Kim Phương	21	8	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Tổ phó chuyên môn	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	CN Anh		
86	Trịnh Thị The	24	4	1991	x	01-09-2017	01-06-2018	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	06 năm	V.07.04.32	2,67	Thạc sĩ Toán, ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
87	Phạm Thị Thương	30	3	1992	x	01-03-2018	01-03-2018	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	06 năm 3 tháng	V.07.04.32	3.00	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
88	Lâm Ngọc Trúc	30	9	1976	x	05-09-1999	05-06-2000	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	24 năm	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
89	Lê Hoàng Phi Yến	17	3	1987	x	19-08-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Kiến Thiết	UBND Q3	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
90	Nguyễn Thị Hồng Yến	9	12	1974	X	01/09/1996	01-09-1997	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	26 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,98	Cử nhân SP Âm nhạc		CDNN hạng II		A	B		
91	Nguyễn Hồng Truyền	2	10	1977		05/09/1998	05-09-1999	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	24 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,65	Cử nhân SP Toán học		CDNN hạng II		A	B		
92	Nguyễn Hà Thuần Nhã	16	6	1981	X	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	19 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân SP Ngữ Văn		CDNN hạng II		A	B		
93	Nguyễn Hoàng Minh Phương	1	2	1979	X	01/09/2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân SP Âm nhạc		CDNN hạng II		A	B		
94	Lý Kim Hân	25	9	1979		01/09/2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân GDTC		CDNN hạng II		A	B1		
95	Nguyễn Duy Linh	2	8	1979		01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân GDTC		CDNN hạng II		A	B1		
96	Vương Thị Thủy	5	5	1982	X	01-08-2004	01-05-2005	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	18 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân SP Lý		CDNN hạng II		B	C		
97	Nguyễn Kim Hùng	3	3	1985		01-12-2007	01-12-2008	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	15 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân SP Toán học		CDNN hạng II		A	B		
98	Trịnh Ngọc Nhi	8	12	1990	X	05/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân SP Tiếng Anh		CDNN hạng II		A	B2		
99	Nguyễn Thị Thủy Hương	19	12	1992	X	05/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Lê Lợi	UBND Q.3	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân SP Toán học		CDNN hạng II		A	B		
100	Nguyễn Như Cẩm Thu	17	11	1980		15/10/2001	15/04/2002	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phòng GD và ĐT Quận 3	21 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THCS hạng II	CNNTCB	Anh Bậc 3 (B1)			
101	Võ Thị Hoàng Oanh	14	2	1976	x	01-09-1998	01-09-2000	Giáo viên môn Công nghệ - Nữ công	Trường THCS Thăng Long	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.04.32	4.65	Đại học	Đại học	GV THCS hạng II		Tin học A	Anh B		
102	Nguyễn Tuấn Anh	19	1	1986		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Giáo dục thể chức	Trường THCS Thăng Long	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học	Đại học	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng B	Anh B		
103	Lê Thị Thủy Nga	7	2	1980		09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hai Bà Trưng Q3	PGD&ĐT Q3	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm kỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh B		
104	Đặng Thùy Linh	15	8	1990		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hai Bà Trưng Q3	PGD&ĐT Q3	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh B		
105	Trần Thị Minh Tân	26	10	1990		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn KTTN	Trường THCS Hai Bà Trưng Q3	PGD&ĐT Q3	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh B		
106	Lê Thị Vân	25	6	1991		09-01-2014	09-01-2015	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Hai Bà Trưng Q3	PGD&ĐT Q3	8 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THCS hạng III		CNTT nâng cao	Anh B		
107	Lương Hoàng Khúc	12	9	1990		01-09-2017	01-09-2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hai Bà Trưng Q3	PGD&ĐT Q3	6 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	sơ cấp	GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh văn B1		
108	Nguyễn Bích Ngọc Diệp	10	10	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	THCS Nguyễn Huệ	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cơ bản	Anh B2		
109	Phạm Đình Hưng	29	1	1990		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Lịch sử	THCS Nguyễn Huệ	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cơ bản	Anh B1		
110	Bùi Thị Minh Thu	17	6	1971	x	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên môn Mỹ thuật	THCS Quang Trung	UBND Quận 4	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh CD		
111	Nguyễn Xuân Qui	13	12	1990		01/12/2012	01/9/2017	Giáo viên môn Hóa học	THCS Quang Trung	UBND Quận 4	6 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Hóa	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B1		
112	Vũ Xuân Hòa	05	8	1988		01/9/2016	01/6/2017	Giáo viên môn Toán	THCS Quang Trung	UBND Quận 4	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	2,72	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B1		
113	Nguyễn Thị Thanh Xuân	24	9	1974	x	09-01-2001	09-01-2002	Giáo viên môn Âm nhạc	THCS Văn Đồn	UBND Quận 4	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm âm nhạc	Trung cấp	GV THCS hạng II		A			
114	Mai Nguyễn An Bình	30	11	1978		01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên môn Vật lí	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	21 năm 00 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lí	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
115	Phạm Huy	04	7	1970		01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Vật lí	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lí	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
116	Tạ Thị Huệ	28	12	1979	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Địa lí	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	19 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Địa lí		GV THCS hạng II		Cơ bản	Anh C		
117	Lê Thị Trúc	16	11	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Toán	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A		
118	Đặng Thị Thương	16	2	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn GDCD	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm GDCD	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A		
119	Lâm Thị Hồng Liên	18	10	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tin học	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Tin học + NVSP	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
120	Nguyễn Thị Lan	13	9	1975	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Sinh học	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
121	Nguyễn Văn Thời	19	5	1988		01/01/2011	01/12/2012	Giáo viên môn Toán	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	11 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	Anh B		
122	Trần Thị Bích Hiền	04	1	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn GDCD	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm GDCD	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
123	Lê Quang Phi Hải	21	2	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn tiếng Anh	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B2		
124	Đỗ Thị Kim Ngân	19	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	Anh B		
125	Nguyễn Hữu Phước	21	2	1992		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn tiếng Anh	THCS Chi Lăng	UBND Quận 4	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm tiếng Anh		GV THCS hạng II		A	Anh B2		
126	Nguyễn Thị Anh Đào	10	3	1990	x	03-10-1990	03-10-1990	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Tăng Bạt Hổ	UBND Quận 4	9 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cơ bản	Anh B		
127	Trần Thị Phương Thảo	16	7	1982	x	09-01-2002	03-01-2003	Giáo viên môn Âm Nhạc	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	21 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
128	Cao Thị Diễm Thu	3	12	1984	x	09-01-2006	10-10-2007	Giáo viên môn Tin học	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	16 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		ĐH-IC3	Anh B		
129	Hà Văn Toàn	15	7	1985		1-9-2010	1-9-2011	Giáo viên môn Toán	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
130	Nguyễn Mạnh Sơn	24	9	1983		1-9-2012	1-9-2013	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
131	Nguyễn Tấn Quân	22	12	1982		2-1-2008	1-1-2009	Giáo viên môn Âm Nhạc	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	15 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc Thạc sĩ Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh ĐH		
132	Nguyễn Thị Hương	6	5	1982	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
133	Phạm Ngọc Thành	8	6	1987		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Vật lý - KHTN	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cao đẳng	Anh B		
134	Tạ Văn Anh	25	5	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Vật lý - KHTN	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
135	Trần Thị Ngọc Thi	2	1	1991	x	1-9-2012	1-9-2013	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	THCS Khánh Hội	UBND Quận 4	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
136	Nguyễn Đình Ánh	30	1	1983		01-01-2004	01-01-2005	Tổ trưởng tổ Toán	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	19 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		Trình độ Cao đẳng	Anh văn B		
137	Nguyễn Thị Minh Thư	18	9	1987	x	01-01-2009	01-01-2009	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 8 tháng	V.07.04.12	3,03	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp		Giáo viên THCS Hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
138	Nguyễn Xuân Anh	3	9	1985	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Ba Đình ..	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 3 tháng	V.07.04.12	3,34	Đại học Sư phạm Địa lí		Giáo viên THCS		Trình độ A	Anh văn B		
139	Trần Thiên Thanh	9	6	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Hóa học	THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.04.12	3,03	Đại học Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
140	Nguyễn Thị Kim Loan	25	9	1990	x	01-09-2011	09-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
141	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	25	4	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Vật lí	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm vật lí		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
142	Nguyễn Thị Mỹ Trang	16	1	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
143	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	16	5	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Vật lí	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Vật lí		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
144	Lê Văn Phúc	24	7	1976		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II	CĐSP Toán - Tin	Anh văn B			
145	Nguyễn Văn Toàn	24	3	1992		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Ba Đình	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
146	Lưu Thị Yến Anh	2	6	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Ngôn ngữ học		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B1		
147	Hà Bảo Châu	3	2	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
148	Nguyễn Thị Giang	12	4	1989	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 Năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
149	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	10	3	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
150	Trần Lâm Diệu Huệ	5	12	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A			
151	Nguyễn Thị Lan Khánh	14	10	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
152	Trần Kim Khôi	3	10	1989		01/10/2011	01/10/2012	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 Năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II					
153	Tào Mỹ Kim	8	8	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
154	Huỳnh Thị Tuyết Nga	28	4	1984	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản			
155	Hoàng Đăng Quang	24	10	1980		06-01-2002	01/6/2003	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	20 Năm 10 tháng	V.07.04.12	4,27	Đại học Kỹ sư Công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh văn A2		
156	Trịnh Kim Sơn	5	8	1991		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Ngoại ngữ Anh	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 Năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Tiếng Pháp B		
157	Trần Thanh Thúy	13	3	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 Năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Kinh tế gia đình		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
158	Huỳnh Thái Trần	31	7	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
159	Ngô Phan Huyền Trang	18	12	1987	x	01/3/2010	01/3/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 Năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
160	Hà Minh Trang	3	9	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Ngoại ngữ Anh	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 Năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Tiếng Pháp B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
161	Nguyễn Thị Thanh Trúc	29	11	1993	x	01/8/2015	01/8/2016	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	7 Năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B2		
162	Huỳnh Thanh Tuyền	11	4	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hồng Bàng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 Năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn A2		
163	Nguyễn Duy Quang	12	5	1992		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán học Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
164	Lê Thị Thu Hiền	5	10	1976	x	01-07-2000	01-07-2007	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	16 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Kỹ sư	Anh văn A2		
165	Nguyễn Hạnh Huyền	1	9	1983	x	01-09-2005	01-11-2008	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Cao đẳng sư phạm Toán - Tin học	Anh văn A2		
166	Nguyễn Thanh Trúc	29	6	1980	x	01-09-2002	01-04-2015	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn A2		
167	Nguyễn Phước Lợi	9	9	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Ngành văn học Việt Nam	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B1	Anh văn B1		
168	Ngô Thị Hà	26	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Đại học Anh văn		
169	Trương Thánh Long	4	1	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
170	Đào Đại Dương	3	12	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Sử học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
171	Võ Thị Tuyết Hằng	1	4	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Kỹ sư Kinh tế gia đình	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn A2		
172	Lê Thụy Phi Vân	6	3	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Công nghệ	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Cử nhân Anh văn		
173	Bùi Thị Thủy Hòa	9	9	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
174	Đặng Thị Kim Thoa	22	10	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Kỹ sư Kinh tế gia đình	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
175	Nguyễn Ngọc Sơn	27	8	1973		01-08-2001	01-08-2008	Giáo viên	Trường THCS Kim Đồng	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A2		
176	Cao Thủy Tiên	01	12	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
177	Nguyễn Thị Hoàng Yến	21	4	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn giáo dục công dân	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Giáo dục công dân	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
178	Nguyễn Thị Hiền	25	08	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
179	Quách Thị Ngọc Nga	07	07	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
180	Châu Anh Đào	08	01	1988	x	01/09/2009	01/09/2010	giáo viên công nghệ	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B1		
181	Nguyễn Văn Sang	1	7	1985		01-08-2008	01-10-2009	Giáo viên GDTC	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Giáo dục Thể chất	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
182	Hoàng Thị Hiền	28	10	1982	x	01/09/2005	31/08/2006	Giáo viên âm nhạc	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	18 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
183	Trần Ngọc Nam	19	5	1989		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên GDTC	Trường THCS Lý Phong	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Giáo dục học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B1		
184	Bùi Thị Kim Thảo	1	10	1978	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh văn A		
185	Huỳnh Mỹ Bích Linh	20	11	1977	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn A		
186	Lê Thị Thúy	15	5	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
187	Ngô Nhứt Tài	24	6	1992		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
188	Nguyễn Thị Ngọc An	15	2	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
189	Tăng Thị Thu Sương	4	2	1983	x	01/09/2012	01/09/2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ Cao đẳng			
190	Trần Ngọc Loan	14	1	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
191	Vũ Văn Đức	10	10	1984		01/03/2009	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ Cao đẳng	Anh văn B		
192	Lê Thị Phương Bạch	18	5	1976	x	01/01/2004	01/01/2005	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 5 tháng	V.07.04.32	2,67	Đại học Sư phạm Anh văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Đại học Anh văn		
193	Trần Kim Hà	17	2	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		
194	Đặng Nguyễn Hân	16	1	1990		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Hóa		Giáo viên THCS		Trình độ A	Anh văn B		
195	Trần Thị Phương Hồng	26	3	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm địa lý Thạc sỹ Địa lý học		Giáo viên THCS		Trình độ A	Đại học Anh văn		
196	Trương Hồng Linh	10	4	1981		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn GD&CD	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Giáo dục công dân		Giáo viên THCS		Trình độ A	Anh văn B		
197	Đàm Thị Thuý Nga	9	5	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm hóa		Giáo viên THCS		Trình độ A	Anh văn B		
198	Trần Phi Ngân	13	7	1978	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Sinh		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn A		
199	Lương Thành Phát	12	9	1971		01/10/1992	01/10/1993	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	29 năm 6 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Công nghệ		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
200	Phạm Thị Quyên	19	2	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
201	Đào Thị Thu Thủy	22	2	1991	x	01/09/2016	01/09/2018	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	9 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Anh văn B		
202	Lâm Vĩnh Toàn	21	2	1985		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Sinh		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A			
203	Nguyễn Thị Xuân Hương	24	7	1979	x	01/08/2003	01/08/2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	21 năm 07 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Ngữ văn Thạc sỹ Văn học Việt Nam	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Trình độ A	Anh văn B1		
204	Nguyễn Bích Giang	22	2	1979	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Trần Bội Cơ	Ủy ban nhân dân Quận 5	21 năm 07 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Anh văn		Giáo viên THCS hạng II		Trình độ B	Đại học Anh văn		
205	Lê Minh Thế	10	6	1987		01/09/2009	01/09/2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trung tâm GDNN-GDTX	Ủy ban nhân dân Quận 5	14 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Kỹ thuật công nghệ Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II	QLNN ngạch chuyên viên chính	Trình độ B	Đại học Anh văn		
206	Trần Kim Tuyền	12	6	1987	x	01/9/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
207	Phùng Thị Thảo Nguyễn	21	11	1986	x	01/09/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		B	Anh B		
208	Nguyễn Thị Hiền	17	10	1979	x	01/11/2005	01/11/2006	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	17 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.33	Thạc sĩ - Khoa học giáo dục - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B1		
209	Nguyễn Thị Kim Thoa	2	3	1984	x	01/05/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II		KTV tin học	Anh B		
210	Lê Kim Long	29	11	1988		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
211	Lâm Nguyệt Ánh	3	7	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A, UĐCNT T	Anh B		
212	Nguyễn Diệp Trung Bảo	19	11	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Công nghệ		GV THCS hạng II		A	Anh B		
213	Phan Thị Phương	23	9	1989	x	01/03/2017	01/12/2017	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 5 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm kỹ thuật công nghiệp, Thạc sĩ - Khoa học giáo dục - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Kỹ thuật Công nghệ		GV THCS hạng II		B	Anh B1		
214	Đặng Thị Thanh Nhơn	1	11	1991	x	01/10/2015	01/10/2016	Giáo viên	Trường THCS Bình Tây	Ủy ban nhân dân Quận 6	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm lịch sử, Thạc sĩ- Lịch sử Việt Nam		GV THCS hạng II		B	Anh B1		
215	Đoàn Thị Kim Đình	24	1	1979	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường THCS Đoàn Kết	Ủy ban nhân dân Quận 6	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	4.32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh -B		
216	Lê Yến Vi	10	1	1989	x	01-10-2016	01-07-2017	Giáo viên	Trường THCS Đoàn Kết	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán - Thạc sĩ Toán Giải Tích	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh - B1		
217	Võ Kim Ngân	6	8	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Đoàn Kết	Ủy ban nhân dân Quận 6	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh -B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
218	Nguyễn Văn Tuấn	22	8	1989		01-09-2012	22/08/1989	Giáo viên	Trường THCS Đoàn Kết	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm TDTT		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản			
219	Huỳnh Thị Kim Ngân	27	2	1982	x	01-10-2016	01-07-2017	Giáo viên	Trường THCS Đoàn Kết	Ủy ban nhân dân Quận 6	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3	Đại học - Sư phạm tiếng Anh, Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh ĐH		
220	Liêu Chí Ngọc Thảo	19	6	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V. 07.04.32	3.33	Đại học -Sư phạm Anh	sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Pháp B		
221	Phạm Thị Thùy Dung	2	10	1990	x	01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm	V.07.04.32	3.33	Đại học - Ngữ văn, Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Chứng chỉ A	Anh Bậc 3		
222	Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	4	8	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	9 năm 8 tháng	V. 07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh văn B		
223	Huỳnh Thị Minh Thư	27	1	1986	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THCS Hạng II		Chứng chỉ A	Anh ĐH		
224	Đỗ Thị Ngân	10	5	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo Viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư Phạm Vật Lí	sơ cấp	GV THCS Hạng II		Chứng chỉ A	Anh Văn B		
225	Trần Thị Kiều Oanh	7	7	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo Viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư Phạm Hóa Học	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Chứng chỉ A	Anh Văn B		
226	Lê Minh Nhị	27	11	1988		01/9/2010	01/9/2011	Giáo Viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A, UDCNT T trong dạy học	Anh văn B1		
227	Phạm Thị Tuyết Lan	25	8	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Ủy ban nhân dân Quận 6	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh văn B		
228	Phạm Hữu Bình	14	12	1972		01/9/2005	01/9/2006	Tổ trưởng chuyên môn	THCS Nguyễn Hiền	UBND Quận 7	17 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Đại học	Anh B		
229	Trần Thị Thanh Nhân	7	7	1979	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Quận 7	18 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Đại học	Anh B		
230	Phan Nguyễn Thúc Huy	2	6	1983		01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Quận 7	18 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học	Trung cấp	GV THCS		Cao đẳng	Anh B		
231	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	10	2	1981	x	01/9/2014	01/10/2014	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Quận 7	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học	Sơ cấp	GV THCS		CNTT cơ bản	Anh B		
232	Nguyễn Mai Đan Thanh	8	1	1985	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Kỹ sư CNTT		GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
233	Lê Thị Kim Dung	15	12	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Mĩ thuật	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân SP Mĩ Thuật		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
234	Phạm Thị Thanh	19	12	1986	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Kỹ sư CNTT		GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
235	Đặng Lê Phương Vi	4	5	1985	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn GDTC	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	UBND Quận 7	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân SP GDTC		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
236	Trương Hồng Nhun	17	3	1982	x	01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên môn Mĩ Thuật	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	20 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học - Sư phạm Mĩ Thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	CNTTNC	Anh B		
237	Trần Thái Kim Ngã	28	5	1983	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn Mĩ Thuật	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Mĩ Thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học B	Anh B		
238	Nguyễn Thị Loan	5	8	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh B		
239	Đào Thị Quyên	28	5	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Kinh tế gia đình	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh B		
240	Lê Thị Kiều Tiên	12	7	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh B2		
241	Lê Mai Hằng Nga	27	01	1986	x	01/ 09/ 2008	01/09/2009	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
242	Phạm Hoàng Thiện	30	8	1975		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Đại học	Anh B		
243	Lê Thanh Hải	23	10	1985		01-09-2010	1-9-2011	Giáo viên môn công nghệ	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm công nghệ	Sơ cấp	GV THCS	không	Tin học A	Anh B1		
244	Nguyễn Thị Hạnh	20	10	1990	x	05-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh A2		
245	Lê Ngọc Đoàn	26	4	1991		01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	UBND Quận 7	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học A	Anh B		
246	Trần Mỹ Ngân	25	5	1992	x	09-01-2013	09-01-2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT-A	Anh B		
247	Lương Văn Phong	28	1	#####		09-01-2010	09-01-2011	Tổ phó tổ Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân ĐH sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	CDNN GV THCS hạng II	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B			
248	Nguyễn Nữ Ngọc Trâm	31	1	1985	Nữ	01/ 10/ 2008	01/ 06/2016	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	7 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sỹ - Lý Luận và PPĐH môn Tiếng Anh	sơ cấp	GV THCS hạng II		Ứng dụng CNTTCB	Tiếng Anh B2		
249	Nguyễn Thị Thanh Trúc	14	2	#####	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Lịch sử và Địa lí, khối trường môn HDTNHN 7	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân ĐH sư phạm Địa lí	sơ cấp	CDNN GV THCS hạng III,II		CNTT A	Tiếng Anh B		
250	Phạm Ngọc Duyên	7	4	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân ĐH- Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B			
251	Vương Thị Oanh Yến	11	5	#####	x	09-01-2004	09-01-2005	Tổ phó tổ toán	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học	sơ cấp	CDNN GV THCS hạng III,II		CNTT A	Tiếng Anh B		
252	Ngô Thị Nguyệt Nga	23	6	1990	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Nguyễn Thị Thập	UBND Quận 7	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		B	B		
253	Vũ Ngọc Thu Tháo	28	01	1979	x	01-03-2001	01-03-2002	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Hữu Thọ	UBND Quận 7	22 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32+22%	Cử nhân SP Toán		GV THCS hạng II		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
254	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	23	05	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn KHTN	THCS Nguyễn Hữu Thọ	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+13%	Cử nhân SP Sinh học		GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
255	Vương Hồng Hải	14	01	1985		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Hữu Thọ	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+14%	Cử nhân SP Toán		GV THCS hạng II		UD CNTT	Tiếng Anh B1		
256	Huỳnh Thị Kim Tháo	25	10	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Sử - Địa	THCS Nguyễn Hữu Thọ	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+13%	Cử nhân SP Địa lý		GV THCS hạng II		UD CNTT	Tiếng Anh B		
257	Mai Thanh Hiền	11	7	1985		31-12-2009	26-11-2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	13 năm 5 tháng	V.07.04,32	3,66	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THCS hạng II		IC3	B		
258	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	11	8	1984	x	07-12-2007	10-11-2008	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	15 năm 5 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
259	Nguyễn Thị Thanh Hải	15	12	1978	x	07-12-2007	10-11-2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	15 năm 5 tháng	V.07.04,32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	B		
260	Tô Thị Trường	3	5	1979	x	07-12-2007	10-11-2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	15 năm 5 tháng	V.07.04,32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
261	Nguyễn Thị Tú Oanh	28	01	1979	x	07-12-2007	10-11-2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	15 năm 5 tháng	V.07.04,32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
262	Nguyễn Thị Loan	3	8	1990	x	17-01-2013	06-01-2014	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	10 năm 4 tháng	V.07.04,32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B Pháp		
263	Nguyễn Thị Tâm	26	11	1985	x	17-01-2013	06-01-2014	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Hoàng Quốc Việt	UBND Quận 7	10 năm 4 tháng	V.07.04,32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
264	Nguyễn Thị Tháo Phương	30	8	1989	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B		
265	Nguyễn Thị Thủy Trang	3	11	1990	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B Bậc 1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
266	Phạm Thị Thùy	7	10	1990	x	01/10/2012	01-10-2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	10 năm 8 tháng	V.07.04.12	3,03	Đại học Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B1 Bậc 1		
267	Hồ Thị Mườì	5	8	1977	x	05/09/1999	05-09-2000	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	23 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B		
268	Phan Huỳnh Minh Thiện	24	12	1991		01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B2 Bậc 4		
269	Nguyễn Thị Thu Hường	10	8	1978	x	01/09/2016	01-09-2017	Tổ trưởng chuyên môn Ngữ văn	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.99 + 0.2%	Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Khác			
270	Nguyễn Đăng Nguyên	20	5	1982		01/10/2014	01/10/2014	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Hóa học		Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ A	B Bậc 1		
271	Phùng Lê Vũ	1	2	1991		01-10-2016	01-07-2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phạm Hữu Lầu	UBND Quận 7	6 năm 11 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên trung học cơ sở hạng III		Trình độ B	B Bậc 1		
272	Trần Thị Diễm My	28	11	1987	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Dương Bá Trạc	UBND Q8	10 năm 00 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
273	Nguyễn Ngọc Phước	17	1	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn GDCD	Trường THCS Dương Bá Trạc	UBND Q8	11 năm 09 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS Hạng II		A	B		
274	Phan Túc Trí	4	10	1991		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Dương Bá Trạc	UBND Q8	05 năm 01 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán		Giáo viên THCS Hạng II		A	B		
275	Nguyễn Thị Thanh Hương	8	5	1978	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên môn Tin	Trường THCS Dương Bá Trạc	UBND Q8	01 năm 09 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Giáo viên THCS Hạng II		Đại học			
276	Huỳnh Thị Thanh Trúc	21	1	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn GDCD	Trường THCS Khánh Bình	UBND Q8	13 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh văn A2		
277	Lý Liệt Tuấn	14	11	1990		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Khánh Bình	UBND Q8	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm lịch sử		Giáo viên THCS Hạng II		A			
278	Lê Hoàng Bảo	03	12	1985		01/09/2007	01/09/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II	Trung cấp	Đại học	Anh Bậc 3		
279	Phan Thị Ngọc Quỳnh	14	01	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Nhạc viện TPHCM - Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
280	Tô Thị Thủy Nga	18	10	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh A		
281	Trần Thị Thu Thủy	19	9	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh Bậc 4		
282	Võ Ngọc Duyên	03	5	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật nữ công		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
283	Lê Thị Thanh Hải	10	11	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
284	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11	11	1987	x	15/09/2016	15/06/2017	Giáo viên môn Hoá học	Trường THCS Sương Nguyệt Anh	UBND Q8	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ - Hoá vô cơ		Giáo viên THCS Hạng II		B	Anh Bậc 3		
285	Bùi Ngô Y Hân	20	10	1982	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Bình An	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	Giáo viên THCS Hạng II		B	A2-DH Sài Gòn		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTLV và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
286	Đỗ Thị Thanh Thảo	04	11	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Bình An	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS Hạng II		A	B-Đại học Ngân hàng		
287	Nguyễn Thái Bảo	20	01	1989		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Khoa học Tự nhiên	Trường THCS Bình An	UBND Q8	09 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý		Giáo viên THCS Hạng II		B	A2-DH Sài Gòn		
288	Nguyễn Thị Tuyết	20	04	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Giáo dục	Trường THCS Bình An	UBND Q8	11 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm TDTT	Sơ cấp	Giáo viên THCS Hạng II		A	B-DH Trần Đại Nghĩa		
289	Trần Thị Mỹ Lộc	13	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Bình An	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		A	A2-DH Sài Gòn		
290	Võ Văn Tuấn	29	11	1976		01/09/2004	01/09/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phú Lợi	UBND Q8	13 năm 4 tháng	V.07.04.32	4,32	Thạc sĩ Văn học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II	Trung cấp	A	B1		
291	Nguyễn Văn Triệu	29	12	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Lịch sử & Địa lí	Trường THCS Trần Danh Ninh	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	CC-B		
292	Mai Thị Thanh Quế	20	3	1983	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Trần Danh Ninh	UBND Q8	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		A	CC-B		
293	Nguyễn Hoàng Nam	16	5	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán		Giáo viên THCS Hạng II		A	CC-B		
294	Trần Bé Ngà	10	10	1983	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Trần Danh Ninh	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		A	CC-B		
295	Lư Tất Thành	24	1	1984		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Trần Danh Ninh	UBND Q8	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Công nghệ thông tin Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên THCS Hạng II		Đại học	CC- B		
296	Dương Thị Phương	6	12	1977	x	01/09/2001	01/03/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Tùng Thiện Vương	UBND Q8	10 năm 06 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học Tin học - Chứng chỉ Sư phạm bậc 2 Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II	Trung cấp	Đại học	Anh - B1		
297	Trần Văn Đạt	13	1	1990		01/08/2013	01/08/2014	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	UBND Q8	9 năm 05 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Địa Lý	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II	Trung cấp	A	Anh - B		
298	Phan Quang Chiến	15	12	1989		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin	Trường THCS Tùng Thiện Vương	UBND Q8	9 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Khoa học máy tính	Không	Giáo viên THCS Hạng II	Không	Đại học	Anh - B		
299	Nguyễn Thị Thanh Bình	16	10	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	UBND Q8	10 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Không	Giáo viên THCS Hạng II	Không	UDCNTT trong dạy học	Anh - B		
300	Huỳnh Hồ Bảo Thụy	26	7	1983		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Tùng Thiện Vương	UBND Q8	9 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật Lý	Không	Giáo viên THCS Hạng II	Không	Cao đẳng	Bảng điểm Cao đẳng - Có học phần Tiếng Anh		
301	Nguyễn Nhâm	8	6	1976		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Anh văn	Trường Trung học Cơ sở Lê Lai	UBND Q8	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh- Đại học		
302	Nguyễn Vũ Hoàng Nhân	29	4	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Lịch Sử - Địa lý, Tổng phụ trách Đội	Trường Trung học Cơ sở Lê Lai	UBND Q8	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Địa Lý	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II	Trung cấp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
303	Lê Quyết Tiến	20	3	1984		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường Trung học Cơ sở Lê Lai	UBND Q8	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - CNT, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm		Giáo viên THCS Hạng II		Đại học	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
304	Võ Văn Tuấn	17	2	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường Trung học Cơ sở Lê Lai	UBND Q8	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II	Trung cấp	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy	Bảng điểm Hán Nôm		
305	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8	4	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán học	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - PP dạy học Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
306	Trần Thị Bích Ngọc	29	4	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Địa lý	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
307	Trịnh Thị Hồng Diễm	20	2	1983	x	14/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Văn học Cao đẳng - Sư phạm văn - giáo dục công dân		Giáo viên THCS Hạng II		B	Anh B		
308	Ngô Quang Tuấn	26	12	1991		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm vật lý Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục		Giáo viên THCS Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
309	Huỳnh Lưu Trung	12	2	1978		01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên môn Tin học	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học công nghệ thông tin Chứng chỉ sư phạm		Giáo viên THCS Hạng II		Đại học			
310	Lê Thị Thùy Dung	11	2	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	UBND Q8	10 năm 0 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS Hạng II		A	Anh B		
311	Bàì Thị Bích Trâm	8	11	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
312	Đỗ Ngọc Tuấn	4	10	1986		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
313	Đỗ Thị Huệ	3	7	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
314	Hồ Kim Nhiên	9	3	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
315	Nguyễn Văn Hân	7	7	1981		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
316	Trương Thị Anh Tuyền	11	7	1982	x	05-11-2003	05-05-2004	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	19 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
317	Võ Thị Thanh Nhã	28	10	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THCS Lạc Hồng	UBND Quận 10	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Giáo dục chính trị		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
318	Đỗ Thị Mai	4	4	1980	x	01-08-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	22 năm 3 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B2		
319	Lư Đỗ Bảo Huy	10	10	1986		28/08/2008	28-08-2009	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	14 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc		GV THCS hạng II		A	Anh A		
320	Nguyễn Diệp Tuấn Anh	22	1	1989		01/09/2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục		GV THCS hạng II		Đại học	Tiếng Anh Đại học		
321	Nguyễn Thị Kim Liên	5	10	1988	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh Đại học		
322	Phạm Thị Thu Thủy	20	2	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
323	Châu Trí Vinh	16	6	1990		01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	10 năm 9 tháng	V.07.04.12	3,34	Đại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
324	Nguyễn Thị Giao Tiên	1	2	1984	x	08-03-2008	15-03-2009	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GD&ĐT Q10	15 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - SP Công nghiệp Công nghệ		GV THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
325	Vũ Thị Kim Chung	22	12	1984	x	09-01-2007	09-01-2008	Hiệu trưởng	Trường THCS Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân Quận 10	15 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THCS	Không	Ứng dụng CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B1		
326	Võ Thị Kim Nguyễn	15	8	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường THCS Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân Quận 10	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS Hạng II	Không	Tin học A	Tiếng Anh B		
327	Trương Lê Thị Duyên Tiên	1	12	1983	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên	Trường THCS Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân Quận 10	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Không	GV THCS Hạng II	Không	Tin học B	Tiếng Anh B		
328	Nguyễn Hoàng Long	21	11	1984		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường THCS Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân Quận 10	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Không	GV THCS Hạng II	Không	Ứng dụng CNTT Nâng cao	Tiếng Anh B		
329	Trần Phong Phú	29	11	1979		01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên	Trường THCS Hòa Hưng	Ủy ban nhân dân Quận 10	15 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Thể dục thể thao Thạc sĩ - Giáo dục học	Không	GV THCS Hạng II	Không	Ứng dụng CNTT Cơ bản	Tiếng Anh B1		
330	Huỳnh Thị Thành	5	5	1982	x	#####	01/3/2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	17 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		CDNN GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
331	Vòng Mỹ Yến	16	06	1989	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật Lí	Trung cấp	CDNN GV THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
332	Nguyễn Thị Hường	20	10	1981		,07/04/2007		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	7 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66+1 3%	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học		CDNN GV THCS hạng II		CNTT B	Anh Bậc 3		
333	Nguyễn Thành Trung	09	6	1986		10/2012		Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Đại số và lí thuyết số		CDNN GV THCS hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng Anh B1		
334	Trần Thị Minh Hương	17	8	1988	x	,01/10/2011	09/01/2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	12 năm 4 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Cử nhân Sư phạm		CDNN GV THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
335	Vũ Thị Hồng An	23	8	1979	x	,09/01/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn văn Tổ	UBND Quận 10	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐHSP Hóa CDSP Hóa - Sinh		CDNN GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
336	Phạm Trần Thanh Thảo	31	08	1989	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Văn Tổ	UBND Quận 10	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm GD&ĐT/ Lí luận chính trị		CDNN GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh B		
337	Lê Trung Ân	28	01	1983		01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Kỹ sư Kỹ thuật cơ - Điện tử	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh ĐH		
338	Phan Thị Hương	02	09	1970	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ A	Anh B		
339	Trương Trọng Hữu	20	03	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ A	Anh B1		
340	Dương Thủy Phương Tiên	02	10	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ A	Anh Bậc 3		
341	Thới Thị Minh Thủy	28	03	1995	x	01/09/2017	01/06/2018	Giáo viên môn TDTT	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	5 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	Đang học chứng chỉ BDCDNN GV THCS		CNTTCB	Anh B1		
342	Nguyễn Thành Tài	17	06	1991		01/09/2017	01/06/2018	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Q10	5 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	Đang học chứng chỉ BDCDNN GV THCS		Trình độ B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
343	Phạm Văn Nhất	29	12	1988		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	UBND Quận 10	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ - PPDH Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ B	Anh B		
344	Đỗ Phương Thanh	8	9	1981	x	08-09-1981	01-09-2002	Phó Hiệu Trưởng	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	23 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	Cử nhân đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	trung cấp	A	B		
345	Cần Đỗ Tú Anh	30	10	1991	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	11 năm 8 tháng	V.07.04.12	3,33+10%	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
346	Hoàng Khương Duy	13	8	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên THCS hạng 3 - Môn Địa lí	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân đại học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ tin học A, chứng chỉ ứng dụng CNTT trong dạy học	B1 (bậc 3)		
347	Lê Thị Nhị Hà	21	11	1980	x	10-01-2002	04-01-2003	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	21 năm 1 tháng	V.07.04.12	4,32	Đại Học - Sư phạm TDTT TPHCM	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTNA	A		
348	Nguyễn Thị Nghĩa	1	1	1988	x	08-01-2013	08-01-2013	Giáo viên	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - cử nhân Ngoại Ngữ	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Đại học		
349	Nguyễn Thị Thảo	10	08	1981	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học -Sư phạm Vật Lí	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
350	Đào Ngọc Chúc	10	4	1987	x	18/10/2012	18/10/2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Kỹ Thuật Nông Nghiệp	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B1		
351	Lê Ngọc Mỹ	22	9	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lí	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	9 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lí Thạc sĩ - Địa lí học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT A	Tiếng Anh B		
352	Đặng Thị Thanh Thủy	20	5	1993	x	01/8/2015	01/8/2016	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	7 năm 9 tháng	V.07.04.32	3	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
353	Phạm Thị Xuân	3	10	1988	x	11-01-2017	11-01-2017	Giáo viên môn sinh học, KHTN	Trường THCS Trần Phú	Phòng GD-ĐT Quận 10	6 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33 +6%	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Sinh thái học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Bậc B1		
354	Đỗ Thị Hường	5	9	1981	x	04-01-2004	10-01-2004	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Cách Mạng Tháng Tám	UBND Quận 10	19 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
355	Phạm Nguyễn Kim Ngân	11	3	1987	x	01-10-2008	01-01-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Cách Mạng Tháng Tám	UBND Quận 10	15 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
356	Ngô Tùng Thị Thanh Hóa	20	11	1983	x	09-01-2004	09-01-2005	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Cách Mạng Tháng Tám	UBND Quận 10	18 năm 7 tháng	V.07.04.32		Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	TC	GV THPT hạng II	x	THUĐ A	Anh B1		
357	Hà Phối Ân	25	6	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Lữ Gia	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Sinh học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		
358	Nguyễn Thị Xuân Hương	14	4	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Toán	Trường THCS Lữ Gia	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 13/05/2021)		A	Anh B		
359	Lê Thị Loan	20	11	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Lữ Gia	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Hóa học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
360	Tô Mỹ Như	30	8	1987	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Lữ Gia	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử; Cao đẳng ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		
361	Mai Việt Hà	25	4	1980	x	01-11-2001	01/5/2002	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	19 năm 07 tháng	V.07.04.32	4,32	Cử nhân - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNNTCB	Anh B1		
362	Nguyễn Hạnh Thành	30	01	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNNTCB	Anh B1		
363	Tào Vô Hiền Nhân	01	11	1988		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Tin học	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (cấp ngày 09/4/2012)		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		Kỹ sư CNTT	Anh B1		
364	Âu Nhất Tâm	15	01	1989		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Tin học	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cao đẳng - Sư phạm Tin học		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 14/8/2020)		Kỹ sư CNTT	Anh B		
365	Võ Thị Minh Châu	12	6	1984		01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	17 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân - Sư phạm Âm nhạc		GVTHCS Hạng III (cấp ngày 17/6/2021)		Tin học B	Anh B1		
366	Phan Thị Như Quỳnh	23	5	1987		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Anh Xuân	UBND Quận 11	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Toán học		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 01/8/2019)		CNNTCB	Anh B		
367	Quan Ngọc Kinh	27	5	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Toán	Trường THCS Phú Thọ	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán học		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		
368	Liêu Ngọc Mai	07	02	1985	x	01/9/2013	01/9/2014	Giáo viên Tin học	Trường THCS Phú Thọ	UBND Quận 11	09 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cao đẳng sư phạm Tin học		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 24/7/2019)		Kỹ sư CNTT	Cử nhân Ngữ văn Anh		
369	Trần Kim Liên	13	12	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Lịch sử - Địa lí	Trường THCS Phú Thọ	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Địa lý		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		
370	Huỳnh Trà Giang	10	6	1985		01/9/2008	31/8/2009	Giáo viên Thể dục	Trường THCS Phú Thọ	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Giáo dục thể chất		GVTHCS Hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B		
371	Hà Lý Thụy Như	13	10	1971		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học ngôn ngữ Anh; Cao đẳng - Sư phạm Tiếng Anh		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNNTCB	Anh ĐH		
372	Phạm Hồng An	01	11	1980	x	01/10/2000	01/4/2001	Giáo viên Văn	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	18 năm 08 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNNTCB	Anh B		
373	Huỳnh Thị Sương	25	12	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Toán	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNNTCB	Anh B		
374	Nguyễn Văn Thìn	07	01	1990		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Toán	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNNTCB	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
375	Bung Huy Hùng	14	9	1979		01/9/2001	01/3/2002	Giáo viên Toán	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	18 năm 10 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		Cao đẳng	Anh B1		
376	Thái Thị Thùy Dung	27	5	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNTTNC	Anh ĐH		
377	Đặng Nguyễn Thanh Vi	29	01	1986	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử; Cao đẳng - Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNTTCB	Anh B		
378	Trần Thị Thanh Trúc	22	10	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNTTCB	Anh Bạc 2		
379	Nguyễn Thị Nhi	06	11	1991	x	08/11/2012	08/11/2013	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	10 năm 06 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật		GVTHCS hạng II (cấp ngày 29/8/2018)		CNTTCB	Anh B		
380	Thái Chí Bình	15	10	1988		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Tin học	Trường THCS Hậu Giang	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Công nghệ Thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (cấp ngày 17/7/2012)	Trung cấp	GVTHCS hạng II (cấp ngày 17/9/2020)		Kỹ sư CNTT	Anh B		
381	Đặng Thị Ngọc Luyện	16	01	1981	x	01/9/2004	01/9/2005	Giáo viên Tin học	Trường THCS Nguyễn Văn Phú	UBND Quận 11	19 năm 07 tháng	V.07.04.32	3,99	Kỹ sư Công nghệ Thông tin; Chứng chỉ Sư phạm (cấp ngày 10/12/2003)		GVTHCS hạng II (cấp ngày 24/09/2020)		CNTTCB	Anh B		
382	Lý Trung Quân	03	02	1990		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Văn Phú	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 01/08/2019)		B	Anh B		
383	Trương Thị Vân Hoài	25	6	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Phú	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Âm nhạc		GVTHCS (cấp ngày 25/8/2023)		A	Anh B		
384	Nguyễn Ngọc Hân	26	02	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Tin học	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư Công nghệ thông tin, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (cấp ngày 18/11/2011)		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		Kỹ sư	Anh B		
385	Vũ Thị Kim Anh	16	01	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V07.04.32	3,33	Kỹ sư Kỹ thuật Điện - điện tử; Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp		GVTHCS hạng II (cấp ngày 18/5/2020)		CNTTNC	Anh B		
386	Đặng Minh Thành	26	4	1990		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Toán	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân -Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B1		
387	Trương Thị Xuân Hà	20	11	1986	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Mỹ thuật		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNTTNC	Anh A2		
388	Nguyễn Thị Hà Phương	24	10	1983	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	17 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân -Sư phạm Âm nhạc		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNTTCB	Anh B1		
389	Nguyễn Minh Tiến	27	10	1965		23/9/1991	01/4/1993	Giáo viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	14 năm 11 tháng	V.07.04.32	4,98 (CLBL 0,35)	Cử nhân Công nghệ thông tin, Chứng chỉ Dạy học và giáo dục		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
390	Lê Thị Phương	26	03	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Địa lý		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Bảng điểm bằng Cao đẳng Sư phạm Địa lý có học tiếng Anh		
391	Đào Thị Lệ Thu	24	8	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Vật lí		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		CNTTCB	Anh B1		
392	Nguyễn Văn Tiền	15	11	1987		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Toán	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNTTNC	Anh B		
393	Nguyễn Mai Khanh	06	5	1986		01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	15 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Giáo dục thể chất		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		A	Anh B		
394	Trần Huỳnh Phương Khanh	15	9	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		A	Anh B1		
395	Trần Văn Nam	20	6	1986		01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	14 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Ngữ văn		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		CNTTCB	Anh B1		
396	Nguyễn Thị Mai Trâm	06	01	1986	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Ngữ văn		GVTHCS hạng II (cấp ngày 03/5/2019)		B	Anh B1		
397	Nguyễn Vũ Hải	12	11	1980		01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	19 năm 07 tháng	V.07.04.32	4,32	Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cao đẳng - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp - Tin học		GVTHCS hạng III (cấp ngày 31/3/2022)		Kỹ sư CNTT	Anh B		
398	Võ Nguyễn Thị Minh Phương	06	3	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên Tin học	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	12 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Công nghệ thông tin		GVTHCS hạng II (cấp ngày 23/4/2019)		Cử nhân	Anh B		
399	Phan Nhật Tân	27	10	1968		15/8/1991	01/01/1994	Giáo viên Toán	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	19 năm 07 tháng	V.07.04.32	4,98 + 5%	Cử nhân - Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II (cấp ngày 29/3/2021)		A	Anh B		
400	Nguyễn Thị Bảo Thu	12	4	1987		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Chu Văn An	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	4,32	Cử nhân - Sư phạm Công nghệ		CDNN GVTHCS (cấp ngày 05/9/2023)		CNTTCB	Anh B		
401	Quản Văn Công	11	4	1993		01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
402	Nguyễn Thị Thu Hà	12	6	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
403	Nguyễn Hồng Hạnh	20	10	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B2		
404	Trần Văn Sáng	10	5	1991		01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3,00	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
405	Nguyễn Lê Phương Thảo	21	9	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
406	Vũ Hoàng Yến	26	12	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	THCS An Phú Đông	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
407	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19	11	1984	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	17 năm	V.07.04.32	3,99	Thạc sĩ Lịch sử	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
408	Lê Quang Phúc	2	6	1978		01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	20 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - A		
409	Phạm Thị Toàn	20	3	1980	x	01-09-2002	01-03-2004	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	20 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Sinh		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
410	Nguyễn Xuân	2	1	1983	x	01/12/2008	30-11-2009	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	14 Năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Tin học		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
411	Phạm Thị Ánh	20	6	1983	X	03/09/2004	03/09/2005	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	19 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh - B		
412	Trần Kim Phiến	1	9	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Sinh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
413	Võ Cao Thắng	19	10	1984		01/01/2010	01/11/2018	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	13 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ Toán	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
414	Trần Ngọc Minh Phương	11	1	1985	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	13 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
415	Trần Như Ngọc	13	4	1989	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	12 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạmToán		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
416	Nguyễn Hải Bằng	12		1989		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học CNTT		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh C		
417	Nguyễn Thị Quế Minh	20	2	1991	x	01/09/2013	01-01-2021	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ Hóa học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B1		
418	Quách Thái Toàn	15	2	1986		01/11/2017	01/06/2018	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	10 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
419	Lê Thị Đào	10	2	1978	x	25/08/2005	25/08/2006	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	18 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp			B	Anh - B		
420	Đoàn Nguyễn Hồng Nhung	19	12	1983		01/09/2017	01/09/2017	Giáo viên	THCS Hà Huy Tập	UBND Q12	10 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,03	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp			B	Anh - B2		
421	Chu Thị Vân	25	7	1977	x	01/02/2001	01/04/2001	Giáo viên môn Ngữ Văn	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	23 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
422	Hồ Thị Kim Hồng	2	9	1983	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	18 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân Sư phạm Công nghệ	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
423	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	23	10	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS hạng II		A	Đại học		
424	Nguyễn Thị Oanh	10	2	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A1		
425	Huỳnh Thị Nam	15	2	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Tin học văn	Anh - B		
426	Lê Thị Ngọc Phụng	3	5	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
427	Đào Thị Trang	13	7	1986	x	01/08/2011	01/08/2012	Giáo viên môn Toán	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
428	Đỗ Thị Hoan	23	7	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Công nghệ	Trung cấp chính trị	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
429	Mai Thị Hạnh	1	1	1984	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3	Cử nhân Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
430	Lê Thị Kim Mỹ	14	2	1991	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên môn Hoá học	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Hóa hữu cơ		Giáo viên THCS		A	Anh - B1		
431	Hoàng Thụy Hiền	1	7	1981	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Âm nhạc	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	17 năm 8 tháng	V.07.04.12	3,65	Cử nhân sư phạm âm nhạc		Giáo viên THCS hạng III		A	Anh - A		
432	Lê Thị Dung	12	2	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Thể dục	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân Sư phạm Thể dục		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
433	Vũ Thị Lệ Hằng	13	3	1987	x	01/02/2010	01/02/2011	Giáo viên môn Lịch sử	THCS Lương Thế Vinh	UBND Q12	10 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
434	Đinh Thị Hoa	08	09	1987	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Địa lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Địa Lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - A		
435	Đinh Thị Nhạn	07	07	1991	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Hóa học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại Học - Sư phạm hóa học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
436	Hoàng Thị Thanh Xuân	26	06	1989	X	09/01/2014	09/01/2015	Giáo viên Tư vấn Tâm lý học đường	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại học - Sư phạm Tâm lý giáo dục	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
437	Huỳnh Thị Thu Phương	17	02	1987	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	13 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
438	Lâm Kiều Trinh	25	12	1983	X	01/09/2003	01/12/2011	Giáo viên môn Mĩ thuật	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học Sư phạm Mĩ Thuật		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
439	Lê Thị Thanh Tuyền	18	07	1990	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3,00	Đại Học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
440	Nguyễn Thị Hương	08	04	1991	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3,00	Đại Học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
441	Nguyễn Hữu Nghĩa	13	08	1989		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn vật lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,33	Đại Học - Sư phạm vật lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
442	Nguyễn Thị Dung	20	09	1986	X	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên môn GDCD	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại học - Sư phạm giáo dục chính trị		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
443	Nguyễn Thị Phương	13	05	1989	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
444	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22	06	1993	X	01/09/2014	01/09/2015	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3,03	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
445	Phạm Anh Khoa	18	06	1985		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn công nghệ	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm 10 tháng	V.07.04.11	3,33	Đại Học - Công nghệ kỹ thuật điện-điện tử		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
446	Phạm Thị Giang	23	10	1987	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
447	Phạm Thị Hoa	05	10	1981	X	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	17 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm TDTT chuyên ngành GDTC	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
448	Phạm Thị Phương	02	03	1978	X	19/11/2002	19/05/2003	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	20 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm Ngữ Văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B1		
449	Phạm Xuân Viễn	17	04	1973		09/03/1999	04/01/2000	Tổ phó chuyên môn GDTC- Nghệ Thuật	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	24 năm 5 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm TDTT chuyên ngành GDTC	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
450	Nguyễn Hữu Duyên	02	04	1984		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Toán học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	15 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Cử nhân	Anh - B		
451	Nguyễn Ngọc Khoa	18	06	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Hóa học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	10 năm 9 tháng	V.07.04.12	3,34	Đại Học - Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
452	Trần Hoàng Lâm	12	01	1979		01/03/2003	01/03/2004	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	20 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Công nghệ thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Cử nhân	Anh - B		
453	Chu Ngọc Tú	20	10	1976		01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Lịch sử	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	20 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sư phạm Lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
454	Chu Hoàng Thông	06	05	1970		01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Âm nhạc	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	18 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
455	Đặng Thị Hào	21	11	1986	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tin Học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,33	Đại Học Thái Nguyên	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
456	Nguyễn Thị Lộc	02	09	1990	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
457	Lại Thị Hồng Nhung	05	05	1990	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Địa lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
458	Hoàng Thị Thi Thơ	26	12	1992	X	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Địa lí	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,00	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
459	Mai Thị Cẩm Vân	30	10	1993	X	01/08/2014	01/09/2015	Giáo viên môn hóa học	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3,00	Đại học - Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II		Tin B	Anh - B		
460	Hà Hồng Huệ	09	04	1979	X	03/09/2001	01/03/2002	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	22 năm 3 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học sư phạm- Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
461	Nguyễn Văn Hoàng	06	09	1990		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Giáo Dục Thể Chất	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	9 năm	V.07.04.11	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Thể Chất		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
462	Lại Thị Lan	10	12	1979	X	01/12/1999	01/09/2008	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn An Ninh	UBND Q12	15 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học sư phạm- Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
463	Phạm Thị Thương	26	7	1976	x	01/09/1997	01/12/1998	Giáo viên môn Toán học	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	25 năm 4 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
464	Phí Thị Hiệp	23	6	1984	x	01/12/2017	01/12/2017	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	6 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
465	Nguyễn Thị Thủy Trang	3	3	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Mỹ thuật	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		A	Anh - B		
466	Lê Thái Anh	20	3	1989		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Thể dục	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B1		
467	Vũ Quỳnh Anh	26	10	1988	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Kỹ sư Kinh tế gia đình	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
468	Phạm Thị Huệ	26	7	1980	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Giáo dục công dân	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3,00	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		A	Anh - B		
469	Dương Thị Nguyệt	10	6	1987	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3,00	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
470	Phùng Thị Hương Lan	26	12	1982	x	10/01/2005	10-01-2006	Giáo viên Ngữ văn	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	17 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
471	Nguyễn Thị Anh Đào	13	9	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Ngữ văn	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Ngữ văn	sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
472	Nguyễn Thị Nga	4	1	1985	x	05/09/2006	05/09/2007	Giáo viên môn Vật lý	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Vật lý	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
473	Trần Thị Bích Thủy	17	9	1979	x	04/01/2006	04-01-2007	Giáo viên GDCC	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	17 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - A2		
474	Phạm Tiến Dũng	23	11	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B2- FCE Quốc Tế		
475	Trần Thị Thu Phương	3	10	1988	x	01-01-2014	01-01-2015	Giáo viên Toán	THCS Nguyễn Chí Thanh	UBND Q12	9 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS Hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
476	Cao Quang Trí	2	10	1990		01-09-2011	01-09-2012	Phó hiệu trưởng	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,36	ĐH sư phạm Địa lý Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
477	Bùi Thị Thương	29	5	1973	x	01-09-1996	01-09-1996	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	27 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	ĐH sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
478	Quan Vũ Long	18	8	1978		01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	20 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,99	ĐH sư phạm Công Nghệ		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
479	Lê Đỗ Thục Uyên	28	4	1978	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH sư phạm Hoá Học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
480	Đinh Thị Xuân	26	2	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH sư phạm Văn Sử	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
481	Đinh Thị Hoa	20	1	1978	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
482	Mai Thùy Linh	29	9	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
483	Nguyễn Thủy Tiên	7	10	1985	x	01-08-2007	01-08-2011	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH sư phạm Công nghệ		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
484	Võ Thị Ngọc Phương	23	6	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Sinh vật học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
485	Nguyễn Thị Nhân	23	10	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
486	Nghiêm Thị Oanh	15	10	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Công nghệ Thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
487	Huỳnh Thị Thanh Trúc	6	11	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Vật lý	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
488	Nguyễn Thị Mai	8	4	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Hóa học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
489	Phan Trần Ngọc Thắm	29	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Sinh vật học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
490	Đinh Thị Huyền Trang	5	10	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II	CĐSP Toán - Tin	Anh - C			
491	Lê Thị Hồng Hà	12	10	1990	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B1		
492	Lê Thị Thanh Tâm	10	10	1983	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
493	Nguyễn Thị Thanh An	6	3	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Nguyễn Hiền	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH sư phạm Công nghệ		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
494	Cao Thị Thắng	15	6	1983	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
495	Phạm Thị Hồng Sơn	15	12	1979	x	01/9/2014	01/9/2015	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3.00	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
496	Nguyễn Thị Hồng	18	11	1988	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
497	Dương Thị Giàu	09	02	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn KHTN	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc sĩ - Hoá hữu cơ	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B1		
498	Lê Thị Thu Hiền	20	02	1998	x	01/12/2011	01/12/2012	Giáo viên môn Sử - Địa	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin B	Anh - B		
499	Lê Thị Trọng	06	01	1982	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Mỹ thuật	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
500	Đoàn Công Nguyễn	14	4	1975		01/9/2003	01/3/2004	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	20 năm 02 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại Học - Sư phạm Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
501	Hoàng Thị Hoà	11	9	1983	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Toán - Tin	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
502	Nguyễn Hồng Bắc	15	4	1971		01/01/1993	01/5/1994	Giáo viên môn Toán học	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	30 năm	V.07.04.32	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán - Tin	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
503	Tô Nguyễn Thị Kim Phượng	07	11	1973	x	01/9/1999	01/3/2000	Giáo viên môn Toán học	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	24 năm 02 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II, III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
504	Trịnh Thị Hà	17	8	1992	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Toán học	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	09 năm 09 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin B	Anh - B		
505	Nguyễn Thị Lan Trinh	23	6	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tiếng anh	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Đại học		
506	Nguyễn Quốc Duy Kiên	18	10	1987		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên môn Thể dục	THCS Nguyễn Huệ	UBND Q12	13 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất Thạc sĩ GDTC	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B1		
507	Phạm Song Thanh Trúc	22	11	1987		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	09 năm 00 tháng	V.07.04.32	3	Đại học Sư phạm Toán	không	Giáo viên THCS hạng II		Tin A	Anh - B		
508	Võ Văn Tuấn	25	11	1986		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	không	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh C		
509	Nguyễn Thị Lan	15	09	1984	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	14 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán	không	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
510	Nguyễn Vũ	08	01	1989		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	09 năm 00 tháng	V.07.04.32	3	Kỹ sư Công nghệ thông tin	không	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
511	Nguyễn Phi Anh	26	08	1981		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	15 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Công nghệ thông tin	không	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
512	Đỗ Thị Khánh Ly	18	04	1988	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	09 năm 09 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
513	Bùi Thị Liên	24	04	1986	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	10 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Công nghệ thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
514	Hà Thị Mỹ Nhân	10	08	1982	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Lịch sử	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	15 năm 07 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Lịch sử		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
515	Huỳnh Thị Khánh Vân	20	12	1981	x	01/10/2004	01/10/2005	Giáo viên môn Sinh học	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	13 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sinh vật		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
516	Mai Thị Ngân	20	08	1990	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Mỹ thuật	THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Q12	09 năm 00 tháng	V.07.04.12	3,03	Đại học Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên THCS hạng II		Tin học văn	Anh - B		
517	Ngô Hoàng Trung	21	1	1991		01-11-2013	01-11-2014	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	UBND Q12	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - Bạc 2		
518	Huỳnh Ngọc Thảo	20	6	1986		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Công nghệ	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - Bạc 2		
519	Lý Thị Mỹ Linh	31	8	1991	Nữ	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - Bạc 2		
520	Nguyễn Thị Thảo	23	6	1985	Nữ	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp chính trị	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - Bạc 2		
521	Trần Thị Dung	3	5	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	11 năm 6 tháng	V.07.04.12	3,34	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
522	Phạm Thị Hồng Yến	27	12	1983	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên THCS hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
523	Nguyễn Thụy Hạnh Quý	27	9	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
524	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	24	11	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
525	Lê Thị Thom	10	1	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		Đại học	Anh - B		
526	Nguyễn Thị Ngọc Yến	9	12	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên - TPCM	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Kinh tế gia đình	Trung cấp	GV THCS hạng II, III		A	Anh - B		
527	Phạm Hùng Tương	25	8	1984		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên - TTCM	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II, III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
528	Huỳnh Thị Bích Thủy	29	11	1968	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	15 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
529	Nguyễn Thị Mỹ Văn	5	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên - TPCM	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
530	Đỗ Ngọc Lan Thanh	26	7	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
531	Nguyễn Hoàng Dung	12	9	1987	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.04.32	3	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUĐ B	Anh - B		
532	Lại Kiên Lâm	28	3	1986		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa sinh		Giáo viên THCS		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
533	Cao Thị Nhân	5	5	1985	x	01-02-2009	01-02-2010	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	14 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
534	Phạm Thị Thủy Tiên	19	1	1991	x	01-08-2014	01-09-2015	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.04.12	3,03	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Đại học		
535	Trần Thị Hồng Hạnh	9	11	1992	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	9 năm 0 tháng	V.07.04.32	3	Đại học - Nuôi trồng thủy sản	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
536	Nguyễn Thị Đàm	27	7	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên - TTCM	THCS Phan Bội Châu	UBND Q12	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
537	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07	10	1987	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Công nghệ	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	13 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - sư phạm kỹ thuật nữ công	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh B		
538	Trần Mạnh Huấn	20	03	1990		01/08/2014	01/09/2015	Giáo viên thể dục	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	8 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại Học - Sư phạm thể dục thể thao	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh B		
539	Nguyễn Vĩnh Thuận	15	06	1986		01/10/2007	01/04/2008	Giáo viên Mỹ thuật	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	16 năm 2 tháng	V.07.04.32	1,989	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
540	Nguyễn Minh Hoà	15	12	1981		01/09/2012	01/08/2013	Giáo viên thể dục	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	10 năm 10 tháng	V.07.04.32	1,989	Đại Học - Sư phạm thể dục thể thao		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh B		
541	Lê Tâm Hậu	05	05	1990		01/09/2017	01/06/2018	Giáo viên môn Toán	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	6 năm 0 tháng	V.07.04.12	3,03	Thạc sĩ - Toán		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
542	Ngô Thị Nhip	22	07	1981	X	01/09/2002	01/09/2007	Giáo viên môn Âm nhạc	THCS Tô Ngọc Vân	UBND Q12	16 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
543	Lương Thị Tinh	18	9	1986	x	08-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học		
544	Nguyễn Phương Liên	23	1	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học		
545	Nguyễn Trung Nghĩa	25	2	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Toán	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
546	Đỗ Văn An	15	5	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Toán	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
547	Phạm Thị Bích Nhã	27	3	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên Toán	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
548	Lê Thị Thủy Linh	28	2	1979	x	01-09-2004	01-09-2005	TTCM - Giáo viên môn Tin học	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học CNTT	Trung cấp	GV THCS hạng III		Đại học	Anh - B		
549	Dương Công Đức	20	10	1986		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Giáo Dục Thể Chất	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.03.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo Dục Thể Chất	Trung cấp	GV THCS hạng II,III	Chứng nhận QLNN	B	Anh - B		
550	Nguyễn Thị Vân Anh	07	5	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Tổ trưởng chuyên môn	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
551	Trương Kim Thoại	14	5	1979	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm hoá học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
552	Nguyễn Thị Mai Hoa	13	3	1975	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	23 năm 1 tháng	V.07.04.32	4.65	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II, III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
553	Lê Thanh Trọng	10	4	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.0	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II, III		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh - B		
554	Lê Thị Kim Ngân	16	3	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm hoá học	Sơ cấp	GV THCS hạng II, III		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
555	Trần Minh Tâm	27	5	1989		09-01-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Lịch sử	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
556	Trịnh Thị Hương	28	12	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Giáo dục công dân	THCS Trần Hưng Đạo	UBND Q12	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân- Giáo dục chính trị	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
557	Bùi Thị Thanh Hương	30	03	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Hóa học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
558	Phạm Kim Hạ Uyên	27	07	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Cử nhân Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
559	Nguyễn Thị Thủy Linh	05	11	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
560	Nguyễn Việt Ba	05	01	1981		01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	22 năm 2 tháng	V.07.04.32	4.32	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
561	Nguyễn Hoàng Thanh Vinh	19	04	1980	x	09-09-2002	31-03-2003	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	21 năm 1 tháng	V.07.04.32	4.32	Cử nhân Sư phạm Vật lý		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh - B		
562	Nguyễn Thị Duyên	08	05	1992	x	31-08-2017	01-06-2018	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	6 năm	V.07.04.32	3.00	Thạc sĩ Khoa học giáo dục		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B1		
563	Nguyễn Thị Thu Thảo	16	10	1990	x	01-08-2014	01-09-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3.03	Cử nhân SP Tiếng Anh		Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Hoa - B		
564	Điền Thị Hải Yến	07	11	1990	x	01-11-2016	01-08-2017	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Thạc sĩ Khoa học vật chất - Cử nhân Vật lý		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B1		
565	Trần Công Khuyến	20	11	1991		01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3.03	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
566	Nguyễn Thị Thanh Hoa	04	08	1979	x	05-09-2000	01-03-2001	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	23 năm 2 tháng	V.07.04.32	4.32	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Cao đẳng	Anh - B		
567	Nguyễn Thị Huế	20	10	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3.00	Cử nhân Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS hạng III		B	Anh - B		
568	Đinh Thị Mỹ Lệ	08	01	1992	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên THCS hạng III	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.12	3.03	Kỹ sư Công nghệ thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh - C		
569	Phan Thị Nga	10	04	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3.00	Cử nhân Sư phạm Tin học		Giáo viên THCS hạng III		Đại học	Anh - B		
570	Nguyễn Thị Nhung	02	05	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3.00	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS		B	Anh - B		
571	Nguyễn Thị Thóa	18	10	1980	x	01-07-2006	01-07-2006	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	17 năm 10 tháng	V.07.04.32	3.99	Cử nhân Khoa học - Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - A		
572	Đặng Thị Như Triền	02	08	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	THCS Trần Quang Khải	UBND Q12	9 năm	V.07.04.32	3.00	Cử nhân Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Cao đẳng	Anh - B		
573	Nguyễn Thị Bích Hiền	25	10	1985	X	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Trần Phú	UBND Q12	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THCS		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
574	Trương Hồng Quang	10	8	1988		01/09/2010	01-09-2011	Chủ tịch công đoàn	THCS Trần Phú	UBND Q12	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm thể dục thể thao	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
575	Lương Hồng Nhựt	26	9	1974		23/09/2003	23-03-2004	TTCM	THCS Trần Phú	UBND Q12	20 năm	V.07.04.32	3.96	Đại Học	Trung Cấp	Giáo viên THCS hạng II		Cao Đẳng	Anh - A		
576	Đào Ngọc Quảng	17	6	1990		01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên dạy Toán	THCS Trần Phú	UBND Q12	10 năm	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B		
577	Huỳnh Thị Minh Châu	2	2	1990	X	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên bộ môn Tiếng Anh	THCS Trần Phú	UBND Q12	10 năm	Hạng 3	3.33	Đại học Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B		
578	Huỳnh Thị Bích Liên	23	3	1989	X	01/09/2016	01-06-2017	Giáo viên bộ môn KHTN	THCS Trần Phú	UBND Q12	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3.33	Thạc sĩ	Sơ cấp	Giáo viên THCS		B	Anh - B		
579	Trần Ngọc Kỳ Văn	6	1	1980		01/09/2001	01-03-2002	giáo viên bộ môn Toán	THCS Trần Phú	UBND Q12	22 năm	V.07.04.32	4.32	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Cao đẳng	Anh - B1		
580	Hoàng Lê Kim Huyền	22	6	1981	X	03/10/2005	01-09-2020	Giáo viên bộ môn Tiếng Anh	THCS Trần Phú	UBND Q12	18 năm 4 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học Sư phạm tiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	Anh - B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
581	Đinh Thanh Tuyền	06	08	1991	x	06/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS An Lạc	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học + Thạc Sĩ - Thạc sĩ Toán Giải Tích		GV THCS hạng II		A	TOEIC 400		
582	Hoàng Thị Trọng Hòa	10	06	1982	x	01/08/2014	01/09/2015	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS An Lạc	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ +Hóa (chuyên ngành Hóa lý)		GV THCS hạng II		A	Anh B		
583	Ngô Thùy An	22	09	1990	x	15-09-2011	01/11/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS An Lạc	UBND quận Bình Tân	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II		A	Pháp B1		
584	Nguyễn Thị Bích Châu	10	10	1989	x	06/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS An Lạc	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
585	Trần Chí Mỹ	13	5	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	GV môn KHTN	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học- Sư phạm Hoá Học		GV THCS Hạng II		CNNTCB	Anh Bạc 2		
586	Nguyễn Thị Kim Thanh	10	1	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Gv môn KHTN	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn - Sư Phạm sinh		GV THCS Hạng II		CNNTCB	Anh văn B1- Bạc 3		
587	Đặng Thị Ngân	13	10	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	GV môn Toán học	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Hồng Đức - Sư phạm Toán		GV THCS Hạng II + GV THCS		CNTCB	Anh văn bậc 3		
588	Tô Minh Tân	1	5	1986		01/01/2010	01/01/2011	GV KHTN	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	13 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Cần Thơ - Sư Phạm Sinh_KTNN		GV THCS Hạng II		CNNTCB	Anh văn-B		
589	Nguyễn Ngọc Huỳnh Trần	16	12	1984	x	01/09/2005	01/09/2013	GV môn Toán học	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn - sư phạm Toán		GV THCS Hạng II		A	Anh văn bậc 2		
590	Nguyễn Thị Thảo	21	12	1980	x	12-08-2001	18/03/2002	GV môn Tiếng Anh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	22 năm	V.07.04.32	4,32	Đại học - sư phạm tiếng Anh	Trung cấp LLCT	GV THCS Hạng II		B	Đại học		
591	Lại Thị Trinh	7	11	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	GV môn Công Nghệ	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Công Nghệ May		GV THCS Hạng II		A	B		
592	Đỗ Thị Thanh Giang	25	7	1990	X	01/09/2011	01/09/2012	GV môn Tiếng Anh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - sư phạm tiếng Anh	Trung cấp LLCT	GV THCS Hạng II		CNNTCB	Đại học, B Pháp		
593	Lê Huy Cường	15	2	1988		01/08/2013	01/08/2014	GV môn GDTC	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm TDTT		GV THCS Hạng II		CNNTCB	B		
594	Trần Thế Hòa	27	9	1979		01-09-2001	01-12-2002	GV môn Toán học	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	21 năm 08 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Lý luận và PPDH bộ môn Toán		GV THCS Hạng II		A	Anh văn B1- Bạc 3		
595	Nguyễn Ngọc Huyền	4	3	1990	X	01-09-2011	01-09-2012	GV môn Tiếng Anh	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - sư phạm tiếng Anh		GV THCS Hạng II		CNNTCB	ĐH, AV bậc 4, B Trung		
596	Võ Tuấn An	9	9	1986		01-09-2008	01-09-2009	GV môn Ngữ văn	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS Hạng II		CNNTCB	AV B - Bạc 2		
597	Trần Lê Minh Hoà	26	1	1989		01-09-2011	01-09-2012	GV môn Ngữ văn	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	2,67	Đại học Sư phạm Ngữ văn Thạc sỹ - Ngôn Ngữ học		GV THCS Hạng II		B	B1		
598	Hà Văn Quan	8	1	1987		01/08/2013	01/08/2014	GV môn Toán học	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THCS Hạng II		CNNTCB	B		
599	Hoàng Thị Thu Hiền	29	12	1981	x	03/09/2001	01/03/2002	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	22 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
600	Hồ Minh Trâm	27	8	1979	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
601	Nguyễn Mạnh Hải	16	1	1983		01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
602	Huỳnh Thị Kim Ngọt	13	3	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hoá học		GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh B		
603	Phùng Thị Ánh Tuyết	12	11	1980		01/08/2002	01/02/2003	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	21 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh B		
604	Lê Như Trúc	10	5	1992	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh B		
605	Trần Anh Thắng	1	12	1983		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Thể dục Thể thao	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
606	Nguyễn Khánh Như	14	1	1985	X	01/10/2007	01/10/2008	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	15 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		GV THCS hạng II		B	Anh B		
607	Nguyễn Thị Lan Anh	5	2	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		B	Anh B		
608	Phạm Thị Hạnh	28	09	1980	x	01/09/2000	01/03/2002	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	22 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		B	Anh B		
609	Đinh Thị Hoa	28	9	1979	x	20/11/2001	01/06/2002	Giáo Viên môn Văn	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	21 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh B		
610	Nguyễn Thị Huyền	07	06	1980	x	01/09/2004	01/09/2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	19 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
611	Nguyễn Thị Lâm	10	5	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
612	Nguyễn Thị Thu Hằng	09	03	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	TPCM - Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B, UDCNTT CB	C		
613	Trần Văn Khánh	17	10	1990		01/09/2012	01/09/2013	TTCM-Giáo viên GDTC	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - SP Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
614	Nguyễn Thị Minh Thu	11	05	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	TTCM - Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B , UDCNTT	Anh A2		
615	Trương Thị Lan	12	05	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học- Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
616	Cao Thị Mỹ Dung	16	06	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	TTCM-Giáo viên môn Hóa học, KHTN	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Hoá học - Thạc sĩ Lý luận và PPDH môn Hoá	Trung cấp	GV THCS hạng II	QL cấp phòng	UDCNTT CB	Anh B1		
617	Lê Thị Bích Khoa	26	12	1985	x	01/09/2010	01-09-2010	Giáo viên GDCC	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - SP Giáo dục công dân	Sơ cấp	GV THCS hạng 2		A-Tin học ứng dụng	Cử nhân SP Tiếng Anh		
618	Nguyễn Thanh Huyền	25	04	1986	x	02/09/2010	02/09/2011	Giáo viên GDCC	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THCS hạng 2		A, UDCNTT	Anh văn B		
619	Trần Thị Hồng Nhung	29	12	1981	x	01-09-2004	01/03/2005	Giáo viên Vật lí	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	19 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lí	Trung cấp	GVTHCS hạng 2		UDCNTT CB	Anh văn B		
620	Phạm Thị Hồng Yến	19	10	1983	x	01/04/2006	01/04/2006	Giáo viên kĩ thuật	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	18 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm kĩ thuật	Sơ cấp	GVTHCS hạng 2		B UDCNTT	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
621	Đoàn Thị Ngọc	09	03	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên Hoá Học	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	17 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	DHSP - Hoá Học		GvTHCS hạng 3		A			
622	Nguyễn Thị Luân	08	05	1978	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	13 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THCS Hạng II		Đại học	Anh văn B		
623	Đặng Thanh Phong	11	01	1977		01/04/2000	01/10/2000	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	21 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng 2		UDCNTT CB	Anh văn B		
624	Phạm Văn Công	02	04	1982		01/10/2005	01/10/2006	Giáo viên mỹ thuật	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	18 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm mỹ thuật	sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học B	Anh văn B		
625	Đặng Thị Thanh Thúy	30	11	1988	x	30/09/2011	30/09/2012	TPCM-Giáo viên Vật Lý-KHTN	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THCS hạng 3		Tin học nâng cao	Anh văn B		
626	Hoàng Thu Trang	17	12	1977	x	01/09/2001	01/09/2002	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	22 năm 5 tháng	V.07.04.32	4,67	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng 3		UDCNTT CB	Pháp B1		
627	Phan Thị Mỹ Linh	10	03	1982	x	28/09/2009	28/09/2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn	Sơ cấp	GV THCS hạng 3		UDCNTT CB	Anh văn B1		
628	Võ Minh Tâm	12	12	1978		22/04/2000	01/10/2000	Giáo viên toán	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	23 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - sư phạm toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng 3		Tin học B	Anh văn B		
629	Lê Thị Hà	05	05	1980	x	01-02-2011	01-02-2011	Giáo viên Lịch sử	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	13 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng 2		A, UDCNTT	Anh văn B		
630	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	14	11	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Địa Lí	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng 2		A, UDCNTT	Anh văn B		
631	Huỳnh Thị Hồng Uyên	09	09	1983	x	01/9/2011	01/09/2012	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Cử nhân Văn học	Trung cấp	GV THCS hạng 3		Tin học B	Anh văn B		
632	Đinh Thị Mai	15	10	1992	x	01/02/2016	01-11-2016	Giáo viên môn Sinh học - KHTN	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	7 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học - Sư phạm Sinh học + Thạc sĩ - Giảng dạy Sinh học thực nghiệm		GV THCS hạng 2		Tin học A	Anh văn B		
633	Văn Công Trường	14	12	1984		01/10/2006	01/09/2007	Giáo viên Toán	Trường THCS Lạc Long Quân	UBND quận Bình Tân	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - sư phạm toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng 3		Tin học B	Anh Văn B		
634	Nguyễn Minh Ngot	30	1	1988		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Công nghệ thông tin	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh ĐH		
635	Huỳnh Thị Hồng Phần	12	7	1989	x	1/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Lịch sử -Địa lý	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		A	Anh B		
636	Hà Thị Thúy	1	12	1981	x	05/9/2008	05/09/2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II		A	Anh ĐH		
637	Trần Thị Thúy	20	6	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Lịch sử -Địa lý	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		A	Anh Bậc 3		
638	Nguyễn Công Phú	21	3	1978		05/9/2000	05/09/2001	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	Anh Bậc 3		
639	Đỗ Trọng Hiếu	8	11	1986		01/9/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Bình Trị Đông	UBND Quận Bình Tân	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Công nghệ thông tin		GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
640	Nguyễn Thị Ninh	21	8	1981	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật điện		Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
641	Nguyễn Thị Hồng Nga	4	6	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
642	Trương Vĩnh Bảo Thy	2	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí		Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
643	Trương Quang Duy Thịnh	14	4	1987		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Toán		Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Anh văn		
644	Nghiêm Thị Hường	6	7	1985	x	01-01-2007	01-01-2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	16 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
645	Nguyễn Thị Thanh Vân	26	11	1983	x	01-09-2017	01-09-2018	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	14 năm 06 tháng	V.07.04.32	3,66	Học viện - Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
646	Lưu Hoàng Hải	23	10	1985		01-04-2017	01-01-2018	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	10 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,00 ^d	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
647	Võ Thị Kim Loan	15	9	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THCS Tân Tạo	Phòng GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
648	Phạm Thị Tuyết Minh	07	04	1982	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		Trung cấp	Đại học		
649	Phan Thị Hoàng Yến	17	07	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Anh văn	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Anh văn		GV THCS hạng II		A	Tiếng Pháp B		
650	Võ Thị Hồng Nga	03	02	1986	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn KTN	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Nông Nghiệp Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	B1		
651	Vũ Thị Hiếu	20	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		A	B		
652	Phạm Thị Ngọc Hà	03	04	1979	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	A		
653	Trần Thanh Phong	06	07	1987		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Công nghệ		GV THCS hạng II		B	B		
654	Nguyễn Vũ Thiên Thanh	31	03	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử địa lý		GV THCS hạng II		B	A		
655	Trịnh Phương Thảo	07	08	1978	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	B		
656	Nguyễn Huỳnh Hữu Tài	18	11	1989		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Bình Tân	UBND Quận Bình Tân	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học + Thạc sĩ PPGD Hóa học		GV THCS hạng II		UDCNTT nâng cao	B1		
657	Chu Thị Thủy	3	11	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh B		
658	Bùi Thị Hậu	8	2	1990	x	01/10/2013	01/01/2018	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
659	Vũ Thị Hà	25	12	1984	x	01/09/2009	01/04/2019	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
660	Nguyễn Trọng Quyết	23	7	1981		01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	19 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh		GV THCS hạng II		KTV	Tiếng Pháp		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
661	Thiều Thị Thanh Vy	5	5	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II		A	Tiếng Pháp		
662	Trần Thị Như Huyền	21	5	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Ngữ Văn Anh		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Đại học Tiếng Nga		
663	Lê Đình Sơn	14	2	1985		01/11/2010	01/11/2016	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Sử		GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
664	Nguyễn Thị Thanh Tâm	29	4	1985	x	01/05/2007	01/05/2008	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	16 năm 0 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
665	Nguyễn Thị Lan Anh	13	5	1979	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Công nghệ thông tin		GV THCS hạng II		Đại học	Tiếng Anh B		
666	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	10	1	1985	x	05/09/2007	05/09/2008	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh B		
667	Lê Minh Bảo	29	9	1980		01/10/2008	01/11/2016	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	12 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học văn hóa		GV THCS hạng II		B	Tiếng Anh B		
668	Nguyễn Thị Linh	9	6	1983	x	11/09/2008	11/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	B		
669	Nguyễn Thị Thịnh	5	3	1978	x	01/04/2000	01/10/2000	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	23 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
670	Đoàn Thị Huyền Trang	10	3	1989	x	01/11/2016	01/08/2017	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND quận Bình Tân	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		B	B		
671	Nguyễn Thị Thanh Châu	8	10	1984	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV.THCS Hạng II		THUD B	Anh B		
672	Tô Thị Dung	9	1	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	sơ cấp	GV.THCS Hạng II		THUD A	Anh B		
673	Nguyễn Công Chung	26	7	1990		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ - Hóa học	Sơ cấp	GV.THCS Hạng II	Chứng chỉ BDNV QLGD	CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
674	Võ Thị Kim Hồng	7	1	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học -sư phạm Vật lí	Sơ cấp	GV.THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
675	Nguyễn Thị Hồng Oanh	12	3	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học -sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV.THCS Hạng II		THUD A	Anh B		
676	Lê Phú Quốc	26	6	1989		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học- sư phạm Vật lí		GV.THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
677	Nguyễn Hữu Nghị	11	9	1988		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - sư phạm TDTT		GV.THCS.HẠ NG II		CNTT cơ bản	Anh B		
678	Triệu Lê Ngân	27	7	1973	x	01/9/1998	01/6/1999	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	24 năm 10 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - sư phạm tiếng Anh	sơ cấp	GV.THCS.HA NG II		CNTT cơ bản	Pháp		
679	Ngô Thị Phương Dung	1	6	1978	x	13/9/1999	01/3/2000	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	24 năm 1 tháng	V07.04.32	4,32	Đại học - sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GV.THCS.HA NG II		CNTT cơ bản	Pháp		
680	Lê Độ Anh Tin	2	4	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV.THCS.HA NG II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
681	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	28	2	1991	x	01/8/2013	01/08/2014	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV.THCS.HA NG II		THUD A	Anh B		
682	Hạp Thị Xuân	27	3	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên THCS hạng III	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GV.THCS.HA NG II		THUD A	Anh B2		
683	Đỗ Thủy Bình	20	10	1982	x	01/09/2003	01/04/2004	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn, Thạc Sĩ ngành Văn học Việt Nam	Trung cấp Li luận chính trị	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B1		
684	Nguyễn Văn Thiên	3	7	1989		01/07/2010	01/07/2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	9 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		Cao đẳng	Anh B1		
685	Lê Đức Mạnh	14	2	1991		01//11/2016	01/08/2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	6 năm 8 tháng	V. 07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học + Thạc Sĩ - Hình học và Tôpô		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B1		
686	Nguyễn Đặng An Giang	1	9	1981	x	01/09/2003	01/03/2004	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	20 năm 01 tháng	V.07.04.32	3,99	Cao Đẳng sư phạm Mỹ Thuật- Đại học Thiết Kế Công nghiệp		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	B		
687	Phan Nguyễn Cẩm Tú	30	3	1991	x	01-04-2017	01-01-2018	Giáo viên môn giáo dục thể chất	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	6 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Thể Dục Thể Thao TP.HCM Thạc sĩ - Giáo Dục Học		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	B1		
688	Nguyễn Trương Châu Trần	20	2	1983	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo Viên môn Vật Lý	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	18 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		A	B		
689	Nguyễn Hoàng Yến Phụng	6	4	1995	x	01/11/2016	01/08/2017	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Lê Tấn Bê	UBND Quận Bình Tân	6 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học sư phạm Ngữ văn- Thạc sỹ Văn học Việt Nam		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	B		
690	Đỗ Thị Hương	18	2	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Tạo A	UBND quận Bình Tân	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	B		
691	Lê Nhà Yến	18	2	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Tân Tạo A	UBND quận Bình Tân	9 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	không có	GV THCS hạng II		A	Tiếng pháp B		
692	Đỗ Thị Như Vân	20	10	1978	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Tạo A	UBND quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	B		
693	Lê Thị Tổ Vĩ	28	9	1984	x	01-09-2008	01-09-2009	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II	Chuyên viên	Chứng chỉ B	Tiếng Anh B1		
694	Lê Thị Minh Tâm	19	6	1982	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Hóa học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
695	Lâm Phi Công	28	4	1989		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Mỹ Thuật	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Mỹ Thuật	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
696	Đỗ Thị Hồng Nga	26	10	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Lịch sử	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
697	Huỳnh Thị Bích Trâm	25	11	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B1		
698	Lê Văn Hợi	26	3	1983		01/08/2013	01/01/2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	11 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Công nghệ	0	Giáo viên THCS hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng Anh B		
699	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11	6	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
700	Huỳnh Thụy Huyền Trần	13	1	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-sư phạm Toán	0	Giáo viên THCS hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
701	Lưu Thị Lam	31	7	1988	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
702	Nguyễn Thị Thanh Trúc	7	4	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THCS Hồ Văn Long	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-sư phạm Vật lý	0	Giáo viên THCS hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng Anh B		
703	Võ Thị Thu Hương	16	12	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THCS hạng II		THUD B	Anh C		
704	Nguyễn Thị Giáng Mĩ	21	12	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THCS hạng II		THUD A	Anh C		
705	Vũ Văn Đông	20	7	1985		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn giáo dục thể chất	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
706	Huỳnh Thị Thuý Linh	1	10	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THCS		CNTT cơ bản	Anh C		
707	Võ Thị Thuý Nga	27	11	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	9 năm 8 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
708	Nguyễn Thị Châm	12	11	1978	x	01/07/2001	01/07/2002	Giáo viên môn công nghệ	Trường THCS Bình Hưng Hòa	UBND quận Bình Tân	21 năm 9 tháng	V07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm công nghệ		GV THCS hạng II		Cao đẳng			
709	Bùi Thị Mai Ly	10	2	1982	x	01-11-2012	01-11-2013	Giáo viên văn	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm văn Thạc Sĩ - văn		GV THCS hạng II		THUD B	Anh B1		
710	Văn Ngọc Xuân	1	3	1978	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên văn	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	15 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm văn		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
711	Trịnh Thị Ngọc Quyên	22	4	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên văn	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	15 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm văn		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
712	Võ Vinh Sang	5	3	1986		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tin học	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	14 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm tin học		GV THCS hạng II		Đại học	Anh B1		
713	Lê Thị Kim Phượng	20	6	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên công nghệ	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	18 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,99	Đại Học - Sư phạm tin học		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
714	Đoàn Ngọc Hùng	1	1	1980		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên thể dục	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	18 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,99	Đại Học - Sư phạm thể dục		GV THCS hạng II		THUD B	Anh A2		
715	Lý Khoa	13	2	1989		01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên Anh Văn	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	11 năm 7 tháng	V.07.04,32	3,33	Đại Học - Sư phạm tiếng anh Thạc Sĩ - ngoại nữ		GV THCS hạng II		THUD A	thạc sĩ ngoại ngữ		
716	Bùi Thị Thuý Linh	5	6	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Anh Văn	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	13 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm tiếng anh		GV THCS hạng II		THUD A	đại học ngoại ngữ		
717	Tô Văn Thúc	20	4	1984		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên sinh	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	16 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,66	Đại Học - Sư phạm sinh học		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
718	Trần Ngọc Tiểu My	19	11	1980	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên Âm Nhạc	Trường THCS Bình Trị Đông A	UBND Quận Bình Tân	20 năm 8 tháng	V.07.04,32	3,99	Đại Học - Sư phạm âm nhạc		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
719	Phạm Yến Nhung	27	11	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THCS Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
720	Trần Thị Hiền	7	3	1983	x	01-12-2005	01-09-2017	Giáo viên	Trường THCS Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh C		
721	Võ Bảo Thu	1	7	1981	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Anh B		
722	Lê Thị Kim	20	10	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Lam Sơn	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	2,67	Cử nhân - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh ĐH		
723	Nguyễn Thị Thu Trang	01	5	1982	X	01-10-2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - Sư phạm Địa	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
724	Lê Thị Bảo Trâm	12	9	1988	X	01-11-2009	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
725	Ma Công Ngoi	28	3	1983		01-08-2009	01-08-2010	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
726	Lê Thị Thanh Hiếu	12	11	1977	X	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	24 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sư phạm Anh	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
727	Lương Quang Lộc	28	1	1984		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Hà Huy Tập	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tin	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Đại học	Anh A		
728	Phan Thị Hải Minh	16	11	1980	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II					
729	Nguyễn Thị Huệ	20	03	1979	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A		
730	Nguyễn Thị Ngọc Vy	20	11	1982	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A		
731	Trần Thị Ngọc Mai	16	8	1989	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3	Đại Học - Sư phạm Hóa Học	Không	GV THCS hạng II		B	B		
732	Nguyễn Thị Mỹ Hương	03	02	1985	x	20-09-2010	20-09-2011	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Anh	Không	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
733	Nguyễn Thành Đạt	08	08	1984		01-09-2011	01-09-2012	Giáo Viên	Trường THCS Trương Công Định	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ Cấp	GV THCS hạng II		Cử nhân Tin học	Anh C		
734	Tổng Hoàng Phương	20	8	1977		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Yên Thế	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân sư phạm toán học		GV THCS hạng II		Đại học	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
735	Nguyễn Lê Minh Trí	28	9	1987	x	01/09/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Nguyễn Văn Bè	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Cử nhân công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Đại học	B		
736	Đinh Thị Thu Thủy	7	11	1988	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn GDCD	Trường THCS Nguyễn Văn Bè	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.02.32	3,33	Cử nhân Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	B		
737	Lương Thị Tâm	13	5	1985	x	01/04/2010	01/03/2015	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Nguyễn Văn Bè	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 01 tháng	V.07.02.32	3	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	B		
738	Nguyễn Thụy Ngọc Vân	14	8	1980	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn KTNC	Trường THCS Nguyễn Văn Bè	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.02.32	3,33	Cử nhân kỹ thuật Nữ công	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	A		
739	Đồng Thị Thủy Nguyễn	19	4	1989	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường THCS Rạng Đông	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.02.32	3.33	Thạc Sĩ khoa học máy tính	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
740	Trần Thị Trang	20	4	1988	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường THCS Rạng Đông	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.02.32	3.33	Đại Học Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
741	Vũ Ngọc Tuấn	17	4	1978		01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên	Trường THCS Rạng Đông	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm	V.07.02.32	3.99	Đại Học Sư phạm Cử nhân tin học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
742	Nguyễn Lê Ánh Nguyễn	01	9	1987	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường THCS Rạng Đông	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.02.32	3.66	Đại học sư phạm kỹ thuật Kỹ sư kinh tế gia đình	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
743	Nguyễn Thị Hằng	30	12	1990	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33 + 9%	Đại Học Sài Gòn - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng III	chứng nhận QLNN	A	Anh B1		
744	Nguyễn Quốc Việt	20	11	1992		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33 + 9%	Đại Học Sài Gòn - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
745	Biện Ngọc Danh	09	06	1988		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66 + 12%	Đại Học Sài Gòn - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS hạng III		A	B		
746	Đinh Thị Thu Hồng	09	03	1982	x	01/09/2009	01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66 +14%	Đại Học - Sư phạm	Trung cấp	GV THCS hạng III		CNTT cơ bản	Anh B1		
747	Nguyễn Vũ Thiện Nhật	15	11	1986		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66 + 12%	Đại Học - Sư phạm Mỹ Thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng III					
748	Hoàng Thị Thanh	22	06	1982	x	01/09/2004	01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Bình Lợi Trung	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99 +14%	Đại Học Sư phạm TP.HCM	Sơ cấp	GV THCS hạng III		Cao Đẳng	Anh B1		
749	Vũ Minh Vương	15	4	1988		01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu Trưởng	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm KTCN		GV THCS hạng II		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
750	Bùi Thị Hương Lý	17	3	1979	x	08/09/2000	08/03/2001	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	22 năm 11 tháng	V07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa		GV THCS hạng II		UBCNTT	Anh B1		
751	Nguyễn Thị Hồng N	19	2	1979	x	08/09/2000	08/03/2001	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	22 năm 11 tháng	V07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		UBCNTT	Anh C		
752	Trần Huỳnh Quang	21	5	1982		01/09/2003	01-03-2004	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm 11 tháng	V07.04.32	3,99	Thạc sĩ Lý - Tin		GV THCS hạng II		ĐH	Anh ĐH		
753	Nguyễn Đình Thanh	21	1	1988	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	B		
754	Bùi Thị Chang	27	5	1989	x	10/11/2010	01-12-2011	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 4 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh		GV THCS hạng II		B	B		
755	Nguyễn Thị Hằng	19	2	1989	x	01-08-2013	01/08/2014	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 8 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		A			
756	Nguyễn Hữu Phước	2	3	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 8 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	B		
757	Nguyễn Bích Phương	29	6	1989	x	01/10/2013	01/10/2014	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 6 tháng	V07.04.32	3,33	Thạc sĩ Lịch sử		GV THCS hạng II		A	Anh B1		
758	Trần Thị Phấn	4	7	1980	x	01/11/2002	01/05/2003	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	20 năm 11 tháng	V07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		B	Anh C		
759	Lê Thị Kim Liên	16	8	1984	x	01/09/2016	01/06/2017	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	6 năm 10 tháng	V07.04.32	3,33	Thạc sĩ Lịch sử		GV THCS hạng II		A	Anh B1		
760	Lã Thị Thuý	12	3	1982	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	THCS Lê Văn Tám	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V07.04.32	3,99	Thạc sĩ ngữ văn		GV THCS hạng II		B	Anh B1		
761	Phạm Thanh Hiền	10	5	1992	x	01-09-2013	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
762	Đặng Phan Xuân Bình	17	2	1990		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - kỹ sư khoa học máy tính	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
763	Nguyễn Quốc Dũng	10	7	1990		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sinh học- KHTN		GV THCS hạng II		A	Anh A2		
764	Trần Thị Thu Trang	8	2	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
765	Cao Thị Thu Vân	24	3	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hoá học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
766	Hồ Thanh Phước	30	6	1981		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ - Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B1		
767	Lê Thị Kiều Oanh	2	9	1977	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học- Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
768	Nguyễn Thị Diễm	12	2	1984	x	05-09-2005	05-09-2006	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Hóa - KHTN		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
769	Đinh Thị Ngọc Dư	15	11	1980	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THCS Điện Biên	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
770	Nguyễn Thị Thủy Hằng	01	6	1983	x	01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh A2		
771	Bùi Thị Minh Hiếu	20	6	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
772	Hoàng Kim Liên	01	01	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Quận Bình Thạnh	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Công nghệ	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
773	Đào Thị Kim Phụng	23	11	1989	x	16-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
774	Nguyễn Thị Hải	23	10	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Phú Mỹ	UBND Quận Bình Thạnh	9 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A2		
775	Nguyễn Hữu Lâm	25	10	1972		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Cửu Long	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 07 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
776	Vũ Đức Thụ	20	9	1965		01/01/1997	01/01/1998	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	27 năm 2 tháng	V.07.02.32	4,98	Đại học - Sư phạm toán học		GV THCS hạng III		B	Anh B		
777	Nguyễn Xuân Vinh	25	11	1976		15/11/2000	01/06/2001	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	22 năm 10 tháng	V.07.02.32	4,32	Đại học - Sư phạm toán học	Trung cấp	GV THCS hạng III		A	Anh A		
778	Dương Thị Mỹ Văn	19	7	1987	x	01/10/2004	01/04/2005	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	19 năm	V.07.02.32	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa Học		GV THCS hạng III		A	Anh B		
779	Đào Minh Châu	9	12	1984	x	01/09/2006	01/09/2006	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	16 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
780	Đặng Quang Minh	19	10	1987		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại học - Kỹ Sư nuôi trồng thủy sản	Trung cấp	GV THCS hạng III	Trung cấp	A	Anh B		
781	Ong Thế Nam	8	3	1986		01/09/2008	'01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đa	UBND Quận Bình Thạnh	14 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại học - Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	GV THCS hạng III		B	Anh B		
782	Trương Trí Dũng	02	02	1969		01-09-1990	01-06-1993	Giáo viên	Trường THCS Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	30 năm 11 tháng	V.07.04.32	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	B		
783	Chu Nhật Quỳnh	30	11	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Thanh Đa	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh A		
784	Phạm Thị Khương	22	2	1975	x	01-09-1996	01-09-1998	Giáo viên	Trường THCS Cù Chính Lan	UBND Quận Bình Thạnh	25 năm 7 tháng	V.07.02.32	4,32	Đại học - Sư Phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
785	Nguyễn Thị Bích Thín	30	11	1979	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường THCS Cù Chính Lan	UBND Quận Bình Thạnh	21 năm 1 tháng	V.07.02.32	4,32	Đại học - Sư PhạmToán Học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
786	Nguyễn Thị Hoài	17	9	1979	x	01/12/2002	01-12-2003	Giáo viên	Trường THCS Cù Chính Lan	UBND Quận Bình Thạnh	20 năm 4 tháng	V.07.02.32	4,32	Đại học - Sư Phạm Sinh Học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
787	Nguyễn Thị Hường	12	10	1990	x	01-09-2013	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Cù Chính Lan	UBND Quận Bình Thạnh	10 năm 7 tháng	V.07.02.32	3,33	Đại học - Sư Phạm Địa lý		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
788	Trần Thị Lệ Thủy	20	01	1976	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	12 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản			
789	Nguyễn Cao Thanh	2	03	1987		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại Học - Sư phạm vật lý		GV THCS hạng II		A	Anh A		
790	Nguyễn Minh Luân	19	04	1980		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THCS Bình Quới Tây	UBND Quận Bình Thạnh	13 năm 6 tháng	V.07.02.32	3,66	Đại Học - Sư phạm tiếng anh		GV THCS hạng II		B	Anh B2		
791	Nguyễn Minh Huy	17	3	1989		01-11-2011	01-11-2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân sư phạm Vật lý	/	x	/	Chứng chỉ UDCNTT NC	Chứng chỉ Tiếng anh -B		
792	Nguyễn Thị Xuân	11	1	1976	x	01-11-2011	01-11-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	/	x	/	Chứng chỉ UDCNTT CB	Chứng chỉ Tiếng anh -B		
793	Nguyễn Quang Khải	25	4	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Toán học	/	x	/	UDCNTT	Chứng chỉ Tiếng anh -B		
794	Ngô Văn Sơn	2	11	1981		01-09-2009	01-09-2009	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Giáo dục thể chất	/	x	/	THUD A			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
795	Nguyễn Đức Tính	26	3	1984		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Giáo dục chính trị	Trung cấp	x	/	UDCNTT	Chứng chỉ Tiếng anh -A		
796	Vũ Ngọc Thảo Diễm	20	7	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Toán học	/	x	/	Chứng chỉ UDCNTT			
797	Đậu Thị Ánh Tuyết	19	12	1991	x	01-12-2013	01-12-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý	/	x	/	THUD A	Chứng chỉ Tiếng anh -B		
798	Đậu Văn Khánh	10	9	1991		01/09/2012	01/8/2015	Giáo viên THCS hạng III	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Nghi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11N8Th	V.07.04.32	3,33	Cử nhân SP Địa lý	Trung cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II	Thạc sĩ QLGD	A	B1		
799	Nguyễn Thị Ngân	20	6	1991	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên THCS hạng III	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Nghi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11N8Th	V.07.04.32	3.33	Cử nhân SP tiếng Anh	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II	/	THUD	B2 tiếng Pháp		
800	Trần Viết Đức	10	12	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên THCS hạng III	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Nghi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	10N9Th	V.07.04.32	3.33	Cử nhân SP Mỹ thuật	/	Chứng chỉ CDNN hạng II	/	A	B		
801	Lã Thị Vui	25	4	1987	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên THCS hạng III	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Nghi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	14N8Th	V.07.04.32	3,66	Cử nhân SP Âm nhạc	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN hạng II	/	A	B		
802	Đỗ Thị Thanh Huyền	28	11	1972	x	01/09/2007	01-09-2007	Hiệu trưởng	Trường Trung học cơ sở Trường Sơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học sư phạm Toán	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	Tin học A	Tiếng Anh B		
803	Phạm Thị Trà Giang	23	4	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Trường Sơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		UDCNTT	Tiếng Anh A		
804	Nguyễn Thị Ánh Ly	12	12	1991	x	12-09-2016	12-06-2017	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Trường Sơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ Toán	Sơ cấp	GV THCS Hạng II		Tin học văn phòng B	B1		
805	Trần Thị Bích	02	01	1987	Nữ	01/8/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THCS Gò Vấp	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		GV THCS Hạng III		CNTT cơ bản	Anh B1		
806	Trinh Thị Nhung	12	5	1985	Nữ	09-01-2011	09-10-2011	Giáo viên	Trường THCS Gò Vấp	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.04.12	3,66	Đại học	SC	GV THCS Hạng III		CNTT cơ bản			
807	Nguyễn Trí Thức	20	1	1972	Na m	25/08/1997	25/08/1998	Giáo viên	Trường THCS Gò Vấp	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	26 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học	SC	GV THCS Hạng III		UDCNTT	Anh B		
808	Lâm Quyên Quyên	10	9	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học		GV THCS hạng II		Cử nhân	B Tiếng Anh		
809	Lê Thị Nhung	6	2	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Cử nhân	B1 Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
810	Vũ Thị Hới	22	7	1976	x	01-09-1999	01-06-2000	Giáo viên môn Sinh	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	23 năm 10 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học		GV THCS hạng II		Cử nhân	B1 Tiếng Anh		
811	Phạm Thị Hảo	31	10	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Cử nhân QLGD	Bảng A THVP	B Tiếng Anh		
812	Trần Trung Khánh	11	3	1976		09-09-1999	01-03-2000	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	24 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Bảng A THVP	B Tiếng Anh		
813	Huỳnh Yến Linh	13	11	1984	x	05-09-2008	05-09-2009	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Bảng A THVP	B Tiếng Anh		
814	Nguyễn Thị Thanh Hiền	25	9	1986	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học		GV THCS hạng II		Cử nhân	B Tiếng Anh		
815	Hà Thị Phương Lan	1	3	1977	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	22 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Tin học Ứng dụng A	C1 Tiếng Anh		
816	Nguyễn Bích Tuyền	20	5	1981	x	01-09-2002	01-09-2012	Giáo viên môn Địa	Trường THCS Quang Trung	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học		GV THCS hạng II		Tin học Ứng dụng A	B Tiếng Anh		
817	Nguyễn Thị Thiệp	2	6	1984	x	05-09-2005	01-12-2006	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		Cao đẳng	Tiếng anh B		
818	Nguyễn Thị Minh Phụng	2	1	1981	x	01-02-2007	01-02-2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm GD Chính trị		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A	Tiếng anh B		
819	Lê Đăng Thiệt	9	5	1968		01-06-2011	01-06-2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A	Tiếng anh B		
820	Lê Thị Dung	5	10	1982	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A			
821	Đinh Diệp Kim Ngân	3	5	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Vật lý		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A	Tiếng anh B		
822	Lê Trần Minh Tú	20	1	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		ƯDCNT			
823	Nguyễn Minh Nam Em	1	10	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Công nghệ		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A	Tiếng anh B		
824	Nguyễn Thị Trang	1	4	1983	x	01-01-2007	01-01-2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Du	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II		Tin học A	Tiếng anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
825	Lê Hoàng Dũng	17	11	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Lịch sử	Trường Trung học cơ sở Thông Tây Hội	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Lịch sử VN	Trung cấp	GV THCS hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	UD CNTT	B1		
826	Nguyễn Lương Hùng	20	7	1984		01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên môn Thể dục	Trường Trung học cơ sở Thông Tây Hội	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Giáo dục Thể chất		GV THCS hạng II		B	B		
827	Vũ Ngọc Thùy Dương	16	12	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Công nghệ	Trường Trung học cơ sở Thông Tây Hội	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Công nghệ Kỹ thuật điện tử		GV THCS hạng II		UD CNTT	B		
828	Trần Thị Thanh Hà	15	11	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường Trung học cơ sở Thông Tây Hội	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng anh		GV THCS hạng II		UD CNTT	B		
829	Hà Thị Lệ Hương	19	1	1985	x	01-10-2006	01-03-2009	Giáo viên môn Địa lý	Trường Trung học cơ sở Thông Tây Hội	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		UD CNTT	B		
830	Trần Thanh Trúc	26	4	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng tổ Sử - Địa - GDCD, Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Địa lí Thạc Sĩ - Địa lí học	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
831	Nguyễn Hữu Hậu	19	9	1989		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ tiếng Anh	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học sư phạm tiếng Anh		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	B2		
832	Hoàng Huyền Trang	3	1	1987	x	01-09-2009	01/9/2010	Giáo viên địa	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.12	3.34	Đại học sư phạm địa lí		GV THCS		CNTT cơ bản	Anh B		
833	Trần Thị Ánh Loan	8	3	1985	x	01-09-2007	01/9/2008	Tổ trưởng tổ KHTN	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học sư phạm Vật Lý		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
834	Trần Thị Lệ Huyền	27	9	1993	x	01-08-2014	01/8/2016	Giáo viên KHTN	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.0	Đại học sư phạm Sinh		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
835	Chu Thị Hạnh	2	6	1983	x	03-09-2006	03/9/2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.99	Đại học sư phạm văn		GV THCS hạng II		THƯD A	Anh B		
836	Phạm Minh Hoài	9	12	1984	x	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên địa lý	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học sư phạm địa lý		GV THCS		CNTT cơ bản			
837	Lê Thị Trang	20	11	1986	x	01-09-2009	01/9/2010	Nhóm trưởng Môn Sinh	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học sư phạm Sinh		GV THCS hạng II		THƯD A	Anh B		
838	Đinh Thị Bích Thi	25	2	1985	x	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Tin		GV THCS hạng II		Đại học	Anh ĐH		
839	Trần Minh Đạt	24	8	1984		01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Công Nghệ Thông Tin	Trung Cấp	GV THCS hạng II		Cử nhân	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
840	Nguyễn Thị Sâm	11	11	1981	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	B		
841	Ngô Thị Hồng	9	6	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Hóa		GV THCS hạng II		A	B2 - CEFR		
842	Nguyễn Hải Ngọc Tổ Nga	28	11	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	B		
843	Đặng Thị Thu Dân	20	8	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Sinh		GV THCS hạng II		A	A		
844	Trần Thị Hồng Phúc	30	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Ngôn ngữ anh		GV THCS hạng II		A	B2 - CẢ		
845	Trần Thái Vũ	6	6	1976		01-03-1999	01-03-2000	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	24 năm	V.07.04.32	4,65	Đại học KTCN + Kỹ sư Công nghệ thông tin	Trung cấp	GV THCS hạng II		ĐH	B		
846	Nguyễn Thị Luyến	10	10	1975	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cao đẳng Cơ khí chế tạo máy + ĐH Ngữ văn anh + CC.NVSP		GV THCS hạng II		A	ĐH		
847	Đoàn Thị Vân	6	2	1986	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học CNTT + Chứng chỉ BDSP		GV THCS hạng II		ĐH	B		
848	Nguyễn Hoài Luyến	1	1	1982	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Cơ khí chế tạo máy + ĐH Ngữ văn anh + CC.NVSP		GV THCS hạng II		A	ĐH		
849	Nguyễn Thị Bích Ngọc	17	6	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Sử		GV THCS hạng II		A	B		
850	Trương Trần Mỹ Trang	6	10	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm tiếng anh		GV THCS hạng II		A	ĐH		
851	Phùng Văn Sỹ	10	7	1981		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Hóa		GV THCS hạng II		B	B		
852	Phạm Văn Tú	12	1	1984		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		A	A		
853	Đặng Phạm Lan Anh	16	1	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		ƯDCNT T	B1		
854	Lê Thị Thu Hằng	10	9	1971	x	01-10-1997	30-11-1998	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	25 năm 4 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học Tiếng anh sư phạm		GV THCS hạng II		B	ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
855	Nguyễn Phi Ngọc	20	10	1982		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II			Anh B		
856	Trương Thế Tạo	10	1	1967		01-09-1995	01-09-2005	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Âm nhạc		GV THCS hạng II		A	B		
857	Đinh Thị Lan	15	10	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	B		
858	Nguyễn Hữu Thòa	12	12	1985		12-03-2013	12-03-2014	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
859	Nguyễn Đình San	5	4	1981		01-09-2002	01-03-2003	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	21 năm 01 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THCS hạng III	Trung cấp	A	Đại học		
860	Bùi Đức Hiệp	19	9	1990		12-01-2012	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
861	Bùi Thị Lệ Hiền	12	12	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B1		
862	Nguyễn Hạnh Thy	19	9	1977	x	01-09-1998	01-02-2000	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	24 năm 02 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	A		
863	Nguyễn Thị Thúy	23	12	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
864	Nguyễn Thị Phương Oanh	19	8	1980	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	A		
865	Hà Nguyễn Trung Hiếu	17	5	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
866	Nguyễn Trí Long	18	7	1981		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
867	Nguyễn Thành Long	7	7	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	A		
868	Hà Thanh Phong	26	5	1984		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng III		B	A		
869	Nguyễn Thị Huyền Trang	20	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Phan Tây Hồ	Uỷ ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
870	Trần Thị Nguyệt	20	6	1987	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học Sư phạm Kỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng III		B	B		
871	Trần Đức Quân	16	5	1981		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		Cao đẳng			
872	Đồng Thị Thanh Nga	5	11	1983	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
873	Nguyễn Minh Hoàng	13	8	1993		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Cử nhân - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng III		A	B		
874	Lê Thị Hồng Nhung	28	9	1994	x	12-09-2016	12-06-2017	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Phan Tây Hồ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	6 năm 9 tháng	V.07.04.32	3	Cử nhân - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Vi sinh vật học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		B	B		
875	Ngô Thị Quỳnh Như	15	7	1981		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh Bậc 2		
876	Hà An Phú	23	5	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên bộ Môn KHTN- Bí thư Chi Đoàn	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật Lý		GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh B1		
877	Trần Thị Kim Yến	10	3	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên THCS môn Toán học	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 6 tháng	V. 07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		UDCNTT + CHỨNG CHỈ A	Anh-C		
878	Vũ Thị Thoan	29	12	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Tin học	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học _Kỹ sư công nghệ thông tin				Đại học	B		
879	Nguyễn Thị Hoàng Thương	19	5	1986		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc		GV THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Cử nhân tiếng Anh		
880	Nguyễn Điện Khắc Duy	27	10	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THCS hạng II		ƯĐ CNTT	Tiếng Anh A2		
881	Phan Thị Thanh Huyền	11	12	1983		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		Cao đẳng	C		
882	Đoàn Thị Bích Phương	6	4	1989		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Mĩ Thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh Bậc 2		
883	Huỳnh Thị Phương Ngọc	9	1	1982		01-09-2008	01-09-2009	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	trung cấp	GV THCS hạng II	trung cấp	CNTT A	Anh Bậc 3		
884	Nguyễn Hoàng Vũ	4	11	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Công Nghiệp	không	GV THCS hạng II		A	Không		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
885	Nguyễn Thị Hằng	17	9	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên trung học cơ sở	Trường THCS Lý Tự Trọng	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học Nha Trang	không	GV THCS hạng II		A	B		
886	Võ Thị Duyên Chi	11	2	1985	x	01-09-2019	00-01-1900	Giáo viên Công nghệ	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	09 năm 11 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		B	A		
887	Trần Thị Bích Ngọc	10	6	1987	x	22-08-2017	00-01-1900	Giáo viên Tin học	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	09 năm	V.07.04.32	3	Đại học CNTT - ĐH QGTPHCM		GV THCS hạng II		Cử nhân	B		
888	Phạm Thị Ánh Trang	9	8	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Công nghệ	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 4 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật		GV THCS hạng II		UDCNTT	A		
889	Phan Gia Thị Đỗ Quyền	4	4	1984	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Toán	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 04 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		B	A		
890	Huỳnh Thị Hồng Loan	20	11	1986	x	09/01/2010	09/01/2011	Giáo viên môn Toán	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán Ứng dụng		GV THCS		CNTT B	Anh B		
891	Hà Thị Minh	8	4	1984	x	05-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Toán	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm	V.07.04.32	3.66	Đại Học Huế - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		Cao đẳng	A		
892	Nguyễn Thế Cường	26	6	1991		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ KHTN - Giáo viên môn Hóa học, KHTN	Trường Trung học cơ sở An Nhơn	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Tin học B	Anh Bậc 3		
893	Trần Thu Nga	13	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn toán	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	A+UDC NTT	A2		
894	Đặng Thị Hồng Mến	10	6	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên KHTN	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	B	B		
895	Lê Thị Thanh Thủy	7	4	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên KHTN	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	UDCNTT	B		
896	Nguyễn Thị Hòa	7	10	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐH - Kỹ thuật công nghiệp	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	UDCNTT	B		
897	Lê Thị Thảo Linh	25	3	1987	x	02-08-2013	02-08-2014	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐH - Nghệ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	UDCNTT	B		
898	Nguyễn Thị Kim Khanh	3	5	1978	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	17 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	ĐHSP - Kỹ thuật nữ công	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	A+UDC NTT	B		
899	Nguyễn Thị Bích Thủy	15	9	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên KHTN	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Uy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	A+UDC NTT	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
900	Trần Minh Phúc	23	8	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên tin học	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	19 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Tin học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Cử nhân	B1		
901	Phạm Thị Chanh	10	2	1979	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tân Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	22 năm 01 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		A	Tiếng anh B		
902	Trần Hồng Phúc	02	6	1988		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tân Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ - Toán học		GVTHCS Hạng II		THUĐ B	Anh B1		
903	Nguyễn Xuân Quyền	01	6	1990		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tân Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Vật lý		GVTHCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
904	Ngô Thị Thiên Hà	24	12	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tân Sơn	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Toán học		GVTHCS Hạng II		THUĐ A			
905	Huỳnh Tuấn Thanh	28	11	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Phan Văn Trị	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh B1		
906	Hoàng Thị Ngọc Khuyến	22	11	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Phan Văn Trị	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Lịch sử		GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh A2		
907	Đỗ Thị Minh Dung	13	11	1982	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Phan Văn Trị	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư Phạm Kỹ thuật		GV THCS hạng II		THUĐ A	Anh B1		
908	Thiều Thị Thúy Thanh	2	1	1990	x	12-09-2016	12-06-2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Văn Trị	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	6 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sỹ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh B1		
909	Trần Thế Nga	9	9	1990	x	01-03-2017	01-12-2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phan Văn Trị	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	6 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sỹ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		GV THCS hạng II		THUĐ B	Anh B1		
910	Phạm Minh Tùng	16	9	1966		09-01-1987	09-01-1987	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	Trung tâm GDNN - GDTX quận Gò Vấp	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	25 năm 2 tháng	V.07.04.32	4.98+1 2%	Đại học sư phạm kỹ thuật	Trung cấp LLCT	Giáo viên Trung học cơ sở (hạng II) cấp ngày 07/07/2021	Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	Bằng kỹ thuật viên Trung cấp	Anh Bậc 3(B1)		
911	Võ Thị Nghĩa Bình	8	10	1980	x	05-09-2001	30-07-2002	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Huy Liệu	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 7 tháng	v.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	B		
912	Trịnh Duy Minh	1	9	1982		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Huy Liệu	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh CC A		
913	Phan Thị Bảo Loan	7	5	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trần Huy Liệu	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Ngữ văn	TC	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
914	Tạ Thị Trong	10	01	1990	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Trần Huy Liệu	UBND quận Phú Nhuận	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Kĩ sư kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
915	Võ Thị Bích Phượng	25	09	1987	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Trần Huy Liệu	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Kỹ sư kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		B	A2		
916	Nguyễn Thị Bích Hạnh	22	3	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Khoa học tự nhiên	Trường THCS Cầu Kiệu	UBND quận Phú Nhuận	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B		
917	Lê Văn Khánh	4	9	1976		18-08-1997	01-01-1999	Giáo viên Tin học	Trường THCS Cầu Kiệu	UBND quận Phú Nhuận	25 năm 5 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
918	Nguyễn Thị Ái Xuân	27	10	1980	x	01/09/2003	01-03-2004	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Cầu Kiệu	UBND quận Phú Nhuận	20 năm 3 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B		
919	Trịnh Trần Bích Phượng	6	3	1988		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Châu Văn Liêm	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66 +11%	Đại Học - Sư phạm Địa Li	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B		
920	Trần Xuân Thiên	11	4	1990		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Khoa học tự nhiên	Trường THCS Châu Văn Liêm	UBND quận Phú Nhuận	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33 + 8%	Đại Học - Điện Tự Động Hóa	Sơ cấp	GV THCS hạng II, III		CNTTNC	Anh B		
921	Phạm Thùy Trang	24	11	1984		01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Châu Văn Liêm	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66 + 14%	Đại Học - Sư phạm Mĩ Thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B		
922	Phùng Văn Tuấn	10	2	1990		11-01-2012	11-01-2013	Giáo viên Tin học	Trường THCS Châu Văn Liêm	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 9 tháng	V.07.04.32	2,67	Đại Học - Sư phạm Tin Học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Tiếng anh B		
923	Đoàn Thị Thanh Bình	14	8	1978	x	01-09-2000	01-03-2001	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	23 năm 0 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT CB và A	Anh B		
924	Trần Cẩm Chi	3	9	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Công nghệ Kỹ sư Kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		CNNTCB	Hoa HSK3		
925	Trịnh Lê Mai	15	7	1977	x	01-04-2006	01-08-2014	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Vật Lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT B	Anh văn B, Pháp văn A		
926	Nghiêm Hà Võ Trường Sơn	10	7	1977		01-08-1998	01-08-2000	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	23 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A2		
927	Nguyễn Thị Xuân Loan	13	7	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ Thuật	sơ cấp	GV THCS hạng III		B	Anh văn B		
928	Đinh Trần Thanh Phong	29	7	1982		01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư Phạm Chuyên ngành Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	A2		
929	Vương Anh Tú	11	11	1983		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh chứng chỉ C		
930	Đinh Nguyễn Thanh Tuyền	22	11	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hoá học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		IC3	Anh B		
931	Huỳnh Nguyễn Mộng Điệp	4	8	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm tiếng Anh		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B2		
932	Nguyễn Thị Hoàng Yến	18	10	1986		03-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Ngô Tất Tố	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạmNgữ văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B1		
933	Nguyễn Phương Thảo	3	8	1979	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Nghệ thuật	Trường THCS Đào Duy Anh	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Mỹ thuật Công nghiệp		GV THCS Hạng II, III	Không	B	Anh B1		
934	Phạm Thụy An	17	2	1985	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên Khoa học tự nhiên	Trường THCS Đào Duy Anh	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS Hạng II, III	Không	UDCNT T Cơ Bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTLV và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
935	Hồ Lâm Vinh Tùng	3	9	1979		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên Tin học	Trường THCS Đào Duy Anh	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Kĩ sư CNTT	Trung cấp	GV THCS Hạng II	Không	Đại học	Anh B1		
936	Trần Thị Lan Hương	13	8	1987	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Đào Duy Anh	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 6 tháng	V.07.04.32		Đại học - Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	Trung cấp	GV THCS Hạng II, III	Không	B	Anh B1		
937	Lê Thị Thanh Nga	6	3	1983	x	31/10/2005	05-05-2006	Giáo viên Toán	Trường THCS Đào Duy Anh	UBND quận Phú Nhuận	17 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS Hạng II	Không	Cao đẳng	Anh B		
938	Cún Thế Phát	13	4	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	11 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin - Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh C		
939	Đào Thị Hoàng	25	7	1984	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên toán	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	10 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn - Sư Phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II	Đại học Hành Chính Quốc Gia	Tin học A, B	Anh B1		
940	Bùi Thị Huệ	22	8	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	9 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Toán học- Hình học và tổ pô - Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
941	Nguyễn Văn Linh	6	6	1983		28/01/2008	30/01/2009	Giáo viên	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	16 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
942	Trần Thụy Hoa Nghiêm	16	6	1978	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
943	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	01	04	1980	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Lịch Sử và Địa Lí	Trường THCS Ấu Lạc	UBND quận Tân Bình	15 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Địa Lí - Chứng chỉ hoàn thành Chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch Sử và Địa Lí	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
944	Tạ Thu Thảo	1	9	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
945	Nguyễn Thị Thu Thủy	17	12	1981	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Công Nghệ Thông Tin	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
946	Cù Thị Hồng Đào	11	11	1985	X	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
947	Trần Quốc Dũng	21	6	1990		01/09/2011	01/09/2012	Tổ trưởng tổ KHTN	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lí	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
948	Nguyễn Ngọc Hạnh	4	12	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		
949	Nguyễn Phạm Tường Vi	26	4	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Mĩ thuật	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Mĩ thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
950	Phan Thị Thanh Nga	20	01	1991	x	01/11/2013	01/11/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	09 năm 03 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B1		
951	Đặng Thị Kim Dung	14	2	1980	x	09/01/2006	09/01/2007	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.04. 32	3,00	Đại Học Sư phạm - Đại Học Huế - Giáo dục chính trị.		GV THCS hạng II		A	Anh B		
952	Nguyễn Thị Nhung	10	02	1983	x	01/09/2016	01/06/2017	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	06 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33+6 %	Đại Học - Cử nhân Lịch sử Thạc Sĩ - Lịch sử thế giới Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GV THCS hạng II	Chứng chỉ HCNN& QLNGD ĐT	CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
953	Nguyễn Thị Mai Trâm	15	12	1983	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Mỹ Thuật	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+16%	Đại học- Sư phạm Mỹ Thuật		GV THCS hạng II		A	Anh A2		
954	Ngô Thị Nguyệt	02	8	1984	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+15%	Đại học- Cử nhân Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản			
955	Lê Thị Thanh Huyền	01	04	1983	x	01/09/2016	01/09/2017	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	07 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,00+6%	Đại Học - Cử nhân Văn học Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục	Trung cấp	GV THCS hạng II	Chứng chỉ HCNN& QLNGD ĐT	A	Anh C		
956	Lê Thị Thùy	10	8	1990	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Toán Học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	09 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00+8%	Đại Học - Cử nhân Sư Phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		GV THCS hạng II		A	Anh B1		
957	Vũ Thị Lưu	16	4	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán Học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33+9%	Đại học - Cử nhân Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT trong dạy học			
958	Nguyễn Thị Hạnh Linh	30	10	1990	x	01/09/2017	01/09/2018	Giáo viên môn Toán Học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	UBND quận Tân Bình	06 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,00+8%	Đại Học - Cử nhân Sư Phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán học đại số và lý thuyết số	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B1		
959	Nguyễn Ngọc Nhân	30	06	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
960	Hứa Thị Kiều My	08	09	1991	x	01/10/2012	01/10/2013	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp	GV THCS hạng II	x	A	Anh B		
961	Nguyễn Đông Quân	23	12	1984		01/09/2005	01/09/2006	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	17 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV THCS hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B1		
962	Hoàng Diệu	19	10	1981		01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	18 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		KTV	Anh A		
963	Nguyễn Chung Niết	08	03	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
964	Phạm Thị Thùy Lin	13	08	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		CĐSP Toán tin - UDCNTT trong dạy học	Anh A2		
965	Nguyễn Thị Ngọc L	13	04	1978	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	18 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm CNTT	Trung cấp	GV THCS hạng II		IC3	Anh C		
966	Bùi Thị Trang	21	03	1983	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn LSĐL	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		B	Anh B		
967	Trần Đại	07	08	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
968	Trần Thị Thu Hiền	29	04	1979	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Quang Trung	UBND quận Tân Bình	20 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
969	Trần Thái Thanh	14	1	1985	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	THCS Trần Văn Đàng	UBND quận Tân Bình	17 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	ĐHSP/ Công nghệ thông tin		GV THCS hạng III		Đại học	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTLV và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
970	Lê Thị Hạnh	22	01	1991	x	30/08/2013	01/09/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Bình	UBND quận Tân Bình	9 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
971	Hàn Thị Hà	06	06	1986	x	01/08/2016	01/08/2016	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tân Bình	UBND quận Tân Bình	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ văn học nước ngoài	Trung Cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
972	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	18	01	1982	x	01/11/2005	01/11/2006	Giáo viên môn Hóa, Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Bình	UBND quận Tân Bình	17 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân- Sư phạm hóa học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ THUĐ	Anh B		
973	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	21	09	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn công nghệ	Trường THCS Tân Bình	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân- Sư phạm công nghệ	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	B		
974	Cao Thị Nguyệt	18	07	1989	x	01/09/2016	01/06/2017	Giáo viên Địa lí	Trường THCS Tân Bình	UBND quận Tân Bình	6 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Địa lí học	Trung Cấp	GV THCS hạng II		B, Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL	Anh B1, TOEIC, Văn bằng 2 Ngôn ngữ Anh		
975	Nguyễn Hoàng Sơn	06	03	1988		01/09/2016	01/09/2016	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Sinh - KTNN Thạc Sĩ - Sinh học thực nghiệm (cấp ngày 10/4/2014)	Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	GV THCS hạng II	Bồi dưỡng Cán bộ quản lí trường THCS	B	Anh B1		
976	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	16	02	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp lý luận chính trị - hành chính	GV THCS hạng II		A	Anh A		
977	Nguyễn Ngọc Lan Anh	03	03	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm song ngữ Nga - Anh		GV THCS hạng II		A	Cử nhân Nga - Anh		
978	Nguyễn Thị Kim Xuyên	04	09	1989	x	01/12/2011	01/09/2016	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao (ngày cấp 21/4/2016)		GV THCS hạng II		A	Toefl IPT 467		
979	Lê Thị Thanh Huyền	19	05	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cao đẳng - Sư phạm Sinh học Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		A	Anh Bậc 2		
980	Trần Thụy Khánh Linh	17	12	1977	x	05/10/1999	01/05/2000	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	23 năm 11 tháng	V.07.04.32	4,32	Cao đẳng - Sư phạm Hóa - Lý Cử nhân - Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		A UDCNTT			
981	Huỳnh Hữu Duy	08	03	1979		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trường Chinh	UBND quận Tân Bình	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật		GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
982	Hoàng Thị Thanh Thuý	03	07	1984	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Trần Văn Quang	UBND quận Tân Bình	12 năm	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	ĐH		
983	Dương Quốc Toàn	10	06	1986		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên GDTC	Trường THCS Trần Văn Quang	UBND quận Tân Bình	9 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư Phạm TĐTT TPHCM	Trung Cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
984	Phạm Thị Thu Hiền	18	06	1981	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên GDTC	Trường THCS Trần Văn Quang	UBND quận Tân Bình	17 năm	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư Phạm GDTC	Không	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
985	Hồ Vĩnh Thịnh	9	10	1983		01/09/2007	01/09/2008	Hiệu trưởng	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học	Trung cấp LLCT	GV THCS hạng II	Chuyên viên	A	Anh B		
986	Hoàng Anh Tuấn	6	1	1982		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học	Trung cấp LLCT	GV THCS hạng II		CD	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
987	Mai Hữu Hòa	10	8	1977		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		B	Anh A2		
988	Nguyễn Thị Hà	10	11	1971	x	01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học	Trung cấp LLCT	GV THCS hạng II		A	ĐH		
989	Nguyễn Thị Hằng	6	12	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	8 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học Sư phạm Hoá học; Thạc sĩ ngành Hoá lý thuyết và Hoá lý	Trung cấp LLCT	GV THCS hạng II		A	Anh B		
990	Trịnh Thị Thu Kha	25	2	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Võ Văn Tần	UBND quận Tân Bình	16 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Văn học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
991	Thới Phi Tùng	20	11	1987		01/8/2013	01/8/2014	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
992	Đinh Thị Quỳnh Mai	16	4	1983	X	01/9/2004	01/9/2005	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học		CDNN Hạng II		B	Anh B		
993	Nguyễn Lê Mai Phương	3	9	1985	x	01/9/2012	01/9/2013	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Sơ cấp	CDNN Hạng II		B	Anh B		
994	Nguyễn Minh Tân	21	10	1990		01/9/2011	01/9/2012	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		B	Anh C		
995	Phạm Thị Dung	5	5	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B1		
996	Mai Thị Như Hà	11	10	1987	x	01/8/2013	01/8/2014	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	sơ cấp	CDNN Hạng II		A	Anh B		
997	Dương Hồ Kim Trâm	3	5	1992	X	01/9/2016	01/9/2017	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	6 năm 10 tháng (không tính tập sự)	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II	BD NV QLGD cho CBQL trường phổ thông	Trung cấp	Ngôn ngữ Anh		
998	Vũ Trung Vương Tùng	6	1	1983		01/8/2013	01/9/2014	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		A			
999	Nguyễn Thị Minh Thủy	22	3	1976	x	01/8/2000	01/3/2001	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	23 năm	V.07.04.32	4,32	Đại học		CDNN Hạng II		UDCNTT	Anh B1		
1000	Trần Thị Phương	15	3	1986	x	01/1/2011	01/9/2012	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học		CDNN Hạng II		A	Anh B1		
1001	Nguyễn Hà Xuyên	15	9	1987	x	01/9/2009	26/11/2010	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II	Bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD cho CBQL trường phổ thông	CNTT nâng cao	Anh ĐH		
1002	Trần Văn Ninh	25	6	1991		12/8/2013	01/9/2016	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	10 năm	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1003	Nguyễn Hoàng Quang	14	1	1985		01/0/2006	01/9/2007	GV THCS hạng III	THCS Ngô Quyền	UBND quận Tân Bình	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học	Trung cấp	CDNN Hạng II		Đại học	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1004	Nguyễn Thị Hoa Huệ	18	08	1978	x	09/01/2010	09/01/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	UBND quận Tân Bình	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
1005	Đỗ Thanh Nhân	06	06	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Ngữ văn / Tổ phó Tổ Ngữ Văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	UBND quận Tân Bình	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
1006	Sin Kế Loan	17	10	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	UBND quận Tân Bình	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II		A	Anh B2		
1007	Lê Thị Thắm	11	09	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Ngô Sĩ Liên	UBND quận Tân Bình	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,03	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh A		
1008	Trần Tiến Dũng	02	02	1978		01-01-2001	10-05-2015	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND quận Tân Bình	13 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại Học - Sư phạm Địa lí		GV THCS hạng II		B	Anh C		
1009	Nguyễn Hồ Kim Ngón	06	01	1969	x	09-01-2005	02-12-2022	Giáo viên Toán	Trường THCS Lý Thường Kiệt	UBND quận Tân Bình	18 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
1010	Hứa Tuyết Lê	01	11	1989	X	01/6/2017	01/6/2018	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	UBND quận Tân Phú	6N6T	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ Vật lý nguyên tử		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B1		
1011	Tiêu Thị Lan	06	1	1991	X	01/6/2017	01/6/2018	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	UBND quận Tân Phú	6N6T	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ Văn học VN		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1012	Tiêu Tín Nguyên	22	01	1992	X	01/02/2018	01/11/2018	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	UBND quận Tân Phú	6N1T	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B2		
1013	Trần Thoại My	05	05	1982	X	01/9/2016	01/6/2017	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	UBND quận Tân Phú	7N6T	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		
1014	Lê Thị Thương	28	10	1984	X	02/09/2006	02/09/2007	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu	UBND quận Tân Phú	17N3T	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm toán		Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THCS		ƯD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1015	Nguyễn Phước Hậu	9	1	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Tin học	Trường Trung học cơ sở Lê Anh Xuân	UBND quận Tân Phú	13N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Tin học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Tiếng Anh B		
1016	Nguyễn Trọng Nghĩa	5	12	1979		01-09-2003	01-03-2004	Giáo viên môn Toán	Trường Trung học cơ sở Lê Anh Xuân	UBND quận Tân Phú	20N8T	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1017	Huỳnh Thị Cẩm Ngân	30	9	1985		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Địa lý	Trường Trung học cơ sở Lê Anh Xuân	UBND quận Tân Phú	14N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1018	Trần Thanh Sang	1	1	1981		01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên môn Toán	Trường Trung học cơ sở Lê Anh Xuân	UBND quận Tân Phú	21N8T	V.07.04.32	4,32	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		Cao đẳng	Tiếng Anh B		
1019	Nguyễn Thị Thanh Phương	06	07	1992	x	01-08-2013	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	UBND quận Tân Phú	10N9T	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Giáo viên THCS Hạng II		THUD A	Tiếng Anh B1		
1020	Đinh Quốc Phong	28	10	1990		01/09/2016	01/09/2016	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	UBND quận Tân Phú	7N8T	V.07.04.32	3,00	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		THUD B	Tiếng Anh B1		
1021	Nguyễn Thị Cảnh	23	11	1991	x	01/09/2016	01/09/2016	Giáo viên môn Lịch sử	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ	UBND quận Tân Phú	7N8T	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		THUD A	Tiếng Anh B1		
1022	Đinh Thị Trang Đài	20	10	1991	x	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên THCS	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	UBND quận Tân Phú	10N6T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Toán		Giáo viên THCS Hạng II		THUD B	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTLV và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1023	Mai Thanh Hoàng	12	12	1985		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên THCS	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	UBND quận Tân Phú	8N8T	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B1		
1024	Nguyễn Văn Thiên	15	1	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD A	Tiếng Anh B		
1025	Nguyễn Hoàng Long	10	2	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD B	Tiếng Anh B		
1026	Trần Văn Hòa	7	1	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD A	Tiếng Anh B		
1027	Phạm Hải Đăng	17	10	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		Đại học	Tiếng Anh B		
1028	Từ Tú Lan	3	6	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD A	Tiếng Anh A		
1029	Châu Mỹ Tuyến	11	12	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	10N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD B	Tiếng Anh B		
1030	Nguyễn Thị Ngà	20	7	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Thoại Ngọc Hầu	UBND quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		THUD A	Tiếng Anh B		
1031	Nguyễn Thị Tô Chung	07	02	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	11N7T	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1032	Tôn Quang Hùng	01	08	1977		01/8/2011	01/8/2021	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	11N8T	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục Thể chất		Giáo viên THCS		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
1033	Chu Công Mười	03	05	1990		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	9N8T	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh A2		
1034	Trần Thị Nhung	28	03	1985	x	01/9/2012	01/9/2021	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	10N7T	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh		Giáo viên THCS		THUD B	Tiếng Anh ĐH/ Tiếng Pháp B		
1035	Lê Duy Phương	03	05	1982		01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	12N7T	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục Thể chất	Sơ cấp	Giáo viên THCS		THUD A	Tiếng Anh A2		
1036	Lê Thị Hải Hiền	17	08	1988	x	01/9/2017	01/06/2018	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng	UBND Quận Tân Phú	5N10T	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD B	Tiếng Anh B1		
1037	Võ Thị Kim Thoa	10	04	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Hóa học, KHTN	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ	Trung cấp	GV THCS hạng II	Chứng chỉ BD Hiệu trưởng	Bằng A	Tiếng Anh B1		
1038	Nguyễn Lệ Thủy	01	10	1980	x	09-01-2002	09-01-2003	Giáo viên môn Địa lí; Lịch sử và Địa lí	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	UBND huyện Bình Chánh	20 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CC Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B		
1039	Nguyễn Ngọc Thành	14	03	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Vật lý, KHTN	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Bằng B	Tiếng Anh B		
1040	Nguyễn Thị Thủy Dương	25	11	1984	x	01/08/2013	01/08/2014	Chủ tịch công đoàn- Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân- Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1041	Trương Hoàng Yến	03	11	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân- Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng B	Bậc 4/6 theo khung năng lực NN 6 bậc dùng cho VN		
1042	Phạm Thị Huỳnh Hoa	09	05	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1043	Đặng Thị Thảo Trang	20	08	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Tổ trưởng chuyên môn _ Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Phong Phú	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật điện điện tử CDSP Kỹ thuật Công nghiệp	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		
1044	Hà Thị Quế Anh	10	08	1990	x	01-10-2011	01-10-2012	Giáo viên Toán học	Trường THCS Đa Phước	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 1 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh A2		
1045	Nguyễn Hồ Thanh Nhân	19	12	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Đa Phước	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh ĐH		
1046	Hồ Ngọc Nhân	09	05	1982		01/9/2004	02/12/2005	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	18 năm 3 tháng	V.07.04.32	3.99	Kỹ sư công nghệ kĩ thuật Điện, Điện tử	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1047	Lê Hoàng Xuyên	06	01	1987		01/9/2009	09/11/2010	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 4 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1048	Nguyễn Hoàng Oanh	25	11	1989	x	01/9/2012	12-02-2019	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.33	Cử nhân sư phạm Hóa		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh A2		
1049	Phạm Thị Thu Ngọc	28	08	1990	x	17/8/2012	17/01/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 2 tháng	V.07.04.32	3.33	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Pháp B		
1050	Võ Hoàng Tấn	12	12	1988		01/12/2016	29/11/2018	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Quý Tây	UBND huyện Bình Chánh	6 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.33	Thạc sĩ Vật Lí chuyên ngành quang học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD B	Anh B1		
1051	Hồ Thị Tim	05	06	1989	x	01/9/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Kỹ sư điện - điện tử	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1052	Lê Thị Hồng Lua	28	08	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 09 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT A	Anh A2		
1053	Huỳnh Thị Hồng Vân	08	03	1986	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 09 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT A	Anh B		
1054	Nguyễn Hoàn Thiên Trí	06	12	1977		01/9/1998	01/9/2000	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	24 năm 07 tháng	V.07.04.32	04.01	Cao đẳng sư phạm Công nghệ Đại học Nha Trang Nuôi trồng thủy sản	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trung cấp	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1055	Trần Thanh Tuyền	22	02	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 08 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT cơ bản	Anh A2		
1056	Đỗ Thị Hồng	01	11	1990	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 09 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
1057	Nguyễn Thanh Thảo	13	08	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	09 năm 09 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		A	Anh B		
1058	Bùi Thị Vui	18	08	1990	x	05/9/2016	05/9/2017	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	06 năm 08 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Vật lý Thạc sĩ Vật lý nguyên tử - hạt nhân	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B1		
1059	Trương Thị Ngọc Nguyễn	10	12	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Tân Túc	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 09 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT A	Anh C		
1060	Đặng Thị Cẩm Thuyết	12	09	1977	x	01/9/2002	01/3/2003	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng (tính từ ngày 01/8/2007)	V.07.04.32	04.01	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT nâng cao	B Tiếng Anh		
1061	Huỳnh Thị Lệ Hoa	15	03	1988	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	B Tiếng Anh		
1062	Lê Đức Ánh	19	03	1985		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	B Tiếng Anh		
1063	Lê Thị Cẩm Nhung	01	01	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Đại học	B Tiếng Anh		
1064	Lý Nguyễn Phương Khanh	10	02	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh		GV THCS hạng II	Không	A	Đại học		
1065	Nguyễn Thị Lý	05	12	1982	x	05/12/2016	05/12/2016	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 4 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân khoa học ngành Vật lý và chứng chỉ NVSP; Thạc sĩ Vật lý		GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học		
1066	Nguyễn Thị Ngọc Bích	18	11	1979	x	01/9/2002	01/3/2003	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 1 tháng	V.07.04.32	04.01	Cử nhân sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	B Tiếng Anh		
1067	Phạm Võ Tường Khanh	16	11	1985	x	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Tân Kiên	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân sư phạm Âm nhạc		GV THCS hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	B Tiếng Anh		
1068	Dương Kiên Tâm	02	01	1988		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II		THƯD A	Anh B		
1069	Nguyễn Phước Trung	10	12	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng II		THƯD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1070	Nguyễn Thị Xuân Thùy	07	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học- Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Đại học		
1071	Tô Thanh Toàn	10	01	1985		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn GDTC	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư Phạm GDTC		GV THCS hạng II		THUD A	Anh A		
1072	Châu Thị Thu Thảo	29	08	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1073	Nguyễn Trường Vũ	25	09	1987		09-01-2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B2		
1074	Trần Thị Chanh	15	02	1986	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 8 tháng	V07.04.32	03.01	Đại học		Giáo viên THCS hạng II		THUD B	Anh B		
1075	Trần Tường Lâm	12	05	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 8 tháng	V07.04.32	03.01	Đại học		Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1076	Phạm Thị Kiều Trinh	02	04	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1077	Nguyễn Thái Trọng	02	03	1983		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Tân Nhựt	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,99	Cư nhân - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		THUD A	Anh A		
1078	Khuong Văn Vũ	15	09	1990		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Gò Xoài	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh trình độ B		
1079	Nguyễn Thị Hoa Quỳnh	20	01	1991	x	01/10/2012	01/10/2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Gò Xoài	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh trình độ B		
1080	Lê Thị Diệu	04	12	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Gò Xoài	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh trình độ B		
1081	Trịnh Diệu Oanh	26	02	1980	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Khoa Học Tự Nhiên.	Trường THCS Lê Minh Xuân	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Sinh	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	Tin học B và UDCNTT trong giảng dạy	Anh A		
1082	Lê Văn Thiệt	20	08	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán, Tổ phó chuyên môn	Trường THCS Lê Minh Xuân	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V07.04.33	3,66 + 0,15	Đại học - Sư phạm Toán	Không	GV THCS hạng II	Không	Cao Đẳng	Anh B		
1083	Ngô Thị Hồng	16	12	1983	x	01-09-2006	04-09-2007	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên . Tổ phó	Trường THCS Lê Minh Xuân	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 8 tháng	V07.04.32	3,66+ 0,15	Đại học sư phạm Sinh học	Không	GV THCS hạng II	Không	Tin học A và ứng dụng CNTT	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1084	Huỳnh Quan Thái	03	09	1985		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Lê Minh Xuân	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 7 tháng	V07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm toán học	Không	GV THCS hạng 2	Không	Tin học A và Ứng dụng CNTT	Anh A		
1085	Hồ Nguyên Luật	02	11	1983	Nam	20/08/2012	01-09-2008	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+15%	Đại học - Tin học		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1086	Kiều Anh Dũng	20	02	1972	Nam	01/09/1998	01/09/2000	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	25 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,65+23%	Kỹ sư - Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		A	Anh B		
1087	Nguyễn Hữu Triết	07	04	1967	Nam	01/10/1988	01-10-1990	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	33 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,98+32%	Kỹ sư - Nuôi trồng Thủy sản		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		A	Anh A		
1088	Nguyễn Thị Huyền	22	11	1977	Nữ	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33+11%	Cử nhân - Sư phạm Ngữ văn		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1089	Tăng Kia Hào	06	10	1992	Nữ	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33+9%	Cử nhân - Sư phạm Tiếng Anh		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp B		
1090	Nguyễn Đình Công	12	09	1978	Nam	21/01/2019	01-04-2003	Giáo viên	Trường THCS Phạm Văn Hai	UBND huyện Bình Chánh	21 năm	V.07.04.32	03.01	Đại học - Sư phạm âm nhạc		Đã hoàn thành CDNN giáo viên THCS hạng II		B	Anh B		
1091	Nguyễn Hữu Kỳ	02	08	1978		01-09-2002	01-03-2003	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Đồng Đen	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 1 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	A	B		
1092	Nguyễn Thị Thanh Huệ	16	10	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Đồng Đen	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại Học - Sư phạm sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	CNTT A	Anh văn B		
1093	Nguyễn Thanh Việt	12	05	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	trường THCS Đồng Đen	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	CNTTCB	Anh Bậc 2		
1094	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	26	01	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Mỹ thuật	trường THCS Đồng Đen	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	CNTT A	Anh văn B		
1095	Phạm Hoàng Đức	11	03	1985		01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.99	Cao Đẳng sư phạm KTCN - Kĩ sư điện, điện tử		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	A1		
1096	Nguyễn Xuân Hòa	12	09	1986	x	24/9/2008	21-03-2012	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	12 năm	V.07.04.32	03.01	Đại học - Sư phạm Vật lí		GV THCS hạng II		Kỹ thuật viên	Tiếng Anh B		
1097	Lê Thị Lan	20	10	1979	x	01/4/2000	01-10-2000	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	23 năm 6 tháng	V.07.04.32	4.32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Trình độ B		
1098	Nguyễn Thị Khánh Linh	05	04	1980	x	01/09/2002	02/03/2003	Giao vien môn Lịch sử và Địa lý	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	22 năm	V.07.04.32	4.32	Đại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	Gv THCS hạng II		UDCNTT B	Trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1099	Nguyễn Thị Tập	05	05	1980	x	01/08/2008	01/08/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Ngữ Văn		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1100	Trần Thị Hồng Thắm	18	03	1986	x	01/9/2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh A2		
1101	Nguyễn Văn Tiến	18	09	1988		01/9/2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1102	Phạm Thị Tô	01	01	1985	x	01/9/2009	01-09-2010	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Hoá học		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1103	Trần Ngọc Xuyên	09	07	1982		01/9/2009	01-09-2010	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1104	Huỳnh Ngọc Tuyền	14	07	1990	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1105	Võ Ngọc Linh	05	09	1983		01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học sư phạm Toán		GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Trình độ B		
1106	Nguyễn Tấn Nguyệt	25	01	1989	x	01/9/2011	01-09-2012	Giáo viên bộ môn Toán	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		UDCNTT NC	Trình độ B		
1107	Nguyễn Văn Tuệ	28	08	1991		02/11/2015	01/11/2016	Giáo viên bộ môn KHTN	Trường THCS Vĩnh Lộc A	UBND huyện Bình Chánh	7 năm 5 tháng	V.07.04.32	3.0	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Lý luận phương pháp dạy học Sinh học		GV THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B1		
1108	Lê Thị Huỳnh Mai	24	06	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên	Trường THCS Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	CDNN GV THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh trình độ B		
1109	Nguyễn Thị Cẩm Tú	08	04	1990	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên	Trường THCS Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học A	Cử nhân		
1110	Phan Thị Dạ Thảo	28	08	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân Sư Phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ Tin học A	Anh A2		
1111	Cù Thị Tuyết	15	01	1981	x	01/09/2000	17/10/2002	Giáo viên	Trường THCS Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	21 năm 6 tháng	V.07.04.32	04.01	Cử nhân Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Trình độ B	Trình độ B		
1112	Nguyễn Thị Kim Duyên	02	11	1983	x	09/01/2007	09/01/2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Vĩnh Lộc B	UBND huyện Bình Chánh	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		CNTTCA	Trình độ B		
1113	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12	02	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lí	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66 + 12%	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Tiếng anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1114	Nguyễn Ngân Hồng	22	12	1991	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33 + 9%	Đại Học - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	Tiếng anh B		
1115	Hồ Thị Diệu	11	04	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66 + 11%	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		B	Tiếng anh B		
1116	Vũ Văn Biên	20	10	1983		01/8/2009	01/9/2010	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66+1 3%	Đại Học - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT	Tiếng anh B		
1117	Lê Minh Dũng	18	05	1984		01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33 + 9%	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Tiếng anh B		
1118	Hoàng Thị Hà	12	04	1985	x	01/8/2007	16/6/2009	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Võ Văn Vân	UBND huyện Bình Chánh	14 năm 10 tháng	V.07.04.32	3.66 + 15%	Đại Học - Sư phạm Tiếng anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Đại học Tiếng anh		
1119	Trần Thị Ngọc Dung	27	12	1988	x	01/01/2009	01/01/2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Trung Sơn	UBND huyện Bình Chánh	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	03.01	Đại học Văn học, CD sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh văn A2		
1120	Lại Minh Hiền	23	06	1989	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Trung Sơn	UBND huyện Bình Chánh	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	03.01	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II		Tin học A	Anh văn B		
1121	Đặng Ánh Vân	01	01	1991	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường TH - THCS Tân Trung	UBND huyện Củ Chi	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.33	ĐH Điện - Điện tử	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng III		Tin học A	Tiếng Anh B		
1122	Võ Thanh Bình	18	1	1978		01-09-2002	01-03-2003	Phó hiệu trưởng	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	21 năm	V.07.04.32	3,96	Đại học Trà Vinh - Công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1123	Nguyễn Thanh Sang	15	3	1986		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên dạy Tin học	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	13 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh C		
1124	Phạm Ngọc Như Thảo	9	5	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên dạy nhạc	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	14 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh B		
1125	Nguyễn Hoàng Quốc Trung	23	2	1980		01-10-2003	01-04-2004	Giáo viên lý	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	20 năm	V.07.04.32	4,32	Đại học Sài Gòn - Sư phạm Vật lí	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh B		
1126	Nguyễn Thị Gương	25	10	1976	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên văn	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	17 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh B		
1127	Lê Ngọc Duyên	14	4	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	11 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Đại học		
1128	Trương Hữu Phước	22	10	1988		01-09-2011	01-09-2012	TTCM	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	11 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Ngữ văn Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Đại học		
1129	Nguyễn Văn Chuẩn	6	2	1977		01-10-2004	01-10-2005	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	18 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học Mỏ Hà Nội - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Đại học		
1130	Huỳnh Thị Mỹ Trúc	3	2	1988	x	23-08-2011	01-09-2012	Giáo viên văn	Trường THCS An Nhơn Tây	UBND huyện Củ Chi	11 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học Sài Gòn - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh B		
1131	Nguyễn Thị Sen	23	7	1988	x	01-10-2013	08-12-2014	Giáo viên văn	Trường THCS An Phú	UBND huyện Củ Chi	09 năm 06 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1132	Lê Văn Lý	15	6	1976		11-08-1998	01-03-1999	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS An Phú	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học Sư Phạm chuyên ngành CNTT	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1133	Hồ Quang Huy	20	09	1980		01/09/2002	01/06/2003	Giáo viên toán	Trường THCS Bình Hòa	UBND huyện Củ Chi	20 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm - Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Đại học	Tiếng Anh - B		
1134	Vũ Thị Vân Anh	23	11	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên văn	Trường THCS Bình Hòa	UBND huyện Củ Chi	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00	Đại học sư phạm - Ngữ văn		Giáo viên THCS hạng II		A	Tiếng Anh - A2		
1135	Trịnh Thị Lâm	06	06	1988	x	01/08/2012	01/08/2013	Giáo viên toán	Trường THCS Bình Hòa	UBND huyện Củ Chi	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm - Toán học		Giáo viên THCS hạng III		B	Tiếng Anh - B		
1136	Đặng Thị Yến Ngọc	15	4	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	09 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm - Vật lí	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1137	Lê Thị Hồng Anh	29	11	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	09 năm 06 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm - Vật lí		Giáo viên THCS hạng II		Tin học - A	Tiếng Anh - B		
1138	Hồ Văn Thuận	19	9	1971		25-08-1995	23-03-1998	Giáo viên	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	29 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,65	Cử nhân sư phạm - Công nghệ		Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1139	Huỳnh Duy Thanh	20	8	1985		01-09-2010	30-08-2011	Giáo viên	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	12 năm 08 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân sư phạm - Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - Bậc 2		
1140	Ngô Thị Duyên	16	1	1988	x	01-10-2016	01-07-2017	Giáo viên	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	7 năm 10 tháng	V.07.04.32	3	Đại học sư phạm - Ngữ Văn -Thạc sĩ Ngôn ngữ học		Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1141	Phạm Thanh Dũng	25	4	1978		01-10-2003	01-04-2004	Giáo viên toán	Trường THCS Hoà Phú	UBND huyện Củ Chi	20 năm	V.07.04.32	3,99	Cử nhân sư phạm -Toán học		Giáo viên THCS hạng II		UD. CNTT nâng cao	Tiếng Anh - B		
1142	Nguyễn Hoàng Ân	17	3	1983		09-01-2005	09-01-2006	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	UBND huyện Củ Chi	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
1143	Nguyễn Thị Thanh Loan	15	7	1991	x	13/08/2013	09-01-2014	Tổ trưởng	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	UBND huyện Củ Chi	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học Ngôn Ngữ Anh Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 4 B Pháp		
1144	Trần Thị Hỷ Phú	27	9	1977	x	20/8/1998	03-01-1999	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	UBND huyện Củ Chi	25 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTCB	Trình độ B		
1145	Lê Thuý Kiều Vân	3	5	1989	x	01-09-2010	28-02-2013	Giáo viên sinh	Trường THCS Phước Hiệp	UBND huyện Củ Chi	10 năm 2 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Sinh Học - Đại học Sài Gòn		Giáo viên THCS hạng II		B	B		
1146	Trần Tuyết Trinh	06	12	1992	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Phước Thạnh	UBND huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cao đẳng Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh trình độ B		
1147	Nguyễn Thị Thịnh	10	8	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	14 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học- Công nghệ sinh học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1148	Lê Xuân Tư	14	4	1990		01/01/2014	01/01/2015	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Phước Vĩnh An	UBND huyện Củ Chi	9 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học -Sư phạm Âm nhạc	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 2		
1149	Nguyễn Minh Trung	9	3	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THCS Tân An Hội	UBND huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Kỹ Thuật	Trung cấp LLCT	Giáo viên THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1150	Lê Thị Kim Yến	22	5	1974	x	02-08-1995	02-08-1995	Giáo viên dạy Tin học	Trường THCS Tân An Hội	UBND huyện Củ Chi	29 năm 2 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại học Công nghệ thông tin		Giáo viên THCS hạng II		Cử nhân CNTT	Anh C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1151	Nguyễn Hoàng Ân	10	10	1991		01-11-2016	01-08-2017	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	6 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Thạc sĩ	Anh B1		
1152	Nguyễn Thị Minh Châu	13	4	1993	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ - Sinh thái học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1153	Đinh Lê Mai Phương	11	10	1988	x	10-01-2011	10-01-2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ - Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1154	Lê Thanh Nguyễn	2	12	1987	x	01-10-2011	01-10-2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	11 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1155	Nguyễn Thị Ngọc Phương	26	9	1973	x	01-09-1998	01-03-1999	Giáo Viên môn Công Nghệ	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	24 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,98	Đại Học - Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
1156	Nguyễn Văn Thiện	10	6	1990		01/09/2011	01/09/2012	Giáo Viên môn Công Nghệ	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học Sư phạm - Điện tử, truyền thông	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học ứng dụng cơ bản	B Anh văn		
1157	Nguyễn Thị Hà Trang	15	11	1985	x	01-05-2009	01-05-2010	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	13 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục chính trị	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1158	Vũ Đình Cương	4	9	1990		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên GDTC	Trường THCS Tân Phú Trung	UBND huyện Củ Chi	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm GDTC	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CCTH B	Tiếng Anh B		
1159	Dương Huỳnh Ngọc Giao	3	4	1992	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên tiếng Anh	Trường THCS Tân Thông Hội	UBND huyện Củ Chi	9 năm 8 tháng 15 ngày	V.07.04.32	3,33	ĐHSP- ngành SP. Tiếng anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		A	Anh B1 Pháp B		
1160	Phạm Thị Hà	8	5	1988	x	1-9-2013	1-3-2015	Tổ phó chuyên môn	Trường THCS Tân Thông Hội	UBND huyện Củ Chi	9 năm 1 tháng 15 ngày	v.07.04.32	3,33	ĐHSP- ngành SP. Âm nhạc		Giáo viên THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1161	Nguyễn Thị Mai Linh	24	10	1986	x	1-9-2013	1-9-2014	Giáo viên	Trường THCS Tân Thông Hội	UBND huyện Củ Chi	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	ĐHSG- ngành SP. Mỹ thuật		Giáo viên THCS hạng II		A	Anh B		
1162	Lê Trung Hiếu	24	1	1990		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học- Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTC A	Cử nhân Tiếng Anh B (Tiếng Pháp)		
1163	Lê Hoàng Thiên Thanh	23	10	1978	x	09-01-2003	03-01-2004	TTTC, GV môn công nghệ	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	20 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học - chuyên ngành sinh học ứng dụng	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 3		
1164	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	23	3	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học- Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		A	B		
1165	Nguyễn Quốc Bảo	24	4	1992		09-01-2013	09-01-2014	Giáo Viên	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Công nghệ		Giáo viên THCS hạng II		A	B		
1166	Nguyễn Đức Trung	29	12	1987		09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	15 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		B	B		
1167	Trần Thị Cẩm Loan	09	11	1990	x	15/08/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học- Sư phạm Toán		Giáo viên THCS hạng II		CNTTC A	Anh B		
1168	Huỳnh Hữu Lộc	18	11	1973		11-09-1998	01-03-1999	TTTC, GV môn công nghệ	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	25 năm 2 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sinh học Ứng Dụng	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 4		
1169	Biện Thị Thái Thanh	3	3	1989		08-01-2012	08-01-2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Trung An	UBND huyện Củ Chi	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức QLNN	Cử nhân	Anh văn trình độ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1170	Phạm Phương Thảo	24	7	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên dạy Văn	Trường THCS Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học văn phòng B	Anh B		
1171	Lôi Tấn Phong	24	4	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên dạy lý	Trường THCS Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học A	Anh B		
1172	Nguyễn Liêu	22	10	1990	x	01-11-2016	01-08-2017	Giáo viên dạy sinh	Trường THCS Trung Lập Hạ	UBND huyện Củ Chi	6 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Thạc sĩ sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS hạng II		UD CNTT cơ bản	Anh B1		
1173	Nguyễn Thị Hoàng Phương	13	4	1979	x	01-09-2000	01-03-2001	Giáo viên môn Sinh	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	23 năm 0 tháng	V.07.04.32	4,65	Cử nhân Sinh học ứng dụng	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT Nâng cao	-Anh B1 -Ngoại ngữ: NLNN Bắc 4/6		
1174	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3	9	1980	x	01-10-2002	01-04-2003	Giáo viên Anh văn	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	21 năm 0 tháng	V.07.04.32	4,65	Cử nhân Ngôn Ngữ Anh	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		CNTT Nâng cao	-Trình độ B tiếng Pháp -Ngoại ngữ: NLNN Bắc 4/6		
1175	Nguyễn Đăng Thực	23	4	1974		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên Toán	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,27	Cử nhân sư phạm Toán	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo chuẩn CDNN giáo viên THCS		Tin học A	Tiếng Anh B		
1176	Hoàng Thị Thanh Vân	9	5	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên lý	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	12 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân sư phạm vật lý	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học B, Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh B		
1177	Liêu Thị Thanh Loan	9	1	1990	x	05-09-2011	05-09-2012	Giáo viên toán	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Toán	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
1178	Nguyễn Thị Thu Oanh	7	3	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên sinh	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Sinh học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
1179	Đỗ Cao Thu Tâm	28	7	1992	x	01-10-2013	01-10-2014	Giáo viên hoá	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Hoá học	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
1180	Ngô Thị Ngọc Minh	23	5	1992	x	01-10-2013	01-10-2014	Giáo viên mỹ thuật	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh B		
1181	Nguyễn Thị Hà	8	7	1991	x	01-12-2016	01-09-2017	Giáo viên tâm lý	Trường THCS Thị Trấn	UBND huyện Củ Chi	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng Thạc sỹ - Tâm Lý học	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh B1		
1182	Đặng Thị Lam	17	5	1983	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	12 năm 6 tháng	V07.03.29	3,66	Đại học Công nghệ thông tin; Cao đẳng sư phạm kỹ thuật công nghệ thông tin	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		Cử nhân	Anh A2		
1183	Lê Thị Kim	13	5	1983	x	01/09/2005	01/09/2008	Giáo viên	Trường THCS Dơi Lầu	UBND huyện Cần Giờ	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS Hạng II		THƯỞ A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1184	Nguyễn Thị Lan	27	5	1991	x	01/09/2012	01/10/2013	Giáo viên	Trường THCS Dôi Lầu	UBND huyện Cần Giở	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		THUD A	Anh B		
1185	Nguyễn Thế Kỳ	10	11	1989		01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên	Trường THCS Dôi Lầu	UBND huyện Cần Giở	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Công nghệ		Giáo viên THCS Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1186	Nguyễn Văn Oanh	7	3	1983		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường THCS Dôi Lầu	UBND huyện Cần Giở	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Mỹ thuật		Giáo viên THCS Hạng II		THUD A			
1187	Đinh Xuân Lâm	5	9	1998		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	UBND huyện Cần Giở	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		CNTT cơ bản			
1188	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	20	12	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	UBND huyện Cần Giở	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Sinh học		Giáo viên THCS Hạng II		THUD A	Anh B		
1189	Trần Thị Kim Liên	15	7	1985	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	UBND huyện Cần Giở	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Địa lý		Giáo viên THCS Hạng II		THUD B	Anh B		
1190	Trương Thị Như Ý	10	2	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	UBND huyện Cần Giở	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn		Giáo viên THCS Hạng II	Chứng chỉ	THUD A	Anh B		
1191	Vũ Duy Tú	16	6	1983		01-01-2008	01-12-2008	Giáo viên	Trường THCS Long Hòa	UBND huyện Cần Giở	15 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS Hạng II		THUD B	Anh B		
1192	Nguyễn Văn Vẹn	15	9	1982		01/9/2006	01-06-2008	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giở	15 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Giáo dục chính trị		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh B	Giải pháp khai thác tranh ảnh trong dạy học bộ môn Địa lý	
1193	Trần Thị Hồng	20	8	1983	x	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên	Trường THCS Lý Nhơn	UBND huyện Cần Giở	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học Sư phạm Toán học		Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh B	Các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng bộ môn Toán 9	
1194	Nguyễn Văn Tuấn	11	8	1982		01-03-2006	01/06/2008	Giáo viên	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giở	15 năm 10 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Giáo viên THCS hạng II		THUD A	Anh B	Phương pháp giảng dạy văn miêu tả cho học sinh lớp 6	
1195	Vũ Việt Anh	1	3	1986		01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	UBND huyện Cần Giở	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư Phạm Toán học	Trung cấp	Giáo viên THCS Hạng II		THUD A	Anh B	Một số biện pháp nâng cao chất lượng bộ môn Toán 8	
1196	Trương Công Thanh	15	6	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		Tin học A	Anh B		
1197	Nguyễn Hồng Sen	12	1	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1198	Hà Thị Lam Tuyền	4	11	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên, CTCD	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	Anh B		
1199	Nguyễn Thị Mỹ Dung	2	7	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Kỹ Sư nuôi trồng Thủy sản, Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		Tin học B	Anh B		
1200	Nguyễn Thị Nhái	9	8	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm Mỹ thuật	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	Anh B		
1201	Phạm Thị Hằng	19	8	1983	x	01/09/2024	01/09/2005	Giáo viên, Tổ phó	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	CNTTCB	Anh Bậc 2		
1202	Lê Minh Trung	12	2	1986		01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ Sư Công nghệ thông tin, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	Đại học	Anh Bậc 2		
1203	Lê Thị Huệ	29	5	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ Sư Công nghệ thông tin, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	Đại học	Anh Bậc 2		
1204	Lê Văn Tươi	15	10	1986		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Giáo dục thể chất	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	Tin học A	Anh Bậc 2		
1205	Nguyễn Thị Hồng Diễm	13	9	1987	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên, Tổ phó	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ Sư công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử, Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật Công nghiệp	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	Tin học A	Anh Bậc 2		
1206	Vũ Thị Hồng	29	7	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Toán	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1207	Trần Thị Thu Thảo	20	9	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học tiếng Anh	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
1208	Phạm Thanh Bình	20	1	1979		01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Huyện Nhà Bè	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Mĩ thuật	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	Trung cấp	CNTTCB	Anh Bậc 2		
1209	Nguyễn Thị Phương Điền	4	8	1988	x	1/9/2011	01/09/2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Thạc sĩ Sinh thái học	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B		
1210	Ngô Hồng Hải	6	8	1988	x	1/9/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Thạc sĩ Ngôn ngữ học	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B		
1211	Trần Thị Huỳnh Nga	6	5	1983	x	1/9/2010	1/9/2011	Giáo viên, Tổ phó	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B		
1212	Trần Đình Thiện	20	1	1982		01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Huyện Nhà Bè	9 năm 11 tháng	V.07.04.32	3.00	Đại học sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB			
1213	Nguyễn Ngọc Liên	30	1	1986	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Hóa Học	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B		
1214	Lê Thị Phương Trinh	14	7	1988	x	01/09/2009	1/9/2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn		GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B		
1215	Võ Thanh Việt	22	4	1989		1/9/2010	1/9/2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B1		
1216	Lê Thị Thanh Trúc	30	4	1988	x	1/9/2009	1/9/2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân ngữ văn Anh	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNTTCB	B tiếng Hoa		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1217	Đỗ Thị Thu Cúc	21	6	1988	x	1/9/2010	1/9/2011	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Địa Lý	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	CCBDQL NN ngạch cán sự	CNNTCB	B		
1218	Phạm Quốc Bảo	23	10	1991		1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên, Chủ tịch công đoàn	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Cử nhân Sư phạm giáo dục thể chất	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B		
1219	Phạm Thị Kim Lộc	7	9	1978	x	01-09-2000	15-06-2001	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	22 năm 7 tháng	V.07.04.32	4.32	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B tiếng Pháp		
1220	Nguyễn Hữu Thiện	10	12	1992		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Nhà Bè	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm giáo dục thể chất		GVTHCS Hạng II		CNNTCB	Anh B		
1221	Nguyễn Thị Bích Diễm	31	5	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Huyện Nhà Bè	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	A2		
1222	Lê Thị Kiều Nương	21	1	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Chủ tịch Công đoàn	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Huyện Nhà Bè	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử. Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật Công nghiệp	Trung cấp	GVTHCS hạng II		A	B		
1223	Lê Thị Thanh Thúy	23	10	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Huyện Nhà Bè	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GVTHCS hạng II		A	A2		
1224	Nguyễn Thị Kiều	11	9	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên,Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B		
1225	Phạm Thanh Kim Ánh	15	4	1989	x	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên,Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Hóa Học	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 2		
1226	Nguyễn Văn Quang	12	4	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm Toán		GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B		
1227	Đặng Thị Bích Hương	6	12	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại học Sư phạm Địa Lý	Trung cấp	GVTHCS Hạng II	NV QLGD	CNNTCB	B		
1228	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1	1	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên,Tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
1229	Lê Thị Nương	17	2	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Huyện Nhà Bè	09 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Đại học Sư phạm Toán		GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B		
1230	Trần Trung Tuấn	21	12	1984		01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên, tổ trưởng	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Huyện Nhà Bè	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán	Trung cấp	GVTHCS Hạng II		CNNTCB	B		
1231	Lê Thị Châu Bình	3	4	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Huyện Nhà Bè	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân Sư phạm Công nghệ		GVTHCS Hạng II		A	B		
1232	Phạm Thị Thu Khiết	28	9	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ A2		
1233	Nguyễn Sơn Hồng	5	1	1988	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Huyện Nhà Bè	13 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.66	Cử nhân Sư phạm Mỹ thuật	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1234	Nguyễn Ngọc Diễm	27	7	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Huyện Nhà Bè	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Ngôn ngữ Anh chuyên ngành phương pháp giảng dạy - Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	Đại học		
1235	Nguyễn Thị Kim Anh	20	10	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên, tổ phó	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Huyện Nhà Bè	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B		
1236	Nguyễn Thị Kim Trâm	5	2	1992	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Huyện Nhà Bè	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Toán học		GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B		
1237	Nguyễn Thị Dung	22	9	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Huyện Nhà Bè	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân Sư phạm Toán học	Trung cấp	GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B		
1238	Lê Thị Cương	20	5	1992	x	01-12-2016	01-09-2017	Giáo viên	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hữu	Huyện Nhà Bè	6 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Toán		GVTHCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B1		
1239	Trần Quốc Hương	13	11	1971		03-01-2000	03-01-2001	Giáo viên môn Toán	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	23 năm 1 tháng	V07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng III	Trung cấp	B	B		
1240	Lê Ngọc Huệ	20	8	1991	x	01-01-2012	01-01-2013	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THCS hạng III		CNNTNC	B		
1241	Võ Thị Anh Đào	10	7	1983	x	09-01-2008	09-01-2008	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng III		B	B		
1242	Trần Nguyễn Trà My	18	6	1981	x	09-01-2008	09-01-2009	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Mi Thuật	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTA	Anh B		
1243	Trần Thị Thanh Dung	10	11	1977	x	09-01-2002	03-01-2003	Giáo viên môn Văn	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	17 năm (Hạng 2); 4 năm 7 tháng (Hạng 3)	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B1		
1244	Lê Thị Thuý Thương	18	7	1988	X	1/9/2009	01-09-2010	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THCS An Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - sư phạm giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Trình độ B		
1245	Văn Thanh Phong	29	10	1979		30/10/2003	04-01-2004	Giáo Viên Ngữ Văn	Thcs An Phú	UBND TP Thủ Đức	20 Năm	V.07.05.15	3,99	Đại Học Sư Phạm Ngữ Văn		GV THCS Hạng II		Bằng A	Bằng B		
1246	Nguyễn Thị Hường	2	9	1976	x	01-09-1998	01-06-2000	Giáo viên	Trường THCS Bình An	UBND TP Thủ Đức	23 năm 8th	V.07.04.32	4,65	Cử nhân sư phạm Ngữ văn		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS Hạng II		A	B		
1247	Nguyễn Trần Xuân Mai	26	11	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên KHTN	THCS Bình Chiểu	UBND Tp Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Hoá học		GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B		
1248	Mang Viên Ngọc Uyên	25	4	1987	x	07/10/2016	07-10-2017	Giáo viên Lịch sử và Địa lí	Trường THCS Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	6 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,03	Thạc Sĩ - Lịch sử thế giới		GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		
1249	Nguyễn Mạnh Hùng	20	2	1990		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Thể Dục	Trường THCS Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Thể dục thể thao		GV THCS hạng II		Trình độ B	Anh B		
1250	Nguyễn Trung Hậu	28	7	1989		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường thcs Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Quản lý cấp phòng	CNTT cơ bản	Anh B2		
1251	Nguyễn Thị Thuý	15	4	1985	x	01/9/2008	01/04/2010	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Bình Chiểu	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		CNTTCA	Anh B		
1252	Hoàng Thị Thanh	01	10	1992	x	01-08-2016	01-08-2017	Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý	Trường THCS Bình Thọ	UBND TP Thủ Đức	7 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,00 đ	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng III		CNTT B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1253	Nguyễn Thị Xuân Ánh	22	09	1981	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Bình Thọ	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,00 đ	Đại Học - Kỹ sư Điện công nghiệp Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Công nghệ	Sơ cấp	GV THCS hạng III		CNTT A	Anh B		
1254	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	28	12	1981	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS Bình Thọ	UBND TP Thủ Đức	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66 đ	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		CNTT A	Anh B		
1255	Nguyễn Thị Thuý Hương	25	3	1983	x	01-02-2009	01-02-2010	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	14 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,65	Đại Học-Kỹ sư Điện-Điện tử Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học(Kỹ thuật điện)		GV THCS hạng II		CNTTCB	Trình độ B		
1256	Nguyễn Văn Tiến	07	08	1980		01/09/2002	01/05/2005	Giáo viên Lịch Sử	Trường THCS Cát Lái	UBND TP Thủ Đức	21 năm 01 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1257	Trần Thị Thanh Hà	06	09	1979	x	01/09/2001	01-07-2002	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Đặng Tấn Tài	UBND TP Thủ Đức	21 năm 9 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		CD Tin	B Anh văn		
1258	Phạm Thị Thúy	20	09	1984	x	10-12-2007	01-12-2008	Giáo viên môn Mỹ thuật	Trường THCS Đặng Tấn Tài	UBND TP Thủ Đức	15 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Mỹ thuật		GV THCS hạng II		A	B Anh văn		
1259	Lê Thị Hồng Xuyên	03	01	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Đặng Tấn Tài	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		A	C Anh văn		
1260	Đỗ Văn Thanh	02	02	1978		01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Đặng Tấn Tài	UBND TP Thủ Đức	22 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Thể chất		GV THCS hạng II		A	A2 Anh văn		
1261	Nguyễn Thị Thái	20	08	1980	x	01/10/2003	01/10/2004	Giáo viên dạy môn Tiếng anh	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	19 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Cử nhân ngôn ngữ Anh		GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh B2		
1262	Phạm Thị Oanh	09	6	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên dạy môn Toán	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		Cao đẳng	Anh B		
1263	Nguyễn Thị Na	05	10	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên dạy môn Sinh	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	12 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh B		
1264	Hoàng Thị Thanh Long	18	02	1979	x	01/09/2001	01/03/2002	Giáo viên dạy môn Công nghệ	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	23 năm	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Kỹ sư kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Anh A		
1265	Phạm Ngọc Tuấn	15	8	1983		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên dạy môn Thể dục	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	13 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Cử nhân Giáo dục thể chất		GV THCS hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
1266	Hạ Thị Mộng Hoài	10	9	1990	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên dạy môn Tiếng anh	Trường THCS Dương Văn Thi	UBND TP Thủ Đức	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Tiếng anh		GV THCS hạng II		Chứng chỉ B	B1		
1267	Đặng Thị Anh	27	1	1976	X	01-09-1998	31-12-1998	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	25 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Văn	Trung cấp	GV THCS hạng III		CNTTCB	Anh - B		
1268	Nguyễn Diệu Huê	14	2	1977	X	06/10/2001	06/10/2002	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	21 năm 6 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Ngoại ngữ	Trung cấp	GV THCS hạng III		CNTTCB	Pháp - B		
1269	Bùi Thị Kim Phượng	23	1	1973	X	10-10-1997	01/5/2016	TTCM - Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	9 năm	V.07.04.32	4,32	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh - B		
1270	Trần Thị Phi Yến	7	8	1990	X	09-01-2012	01/9/2013	Chủ tịch Công đoàn - Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Kỹ sư Kinh tế gia đình	Trung cấp	GV THCS hạng II		UDCNTT , A	Anh Bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1271	Nguyễn Thị Hải Yến	12	10	1989	X	15-08-2011	02-01-2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Giồng Ông Tố	UBND TP Thủ Đức	11 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Tin học		GV THCS hạng II		Đại học	Anh - B		
1272	Trần Trương Thị Thanh Vân	26	12	1984	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh; Cử nhân sư phạm Tiếng Nga		
1273	Nguyễn Thị Quý	20	12	1988	x	01-11-2009	01-11-2010	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	13 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Cao đẳng sư phạm Toán - Tin	Tiếng Anh B		
1274	Tổng Thị Hà	21	7	1986	x	01-10-2010	01-09-2012	Giáo viên môn Thể dục	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học sư phạm thể dục thể thao - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B		
1275	Phạm Mai Đào	29	5	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Vật Lý	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B		
1276	Lê Công Hưng	22	12	1985		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học -Sư phạm sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B		
1277	Bùi Văn Toàn	28	2	1987		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B		
1278	Đặng Thị Thu Hà	5	3	1983	x	01-03-2014	01-03-2015	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hiệp Phú	UBND TP Thủ Đức	9 năm 1 tháng	V.07.04.32	3	Đại học - Sư phạm Toán - tin		GV THCS hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ	Tiếng Anh B		
1279	Cao Thị Cúc	9	9	1980	x	1-9-2001	1-3-2002	Giáo viên môn KHTN	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	22 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh B1		
1280	Hồ Nguyễn Ngọc Nga	6	11	1986	x	01/10/2008	01-10-2009	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Kinh tế gia đình	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1281	Lê Thị Hậu	16	8	1985	x	20-12-2006	20-12-2007	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	16 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD B	Anh B		
1282	Mai Thanh Quyền	11	2	1986	x	1-11-2007	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch sử - Địa Lí	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	15 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1283	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	28	1	1988	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1284	Nguyễn Thị Vinh	20	5	1981	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm kĩ thuật : Công nghệ Kỹ thuật Điện-Điện tử	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD B	Anh B		
1285	Phạm Thị Phương	22	7	1989	x	01/09/2011	1-9-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1286	Phan Thị Mai	5	5	1976	x	27/10/2003	10-12-1997	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	26 năm 4 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD B	Anh B2		
1287	Tô Hoàng Mỹ Phương	31	10	1988	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên môn GDCD	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD A			
1288	Trần Nguyễn Hoàng Khải	18	12	1988		01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
1289	Trần Văn Hoàn	15	9	1975		01/10/2008	01-10-2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	15 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		THUD B	Anh Đại học Pháp B		
1290	Vũ Hồng Diệu Lý	7	7	1988	x	01/12/2013	01-12-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Hoa Lư	UBND TP Thủ Đức	10 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh Đại học Pháp B		
1291	Đinh Thị Xuân Thanh	27	2	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THCS Hưng Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa Lý		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1292	Nguyễn Thị Hồng	10	1	1987	x	1/9/2009	1/9/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Hưng Bình	UBND TP Thủ Đức	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1293	Nguyễn Hoàng Anh	19	9	1984		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Hưng Bình	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1294	Phạm Thị Minh Quyền	05	01	1977	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND TP Thủ Đức	17 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học Kỹ sư Công nghệ thông tin Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm		GV THCS hạng II		Đại học	Anh C		
1295	Lương Thị Hiền	11	01	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Địa lí	Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND TP Thủ Đức	10 năm 4 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
1296	Đỗ Thị Bông	12	9	1984	x	10-01-2008	10-01-2009	Giáo viên môn khoa học tự nhiên	Trường THCS Linh Đông	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh Học		GV THCS hạng II		chứng chỉ A	Không có		
1297	Võ Thị Diễm Kiều	5	4	1984	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên Lịch sử - Địa lí	Trường THCS Linh Đông	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THCS hạng II		THUD A	Tiếng Anh B		
1298	Vũ Thị Thuý Vân	03	06	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Long Bình	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư - Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	Sơ cấp	GV THCS hạng III		Chứng chỉ A	Anh văn B		
1299	Võ Thanh Tông	09	10	1991		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Long Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Hoá học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		THUDC NTT	Anh văn B		
1300	Lê Diễm Thuý	12	9	1991	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THCS Long Bình	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân - Sư phạm Hoá học	Sơ cấp	GV THCS hạng III		THUDC NTT	Anh văn B		
1301	Bùi Thị Bích Trâm	10	10	1986	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	Trường THCS Long Phước	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Kinh tế gia đình	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh A2		
1302	Nguyễn Tấn Tài	9	10	1983		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Tin học	Trường THCS Long Phước	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học - Sư phạm tin học	Trung cấp	GV THCS hạng II		Cử nhân	Tiếng Anh B		
1303	Võ Thị Thùy Trang	12	12	1982	x	01/9/2012	01/03/2014	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Long Phước	UBND TP Thủ Đức	10 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh B1		
1304	Nguyễn Thị Thanh Sương	28	4	1985	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Long Phước	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.04.32	3	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1305	Lê Phạm Thanh Huyền	11	10	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	Trường THCS Long Trường	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THCS hạng II	không có	THUD A	Anh B		
1306	Trần Ngọc Đào	19	4	1991	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	Trường THCS Long Trường	UBND TP Thủ Đức	9 năm 6 tháng	V.07.04.12	2,72	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THCS hạng II	Trung cấp	THUD A	Anh B		
1307	Lê Anh Thủy	06	03	1984	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Âm nhạc	THCS Lương Định Của	UBND TP Thủ Đức	15 năm	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm âm nhạc	Cử nhân	GV THCS hạng II	Không	THUD B	Anh B		
1308	Phạm Phương Dung	06	04	1992	x	01/03/2014	01/03/2015	Giáo viên môn Toán	THCS Lương Định Của	UBND TP Thủ Đức	09 năm	V.07.04.32	3,99	Đại học sư phạm toán	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	THUD B	Anh B		
1309	Trần Kim Phương	25	01	1972	x	01/09/1998	01/07/1999	Giáo viên môn Ngữ văn	THCS Lương Định Của	UBND TP Thủ Đức	25 năm	V.07.04.32	4,65	Đại học Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II	Không	THUD B	Anh B		
1310	Nguyễn Thị Thanh Nga	07	09	1979	x	01/09/2002	01/03/2003	Giáo viên môn GDCD	THCS Lương Định Của	UBND TP Thủ Đức	22 năm	V.07.04.32	3,99	Đại Học Giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	THUD B	Anh B		
1311	Đoàn Trần Phụng Tiên	12	05	1974	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	THCS Lương Định Của	UBND TP Thủ Đức	10 năm	V.07.04.32	3,33	Đại học Ngữ Văn Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II	Không	THUD B	Trung		
1312	Đặng Thị Hiệp	27	10	1989	x	03-10-2016	01-07-2017	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Ngô Chí Quốc	UBND TP Thủ Đức	06 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Đại số và lí thuyết số	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B1		
1313	Lê Ngọc Thanh Tuyền	6	11	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Ngô Chí Quốc	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
1314	Nguyễn Phi Đăng	28	12	1972		01-09-1997	01-03-1998	Giáo viên môn Tin học	Trường THCS Ngô Chí Quốc	UBND TP Thủ Đức	26 năm 1 tháng	V.07.04.32	4,65	Đại Học -Kỹ sư Công nghệ thông tin - Chứng chỉ NVSP	Sơ cấp	GV THCS hạng II		ĐH	Anh B		
1315	Trần Thị Ngọc Dung	6	5	1977	X	09-01-2004	09-01-2005	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	18 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Âm nhạc	Trung cấp	GV THCS hạng II		Kỹ thuật viên	Anh B		
1316	Trần Thị Huế	15	3	1988	X	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	7 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán Lý Thạc sĩ - Toán Giải tích	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
1317	Trần Ngô Bảo Phước	5	12	1990	X	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
1318	Trần Thị Huyền	13	6	1988	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	9 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Kỹ sư kinh tế gia đình	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
1319	Lê Đỗ Hồng Phúc	21	3	1990	X	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Vật lý - KHTN	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
1320	Lao Thanh Phong	19	7	1988		09-01-2016	06-01-2017	Giáo viên môn Hóa học - KHTN	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	6 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Hóa Hữu cơ	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
1321	Đinh Thị Trúc Loan	26	6	1981	X	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B		
1322	Trần Thị Kim Tuyền	10	11	1983	X	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Nguyễn Thị Định	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh B		
1323	Nguyễn Thị Thanh Xoan	9	7	1981	x	01/09/2004	01/03/2005	Giáo viên môn ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	19 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Cử nhân sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		THUD A	Anh A		
1324	Phan Thị Lệ	23	6	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Âm nhạc	Trường THCS Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	15 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Cử nhân sư phạm âm nhạc		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1325	Lê Thị Yến	12	10	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	GV môn Sinh học	Trường THCS Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Sinh học		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1326	Nguyễn Thiên Thanh	28	4	1991	x	01/09/2012	01/09/2013	GV môn Địa lý	Trường THCS Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý		GV THCS hạng II		THUD A	Anh B		
1327	Nguyễn Thị Tuyết	25	2	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	GV môn Mĩ thuật	Trường THCS Nguyễn Văn Bá	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Mĩ thuật		GV THCS hạng II		THUD B	Anh B		
1328	Nguyễn Thị Thu Hằng	13	1	1989	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Tam Bình	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.04.12	3,66	Đại Học - Sư phạm Công nghệ		GV THCS hạng II		A	Anh B		
1329	Lê Nguyễn Diệu Qu	12	9	1989	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Tăng Nhơn Phú B	UBND TP Thủ Đức	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Công nghệ	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1330	Nguyễn Thị Thanh	01	02	1977	x	01-09-2007	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Tăng Nhơn Phú B	UBND TP Thủ Đức	16 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1331	Huỳnh Thị Thu Thá	23	01	1979	x	15-09-2000	01-04-2001	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Tăng Nhơn Phú B	UBND TP Thủ Đức	23 năm	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1332	Huỳnh Ngọc Quế T	02	7	1986		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Kỹ thuật Công nghiệp	Trường THCS Tăng Nhơn Phú B	UBND TP Thủ Đức	13 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
1333	Trần Thị Đông Trú	11	6	1979	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán học	Trường THCS Tăng Nhơn Phú B	UBND TP Thủ Đức	12 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 3		
1334	Nguyễn Thị Nguyệt	15	02	1990	x	01/08/2013	31/10/2014	Giáo viên môn Sử	Trường THCS Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THCS hạng II					
1335	Dương Thị Mỹ Linh	14	04	1990	x	11/01/2013	17/02/2014	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 03 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A			
1336	Trần Thị Hoàng Trâm	21	11	1989	x	11/01/2013	17/02/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Tân Phú	UBND TP Thủ Đức	11 năm 03 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B2		
1337	Lương Kiều Lê Thanh	11	08	1979	x	01/09/2000	01/03/2001	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	24 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
1338	Trần Bạch Thiện Duyên	01	08	1983	x	01/10/2005	01/4/2006	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	18 năm 1 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Văn	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
1339	Bùi Thị Thanh Huyền	08	06	1986	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	9 năm 9 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Công nghệ	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học B	Anh B		
1340	Ngô Thị Vân	05	08	1990	x	01/9/2013	01/6/2014	Giáo viên môn Văn	Trường THCS Thái Văn Lung	UBND TP Thủ Đức	9 năm 11 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Văn	Không	GV THCS hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
1341	Lê Thị Trang	21	8	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	14 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh-B		
1342	Bùi Thị Hồng Chuyên	25	8	1979	x	01/10/2001	29/8/2022	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	4,32	Đại học-Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh-B		
1343	Lê Thị Kim Hồng	24	10	1968	x	01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	15 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại học-Sư phạm Toán		GV THCS hạng II		A	Anh-B		
1344	Nguyễn Thị Thu Lan	26	7	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THCS Thạnh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-Sư phạm Anh	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Cử nhân Anh; Pháp A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1345	Phạm Thị Thu Hương	10	7	1988	x	03/9/2013	01/9/2014	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Thanh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	9 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học-Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh B		
1346	Trần Phạm Thanh Tùng	28	8	1984		01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THCS Thanh Mỹ Lợi	UBND TP Thủ Đức	17 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học-Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THCS hạng II		A	Anh-B		
1347	Nguyễn Hoàng Thu Thảo	01	10	1979	x	09-01-2002	03-01-2003	Giáo viên Công Nghệ	Trường THCS Trần Quốc Toàn.	UBND TP Thủ Đức	21 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,99	Kỹ sư Công công nghệ điện, điện tử		GV THCS hạng II		CNTTNC	B		
1348	Nguyễn Thị Kim Thanh	8	7	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND TP Thủ Đức	14 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Cao đẳng sư phạm KTCN-Đại học sư phạm kỹ thuật ngành Điện - Điện tử	Sơ cấp	GV THCS		CNTTNC	Anh B		
1349	Đặng Thị Xuân	10	5	1975	x	12-01-2003	03-01-2004	Giáo viên Địa Lý	Trường THCS Trần Quốc Toàn.	UBND TP Thủ Đức	20 năm 5 tháng	V.07.04.32	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa Lý		GV THCS hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 2		
1350	Lê Thị Dinh	6	6	1981	x	01/09/2005	01/02/2008	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND TP Thủ Đức	16 năm	V.07.04.32	3,66	Đại Học Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II	Trung cấp	IC3	Anh B		
1351	Nguyễn Thị Mai	8	10	1975	x	15-09-1996	04-01-1997	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND TP Thủ Đức	19 năm	V.07.04.32	4,65	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II	Trung cấp	IC3	Anh A2		
1352	Phạm Thị Lý	4	1	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66+ 13%	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THCS hạng II	Trung cấp	IC3	Anh A2		
1353	Thái Thị Bích Dung	15	1	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND TP Thủ Đức	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học- Kỹ sư điện -điện tử	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1354	Nguyễn Thị Thu Hiền	01	11	1987	x	01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS Trường Thạnh	UBND TP Thủ Đức	9 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ Bậc 3 (B1)		
1355	Mai Thị Thanh Nga	20	9	1979	x	20/9/2001	03-01-2002	Giáo viên môn KHTN, Tổ phó chuyên môn	Trường THCS Trường Thọ	UBND thành phố Thủ Đức	22 năm 6 tháng	V.07.04.32	4.32	Cao đẳng - Sư phạm Sinh-Hoá Cử nhân sư phạm Hoá Học	Trung cấp LLCT	GV THCS hạng II	Không	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
1356	Trần Đình Phụ	2	4	1982		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên bộ môn toán	Trường THCS Trường Thọ	UBND thành phố Thủ Đức	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Cử nhân sư phạm Toán Học Thạc sĩ Toán giải tích	Sơ cấp CT	GV THCS hạng II		Cao Đẳng	B1		
1357	Phan Thị Hoàn	18	5	1987	x	10-01-2011	08-01-2013	Giáo viên môn Kỹ thuật Nông nghiệp	Trường THCS Trường Thọ	UBND TP Thủ Đức	10 năm 8 tháng	V.07.04.32	3.33	Cao Đẳng - Sư phạm kĩ thuật nông nghiệp Đại Học - Kĩ sư nuôi trồng thủy sản	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1358	Vũ Hoàng Minh	6	7	1983		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THCS Trương Văn Ngự	UBND TP Thủ Đức	13 năm 7 tháng	V.07.04.32	3.66	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1359	Nguyễn Thị Việt Hoa	30	10	1991	x	02-01-2014	02-01-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THCS Trương Văn Ngự	UBND TP Thủ Đức	9 năm 3 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THCS hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1360	Nguyễn Thị Vĩnh An	03	11	1983	x	29/12/2006	08/10/2007	Giáo viên	Trường THCS Xuân Trường	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm kĩ thuật: kỹ sư kinh tế gia đình		GV THCS hạng II		CNTTCB	Tiếng anh B		
1361	Lê Thị Hòp	28	07	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trường THCS Xuân Trường	UBND TP Thủ Đức	12 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học nuôi trồng thủy sản		GV THCS hạng II		CNTTCB	Tiếng anh B		
1362	Vũ Kim Thu	02	09	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường THCS Xuân Trường	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm Địa lí		GV THCS hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng anh A		
1363	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	05	04	1982	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường THCS Xuân Trường	UBND TP Thủ Đức	11 năm 8 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học sư phạm kĩ thuật: kỹ sư công nghệ thông tin		GV THCS hạng II		CNTTCB	Tiếng anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng/ năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1364	Nguyễn Vương Vũ	23	1	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh A		
1365	Trần Phương Thúy An	5	1	1985	x	01/09/2006	01/09/2011	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Trường THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ Sinh học-Di truyền học	Sơ cấp	GV THCS hạng II		Tin học ứng dụng A	Anh Bậc 2		
1366	Võ Quỳnh Chi	27	8	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Lịch sử-Địa lý	Trường THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Anh B		
1367	Nguyễn Văn Điền	2	11	1986		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B1 Châu Âu		
1368	Trịnh Hồng Nhung	23	3	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	TTCM- Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THCS-THPT Suong Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THCS hạng II		CNNTCB	Chứng chỉ B1 Châu Âu		
1369	Nguyễn Minh Phước	30	7	1985		2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS - THPT Thanh An	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.14.32	3,33	Đại học -Sư phạm Hóa	Trung cấp	GV THCS hạng 2	Chứng chỉ QLNN	CNTHCB	Anh - Bậc 2		
1370	Lê Minh Nhựt	04	10	1979		1998	01/10/2010	Giáo viên môn Sử	Trường THCS - THPT Thanh An	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.14.32	4,32	Đại học - Sư phạm Sử	Trung cấp	GV THCS hạng 2	Chứng chỉ QLNN	CNTHN C	Anh - Bậc 2		
1371	Nguyễn Thị Hòa	05	10	1984	x	01/11/2012	01/11/2013	Giáo viên môn Nhạc	Trường THCS - THPT Thanh An	Sở GD&ĐT	10 năm 5 tháng	V.07.14.32	3,33	Đại học - Sư phạm Nhạc	Không	GV THCS hạng 2	Không	CNTHCB	Anh - Bậc 2		

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2024**

Cấp học: Trung học phổ thông

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-TCCB ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Quản Trọng Thúy Hải	28	9	1972	x	29/12/2006	29-12-2006	Giám đốc	Trung Tâm GDNN-GDTX Quận 3	Quận 3	18 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.65	Cử nhân Ngữ văn Anh - Thạc sĩ Quan hệ quốc tế	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Cử nhân Anh		Quyết định số QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	Nguyễn Thị Bình	5	2	1987	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên- Thư kí HĐ	Trung Tâm GDNN-GDTX Quận 3	Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân Ngữ Văn - Thạc Sĩ Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GVTHPT Hạng II		Trình độ B	B1 Châu Âu		
3	Hứa Thị Thùy Dung	8	9	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trung Tâm GDNN-GDTX Quận 3	Quận 3	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân Sư phạm Địa Lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ B	Anh văn cơ bản		
4	Trịnh Vũ Mỹ	4	9	1979		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trung Tâm GDNN-GDTX Quận 3	Quận 3	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Cử nhân KHXH ngành Lịch Sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ B	Anh B		
5	Ngô Thanh Phong	15	9	1986		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trung Tâm GDNN-GDTX Quận 3	Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.0	Cử nhân sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ B	Anh B		
6	Nguyễn Hữu Vinh	22	12	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung Tâm GDNN GDTX Quận 3	Quận 3	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Cử Nhân Chuyên ngành Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT HẠNG II		Trình độ A			
7	Vô Thị Minh Tư	28	3	1987	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.0	Cử nhân sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT HANG II		Trình độ B	Anh B		
8	Trần Kiều Tiên	01	01	1982	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT HANG II		Trình độ A	Anh A		
9	Nguyễn Kim Dung	11	4	1979	x	05-09-2002	01-09-2008	Giáo viên , Tổ trưởng tổ GDTX	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân Sư phạm ngành Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT HẠNG II		Trình độ A	Anh A		
10	Bùi Thị Tinh	12	10	1987	X	01-09-2009	01-09-2010	Phó Giám đốc	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THPT HẠNG II		Trình độ B	Anh B		
11	Chu Thùy Giang	20	6	1984	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân sư phạm Toán - Thạc sĩ LL&PP dạy học Toán	Sơ cấp	GV THPT HANG II		Trình độ A	B1 Châu Âu		
12	Nguyễn Thị Thu Phương	2	7	1984	x	01-08-2012	01-08-2014	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân sư phạm Sinh - Thạc sĩ Sinh Thái học	Sơ cấp	GV THPT HẠNG II		Trình độ A	Anh Văn C		
13	Ngô Xuân Ánh	8	9	1972		01/9/1994	01/9/1996	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	27 năm 6 tháng	V.07.04.32	4.98	Cử nhân kỹ sư kỹ thuật công nghiệp	Sơ cấp	GV THCS HẠNG II		Trình độ A	Anh A		
14	Trần Thị Kiều Phương	22	8	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 3	Quận 3	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân sư phạm Vật Lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ A	Anh A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
15	Đỗ Đức Thiện Phúc Dương	6	3	1978		09-01-1999	03-01-2000	Tổ trưởng Tổ GDTX	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	24 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		CNTT CB	A Anh		
16	Đặng Thị Huỳnh Lê	4	6	1977	x	09-03-2002	09-03-2003	Giáo viên môn Sinh học	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		A			
17	Dương Lê Thúy	4	10	1970	x	09-01-1998	09-01-1999	Giáo viên môn Hóa học	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+5% VK	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Cử nhân	GV THPT hạng II		A	B Anh		
18	Nguyễn Thị Thúy Nhài	30	10	1980	x	09-01-2004	09-01-2005	Giáo viên môn Toán	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán Tin	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	B Anh		
19	Lê Nguyễn	27	6	1986		09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Tin học	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tin học	Đang học Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học			
20	Hồ Lê Ngọc Tuyết	5	9	1986	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Kinh tế và pháp luật	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	B1 Anh		
21	Nguyễn Thị Lan	15	6	1989	x	08-01-2015	08-01-2016	Giáo viên môn Địa lý	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	08 năm 08 tháng	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B1 Anh		
22	Cao Vũ Phương	5	9	1991		07-01-2017	07-01-2018	Giáo viên môn Toán	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	06 năm 09 tháng	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	B Anh		
23	Đoàn Nguyễn Phương Thảo	4	9	1991	x	07-01-2017	07-01-2018	Giáo viên môn Ngữ văn	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7	UBND Quận 7	06 năm 09 tháng	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B1 Anh		
24	Phạm Minh Tùng	1	5	1967		01-01-1998	01-01-1998	Phó giám đốc	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 8	UBND Quận 8	26 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Văn - C		
25	Trương Bá Hải	26	6	1972		01/9/2005	01/9/2006	Giám đốc	TT GDNN-GDTX Q10	UBND Q10	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Sư phạm	Cao cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT	CC BD CBQL và CC Nhà nước, CC BD lãnh đạo, quản lý cấp Phòng	Chứng chỉ A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
26	Lê Văn Hùng	6	1	1987		01/9/2010	01/9/2011	Phó Giám đốc	TT GDNN-GDTX Q10	UBND Q10	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Đại học Sư phạm	Cao cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT	CC BD CBQL và CC Nhà nước, CC BD lãnh đạo, quản lý cấp Phòng	Chứng chỉ B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
27	Đoàn Ngọc Trí	29	2	1976		01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên	TT GDNN-GDTX Q10	UBND Q10	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ văn học, Đại học Ngôn ngữ học		Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT hạng II	Chứng chỉ Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý ngành GDĐT	Chứng chỉ B	B1 Anh Văn		
28	Thạch Mỹ Dung	15	12	1977	x	01/9/2000	01/3/2001	Giáo viên Sinh học	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	23 năm 02 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II (cấp ngày 28/8/2019)		A	Anh B		
29	Nguyễn Xuân Thảo	12	8	1974	x	01/9/1996	01/02/2000	Giáo viên Hoá học	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	24 năm 03 tháng	V.07.05.15	4,98+9 %	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II (cấp ngày 28/8/2019)		B	Anh B		
30	Cao Nhật Quỳnh	28	8	1982	x	01/9/2005	01/9/2006	Giáo viên Địa lý	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	17 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm ngành Sư - Địa		GV THPT hạng II (cấp ngày 02/10/2020)		CNNTCB	Anh B		
31	Vũ Đình Tuấn	23	3	1988		01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên Toán học	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	8 năm 09 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học; Thạc sĩ - Sư phạm Toán học (cấp ngày 02/4/2014)		GV THPT hạng II (cấp ngày 02/10/2020)		A	Anh B		
32	Thạch Mỹ Ngọc	03	12	1976	x	01/02/2010	01/02/2010	Giáo viên Hoá học	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	14 năm 03 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Hoá học; Chứng chỉ NVSP (cấp ngày 12/12/2014)		GV THPT hạng II (cấp ngày 28/8/2019)		A	Cử nhân tiếng Trung		
33	Phan Nữ Phương Dung	03	9	1988	x	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên Vật Lý	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	13 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Vật lý; Chứng chỉ NVSP (cấp ngày 22/06/2009)		GV THPT hạng II (cấp ngày 18/07/2019)		Kỹ thuật viên tin học	Anh B		
34	Châu Minh Thông	30	12	1986		01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên Toán học	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	UBND Quận 11	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II (cấp ngày 28/8/2019)		A	Anh B		
35	Lê Đức Phong	25	4	1979		01-09-2007	01-09-2008	Giám đốc	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ QLGD	Cao cấp chính trị	Giáo viên THPT	Giấy chứng nhận	KTV	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
36	Trần Thiện Hùng	1	1	1987		01/09/2009	01/09/2010	Phó giám đốc	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Hóa học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh - B1		
37	Nguyễn Thanh Thu Trang	6	10	1982	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ - Chuyên ngành Hóa phân tích	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		CC Ứng dụng CNTT	Anh - B1		
38	Hồ Nguyễn Hồng Thương	18	6	1981	x	24-11-2008	24-11-2009	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	14 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh - B1		
39	Lê Thị Diệu	20	5	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Kỹ thuật viên	Anh - B1		
40	Lê Thị Kiều Oanh	16	6	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		CC Ứng dụng CNTT	Anh - B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
41	Hồ Thị Hiền	20	5	1979	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ văn học - Chuyên ngành văn học Việt Nam	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B1		
42	Hoàng Thị Tâm	8	6	1985	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Địa lý học	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B1		
43	Nguyễn Thị Bích Thuận	29	6	1992	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	7 năm 9 tháng	V.07.05.15	3	Thạc sỹ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Toán	Trung cấp	Giáo viên THPT		Tin học ứng dụng trình độ A	Anh - B2		
44	Lê Thị Tuyền	7	12	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ - KHGD chuyên ngành lý luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng việt	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B1		
45	Lê Trường Trị	9	4	1986		01-05-2017	01-05-2018	TTCM	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	6 năm 0 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ khoa học máy tính	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Thạc sĩ	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
46	Bạch Anh Tú	2	4	1990		01-08-2013	01-08-2014	Tổ phó CM	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Sinh học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A	Anh - A		
47	Nguyễn Thị Lý	10	10	1984	x	31-12-2009	15-12-2010	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	13 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
48	Nguyễn Khoa Diệu Hà	19	8	1975	x	01-09-1904	01-09-2005	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B		
49	Vương Thị Thu Tường	15	1	1974	x	01-10-2008	01-10-2009	TTCM	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B		
50	Phạm Thị Kim Thoa	15	6	1986	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Tâm lý học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh - Tương đương B1		
51	Trương Thiện Long	30	1	1989		01/8/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Toán-Tin CC NVSP	Trung cấp	Giáo viên THPT		Tin học ứng dụng trình độ A	Anh - A		
52	Nguyễn Thị Hiền	13	2	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm chuyên ngành Giáo dục chính trị	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B		
53	Đỗ Thị Nương	18	3	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	TPCM	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
54	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	1	5	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B		
55	Nguyễn Quốc Dũng	2	8	1981		01/9//2012	01-09-2013	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
56	Nguyễn Thị Tâm	3	1	1982	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo Viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân khoa học Lịch sử Chứng chỉ NVSP	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
57	Phạm Cao Cường	15	6	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ toán học chuyên ngành Toán Giải tích	Trung cấp	Giáo viên THPT		Tin học ứng dụng trình độ A	Anh- B1		
58	Lại Thị Loan	20	7	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Cử nhân sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
59	Trần Thị Nguyên	10	4	1978	x	03-12-2006	16-03-2012	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	12 năm 1 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
60	Võ Trọng Đình	12	1	1981		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Toán	Trung cấp	Giáo viên THPT		CC Ứng dụng CNTTCB	Anh - A		
61	Nguyễn Thị Minh Trang	27	12	1990	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	UBND Q12	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Hóa	Trung cấp	Giáo viên THPT		Tin học ứng dụng trình độ B	Anh- B		
62	Bùi Thanh Long	20	8	1988		08/01/2014	08/01/2015	Giáo viên môn Hóa học	Trung tâm GDNN-GDTX quận Bình Tân	UBND quận Bình Tân	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hòa hữu cơ	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT	Lãnh đạo cấp phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
63	Nguyễn Thị Luyến	4	6	1981	x	01/09/2010	09-01-2011	Giáo viên môn Toán	Trung tâm GDNN-GDTX quận Bình Tân	UBND quận Bình Tân	13 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán Tin	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT hạng II		Đại học Sư phạm Toán - Tin.	Anh B		
64	Đặng Thị Tuyết Trinh	10	1	1982	x	09-01-2007	03-10-2009	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Trung tâm GDNN - GDTX quận Gò Vấp	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	15 năm 1 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm TP. HCM		Giáo viên trung học phổ thông (hạng II) cấp ngày 25/10/2018		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
65	Nguyễn Thanh Hiền	25	12	1976		1/9/2001	1/9/2002	Phó Giám Đốc, Giáo viên Địa lý	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Địa lý	Trung cấp		Cử nhân khoa học	THƯĐ A	Anh A		
66	Đào Hoàng Xuân	2	4	1969	X	11-01-1993	05-01-1995	Giáo viên Địa lý	TTGDNN-GDTX Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	29 năm	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh A		
67	Nguyễn Thị Xuân Mai	15	1	1975	X	17/8/1997	09-01-1999	Giáo viên Toán	TT GDNN - GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán	Sơ cấp			Cao đẳng	Anh B		
68	Nguyễn Trung Thiên	20	7	1966		1/9/2008	1/9/2009	Giáo viên Tin Học	TTGDNN-GDTX-PHÚ NHUẬN	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Tin học	sơ cấp			Đại học	Anh B		
69	Lê Thị Hoài Thu	8	2	1982	X	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN GDTX Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh B		
70	Phan Quang Tuyền	22	7	1987		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Toán	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán Giải tích.	Sơ cấp			Kỹ thuật viên	B		
71	Nguyễn Thanh Lương	29	3	1979	X	09-01-2001	09-01-2002	Giáo viên Toán	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Toán	Trung cấp			A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
72	Nguyễn Hoàng Khôi	29	12	1990		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Toán	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán ứng dụng	Sơ cấp			A	B		
73	Phan Thị Nga	12	10	1989	X	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Vật lý	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Sư phạm vật lý	Sơ cấp			A	B		
74	Hồ Trà Giang	21	12	1983	X	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên Lịch sử	TT GDNN - GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Lịch sử	Trung cấp			A	B		
75	Nguyễn Thị Khánh Ly	24	7	1982	X	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên Lịch sử	TT GDNN - GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		B	C		
76	Hoàng Văn Dũng	1	5	1990		31/7/2015	31/7/2016	Trợ lý thanh niên- GV GDKTPL	TT GDNN - GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp			B	B		
77	Lưu Thị Hồng Loan	25	12	1978	X	09-01-2007	09-01-2008	Giáo Ƨ viên Sinh học	TT GDNN-GDTX Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B		
78	Đào Châu Kim Ngọc	20	11	1988	X	08-01-2013	08-01-2014	Trưởng ban TTND-Giáo viên Hóa	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Hóa.	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UD CNTT CB	B		
79	Đinh Thị Kim Liên	15	4	1984	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Văn	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Ngữ Văn.	Sơ cấp			A	C		
80	Phan Thị Hiền Lương	19	8	1987	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên Văn	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngữ Văn.	Sơ cấp			A	B		
81	Bùi Thị Thu	10	6	1987	X	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên Vật lý	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư phạm Vật Lí	Sơ cấp			B	B		
82	Nguyễn Thị Sương Mai	18	3	1986	X	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Hoá	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hoá Hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		kỹ thuật viên	B		
83	Nguyễn Thanh Trúc	1	6	1985	X	08-01-2013	02-01-2015	Giáo viên Toán	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán Đại số	Sơ cấp			Cử nhân Toán Tin	TOEFL		
84	Phạm Thị Hồi	10	11	1987	X	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên Địa lí	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,69	Đại học sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	B		
85	Trần Quốc Dũng	23	4	1988		08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên Tin học	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Công Nghệ Thông Tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	B		
86	Phạm Bá Đạt	13	3	1967		09-01-1989	09-01-1990	Giáo viên Văn	TT GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	UBND quận Phú Nhuận	34 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B		
87	Nguyễn Thị Cẩm Loan	31	3	1982	x	01/11/2005	01/8/2015	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Bình	UBND quận Tân Bình	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa vô cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
88	Nguyễn Thị Thủy	08	5	1987	x	01/8/2009	01/8/2013	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Bình	UBND quận Tân Bình	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
89	Dương Thanh Thủy	15	10	1991	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Bình	UBND quận Tân Bình	10 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại Học - Kinh tế gia đình	Trung cấp	GV THCS hạng II		B	Anh B1		
90	Trần Minh Trung	01	6	1984		01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Bình	UBND quận Tân Bình	17 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại Học - Hệ thống thông tin quản lý	Trung cấp	GV THCS hạng II		Đại học	Anh B		
91	Đỗ Thiện Tri	21	5	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo Viên	Trung tâm GDNN-GDTX	Ủy ban nhân dân Quận 5	15 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư phạm Hoá học	Trung cấp	Giáo viên THPT		Trình độ B	Anh văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
92	Nguyễn Thị Kiều	25	9	1979	x	1/9/2002	1/9/2003	Phó Giám đốc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	UBND Quận Tân Phú	22N	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	Giáo viên THPT hạng II	Chuyên viên	THƯĐ	Tiếng Anh B1		
93	Nguyễn Thị Thanh Tú	4	2	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	12 năm 7 tháng	V.07.04.32	3,66	Kỹ sư - Công nghệ thực phẩm	Sơ cấp	GV THCS hạng II		B	Anh A		
94	Lê Thị Mai Trang	25	2	1978	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân - Sư phạm Lịch sử - Chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
95	Lê Thị Sáng	25	11	1982	x	01/10/2009	01/10/2009	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
96	Lý Thị Thư	8	10	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B		
97	Nguyễn Minh Nhựt	27	10	1967		01/09/2002	01/09/2003	Phó Giám đốc	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	B	Anh B1		
98	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	24	10	1979	x	01/10/2003	01/10/2004	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
99	Trần Tiến Sỹ	19	6	1984		01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên - Tổ phó	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trung cấp	Anh B		
100	Huỳnh Thị Diệu Hằng	4	9	1987	x	01-08-2015	01-08-2015	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX	UBND TP Thủ Đức	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Toán Đại số và Lý thuyết số	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
101	Hà Thanh Vân	13	11	1969	x	01-09-1988	01-09-1990	Giám đốc	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hoà nhập quận Tân Bình	Sở GD&ĐT	10 năm 13 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Quản lý Giáo dục Đại học Sư phạm Ngữ văn	Cao cấp	Đại học Sư phạm giáo dục đặc biệt	Chuyên viên	IC3	Anh C		
102	Trần Huỳnh Đại	21	1	1986		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn GDTC (Thế dục)	Trường THCS THPT Sương Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm GDTC Thạc Sĩ - Sư phạm GDTC	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
103	Võ Ngọc Lân	19	4	1984		09-01-2011	09-01-2012	TTCM- Giáo viên môn GDTC (Thế dục)	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử Nhân giáo dục thể chất Thạc Sĩ - giáo dục thể chất Cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng- B CC UDCNTT CB	Anh B		
104	Trần Thị Quy	28	4	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	TTCM- Giáo viên môn Lịch sử	Trường THCS- THPT Sương Nguyệt Anh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	CDNN GV THPT		CNTT B	Anh Bậc 2		
105	Nguyễn Bảo Ngọc	08	02	1981		01/09/2004	01/9/2005	Hiệu trưởng	Trường THCS - THPT Thạnh An	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.15.05	4,32	Thạc sĩ QLGD	Cao cấp	GV THPT hạng 3	Thạc sĩ QLGD, Chứng chỉ QLNN	CNTHCB	Anh - Bậc 3		
106	Nguyễn Văn Tranh	10	05	1977		01/09/2000	01/03/2001	Giáo viên Địa	Trường THCS - THPT Thạnh An	Sở GD&ĐT	23 năm 1 tháng	V.07.15.05	4,65	Đại học -Sư phạm Địa	Không	GV THCS hạng 2	Không	CNTHCB	Anh - Bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
107	Lê Thị Thanh Tuyền	08	09	1977	x	15/11/2000	01/06/2001	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THCS - THPT Thanh An	Sở GD&ĐT	22 năm 10 tháng	V.07.15.05	4,65	Đại học - Kỹ thuật nữ công	Không	GV THCS hạng 2	Không	CNTHCB	Anh - Bắc 2		
108	Nguyễn Thị Thanh Thúy	24	05	1979	x	22/09/2003	01/04/2004	Giáo viên môn GDCD	Trường THCS - THPT Thanh An	Sở GD&ĐT	20 năm 0 tháng	V.07.15.05	4,32	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Không	GV THCS hạng 2	Không	CNTHCB	Anh - Bắc 2		
109	Nguyễn Thị Hoa Huệ	13	2	1978	X	01/09/2001	01/09/2002	Hiệu trưởng	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh, Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục trường ĐH Sư phạm Huế	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục	A	Anh B1		
110	Nguyễn Văn Khoa	7	4	1978		01/09/2000	01/08/2008	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Vật lý, Thạc Sĩ -Quản lý Giáo Dục trường ĐH Sư phạm Huế	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc Sĩ - Quản lý Giáo Dục	UD.CNT TCB	Anh B1		
111	Đoàn Thị Kim Dương	27	6	1981	x	01/09/2003	01/09/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDDT ngày 11/07/2023)	Bồi dưỡng CBQL	A	Anh B		
112	Nguyễn Quốc Việt Cường	26	5	1979		01/09/2005	01/09/2006	Chủ tịch Công Đoàn, Tổ phó chuyên môn	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Thạc Sĩ Kỹ thuật Cơ khí trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Trung cấp	GV THPT hạng II	Bồi dưỡng CBQL	CNITTNC	Anh B		
113	Nguyễn Xuân Bảo	12	4	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
114	Võ Duy Phương	2	8	1987		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
115	Bùi Thị Mỹ Hạnh	11	6	1976	x	01/10/1998	01/10/1999	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	24 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
116	Nguyễn Thị Tâm	6	1	1976	x	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITTNC	Anh B		
117	Lê Thị Lùng	1	1	1974	x	01/09/1997	01/09/1998	Tổ Phó chuyên môn, giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+6 %	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
118	Nguyễn Thông Minh	16	11	1981		01/10/2002	01/04/2003	Tổ trưởng CM, giáo viên Thể dục	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	21 năm	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Thể dục thể thao, Thạc sĩ Giáo dục học trường ĐH Sư phạm Thể dục TP.HCM	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITTNC	Anh B1		
119	Lê Thu Trúc	20	2	1976	x	01/09/1997	01/08/2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh C		
120	Đặng Thị Kim Tuyền	1	3	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITTNC	Anh ĐH		
121	Vũ Ngọc Oanh Vũ	12	2	1980	x	01/10/2002	01/10/2003	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	20 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Bồi dưỡng CBQL	A	Anh ĐH		
122	Nguyễn Châu Phương Nhã	28	9	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDDT ngày 11/07/2023)		A	Anh ĐH		
123	Bùi Thị Mỹ Linh	23	11	1982	x	01/09/2005	01/09/2006	Tổ trưởng CM, giáo viên Ngữ văn	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ Văn học trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
124	Châu Thị Lệ Thanh	19	3	1977	x	01/09/2000	01/09/2001	Tổ trưởng CM, Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/07/2023)		A	Anh ĐH		
125	Tổng Thị Thanh Huyền	17	9	1979	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/07/2023)	Bồi dưỡng CBQL	A	Anh B		
126	Nguyễn Văn Hải	16	11	1983		01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Thể dục thể thao TP.HCM	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
127	Lê Ngọc Bích	27	10	1991	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	8 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ Hóa Hữu cơ - Trường ĐH khoa học tự nhiên TP.HCM	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
128	Lê Ngọc Hương	30	8	1981	x	01/09/2004	01/09/2005	Tổ trưởng CM, giáo viên GD&ĐT	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Giáo dục Chính trị	Sơ cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/07/2023)		A	Anh B		
129	Trần Thị Tiễn	10	10	1981	x	01/09/2005	01/10/2010	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT An Nhơn Tây	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT (Chương trình theo QĐ số 2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/07/2023)		A	Anh B		
130	Trần Ngọc Mai Thảo	07	11	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT An Lạc	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ - Ngôn ngữ học		GV THPT hạng II		CNITCB	Anh Bậc 3		
131	Đào Phương Thảo	2	11	1973	x	09-01-1998	09-01-1999	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	24 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 +7%	Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITNC	Anh bậc 3		
132	Nguyễn Thị Ngọc Lan	6	6	1977	x	09-01-2007	09-01-2007	TTCM/Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
133	Trần Lệ Oanh	16	8	1977	x	09-01-2001	09-01-2002	TTCM/Giáo viên môn Văn-GD&ĐT	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
134	Đinh Thị Tuyết Nhung	6	7	1979	x	09-01-2008	09-01-2009	TTCM/Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Cử nhân SP Địa lý		GV THPT hạng II		CNITCB	HSK3		
135	Nguyễn Thị Thor	25	10	1980	x	14/03/2005	14/03/2006	TTCM/Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	18 năm 01 tháng	V.07.05.15	3,99	ĐHSP - Vật lý		GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 2		
136	Trần Bá Trí	10	5	1989		09-01-2012	09-01-2013	TTCM/Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa, Thạc Sĩ - Lý luận và Phương pháp dạy Hóa học		GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
137	Lê Thị Ngọc Hạnh	2	10	1976	x	09-01-1998	09-01-1999	TTCM/Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	24 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 +7%	Thạc sĩ QLGD,Đại học- SP Sinh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
138	Võ Quốc Dũng	6	4	1975		10-01-1998	10-01-1999	TTCM/Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98 +6%	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
139	Trần Trung Tác	18	5	1976		09-01-1998	09-01-1999	TTCM/Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	24 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Thể dục thể thao, Cử nhân GDTC		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
140	Tô Võ Thái Dương	1	3	1985		09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Hồng Bàng - Cử nhân GDTC; Thạc sĩ GD học		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
141	Lê Thị Hương	22	7	1981		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học Địa lí		GV THPT hạng II		CNNTCB	Đại học		
142	Đặng Tiến Vương	12	3	1985		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm GDTC, Thạc Sĩ - GDTC		GV THPT hạng II		CNNTCB	Đại học		
143	Phạm Thị Thương	5	4	1985	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Văn học Việt nam		GV THPT hạng II		CNNTCB	C		
144	Quang Ngọc Sơn	23	11	1975		09-01-1999	09-01-2000	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 +5%	Đại học - Kỹ sư kỹ thuật công nghiệp	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Đại học		
145	Ngô Thanh Huyền	14	11	1981	x	09-01-2004	09-01-2005	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hóa, Thạc Sĩ - Lý luận và Phương pháp dạy Hóa học		GV THPT hạng II		CNNTCB	C		
146	Vũ Thị Hoài Thanh	25	2	1987	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Bà Điểm	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	ĐHSP - Cử nhân SP Vật lý		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 2		
147	Hà Thị Phương	23	9	1981	x	01/9/2003	01/9/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II	CCBD CBQL; CCBD Hiệu trưởng Trường PT	CNNTCB	Anh B1		
148	Lê Thị Vui	20	10	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn GDCD	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm GDCT Thạc sĩ - Triết học	Trung cấp	GV THPT		Tin học A	Anh B		
149	Thái Thị Thủy	21	11	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Cử nhân Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT	CCBD CBQL	CNNTCB	Anh B1		
150	Nguyễn Thị Huỳnh Loan	20	7	1976	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn GDCD	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Cử nhân Luật Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B		
151	Nguyễn Thị Thủy Uyên	24	3	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT	CCBD CBQL	Tin học A	Anh B		
152	Phan Đình Trung	01	7	1984		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Tin học	Trường THPT Bình Chiểu	Sở GD&ĐT	15 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THPT	CCBD CBQL	Đại học	Anh B		
153	Nguyễn Duy Bình	19	12	1974		09-01-2003	09-01-2004	Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Toán Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy toán	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý THPT	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
154	Phạm Lan Anh	23	03	1989	x	01/08/2011	08-01-2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	12 năm 4 tháng	V07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm địa lí Thạc sĩ - Địa lí	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý THPT	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
155	Nguyễn Thị Ánh Nhân	26	06	1991	x	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm tiếng Anh	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý THPT	UD CNTT cơ bản	Anh văn Đại học Chứng chỉ B tiếng Hoa		
156	Nguyễn Thị Thu Phương	07	03	1979	x	01/01/2002	01/01/2003	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	22 năm 3 tháng	V07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Toán; Thạc sĩ - LL và PPDH Toán	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	CNNTCB	Anh văn trình độ C		
157	Phạm Thị Liễu	04	07	1975	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V07.05.15	6	Đại học- sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	A	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
158	Lê Trần Ngọc Hiền	28	02	1993		01/8/2016	01/8/2017	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V07.05.15	3.0	Đại học - Sư phạm thể chất Thạc sĩ - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Sơ cấp	Ứng dụng CNTT Nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
159	Nguyễn Hải Đăng	26	06	1982		01/8/2013	01/8/2014	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Vật lý	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Trung cấp	CC THUD Cơ bản	B1 châu Âu		
160	Phạm Thị Kim Xuyên	02	08	1994	x	01/08/2016	01/08/2017	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V07.05.15	3.0	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Sinh thái học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Sơ cấp	Ứng dụng CNTT nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
161	Nguyễn Đình Đông	07	08	1981		01/08/2013	01/08/2013	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm GDCT Thạc sĩ - Chính trị học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLHCNN	Tin học B	B1 khung tham chiếu châu Âu		
162	Diệp Thị Thu Nga	05	09	1983	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm vật lý Thạc sĩ - Phương pháp dạy học Vật lý	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Tin học ứng dụng cơ bản	ANH C		
163	Cao Thị Nhân An	30	7	1986	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Văn học nước ngoài	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	A, UDCNTT CB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
164	Phan Thế Hoài	15	9	1981		08-01-2013	08-01-2013	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Đại học - Ngữ văn Thạc sĩ - Ngôn ngữ học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B1		
165	Nguyễn Như Thuận	04	08	1985		08-01-2013	08-01-2013	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Đại học sư phạm Lí; Thạc sĩ - Quang học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Chứng chỉ Tin học cơ bản	Bậc 3		
166	Trần Thị Thanh Vy	22	01	1982	x	1/8/2013	1/8/2013	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Đại học- Sư phạm Hoá Thạc sĩ- Hoá phương pháp	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý THPT	B	Cử nhân		
167	Nguyễn Thị Lan	08	06	1989	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm lịch sử Thạc sĩ-Lịch sử thế giới	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	B	B		
168	Nguyễn Thị Minh Trâm	01	04	1987	x	01/08/2011	01/08/2012	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Sinh	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Ngôn ngữ Anh (văn bản 2)		
169	Đào Thị Thu Mai	07	12	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Vi sinh vật học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Đại học - Ngôn ngữ Anh		
170	Nguyễn Ánh Kim Dung	11	01	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân Tiếng Anh	không	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	B	B		
171	Lê Văn An	16	10	1986		1/8/2013	1/8/2014	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm kĩ thuật Thạc sĩ - Kỹ thuật cơ khí	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	B	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
172	Nguyễn Ngọc Hưng	17	10	1986		01/09/2011	01/09/2012	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V07.05.15	3.66 + 11%	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản	Đại học - Ngoại ngữ Anh		
173	Nguyễn Như Vũ	18	02	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	TPCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Toán	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Chứng nhận hoàn thành khoá học Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý giáo dục cho CBQL THPT	Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh B1		
174	Nguyễn Thị Tiên Nhựt	24	4	1975	x	01/03/1999	01/03/2000	TPCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	25 năm 1 tháng	V07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Vật lý kỹ thuật	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Không	Cơ bản	B		
175	Nguyễn Công Tâm	10	09	1983		01/09/2007	01/09/2008	TTCM	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	13 năm 4 tháng	V07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Tin học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng GV THPT hạng II	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cử nhân	B - Anh văn		
176	Hoàng Thị Phương Thảo	9	5	1989	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	Trường THPT Bình Hưng Hòa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Không	GV THPT hạng II	Không	CNTT A	Anh Bậc 6		
177	Phùng Thị Bích Liễu	15	2	1975	x	15/12/1998	15/12/1998	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	25 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	Chỉ có giấy xác nhận đã học CDNN		CNTTCB	Anh B1		
178	Nguyễn Thị Vân	21	8	1978	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	21 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh B1		
179	Bùi Thị Kim Vui	23	6	1975	x	01/09/1999	01/03/2000	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	24 năm 1 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT		B	Anh Bậc 3		
180	Lê Thị Phương Dung	18	4	1975	x	10/9/1996	01/9/1998	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		
181	Hồ Trung Hậu	16	11	1975		20/8/1996	01/9/1998	Giáo viên môn Tiếng Anh, TTCM	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		
182	Nguyễn Tất Thành	31	1	1982		09-01-2004	09-01-2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT		A	Anh B1		
183	Đoàn Thị Ngọc Trinh	10	8	1984	x	09-01-2007	09-01-2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh B1		
184	Võ Trường Giang	30	3	1986		01-10-2007	01-10-2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Toán – Tin học	Trung cấp	GV THPT		A	Anh B		
185	Cù Thị Tuyết	29	5	1975	x	20/08/1996	01/09/1998	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 7%	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT		A	Anh B		
186	Đinh Thị Hoàng Yến	14	10	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Đại số và Lý thuyết số	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		
187	Lê Mai Nguyễn Phương	20	9	1976	x	20/08/1998	01/01/2000	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	24 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Tiếng Anh		GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		
188	Nguyễn Thị Kim Thanh	25	7	1981	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Vật lý	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh B1		
189	Hồ Thị Phương Dung	8	4	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		
190	Phạm Ngọc Thảo	1	7	1982		01/01/2007	01/01/2008	Giáo Viên môn Hoá Học	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	17 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Sư Phạm Hoá Học	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh B		
191	Phạm Thị Kim Thanh	22	4	1973	x	15/08/1994	02/04/1997	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	27 năm	V.07.05.15	4.98 + 7%	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Đại học		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
192	Lê Quan Bình	14	3	1981		01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm kỹ thuật	Trung cấp	GV THPT		Chứng chỉ B	Anh B		
193	Phạm Thị Hoàn	23	7	1987	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên tham vấn tâm lý học đường	Trường THPT Bình Khánh	Sở GD&ĐT	8 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ-Tâm lý học trường học	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh bậc 3		
194	Nguyễn Xuân Đức	31	8	1967		01-09-1991	01-08-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 +13%	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT NC	Anh Bậc 3		
195	Nguyễn Phú Tân	21	02	1976		01-09-1999	01-09-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 +5%	Đại Học - Sư phạm Toán Thạc Sĩ - Toán Giải tích	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT NC	Anh Bậc 3		
196	Hồ Thị Xuân Phương	21	01	1979	x	01-09-2009	01-09-2013	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán Thạc Sĩ - Toán Giải tích	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
197	Trần Ngọc Thạch Đông	01	11	1978		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
198	Lưu Thị Ngọc Trâm	20	8	1992	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Toán Thạc Sĩ - Toán Giải tích		GV THPT hạng II		A	TOEIC 655		
199	Hồ Thị Thanh Luông	24	6	1987	x	15-09-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II		B	Anh Bậc 3		
200	Lê Hoàng Lạc Thủy	10	12	1972	x	01-09-1995	01-09-1995	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 +10%	Đại Học - Cử nhân Khoa học (chuyên ngành Hóa học)		GV THPT hạng II		Tin học cơ bản	ĐH Anh		
201	Đỗ Thị Hoa Sen	08	01	1973	x	01-12-1999	01-12-1999	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	24 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98 +5%	Đại Học - Cử nhân Khoa học (chuyên ngành Sinh vật)	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
202	Nguyễn Thị Hồng Thái Duy Thương	19	5	1977	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 +5%	Đại Học - Cử nhân Khoa học (chuyên ngành Ngữ văn)		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
203	Vũ Thị Thu Trang	13	11	1984	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử nhân Khoa học (chuyên ngành Ngữ văn)	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II	QLHCNN và QL ngành GDDT	UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
204	Tạ Tiến Tuấn	16	7	1984		01-09-2007	01/09/2008	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử nhân Khoa học (chuyên ngành Ngữ văn)			QLHCNN và QL ngành GDDT	Tin học đại cương	Anh - Cử nhân		
205	Nguyễn Thiện Thanh	23	01	1975	x	01-09-2001	01-09-2006	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Cử nhân ngoại ngữ (chuyên ngành Tiếng Anh)		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
206	Châu Thành Nhân	04	12	1982		01-09-2003	01-09-2003	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ - Giáo dục thể chất	Trung cấp LLCT-HC	Tiêu chuẩn CDNN		A	Anh B		
207	Lưu Văn Xiêm	15	5	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân - Giáo dục thể chất	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh Bậc 3		
208	Mạc Thị Vân Thư	04	12	1982	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Tin học	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II			IELTS 6.0		
209	Bùi Thị Út Hiền	06	04	1983		01-09-2008	18-08-2010	Giáo viên	Trường THPT Bình Phú	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,6	Đại học - Cử nhân CNTT		GV THPT hạng II			TOEIC 285		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
210	Đoàn Thị Thu Hoài	27	09	1975	x	01/09/2001	01/09/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	23 năm	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Tp.HCM môn Ngữ văn Thạc Sĩ - Lí luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Văn và Tiếng Việt.	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
211	Lư Nguyễn Phương Vũ	23	3	1980	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lí Thạc Sĩ - Vật lí Chuyên ngành Quang học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh văn B1		
212	Phan Thị Thu Thảo	19	12	1982	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Văn học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Văn học Thạc Sĩ - Ngôn ngữ học		GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B1		
213	Ngô Thị Hoài Trang	3	12	1977	x	01-09-2010	01-09-2011	TTCM	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	13 năm 5	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Tin học		GV THPT hạng II		Cử nhân	CC B Anh văn- Trường ĐH Sư phạm		
214	Nguyễn Thị Hương	8	7	1976	x	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên GD&ĐT	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT TPHCM	24 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,98+6 %	Đại học - Triết học +chứng chỉ lý luận dạy học và giáo dục.		GV THPT hạng II		A	B		
215	Hoàng Minh Hải	15	9	1982		01-01-2006	01-01-2007	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	17 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THPT		THƯỞ A	Anh B		
216	Nguyễn Thị Hồng Loan	23	9	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		A	B		
217	Nguyễn Thị Thom	18	8	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	TTCM	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh TĐ B		
218	Phạm Hiền Trang	28	9	1980	x	15/11/2002	12-01-2003	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	21 năm 5 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		CC CNTT CB	Anh B		
219	Hồ Thanh Xuân	14	12	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Sinh học, chuyên ngành Sinh lý thực vật	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ BD CBQL	A	TOELF 460		
220	Phạm Đình Duy	7	8	1986		01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm thể dục				Công nghệ thông tin cơ bản	Anh B		
221	Lê Trung Hiếu	13	3	1988		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm thể dục				Công nghệ thông tin cơ bản	Anh B		
222	Nguyễn Thị Thu Hường	24	4	2024	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học Sài Gòn - Sư phạm Hoá học		GV THPT hạng II		CNTTNA	Anh B		
223	Nguyễn Phi Hồ	29	1	1976		01/10/1998	01/10/1999	TTCM	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98+6 %	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTC A	B		
224	Lưu Thuận Tuấn	6	2	1994		01-08-2016	01-08-2016	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	7 năm 0 tháng	V.07.05.15	3.00	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH bộ môn Toán		GV THPT		THƯỞ A	Anh B1		
225	Nguyễn Ngọc Long	8	1	1982		01-07-2007	01-07-2008	Giáo viên môn Công Nghệ	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	13 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học-kỹ sư điện tử, truyền thông		GV THPT hạng II		CNTTNB	CNNN B		
226	Nguyễn Đức Thuận	11	2	1990		01-08-2012	01-10-2013	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Đại học sư phạm thể dục thể thao thành phố HCM Cử nhân - Giáo dục thể chất		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng A	Anh B		
227	Nguyễn Thị Minh Huệ	28	4	1979	x	05/09/2003	05/09/2004	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	14 năm	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa lí Đại học Luật; Thạc sĩ Luật; Đại học Ngôn ngữ Anh; Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II	CCBD CBQL	Tin học ứng dụng A	Bằng Cử nhân Đại học Anh		
228	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	16	4	1986	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	12 năm	V.07.05.15	3,66	Đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	Trung cấp		CCBD QLGD	Tin học ứng dụng A	Bằng Cử nhân Đại học Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
229	Nguyễn Anh Quang	2	12	1968		01/09/1990	01-09-1992	Tổ trưởng chuyên môn GDTC	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	32 năm	V.07.05.15	4,98+1 0%	Đại Học Sư phạm TĐTT TP.HCM		Cao cấp - Cử nhân	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 3	
230	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	30	12	1981		01/08/2012	01/08/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Giáo dục học- Giáo dục thể chất			GV THPT hạng II		Tin ĐH	Anh Bậc 4	
231	Nguyễn Ngọc Thanh	14	1	1987	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học- Sư phạm Địa lí	Sơ cấp		GV THPT hạng II		CCTHUD trình độ B	CCNNTA trình độ B	
232	Nguyễn Thị Huyền	04	11	1984		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn GDCD	trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT TP.HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân khoa học			GV THPT		CNTTCB	Bằng B tiếng Anh	
233	Nguyễn Vũ Văn Anh	19	1	1975	X	04-09-1998	01-11-1999	Giáo viên Sinh Học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	24 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học Sư phạm Sinh học			GV THPT hạng II		Trung cấp	Anh B	
234	Hoàng Thị Hiền	9	5	"1985	X	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên môn vật lí	THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm vật lí			GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B	
235	Hồ Thị Lương	21	2	1985	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Bình tân	Sở GD&ĐT	12 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Sư phạm Tin học			GV THPT hạng II		Cử nhân		
236	Dương Lệ Mẫn	13	7	13/7/19 81	x	01/09/2003	03-01-2004	Tổ trưởng chuyên môn Địa Lí	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	20 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,65	Dại Học - Sư phạm Địa Lí Thạc Sĩ - Địa Lí học	Sơ cấp		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh - ĐH	
237	Đoàn Minh Mẫn	1	6	1985		01/09/2011	01/09/2011	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Sơ cấp		GV THPT hạng II	Không	CNTTCB	Anh Bậc 2	
238	Trần Thái Hà Xuân	14	8	1985	x	12-01-2007	12-01-2008	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	15 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Trung cấp		GV THPT hạng II	Không	CNTTCB	Anh Bậc 2	
239	Nguyễn Thị Yên Hoa	2	9	1982	X	15-08-2011	15-08-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Ngữ văn			GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Chứng chỉ B	
240	Lương Ngọc Nhật	12	3	1986		01/11/2012	01/11/2013	TTCM Tổ Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT TP.HCM	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học KHTN Thạc Sĩ - Đại Số Và Lý Thuyết Số	Sơ cấp		GV THPT hạng II		CNTTCB	Chứng Chi Tiếng Anh Bậc 3	
241	Phạm Thị Kim Loan	26	7	1977	x	05/09/1998	05/09/1999	Giáo viên	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngữ văn (Ngôn ngữ học so sánh)	Sơ cấp		GV THPT hạng II		Kĩ thuật viên Tin học	Hoa B	
242	Lê Thị Tâm Hoài	22	12	1979	x	01/09/2003	01/09/2004	TTCM Ngữ văn	Trường THPT Bình Tân	Sở GD & ĐT TP HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ	Trung cấp		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1	
243	Trần Thị Nhung	1	11	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học- Sư phạm Địa lí	Sơ cấp		GV THPT hạng II		CCTHUD trình độ A	CCNNTA trình độ B	
244	Huỳnh Văn An	10	6	1986		05-01-2018	05-01-2019	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	5 năm 0 tháng	V.07.05.15	2,67	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích			GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH	
245	Phạm Thị Thuý Chung	10	2	1987	x	06-09-2010	06-09-2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư Phạm Sinh học			GV THPT hạng II		Chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ kĩ thuật viên Tin học	Trình độ B	
246	Trần Thị Hằng	19	9	1980	x	05-10-2007	05-10-2008	Giáo viên môn Toán học	THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học _Cử Nhân Toán Tin					Đại học	Anh Văn	
247	Trần Thị Thắm	2	4	1983		01-09-2005	00/08/2012	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc Sĩ - Ngôn Ngữ Học Ứng Dụng	Sơ cấp		GV THPT hạng II		CNTTCB	Thạc sĩ	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
248	Nguyễn Thị Thu Trang	25	6	1977		01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ -Toán Giải Tích	Trung cấp LLCT-HC	GV THPT		THƯỞNG A	Anh B1		
249	Tô Đức Kiên	4	6	1988		01-09-2011	01-09-2012	GIÁO VIÊN	Trường THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục quốc phòng an ninh		GV THPT		TÍN CHỈ B	TÍN CHỈ B		
250	Huỳnh Thị Ngọc Loan	20	10	1985		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học				A	Anh - TOEFL Ibt		
251	Trần Thị Xinh	05	3	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	12 năm	V.07.05.15	3,33	Đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp			Tin học ứng dụng B	Bảng Cử nhân Đại học Anh		
252	Trần Thị Hà	7	10	1993	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTTCA	B1		
253	Lý Thị Thảo	10	8	1977		01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa Học	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa Học		GV THPT		THƯỞNG A	Anh B1		
254	Đặng Thị Thu Doan	13	8	1990	x	01-08-2016	01/05/2017	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ chuyên ngành Việt Nam học		GV THPT hạng II	C	B	B1		
255	Lê Đình Nghĩa	15	12	1986		01/09/2008	01/09/2009	giáo viên bộ môn Toán	Trường THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT TPHCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ Toán - đại số và lý thuyết số		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B1		
256	Phạm Thị Thu Thủy	10	10	1987	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT BÌNH TÂN	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Chứng chỉ B		
257	Phan Văn Tuấn	22	2	1980		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên Lịch Sử kiêm Trợ Lý Thanh niên	THPT Bình Tân	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Vinh Thạc Sĩ - Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II	CCQLNN	CNTTCB	CC Anh văn B		
258	Huỳnh Thanh Phú	18	10	1968		01-09-2007	01-09-2007	Hiệu trưởng	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Chuyên viên	Tin học ứng dụng cơ bản	Anh B2		
259	Nguyễn Duy Tâm	1	10	1980		01-09-2004	01-09-2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II	Không	Đại học	IELTS 5.5		
260	Trần Trọng Nghĩa	2	8	1982		01-09-2008	01-09-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân Vật lý	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	Trình độ A	Trình độ A		
261	Trần Ngọc Hữu Phước	22	3	1987		01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	12 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	Mos Powerpoint, Chứng chỉ tin học trình độ B	IELTS 7.0		
262	Đặng Thị Thanh Mai	25	11	1983	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên THPT	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II	Không	Mos	Toefl		
263	Nguyễn Ái Trà My	12	5	1980	x	05-09-2007	05-09-2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	16 năm	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	Tin học cơ bản	Đại học Tiếng Trung		
264	Đoàn Thúy Nga	1	4	1972	x	05-09-1995	01-09-1996	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	27 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân Sinh học	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	Chứng chỉ A	Bảng B (tiếng Pháp)		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
265	Phạm Ngọc Thùy An	25	4	1991	x	10-08-2013	10-08-2014	PTLTN. TBTTND. BTCĐGV	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	10 năm	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Hoá học	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	Trình độ A	Trình độ A		
266	Tăng Thị Bích Vân	10	10	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Tổ phó chuyên môn tổ Vật Lý	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Thạc sỹ	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	Bằng B tin học, bằng MOS powerpoint	Bằng C ngoại ngữ		
267	Huỳnh Thanh Tâm Minh	29	11	1993	x	15-08-2015	15-08-2016	Tổ Phó Chuyên môn Tổ Tiếng Anh	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.0	Thạc sĩ	Trung cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	Bằng A tin học	Thạc sĩ tiếng Anh, HSK3 tiếng Hoa		
268	Phạm Thị Luyến	26	11	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân chính trị	Sơ cấp	CC Bồi dưỡng GV THPT	Không	A	A		
269	Lê Thanh Phúc	2	2	1985		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	A	IELTS		
270	Vô Duy Thái	6	5	1988		01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường THPT Bùi Thị Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	B	TOEIC 550		
271	Lương Văn Minh	11	11	1978		01-10-2002	01-09-2023	Hiệu trưởng	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Dại học - Sư phạm Sinh học - KTNN Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B1		
272	Ngô Văn Hội	5	6	1987		01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Dại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
273	Nguyễn Thị Yến	21	2	1978		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Dại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh A		
274	Nguyễn Thị Thu Trúc	7	4	1975		01-09-1997	31-08-1998	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B		
275	Nguyễn Thị Nguyệt	3	5	1986	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Dại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
276	Huỳnh Văn Thành	5	9	1976		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	23 năm 2 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh C		
277	Nguyễn Quốc Luyện	20	9	1977		01-09-2000	26-12-2001	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh C		
278	Huỳnh Thị Tuyết	23	5	1976	x	01-09-1998	10-12-2000	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh C		
279	Đinh Thị Hồng Thanh	26	12	1974	x	15-08-1997	31-08-1998	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B		
280	Lê Thị Ninh	3	11	1981	x	01-09-2005	01/09/2006	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Dại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
281	Đoàn Thị Thu Vân	26	1	1985	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Dại học - Sư phạm Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh ĐH		
282	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	15	10	1978	x	01-12-2000	01-12-2001	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	22 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Dại học - Sư phạm Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Nga B		
283	Trần Quốc Toàn	4	3	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Dại học - Sư phạm Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
284	Nguyễn Ngọc Lan	5	12	1988	x	28-12-2011	29-03-2018	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	6 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,66	Dại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
285	Nguyễn Diên Tin	10	10	1977		15-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Dại học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
286	Vũ Thị Thanh	9	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh B		
287	Ngô Văn Tân	15	5	1986		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh C		
288	Lê Thị Bích Vân	16	11	1971	x	15-08-1997	31-08-1998	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
289	Mai Thanh Hiền	5	10	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh B		
290	Trần Quốc Toàn	20	2	1978		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Thể dục Thể thao	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
291	Nguyễn Trường An	11	6	1798		16-09-2002	17-09-2003	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Thể dục Thể thao	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
292	Nguyễn Thị Phương	19	9	1987	x	01-09-2011	01-09-2022	Giáo viên	Trường THPT Cần Thạnh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật (Công nghệ)		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
293	Trương Thị Thu Trang	10	6	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	TTCM, Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Tin học, Thạc sĩ - Quản kí giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
294	Nguyễn Văn Dương	15	9	1984	x	01/09/2010	01/09/2011	TLTN, Giáo viên môn GDKTPL	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tâm lý giáo dục, Thạc sĩ - Triết học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
295	Phạm Thùy Trang	14	5	1989	x	01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
296	Phạm Xuân Tiến	29	10	1987		01/09/2010	01/09/2011	TTCM, Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học -Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
297	Lê Thị Mộng Thuần	15	5	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Vật lý, HĐTNHN	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư phạm Vật lý, Thạc sĩ - Vật lý hạt nhân	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
298	Huỳnh Thị Thanh Hương	4	5	1979	x	01/09/2004	01/09/2005	TTCM, Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Cử nhân Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
299	Trần Thị Thanh Quang	28	9	1981	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư Phạm Ngữ Văn; Thạc sĩ - Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam (Văn học Việt Nam)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
300	Nguyễn Ngọc Lan Hương	2	2	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	TTCM, Giáo viên môn Tin học, HĐTNHN	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Kỹ sư Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh Toeic 535 (Anh bậc 3)		
301	Đào Thị Mỹ Trung	25	12	1981	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học, Thạc Sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh, Toefl		
302	Trần Thị Thảo Uyên	6	5	1983	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
303	Mai Hồng Trang	2	1	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Hóa học, HĐTNHN	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ - phương pháp giảng dạy môn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
304	Nguyễn Anh Tuấn	30	10	1984		01/09/2009	01/09/2010	TTCM, Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
305	Huỳnh Ngọc Tài	2	6	1982	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ - phương pháp giảng dạy môn Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
306	Trần Ngọc Nữ	10	2	1976	x	04/09/1999	04/09/2000	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Củ Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98 + 5%	Đại học Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
307	Trần Thị Ngọc Phú	4	7	1980	x	01/09/2002	01/09/2003	TTCM, Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Cù Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp giáo dục tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh Cao học		
308	Lê Phúc Công	14	8	1987		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Cù Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư Phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
309	Trần Thị Nga	15	8	1983	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Cù Chi	Sở Giáo dục và Đào tạo	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán Tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
310	Nguyễn Quốc Cường	10	01	1978		01/09/2005	01/9/2006	Giáo viên môn Tiếng Trung	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm tiếng Trung Quốc	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
311	Vũ Thị Thu Dung	16	12	1980	x	1/9/2004	1/9/2005	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B1		
312	Trần Thị Đông Hà	04	11	1969	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học Sư phạm Vật lý, Thạc sỹ Quang học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B1		
313	Nguyễn Hoàng Hạ	25	12	1981	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học-Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ Hoá Vô Cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh văn sau Đại Học		
314	Trần Thị Kim Hạnh	06	10	1973	x	05/4/1995	05/04/1995	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	28 năm 11 tháng	V.07.05.15	4,98 +6%	Đại học- Sư phạm Văn, Tiến sĩ Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B2		
315	Vũ Thị Hồng Hạnh	25	04	1977	x	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên môn Toán	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 5%	Đại học-Sư phạm Toán, Thạc sĩ - Toán Giải Tích	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	Pháp C		
316	Huỳnh Lê Trung Hậu	14	09	1976		08/09/1997	01-03-1998	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	25 năm 11 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại học-Giáo dục Thể chất, Thạc sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B1		
317	Nguyễn Hải Hiếu	30	3	1978		01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học-Sư Phạm Giáo dục thể chất, Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B1		
318	Nguyễn Lê Thúy Hoa	15	08	1971	x	01/03/1994	01/03/1996	Giáo viên môn Toán	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	27 năm 11 tháng	V.07.05.15	4.98 + 10%	Đại học-Sư phạm Toán, Thạc sĩ Khoa học (Toán)	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học B, CNTTCB, CNTTNC	Anh B1		
319	Nguyễn Thị Hồng	05	11	1983	x	01/10/2006	02/10/2007	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Vật lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
320	Bùi Thị Ngọc Huyền	16	3	1991	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Anh, Thạc sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng với TESOL	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Pháp A2		
321	Nguyễn Thị Bích Huyền	07	12	1978	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Giáo dục Kinh tế- pháp luật	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 5%	Đại học-Sư phạm Giáo dục chính trị, Thạc sĩ Chính trị học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin A	Anh B1		
322	Nguyễn Thị Lắm	12	04	1976	x	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại học-Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
323	Hoàng Thị Mỹ Linh	12	02	1990	x	01/08/2016	01/05/2017	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	6 năm 10 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học-Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	TOEIC 605		
324	Nguyễn Đức Lợi	15	02	1971		01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học-Công nghệ thông tin	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
325	Trần Hồng Nghĩa	12	02	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học-Sư phạm Vật lý, Thạc sĩ Quang học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
326	Lê Quang Nghĩa	30	8	1969		01/11/1998	01/11/1999	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	24 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.98 + 7%	Đại học-Sư phạm Giáo dục thể chất, Thạc sĩ khoa học giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh ĐH		
327	Lý Thị Bích Nhung	25	08	1970	x	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại học - Sư phạm Sinh, Thạc sĩ Sinh - Sinh hóa	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B		
328	Đặng Thị Phương	26	7	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Địa Lý, Thạc sĩ Địa Lý học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
329	Lý Trương Thanh Quế	07	09	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.00	Đại học-Sư phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Trung B1		
330	Đào Thị Phương Tâm	20	11	1979	x	01/9/2002	01/9/2003	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Vật Lý, Thạc sĩ Quang học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh bậc 3		
331	Lý Trương Thanh Tâm	21	12	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Sơ cấp	GV THPT hạng II		MOS	Hoa HSK3		
332	Phan Nhật Bích Tuyền	03	07	1990	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học-Sư Phạm Giáo dục thể chất, Thạc sĩ-Giáo Dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin Học B	Anh B1		
333	Huỳnh Quang Thục Uyên	28	10	1978	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 5%	Đại học-Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B1		
334	Phan Dương Cẩm Vân	17	07	1976	x	01/09/1998	01/09/1999	Giáo viên môn Toán	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+7 %	Đại học -Sư phạm Toán, Thạc sĩ Toán Giải Tích	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B1		
335	Trần Thị Thủy Bình	13	02	1980	x	05-09-2002	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	17 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		ƯDCNTT nâng cao	Anh-Đại học		
336	Lý Thị Thuỳ Duyên	28	06	1987	x	05-09-2008	05-09-2009	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học, Thạc sĩ - Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-B		
337	Trần Thị Giang	26	12	1979	x	05-09-2002	01-09-2003	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Lịch Sử, Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Trung-HSK3		
338	Phạm Thị Tú Hạnh	20	07	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Toán, Thạc sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-C		
339	Nguyễn Thị Lan Hương	16	04	1979	x	01-09-2003	01-09-2004	Phó tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học, Thạc sĩ - Vi sinh vật học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng TTCM	A	Anh-Đại học		
340	Võ Quang Huy	01	02	1981		01-09-2004	01-09-2007	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị, Thạc sĩ - Chính trị học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	QL HCNN và QL ngành GDĐT	A	Anh-B1, Bậc 3		
341	Vũ Thị Thu Huyền	25	08	1970	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Vật Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-Đại học		
342	Nguyễn Thị Lâm	20	08	1087	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ - Ngôn ngữ học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-B1		
343	Nguyễn Hồng Lâm	03	01	1970		01-09-1993	01-09-2004	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	20 năm	V. 07.05.15	4,32	Đại học - Sư Phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-Đại học - Anh-B		
344	Đoàn Thị Hải Lý	20	06	1970	x	01-09-1992	01-09-1993	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
345	Nguyễn Thị Như Nguyễn	06	10	1990	x	08-04-2013	08-04-2014	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	10 năm	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn, Thạc sĩ - Ngôn ngữ học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-B1		
346	Trần Hồng Phước	09	12	1980		01/09/2007	01/09/2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm TĐTT, Thạc sĩ - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng TTCM	ƯDCNTT cơ bản, nâng cao	Anh-Đại học		
347	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24	05	1979	x	09/01/201	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-Đại học		
348	Nguyễn Minh Tân	24	08	1973		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư Phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh-Thạc sĩ, Pháp-B		
349	Nguyễn Huy Thạch	31	10	1983		01-05-2006	01-08-2014	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí, Thạc sĩ - Địa lí học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng TTCM	A	Anh-Bậc 6		
350	Trần Đức Thanh	17	08	1983		01-09-2011	01-09-2011	Phó tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ - Hoá học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh		
351	Nguyễn Thị Phương Thảo	13	07	1974	x	01-09-1996	01-09-2004	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng TTCM	A	Anh-B		
352	Trần Thị Hồng Thủy	20	09	1977	x	01-09-2000	01-09-2001	Phó hiệu trưởng	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh, Thạc Sĩ - Giảng dạy Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		ƯDCNTT cơ bản	Anh-Thạc sĩ		
353	Bùi Thị Trần Thy	15	09	1975	x	01-09-1997	01-09-1997	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	26 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Tâm lý Giáo dục, Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		ƯDCNTT nâng cao	Anh-B1		
354	Lâm Nguyễn Tường Vy	13	10	1980	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Vật lý , Thạc sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		ƯDCNTT cơ bản, nâng cao	Anh-Đại học, Pháp-DELF 1		
355	Dương Phụng Khánh	22	5	1983	x	01/09/2005	01/09/2006	Tổ trưởng chuyên môn tổ Địa lí	Trường THPT chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Trung		
356	Lại Thị Gương	8	5	1977	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân - Ngữ Văn Anh		GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
357	Lê Ngọc Yến Thanh	26	11	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.16	3.66	Đại học - Công nghệ TT		GV THPT hạng II		Đại học			
358	Lê Nguyễn Cường	6	9	1978		01/09/2002	01/09/2003	Tổ trưởng chuyên môn-Giáo viên Hóa học	Trường THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		THƯỞ A			
359	Lê Sỹ An	20	4	1982		01/10/2007	01/10/2008	Tổ trưởng chuyên môn môn Công Nghệ	Trường THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Kỹ sư Điện Tử Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ B	Anh B1		
360	Mai Hoàng Tuấn	19	10	1969		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Chuyên NK TĐTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học-Cử nhân Sinh học Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
361	Nguyễn Diễm Tuyết	17	3	1989	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và ppdh môn Hóa		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		
362	Nguyễn Ngọc Tuyết	11	2	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh - TOEIC+ Anh B		
363	Nguyễn Thị Bông	20	11	1975	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học- Sư phạm vật lý Thạc sĩ phương pháp giảng dạy vật lý	Trung cấp	Trung cấp		THƯỞ B	Anh B		
364	Nguyễn Thị Diệu Chi	10	2	1982		09-01-2009	09-01-2009	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Sinh lý động vật		GV THPT hạng II		TH ứng dụng A	Anh ĐH		
365	Nguyễn Thị Kim Hằng	21	5	1976	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
366	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	20	6	1975	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên Hoá học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
367	Nguyễn Thị Phương Lan	29	9	1980	X	01/09/2002	01/04/2003	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học -Sư phạm Ngữ Văn Thạc sĩ- Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B1		
368	Phạm Thị Anh Đào	2	11	1984	x	01/10/2008	01/10/2009	Tổ trưởng chuyên môn tổ Tin học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99 + 0,25	Đại Học - Kỹ Sư CNTT Nghiệp vụ Sư phạm		GV THPT hạng II		Đại học	Anh ĐH		
369	Phạm Thị Hồng Nhung	16	10	1978	x	01/09/2003	01/09/2004	Tổ trưởng chuyên môn tổ GDTC- GDQP&AN	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - TDTT II Đại học - Sư phạm GDQP&AN (VB2) Thạc sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B1		
370	Phạm Thị Thanh Trúc	14	5	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Tổ phó chuyên môn tổ Hoá học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B2		
371	Phan Thị Hồng Yền	26	1	1978	x	01/09/2004	09-01-2005	Tổ trưởng chuyên môn tổ Văn	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B1		
372	Tăng Thị Ngọc Thắm	20	3	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Tổ trưởng chuyên môn tổ Vật Lý	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Vật Lý Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH môn Vật Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
373	Trần Nguyễn Đoàn Khánh	12	12	1977	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học- Sư phạm Sinh học Thạc sĩ- Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B1		
374	Võ Thị Hồng Nhung	19	11	1981	x	01/09/2007	01/09/2007	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Chuyên NK TDTT Nguyễn Thi Định	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Cử nhân Toán Tin học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
375	Ngô Hồ Phong	17	1	1972		01-09-2003	01-09-2004	Hiệu trưởng	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V07.05.15	4,65	Cử nhân sư phạm GDTC-QPAN-Xây dựng Đảng, Chính quyền Nhà Nước Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
376	Mai Hồng Phương	24	6	1974		01-09-2000	01-09-2001	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V07.05.15	4,98	Cử nhân sư phạm Toán Thạc sỹ chuyên ngành Đại số và lý thuyết số	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức Nhà nước	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh B1		
377	Đặng Thị Dung	2	12	1979	x	01-09-2001	01-09-2002	TTCM -Giáo viên môn Văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V07.05.15	4,65	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
378	Nguyễn Ngọc Phương	21	7	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	TTCM -Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V07.05.15	4,32	Cử nhân sư phạm Địa lý		GV THPT		THƯỞ A	Anh B1		
379	Hồ Thị Thu Hà	12	2	1979	x	01-09-2007	01-09-2008	TTCM -Giáo viên môn Toán	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Toán - Lý	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức Nhà nước	THUD B	Tiếng Anh B		
380	Nguyễn Thị Hằng	4	10	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	TTCM -Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT		A	Tiếng Hoa B		
381	Võ Thị Hoàng Yến	19	2	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	TTCM -Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Vật lý Thạc sỹ chuyên ngành Quang học	Sơ cấp	GV THPT		A	Anh B1		
382	Nguyễn Thị Hồng Nhung	7	6	1982	x	05-09-2007	01-09-2008	TTCM -Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	B	Hoàn tất chương trình Anh văn phân xạ		
383	Võ Thị Mộng Liên	9	10	1980	x	01-08-2014	01-11-2013	TTCM -Giáo viên môn Kinh tế pháp luật	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Anh A2		
384	Phạm Văn Nam	12	12	1977		01-11-2000	01-11-2001	TTCM -Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	22 năm 6 tháng	V07.05.15	4,65	Cử nhân Giáo dục Thể chất		GV THPT		A	Anh B		
385	Huỳnh Cao Cường	3	3	1988		01-08-2015	01-08-2016	TTCM -Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm 9 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Hóa học Thạc sỹ Hóa hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	TOEIC 550		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
386	Huỳnh Phương Thảo	10	8	1989	x	01-08-2015	01-08-2015	TPCM - Giáo viên môn Toán	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân Toán-tin học Thạc sỹ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Anh Bậc 3/6		
387	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20	2	1989	x	01-08-2016	01-05-2017	TPCM - Giáo viên môn Văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Ngữ văn Thạc sỹ Văn học Việt Nam		GV THPT		A	Anh B		
388	Lê Thị Hoài Thu	16	9	1988	x	01-08-2015	01-12-2014	TPCM - Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	9 năm 5 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng CNTT cơ bản	IELTS 6.5; Tiếng Pháp C; Tiếng Pháp B1 VSTEP (Bậc 3/6)		
389	Hồ Văn Biên	27	8	1988		01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm 9 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý Thạc sỹ Địa lý học	Sơ cấp	GV THPT		A	Anh LEVEL B1		
390	Trần Thanh Ngân	16	10	1991	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT		B	Anh B1		
391	Phan Thị Lệ Thủy	14	4	1993	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Kinh tế pháp luật	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm 9 tháng	V07.05.15	3	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị Thạc sỹ Triết học	Sơ cấp	GV THPT		Chứng chỉ B - Tin học ứng dụng	Anh B1		
392	Lê Thị Quyên	9	9	1986	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Kinh tế pháp luật	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị	Sơ cấp	GV THPT		Tin học ứng dụng: Intel -			
393	Trần Thị Thanh Vân	20	8	1974	x	15/10/1995	15/10/1997	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	26 năm 6 tháng	V07.05.15	4,98+8 %	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT		CC ứng dụng CNTT Cơ bản	Trình độ B Tiếng Pháp		
394	Nguyễn Thị Thu Huyền	1	6	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT		A	Anh B		
395	Đỗ Anh Bình	22	3	1987		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Khoa học	Sơ cấp	GV THPT		B	Anh B		
396	Trần Thanh Phi	24	5	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Vật lý học	Sơ cấp	GV THPT		A	LEVEL 3 (B1)		
397	Vũ Thị Oanh	2	4	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT	GCN_ QL Hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục	B	Anh A		
398	Đỗ Thị Minh	22	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT		A	Anh B		
399	Trần Thị Hoàng Trang	1	6	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh Thạc sỹ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh		GV THPT		Tin Học Ứng Dụng B	Tiếng Pháp B1, tiếng Nga B		
400	Hồ Thị Thu Hằng	27	5	1984	x	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT		B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
401	Lâm Đức Phong	19	9	1989		01-08-2015	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V07.05.15	3,33	Cử nhân sư phạm Hóa học Thạc sỹ khoa học giáo dục chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Sơ cấp	GV THPT			Anh tương đương cấp độ khung B1		
402	Hoàng Thị Huệ	22	4	1990	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm 9 tháng	V07.05.15	3	Cử nhân sư phạm Toán Thạc sỹ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THPT		B	Anh B		
403	Việt Mỹ Trinh	23	5	1994	x	01-08-2016	01-05-2017	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	7 năm	V07.05.15	3	Cử nhân sư phạm Ngữ văn Thạc sỹ Ngành văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT		A	Anh B		
404	Nguyễn Thị Minh Minh	25	1	1986	x	01-08-2017	01-10-2014	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Dương Văn Dương	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT		Chứng chỉ tin học cơ bản	Anh B2		
405	Nguyễn Thị Mút	20	8	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	TTCM	Trường THPT Dương Văn Thi	Sở GD&ĐT	13 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị Thạc Sĩ - Triết học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
406	Ngô Thị Lan	12	9	1982	x	01-09-2010	01-09-2011	TTCM	Trường THPT Dương Văn Thi	Sở GD&ĐT	13 năm	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Lịch sử Thạc Sĩ - Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học văn phòng	Tiếng Trung trình độ B		
407	Đỗ Thị Hiếu	11	11	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	TTCM	Trường THPT Dương Văn Thi	Sở GD&ĐT	14 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí Thạc Sĩ - Địa lí học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 3		
408	Lê Thị Hồng	10	1	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	TTCM	Trường THPT Dương Văn Thi	Sở GD&ĐT	12 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học Khoa Học Huế Thạc Sĩ - Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Chứng chỉ AV TOEIC 500		
409	Nguyễn Ngọc Phú	22	1	1977		08-01-2001	08-01-2001	TCCM	Trường THPT Dương Văn Thi	Sở GD&ĐT	23 năm	V.07.05.15	4,65	Đại Học TDTT-Tp.HCM. Thạc sỹ - Giáo Dục Học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	x	Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Chứng chỉ Tiếng Anh B1		
410	Lê Phú Hải	2	12	1972		01/09/20200	01/09/2001	Hiệu trưởng	Trường THPT Đa Phước	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Hóa	trung cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B1		
411	Võ Thị Lang	8	11	1974	X	01/09/1997	01/09/1999	TPCM	Trường THPT Đa Phước	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+8 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	trung cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B1		
412	Hà Thu Hiền	26	9	1984	X	05/09/2006	05/09/2007	TTCM	THPT Đa Phước	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sài Gòn Thạc Sĩ - Khoa học máy tính	trung cấp	GV THPT hạng II		Cao học	Anh B1		
413	Hoàng Thị Hảo	18	01	1974	x	01/09/2001	01/09/2002	Hiệu trưởng	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán, Thạc Sĩ - Giáo dục học	Cao cấp	GV THPT hạng II	x	CNTTCB	Tiếng Anh Bậc 3		
414	Trần Thị Minh Đức	17	12	1981		01/09/2004	01/09/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Cao cấp	GV THPT hạng II	x	A	Tiếng Anh B		
415	Lê Thị Việt Hà	30	09	1974	x	01/09/1997	01/09/1998	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+ 8%	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - chuyên ngành văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	x	B	Tiếng Anh B1		
416	Lý Thị Ngọc Lan	14	02	1979	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Cử nhân Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Trung B		
417	Phạm Nguyễn Mỹ Nhật	19	01	1982	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân sinh học, Thạc Sĩ - lý luận và phương pháp dạy học bộ môn sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
418	Nguyễn Thị Thuý	23	01	1979	x	01/09/2001	01/09/2002	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Đào Sơn Tây	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - chuyên ngành Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh tương đương Bậc 3		
419	Vũ Thị Hồng	6	12	1986	X	01-09-2012	01-09-2013	Chủ tịch Công đoàn	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân - Sư phạm Địa lý	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
420	Nguyễn Thị Quỳnh Thảo	6	6	1985	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân - Tiếng Anh	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B2 - Cử nhân Tiếng Anh		
421	Phạm Thị Liễu	9	11	1976	X	01-09-2007	01-09-2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Tin học	SC	GV THPT hạng II	Không	Đại học	B		
422	Lê Anh Trung Nghĩa	18	7	1974		01-09-1999	01-09-2000	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 - VK5%	Thạc sỹ Quản lý Giáo dục	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B1		
423	Nguyễn Nguyễn Lan Anh	8	6	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ LL-PP giảng dạy bộ môn Toán	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B1		
424	Nguyễn Thị Bảy	10	2	1980	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Hóa học	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
425	Nguyễn Hải Luân	14	3	1978	X	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ Lịch Sử	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	Cử nhân Tiếng Anh		
426	Trần Thị Máy	2	1	1984	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Lịch sử	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
427	Trần Thị Hồng Cẩm	24	6	1976	X	01-08-1997	01-08-1998	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 - VK5%	Cử nhân Văn học	TC	GV THPT hạng II	CN CBQL THPT	CNTTCB	B		
428	Nguyễn Thị Kim Chi	16	8	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Cử nhân Tiếng anh	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B2 - Cử nhân Tiếng Anh		
429	Nguyễn Thị Kim Ngân	19	11	1986	X	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ Sinh thái học	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	C		
430	Nguyễn Thị Xuân	13	2	1977	X	05-09-2000	05-09-2001	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân Ngữ văn	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
431	Trần Thị Văn Ánh	29	3	1984	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Tin học	SC	GV THPT hạng II	Không	Đại học	B1		
432	Trương Thị Thùy Loan	17	5	1979	X	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân khoa học Toán	TC	GV THPT hạng II	CN CBQL THPT	CNTTCB CNTTNC	B		
433	Nguyễn Thị Thu Thúy	7	6	1984	X	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Giáo dục học	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTT Nâng cao CNTTNC	B1		
434	Nguyễn Thị Thu Thao	25	11	1986	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Tin học	TC	GV THPT	CN CBQL THPT	Đại học	B1		
435	Dương Hồ Mỹ Ngân	27	1	1981		01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ LL-PP giảng dạy Tiếng Anh	SC	GV THPT	CN CBQL THPT	CNTTCB CNTTNC	Thạc sỹ Tiếng Anh Cử nhân Tiếng Nga		
436	Lê Kim Long	24	11	1981		01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ Hóa	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
437	Vũ Thị Thái	6	7	1984	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân GDCD	SC	GV THPT	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
438	Trần Công Chánh	1	11	1965		01-09-1987	01-09-1990	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	33 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân TDTT	SC	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB CNTTNC	B		
439	Huỳnh Thị Bảo Quý	4	7	1984		01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên, Trường THPT Gò Vấp	Trường THPT Gò Vấp	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ Hóa	SC	GV THPT	Không	CNTTCB CNTTNC	B1		
440	Đinh Văn Tiên	19	6	1985		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	x		CNTT cơ bản	Anh B1		
441	Đoàn Thị Hồng Vân	29	7	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		x		CNTT cơ bản	Anh B		
442	Huỳnh Đức Chính	23	8	1983		01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	x		Đại học	Anh C		
443	Lâm Hồng Linh	13	6	1976		01-09-1997	01-03-1998	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	26 năm 2 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học				THƯỞ A	Anh B		
444	Lê Thị Kim Yến	19	12	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ		x		CNTT cơ bản	Anh C		
445	Nguyễn Thị Phương Vĩ	17	6	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		x		THƯỞ A	Anh B		
446	Lê Thị Bích Hằng	1	5	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		x		CNTT cơ bản	Pháp		
447	Nguyễn Thị Thanh Phương	25	1	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		x		THƯỞ A	Pháp		
448	Phạm Thanh Loan	24	12	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		x		Đại học	Anh - TOEFL Ibt		
449	Trần Phùng Bình	2	3	1986		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Trung cấp	x		Đại học			
450	Bạch Trọng Nhân	14	6	1992		01-08-2016	01-06-2015	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	8 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	x		THƯỞ A	Anh B		
451	Huỳnh Hữu Nghị	20	8	1992		01-08-2016	01-06-2015	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	8 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học	Trung cấp	x		THƯỞ A	Trung		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
452	Vân Trinh Quỳnh An	2	2	1989	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	7 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Anh B1		
453	Lê Duy Tân	13	8	1989		01-08-2014	01-09-2013	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học		x		THƯĐ B	Anh B		
454	La Hồ Tuấn Duy	17	3	1992		01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	7 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Anh B2		
455	Ngô Thị Như Hiền	14	9	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ		x		THƯĐ B	Anh B		
456	Trịnh Thị Xuân Nương	7	11	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,00	Đại học		x		THƯĐ B	Anh B		
457	Nguyễn Thị Xuân Huệ	7	4	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Anh B		
458	Cao Hoài Đức	9	2	1989		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ		x		THƯĐ B	Anh B		
459	Huỳnh Ngọc Anh	12	9	1988	x	01-09-2012	01-09-2011	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		x		THƯĐ A	Pháp		
460	Phạm Hồ Thanh Hiền	19	7	1989	x	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học		x		THƯĐ B	Pháp		
461	Hà Thị Kim Phượng	25	10	1978	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Tiến sĩ		x		THƯĐ B	Anh B2		
462	Lê Duy Nhật	24	10	1985		01-08-2014	01-03-2013	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Anh C		
463	Hồ Thị Hoàng Huệ	19	9	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ		x					
464	Trần Trọng Trị	6	8	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.13	3,66	Đại học				THƯĐ B	Anh - TOEFL		
465	Nguyễn Hà Nam	27	1	1986		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.14	3,66	Thạc sĩ		x		THƯĐ A			
466	Dương Tấn Phong	12	10	1984		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		x		THƯĐ B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
467	Hồ Thị Cẩm Nhung	11	1	1980	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học		x		THƯĐ A	Pháp		
468	Nguyễn Đắc Ngọc Thảo	8	2	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Anh B		
469	Lê Thị Tuyết Nga	16	6	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	x		CNTT cơ bản	Anh B		
470	Lữ Thị Ngọc Lan	14	9	1974	x	01/09/1995	01-09-1997	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Gia Định	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	26 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 + 5%	Thạc sĩ		x		THƯĐ A	Pháp		
471	Nguyễn Thị Hoàng Anh	10	10	1975	x	01/10/1999	01/10/2000	Hiệu trưởng	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98 + 5%	Đại học - SP Tiếng Anh Thạc sỹ - Quản lý giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Anh ĐH		
472	Phạm Thị Tư	01	02	1981	x	01/9/2003	01/9/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - SP Tiếng Anh Thạc Sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUĐCB	Anh - Thạc sĩ		
473	Phạm Thị Dịu	05	1	1986	x	01/9/2008	01/9/2009	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - SP Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh B		
474	Phạm Duy Thanh	10	9	1983		01/9/2008	01/9/2009	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sinh học Thạc Sĩ - Lý luận, phương pháp dạy học môn Sinh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
475	Hoàng Thị Luyến	25	9	1987	x	01/9/2009	01/9.2010	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - SP Tiếng Anh Thạc Sĩ - Lý luận và Phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - Thạc sĩ		
476	Phạm Thị Đình	13	2	1980	x	18/11/2002	01/9/2007	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - SP Ngữ Văn Thạc Sĩ -Ngôn ngữ học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao			
477	Nguyễn Thị Hoàng	06	4	1977	x	01/9/2003	01/9/2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - SP Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
478	Lê Thị Hoài	20	2	1987	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - SP Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học nước ngoài	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh B		
479	Bùi Văn Tồn	03	03	1984		01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên Giáo Dục Thể Chất	THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - SP Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh B		
480	Nguyễn Thị Lam	24	11	1981	x	03/9/2005	09-10-2006	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Giồng Ông Tố	Sở GD&ĐT TPHCM	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - SP Vật Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ B	Anh B		
481	Bùi Thị Ngọc Minh	01	01	1974	x	01/09/1999	01-09-2000	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	24 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		A	Pháp B		
482	Bùi Thị Thanh	02	05	1987	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	10 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
483	Đỗ Thị Hoàng Mai	20	03	1985	x	19/08/2009	19-08-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Công nghệ Thông Tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh B1		
484	Đoàn Minh Thông	06	11	1987		05/09/2009	05-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B		
485	Hoàng Thị Thuý	28	05	1981	x	28/08/2008	28-08-2009	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	15 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		A	Anh B		
486	Hồng Thị Mỹ Phượng	19	10	1981	x	25/11/2013	25-11-2014	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	10 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
487	Huỳnh Thị Thủy Trang	26	03	1976	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	12 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán Học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
488	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	15	04	1990	x	01/09/2015	01-09-2016	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	08 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ - Sinh học (2023)		GV THPT hạng II			Anh C1		
489	Lê Thị Hoàng Song	30	04	1978	x	01/09/2002	01-09-2003	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	21 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A			
490	Lê Thị Hồng Mai	18	05	1983	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	15 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
491	Lê Thị Thanh Vân	25	06	1974	x	01/09/2003	01-09-2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	20 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	B	Anh B1		
492	Lê Thị Thuỷ Trang	10	01	1983	x	17/08/2014	17-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	09 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Sư phạm Toán		GV THPT hạng II		Khác	TOELF		
493	Lê Thị Xuyên	26	08	1977	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	10 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
494	Lê Vũ Duy Thảo	01	02	1986	x	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	12 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh C		
495	Lương Thị Chi	19	06	1986	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
496	Lưu Diễm Miên	16	04	1985	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Vật lý hạt nhân nguyên tử và năng lượng cao		GV THPT hạng II		A	TOELF 450		
497	Nguyễn Khánh Toàn	25	10	1980		01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Quang học		GV THPT hạng II		A	Anh B		
498	Nguyễn Ngọc Yến	07	03	1990	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	9 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,00	Đại học - Toán học		GV THPT hạng II		B	Anh B		
499	Nguyễn Thanh Thủy	21	07	1976	x	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh Đại học		
500	Nguyễn Thị Cẩm Thanh	22	10	1981	x	15/09/2010	15-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	13 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B		
501	Nguyễn Thị Lệ Thủy	21	02	1983	x	01/09/2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	11 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo Dục Chính Trị		GV THPT hạng II		A			
502	Nguyễn Thị Ngân	27	11	1986	x	01/10/2022	01-10-2023	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	13 năm	V.07.05.15	3,66	Tiến sĩ - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh Đại học		
503	Phạm Hồng Lợi	25	10	1991	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	10 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
504	Phạm Thị Phương	02	02	1985	x	19/08/2009	19-08-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Lịch sử		GV THPT hạng II	Khác	A	Anh B		
505	Phạm Thị Quỳnh Trang	29	05	1981	x	01/08/2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	9 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		B	Anh C		
506	Trần Ngọc Châu	25	05	1986		01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	15 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm	Sơ cấp	CCCDNN QĐ 2003/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2023 của BGD&ĐT	Trình độ khác	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
507	Trần Thị Nguồn	15	10	1986	x	01/09/2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	10 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Hệ Thống Thông Tin	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Tiếng Anh Đại học		
508	Trần Thị Thủy Nga	29	11	1974	x	01/10/1997	01-10-1998	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	26 năm 06 tháng	V.07.05.15	4.98 + 7%	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
509	Trần Thụy Trang	09	05	1975	x	04/09/1999	04-09-2000	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	24 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh Đại học		
510	Trịnh Thị Kim Hương	15	08	1973	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	15 năm 05 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
511	Trương Văn Thiện	01	02	1969		01/09/1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	25 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		A			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
512	Võ Thị Đồng Nghi	20	10	1973	x	01/08/2009	01-08-2010	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	14 năm 04 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		A			
513	Lưu Thị Hồng Thu	01	12	1989	x	01/08/2015	01-08-2016	Giáo viên	Trường THPT Hàn Thuyên.	Sở GD&ĐT	8 năm 04 tháng	V.07.05.15	3.00	Thạc sĩ - Giáo dục thể chất năm 2020		GV THPT hạng II		A	Anh B1		
514	Võ Thị Bình Minh	22	10	1968	X	01-09-1993	01-09-1993	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	30 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+ 13%	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Cử nhân Chính trị học	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CC UD CNTT Cơ bản	CC NN trình độ B		
515	Nguyễn Thị Cam	9	10	1981	X	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ B	Trình độ B		
516	Vũ Thị Ngọc Hà	17	1	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Cử nhân Sinh học. Thạc sĩ - Vi sinh vật học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CC UD CNTT nâng cao	Anh văn B1		
517	Trà Thị Thu Hà	22	8	1978	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân Ngữ Văn Thạc sĩ - khoa Ngữ văn	sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ A	Trình độ: B1		
518	Phạm Thị Thu Hằng	22	03	1981	X	21-08-2003	01-10-2004	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	20 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Sư phạm Vật Lý Thạc sĩ- Lý luận và pphd môn Vật Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CC UD CNTT Nâng	Trình độ: B		
519	Nguyễn Thị Hồng Mai	24	7	1975	x	01-02-2011	01-02-2012	Tổ trưởng chuyên môn tổ Lý	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	13 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CC UD CNTT Cơ bản	CC NN trình độ C		
520	Bùi Thị Nhu	15	1	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CC THUĐ trình độ	CC NN trình độ B		
521	Lương Hồng Phúc	8	9	1986		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Giáo dục thể chất/chi ủy viên	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Giáo dục thể chất Thạc sĩ - Khoa học giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CC UD CNTT Cơ bản CC tin học A	Cử nhân		
522	Đoàn Thị Vân	16	10	1983	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên tổ Ngữ Văn	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học -Cử nhân Ngữ Văn Thạc sĩ Lý luận và PPDH môn Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ Cơ bản	CC tiếng Anh trình độ C, Anh văn B2		
523	Nguyễn Thị Minh Thủy	2	4	1982	X	01-09-2007	01-09-2008	TTCM Sinh học, CTCE	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sinh học Thạc sĩ Lý luận và PPDH môn Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	Trình độ A	Anh văn B1		
524	Nguyễn Thị Hiền	10	6	1982	X	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên tổ Ngữ Văn	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học- Cử nhân Ngữ Văn- Chứng chỉ dạy học và giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ A	Trình độ B		
525	Nguyễn Thị Kim Phượng	26	3	1976	X	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên tổ Ngữ Văn	Trường THPT Hiệp Bình	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học- Cử nhân khoa học- Thạc sĩ Ngôn ngữ học cc lý luận dạy học đại học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CC UD CNTT Cơ bản	CC tiếng Anh trình độ C		
526	Bùi Quang Hoàng	29	5	1989		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên Toán	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	CDNN giáo viên THPT		Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
527	Bùi Thị Thanh Hương	17	9	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	GV THPT hạng III	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học Sư Phạm TP HCM	Sơ Cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT		Tin học ứng dụng cơ bản	B		
528	Cao Thị Giang Hương	28	8	1988	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	8 năm 8 tháng	V07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	GVTHPT Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B		
529	Cung Cẩm Cường	13	10	1970	Na m	09-01-1994	09-01-1995	Giáo viên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	30 năm	V.07.05.15	4.98+	Cử nhân GDTC	Sơ Cấp	Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN		Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
530	Đinh Thị Xuân Mai	1	6	1984	X	09-01-2008	09-01-2010	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân		
531	Đoàn Lê Quỳnh Như	22	2	1986	x	09-01-2012	09-01-2012	giáo viên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN giáo viên THPT hạng II		CNTT ứng dụng	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
532	Hà Thị Trà My	28	1	1978	X	01-11-1999	01-11-2000	GIÁO VIÊN TIẾNG ANH	THPT HOÀNG HOA THÁM	Sở GDĐT TP.HCM	24 NĂM	V.07.05.15	4,98	CỬ NHÂN TIẾNG ANH	SƠ CẤP	GV THPT HẠNG II		CONG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN	BẰNG C1 CHÂU ÂU		
533	Hầu Thị Yến	23	10	1989	X	08-01-2013	08-01-2014	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	Chứng chỉ Bồi dưỡng GVTHPT hạng III	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Chứng chỉ UDCNTT CB	Anh văn - B		
534	Huỳnh Văn Bình	21	9	1973		01/09/1995	01/09/1996	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	28 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+	Đại học, Thạc sỹ quản lý giáo dục	Trung cấp	CDNN GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	Chứng chỉ UDCNTT CB	Anh văn - B		
535	Lê Kim Hậu	03	07	1971	x	09/2003	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 24/12/2023	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học	Đại học	CDNN GV THPT hạng II			Đại học		
536	Lê Thị Dung	10	10	1987	X	09-01-2010	09-01-2012	TTCM	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	12 năm	V.07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Lịch sử	Trung cấp	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản	Chứng chỉ B Anh văn		
537	Lê Thị Hằng	18	6	1986	Nữ	01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	13 năm	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ	Trung cấp	CC bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B1		
538	Lê Thị Kim Nhung	7	10	1984	x	03-03-2008	03-03-2009	Giáo viên	THPT HOÀNG HOA THÁM	Sở GDĐT TP.HCM	15 năm	V07.05.15	3,99	Thạc sĩ Địa lí	Sơ cấp	Có		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B		
539	Lê Thị Mai	28	12	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên Lịch sử	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		CDNN giáo viên THPT		Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
540	Lê Thị Mai Hạnh	2	9	1978	x	01/9/20210	09-01-2011	Giáo viên ngữ văn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	13 năm	V07.05.15	3,66	Cử nhân Sư Phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN Giáo viên THPT hạngII		Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản	Trình độ B(Tiếng Anh)		
541	Lê Thị Thanh Thủy	28	11	1991	x	09-05-2014	08-01-2016	Giáo viên	THPT HOÀNG HOA THÁM	Sở GDĐT TP.HCM	7.5 NĂM	V07.05.15	3,33	THẠC SĨ VẬT LÝ	Sơ cấp	x		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B		
542	Lưu Thị Thòia	29	2	1984	x	09-01-2007	09-01-2007	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GD-ĐT TP.HCM	17 năm	V07.05.15	3,99	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp		Cử nhân			
543	Mai Thị Vân	3	4	1975	Nữ	10-01-1999	10-01-2000	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	24 năm	V.07.05.15	4,65	Đại học	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Đại học Tiếng Anh , B1 tiếng Pháp		
544	Ngô Vũ Đăng Khoa	5	12	1979		11-01-2004	09-01-2007	Giáo viên THPT Hạng III	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Kỹ sư	Trung cấp	CDNN GV THPT hạng II	CC cán bộ quản lý GD	Kỹ Sư	Cử nhân		
545	Nguyễn Công Tâm	11	8	1982		05-09-2006	26-12-2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	16 năm	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Sơ cấp	Sư phạm Tin học	Sơ cấp	Cử nhân	B1		
546	Nguyễn Đào Mỹ Trinh	16	10	1986	x	06-01-2011	01-01-2015	Giáo viên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	9 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN hạng 2	Chứng chỉ	CC Ứng dụng CNTT Cơ bản	Cử nhân		
547	Nguyễn Đình Thắng	5	5	1974		09-01-1998	10-01-2004	Tổ trưởng	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở Giáo dục và đào tạo TPHCM	20 năm 6 tháng	V07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Chứng chỉ Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp THPT	Giấy chứng nhận QLNN và quản lý ngành GD và ĐT	Ứng dụng CNTT nâng cao	Anh văn B		
548	Nguyễn Ngọc Phượng	16	11	1982	x	09-05-2005	09-01-2009	Tổ trưởng	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	15 năm	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sinh Học	Trung cấp	Có chứng chỉ CDNN	không	Tin học Cơ bản	A		
549	Nguyễn Phong Phú	27	4	86		08-03-2016	05-01-2017	Giáo viên trung học phổ thông hạng III V.07.05.15	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	8 năm	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Toán giải tích	Sơ cấp			A	B		
550	Nguyễn Thị Hoa	19	9	1990	Nữ	11-10-2013	05-01-2017	Giáo viên THPT hạng III	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ ngôn ngữ ứng dụng	Trung cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT		A	C1		
551	Nguyễn Thị Hoa	19	2	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên hoá học	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	thạc sĩ	sơ cấp	GV THPT hạng II		ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
552	Nguyễn Thị Mỹ An	2	4	1987	x	10-08-2009	01-09-2010	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ	Sơ cấp	Đã hoàn thành: Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Giáo viên THPT		Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ B1 khung Châu Âu		
553	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3	5	1983	Nữ	01-09-2008	01-09-2009	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GD và ĐT TpHCM	15 năm	V.07.05.15	4,32	Thạc Sỹ Hóa	Sơ cấp	Có chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp		Tin học ứng dụng cơ bản	Trình độ B		
554	Nguyễn Thị Nhân	21	01	1987		01/09/2010	01/09/2012	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	11 năm 7 tháng	V07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	Bồi dưỡng GVTHPT hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	HSK3		
555	Nguyễn Thị Thùy	3	6	1987	X	01-08-2010	01-08-2015	Giáo viên THPT	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Địa lý học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản	B1		
556	Nguyễn Văn Nhị	25	07	1984		01/09/2010	01/09/2012	Ủy viên BCH Công Đoàn, Nhóm trưởng tổ Văn	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở Giáo dục- Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	11 năm 7 tháng	V07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp cấp	Bồi dưỡng GVTHPT hạng II	Chứng chỉ Cán bộ quản lý trường trung học phổ thông	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, Bảng B Ứng dụng	TOEIC 550		
557	Phan Chí Huân	31	8	1975	Nam	09-01-2000	03-01-2001	Giáo viên công nghệ	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở giáo dục đào tạo TP HCM	23 năm	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật	Sơ cấp	CDNN giáo viên THPT		Cao đẳng - KTCN - Tin học	Tiếng anh trình độ B		
558	Trần Ngọc Diễm	1	1	1986	x	01/12/2010	01/05/2017	Giáo viên THPT hạng III	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	7 Năm	V. 07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT hạng II		B	Tiếng Anh B1		
559	Trần Thị Kim Yến	29	7	1973	x	09-05-1995	09-01-2007	Giáo viên	THPT HOÀNG HOA THÁM	Sở GDĐT TP.HCM	16,5 năm	V07.05.15	4,65	Cử nhân Sinh học	Sơ cấp	Có		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	B		
560	Trịnh Thị Ngân	6	6	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	13 năm	V.07.05.15	3.33	Cử nhân Sư phạm	Sơ cấp	Bồi dưỡng GVTHPT hạng II		Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh loại B		
561	Vi Thanh Huyền	25	2	1981	x	08-01-2014	08-01-2014	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	10 năm	V.07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CD nghề nghiệp			B Tiếng Trung		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
562	Võ Thị Ngọc Hân	25	6	1984	X	01-01-2012	01-01-2012	Giáo viên	THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	12 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN hạng 2 (ĐHSP TPHCM cấp năm 2020)		Ứng dụng tin học cơ bản	Cử nhân Tiếng Trung		
563	Nguyễn Thị Lệ Thủy	15	2	1983		09-01-2006	09-01-2009	Giáo viên	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,99	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	C		
564	Trần Nguyễn Hương Giang	25	01	1971	x	31-08-2006	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hùng Vương	Sở GD&ĐT	17 năm 04 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Ngoại ngữ, Thạc Sĩ - Giảng dạy Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
565	Trần Thị Nhã Uyên	08	4	1985	x	31-08-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Hùng Vương	Sở GD&ĐT	14 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Tiếng Anh, Thạc Sĩ - Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH		
566	Lâm Đông Vượng	15	12	1984		31-08-2007	01-09-2008	Giáo viên	THPT Hùng Vương	Sở GD&ĐT	16 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Giáo dục Thể chất, Thạc Sĩ - Khoa học giáo dục, Chứng chỉ - Lý luận dạy học và giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
567	Phạm Thị Hoa	13	3	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		Bằng A	Anh B		
568	Phạm Hoàng Huy	18	4	1989		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	11 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUD B	Anh - TOEIC (515)		
569	Nguyễn Hoàng Anh	1	2	1986		05-09-2012	05-09-2013	Trợ lý thanh niên - Giáo viên môn GDQP&AN	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	B1		
570	Cao Thị Thanh	10	4	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
571	Phạm Ngọc Đăng	21	12	1987		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Vật Li	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	10 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư Phạm Vật Li		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
572	Đinh Thị Trang	15	4	1987	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học + Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 2		
573	Hoàng Thiện Chí	3	3	1990		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Chứng chỉ B		
574	Đậu Thanh Huyền	19	4	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	10 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và ppdh môn Toán		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
575	Nguyễn Thị Minh Tâm	27	9	1977	x	07-01-2000	08-01-2001	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	23 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học -Sư phạm Sinh học. Thạc sĩ - Lí luận và PPGD môn Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT trình độ B	Anh- Bậc 3		
576	Nguyễn Thị Hoa	13	11	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch Sử		GV THPT hạng II		Tin học trình độ A	Anh Trình độ B		
577	Nguyễn Thị Tân	9	8	1982	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên môn GDCD(GDKT&P l)	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm giáo dục chính trị		GV THPT hạng II		Tin học trình độ B	Anh Trình độ B		
578	Nguyễn Văn Út	30	4	#####		09-01-1998	09-01-1999	Tổ trưởng Chuyên môn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	25 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm Thể dục thể thao		GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh Bậc 3		
579	Phạm Thị Hồng Hoa	17	4	1984	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Hoá Học Thạc Sĩ - Hóa Học Hữu Cơ		GV THPT hạng II		CNTT B	Anh Bậc 3		
580	Phan Thị Ngọc Dung	19	4	1979	x	09-01-2002	09-01-2003	Giáo viên môn Địa Li	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa Li		GV THPT hạng II		Tin học trình độ A	Anh Trình độ B		
581	Tạ Thanh Sơn	20	5	1982		09-01-2010	09-01-2011	Chủ tịch CDCS - Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa Học		GV THPT hạng II		THUD A	Anh - TOEFL 400		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
582	Lưu Quốc Thành	1	8	1984		01-08-2006	01-08-2007	Tổ Trưởng Chuyên Môn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,24	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THPT hạng II		CN TTC A	Anh B1		
583	Nguyễn Thị Lan Anh	2	1	1986	x	01-08-2008	01-08-2009	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THPT hạng II		CNTTN A	Anh B1		
584	Nguyễn Thị Thương	1	10	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		Chứng chỉ A CNTT CB	Anh B		
585	Trần Thị Tuyết	30	8	1980	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	15 năm 4 tháng	V.07.05.15	3.66- bậc 5	Đại học - Cử nhân hóa học		GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh Văn B		
586	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	15	12	1973	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99+2,5%	Đại Học - Sư phạm Địa Lý		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh A2		
587	Phan Thị Thùy	21	9	1992	x	01-07-2017	30/4/2018	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	6 năm	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Văn - Tiếng Việt		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh Bậc 3		
588	Lê Hoài Cao	14	8	1987		09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lê Minh Xuân	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Cử nhân sư phạm vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		B	C2		
589	Bùi Minh Tâm	23	7	1971	x	09-01-1993	09-01-1993	Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	29 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+11%	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán	Cử nhân	GV THPT hạng II	Cao cấp	UDCNTT cơ bản	Anh C		
590	Trần Nguyễn Thụy Thoai Lan	23	4	1978	x	09-01-2000	09-01-2001	Tổ phó môn Ngoại ngữ	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc Sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh cao học		
591	Trần Thị Bích Hường	4	2	1976	x	09-01-2001	09-01-2002	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Không	UDCNTT cơ bản	Pháp khác		
592	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	7	2	1982	x	08-01-2013	08-01-2014	CTCD - Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	A	Tiếng Anh thực hành B (2/6)		
593	Phí Thị Thu Lan	21	10	1986	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Không	A	C		
594	Tạ Huỳnh Phương Linh	1	5	1991	x	08-01-2014	08-01-2015	TKHD - Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.16	3,33	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Quang học Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	UDCNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
595	Nguyễn Hữu Hùng Hào	13	5	1972		01-09-1994	01-09-1995	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+11%	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	cử nhân	GV THPT hạng II	x	THUĐ A	Anh B1		
596	Phan Nhật Tân	8	2	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- Sư phạm Toán Thạc sĩ- Toán giải tích		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh ĐH		
597	Đặng Bảo Long	18	2	1985		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học TĐTT-Giáo dục Thể chất		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B		
598	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	3	7	1976	x	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+6%	Đại Học-Sư phạm Sinh, Thạc Sĩ - Lý luận và PP dạy học môn Sinh		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B1		
599	Nguyễn Thị Mỹ Châu	3	4	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Tiếng Anh- Thạc sĩ lý luận và PP dạy học môn Tiếng anh		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh ĐH		
600	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26	8	1978	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học-Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - Ngôn ngữ Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		UNCNTT CB	Anh B1		
601	Lê Bình Phương Thu	10	2	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học-Tin học, Thạc Sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học Tin học	Anh B		
602	Bùi Lê Trang	5	7	1979		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học- Công nghệ thông tin		GV THPT hạng II		Đại học CNTT	Chứng chỉ B		
603	Lê Thị Lan Hồng	1	10	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học-Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp ,		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh B		
604	Bùi Thị Thùy	15	2	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học-Văn học Thạc Sĩ - Ngôn ngữ Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
605	Nguyễn Thị Kim Cúc	10	6	1983	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học- Khoa học vật liệu Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH Bộ môn Hoá học		GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh B1		
606	Nguyễn Trung Trục	2	12	1983		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học- Tiếng Anh		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh ĐH		
607	Hoàng Thị Ai Hằng	4	10	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học-Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Ngữ văn		GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh văn cơ bản		
608	Đỗ Thanh Hiếu	10	10	1982	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học-Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH Bộ môn Hoá học	Trung cấp	GV THPT hạng II	X	THƯỞNG B	Anh B1		
609	Nguyễn Thị Hà Trang	29	10	1985	x	01/9/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học -Sư phạm Vật lý Thạc sĩ Quang học		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh - TOEFL		
610	Nguyễn Thị Băng Tâm	25	4	1975	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học-Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH Bộ môn Hoá học		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
611	Nguyễn Phạm Đình Nguyên Thùy	5	9	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại học- Tiếng anh		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh ĐH		
612	Lê Thị Hoài Thanh	8	3	1983	x	01-09-2007	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Ngữ văn, Thạc sĩ Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh B1		
613	Hoàng Thị Liên	2	2	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Kinh tế và Pháp luật	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Chính trị Thạc sĩ Triết học		GV THPT		THƯỞNG A	Pháp B1		
614	Phan Kim Thoa	29	1	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Văn học		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh văn cơ bản		
615	Phan Lê Cẩm Nhung	20	8	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNNT cơ bản	Anh văn cơ bản		
616	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	8	3	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sinh học		GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh B		
617	Lê Thị Thanh Nhân	24	8	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Giáo dục Thể chất		GV THPT hạng II		CNNT cơ bản	Anh văn cơ bản		
618	Trần Văn Thanh	5	3	1986		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Huấn luyện Thể thao		GV THPT hạng II		CNNT cơ bản	Anh B		
619	Hà Thị Thanh	3	12	1978	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98+5 %	Đại học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNT cơ bản	Anh văn cơ bản		
620	Nguyễn Thị Minh Phương	10	2	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Văn học Việt Nam		GV THPT		UDCNTT CB	Anh B		
621	Lê Thị Thuý Hằng	25	11	1983	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Văn học Việt Nam		GV THPT		CNNT cơ bản	Anh C		
622	Trần Hồng Ngân	10	11	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sinh học		GV THPT hạng II	x	THƯỞNG A	Anh B		
623	Huỳnh Thị Mỹ Linh	4	11	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Vật lý		GV THPT		THƯỞNG A	Anh văn cơ bản		
624	Nguyễn Thị Hiền	28	2	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Tiếng anh Thạc sĩ Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng anh		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh ĐH		
625	Hà Văn Vụ	7	1	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Văn học nước ngoài		GV THPT		THƯỞNG A	Anh B		
626	Nguyễn Thị Hoài Thanh	1	4	1980	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Toán -Tin		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
627	Hứa Bạch Mai	30	6	1977	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98+5 %	Đại học - Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh văn cơ bản		
628	Hồ Thị Hằng	28	2	1983	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Kinh tế và Pháp luật	Trường THPT Lê Thánh Tôn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Giáo dục Chính trị		GV THPT hạng II		CNNT cơ bản	Anh văn cơ bản		
629	Hà Thị Thu Hằng	03	06	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 th	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Sinh học, Thạc Sĩ - Sinh Thái học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B1		
630	Hồ Thị Kim Tuyền	01	02	1983	X	10-01-2008	02-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 3 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Toán, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
631	Hoàng Phương Oanh	23	09	1987	X	01-09-2009	03-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Sinh, Thạc sĩ Di truyền học	Không có	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh - TOEFL		
632	Huỳnh Ngọc Khoa	04	02	1986		08-09-2009	04-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Cử nhân GDTC, Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B1		
633	Lê Thị Phương Thuý	07	04	1982	X	01-09-2009	05-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Sơ cấp	THƯỞNG A	Anh B1		
634	Nguyễn Hữu Tinh	05	07	1985		01-09-2010	06-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 8 th	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
635	Nguyễn Thị Thu Thảo	01	08	1988	X	01-09-2009	07-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Kỹ sư CNTT	Không có	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B1		
636	Tạ Công Lâm Quốc Hùng	24	11	1978		10-04-2004	08-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 4 th	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Toán, Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	Quản lý giáo dục THPT	CNTT nâng cao	Anh B1		
637	Tô Thị Thanh Diệu	25	06	1982	X	01-09-2011	09-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 8 th	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Anh văn, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	Không có	GV THPT hạng II	QLHC	CNTT cơ bản	Anh sau ĐH		
638	Trần Hậu Cán	25	06	1986		01-09-2011	10-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 8 th	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm GDTC - GDQP, Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh B1		
639	Trần Nhật Phong	25	07	1985		01-09-2008	11-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Cử nhân GDTC	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
640	Trần Thị Thanh Hải	05	08	1988	X	01-09-2012	12-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 th	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Sơ cấp	CNTT cơ bản	Anh B1		
641	Nguyễn Thị Ngọc Lệ	18	9	1980	X	05-09-2008	13-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 th	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ- Lý luận và ppdh môn Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B; IC3	Anh- B1		
642	Nguyễn Thanh Toàn	05	05	1991		31-07-2013	14-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 9 th	V.07.05.15	3.33	Thạc Sĩ chuyên ngành Quang học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học nâng cao	Anh văn B1		
643	Bùi Thị Mừng	09	08	1988	X	01-09-2010	15-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ- Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B tin học	Anh-B1		
644	CAO MINH THẮNG	14	07	1981		01-09-2009	16-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 8 th	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ - Toán Giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II	CBQL GVPT	B-Tin học ứng dụng	Anh-C		
645	CAO THỊ HỒNG	11	02	1987	X	01-09-2011	17-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 8 th	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THPT hạng II	CBQL GVPT	Tin học ứng dụng - trình độ A	Anh-B		
646	Đặng Thị Xuân	12	02	1983	X	01-08-2014	18-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 9 th	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh-B1		
647	Nguyễn Văn Cường	01	02	1970		09-01-1993	19-09-2013	Hiệu trưởng	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	24 năm 7 th	V.07.05.15	4.98+12%VK	Dai học su phạm Hoa-thạc sĩ quan ly giao duc	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc sĩ quan ly giao duc	Trung cấp	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
648	Lại Thị Thanh Nga	01	10	1985	X	24-11-2008	20-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 4 th	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Có	Chứng chỉ trình độ A	Anh-B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
649	Lê Thị Hoa	15	05	1987	X	01-09-2011	21-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 8 th	V.07.05.15	3,33	Đại học- Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh - B		
650	Mai Thành Lập	26	04	1976		01-09-2011	22-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 8 th	V.07.05.15	3,66	Cử nhân giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UDCNTT NC	B1		
651	MAI THỊ QUYỀN	06	07	1986	X	01-09-2008	23-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Đại Học- Cử nhân Lịch sử	Không có	GV THPT hạng II		Cơ bản	B		
652	Trần Thiên Bình	08	02	1987		05-09-2011	24-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 5 th	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ- Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II	CBQL GVPT	Tin học A	Anh văn - B1		
653	Trang Ngọc Mỹ Phước	12	04	1986	X	01-09-2008	25-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 8 th	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh - B1		
654	Trương Minh Cường	19	01	1983		01-08-2013	26-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 9 th	V.07.05.15	3.33	Đại học Tôn Đức Thắng - Cử nhân công nghệ phần mềm	Không có	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh - B		
655	Trương Thị Thanh Tâm	21	08	1981	X	01-09-2010	27-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 8 th	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lý; Thạc sỹ - Vật Lý Điện Tử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng	Anh- C		
656	Vì Thị Thủy Linh	13	12	1988	X	01-08-2013	28-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 9 th	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh - B1		
657	NGUYỄN THỊ DIỆU THU	02	08	1979	X	01-09-2001	29-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 9 th	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn; Cử nhân khoa học - ngành Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II	CBQL GVPT	Chứng chỉ Tin học ứng dụng - Trình độ A	Anh - B		
658	Nguyễn Hữu Thanh	02	05	1982		01-09-2004	30-09-2013	Giáo viên	THPT Lê Trọng Tấn	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 8 th	V.07.05.15	3,99	SP Ngữ Văn ThS Văn học VN	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng - Trình độ A	Anh - B2		
659	Nguyễn Thị Nguyệt	15	5	1978	x	01/9/2004	01/9/2005	Phó Hiệu trưởng	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân SP Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ	A	B1		
660	Nguyễn Thị Thanh Phương	22	2	1978	x	01/9/2001	01/9/2002	GV-TTCM	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân SP Hóa Thạc sĩ GDH	Sơ cấp	GV THPT		A	B1		
661	Cao Thị Thủy Liễu	19	8	1980	x	01/9/2007	01/9/2008	GV-TKHD	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sp Hóa	Sơ cấp	GV THPT		A	B1		
662	Huỳnh Mẫn Mẫn	23	3	1982	x	15/9/2005	15/9/2006	GV-TTCD	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân SP Hóa	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B		
663	Phan Thị Vinh	21	2	1978	x	01/9/2003	01/9/2004	TTCM sinh học	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân SP Sinh	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B1		
664	Đinh Thị Nhật Liên	24	12	1989	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Sinh	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
665	Cao Thị Mơ	6	12	1983	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sp Kinh tế chính trị	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ	A	B		
666	Hà Thị Hải	12	3	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân SP Địa	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B		
667	Mai Thị Hương	13	11	1991	x	01/8/2014	01/8/2015	TTCM - GV	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT	Chứng chỉ	B	B1		
668	Lê Đình Hùng	28	1	1985		01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân SP Toán	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	A2		
669	Nguyễn Thị Linh Nhâm	27	10	1984	x	01/9/2011	01/9/2012	TTCM	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V07.05.15	3,66	Cử nhân SP Tin	Sơ cấp	GV THPT	Chứng nhận	Đại học	B1		
670	Đỗ Thị Kim Thành	4	7	1984	x	01/9/2011	01-09-2012	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân SP Tin	Sơ cấp	GV THPT		Đại học	Toelf		
671	Trần Minh Đức	15	8	1976		01-04-1999	01/4/2000	TTCM	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	19 năm	V.07.05.15	4,65	Cử nhân Sp GDTC	Trung cấp	GV THPT		B	B1		
672	Nguyễn Đình Quang	23	4	1974		01-09-1998	15-05-1999	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân SP GDTC	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B		
673	Lê Bá Lâm	15	1	1 981		01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên- CTCĐ	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	16 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ GDTC	Trung cấp	GV THPT		A	B1		
674	Tạ Thị Hồng Hà	17	12	1986	x	01-09-2012	01/9/2013	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân SP Tin	Sơ cấp	GV THPT		Đại học	B		
675	Lê Hoàng Vũ	29	8	1987		01/8/2013	01/8/2013	Giáo viên - TPCM	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ Toán	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ	A	B		
676	Vương Huy Sơn	1	1	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sp Toán	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	B		
677	Nguyễn Đình Ái Khanh	27	2	1981	x	01-09-2006	01/9/2007	TPCM	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3'99	Thạc sĩ Anh	Sơ cấp	GV THPT		Ứng dụng tin học cơ bản	HSK3		
678	Nguyễn Hữu Lộc	7	9	1984		01/9/2012	01-09-2013	Giáo viên	THPT Linh Trung	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Vật lí	Sơ cấp	GV THPT		A	C		
679	Nguyễn Thị Kiều Tuyết Vân	9	11	1980	x	01-09-2002	01-09-2003	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Toán học, Thạc sĩ Toán Hình học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
680	Hồ Thanh Trung	10	11	1990		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Toán, Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Cử Nhân		
681	Nguyễn Thanh Tùng	2	2	1967		01-09-1994	01-09-1996	Giáo viên	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	28 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98+7 %	Kỹ sư KCN		GV THPT hạng II		A	Chứng chỉ B		
682	Phạm Chí Thân	13	1	1980		01-09-2009	01-09-2010	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V,07.05,15	3,99	Cử nhân Công nghệ thông tin; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GVTHPT		Cử nhân	Anh bậc 3		
683	Sư Thị Hương Trang	18	4	1984	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THPT LONG THỚI	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm Sinh học, Đại học sư phạm Tp.HCM		GV THPT		CNTTCB	Chứng chỉ B		
684	Thiều Quang Thịnh	7	11	1991		01-08-2014	01-01-2016	Giáo viên	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	8 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Sư phạm Lịch Sử, Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
685	Thần Văn Kiều	10	9	1985		01-09-2010	01-09-2011	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Văn, Thạc sĩ Văn học	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Chứng chỉ B		
686	Nguyễn Văn Hậu	22	7	1976		01-09-1999	01-12-2000	Hiệu trưởng	Trường THPT Long Thới	Sở GD&ĐT	23 năm	V.07.05.15	4,98	Cử nhân Toán; Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT		CNTTCB	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
687	Phạm Thúy Hải Bình	13	1	1977	x	09-03-2003	09-03-2004	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân-Sinh-KTNN	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cơ bản	B		
688	Nguyễn Thị Trúc Chi	17	2	1982		09-01-2006	09-01-2007	TPCM Toán-tin	TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	CỬ NHÂN CNTT	SƠ CẤP	GV THPT hạng II		CỬ NHÂN CNTT, MOS MASTER	ANH VĂN B		
689	Lư Thị Kim Cúc	24	7	1993	x	08-03-2015	08-01-2016	TTCM Hoá học	THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	7 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B2		
690	Bùi Thị Kim Dung	14	2	1976	x	09-01-1999	09-01-2000	TTCM Ngữ văn	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	B1 theo khung CER		
691	Hoàng Thị Nga	24	12	1983	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên Vật lí	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí		GV THPT hạng II		A	A		
692	Đặng Thị Hạnh	2	2	1976	X	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	B1 theo khung CER		
693	Bùi Thị Thu Hoài	19	9	1979	x	09-05-2002	09-05-2003	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B năng cao	B		
694	Lê Thị Thùy Linh	15	7	1986	x	05-01-2010	05-01-2011	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa Lí Thạc Sĩ - Quản lý môi trường		GV THPT hạng II		Bằng A	Bằng B		
695	Trương Ngọc Mai	8	5	1989	x	08-01-2013	08-01-2014	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp		GV THPT hạng II		THUỖ B	Anh B		
696	Mai Thị Phương	27	11	1990	X	17/12/2012	17/12/2013	Giáo viên tiếng Anh	THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 02 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư Phạm Tiếng Anh - Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Huế	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp C		
697	Đinh Thị Thanh Thảo	8	6	1977	x	09-01-2001	09-01-2002	Giáo viên Toán học	THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	22 nam 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	SO CAP	GV THPT hạng II		A	B		
698	Nguyễn Văn Thuận	02	9	1979		01/4/2008	01/4/2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	Tin học ứng dụng trình độ A	Anh B		
699	Phạm Công Thường	27	11	1987		01-10-2013	01-10-2014	TTCM Sinh học	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	9 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh văn B		
700	Nguyễn Thị Yến	7	7	1978	x	15/08/2002	12-01-2003	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Long Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	B1 theo khung CER		
701	Nguyễn Thị Kim Dung	20	5	1982		01-09-2003	01-08-2013	Tổ Trưởng CM tổ Vật lí - KTCN	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lí		GV THPT hạng II		CNTTC B	Anh Bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
702	Huỳnh Thị Thủy Hằng	3	3	1982	X	01 -09 -2004	01 -09 -2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ lý luận văn học -Đại học sư phạm	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
703	Nguyễn Văn Kiên	30	10	1977		01-09-2011	01-09-2012	Tổ Trưởng CM tổ Tin học	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin		GV THPT hạng II		Đại học	Anh - Bậc 2		
704	Hoàng Thị Minh Nghi	11	3	1982	x	01-09-2005	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Vật lý Thạc sĩ -Vật lý kỹ thuật	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTC B	Pháp C		
705	Nguyễn Thị Hồng Nga	16	3	1982	X	01-09-2004	01-09-2009	Giáo viên toán - Chủ tịch công đoàn	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán Đại số	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
706	Tô Huỳnh Thiên Trọng	14	9	1990		01-09-2012	01-08-2013	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 2		
707	Nguyễn Minh Châu	15	7	1985		01-09-2009	01-09-2011	Tổ trưởng CM tổ Toán	Trường THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 4		
708	Kim Nguyễn Quỳnh Giao	10	11	1983	x	09-01-2009	09-01-2009	Hiệu trưởng	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư Phạm Hoá học, Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Hoá học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
709	Trần Minh Đức	13	11	1982		09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Khoa học máy tính Chứng chỉ lý luận dạy học và giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh A2		
710	Ngô Ngọc Huỳnh Hân	06	05	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	TTCM, Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư Phạm Hoá học, Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn Hoá học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân Ngữ văn Anh		
711	Đinh Văn Sơn	14	04	1989		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học sư phạm Hóa học Thạc sĩ Hóa học hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
712	Trần Chí Thanh	03	12	1989		09-01-2011	09-01-2012	TPCM, Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư Phạm Hoá học Thạc sĩ - Hóa học hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 520		
713	Huỳnh Thị Diễm Thủy	21	05	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
714	Đoàn Thị Nhung	13	10	1985	x	09-01-2009	09-01-2010	TTCM, Giáo viên môn GDCD	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Giáo dục chính trị Thạc sĩ Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
715	Hoàng Xuân Thành	09	06	1989		09-01-2011	09-01-2012	TPCM, Giáo viên môn TDQP	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư Phạm Giáo dục thể chất Thạc sĩ - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
716	Lâm Hoàng Thanh	30	07	1981		09-01-2004	09-01-2005	TPCM, Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học KHTN Toán giải tích Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Thạc sĩ Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
717	Tổng Thị Mộng Hà	03	03	1977	x	09-01-2006	09-01-2007	TPCM, Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Công nghệ thông tin trường Khoa học tự nhiên/ Có chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh A2		
718	Phạm Thị Minh Tuyền	20	01	1975	x	09-01-2000	12-01-2001	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học sư phạm Khoa Anh Thạc sĩ giảng dạy Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B/ Tiếng Pháp DELF A2	Thạc sĩ		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
719	Biện Minh Tân	25	12	1988		09-01-2011	09-01-2012	TTCM, Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
720	Nguyễn Phương Các	03	02	1981	x	09-01-2004	09-01-2005	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
721	Nguyễn Thị Hoàng Anh	11	07	1982	x	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Mỏ - Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học		
722	Nguyễn Ngọc Thu Trinh	11	12	1986	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Hóa học Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
723	Tăng Hồng Ngữ	02	10	1983	x	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ châu Á học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học		
724	Nguyễn Thị Quyên	17	01	1981	x	09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
725	Trần Duy Thúc	24	04	1989		09-01-2017	05-01-2018	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	6 năm 10 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học sư phạm Toán Thạc sĩ Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
726	Nguyễn Thị Trung Kiên	24	02	1988	x	09-01-2014	09-01-2015	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ: Vật lý hạt nhân nguyên tử và năng lượng cao	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
727	Nguyễn Thị Kem	30	05	1983	x	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lương Văn Can	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	không có chứng chỉ		
728	Ngô Ngọc Tuyết	24	05	1982	x	01/09/2011	01/09/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị Thạc sĩ Quản lý GD	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
729	Phạm Văn Thòa	20	08	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục thể chất Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
730	Hàn Thị Thanh Lan	26	08	1993	x	01/09/2015	01/09/2016	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	07 năm 08 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - PPGD Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
731	Vương Hoàng Phương	18	9	1980	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học KHTN- Toán -Tin học, Chứng chỉ NVSP	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cao đẳng	Anh B1		
732	Dương Minh Tú	28	05	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ : PPDH môn Hoá	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
733	Từ Hoàng Anh Tuấn	11	05	1976		01/08/2016	01/05/2017	Giáo viên môn công nghệ	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	7 năm,0 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật công nghiệp Thạc sĩ Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
734	Trần Thị Cẩm Thy	07	08	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B1		
735	Đỗ Phan Nhã An	26	06	1989	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	08 năm 09 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh , Thạc sĩ ngôn ngữ ứng dụng	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh-Thạc sĩ		
736	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12	07	1988		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
737	Nguyễn Trung Khoa	12	10	1985		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
738	Trần Thị Thanh Mai	10	07	1988	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học Sài Gòn- Việt Nam học Thạc sĩ : Việt Nam học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
739	Phan Thị Như Ngọc	04	04	1983	x	01/09/2006	01/12/2009	Chủ tịch Công đoàn - Giáo viên môn thể dục	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	14 Năm, 05 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học TDTT- Giáo dục thể chất Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
740	Mai Thị Niên	27	02	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Vinh - Sinh học CCNV sư phạm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
741	Lê Thị Thanh Mai	10	07	1988	x	01/09/2004	01/12/2005	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	18 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ: Hoá - Phân tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
742	Trịnh Thị Thảo	20	06	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Tổ trưởng môn Sinh học	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Hồng Đức Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
743	Trần Thị Bích Châu	19	5	1973	X	01/09/1997	01/09/1999	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và công chức nhà nước	CNNTCB			
744	Phạm Thị Thu Thủy	1	1	1979	X	31/08/2001	01/01/2023	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	21 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và công chức nhà nước		Anh B1		
745	Nguyễn Thị Xuân Đào	9	7	1974	X	01/09/1997	01/09/1999	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
746	Nguyễn Thị Hậu Phương	3	9	1973	X	01/09/1999	01/09/2000	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ -Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng A	Anh B1		
747	Đàm Thị Mai Hương	9	12	1973	X	01/09/2001	01/09/2002	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học- Sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
748	Nguyễn Thị Hạ Nguyên	28	10	1981	X	01/09/2007	01/09/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
749	Nguyễn Thị Hoa	26	10	1974	X	01/09/1997	01/09/1999	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học- Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và công chức nhà nước	Tin học Chứng chỉ của NIIT + Ứng dụng CNTT trong dạy học	Anh B		
750	Trần Lê Duy	13	5	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin Học	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tin học Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh B1		
751	Nguyễn Thị Ngọc Liên	15	8	1986	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tin Học	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh B		
752	Nguyễn Văn Bình	22	6	1981		01/09/2008	01/09/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và công chức nhà nước	B	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
753	Nguyễn Thị Xuân Phương	27	3	1977	X	01/09/2000	01/09/2007	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học- Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II			Pháp B		
754	Nguyễn Minh Thành	9	8	1991		01/09/2013	01/09/2014	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học- Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản			
755	Lê Thị Kim Anh	17	7	1984	X	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí		GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và công chức nhà nước	A	Anh B2		
756	Nguyễn Thị Nu	02	02	1981	X	01/09/2004	01-09-2009	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Địa lí Thạc sĩ - Phương pháp lý luận và dạy học Địa Lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh ĐH		
757	Lưu Võ Loan Tâm	24	8	1987	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa Lí		GV THPT hạng II		A	Anh Bậc 3		
758	Huỳnh Thị Thủy Hằng	15	5	1982	X	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư Phạm Tiếng Anh Thạc sĩ giảng dạy tiếng Anh		GV THPT hạng II		A	Anh ĐH		
759	Đinh Ngọc Quỳnh Phong	8	10	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	09 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư Phạm Tiếng Anh Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh C1 (IELTS 8.0, FCE 80), Hoa Chứng chỉ B (cấp năm 2016)		
760	Nguyễn Minh Hoàng	13	2	1985		15/08/2011	01-09-2012	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL giáo dục	Tin học ứng dụng trình độ B	TOEF ITP 460		
761	Nguyễn Thanh Hoa	16	11	1975	X	16/09/1997	01/06/1999	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	Sở GD&ĐT	24 năm 9 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân Sư phạm Lịch sử Thạc Sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A	Anh B1		
762	Nguyễn Văn Yên	10	11	1970		01/10/1998	01/10/1999	Hiệu trưởng	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	24 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98 7%	Đại Học -Sư phạm Ngữ Văn Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
763	Ngô Thị Thanh Hải	12	4	1980	x	01/9/2008	01/9/2008	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học Khoa học xã hội và Nhân Văn - Cử nhân Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
764	Đoàn Minh Quốc	21	10	1978		01/9/2000	01/9/2007	Tổ phó CM	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc sĩ - Ngôn ngữ học	Trung cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B1		
765	Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc	17	3	1987	x	09-01-2009	01/8/2015	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ Vật lý- Nguyễn tử hạt nhân	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
766	Võ Thị Minh Lộc	13	2	1979	x	01/8/2014	01/8/2015	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	9năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
767	Nguyễn Công Thái Sơn	17	3	1992		08-01-2015	01/8/2016	Thư ký hội đồng Tổ trưởng chuyên môn	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học- Sư phạm hóa học Thạc sĩ - hóa hữu cơ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
768	Trần Thị Quỳnh Trâm	04	8	1986	x	01/10/2010	01/10/2011	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Victoria-Úc Thạc sĩ TEOL	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Pháp B		
769	Nguyễn Trung Quân	15	02	1990		01/8/2015	01/8/2016	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại học- Sư phạm Giáo dục Thể chất Thạc sĩ - Giáo dục Thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B2 VB 2		
770	Đỗ Thị Xuân Thủy	15	02	1982	x	10/10/2010	01/10/2010	Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.05.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học Ứng dụng,	Cử nhân Anh văn		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
771	Nguyễn Thị Thanh Thảo	04	5	1980	x	01/9/2012	01/9/2013	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Nga Văn Thạc sĩ - Giảng dạy tiếng anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Cử nhân Ngữ Văn Anh		
772	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	27	9	1978	x	01/8/2013	01/8/2014	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	9 năm 2 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Hóa Vô cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II			Anh C		
773	Trương Thị Kim Ngọc	25	5	1989	x	01/8/2015	01/8/2016	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại học- Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CN TT cơ bản	Anh B1		
774	Huỳnh Minh Hải	22	12	1989		01/8/2011	01/8/2014	Tổ phó chuyên môn	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học- Sư phạm Vật lí Thạc sĩ - Vật lí	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng TTCM	B	Anh B1		
775	Nguyễn Thị Xuân Thủy	03	5	1985	x	01/9/2011	01/9/2012	GV hạng III	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Thạc sĩ - Toán Đại số	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
776	Vô Thị Hậu	20	10	1983	x	01/8/2013	01/8/2014	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Triết học	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
777	Mạch Khánh Linh	27	4	1982	x	01/9/2011	01/9/2012	Tổ phó chuyên môn	THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Khoa học tự nhiên Thạc sĩ - Giảng dạy Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
778	Nguyễn Kim Dung	31	05	1977	x	05/9/2001	01/10/2007	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học Ngoại ngữ Tin Học (Cử nhân CNTT) Đại học Sư phạm TP.HCM (Chứng chỉ Lý luận chính trị và dạy học)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh B		
779	Đặng Thị Uyên	22	1	1985	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn, Thạc Sĩ - Văn học Nước ngoài	Trung cấp	GV THPT hạng II		CN TTCB	Văn bằng 2 tiếng Anh		
780	Đỗ Phúc Uyên	15	4	1978	x	05/9/2001	01/9/2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Marie Curie	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.05.05.15	4.32	Đại học KHXH&NV -Cử nhân Văn học Đại học Sư phạm TP.HCM (Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục) Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Học phần quản lý hành chính NN&QL GD&ĐT	B	Anh B2		
781	Nguyễn Ngọc Phương	3	10	1972		01/09/2004	01/09/2005	Hiệu trưởng	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Quản lí giáo dục	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học B	Anh B		
782	Hoàng Văn Thắng	16	10	1982		01/09/2009	01/09/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm GD chính trị; Thạc sĩ - Quản lí giáo dục	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học A	Anh B		
783	Vũ Thị Uyên	12	9	1985	X	01/9/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy Công nghệ	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Nông nghiệp Công nghệ sinh học		Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học B	Anh B		
784	Lê Thanh Hùng	26	2	1987		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Yersin Đà Lạt Ngôn ngữ Anh Thạc sĩ - Ngôn ngữ Anh		Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		IC3	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
785	Khuru Kiến Toàn	20	30	1989		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên dạy Hoá	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	10 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Hóa; Thạc sĩ - Phương pháp dạy học môn Hoá học		Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học A	Anh B1		
786	Nguyễn Khắc Hậu	9	1	1987		01/09/2010	01/09/2011	Phó Chủ tịch CDCS Giáo viên dạy Giáo dục QPAN	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục quốc phòng an ninh	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học B	Anh B		
787	Đỗ Thị Đan Thùy	17	11	1978	X	01/09/2000	01/09/2001	Tổ trưởng tổ Địa lí Chủ tịch công đoàn cơ sở	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư Phạm Địa Lí; Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT		Tin học ứng dụng	Anh ĐH		
788	Hứa Vũ Hải	20	6	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy Toán	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT		Tin học A	Anh A		
789	Trần Ngọc Anh Thư	16	11	1988	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên dạy Anh Văn	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh; Thạc sĩ - Giáo dục lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Chứng chỉ BDCDNN GVTHPT Hạng II		Tin học A	Anh ĐH		
790	Vân Thị Kim Thành	17	11	1991	X	02-01-2014	02-01-2015	TTCM	Trường THPT Năng Khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	Sở GD&ĐT	09 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.33+9 %	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Tiếng Anh B		
791	Nguyễn Thị Kim Khương	24	9	1995	X	08-01-2017	05-01-2018	Giáo viên	Trường THPT Năng Khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	Sở GD&ĐT	6 năm	V.07.05.15	2.67+5 %	Thạc sĩ - Ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn toán.	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		
792	Hà Thanh An	6	11	1969		01-09-2009		Hiệu trưởng	Trường THPT Ngô Gia Tự	Sở GD&ĐT	14 năm 07 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Vật lý	TCCT	GV THPT hạng II	TC	ĐH ĐC	Anh B1		
793	Nguyễn Hữu Trí	11	7	1968		01-09-1996	01-09-1998	Hiệu trưởng	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+6 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - phương pháp dạy học môn Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
794	Đặng Thị Thanh Bình	2	7	1976	x	01-09-1998	01-09-2001	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	24 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+6 %	Đại Học - Sư phạm Hóa học, Thạc Sĩ - phương pháp dạy học môn Hóa học	Cao cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
795	Lê Tôn Bút	1	4	1973		01-09-2007	01-09-2008	Tổ trưởng CM	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm sinh học, Thạc Sĩ - phương pháp dạy học môn sinh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
796	Thái Hải Hà	8	3	1975	x	01/09/2011	01-09-2012	Tổ trưởng CM	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy hóa học		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B		
797	Đỗ Việt Khanh	17	12	1974		01-09-1999	01-09-2001	Tổ phó CM	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98+5 %	Đại Học - Sư phạm Văn, Thạc Sĩ - Lý luận văn học		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh C		
798	Chu Thị Hồng Loan	13	1	1978	x	01-09-2001	01-09-2003	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Địa lí		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B		
799	Trần Thị Hải Yến	29	8	1978	x	01/09/2001	01-09-2003	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Anh, Thạc Sĩ - Giảng dạy tiếng anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
800	Bùi Bích Liên	13	6	1983	x	01-01-2010	01-01-2011	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học TDTT Huấn luyện thể thao		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
801	Nguyễn Đại Hải	2	11	1978		16-09-2002	16-09-2004	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - TDTT Giáo dục thể chất, Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
802	Nguyễn Văn Tường	22	7	1987		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - TDTT Giáo dục thể chất,		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh C		
803	Đinh Thị Thu Phương	5	5	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán, Thạc Sĩ - phương pháp dạy học môn Toán		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
804	Nguyễn Thị Thu Hồng	20	3	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học sư phạm - Địa lý		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
805	Lê Thị Kim Chi	9	4	1987	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Ngô Quyền	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn, Thạc Sĩ - văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh A		
806	Nguyễn Thành Trung	17	5	1981		01-09-2009	01-09-2010	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	13 năm 19 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - QLGD	Cao cấp	GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	THƯD B	Anh B1		
807	Nguyễn Tường Thịnh	22	02	1975		01/9/1998	01/9/1999	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	24 năm 19 tháng	V.07.05.15	4.98+6 %	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	MOS	Anh B1		
808	Lê Thị Phương	17	5	1982	x	01/9/2009	01/9/2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	13 năm 19 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn - Thạc sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Trung C		
809	Nguyễn Thị Phương Anh	06	4	1969	x	01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT		V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh B		
810	Mã Thị Minh Thi	31	01	1977	x	01/9/2000	01/9/2001	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	22 năm 19 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
811	Nguyễn Đình Khoa	08	3	1982		01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	15 năm 19 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn - Thạc sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
812	Dương Thị Thắm	10	01	1988	x	01/8/2013	01/8/2014	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	9 năm 22 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn - Thạc sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
813	Nguyễn Thị Giang	05	3	1986	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	12 năm 19 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
814	Nguyễn Thị Lý	21	5	1981	x	01/8/2007	01/8/2008	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	15 năm 22 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh B1		
815	Nguyễn Thị Thu Ba	03	9	1988	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	8 năm 22 tháng	V.07.05.15	3	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh B1		
816	Trương Văn Phúc	02	9	1981		01/9/2008	01/10/2005	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Tin học - Thạc sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT		Đại học	Anh B		
817	Nguyễn Văn Hùng	28	7	1978		01/8/2008	01/8/2009	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	14 năm 22 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Anh văn		GV THPT		Đại học	Anh ĐH		
818	Nguyễn Xuân Thu	22	7	1972	x	01-09-1994	01-09-1995	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	18 năm 19 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Anh văn		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh B1		
819	Dương Anh Quang	28	9	1983		01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	11 năm 19 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lí Thạc sĩ - Vật lí		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh C		
820	Nguyễn Minh Hoàng	02	01	1975		01/9/2008	01/9/2008	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	15 năm 19 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Vật lý - Thạc sĩ - Vật lý lý thuyết		GV THPT		CNTT cơ bản	Nga C		
821	Trần Thị Hạnh	29	8	1986	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Vật lý - Thạc sĩ - Vật lý kỹ thuật		GV THPT		CNTT nâng cao	GCN		
822	Diệp Kim Hải	12	9	1978		01/10/2004	01/10/2005	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất Thạc sĩ - Giáo dục thể chất		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
823	Hoàng Thị Tứ	20	4	1985		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn QPAN	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	10 năm 19 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất - Qwốc phòng Thạc sĩ - Luật hành chính hiến pháp	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
824	Đào Thị Thành	01	9	1988	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	12năm24tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh B1		
825	Phạm Thị Thu Hường	10	10	1985	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Nguyễn An Ninh	Sở GD&ĐT	14năm13tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí		GV THPT		CNTT nâng cao	Anh A2		
826	Nguyễn Thị Lan Anh	10	2	1977	x	09-01-2002	09-01-2008	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	15 năm 07 tháng	V.07.05.15	4.32+0,25	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
827	Nguyễn Thị Lan Anh	1	5	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	10 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật Lý Thạc Sĩ - Vật Lý (Quang học)		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
828	Hồ Lan Ngọc Anh	3	9	1984	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	14 năm 03 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học, Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CCA Tin học VP	Anh B		
829	Nguyễn Quốc Dũng	30	3	1996		10-01-1991	10-01-1994	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	29 năm 07 tháng	V.07.05.15	4.98+	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
830	Nguyễn Thị Phương Dung	8	1	1985	x	09-01-2008	09-01-2009	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	15 năm 08 tháng	V.07.05.15	3.99+0,25	Đại Học - Sư phạm Toán Tin	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
831	Nguyễn Minh Đức	20	2	1986		09-01-2008	09-01-2009	Tổ phó CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	14 năm 06 tháng	V.07.05.15	3.99+0,125	Đại Học - Sư phạm Anh, Thạc sĩ TESOL UC		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - TOEFL IBT 80		
832	Nguyễn Thái Hoàng	5	6	1966		09-01-1995	09-01-1997	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	26 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,98+0,25	Đại Học - Sư phạm Vinh ngành Vật lý(Quang học)		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
833	Phan Hồ Hải	18	3	1971		09-01-1999	09-01-2000	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98+5 %	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật TP.HCM Thạc Sĩ - QLGD	Cao cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân		
834	Vũ Nhật Hùng	7	6	1964		10-03-1986	01-03-1989	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	37 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,98+0,25	Đại Học - Sư phạm TDTT Trung Ương 2		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
835	Hà Thị Thu Hằng	1	6	1982	x	09-01-2004	17/04/2013	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	11 năm 00 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		THƯD A	Anh B		
836	Nguyễn Duy Linh	27	12	1964		09-01-1988	09-01-1988	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	35 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,98+0,25	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
837	Vũ Thị Ngọc Linh	20	6	198	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	12 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Toán học		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh - TOEIC		
838	Phạm Thị Ngọc Ly	5	9	1974	x	09-01-1998	03-09-2000	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	25 năm 06 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Lý	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
839	Nguyễn Quang Minh	16	1	1964		09-01-1993	01-01-1996	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	30 năm 05 tháng	V.07.05.15	4,98+0,25	Đại Học - Sư phạm Sinh	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
840	Phạm Quang Minh	18	12	1964		01-11-1989	01-11-1991	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	34 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học (Tin học)		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
841	Trần Đồng Hậu Nghĩa	11	3	1991	x	03-01-2013	03-01-2014	Giáo viên môn GDQP&AN	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	10 năm 01 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B		
842	Nguyễn Thanh Phong	19	5	1983		09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	15 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
843	Đoàn Thụy Kim Phượng	22	2	1986	x	09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	16 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
844	Đỗ Thị Như Quỳnh	21	10	1974	x	09-01-1998	09-01-2000	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	23 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,65+0,25	Thạc sĩ Văn học VN	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
845	Hoàng Thị Như Quỳnh	18	2	1979	x	09-01-2001	09-01-2005	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	18 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học sư phạm Văn học VN		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
846	Vũ Công Quát			1973		09-01-2003	09-01-2004	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	19 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,34	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		Trung cấp	Anh B1		
847	Vũ Văn Quý	22	9	1980		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	13 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Vật lý kỹ thuật		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
848	Trần Ngọc Tú	10	5	1970		09-01-1997	01-01-1999	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	25 năm 00 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học sư phạm Vật lý		Không		Tin học B	Anh B		
849	Lê Thị Trà	2	12	1983	x	09-01-2008	09-01-2009	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	15 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
850	Tiết Minh Trung	23	9	1983		09-01-2007	09-01-2008	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	16 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh DH		
851	Nguyễn Thị Anh Thư	24	4	1976	x	09-01-2000	09-01-2021	Tổ phó CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	24 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,98+0,125	Thạc sĩ Văn học VN		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
852	Nguyễn Minh Tài	1	10	1989		09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	12 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Hóa học		GV THPT hạng II		Tin học B	Anh - TOEFL Ibt		
853	Nguyễn Thị Hồng Thái	1	4	1977	x	09-01-1999	09-01-2000	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	23 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
854	Nguyễn Thị Thu Thảo	11	11	1979	x	09-01-2001	09-01-2003	Tổ phó CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	20 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học sư phạm Toán		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
855	Cao Bửu Thọ	01	06	1973	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên GD QP&AN	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	22 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học		GV THPT hạng II		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh		
856	Phạm Hồng Tiệp	28	05	1983		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên GDTC	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	16 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học		GV THPT hạng II		UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh		
857	Lê Minh Trọng	08	08	1989		23-11-2011	18-12-2012	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	11 năm 04 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Sinh học	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		MOS	Anh - TOEIC		
858	Hoàng Thị Hồng Vân	27	9	1978	x	09-01-2000	01/09/20001	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	22 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Văn học VN	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		UD CNTT cơ bản			
859	Nguyễn Quang Vũ	06	12	1987		01-09-2012	01-09-2013	Tổ phó CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	10 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Sinh học		GV THPT hạng II		UD CNTT cơ bản	Anh B1		
860	Châu Thanh Việt	12	05	1984		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	14 năm 03 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngữ văn	Trung cấp CT	GV THPT hạng II		THƯA	Anh B1		
861	Nguyễn Anh Văn	20	5	1983		09-01-2008	09-01-2009	Tổ phó CM	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	15 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,99+0,125	Đại học		GV THPT hạng II		THƯA	Anh B		
862	Huỳnh Nguyễn Xuân Đào	26	11	1989	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên Hóa học	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	08 năm 09 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		THƯA	Anh B1		
863	Nguyễn Thị Tâm	20	6	1990	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	08 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Văn học VN		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
864	Lê Trần Thu Thủy	25	4	1990	x	18/01/2015	18/01/2016	Giáo viên Anh văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	08 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		THƯĐ A	Trung B2		
865	Dương Ngọc Hoàng Yến	25	1	1992	x	08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên Anh văn	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Sở GD&ĐT	08 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
866	Trần Thị Tú Anh	16	12	1981	X	01-02-2011	01-02-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	11 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân - Sư phạm Hoá học Thạc sĩ Giáo dục học - Lý luận và PPDH môn Hóa học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh - C		
867	Phạm Thị Thu Hà	28	3	1982	X	01-09-2008	01-09-2008	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Khoa học ngành Hoá học; Thạc sĩ Giáo dục học - Lý luận và PPDH môn Hóa học		GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh - B		
868	Cao Nguyên Hoàng	23	7	1984		01-09-2006	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn Tổ Toán	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Khoa học - ngành Toán- Thạc Sĩ - Toán học		GV THPT hạng II	GCN	A	TOEFL ITP-487 điểm		
869	Trần Thị Huyền	20	11	1980	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Khoa học- ngành Lịch sử		GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh Bậc 2		
870	Đỗ Thị Hát	20	3	1986	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Tiếng Anh Bậc 3/6(B1)		
871	Nguyễn Thụy Hải Yến	27	2	1975	X	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II	GCN	A	Tiếng Anh - B		
872	Vũ Thị Bích	26	7	1983	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II	GCN	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Đã thi, chưa có chứng chỉ		
873	Lê Thị Ngọc Dung	11	4	1981	X	01-09-2005	01-09-2006	Tổ trưởng CM Tổ Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân Khoa học ngành Ngữ văn, Thạc sĩ văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	GCN	B	Tiếng Anh - B1		
874	Phạm Thị Hà	9	3	1984	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Tiếng Anh- B1		
875	Dương Thị Thường	26	3	1986	X	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Khoa học ngành Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ văn		GV THPT hạng II		A	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
876	Lê Thành Công	5	11	1984		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Khoa học - Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		B	A		
877	Phạm Thị Thiên Hương	1	11	1971	X	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân SP Thể dục thể thao - Giáo dục thể chất		GV THPT hạng II		A	B		
878	Lê Văn Đò	15	12	1971		01/10/1995	01/09/2010	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	THƯĐ B	Anh ĐH		
879	Nguyễn Ngọc Thảo	1	11	1973	x	01-09-1995	01-01-1999	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	25 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.98+9 %	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT		Cao đẳng	Anh B1		
880	Nguyễn Thị Mai	18	10	1980	x	01-09-2003	01-09-2004	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học KHXHNV-Địa lý kinh tế Thạc sĩ Địa lý học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
881	Nguyễn Thị Kim Quyên	18	9	1978	x	01-09-2006	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam		GV THPT		CNTTCB	Anh B1		
882	Trịnh Yến Nhi	25	4	1982	x	01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học KHXHNV -Ngôn ngữ học Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Tiếng Anh		GV THPT		Tin học A	Anh Thạc sĩ		
883	Lê Hoàng Long	11	3	1980		01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT		Đại học	Anh B1		
884	Đỗ Duy	10	2	1984		01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Giáo dục thể chất Thạc sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT		MOS	Anh B1		
885	Ngô Phạm Hưng Thịnh	26	6	1977		01-09-2000	01-09-2001	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT		MOS	Anh Bậc 3		
886	Nguyễn Thị Thu Thảo	8	8	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh Bậc 4		
887	Nguyễn Thị Giàu	22	8	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B1		
888	Đặng Thị Hồng Thủy	29	2	1976	x	01-09-1997	01-09-1999	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+8 %	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Hóa học hữu cơ	Trung cấp	GV THPT		Tin học A	Anh Bậc 3		
889	Nguyễn Ngọc Nam	20	6	1985		01-09-2009	01-09-2010	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Du	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Cử nhân Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT		Tin học A	Anh ĐH		
890	Thái Quang Cường	17	1	1967		01-08-1989	01-08-1989	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hiền	Sở GD&ĐT	34 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 + 16%	Đại Học - Sư phạm Toán, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
891	Nguyễn Thanh Tú	30	10	1983		01/09/2007	01/09/2008	Tổ trưởng tổ TD.QPAN	Trường THPT Nguyễn Hiền	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Thể dục thể thao - Chuyên ngành giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên THPT		CNTTCB	Anh B1		
892	Võ Thị Lân	9	5	1984	x	01-09-2008	01-09-2009	Tổ trưởng tổ Lý	Trường THPT Nguyễn Hiền	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lý, Thạc Sĩ - chuyên ngành lý luận và PP dạy học bộ môn Vật Lý		GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B1		
893	Nguyễn Thị Tân Lương	19	4	1979	x	01-09-2001	01-09-2002	Tổ trưởng tổ Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hiền	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Vật lý, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh ĐH		
894	Cù Thị Thanh Thủy	3	5	1978	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Hiền	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm ngoại ngữ HN, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh ĐH		
895	Trần Thị Thủy Tiên	01	11	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học VN	Cử nhân	GV THPT hạng II	Chuyên viên	CNTTCB	Tiếng Anh B1		
896	Bùi Thị Thu Hà	24	12	1981	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
897	Bùi Thị Ngát	28	10	1979	x	01/09/2001	01/09/2002	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán Thạc Sĩ - Li luận và PPDH môn Toán		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
898	Cao Kiều Phương	1	6	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Thể dục - Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Giáo Dục Thể Chất Thạc Sĩ - Khoa Học Giáo Dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
899	Hồ Thị Diễm	7	5	1985	x	01/10/2008	01/10/2009	Giáo viên môn Sinh Học	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Sinh Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Sinh		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
900	Khổng Thị Thanh Hà	16	4	1975	x	09-01-1997	01-09-1999	Giáo viên Ngữ văn - Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT TP HCM	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 9%	Đại Học - Sư phạm Văn học Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ CBQL	CNTTCB	Tiếng Anh B1		
901	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20	11	1983	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên Sinh học - Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học Khoa học tự nhiên - Cử nhân Sinh học Thạc Sĩ - Sinh lý động vật	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh - TOEFL Ibt		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
902	Đinh Thị Thủy	13	4	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A	Bậc 3 (tương đương B1 theo khung CEFR)		
903	Hoàng Thị Lệ	27	2	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa Lý Thạc Sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	Đã hoàn thành khóa học bồi dưỡng NV QLGD	CNTT nâng cao	Tiếng Anh B1		
904	Hoàng Thị Nguyệt	5	10	1984	Nữ	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Vật lý	THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm chứng chỉ sư phạm. Cử Nhân Đại Học - KHTN		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
905	Lê Thị Thu Huyền	29	10	1985	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Đại số và lí thuyết số		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
906	Lê Trần Phương Thảo	24	8	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Hóa học - Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Hóa		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
907	Nguyễn Thị Lan Hương	1	10	1978	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
908	Nguyễn Ngọc Hạnh	16	1	1977	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Địa Lí		GV THPT hạng III		Chứng chỉ A2	Tiếng Anh A2		
909	Nguyễn Thị Dung	2	9	1980	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Chuyên ngành Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
910	Nguyễn Thị Hồng Loan	8	4	1978	x	05/09/2001	05/09/2002	Giáo viên Ngữ văn -Tổ Phó chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Trình độ B		
911	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	11	7	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ ứng dụng CNTT	Anh B2 Châu Âu		
912	Nguyễn Thị Ngọc Lê	29	3	1982	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		Tin B	Anh C		
913	Phạm Thị Hoài Thanh	9	8	1980	x	30/09/2003	21/12/2004	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	19 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Vật lí		GV THPT hạng II	Chứng nhận QLHC Nhà nước và QL ngành GD-ĐT	CNTTCB	Tiếng Anh-trình độ B		
914	Phạm Thị Mai	5	10	1983		01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CC Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B1		
915	Phạm Thị Thống	8	8	1977	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Tin học - Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Khoa học Tự Nhiên - Công nghệ thông tin		GV THPT hạng II		Cử nhân	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
916	Trần Đức Việt	21	11	1990		01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên Toán	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM Thạc Sĩ - Toán tài chính tính toán định lượng (Toán ứng dụng)		GV THPT hạng II		THƯỞNG B	Anh - TOEIC 635		
917	Trần Đình Cường	15	12	1963		05/09/1986	05/09/1987	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	36 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98+7 %	Đại Học - Sư phạm Lịch Sử Tiền Sĩ - Lịch Sử Việt Nam		GV THPT hạng II		CNNTCB	Pháp bậc C		
918	Trần Thị Vân Anh	18	1	1984	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ Văn	THPT Nguyễn Huệ	Sở GD TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử nhân Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản	B1-Anh Văn		
919	Trịnh Lê Minh Vy	20	1	1988		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Công nghệ- Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật Công nông nghiệp Thạc Sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	THƯỞNG B	Tiếng Anh B		
920	Nguyễn Thị Lan	20	4	1974	Nữ	01/01/1997	01/01/1998	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	26 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,98 + 8%	Cử Nhân ĐH Sư phạm TPHCM		GV THPT hạng II		CNNTCB	Tiếng Anh B		
921	Nguyễn Thị Duyên	21	8	1985	Nữ	01/10/2010	01/10/2011	Giáo viên môn GD kinh tế pháp luật	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Giáo dục chính trị		GV THPT hạng II		Tin học văn phòng A	Tiếng Anh B		
922	Lê Thị Thanh Vang	6	9	1979	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Công nghệ thông tin Thạc Sĩ - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Tiếng Anh B1		
923	Nguyễn Ngọc Lê	6	1	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Đại học - Tiếng Trung		
924	Nguyễn Thị Thu Hằng	1	9	1987	x	05/09/2011	05/09/2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Kỹ sư Công nghệ kĩ thuật; Thạc sĩ - Lý luận & phương pháp dạy học công nghệ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3(CEFR)		
925	Phan Thị Phương	23	10	1986	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Lịch sử - Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNNTCB	Tiếng Anh bậc 2/6		
926	Vũ Thị Lệ Duyên	1	5	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		
927	Hoàng Thị Mùi	30	11	1980	x	10/09/2003	10/09/2004	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Huệ	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học -Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Tiếng Anh B		
928	Hồ Ngọc Đăng Khoa	26	11	1989		01/10/2011	01/10/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	12 năm 06 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Vật lý học, Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
929	Bùi Thị Nha	18	03	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	15 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học, Thạc sĩ - Hóa sinh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 4		
930	Cao Thị Thùy Trang	09	07	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh trình độ B		
931	Chu Thị Phương	17	10	1987	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Văn học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh trình độ A		
932	Hứa Thị Hạ Phương	01	05	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	14 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học, Thạc sĩ - Hình học và tôpô	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	TOEFL ITP 457		
933	Lê Thị Loan	22	08	1989	x	01/01/2012	01/01/2013	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	12 năm 03 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
934	Nguyễn Anh Tuấn	25	06	1988		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Công nghệ thông tin, Đại học - Ngôn ngữ Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học Tin học	Đại học - Ngôn ngữ Anh		
935	Nguyễn Thị Kim Oanh	15	03	1986	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	15 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ - Hóa Hữu cơ		GV THPT hạng II		CNITCB	TOEFL ITP 450		
936	Nguyễn Thị Thu Ngân	23	10	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học, Thạc sĩ - Sinh thái học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
937	Nguyễn Trang Thủy Diệu	10	11	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	14 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
938	Vân Thị Kim Thoa	09	06	1988	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	13 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	TOEFL 453		
939	Lê Thị Hồng Phương	15	07	1989	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	12 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 4		
940	Lê Thị Hà	09	06	1976	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	09 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học, Thạc sĩ - Phương pháp Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
941	Huỳnh Thị Hà	18	02	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	15 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Đại học - Ngôn ngữ Anh		
942	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29	01	1974	x	01/09/1997	01/09/1998	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	26 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,98 + 8%	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNITCB	Anh bậc 3		
943	Trịnh Thị Mai Hồng	01	10	1982	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	Sở GD&ĐT	18 năm 07 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNITCB			
944	Phùng Nhật Anh	22	11	1982		01-09-2004	01-09-2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
945	Nguyễn Thị Thu Phương	1	6	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
946	Nguyễn Hoàng Phương Thuý	22	7	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Nhật		
947	Nguyễn Đăng Khoa	24	11	1979		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
948	Cao Thị Ngọc Thu	16	9	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	TTCM	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
949	Nguyễn Thị Hạnh	5	11	1982	x	01-04-2007	01-04-2008	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	16 năm	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh C		
950	Nguyễn Hùng Sang	3	6	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - TOEFL		
951	Trịnh Thị Kim Nguyên	20	5	1980	x	05-09-2002	05-09-2003	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
952	Ngô Thị Mộng Thu	2	3	1978	x	01-09-2007	01-09-2008	TTCM	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
953	Mai Kim Hoàng	14	09	1973		01/09/1997	01/01/1999	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	24 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Hoá học Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	UD CNTT CB	Anh B1			
954	Trần Trung Quân	27	01	1990		01/08/2013	01/08/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	ĐHSP Vật lý Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	UD CNTT CB	Anh B1			
955	Phạm Thị Minh Trâm	04	02	1976	x	01/09/2004	01/09/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	ĐHSP Toán Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	UD CNTT CB	Anh B1			
956	Nguyễn Ngọc Bích	15	12	1977	x	15/11/2000	15/11/2001	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	22 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng	Cử nhân ngoại ngữ			
957	Nguyễn Trung Hậu	20	06	1978		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II	B	Anh Văn C			
958	Nguyễn Thị Thúy Mừng	30	10	1977	x	01-11-2000	01-12-2001	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	22 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	ĐHSP Hoá học	Cao cấp	GV THPT hạng II	A	Anh B			
959	Nguyễn Thị Nhị	07	01	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	ĐHSP Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II	A	Anh A2			
960	Lê Hà Phương	12	02	1986	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	UD CNTT CB	Anh B1			
961	Nguyễn Thị Quyên	19	11	1981		01/09/2005	01/09/2007	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II	UD CNTT CB	Anh A2			
962	Trần Ngọc Thiện Tâm	11	10	1971		01/9/2005	01/9/2006	Tổ trưởng CM	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học TDTT	Trung cấp	GV THPT hạng II	A	Anh B			
963	Nguyễn Thị Thu Tháo	21	12	1982	x	09-05-2004	09-05-2005	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Tin học cơ bản	Anh A2			
964	Nguyễn Thành Nam	04	06	1981		01/09/2004	01/09/2005	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT NC	Anh - B1		
965	Thạch Thị Lan Phương	01	01	1982	X	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - Hải Dương Học		GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh Đại học		
966	Đinh Thị Tuyết Hồng	20	10	1977	X	01/09/2000	01/01/2002	Giáo viên môn Sinh	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	22 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học- Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh ĐH		
967	Hồ Đăng Kim Lộc	06	02	1987	X	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư Phạm Toán Thạc Sĩ - Đại Số và Giải Tích		GV THPT hạng II		CNTT NC	Anh C		
968	Lưu Thị Ánh	01	07	1982	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư phạm Địa lí - Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT NC	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
969	Huỳnh Thị Đào	15	11	1977	X	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh văn A 2		
970	Phạm Quốc Thắng	27	01	1969		01/09/1993	01/09/1994	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	29 năm	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Toán	Đại học	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh văn A		
971	Trần Phi Oanh	26	07	1985	X	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh-Đại học		
972	Nguyễn Thị Hạnh	08	03	1985	X	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Ngoại Ngữ	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh - IELTS		
973	Nguyễn Thị Hồng	06	03	1985	X	01/10/2009	01/10/2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - LL&PP dạy học Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	B1		
974	Nguyễn Tiến Thiên Cung	14	07	1983		01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Vật Lý Thạc sĩ - Khoa học Vật chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh - B1		
975	Huỳnh Ngọc Mỹ Anh	22	08	1991		01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Ngoại Ngữ	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh - IELTS		
976	Huỳnh Thị Kim Phương	05	08	1984	X	01/08/2006	01/08/2007	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	16 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Vật Lý Thạc sĩ - Vật lý địa cầu	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh - TOEIC		
977	Nguyễn Thị Trúc Mai	03	03	1988	X	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B1		
978	Võ Hoàng Trâm	22	08	1989	X	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	11 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B1		
979	Nguyễn Thị Kim Trâm	24	11	1990	X	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B1		
980	Huỳnh Phúc Huy	26	08	1990		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Hóa lý thuyết và Hóa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B1		
981	Nguyễn Xuân Trường	04	05	1990		01/08/2016	01/05/2017	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Sinh học Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh B2		
982	Nguyễn Thị Giang	5	2	1987	x	08-01-2015	08-01-2016	TTCM - Giáo viên môn Ngữ văn	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam (Văn học Việt Nam)	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
983	Đoàn Phương Hạnh	19	11	1992	x	08-01-2015	08-01-2016	Giáo viên môn Tiếng Anh	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc Sĩ - Ngôn ngữ học ứng dụng		GV THPT hạng II		CNTTCB	Pháp C1		
984	Ngô Thị Hạnh	2	10	1986	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Lịch sử	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
985	Nguyễn Thị Thu Hạnh	9	5	1993	x	08-01-2015	08-01-2016	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,0	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Thể chất Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Tin học A	Anh B		
986	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	10	1979	x	01-09-2003	09-01-2004	Giáo viên	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Sư phạm Ngữ Văn		Giáo viên THPT hạng II		CNTTCB	Anh A		
987	Vũ Thị Thu Hòa	11	9	1986	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
988	Nguyễn Quốc Hùng	18	7	1966		09-05-1987	09-05-1987	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	36 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
989	Nguyễn Thị Thu Hương	21	11	1980	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Địa lý	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	11 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư Phạm Địa Lí		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
990	Nguyễn Thị Lý	11	10	1981	x	01-09-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Địa Lí	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa Lí		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
991	Nguyễn Đức Minh	3	10	1987		09-01-2010	09-01-2011	Tổ trưởng Tổ HĐTNHN-GDĐP	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa Lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B		
992	Mai thị Nê	2	3	1986	x	09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn lịch sử	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm môn lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
993	Nguyễn Thị Kim Ngân	12	11	1980	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tin học	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Tin học Quản lý		GV THPT hạng II		Đại học	TOEFL IT P 437 Anh B		
994	Bùi Thị Thanh Nhân	23	2	1978	x	01-09-2005	09-01-2006	TTCM - Giáo viên môn Tin	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	27 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,03	Đại Học Khoa học tự nhiên - Cử nhân Công nghệ thông tin		GV THPT hạng II		Đại học	Chứng chỉ B		
995	Đỗ Hoàng Sang	25	8	1970		20/8/1992	10-01-1994	Phó Hiệu trưởng	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	29 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	CNTTNC	Anh B		
996	Hoàng Thị Thanh Tâm	21	7	1990	x	01-09-2012	09-01-2013	Tổ trưởng Tổ Ngoại ngữ	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GDĐT TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		CNTTCB	Pháp C1		
997	Nguyễn Thị Như Tâm	13	4	1983	x	09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Vật lý	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh ĐH		
998	Nguyễn Hoàng Tấn	12	5	1986		09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm giáo dục thể chất Thạc Sĩ - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	CNTTNC	Anh B		
999	Nguyễn Chí Thanh	15	3	1980		09-01-2013	09-01-2014	Giáo viên môn Lịch sử; tổ trưởng tổ văn phòng	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	9 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học- Sư phạm Sư Thạc sĩ-Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	CNTTNC	cử nhân ngôn ngữ anh		
1000	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27	1	1980	x	09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Sinh	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	12 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Khoa học tự nhiên Thạc Sĩ - Công nghệ Sinh học		GV THPT hạng II		Tin học B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1001	Lê Thái Toàn	10	10	1985		09-01-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Hóa học - Tổ phó tổ hóa - Chủ tịch công đoàn	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B		
1002	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	6	3	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Vật lý	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
1003	Trần Thị Huyền Trang	17	11	1989	x	08-01-2017	30/5/2018	Giáo viên môn Hóa học	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	6 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B (Toeic 595)		
1004	Lê Thị Cẩm Tú	22	11	1976	x	09-01-1998	09-01-1999	Giáo viên môn Anh Văn	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	25 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học Sư phạm Ngoại		GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh DH		
1005	Phạm Nguyễn Huy Tùng	22	11	1991		08-01-2013	05-01-2018	Giáo viên môn Ngữ Văn	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh DH		
1006	Trần Thị Ngọc Uyên	1	5	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Vật lý	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Lý		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh B		
1007	Phạm Quang Vinh	14	2	1981		09-01-2006	09-01-2007	Giáo viên giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Khuyến	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Sư phạm GDQP&AN Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh DH		
1008	Mạch Văn Công	4	10	1972		01/09/2003	01/03/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	20 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Thể dục Thể thao	Trung cấp	Bồi dưỡng CDNN	X	CNTTCB	Anh B		
1009	Trần Thụy Kim Nhung	06	11	1977	X	01-09-1999	01-09-2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	24 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98 +5%	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - quản lý giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II	X	THƯD B	Anh B1		
1010	Phạm Thị Nhung	9	10	1990	X	01-08-2013	01/08/20214	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp		GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B1		
1011	Phạm Thị Thi	12	2	1980	X	01-09-2006	01-09-2007	Chủ tịch Công Đoàn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	17 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hà Nội		GV THPT hạng II		Kĩ thuật viên	Anh A		
1012	Đinh Thị Bích	22	4	1987	X	01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1013	Lã Thị Thanh Huyền	16	11	1988	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Địa lí		Bồi dưỡng CDNN		CNTT nâng cao	Đáp ứng		
1014	Phạm Thị Lan	7	8	1989	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Địa lí		Bồi dưỡng CDNN		CNTT nâng cao	Đáp ứng		
1015	Nguyễn Thị Thuý Liễu	2	9	1990	X	01-08-2013	01-08-2014	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Cử nhân Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1016	Lê Nguyễn Cẩm Thơ	11	2	1986	X	01-09-2012	01-03-2014	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng	TOEFL 450		
1017	Phan Kim Mộng Ngọc	26	10	1984	X	01-08-2013	01-08-2014	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,67	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng	Anh B1		
1018	Vì Thị Thúy	21	1	1978	X	01-12-2000	01-12-2001	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	23 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng	Anh B1		
1019	Trịnh Thị Thủy	15	6	1984	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí Thạc Sĩ - Phương pháp giảng dạy vật lí		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	B1 CHÂU ÂU		
1020	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	22	9	1988	X	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Vật Lí		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Đáp ứng		
1021	Lương Ngọc Phương	08	01	1989	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lí Thạc Sĩ - Phương pháp giảng dạy vật lí		GV THPT hạng II		Chứng chỉ A tin học	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1022	Phạm Thị Hiền	17	5	1989	X	09-01-2012	09-01-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1023	Cao Thị Thu Hằng	20	1	1985	X	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Hóa vô cơ phân tích Thạc sĩ - Hóa vô cơ	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng B	TOEFL 450		
1024	Nguyễn Hùng Anh	12	07	1989		01-09-2011	01-09-2012	Phó Chủ tịch CĐCS	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1025	Nguyễn Hữu Trinh	9	11	1979		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Công Nghệ Thông Tin		GV THPT hạng II		Cử Nhân	Anh B		
1026	Nguyễn Thị Thuý	1	4	1984	X	01-09-2011	01-09-2012	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Đại Học Sư phạm Hà Nội 2 - Sư phạm Giáo dục công dân		Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN		CNTT nâng cao	Anh B		
1027	Hoàng Văn Hạnh	2	1	1980		01-09-2005	01-09-2012	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A tin học	Anh B		
1028	Trần Thị Phụng	15	5	1990	X	01-08-2013	01-08-2014	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm giáo dục chính trị		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Đáp ứng		
1029	Trần Quốc Cường	27	2	1977		01-09-2003	01-09-2004	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân sinh học		GV THPT hạng II		CNTTNC	Anh B		
1030	Phan Thị Thu Huệ	10	2	1989	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1031	Phạm Thị Thu Thủy	10	5	1972	X	01-09-2005	01-09-2006	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	X	CNTT cơ bản	Anh B		
1032	Trinh Thị Đan Tâm	29	6	1989	X	01-09-2011	01-09-2012	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học, Thạc sĩ - kỹ thuật chuyên ngành Toán ứng dụng		GV THPT hạng II		Cử Nhân	TOEIC		
1033	Nguyễn Hồng Thắm	7	8	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		Chứng chỉ A tin học	Anh B		
1034	Huỳnh Mỹ Kim	26	1	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán học, Thạc sĩ - kỹ thuật chuyên ngành Toán ứng dụng		GV THPT hạng II		Mos	TOEIC		
1035	Trương Thị Thu Thảo	23	4	1977	X	01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B2		
1036	Lê Văn Tuấn Cường	03	11	1987	X	01-09-2011	01-09-2012	GV THPT hạng III	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1037	Đào Thị Vân	20	11	1986	x	1/9/2009	1/9/2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn; Thạc Sĩ - Văn Học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B1		
1038	Lê Phương Thảo	30	9	1980	x	1/9/2002	1/9/2009	Chủ tịch công đoàn - Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lý, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	Kỹ thuật viên tin học	Anh B		
1039	Tổng Thị Thiều Hương	12	11	1977	x	1/9/2001	1/9/2008	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng trí đồ A	Trung Đại học		
1040	Trần Hữu Thịnh	24	5	1979		01/9/2003	01/9/2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật Lí, Thạc Sĩ - Quang Học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1041	Phạm Bảo Anh	15	10	1979		1/9/2002	1/9/2007	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	16 năm 2 tháng	V.07.05.16	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CNTTCB	Anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1042	Lương Thị Mỹ Châu	3	1	1979	x	1/9/2001	1/1/2002	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	21 năm 2 tháng	V.07.05.17	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB			
1043	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18	9	1983	x	1/9/2008	1/9/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B		
1044	Phạm Thị Đức	26	3	1978	x	1/9/2000	1/9/2000	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ Ngữ Văn	sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Trình độ B1		
1045	Phan Thị Thủy	25	2	1982	x	01/11/2010	1/8/2014	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ Văn học	sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B1		
1046	Lê Đan Thùy	28	8	1977	x	1/9/2000	1/1/2007	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư Phạm Anh	sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh Đại học		
1047	Nguyễn Thị Hào	10	8	1987	x	1/9/2010	1/9/2011'	Giáo viên Lịch sử Giáo dục địa phương; Trải nghiệm hướng nghiệp	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật	sơ cấp	GV THPT hạng II		A	Anh B		
1048	Lê Thị Hồng Hạnh	15	4	1979	X	1/9/2004	1/9/2009	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Thạc Sĩ - Toán Ứng Dụng	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cử Nhân Toán – Tin	Anh C		
1049	Nguyễn Xuân Hồng Quân	10	4	1986		1/8/2014	1/8/2014	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Hoá hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUD B	Anh ĐH		
1050	Nguyễn Đình Ly	6	4	1987		01/8/2010	1/8/2014	Trợ lý thanh niên- Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học -Sư phạm Địa Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CNNTCB	Anh ĐH		
1051	Hà Thị Thuần	20	5	1988	X	1/8/2014	1/8/2015	Tổ trưởng chuyên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí, Thạc Sĩ - Địa lí kinh tế xã hội	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	B1		
1052	Đặng Đình Quý	4	1	1966		1/10/1987	1/3/1989	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	35 năm 01 tháng	V.07.05.15	4.98 + 12%	Đại học - Sư phạm Giáo dục Thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CNNTCB	Anh B		
1053	Nguyễn Thị Diễm Phúc	24	7	1987		09-01-2014	09-01-2015	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	8 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học sư phạm thành phố HCM ngành hóa học - Thạc sỹ hóa hữu cơ		GV THPT hạng II		THUD-B	Anh B		
1054	Nguyễn Thị Nguyễn	20	8	1982	x	09-08-2005	09-05-2006	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1055	Đỗ Thị Hồng	22	6	1985	x	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học nước ngoài	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUD A	Anh C		
1056	Phạm Ngọc Huyền	20	10	1984	X	01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUD B	Anh B1		
1057	Nguyễn Xích Bình Minh	21	5	1981		09-01-2004	10-01-2005	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1058	Nguyễn Kim Nhật Thư	20	6	1983	x	23-09-2005	25-08-2006	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	17 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc Sĩ - Địa lý học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân VB2		
1059	Trương Nguyễn Hồng Hạnh	7	4	1984	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ văn học		GV THPT hạng II		Tin học A	Anh văn B		
1060	Dương Truyền Nhân	16	12	1984		01-04-2015	01-04-2015	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lí Thạc sĩ - Quang học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUD-B	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1061	Nguyễn Thị Hồng Chương	5	8	1970	x	01/09/1997	01/09/1998	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Trình độ A	Anh B1		
1062	Trần Văn Thoa	19	10	1973		01/09/1999	01/09/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Trình độ B	Anh B1		
1063	Nguyễn Văn Ba	8	1	1990		01-08-2014	01-08-2015	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm GDCT Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Giáo dục Chính trị	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL trường phổ thông	CNTT nâng cao	Anh ĐH		
1064	Đoàn Triều	24	4	1988		01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm tiếng Pháp Thạc sĩ - Tiếng Pháp	Trung cấp	CDNN GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B2		
1065	Đỗ Văn Chắt	02	6	1986		01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm GDTC- Quốc phòng Thạc Sĩ - Quản lý thể dục thể thao	Trung cấp	CDNN GV THPT		CNTT cơ bản	Anh - TOEIC		
1066	Trần Văn Viễn	24	11	1979		01-10-2010	01-10-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	19 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II	QLNN Giáo dục	CNTT cơ bản	Trung C		
1067	Lý Vũ Văn Chiêu	26	8	1988	x	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Pháp	Sơ cấp	CDNN GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B		
1068	Ngô Thị Kim Nguyên	22	2	1987	x	01-09-2010	01-09-2014	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Lý luận Văn học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1069	Phạm Tường An	12	10	1980		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	CDNN GV THPT		Cử nhân CNTT	Anh B1		
1070	Trần Kiều Thư	3	7	1979	x	01-09-2001	01-03-2002	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm GDTC	Sơ cấp	CDNN GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1071	Trần Thị Ánh Hồng	4	6	1988	x	01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh ĐH		
1072	Lâm Hải Minh Xuân	10	10	1987	x	01-10-2012	01-10-2013	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1073	Hoàng Thị Bích Thủy	28	2	1982	x	01-10-2011	01-10-2012	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1074	Lương Thị Hồng Yến	1	9	1979	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1075	Mai Thu Thủy	4	11	1982	x	01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngữ văn	Trung cấp	Gv THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1076	Đặng Văn Tuấn	22	6	1988		01-09-2011	01-09-2012	Phó Chủ tịch Công đoàn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Đại lý Thạc sĩ - Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1077	Trần Thị Kim Ngân	13	1	1985	x	05-01-2009	05-01-2010	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	14 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Hóa học	sơ cấp	Gv THPT hạng II		CNTT cơ bản	TOEFL		
1078	Trần Thị Thanh Hương	28	11	1975	x	01-09-1997	01-09-1998	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1079	Nguyễn Thuý Châu	23	11	1988	x	01-01-2011	01-01-2012	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	12 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	CDNN GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1080	Nguyễn Thị Liễu	31	1	1974	x	01-09-1997	01-09-1998	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Hóa học Thạc sĩ - Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C1		
1081	Trần Thị Mỹ Trang	8	3	1976	x	01-09-1997	01-09-1998	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
1082	Nguyễn Thị Lan	3	2	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm lịch sử	Sơ cấp	CDNN GV THPT		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1083	Phạm Minh Đức	26	5	1975		01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp QLHC	CNTT cơ bản			
1084	Nguyễn Thúc Duy Phương	15	10	1970	x	15-01-1998	15-01-1999	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1085	Mai Thúy Hải	11	8	1969	x	01/09/1993	01/09/1994	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	30 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	CDNN GV THPT		Kỹ thuật viên tin học	Nga văn		
1086	Nguyễn Thị Hồng	12	1	1988	x	01-09-2015	01-09-2016	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm GD&ĐT Thạc sĩ GD&ĐT	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - TOEFL		
1087	Nguyễn Thị Mỹ Dung	11	11	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1088	Nguyễn Thị Hằng	10	4	1983	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1089	Phan Lê Anh Nhật	1	6	1988		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng III		CNTT cơ bản	Anh B		
1090	Tôn Nữ Kiều Thủy	25	6	1973	x	01-09-1995	01-09-1996	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Lịch sử		Tổ trưởng chuyên môn			Anh B		
1091	Nguyễn Anh Đào	19	7	1975	x	01/09/1997	01/09/1998	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	Tổ trưởng chuyên môn			Anh B		
1092	Trương Thanh Hiền	8	12	1986		01/08/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng III		CNTT cơ bản	Anh B1		
1093	Lê Vũ Linh	17	6	1992		01/08/2015	01-08-2016	Trợ lý thanh niên	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1094	Trương Hồng Nhi	13	11	1986		09-01-2009	09-01-2010	Giáo Viên môn Tin Học	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học- Sư phạm Tin Học Đại học- Tài chính Ngân hàng Thạc sĩ- Toán ứng dụng	sơ cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh văn C		
1095	Lâm Hải Linh	27	7	1976		09-01-2001	09-01-2002	Giáo Viên môn Thể dục - QP&AN	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học TĐTT Thạc sĩ Sư phạm TĐTT	Trung cấp LLCT&H C	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT	Anh văn B		
1096	Đào Thị Dung	19	5	1983	X	09-01-2009	09-01-2010	Tổ trưởng tổ Địa Lý	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc Sĩ - Địa lý kinh tế	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH		
1097	Trần Đức Ngọc	30	10	1979		09-01-2000	01-08-2016	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp CT	GV THPT hạng II	HT- THCS	CNTT - ĐH KHTN	Anh Bậc 4		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1098	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	7	1	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên bộ môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật Lý	Trung Cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh văn B		
1099	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	28	12	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Vật lí Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Vật lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh văn C		
1100	VŨ THỊ PHƯƠNG HIẾU	17	12	1982	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Sư phạm Huế (Vật lí) Thạc sĩ Vật Lý Vô tuyến và điện tử ĐH KHTN TP HCM		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh văn C		
1101	Trần Khôi Nguyên	3	9	1986		09-01-2008	09-01-2009	Giáo viên môn Hóa học	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Bằng B	Bằng B		
1102	Vũ Nguyễn Thủy Linh	10	5	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	09 năm 10 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa vô cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	IELTS 6.0		
1103	Trần Văn Thy	26	3	1980	x	09-05-2004	09-05-2005	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Ngôn Ngữ Anh Thạc Sĩ - Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh_Thạc Sỹ		
1104	Hồ Thị Mộng Thu	5	10	1974	x	20/08/1995	20/08/1997	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98 + 6%	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc Sĩ - Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Trung cấp	Chứng nhận BD theo chuẩn CDNN GV THPT	HT-THCS	Chứng chỉ TH Ứng dụng	Anh_Thạc Sỹ		
1105	Hoàng Vũ Ngọc Phương	22	10	1987	x	05-09-2009	05-09-2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	12 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc Sĩ - Ngôn Ngữ Học Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh_Thạc Sỹ		
1106	Phạm Thị Hoàng Lam	14	3	1983	x	08-01-2005	01-09-2008	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNTT CB	Anh_Đại Học		
1107	Đỗ Đình Đoàn	16	04	1966		01/09/1988	01/09/1990	Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	33 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 + 15%	Đại học - Kỹ thuật	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Cử nhân tin học	Tiếng Anh B1		
1108	Nguyễn Thanh Tùng	3	5	1967		01/09/2002	01-09-2003	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và Công chức Nhà nước	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh B		
1109	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	02	03	1978		01/09/2000	01/03/2001	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	23 năm	V.07.05.15	4,98	Đại học- Giáo dục quốc phòng -an ninh, Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng CBQL và Công chức Nhà nước	Chứng chỉ A	Tiếng Anh B1		
1110	Nguyễn Hồng Thủy Linh	22	11	1969	x	05-09-1992	05-09-1994	Tổ trưởng chuyên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	29 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 + 13%	Đại học -Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B		
1111	Trần Thị Kim Anh	08	08	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Tổ trưởng chuyên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Công nghệ thông tin, Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Đại học	Anh -Đại học		
1112	Nguyễn Thị Trúc Anh	14	2	1977	x	02//08/1999	01/10/2000	Tổ trưởng chuyên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98 + 6%	Đại học Sư phạm Sinh; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1113	Hoàng Thị Kim Dung	30	8	1984	x	01/09/2008	01/09/2009	Tổ phó tổ Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
1114	Nguyễn Thị Duyên	6	4	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		
1115	Nguyễn Hoàng Mai	1	3	1978	x	12/09/2000	01/09/2001	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 + 5%	Đại học - Toán; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh B1		
1116	Bùi Nguyễn Cẩm Nguyễn	04	11	1978	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán, Thạc sĩ - Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Anh B1		
1117	Lê Thị Ngọc Nhi	01	08	1984	x	01/09/2007	01/09/2008	Tổ phó- môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Ngữ Văn Anh, Thạc sĩ - Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Hoa-B; Anh văn IELTS 7.0; Anh văn CI		
1118	Phạm Thị Nga	26	3	1984	x	01-05-2007	01-05-2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	16 năm	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Địa Lý học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B		
1119	Vân Thị Hà Giang	2	9	1983	x	09-01-2006	09-01-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V07.05.15	3,99	Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh A2		
1120	Đào Thị Thương Thương	11	12	1984	x	01//09/2009	01-01-2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	13 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân (SP ngữ văn)	sơ cấp	GV THPT hạng II		Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
1121	Trần Ngọc Anh Thư	20	07	1977	x	01/09/2000	01/09/2001	Tổ trưởng chuyên môn môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 + 6%	Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh bậc 3		
1122	Nguyễn Thụy Yến Tuyết	24	04	1983	x	01/08/2013	01-08-2014	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch sử; Thạc sĩ - Lịch sử	sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
1123	Phạm Minh Thủy	26	01	1984		01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ PPDH Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ UDCNTT cơ bản	TiếngAnh bậc 2		
1124	Nguyễn Minh Trí	12	08	1987	x	01/08/2013	01-08-2014	Tổ phó- môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán , Thạc sĩ Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	TOEFL ITP 497		
1125	Vân Thị Hồng Yến	23	09	1978	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn thể dục	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học- Sư phạm Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	TiếngAnh bậc 2		
1126	Nguyễn Văn Đẹp	16	4	1983		01-10-2028	01-10-2009	Giáo viên môn thể dục	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Khoa học giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B1		
1127	Bùi Văn Thuý	01	5	1988		01-10-2013	01/10/2014	Giáo viên môn Hoá học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - lý luận phương pháp dạy học hóa học	sơ cấp	GV THPT hạng II	chứng chỉ quản lý nhà nước	Tin Học B	Tiếng Anh B1		
1128	Phạm Văn Hào	24	9	1987		01-09-2009	31-08-2010	Tổ trưởng chuyên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	13 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học- Đại lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chuẩn kĩ năng sử dụng CNTT	Tiếng Anh B		
1129	Trần Thị Lan Chi	20	8	1992	x	01-08-2017	01-05-2018	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	6 năm	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Sư phạm Ngữ văn	sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng Anh B1		
1130	Đoàn Thị Chinh	26	3	1991	x	01/08/2017	01/05/2018	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	6 năm	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Toán	sơ cấp	BD giáo viên THPT		Chứng chỉ B	Anh - TOEIC		
1131	Đinh Nhựt	25	5	1987		01-09-2012	01/09/2013	Tổ trưởng chuyên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Vật lý	sơ cấp	GV THPT hạng II		tin học văn phòng	Tiếng anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1132	Lê Viết Vinh	09	02	1982		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn vật li	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh B1		
1133	Trương Hoàng Anh	19	09	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học sư phạm Vật li	Sơ cấp	BD giáo viên THPT		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B		
1134	Võ Minh Trung	10	3	1973		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - sư phạm Lý	sơ cấp	GV THPT hạng II	chứng chỉ	Chứng chỉ B	Tiếng Anh B		
1135	Trương Đình Quý	14	10	1969		05-09-2005	05-09-2006	Giáo viên môn GDQP	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Giáo dục thể chất - Thạc sĩ khoa học giáo dục	Sơ cấp	BD giáo viên THPT		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B1		
1136	Bùi Văn Tinh	1	2	1986		05-09-2009	05-09-2010	Giáo viên môn GDQP	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Giáo dục thể chất- Giáo dục quốc phòng Thạc sĩ khoa học giáo dục	Sơ cấp	BD giáo viên THPT		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B1		
1137	Trần Lê Uyên Thanh	2	12	1974	x	09-01-1996	09-01-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	9 năm	V07.05.15	4,32	Đại học - sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Tiếng Anh B		
1138	Hồ Lê Kiều Trinh	27	2	1992	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3,00	Thạc sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Tiếng Anh B		
1139	Bùi Thị Kim Tuyền	19	11	1976	x	01-09-2005	01-09-2006	Hiệu Trưởng	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ lý luận Ngôn ngữ	Trung cấp	GV THPT hạng II	CCBDCB QL Trường phổ thông, CN HTKH BDHT Trường PT	B	Tiếng Anh- B1		
1140	Trương Thúy Hà	13	8	1977	x	01-09-2009	01-09-2009	Phó Hiệu Trưởng	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ khoa học giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	CCBDCB QL Trường phổ thông, CN HTKH BDHT Trường PT	CNNTCB	Tiếng Anh- B1		
1141	Đinh Thị Tường Vân	10	11	1982	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH, Nhật Sankyu		
1142	Nguyễn Tấn Phát	1	1	1976		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Tiếng Anh		GV THPT Hạng II		Tin học A CNNTCB	Pháp B		
1143	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20	8	1978	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Cử nhân đại học Tiếng Anh, cử nhân cao đẳng Tiếng Pháp		
1144	Lại Hải Yến	5	4	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Sư phạm - Sư phạm tiếng Anh		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng - Trình độ B	IELTS 7.0, Ngoại ngữ Hoa trình độ B		
1145	Tiết Long Hậu	6	11	1989		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên, Bí thư CDGV	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Thể dục thể thao	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1146	Trần Thị Thanh Phương Loan	14	9	1984	x	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Kĩ thuật viên	B		
1147	Huỳnh Thị Quỳnh Chi	11	8	1978	x	01-09-2009	01-09-2009	Giáo viên, TTCM tổ Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ khoa học giáo dục	sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B1		
1148	Nguyễn Quỳnh Anh	2	12	1976	x	01-09-1998	01-11-1999	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	24 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTNC	B Anh, C Trung		
1149	Nguyễn Thùy Dương	19	5	1985	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ ngôn ngữ học	sơ cấp	GV THPT hạng II		B	B		
1150	Nguyễn Thị Quyên	6	3	1981		01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	10 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn	sơ cấp	GV THPT hạng II		B	A2		
1151	Mai Văn Thường	2	6	1983		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên, TTCM tổ Tin học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Cử nhân CNTT Thạc Sĩ - Kỹ Thuật Phần Mềm	Sơ cấp	GV THPT hạng II	CCBD CBQL Trường THPT	ĐH	Anh Bậc B1		
1152	Vũ Huyền Diệu	1	2	1983	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên tin học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh - Cử nhân Tin học - Cử nhân toán học		GV THPT hạng II		CNTT ĐH	Anh văn B2		
1153	Nguyễn Hoàng Phi	1	11	1979		01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên tin học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Trường Đại học Khoa học tự nhiên Cử nhân Toán - Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		ĐH	Anh văn B		
1154	Vũ Thị Loan	21	3	1982	x	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên tin học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Trường Đại học Đà Lạt Cử nhân Toán - Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT ĐH	Anh văn A2		
1155	Trần Lê phú	20	1	1976		01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên tin học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Văn Hiến Thạc Sĩ - Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự	Sơ Cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ khoa học máy tính	B		
1156	Phan Nguyễn Hữu Duyên	13	4	1981	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học KHTN TP. HCM, Cử Nhân môn Sinh Học. Thạc Sĩ Khoa học Giáo dục Lý luận và PP dạy học môn Sinh Học		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng bằng A	Chứng chỉ tiếng Anh cấp độ B1 khung Châu Âu		
1157	Lưu Thị Ngọc	14	1	1974	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên toán học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	10 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Sư phạm Hà Nội 1 - Ngành Toán Tin		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
1158	Đỗ Minh Khôi	29	11	1979		01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên, TPCM tổ Toán	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích		GV THPT hạng II	Giấy chứng nhận 33/2002/QĐ-BGD-ĐT	Chứng chỉ B	Cấp độ B1		
1159	Phạm Thị Thu Hà	8	4	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên, TPCM tổ Toán	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Đại số và lý thuyết số		GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học ứng dụng trình độ A	Chứng chỉ Tiếng Anh Trình độ B		
1160	Thái Thị Bích Loan	29	7	1982	x	01-09-2009	01-09-2009	Giáo viên toán học	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học, Thạc Sĩ - Toán giải tích		GV THPT hạng II		Bằng C	B1		
1161	Hoàng Thị Hiệp	17	8	1981	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên,TTCM tổ GDCD	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Xã hội học		GV THPT hạng II		UDCNTT B	Anh văn C		
1162	Hồ Thiên Nga	19	4	1982	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên môn Vật Lí, TPCM tổ Vật lý	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	Sở GD&ĐT	10 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Vật Lý		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1163	Nguyễn Văn Triệu	22	11	1978		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Vật Lí	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Tự Nhiên		GV THPT hạng II		CNTT Cơ Bản	A2		
1164	Vũ Thị Tâm	25	11	1979	x	01-09-2011	01-09-2008	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ Lịch Sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Sơ cấp	B	B		
1165	Trương Thị Thuý Hương	12	10	1983	x	01-09-2011	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Sư phạm Lịch Sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	A		
1166	Hoàng Thị Thanh Thúy	02	01	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Lịch Sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Sơ cấp	Ứng dụng cơ bản	Anh B3		
1167	Nguyễn Thị Thanh Thủy	7	10	1974	x	01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học Khoa học Tự nhiên - Địa Chất		GV THPT hạng II		CNTTCB	A2		
1168	Phạm Đức Thuận	26	1	1980		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên, TTCM tổ Địa lý	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc Sĩ : Địa lý học		GV THPT hạng II		B	C		
1169	Bùi Thị Thanh Tuyền	1	7	1977	x	01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh B2		
1170	Trần Ngọc Hà	15	9	1987		01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh Bạc 3		
1171	Trương Thị Ngọc Anh	13	4	1981	x	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	10 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Công nghệ Hóa học		Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên THPT		B	Anh C		
1172	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	15	1	1981	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử nhân Hoá học		GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng A	Anh văn B		
1173	Vũ Oanh Kiều	22	8	1980	x	01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Hóa	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ tin học căn bản	Anh Bạc 3		
1174	Tạ Trần Kiên	30	5	1991		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Cử nhân Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II					
1175	Nguyễn Danh Tuấn	26	3	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn GDQP-AN	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	8 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm GDQP-AN Thạc Sĩ - Chính trị học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bạc 3		
1176	Hoàng Thị Quỳnh Hưng	14	8	1983	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Vật Lí	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Khoa Học Tự Nhiên - chuyên ngành Vật Lí		GV THPT hạng II		A,B	Anh B		
1177	Đinh Thị Hà	25	2	1981	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ Giáo Dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	B1		
1178	Phan Thị Anh Vân	10	4	1977	X	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bạc 3		
1179	Trần Kim Tri	29	11	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán học, Thạc sĩ Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bạc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1180	Trần Thị Minh Hải	1	8	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
1181	Nguyễn Thị Tô Trang	11	9	1983	X	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sinh học, Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
1182	Lê Anh Tuấn	26	4	1981		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B		
1183	Lê Thị Chung	4	7	1985	X	01-10-2009	01-10-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Lịch Sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B		
1184	Nguyễn Quốc Cường	20	4	1981		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn TD-GDQPAN	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Thể dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		
1185	Hà Kỳ Thanh Vũ	1	1	1980		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Pháp B		
1186	Lê Thị Hoà Bình	9	3	1975	X	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Pháp B		
1187	Nguyễn Mỹ Phương	2	4	1981	X	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Pháp B		
1188	Vưu Lê Tường Vi	17	5	1988	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Hoa B		
1189	Nguyễn Trần Trúc Mai	3	10	1983	X	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh Bậc 3		
1190	Ngô Thị Hà	31	12	1979	X	01/09/2004	01-09-2005	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Cử nhân Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		
1191	Phạm Thị Mỹ Ngọc	3	8	1982	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn GDCD	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Tâm lý học Thạc Sĩ - Tâm lý học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh Bậc 3		
1192	Phan Thị Ngọc Nữ	10	2	1984	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Công nghệ Hóa học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Anh Bậc 3		
1193	Đoàn Nhật Quang	30	4	1981		01-09-2008	01-09-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học -Địa lý Du lịch	Trung cấp	GV THPT		UDCNTT			
1194	Hồ Thị Diệu Ái	12	9	1986	X	01-09-2011	01-09-2012	TTCM-Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Sở GD&ĐT	11năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT			
1195	Nuyễn Hoàng Kim Anh	26	6	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn		GV THPT		Tin A			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1196	Bùi Thị Yến Anh	22	10	1990	X	01-09-2012	01-09-2013	TTCM-Giáo viên môn Sinh	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Sinh	Trung cấp	GV THPT		UDCNTT	IETLS 6.0		
1197	Phan Nghĩa Huy Bình	19	4	1981		01-09-2002	01-03-2003	TTCM-Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	21 năm 1 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học -Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1198	Phan Xuân Bình	12	8	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn QP-AN	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học- Sư phạm GDTC- QP-AN	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT			
1199	Vô Thị Ngọc Chi	18	9	1979	X	01-11-2010	01-11-2011	TTCM- Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 5 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học -Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT		Đại học	Anh B		
1200	Phan Hữu Cường			1986		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học -Hóa Học	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1201	Nguyễn Thị Dinh	18	8	1986	X	01-09-2011	01-09-2012	TTCM-Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT		UDCNTT	Anh bậc 3		
1202	Trần Thị Thủy Dung	12	4	1986	X	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT		UDCNTT			
1203	Lâm Hồng Hải	5	6	1980		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1204	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16	11	1989	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1205	Nguyễn Ngọc Thúy Hằng	2	7	1984	X	18-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Tin		GV THPT		Đại học	Anh bậc 3		
1206	Tăng Chí Hoàng	14	5	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn QP-AN	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học- Sư phạm GDTC	Trung cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1207	Ka Huệ	27	4	1986	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1208	Nguyễn Thị Huệ	1	9	1984	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học- Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh bậc 3		
1209	Phạm Thị Huệ	20	7	1986	X	01-09-2011	01-01-2013	TPCM-Giáo viên môn GD&ĐT	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THPT		Tin A	Anh B		
1210	Phạm Thị Phương Linh	21	11	1983	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học –Hóa	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Nhật ĐH		
1211	Nguyễn Thị Minh	20	1	1985	X	01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Văn	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT			
1212	Bùi Quốc Ngân	15	4	1983		04-09-2007	04-09-2008	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học- Sư phạm GDTC	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh ĐH		
1213	Ngô Thị Nhân	3	3	1984	X	01-09-2011	01-09-2012	TTCM-Giáo viên môn Văn	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT		Tin B	Anh B		
1214	Đỗ Phú Phong	18	11	1979		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học -Ngôn ngữ Anh		GV THPT		UDCNTT			
1215	Vô Phạm Thanh Quý	24	5	1990		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THPT		Tin A	Anh (CC sau ĐH)		
1216	Mai Thị Thu Thảo	23	8	1986	X	01-11-2010	01-11-2011	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 5 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT		UDCNTT			
1217	Trần Thị Kim Thanh	26	8	1988	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học – Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Pháp B		
1218	Nguyễn Thụy Văn Thanh	25	9	1982	X	01-09-2012	01-09-2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh C		
1219	Nguyễn Thị Thành	8	8	1985	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn GD&ĐT	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B		
1220	Vô Thị Thanh Thúy	20	5	1986	X	01-09-2012	01-03-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 1 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Hoá	Sơ cấp	GV THPT					
1221	Lương Nguyễn Trãi	22	4	1977		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học – Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT		Tin A	Anh B		
1222	Huỳnh Ngọc Thùy Trang	1	1	1990	X	01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B1		
1223	Lê Thị Thùy Trang	5	8	1988	X	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Văn	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THPT		UDCNTT	Anh B1		
1224	Trần Thị Minh Trí	26	8	1986	X	01-09-2011	01-09-2012	TTCM-Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Anh văn	Sơ cấp	GV THPT		UDCNTT	Pháp C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1225	Lê Thị Xoan	19	8	1988	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn	Trường THPT Nguyễn Văn	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT		UDCNTT			
1226	Nguyễn Thị Vân Nam	22	7	1981		09-03-2003	09-03-2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	21 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Sư phạm Sinh học- Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CN Tin học cơ bản	B1		
1227	Lê Thị Hà	10	9	1987		01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn văn Tăng	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm giáo dục chính trị	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1228	Lê Thị Kim Ngân	24	10	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Kỹ Thuật Nông nghiệp		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1229	Lê Thị Hoa Mai	8	7	1981		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1230	Đinh Thị Thu Hiền	8	11	1985	x	1/9/2007	1/9/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C		
1231	Chu Thị Năm	12	2	1984	x	09-01-2011	09-01-2012	giáo viên môn sinh học	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học sư phạm sinh - công nghệ		GV THPT hạng II			Anh Bậc 2		
1232	Quan Thị Nguyệt	20	11	1986	x	09-01-2010	01-01-2012	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1233	Trần Thị Thủy Trang	17	10	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		A	Anh Bậc 3		
1234	Võ Thị Thu Thảo	13	7	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1235	Ngô Thị Nhung	8	3	1987	x	1/9/2012	1/9/2013	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT		Tin học B	Tiếng Anh B		
1236	Nguyễn Thanh Nga	3	12	2083	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	14 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Khoa học xã hội và Nhân văn - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT Nâng cao	Anh Bậc 3 (B1)		
1237	Hà Hải Vân	1	7	1990	R	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Địa lý	THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT TP Hồ Chí Minh	11 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Sư phạm Địa lý - Th.S Địa lý - Kinh tế xã hội		GV THPT Hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1238	Huỳnh Thị Thu Thảo	16	9	1990	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ ngoại ngữ- Trình độ B		
1239	Phạm Thị Giang	15	12	1986	Nữ	09-01-2011	09-01-2012	TTCM	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1240	Mai Phương	28	9	1986		01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn văn Tăng	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm sinh học	sơ cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1241	Nguyễn Thị Hà	27	8	1987		01-09-2011	01-09-2012	TTCM	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1242	Nguyễn Trọng Tường	12	10	1979	Nam	01/9/2011	01/09/2012	Chi ủy viên, Thư ký Hội Đồng	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	Cán bộ quản lý trường phổ thông	CNNTCA	Anh văn B1		
1243	Hồ Thái Bình	20	2	1990		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng- Trình độ B	Chứng chỉ ngoại ngữ- Trình độ B		
1244	Lê Thị Lan	18	1	1987	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	Giấy chứng nhận	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh văn B1		
1245	Nguyễn Thị Phương	5	10	1989		09-01-2011	09-01-2012	giáo viên	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,67	Đại Học - Cử nhân sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng III		A	Cử nhân		
1246	Võ Thị Thúy Lan	17	11	1986	x	10-01-2010	10-01-2011	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	12 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân		
1247	Hà Thảo Chi	18	7	1988	x	09-01-2011	09-01-2012	giáo viên	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tin học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh Bậc 3		
1248	Nguyễn Thị Hương	10	4	1987		09-01-2009	09-01-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngoại Ngữ; Cử nhân Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
1249	Nguyễn Chiến Lợi	27	7	1978	x	01-09-2000	01-09-2001	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II					
1250	Phạm Thị Yến Linh	13	10	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Trình độ A	Trung B		
1251	Trần Thị Cẩm Hồng	17	2	1986	X	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí Thạc Sĩ - Địa lí học (trừ Địa lí tự nhiên)	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯĐ A	Anh B		
1252	Thái Thạch	26	1	1978		01/9/2000	01/9/2001	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh Bậc 2		
1253	Trương Huy Cường	22	3	1984		01/9/2005	01/9/2006	TTCM	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Kỹ thuật công nghiệp	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1254	Nguyễn Lê Đăng Duy	27	5	1973		01/9/1997	01/9/1997	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	26 năm 08 tháng	V.07.05.15	4.98+7 %	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
1255	Đỗ Thị Tuyết Mai	26	6	1989	X	01/8/2019	01/8/2019	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	6 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,00	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Sinh thái học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Tiếng Anh B1		
1256	Trần Ngọc Thạch	28	7	1984		01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Giáo dục Thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UD CNNT NC	Anh ĐH		
1257	Vũ Đình Khôi	7	6	1976		05/9/2002	05/9/2003	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Cử nhân Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
1258	Nguyễn Thị Hoài Phương	21	3	1986	X	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí Thạc Sĩ - Quang học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CCTHUD A	TOEFL ITP 460		
1259	Âu Ngọc Hiền	9	6	1985	X	01/9/2007	09/01/2008	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCA	Anh Bậc 3		
1260	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28	10	1984	X	01/9/2009	01/9/2010	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Khoa học vật liệu Thạc Sĩ - Hóa lý thuyết và hóa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CCTHUD A	TOEFL ITP 450		
1261	Vũ Thị Hoa Mai	27	7	1982	X	01/9/2006	01/9/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phạm Phú Thứ	Sở GD&ĐT	16 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử nhân Sinh học Thạc Sĩ - Sinh lí thực vật	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
1262	Nguyễn Đức Sơn	28	01	1979		27/8/2003	01/9/2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Lịch sử Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1263	Nguyễn Bửu Quốc	31	10	1974		15/8/1998	01/3/2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	22 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Kỹ thuật công nghiệp Đại học - Sư phạm Tin học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh bậc 3		
1264	Hồ Thị Ngân	09	11	1977	x	01/9/1999	01/9/2000	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1265	Lê Minh Du Tử	07	12	1981		01/3/2002	01/3/2003	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	21 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1266	Trần Thị Hoàng Hoa	22	10	1985	x	01/01/2008	01/9/2013	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		CNTTCB	- Cử nhân- Ngôn ngữ Anh - Anh bậc 3		
1267	Phạm Thị Bích Phương	14	4	1985	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Toán học Thạc Sĩ - Phương pháp Toán sơ cấp	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh bậc 3		
1268	Đinh Lê Hoàng Thư	01	8	1989	x	01/8/2014	01/02/2016	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	8 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1269	Đặng Viễn Phương	10	12	1980	x	01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lý - Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1270	Nguyễn Quốc Thuần	30	5	1984		01/9/2012	01/9/2013	TTCM Tổ Vật lý	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư Phạm Vật Lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1271	Nguyễn Trần Phương Trúc	30	11	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1272	Lê Thị Lãnh	10	10	1987	x	01/3/2013	09/3/2014	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1273	Trương Ngọc Châu	03	8	1974		07/9/1998	01-09-2008	Chủ tịch công đoàn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Hóa học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân CNTT	Tiếng Anh B		
1274	Nguyễn Thị Sáu	1	1	1982	x	01/9/2008	01/9/2009	TTCM Tổ Hóa học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Khoa Học Tự Nhiên - Hóa học Thạc Sĩ - Hóa học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1275	Trần Trọng Nghĩa	20	11	1984		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Hóa học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Anh bậc 3		
1276	Nguyễn Thanh Phong	5	1	1989		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1277	Hoàng Thị Hoa	27	9	1987	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT TPHCM	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh - KTN	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh bậc 3		
1278	Mai Thị Trà Giang	04	12	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1279	Võ Thị Ngọc Tuyền	26	10	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT		Tin học A, Ứng dụng CNTT trong dạy - học	Tiếng Anh B		
1280	Phạm Thị Úc	26	6	1977	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Tiếng Anh		GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng	Đại học - Tiếng Anh		
1281	Hoàng Thị Thanh Hương	02	8	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNTTCB	Đại học - Tiếng Anh		
1282	Nguyễn Đức Hạnh	19	12	1975		01/9/2002	01/9/2003	TTCM/ Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.16	4,65	Đại Học - Ngữ Văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1283	Trần Thời Hoàng	09	12	1977		05/9/2001	05/9/2022	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1284	Lê Thị Hà	02	01	1978	x	05/9/2003	01/3/2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	20 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học- Văn học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1285	Dương Thị Hương	04	11	1984	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB			
1286	Vũ Thị Thanh Hương	17	7	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	TPCM Tổ Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1287	Lê Thị Ngọc Hạnh	26	01	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1288	Trần Thị Hải Yến	19	6	1990	x	01/9/2012	01/9/2013	TTCM Tổ Lịch sử	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử - Giáo dục quốc phòng Thạc Sĩ - Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1289	Phạm Thị Thu Hương	10	11	1985	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1290	Phan Tấn Trọng	19	11	1990		01/9/2012	01/9/2013	TTCM Tổ Địa lí	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1291	Thành Thị Thu Trinh	17	11	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1292	Phan Thị Liễu	01	4	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	TTCM Tổ GD&ĐT	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Tiếng Anh B		
1293	Nguyễn Hữu Toàn	12	6	1984		01/9/2008	01/9/2009	TTCM Tổ Tin học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Tin học Thạc sĩ - Hệ thống thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Tiếng Anh B		
1294	Phạm Thị Hiệp	26	8	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh bậc 3		
1295	Vô Thị Lệ Quyền	04	01	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh bậc 3		
1296	Phạm Thị Hồng	10	7	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Tin học		GV THPT		Đại học	Tiếng Anh B		
1297	Nguyễn Thị Kim Thương	01	01	1988	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1298	Vô Thị Cúc	03	3	1987	x	01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên môn Nông nghiệp	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1299	Lê Thị Hoa	06	5	1989	x	01/9/2012	01/9/2013	TTCM Tổ Quốc phòng	Trường THPT Phạm Văn Sáng	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Lịch sử - Giáo dục quốc phòng	Sơ cấp	GV THPT		CNTTCB	Anh bậc 3		
1300	Phạm Văn Thiện	26	3	1976		01-09-2001	02-09-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ -PP dạy học môn Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLGD	Tin học B	Tiếng Anh B1 Châu Âu		
1301	Lê Viết Cang	20	2	1982		01-09-2006	01-09-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	15 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLGD	Tin học A	Tiếng Anh B1		
1302	Nguyễn Thị Thành	03	06	1975	x	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C		
1303	Lê Xuân Quyền	20	12	1984		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Địa lí Thạc Sĩ -PP dạy học môn Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLGD	Tin học A	Tiếng Anh B1 Châu Âu		
1304	Trần Thanh Sang	24	11	1979		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Vật lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLGD	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1 Châu Âu		
1305	Nguyễn Hoàng Linh	22	05	1990		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Tiếng Anh FCER 5/6		
1306	Lê Văn Phương	04	02	1991		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Phong Phú	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ QLGD	Tin học A	Tiếng Anh B1 Châu Âu		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1307	Nguyễn Hữu Thọ	20	2	1968		01-09-1988	01-09-1989	Hiệu trưởng	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	34 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 32%	Đại học sư phạm kỹ thuật - KTNN	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1308	Lưu Minh Tú	2	1	1975		01-09-1995	01-09-1996	Phó Hiệu trưởng	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	27 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 6%	Đại học sư phạm kỹ thuật - KTNN	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1309	Ong Đức Thạnh	4	9	1972		01-09-1994	01-09-1995	Giáo viên Môn Thể dục	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98 + 8%	Đại học sư phạm thể dục thể thao	Trung cấp	GV THPT hạng II	Trung cấp	Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1310	Đoàn Văn Mỹ	17	5	1982		01-09-2003	02-09-2004	Giáo viên- Môn GDQP	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học sư phạm thể dục		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1311	Nguyễn Thị Thu Hương	10	11	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên- Môn Công nghệ	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học sư phạm kỹ thuật - KTCN	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1312	Nguyễn Thị Ngọc Thạnh	3	8	1985	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên Môn Tin học	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh - Chứng chỉ B		
1313	Nguyễn Thanh Cần	28	2	1978		01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên Môn Vật lý	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ - Sư phạm Vật lí.		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh bậc 4		
1314	Lê Thị Thanh Hiền	7	8	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên Môn Lịch sử	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Lịch Sử, Thạc Sĩ - Lịch sử Việt Nam		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh B, Anh bậc 3/6 theo khung NN 6 VN		
1315	Huỳnh Quốc Ân	17	1	1986		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Môn Thể dục	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm thể dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1316	Vô Thị Thu Thủy	7	6	1978		01-09-2003	02-09-2004	Giáo viên- Môn Ngữ văn	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học sư phạm ngữ văn		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1317	Đặng Thị Ngọc Dung	21	12	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên- Môn Tiếng Anh	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Hoa - Chứng chỉ B		
1318	Hoắc Tuấn	16	8	1984		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên- Môn Thể dục	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm thể dục		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1319	Trần Thị Phương Tâm	8	6	1980		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên- Môn Ngữ văn	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Thạc sĩ - Sư phạm Ngữ Văn		GV THPT hạng II		Tin học Đại học	Anh - Chứng chỉ B1		
1320	Phạm Anh Quốc	13	10	1981		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên Môn Tin học	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học Sư phạm Tin học		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1321	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26	8	1988		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên- Môn Vật lý	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ - Sư phạm Vật lí.		GV THPT hạng II		Tin học B, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B1		
1322	Tạ Thị Vân	1	8	1978		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên- Môn Ngữ văn	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm ngữ văn		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Anh - Chứng chỉ B		
1323	Dương Thị Kim Thoa	18	5	1984		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên- Môn Tiếng Anh	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Hoa - Chứng chỉ A		
1324	Trần Nhật Nữ	27	5	1982		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên- Môn Tiếng Anh	THPT Phú Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		Tin học A, ÚDCNTT	Pháp - Chứng chỉ A		
1325	Trần Công Tuấn	25	11	1976		01-09-2006	01-09-2007	Hiệu trưởng	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học sư phạm Toán	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Chứng chỉ Tin học trình độ B	Tiếng Pháp A2		
1326	Nguyễn Công Đức	4	8	1984		01-09-2006	01-09-2007	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức Nhà nước	Chứng chỉ Tin học trình độ B	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B		
1327	Nguyễn Ngọc Duyên	25	7	1986	X	01-09-2008	01-09-2009	Tổ trưởng chuyên môn tổ Sinh - KT	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Sinh học, Thạc Sĩ-Công nghệ sinh học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Chứng nhận hoàn thành QLGD	CNTT CB- CNTT B	Anh văn B2		
1328	Phan Thị Thu Hằng	13	7	1973	X	11-01-1994	11-01-1996	Tổ trưởng chuyên môn tổ Anh	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	29 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,98	cử nhân tiếng Anh	trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	cử nhân		
1329	Nguyễn Thị Vân	1	1	1982	Nữ	01-08-2014	01/8/2014	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Triết học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1330	Nguyễn Thị Tam	14	1	1971	X	17-06-1905	01-10-1999	TTCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	Toeic 300		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1331	Nguyễn Tấn Phát	2	8	1989		01-09-2011	01-09-2012	TPCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ	Trung cấp LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1332	Nguyễn Thị Vũ Huệ	26	9	1983	X	01-09-2009	01-09-2010	GIÁO VIÊN	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		
1333	Nguyễn Thị Kim Liên	20	8	1976	Nữ	09-08-1999	01/10/2000	TPCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học	Sơ Cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1334	Hoàng Kim Bảo	12	10	1975		01-09-2003	01-09-2004	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1335	Đặng Thị Huệ	1	4	1984	x	01-09-2008	01-09-2009	GV tổ Sinh - KT	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		CNTT CB	Anh văn B		
1336	Trần Thị Quốc Thanh	18	10	1974	X	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên Anh văn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	Thạc sĩ		
1337	Ngô Vũ Hoàng	9	11	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung Cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		UDCNTT	B2		
1338	Nguyễn Quỳnh Trâm	23	3	1975	X	15-11-2000	15-11-2001	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	22 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	đại học		
1339	Huỳnh Thị Ánh Diễm	9	1	1975	Nữ	01-09-2006	01/9/2007	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Bằng B tin học	Thạc sĩ		
1340	Trần Đặng Hồng Ân	11	12	1986	x	01-02-2011	01-02-2012	Tổ phó tổ tiếng Anh	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	12 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Pháp trình độ A		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1341	Nguyễn Thị Trà	4	6	1987	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Trình độ tin học cơ bản	Trình độ B		
1342	Lê Minh Hoàng	1	12	1986		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Sinh	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	ĐH Sư Phạm	Trung Cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Có Chứng chỉ QLNN	Chứng chỉ Tin học B	Chứng chỉ Anh văn B		
1343	Nguyễn Thị Liên	19	7	1982	X	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Vật lí, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Vật lí	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1344	Lê Lạc	5	1	1979		01-09-2002	01-09-2008	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Ngoại Ngữ Quốc Gia - Tiếng Anh - Trình Độ B		
1345	Phạm Thị Tâm	9	10	1984	x	26/10/2007	25/11/2008	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	15 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		
1346	Nguyễn Thị Thanh Thảo	19	9	1983	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	C		
1347	Nguyễn Thị Vân Khoa	20	10	1986	X	01-09-2008	01/9/2009	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1348	Bùi Thị Kim Liên	16	1	1983	Nữ	01-09-2007	01-10-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1349	Lưu Hải Yến	27	7	1969	X	01-01-1999	01-09-2007	TTCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Đại học	Chứng chỉ B anh Văn		
1350	Lê Thị Hường	15	8	1977	X	01-09-2001	01-09-2002	GV Hóa	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ	Trung cấp LLCT-HC	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1351	Lê Thị Lua	1	8	1986	X	01-09-2008	01/9/2012	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lí, Thạc Sĩ - Quang học		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		B	B		
1352	Nguyễn Ngọc Chiêu Anh	2	5	1987	X	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Anh Văn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân Tiếng Anh		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Giáo viên THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học của Intel@Education	Cử nhân		
1353	Nguyễn Bảo Toàn	17	10	1978		15/11/2000	01-12-2001	TTCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	22 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B2		
1354	Trương Thị Hòa	10	11	1977	X	01-09-2006	01-09-2007	Tổ phó	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1355	Trần Văn Toán	10	4	1988		01/9/2012	01/9/2013	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		
1356	Vũ Thị Thu	26	6	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Đại học	B	B		
1357	Vũ Thị Hải Phúc	5	11	1976	X	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		
1358	Ninh Văn Thường	03	05	1966		01/9/1994	01/9/1996	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	27 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98+5 %	Cử nhân	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	- Bồi dưỡng công tác quản lý cho TTCM trường trung học	Tin học trình độ A	B1		
1359	Trần Đại Xuân Tước	24	1	1976	X	01/11/2000	01-11-2001	giáo viên THPT môn Tiếng Anh	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	22 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học sư phạm	Trung cấp chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		chứng chỉ A	chứng chỉ A - Pháp văn		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1360	Nguyễn Quốc Thông	24	4	1979		01-09-2008	01/9/2009	Giáo viên- TTCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	Trung cấp Lý luận Chính trị- Hành chính	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Sơ cấp	Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin	Anh văn, Trình độ B		
1361	Phan Thanh An	13	10	1980		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1 Châu Âu		
1362	Lê Thiên Phúc	6	7	1988		01.08.2013	01.08.2014	Giáo viên TpHCM	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	09 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Cử nhân sư phạm Sinh	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Chứng chỉ A tin học Chứng chỉ Ứng dụng CNTT trong dạy học.	Chứng chỉ B Anh văn		
1363	Nguyễn Văn Trung	2	10	1980		01-09-2008	25-11-2008	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	15 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Ngữ văn	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Sơ cấp	A	B2		
1364	Trần Thị Tâm	2	10	1986	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học sư phạm Tin	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		Đại học	B		
1365	Đặng Đỗ Thị Thủy Tiên	5	11	1991	X	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B1		
1366	Cao Hải Châu	26	2	1981		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân sư phạm	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Sơ cấp	B	C		
1367	Đặng Lê Hồng Nhung	5	2	1982	X	01-08-2013	01-08-2013	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	B		
1368	Bùi Thị Vân Anh	20	2	1983	X	07-07-2006	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Chứng nhận hoàn thành QLNN	B	B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp hạng II	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1369	Mai Xuân Tuyên	16	10	1981		01-09-2010	01-09-2010	Giáo viên môn kỹ thuật	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		UDCNTT	B		
1370	Phan Thị Thu Hiền	18	11	1969	X	01/10/1992	01-10-1993	Tổ trưởng tổ GD&ĐT	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	30 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II		A	Tiếng Anh Cao đẳng		
1371	Nguyễn Xuân Anh	01	8	1983		01/8/2014	01/8/2015	Giáo Viên	Trường THPT Phú Nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	9 năm	V.07.05.15	3,33	Cử Nhân Sư Phạm Toán		Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II	Ứng Dụng CNTT Cơ Bản	Tiếng Anh Bậc B			
1372	Phạm Cao Tín	20	11	1986		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- Cử nhân sư phạm Địa lý	Trung cấp	CDNN GV THPT hạng II	ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân ngôn ngữ Anh			
1373	Hồ Thị Mai Lan	20	5	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Vật Lí	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Khoa Học- Vật Lí Thạc Sĩ - Lý luận và pphd bộ môn Vật Lí	Sơ cấp	CDNN GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng Kỹ thuật viên tin học trình độ A	Bậc 2			
1374	Nguyễn Lê Ngọc Hồng	18	9	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân vật lí Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Vật lí	Trung cấp	CDNN GV THPT hạng II		CNTTCB	Bậc 2		
1375	Trần Thị Kim Thơ	3	9	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ	Sơ cấp	GV trung học phổ thông		CNTT B	Anh B + Tiếng Anh tương đương cấp độ 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 dùng cho VN		
1376	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	13	1	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Bậc 2		
1377	Nguyễn Ngọc Huyền	17	12	1979	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTTCB	Bậc 2		
1378	Trần Thị Hương	29	7	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo Viên Tiếng Anh	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V07.05.15	3,33	Cử Nhân ngôn ngữ Anh		GV THPT hạng II	ứng dụng CNTT cơ bản	Cử nhân ngôn ngữ Anh			
1379	Trần Thị Thúy Hằng	17	8	1986	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học Sư phạm Địa	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTC A	Bậc 2		
1380	Lê Thị Lan Hương	22	11	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Giáo dục chính trị Thạc Sĩ - Kinh tế chính trị	sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Bậc 2		
1381	Chu Thị Nụ	20	1	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,34	Đại Học - Sư phạm Sinh Thạc Sĩ - Toán giải tích		GV THPT hạng II		CNTTCB	Cử nhân Anh		
1382	Đoàn Thị Thủy Mỹ	3	9	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Sinh Lý thực vật	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng - trình độ A	Bậc 2; Toefl ITP 480			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1383	Nguyễn Thị Phúc Trinh	12	7	1989	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo Viên Tiếng Anh	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V07.05.15	3,33	Đại học- Cử nhân ngữ văn anh Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng CC A	Cử nhân ngữ văn Anh		
1384	Nguyễn Thanh Tâm	14	10	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Phước Kiển	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15		Đại Học - Sư phạm Toán Tin học	Trung cấp	GV THPT hạng II		ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1385	Vũ Thị Hồng Châu	26	9	1970	x	01/9/1992	01/9/1993	Hiệu trưởng	Trường THPT Phước Long	Sở GD&ĐT	31 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,65	- ĐH SP Hoà học '- Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	GV THPT hạng II		A	B1		
1386	Phạm Ngọc Thuý Vân	19	02	1989	x	01/9/2011	01/9/2012	Giáo viên môn Địa	Trường THPT Phước Long	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	- ĐH SP Địa lí '- Thạc sĩ Địa lí học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT B	B1 khung châu Âu		
1387	Trần Thị Ngọc Ly	02	11	1983	x	01/9/2007	09-01-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Phước Long	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	- ĐH SP Ngữ văn '- Thạc sĩ Văn học VN		GV THPT hạng II		CNTTC B	Anh B1		
1388	Nguyễn Phạm Phước Lộc	17	10	1985	x	01/8/2014	01/8/2015	Giáo viên môn Vật Lí	Trường THPT Phước Long	Sở GD&ĐT	08 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	- ĐH SP Vật lý '- Thạc sĩ - Vật lý Hạt nhân nguyên tử và Năng lượng cao		GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	TOEFL ITP 463		
1389	Nguyễn Văn Khanh	24	11	1974		01-09-2000	01-09-2001	Phó Hiệu trưởng	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1390	Phan Thanh Tuấn	4	11	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học Sư phạm Ngữ văn - Thạc sĩ VHVN	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
1391	Lê Thị Hồng Đào	23	10	1981	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn GDCD	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học sư phạm Giáo dục chính trị		GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng A			
1392	Phạm Thị Kim Cúc	21	10	1979	x	09-01-2001	09-01-2002	Giáo viên môn Vật lý	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Vật Lý Thạc Sĩ - Vật Lý Lý Thuyết	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
1393	Trình Thị Kim Chi	17	4	1983	x	01/09/2007	01/09/2009	Giáo viên môn Tin học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học Sư phạm Tin học Thạc sĩ Công nghệ Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh C		
1394	Đào Thúy Vinh	6	11	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Toán	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học Sư Phạm Toán. Thạc sĩ- LL &PPDH Môn Toán		GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Anh B1		
1395	Cao Thị Hải	6	7	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Lịch sử	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học- Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ- Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng	Anh B		
1396	Hồ Đặng Hồng Châu	10	2	1977	x	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên môn Tiếng Anh	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn- Ngữ Văn Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1397	Nguyễn Thị Ngọc Hương	21	12	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Hoá học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	19 năm 4 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Hoá Học. Thạc sĩ - Hoá học Hữu cơ		GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng	Anh B		
1398	Lê Thị Hà Giang	8	5	1988	x	01-09-2010	09-01-2011	Giáo viên môn Toán	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- Sư phạm toán học. Thạc sĩ- LL và PPDH bộ môn Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1399	Nguyễn Thị Thúy Lan	8	11	1980	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên môn Hóa Học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học - Cử nhân Sư Phạm Hóa	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản - Bảng Tin Học MOS - Chứng chỉ Intel	Anh A2		
1400	Lê Thị Ngọc Tháo	11	3	1985	X	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên môn Tin học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Cử nhân sư phạm Tin học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1401	Hứa Minh Tuấn	16	9	1980		01/10/2007	01/10/2008	Giáo viên môn Tin học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Cử nhân CNTT	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục	Đại học	Anh ĐH		
1402	Trần Thị Nhung	1	10	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Cử nhân Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
1403	Trần Thanh Hòa	7	3	1979		01-09-2001	01-09-2001	Giáo viên môn Vật Lý	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Cử Nhân Sư Phạm Vật Lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
1404	Tương Thị Tuyết Nhung	24	2	1979	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Hóa học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Hoá Học. Thạc sĩ - Hoá học Vô cơ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1405	Lê Thị Cẩm Hương	27	3	1975	x	04-09-1998	24-04-2000	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	26 năm 4 tháng	V. 07.05.15	4.98 + 7%	Đại học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
1406	Nguyễn Thị Kim Trinh	28	9	1980	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Vật Lý	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	14 năm 5 tháng	V.07.04.12	3.99	Đại học sư phạm - chuyên ngành vật lý. Thạc sĩ - chuyên ngành vật lý địa cầu		GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Trình độ tương đương chứng chỉ C		
1407	Phi Thị Huệ	21	1	1979	x	31-08-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Hóa học	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Hoá Học.		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1408	Lê Kim Cương	27	1	1979		01-10-2011	01-10-2012	Giáo Viên môn Vật Lý	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	12 năm	V.07.05.15	4	Đại học		GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B		
1409	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12	6	1972	x	01-09-1996	01-09-1997	Giáo viên môn Ngữ Văn	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	26 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Intel	Anh B2		
1410	Lê Thị Hồng Nhung	5	9	1972	x	01-10-1998	01-10-2000	Giáo viên môn Ngữ Văn	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	26 năm 3 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn	không	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1411	Bùi Thị Hương Thủy	14	9	1980	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	14 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học Ngoại Ngữ- Tin Học	sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A- Tin học Mos	Cử nhân ngoại ngữ		
1412	Hồ Việt Tuấn	24	1	1989		01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn GDTC	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.00	Thạc Sĩ - Giáo dục học	sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng	B1		
1413	Ngô Thị Vinh Duy	18	5	1979		01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên môn Ngữ văn	THPT Tạ Quang Bửu	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Li luận văn học	không	GV THPT hạng II		Chứng chỉ tin học ứng dụng	Anh C		
1414	Nguyễn Hồ Thiên Đăng	12	1	1979		11/01/2008	11/01/2009	Hiệu trưởng	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	14 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Công nghệ thông tin Thạc sĩ - Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh A2		
1415	Lê Thanh Mai	29	11	1977	x	01/09/1999	01/09/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+7 %	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1416	Đỗ Thị Hoàng Phúc	4	8	1981	x	01/09/2003	01/09/2004	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1417	Lê Thị Vân	4	10	1975	X	01/09/1999	01/09/2000	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 +5%	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1418	Lê Ngọc Dung	14	5	1977	X	01/09/1999	01/09/2000	Tổ trưởng chuyên môn	THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1419	Nguyễn Văn Thọ	26	4	1982		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Vật lí Thạc sĩ vật lí vô tuyến điện tử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - TOEFL Ibt		
1420	Lâm Huệ Phương	10	7	1974	x	01/09/1997	01/09/1998	Giáo viên môn Vật lí	THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98 +7%	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ phương pháp dạy học Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh B1		
1421	Nguyễn Thị Phương Tâm	4	12	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh Bậc 3		
1422	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	8	2	1986	x	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Tam Phú	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh B1		
1423	Nguyễn Anh Dũng	08	03	1975		01-09-2001	01-09-2002	Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.14	4,65	Đại học - Sư phạm toán học Thạc sĩ - Quản lí giáo dục	Trung cấp	GV THPT		THƯA A	Anh B1		
1424	Trương Đình Hùng	1	2	1969		01-09-2001	01-09-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh B1		
1425	Ngô Minh Trí	31	1	1977		01-09-2001	01-09-2002	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại Học - Sư phạm Lịch sử Thạc Sĩ - Quản lí giáo dục	Trung cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B1		
1426	Lê Thị Thanh Quỳnh	28	4	1990	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.00	Đại học CNTT Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh C		
1427	Lê Thị Trường An	21	1	1977		01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Lịch Sử		GV THPT hạng II		THƯA A	Anh A2		
1428	Lê Thị Nga	12	11	1976	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Lịch Sử	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội		GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B2		
1429	Lê Nam Bình	19	4	1975		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Địa Lý	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh		GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B1		
1430	Nguyễn Minh Phụng	20	7	1987		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn GDTC - GDQP	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm GDTC- GDQP	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh B		
1431	Huỳnh Thanh Vũ	19	5	1978		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Hóa hữu cơ		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1432	Nguyễn Thị Út	15	10	1974		01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Sinh học	trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm sinh học Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh ĐH		
1433	Nguyễn Thị Thanh Hương	13	6	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B1		
1434	Trần Thị Thủy Liên	8	11	1980	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Cử nhân - Tin học Thạc Sĩ - Khoa học máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Thạc Sĩ	Anh B1		
1435	Trần Bảo Dung	12	11	1989	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.67	Thạc sĩ Khoa Học Máy Tính	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc Sĩ	Anh - TOEIC		
1436	Trần Thị Như Hương	18	3	1975	x	01-09-1998	01-09-2004	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TPHCM	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh Bậc 3		
1437	Phan Trí Thúc	14	11	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên bộ môn Địa lý	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc Sĩ - Địa lý học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1438	Mai Thị Hương	15	10	1983	Nữ	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn GD&CD	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Giáo dục Chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Trung		
1439	Dương Thị Ngọc Diệp	5	11	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯA A	Anh Bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1440	Trần Thị Ngọc Nga	14	9	1971	X	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên bộ môn toán	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh Bậc 3		
1441	Lưu Thị Nhung	10	11	1982	Nữ	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn lịch sử	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học- Khoa lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Trung		
1442	Nguyễn Thị Hồng Hiệu	2	7	1983	X	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Phát triển hệ thống thông tin quản lý , Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh Bậc 3		
1443	Nguyễn Minh Tú	27	11	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT TP.HCM	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,67	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B2		
1444	Lê Thị Bích	14	4	1987	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tân Bình	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1445	TRẦN CÔNG BÌNH	16	9	1977		01/09/1999	09-01-2000	Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+6 %	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT		THƯỞ A	B1		
1446	VÕ THỊ MỘNG TRINH	28	9	1981	x	01/09/2003	09-01-2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B		
1447	HUỶNH KHOA	9	10	1983		01/09/2008	09-01-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Trung cấp	GV THPT		THƯỞ B	Trình độ B		
1448	VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	27	3	1983	x	10-01-2008	10-01-2009	PCTCD	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Trình độ B		
1449	ĐẶNG CHÍ MINH	1	4	1965		10-01-1987	10-01-1989	TTCM	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	34 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+1 5%	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B		
1450	PHAN TÂN ĐẠT	4	7	1975		05/09/2003	09-05-2004	TTCM	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Đại học		
1451	TÔNG DUY THỦY	11	10	1984		01/09/2008	09-01-2009	TTCM	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A			
1452	ĐẶNG THỊ THỦY	2	12	1986	x	18/08/2010	18/08/2011	TTCM	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ B	Trình độ B		
1453	NGUYỄN HOÀNG DUY	23	10	1983		01/09/2005	09-01-2006	CTCD	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học	Sơ cấp	Chưa có		THƯỞ A	Cử nhân		
1454	NGUYỄN DIỄM LINH	13	2	1984	x	01/09/2010	09-01-2011	TTCM	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B		
1455	ĐOÀN THỊ HỢP	27	5	1982	x	09-01-2009	09-01-2009	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ		GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B1		
1456	TRẦN THỊ KIM NGÂN	24	9	1988	x	09-01-2010	09-01-2011	Nhóm trưởng 11	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		GV THPT		THƯỞ cơ bản	Trình độ B		
1457	NGUYỄN VĂN QUANG	6	9	1987		09-01-2010	09-01-2011	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ		GV THPT		THƯỞ cơ bản	Trình độ B1		
1458	CHÂU MINH PHƯƠNG	26	10	1985		01-09-2010	01-09-2011	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	11 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ B	Trình độ B		
1459	PHẠM THỊ TỎ NGÂN	8	9	1981	x	25/8/2003	09-01-2004	Nhóm trưởng 11	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	19 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Đại học		
1460	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	25	12	1978	X	09-05-2000	09-05-2001	UV BCH/CD	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	22 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ	trung cấp	GV THPT		trung cấp	Đại học		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1461	TRẦN THỊ HẢI SÂM	22	2	1985	X	10-01-2007	10-01-2008	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Trình độ C		
1462	TRẦN THỊ MINH MÂN	12	6	1988	X	09-01-2011	09-01-2012	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B		
1463	TRẦN TRỌNG TÂN	4	7	1995		01/8/2017	05-01-2018	BTCĐGV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	6 năm	V.07.05.15	3	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT		THƯỞ A	Trình độ B		
1464	HỒ NHƯ THÙY	9	10	1987	x	08-01-2014	08-01-2014	GV	Trường THPT Tân Phong	Sở GD&ĐT TP.HCM	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học		GV THPT		THƯỞ A	TOEFL.		
1465	Nguyễn Phi Hùng	4	7	1983		01/10/2005	01/10/2012	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học	Trung cấp	GV THPT hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B		
1466	Đoàn Thị Dung	10	4	1989	x	01/09/2011	01/02/2013	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	11 năm 2 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ	Trung cấp	GV THPT hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B1		
1467	Vũ Văn Luân	16	12	1975		01/02/2000	01/02/2001	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	23 năm 2 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ A	Anh ĐH		
1468	Trịnh Văn Điệp	14	11	1987		01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ B	Anh B		
1469	Đỗ Thị Thanh Nhân	27	4	#####	x	08-01-2016	01/05/2017	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN GV THPT		Tin học B	Tiếng Anh C		
1470	Trịnh Thanh Tùng	8	1	#####		018/2006	01/09/2015	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	13 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sỹ	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN GV THPT		Tin học B	Tiếng Anh B1		
1471	Trần Thy Bảo Ngọc	07	11	1991	x	08-01-2016	05-01-2017	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học A	Tiếng Anh B2		
1472	Phạm Thị Luyến	10	10	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sỹ	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN GV THPT		Tin học A	Tiếng Anh C		
1473	Phan Thị Hoàng Diễm	13	08	1976	x	15/11/2000	01/12/2001	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	22 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ CDNN GV THPT		UDCNTT CB	Tiếng Anh B		
1474	Đoàn Thị Ri A	30	09	1988	x	01/08/2015	01/08/2016	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sỹ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Tin học B	Tiếng Anh B1		
1475	Huỳnh Thị Phương Lan	02	03	1980	x	01/01/2004	01/01/2005	Giáo viên,	Trường THPT Tân Túc	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	19 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUĐCB	Tiếng Anh B		
1476	Du Hoàng Hậu	25	1	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT	BD CBQL trường phổ thông	CNTTNC	Anh - B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1477	Nguyễn Đức Thuận	20	1	1991		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật li Thạc Sĩ - Vật li nguyên tử và hạt nhân		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh Bậc 3		
1478	Lê Thị Kim Tuyền	1	1	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hoá học		GV THPT hạng II		Chứng chỉ B	Anh -B		
1479	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21	8	1978	x	10-09-2001	10-09-2002	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT NC	Anh Bậc 3		
1480	Nguyễn Thị Hồng Thủy	27	10	1980	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Anh văn	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II	BD CBQL trường phổ thông	CNTT NC	Pháp - B		
1481	Nguyễn Thị Mộng Thi	4	9	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT		CNTT NC	Anh - B		
1482	Trần Thị Mỹ Dung	11	1	1982	x	11-01-2008	11-01-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp giảng dạy Toán		GV THPT hạng II		A	Anh-B		
1483	Nguyễn Thị Tiên	27	8	1977	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư Phạm Lịch Sử	Sơ Cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh-B		
1484	Nguyễn Thị Thanh Xuân	6	1	1979	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tân Thông Hội	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học- Công nghệ thông tin	sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	B		
1485	Phạm Văn Cường	16	11	1978		01-09-2006	01-09-2007	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1486	Phan Thị Tâm	18	12	1971	x	01-09-1999		Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	24 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98+8 %	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh bậc 3		
1487	Phạm Văn Hùng	2	10	1977		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên GDTC/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1488	Võ Như Dũng	26	11	1983		01/9/2008	01/9/2009	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Giáo dục thể chất	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1489	Tăng Thị Kim Châu	18	9	1986	x	01/9/2010	01/9/2011	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Giáo dục thể chất Thạc sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1490	Phan Thị Đồng	16	12	1987	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn GDTC/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1491	Phan Thị Hồng	8	8	1984	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1492	Lê Thị Thanh Hà	31	8	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1493	Nguyễn Thị Thanh Hà	27	10	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Hóa học/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Hóa	Sơ cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1494	Trần Trung Hiếu	10	11	1984		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1495	Trần Ngọc Thành	22	10	1986		01-09-2014	01-09-2015	Giáo viên môn Hoá học/TPCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	8 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hoá học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa	Sơ cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1496	Nguyễn Thị Thùy Trang	2	12	1978	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	20 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Hoá học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Hóa	Sơ cấp	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1497	Trần Lê Trung Hải	21	10	1984		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Vật lý/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1498	Phạm Thị Thoa	25	5	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Vật lý/TPCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - Vật lý hạt nhân	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1499	Bùi Thị Phương	13	9	1979	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên Lịch sử/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1500	Võ Thị Kiều Diễm	4	4	1978	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	22 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh - TOEIC		
1501	Lê Thị Nụ	4	9	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học_Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT Hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1502	Huỳnh Nhật Linh	21	6	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lí Thạc sĩ- Địa lí học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
1503	Võ Thị Kim Lai	10	5	19 79	x	01-11-2001	01-11-2002	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	21 năm 5 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1504	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	5	11	1989	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1505	Ngô Thị Tiến	7	8	1970	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Địa lí/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Địa lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B		
1506	Mai Thị Cẩm Chung	10	8	1985	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Địa lí. Thạc sĩ- Địa lí học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh bậc 3		
1507	Trương Tuyết Loan	15	3	1977	x	01-11-2000	01-11-2001	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	22 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1508	Trần Thị Minh Phúc	14	7	1984	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng việt	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	B1		
1509	Phạm Thị Mỹ Dung	15	10	1979	x	01-08-2014		Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Lí luận và phương pháp dạy học môn Văn và Tiếng Việt	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh Bậc 3		
1510	Hồ Thị Kim Sinh	20	4	1986	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Văn học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1511	Trần Thị Thu Nhạn	6	9	1979	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngôn ngữ học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1512	Huỳnh Thị Mộng Thư	12	8	1976	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1513	Tạ Việt Hà	29	1	1978	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Ngữ văn/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	15 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1514	Nguyễn Thị Kim Chi	14	9	1974	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên Sinh học/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	x	CNTT cơ bản	Anh B		
1515	Nguyễn Thị Nguyễn	9	12	1975	x	01-08-2002	01-08-2003	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1516	Nguyễn Thiện Thái Văn	9	3	1976		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn sinh học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	17 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1517	Nguyễn Phạm Phương Thảo	2	2	1981	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Thực vật học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1518	Lê Thị Phương Trà	15	2	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1519	Trần Lê Hải Âu	6	10	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên GDQP&AN/ TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Giáo dục thể chất; Đại học - GDQP&AN	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1520	Lê Quốc Thiện	27	7	1982		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Tin học/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1521	Phan Trường Duy	16	4	1990		01-08-2016	01-05-2017	Giáo viên môn Tin học/TPCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	6 năm 10 tháng	V.07.05.15	3,00	Đại học - Sư phạm Vật Lý Tin học Đại học - Mạng máy tính và truyền thông Thạc sĩ- Vật Lý Kỹ thuật Đại học - Kỹ sư công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1522	Hồ Vĩnh Cường	28	10	1984		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tin Học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66		Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1523	Nguyễn Thị Thu Thủy	12	5	1977	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học-Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1524	Lương Thị Quỳnh Uyên	17	5	1975	x	01-09-1998	01-12-1999	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	24 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,98+8 %	Đại học - Ngữ văn Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1525	Phan Thị Như Uyên	7	12	1973	x	01-09-1996		Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	27 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98 + 9%	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUD A	Anh ĐH		
1526	Trịnh Thị Út Mười	4	8	1978	x	01-09-2001	01-09-2002	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1527	Nguyễn Thị Hồng Anh	12	11	1976	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Tiếng Anh/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
1528	Võ Thị Mộng Điệp	12	1	1978	x	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
1529	Bùi Thị Hồng Nga	25	7	1975	x	01-08-1998	01-08-1999	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1530	Lê Thị Thúy Kiều	22	8	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Ngữ văn Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh ĐH		
1531	Hà Vũ Đức	5	11	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán/TPCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,67	Đại học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B		
1532	Bùi Văn Thuyền	6	1	1981		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ - Toán Đại số và Lý Thuyết số	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn B		
1533	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	29	7	1974	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học- Sư phạm Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1534	Nguyễn Thị Hường	3	9	1986	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Trải nghiệm hướng nghiệp và Tư vấn tâm lý/TTCM	Trường THPT Tây Thạnh	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tâm lý giáo dục Thạc sĩ - Tâm lý học trường học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1535	Dư Ngọc Minh Anh	21	3	1993	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.00+7 %	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Cử nhân		
1536	Lê Thị Hoàng Anh	12	8	1989	x	01-08-2016	01-08-2016	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Hoá học hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Cử nhân		
1537	Nguyễn Thị Văn Anh	15	10	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99+1 3%	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng nhận	CNTTCA	Anh B		
1538	Dương Nguyệt Ánh	14	11	1991	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B		
1539	Nguyễn Thị Hồng Châu	23	6	1982	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32+1 6%	Đại Học - Sư phạm Hoá học Thạc Sĩ - Hoá vô cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh C		
1540	Nguyễn Kim Dung	27	1	1979	x	01-09-2000	05-12-2001	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	22 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.32+2 1%	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNTTCA	Cử nhân Anh-Pháp B		
1541	Đào Ngọc Ngân Giang	13	11	1994	x	01-08-2016	01-05-2017	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3.00+5 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		CNTTCB	Cử nhân		
1542	Lê Thị Hà Giang	10	10	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66+1 0%	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp giảng dạy môn tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ	CNTTCB	Pháp B		
1543	Lê Thị Phương Hà	3	9	1980	x	01-09-2002	01-09-2003	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	20 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.65+2 0%	Đại Học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Bồi dưỡng	CNTTCA	Anh B		
1544	Tăng Thị Hằng	6	3	1982	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Đang học		CNTTCA	Anh B		
1545	Nguyễn Thị Thu Hiền	6	11	1983	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66+1 2%	Đại Học - Công nghệ thông tin Thạc Sĩ - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh B1		
1546	Kiểm Thanh Hoà	9	12	1979	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66+1 2%	Đại Học - Khoa học xã hội và nhân văn		Đang học		CNTTCB	Anh B		
1547	Đặng Thị Thu Hường	25	3	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Sinh	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Sinh	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B		
1548	Lê Huỳnh Quang Khanh	16	8	1989		01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Sinh - Chủ tịch Công đoàn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33+7 %	Đại Học - Sư phạm Sinh - KTNN Thạc Sĩ - Sinh học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Bồi dưỡng	CNTTCB	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1549	Tô Nguyễn Khanh	19	2	1977	x	01-09-1999	01-09-2000	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	23 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98+2 3%	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Sơ cấp			CNTTCB	Pháp B		
1550	Phan Thị Minh Liên	9	8	1990	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Công nghệ Thạc Sĩ - Giáo dục học	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B1		
1551	Nguyễn Thuý Linh	1	1	1981	x	01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32+1 7%	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
1552	Đặng Thị Kim Loan	12	3	1985	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Thể dục	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66+1 2%	Đại Học - Sư phạm GDTC		Đang học		CNTTCA	Anh B		
1553	Nguyễn Thị Bạch Ngân	8	9	1977	x	01-09-2001	01-09-2002	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.65+2 1%	Đại Học - Sư phạm tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Pháp B		
1554	Lâm Thành Nghĩa	19	7	1988		01-01-2013	01-09-2015	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B		
1555	Trần Thị Phương	1	6	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	13 năm 4 tháng	V.07.05.15	3.99+1 3%	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B1		
1556	Nguyễn Thị Phương	14	11	1983	x	01-09-2008	01-09-2010	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99+1 3%	Đại Học - Sư phạm GDTC	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh B		
1557	Phạm Bảo Quốc	14	2	1979		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32+1 7%	Đại Học - Sư phạm Kỹ thuật Thạc Sĩ - Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh Bậc 4		
1558	Lê Quý Quỳnh	6	7	1980		05-07-1905	01-08-2014	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.05.15	3.66+1 3%	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
1559	Mai Thị Tâm	15	5	1979	x	01-09-2006	05-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	16 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.66+1 4%	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn				CNTTCB	Anh B		
1560	Đoàn Thị Thuận	6	8	1978	x	01-09-2001	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99+2 1%	Đại Học - Sư phạm Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng nhận	CNTTCA	Anh B		
1561	Vân Thị Thanh Thủy	14	2	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66+1 3%	Đại Học - Sư phạm Tin học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Cử nhân	Cử nhân	Anh B		
1562	Nguyễn Thu Thủy	11	12	1982	x	01-09-2004	01-11-2005	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	18 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.32+1 8%	Đại Học - Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B		
1563	Trần Thị Tươi	2	2	1984	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99+1 6%	Đại Học - Sư phạm Toán học	Sơ cấp	Đang học		CNTTCA	Anh B		
1564	Trần Thị Tuyết	19	5	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33+8 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	Đang học		CNTTCB	Anh B		
1565	Trần Thị Quỳnh Tiên	15	1	1989	x	01-08-2015	01-08-2016	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33+7 %	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học và ngôn ngữ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh B1		
1566	Nguyễn Thị Tú Vy	14	10	1994	x	01-08-2016	01-05-2017	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3.00+5 %	Đại Học - Sư phạm Toán học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh B		
1567	Nguyễn Thị Vinh	10	3	1987	x	01-09-2009	01-09-2011	Giáo viên môn Giáo dục công dân	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66+1 3%	Đại Học - Sư phạm GD&ĐT	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTTCA	Anh B		
1568	Lê Hữu Hân	15	7	#####		01-09-1991	01-09-1993	Hiệu trưởng	Trường THPT Thanh Đa	Sở GD&ĐT	30 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.98+3 0%	Đại Học - Sư phạm Vật lý Thạc Sĩ - Chính trị học	Cao cấp	GV THPT hạng II		B	Anh B1		
1569	Nguyễn Văn Khanh	13	4	1974		01/09/2004	01/09/2005	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thạnh Lộc	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Tin Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung Cấp	GV THPT hạng II	QLNN ngạch chuyên viên	Cử nhân	B1		
1570	Phan Tấn Nhật	16	6	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên	Trường THPT Thạnh Lộc	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Toán Thạc Sĩ - Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	B		
1571	Chung Thị Phương Thủy	5	11	1975	x	01/09/1998	01/09/1999	TTCM	Trường THPT Thạnh Lộc	Sở GD&ĐT	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98 + 7%	Đại học sư phạm- Sinh, Thạc sĩ-Lý luận và PPDH môn Sinh	Trung cấp	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	Anh văn bậc 3		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1572	Trần Văn Tiếp	30	12	1976		01/09/2000	01/03/2001	TTCM	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	23 năm và 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân TDDT, cử nhân GDQP-AN	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ BD CBQL trường phổ thông năm 2022	UD Tin học cơ bản	Chứng chỉ B1 theo khung CEFR		
1573	Lương Thị Hương	24	10	1979	x	02/01/2007	02/01/2008	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	16 năm, 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ Hóa lý thuyết và Hóa lí	Không	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	Tiếng Anh B1		
1574	Trần Kim Xuân	26	6	1975	x	01/09/1997	01/09/1998	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	26 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Địa lý học	trung cấp	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	B1 khung châu âu		
1575	Nguyễn Thị Hà	15	7	1984	x	05/09/2009	05/09/2010	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân chính trị	Sơ cấp	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	Cử nhân		
1576	Đặng Tịnh Quỳnh	23	9	1988	x	01/08/2014	01/08/2015	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3	Đại học	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3		
1577	Đinh Thị Hồng Vân	7	9	1984	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	16 năm, 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân sư phạm	Trung cấp	GV THPT hạng II		UD Tin học cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh B1		
1578	Vũ Ngọc Hải	4	5	1975		01/09/1997	01/09/1999	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	27 năm	V.07.05.15	4,98 vượt khung 8%	Thạc sĩ lý luận và giảng dạy bộ môn hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng Cán bộ quản lý và Công chức Nhà nước ngành GD&ĐT	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản, văn phòng	Tiếng Anh B1 Châu Âu		
1579	Bùi Thị Do	29	10	1976	x	19/08/2012	19/08/2013	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	10 năm - 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân	Trung cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	A		
1580	Trần Thị Nguyệt Hằng	29	9	1974	x	01/09/1997	01/09/1999	Giáo viên	Trường THPT Thanh Lộc	Sở GD&ĐT	24 NĂM 4 THÁNG	V.07.05.15	4,98+ VK 8%	CỬ NHÂN KHOA HỌC XÃ HỘI- NGỮ VĂN	TCCT	GV THPT hạng II		TIN HỌC ỨNG DỤNG	ANH VĂN B1		
1581	Đỗ Vũ Ngọc Trung	30	10	1985		01-09-2009	01-09-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Vật lý, Thạc Sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH, Anh B1		
1582	Vô Thanh Toàn	17	3	1983		01-09-2007	01-09-2008	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Hóa học, Thạc Sĩ - LL và PP dạy học Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH		
1583	Phạm Thị Thủy	25	7	1976	x	01-09-2002	01-09-2003	Chủ tịch công đoàn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	21 năm 7 tháng	V.07.05.16	4,65	Đại Học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB			
1584	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn	25	4	1988		01-09-2013	01-09-2014	Giáo viên Toán	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán - Tin học ĐH KHTN TP.HCM	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân Tin học	Anh ĐH, Anh B1		
1585	Lê Thị Ngọc Thảo	15	10	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên Toán	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B, Mos	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1586	Trịnh Thị Hoài Thư	13	5	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Tổ trưởng tổ Vật lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1587	Nguyễn Thị Hương	15	10	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý, Thạc Sĩ - LL và PP dạy học Vật lý		GV THPT hạng II		Tin học văn phòng, Mos	Anh B1		
1588	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	30	11	1988	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		CNTTCB			
1589	Vương Hưng Bá	20	02	1983		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II					
1590	Hồ Văn Kiên	02	12	1988		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ Hóa học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học, Thạc Sĩ - Hóa vô cơ	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh ĐH, Anh B1		
1591	Phan Thị Ngọc Tiên	26	9	1991	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Hóa học, Thạc Sĩ - LL và PP dạy học Hóa học		GV THPT hạng II		Tin học văn phòng	Anh B1		
1592	Phạm Thị Anh Thơ	13	4	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Sinh học, Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		A, MOS	B		
1593	Mai Thị Thùy Tiên	06	9	1972	x	01-09-1995	01-09-1996	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn, Thạc Sĩ - Lý luận văn học		GV THPT hạng II		A, MOS	Anh C		
1594	Lâm Thị Thanh Huyền	03	3	1987	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - KHXH&NV - Ngữ văn, Thạc sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B2		
1595	Bùi Thị Nhung	15	7	1983	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học Văn Hiến - Ngữ văn, Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		A, MOS	Anh B1		
1596	Trần Thị Lan Phương	14	3	1979	x	01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư Phạm Ngữ Văn		GV THPT hạng II		A, MOS	Anh B		
1597	Hoàng Chiêm Khánh	20	12	1983		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư Phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT Hạng II		CNTTCB , MOS	Anh B1		
1598	Đỗ Ngọc Thiên Kiều	02	6	1985	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư Phạm Ngữ Văn	Sơ cấp	GV THPT Hạng II		CNTTCB			
1599	Đặng Thị Mộng Loan	24	9	1976	x	01-09-1998	01-09-1999	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư Phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB , MOS			
1600	Đỗ Văn Anh	18	8	1976	x	01-01-2000	01-01-2001	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	23 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư Phạm Lịch sử		GV THPT hạng II					
1601	Hoàng Diệu Thủy	07	4	1975	x	01-12-1999	01-12-2000	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	24 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư Phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTTCB , MOS	Trung B		
1602	Vũ Hiền Linh	27	10	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ GD&P - Địa lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý, Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh B1		
1603	Ngô Thị Tuyết Mai	28	10	1983	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - KHXH&NV - Địa lý du lịch		GV THPT hạng II		B	Anh B3		
1604	Hà Thị Thanh Vân	09	9	1976	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		CNTTCB			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1605	Phạm Thị Hương	14	6	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		A, MOS			
1606	Lê Thị Hồng Quế	19	8	1985	x	01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - KHXH&NV - Địa lí, Thạc sĩ Địa lí học - ĐH Sư phạm Tp. HCM	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
1607	Lê Thùy Dương	31	5	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh		GV THPT hạng II		A, MOS	Anh ĐH		
1608	Huỳnh Ngô Minh Tâm	18	3	1991		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm tiếng Anh, Thạc sĩ LL và PP giảng dạy tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh C1		
1609	Lê Ngọc Nữ	10	5	1978	x	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên môn tiếng Anh	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A, MOS	Anh ĐH		
1610	Nguyễn Hải Đăng	21	6	1978		01-09-2003	01-09-2004	Tổ trưởng tổ Tin học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học KHTN Tp.HCM - Cử nhân Công nghệ thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân			
1611	Huỳnh Thị Thơ	7	3	1988	x	01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Công nghệ phần mềm, Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh B1		
1612	Tổng Phúc Hiệp	7	1	1979		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học Bách khoa Tp.HCM - Kỹ sư máy tính	Trung cấp	GV THPT hạng II		Kỹ sư	Anh ĐH		
1613	Khuru Tấn Triết	28	3	1967		01-09-1987	01-03-1990	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	33 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,98 + 14%	Đại học Cần Thơ - Kỹ sư Tin học		GV THPT hạng II		Kỹ sư			
1614	Trần Đồng Lộc	17	12	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tin học		GV THPT hạng II		Cử nhân	Anh B1		
1615	Nguyễn Thị Nhung	21	10	1990	x	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ GD&CD	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học -Giáo dục chính trị, Thạc Sĩ - Triết học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Pháp A2		
1616	Nguyễn Xuân Nam	19	4	1987		01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng tổ GDTC	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học Thể Dục Thể Thao II - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A, MOS	Anh B2		
1617	Lê Hoàng Quân	19	5	1982		01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Thể Dục Thể Thao II - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT Hạng II		CNNTCB			
1618	Phạm Quốc Đạt	14	1	1976		01-09-2005	01-09-2006	Tổ trưởng tổ GDQP&AN	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học TĐTT - Giáo dục thể chất, Thạc Sĩ - Quản lý TĐTT	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh B1		
1619	Trần Đình Hữu	5	10	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn GDQP&AN	Trường THPT Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Giáo Dục Thể Chất, Giáo Dục Quốc Phòng An Ninh ; Thạc Sĩ - Giáo Dục Học	Trung Cấp	GV THPT hạng II		CNNTCB	Anh ĐH		
1620	Tân Triệu Văn	6	11	1978		01/09/2000	01-09-2001	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	22 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Giáo dục Thể chất Thạc sĩ.....	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B1		
1621	Hoàng Thị Hòe	15	3	1973	X	01/08/2002	01-08-2003	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	20 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Sinh học		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-C		
1622	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20	6	1982	X	01/09/2009	01-09-2010	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Giáo dục Chính trị	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1623	Trần Thị Cẩm Tú	15	4	1978	X	01/09/2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	22 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Hóa học	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-Chứng chỉ khác		
1624	Trần Thị Yến Phương	25	8	1969	X	01/09/2003	01-09-2004	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Hóa học		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	-		
1625	Ngô Thị Hợi	2	1	1984	X	01/09/2009	01-09-2010	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	13 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Lịch sử		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		
1626	Nguyễn Thị Lê	2	6	1983	X	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Anh B1		
1627	Phan Thị Bích Ngọc	6	3	1972	X	01/08/1998	01-08-1999	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	24 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		
1628	Trương Thị Minh Hiền	5	4	1988	X	01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Sinh học		Chức danh nghề nghiệp II			Tiếng Anh-B		
1629	Phạm Thị Minh Nguyệt	7	11	1978	X	30/09/2011	29-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Hóa học		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		
1630	Thái Thị Cẩm Nguyệt	8	10	1979	X	01/09/2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Sinh học		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		
1631	Nguyễn Thị Như Hân	17	3	1989	X	01/08/2016	01-08-2017	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	6 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ.....	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B1		
1632	Nguyễn Quang Hoàng	25	9	1977		01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Giáo dục Thể chất		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-A		
1633	Phạm Đức Thắng	15	7	1987		01/09/2011	01-09-2012	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Giáo dục Thể chất		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-B		
1634	Đỗ Thị Thống Nhất	3	2	1976	X	01/10/2020	01-10-2021	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Tin học		Chức danh nghề nghiệp II		Đại học	-		
1635	Phan Lâm Hiền	12	9	1979		01/09/2004	01-09-2005	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Tin học	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Đại học	Tiếng Anh-B1		
1636	Lê Thị Mỹ Hạnh	11	8	1978	X	15/08/2012	15-08-2013	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ - Sư phạm Toán học		Chức danh nghề nghiệp II			Tiếng Anh-A		
1637	Diệp Văn An Lạc	4	3	1985		07/12/2007	07-12-2008	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	15 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Toán học Thạc sĩ	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-Chứng chỉ khác		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1638	Đỗ Hoàng Vũ	6	6	1983		01/09/2011	31-08-2012	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Toán học	Trung cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Đại học	Tiếng Anh-B		
1639	Trần Thị Cúc	16	1	1978	X	01/09/2001	01-09-2002	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-C		
1640	Nguyễn Thị Hương	23	2	1980	X	01/09/2004	01-09-2005	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Vật lý		Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-A		
1641	Nguyễn Văn Tinh	3	9	1988		01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Thủ Thiêm	Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM	12 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	Chức danh nghề nghiệp II		Cơ bản (TT03)	Tiếng Anh-C		
1642	Hàn Thanh Tùng	28	3	1967		01/09/1994	01-09-1995	Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98+12%	Đại học-Sư phạm Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh C		
1643	Phạm Thị Hồng Lâm	2	10	1977	x	01-09-2010	01-09-2010	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Lý luận và pphd môn Sinh	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1644	Nguyễn Bích Trâm	3	11	1984	x	01/09/2006	01-09-2007	Tổ phó chuyên môn Toán học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán Thạc sĩ - Toán Giải tích		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1645	Nguyễn Thị Bích Phương	16	11	1985	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Toán, Thạc sĩ - Lý luận và pphd môn Toán		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B1		
1646	Nguyễn Văn Hiếu	24	4	1972		01/09/2006	01-09-2007	Tổ trưởng chuyên môn Toán học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1647	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8	7	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B		
1648	Trần Thị Liên	1	9	1979	x	01-10-2003	01-10-2004	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lý-Tin học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1649	Cao Hải Oanh	28	9	1982	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Vật lý		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1650	Phan Thị Phú	23	9	1976	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1651	Trương Thị Tuyết Mai	22	5	1984	x	01/09/2007	01-09-2008	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh C		
1652	Mai Đức Đăng Khoa	7	10	1980		01-09-2005	01-09-2006	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B		
1653	Phạm Thị Thu	16	2	1977	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
1654	Lê Thu Hà	20	10	1981	x	01/09/2007	01-09-2008	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử, Thạc sĩ - Lịch sử Đảng		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1655	Dương Thị Ngọc Sương	9	9	1980	x	01/09/2005	01-09-2006	Tổ trưởng chuyên môn Địa lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Địa lý Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1656	Trương Thị Nụ	21	2	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1657	Nguyễn Tấn Quế	20	3	1979		01-09-2003	01-09-2004	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ - LL và PPDH môn Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUĐ A	Pháp B		
1658	Nguyễn Thị Khanh	30	12	1972	x	01-08-1995	01-08-1996	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	27 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98+7%	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Trung cấp	GV THPT hạng II		THUĐ B	Nga		
1659	Trần Hồ Thủy Hường	4	3	1980	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh Thạc sĩ - LL và PPDH môn Tiếng Anh		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Pháp		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1660	Mai Thị Phúc	18	8	1984	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn GDCD	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm GDCD		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1661	Đặng Lê Xuân Ánh Nguyệt	1	4	1983	x	01/09/2007	01-09-2008	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Tin học		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B1		
1662	Nguyễn Thị Diễm Kiều	29	3	1982	x	01/09/2006	01/09/2007	Tổ trưởng chuyên môn Tin học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Giao thông vận tải (Tin học)		GV THPT hạng II		Đại học	Anh ĐH		
1663	Vân Công Hoàng	2	2	1988		01-09-2011	01-09-2012	Tổ trưởng chuyên môn Thể dục	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm thể dục		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1664	Đào Mạnh Hùng	2	8	1985		01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm thể dục, Thạc sĩ - Khoa học giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1665	Lê Hồng Dũng	1	5	1978		01-09-2003	01-10-2004	Tổ trưởng chuyên môn Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm thể dục, Thạc sĩ - Khoa học giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1666	Trần Thị Hà	14	11	1985	x	01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Quốc phòng - An ninh	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm thể dục		GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1667	Trần Tuấn Anh	17	11	1983		01/09/2005	01-09-2006	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán, Thạc sĩ - Lý luận và ppdh môn Toán		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1668	Phạm Quốc Mạnh	10	11	1984		01/09/2008	01-09-2009	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B		
1669	Lê Thị Thuận	22	1	1977	x	01/09/2007	01-09-2008	Tổ phó chuyên môn Ngữ Văn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1670	Trần Thị Thu Phương	13	4	1972	x	01/09/2006	01-09-2007	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học-Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1671	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20	4	1982	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học-Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh B		
1672	Trương Thị Mỹ Hương	15	11	1978	x	01-11-2000	01-09-2001	Tổ trưởng chuyên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học-Sư phạm Lịch sử		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1673	Vũ Thị Thu Hằng	26	5	1983	x	01/09/2007	01-09-2008	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học-Sư phạm Địa lý		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1674	Nguyễn Thị Thúy Nga	21	10	1986	x	01/09/2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn Giáo dục công dân	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học-Sư phạm GDCD		GV THPT hạng II		THUĐ A	Anh C		
1675	Phan Thị Kim Ngân	7	5	1987	x	01/09/2010	01-09-2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học-Sư phạm Tin học Thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin		GV THPT hạng II		Thạc sĩ	Anh B1		
1676	Lê Xuân Hùng	10	5	1985		01-09-2010	01-08-2011	Giáo viên Thể dục	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học-Sư phạm Thể dục- Quốc phòng		GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1677	Đỗ Thị Thanh An	5	4	1989	x	01-08-2014	01-08-2015	Giáo viên môn Tiếng anh	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	8 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Ngân hàng - Ngôn ngữ Anh Thạc sĩ - Lý luận và ppdh môn tiếng Anh		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh - IELTS		
1678	Nguyễn Thị Diệu	23	6	1984	x	25-11-2008	01-12-2009	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí Thạc sĩ - Địa lí học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1679	Nguyễn Thị Hồng Loan	2	5	1986	x	01-08-2008	01-09-2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1680	Vô Thị Bích Viên	8	6	1978	x	01-09-2001	01-09-2001	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Vi sinh vật học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1681	Phạm Thị Nga	18	8	1985	x	01-09-2007	01-09-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1682	Lương Ngọc Tuấn	19	9	1986		01-08-2012	01-08-2013	Giáo viên môn Địa lí	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	10 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa lí Thạc sĩ - Địa lí học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1683	Nguyễn Thị Thanh Trúc	28	3	1985	x	08-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B		
1684	Bùi Văn Tinh	31	1	1977		01-09-2003	01-09-2007	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lý luận và ppdh môn Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1685	Trần Thị Ngọc Nhịn	7	8	1987	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1686	Quách Yến Ly	3	9	1983	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B		
1687	Đặng Thị Hoàn Thu	21	1	1978	x	01-09-2001	01-09-2007	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Hóa học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1688	Nguyễn Minh Thời	10	3	1985		01-08-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1689	Phạm Thị Thanh Vân	16	12	1978	x	01-09-1999	01-03-2000	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Lịch sử Thạc sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1690	Bùi Thị Thùy Linh	19	5	1986	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Lịch Sử Thạc sỹ - Lịch Sử thế giới	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Trung		
1691	Nguyễn Thị Minh Thư	7	3	1984	x	01-08-2015	01-08-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	8 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1692	Trần Thị Ánh Tuyết	21	2	1979	x	01-09-2002	01-09-2006	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Cử nhân Toán Tin	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1693	Lê Thị Kha Ly	30	8	1986	x	01-09-2012	01-01-2014	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	10 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Giáo dục thể chất Thạc sỹ - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1694	Trương Thị Mỹ Hiền	3	11	1982	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học TTĐD - Giáo dục thể chất Thạc sỹ - Giáo dục thể chất	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B1		
1695	Lê Thị Trà My	4	12	1989	x	01-08-2015	01-08-2015	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	8 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn Thạc sĩ - Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1696	Vũ Đức Tâm	29	5	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Trần Khai Nguyên	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Công nghệ thông tin Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh		GV THPT hạng II		Đại học	Anh B		
1697	Trần Thị Dũ	9	7	1976	Nữ	01-09-2000	31-08-2001	Phó hiệu trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học Sư Phạm- chuyên ngành Vật lý	Trung cấp	GV THPT hạng II	Bồi dưỡng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường nhỏ thông	Tin học văn phòng	Cử nhân ngôn ngữ Anh		
1698	Nguyễn Tuyết Trinh	8	7	1971	x	01-09-1993	01-09-1993	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	30 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98+13%	Đại Học - Sư phạm Hóa học, Thạc Sĩ - Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Thạc sĩ QLGD	Trung cấp	Tiếng Anh - Đại học		
1699	Bùi Thị Ngọc	9	10	1986	Nữ	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm kỹ thuật Thạc sỹ - Sinh học thực vật		GV THPT hạng II	Không	A	TOEFT 447		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1700	Nguyễn Thị Mỹ	25	5	1982	Nữ	04-09-2005	05-09-2008	Tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Sư phạm Địa Lí Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Địa Lí	Trung cấp	GV THPT	Chứng chỉ Cán bộ quản lý trường phổ thông	A	B1 - Tiếng Anh		
1701	Trần Thị Ngọc Châu	21	1	1980	x	01-09-2007	01-09-2007	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	16 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Cán bộ quản lý trường phổ thông	A	Tiếng Anh - Bảng B1, Ielts 4.5		
1702	Nguyễn Trung Kiên	3	2	1986	Nam	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	Trung cấp		không	A	Bảng B - Tiếng Anh		
1703	Nguyễn Văn Vinh Hào	1	10	1988	Nữ	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Hoá học, Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Đã tham gia lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ OLGD	Trình độ A	B1 - Tiếng Anh		
1704	Trần Văn Thuật	20	2	1988	Nam	01-09-2012	01-09-2013	Tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	ĐHSP TP HCM - khoa lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng lớp cán bộ quản lý	C	Bảng B - Tiếng Anh		
1705	Lê Thị Hồng Thủy	10	10	1985	Nữ	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	14 năm 07 tháng	V.07.05.15	3.99 vụ	Đại học sư phạm TpHCM - khoa Lịch Sử		GV THPT Hạng II	Không	Bảng A	Bảng B - Tiếng Anh		
1706	Lê Thị Tuyết Lan	31	8	1977	Nữ	01-09-2000	01-09-2001	Tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	22 năm 10 tháng	V.07.05.15	4.98	Thạc sĩ - Lý luận văn học Đại học Sư phạm TPHCM	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh Hiệu trưởng theo mô hình liên kết Việt Nam-Singapore	Tin học ứng dụng	Bảng C - Tiếng Anh		
1707	Đặng Thị Thủy	24	3	1974	Nữ	01-09-1996	01-09-1997	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	26 năm 7 tháng	V.07.05.15	4, 98	Đại học Sư Phạm TPHCM		GV THPT hạng II	Không	A	Bảng B - Tiếng Anh		
1708	Nguyễn Thanh Tuấn	12	9	1990	Nam	01-08-2017	01-05-2018	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	6 năm	V.07.05.15	3.33	Cử nhân sư phạm Ngữ văn trường Đại học Sư phạm TP.HCM Thạc sĩ Ngôn ngữ học trường Đại học Sư phạm TP.HCM		GV THPT HẠNG II	Chứng chỉ bồi dưỡng lớp cán bộ quản lý	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT vào giảng dạy	Cử nhân tiếng Anh		
1709	Phạm Thị Thuý Loan	5	5	1973	Nữ	01-09-1999	01-09-2000	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại Học - Sư phạm: Ngữ Văn Thạc Sĩ : Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1 - Tiếng Anh		
1710	Nguyễn Thị Ngọc Yến	24	12	1976	Nữ	01-09-1998	01-09-2000	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	01/9/2000, 23 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học sư phạm - Sinh học Thạc sĩ - Vi sinh vật		GV THPT Hạng II	Không	Tin học A văn phòng	Cử nhân ngành tiếng Anh		
1711	Trương Đình Nhân	16	10	1984	Nam	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	15 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học - Cử Nhân TDTT		GV THPT hạng II	Không	A	Bảng B - Tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1712	Phạm Quốc Vương	19	2	1983	Nam	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Trường DHDL Hồng Bàng - cử nhận giáo dục thể chất. Trường ĐHSPTP HCM-cử nhận Giáo Dục Quốc Phòng và An Ninh.		GV THPT hạng II	Không có	A	Bằng B - Tiếng Anh		
1713	Tô Thanh Hoà	20	10	1979	Nữ	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	20 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98	Thạc sỹ - Giáo Dục Học Đại học sư phạm Tiếng Anh (ĐHSPTPHCM) Thạc sĩ giảng dạy tiếng Anh (Victoria University - Úc) Đại Học - Sư phạm ngành Tiếng Anh		GV THPT hạng II	Không	Trình độ A	Ielts 7.0		
1714	Hoàng Thị Hương Nguyễn	11	3	1978	Nữ	01-12-2000	01-12-2001	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	22 năm 4 tháng	V.07.05.15	4.98	Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh- ĐH KHXH và NV TP HCM		GV THPT hạng II	Không có	Cơ bản	Tiếng Anh bậc 6 Tiếng Pháp B		
1715	Ngô Hoàng Minh Thảo	22	4	1979	Nữ	01-09-2001	01-09-2002	Tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học- tiếng Anh (Đại học sư phạm Tp HCM), Thạc sỹ- giảng dạy tiếng Anh (Đại học KHXH&NV)		GV THPT Hạng II	không	Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A	Ielts 7.5		
1716	Nguyễn An Hồ Quỳnh Giao	2	9	1979	Nữ	05-09-2001	05-09-2002	Phó tổ trưởng	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	21 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.65	Đại học - Sư phạm Vật lý Thạc sĩ - Vật lý ứng dụng trường KHTN		GV THPT	không	Tin học ứng dụng cơ bản	Bằng B - Tiếng Anh		
1717	Nguyễn Thị Tuyết Sâm	29	8	1977	Nữ	01-09-2000	01-09-2001	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	22 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.98	Đại học - Sư Phạm Toán.		GV THPT hạng II	Không	A	Bằng B - Tiếng Anh		
1718	Trần Thị Tú Phương	22	4	1977	Nữ	01-11-2000	01-11-2001	Giáo viên	Trường THPT Trần Phú	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4.98	ĐHSPTP HCM-Toán học		GV THPT hạng II		Trình độ A	B1 - Tiếng Anh		
1719	Nguyễn Thị Thanh Hoàng	17	10	1978	x	01/09/2000	01/9/2001	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học-Sư phạm Địa lý, Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp LLCT	GV THPT	QLNN ngạch chuyên viên	THƯỞNG A	Anh B1		
1720	Phan Khôi Long	10	11	1988		01/08/2013	01/08/2014	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học - Sư phạm Tin học	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng (II)	QLNN ngạch chuyên viên	Đại học	Anh ĐH		
1721	Lê Thị Hà	3	6	1985	x	05/09/2008	05/09/2009	Giáo viên dạy Lịch sử	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ Lịch sử	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng (II)		THƯỞNG B	Anh B1		
1722	Đàm Thị Phương Thúy	14	3	1985	x	01/09/2009	31/08/2010	Giáo viên dạy Ngữ văn	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B		
1723	Phạm Thị Thu Hương	7	11	1971	x	01/09/2009	31/08/2010	Giáo viên dạy Ngữ văn	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn (Cử nhân - Khoa học)		GV THPT		THƯỞNG A	Anh B		
1724	Trần Thị Phi Nga	25	10	1977	x	01/09/2008	30/8/2009	Giáo viên dạy Ngữ văn	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1725	Phạm Thị Nguyệt	7	1	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên dạy GD&ĐT (GD KT&PL)	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	ĐHSPTP - Khoa giáo dục chính trị		GV THPT Hạng (II)		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1726	Trương Thị Kim Phụng	27	7	1974	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên dạy Toán	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	17 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Toán		GV THPT Hạng (II)		THƯỞNG A	Anh B		
1727	Đào Thị Ngọc Mai	27	11	1981	x	01/9/2007	01/9/2008	Giáo viên dạy Sinh học	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Thạc sĩ - Sinh lý thực vật	Trung cấp LLCT	GV THPT		THƯỞNG A	Anh C		
1728	Nguyễn Thị Thảo	22	7	1983	x	01/09/2006	01/09/2008	Giáo viên dạy Thể dục	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học- sư phạm giáo dục thể chất (Thạc sĩ giáo dục học)		GV THPT Hạng (II)		THƯỞNG B	Anh ĐH		
1729	Nguyễn Thị Liên	1	9	1985	x	'01/09/2009	'01/09/2010	Giáo viên dạy Sinh học	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học- Cử nhân Sinh học		GV THPT		THƯỞNG B	Anh B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1730	Nguyễn Thị Thanh	6	9	1980	x	01/09/2002	01/09/2003	Giáo viên dạy Sinh học	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	20 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh (Thạc sĩ - Sinh học thực nghiệm)	Trung cấp LLCT	GV THPT		THƯỞNG B	Anh B1		
1731	Lê Hoàng Lâm	10	2	1988		01/08/2014	01/07/2015	Giáo viên dạy Toán	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	9 năm 9 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm Toán (Thạc sĩ - Hình học ĐHSPTPHCM, Thạc sĩ - Đại số - ĐHKHTNTPHCM)	Sơ cấp LLCT	GV THPT		THƯỞNG B	Anh - TOEFL 460 lbt		
1732	Phạm Thị Thanh Ngoan	10	10	1983		01/09/2007	01/08/2008	Giáo viên dạy GDCD (GD KT&PL)	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm GD Chính trị (Thạc sĩ - CNXH KH ĐHKHXNNVTPHCM)	Trung cấp LLCT	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B1		
1733	Nguyễn Hồng Thanh	29	9	1972		01/09/1996	01/09/1996	Giáo viên dạy Ngữ văn	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	28 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học - Sư phạm Tiếng Việt ĐHSPTPHCM (Thạc sĩ - Văn học Việt Nam - ĐHVHTPHCM)	Sơ cấp LLCT	GV THPT		CNTT cơ bản	Anh B1		
1734	Nguyễn Thị Huỳnh Kiều	25	12	1978	x	'01/09/2010	'01/09/2010	Giáo viên dạy Tin học	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - sư phạm Tin (Thạc sĩ - QLGD ĐHSG)	Trung cấp LLCT	GV THPT		Đại học	Anh B1		
1735	Phan Thị Thủy Hằng	20	7	1985	x	01/09/2008	31/08/2009	Giáo viên dạy Hoá học	Trường THPT Trần Quang Khải	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Sư phạm Hoá Thạc sĩ giáo dục học bộ môn Hóa học		GV THPT Hạng (II)		THƯỞNG A	Anh B1		
1736	Lê Tường Quyên	4	10	1976	Nữ	01-08-2004	01/08/2025	Phó hiệu trưởng	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	24 năm	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh-Đại học sư phạm	Trung cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh B		
1737	Võ Thị Thu Hiền	1	9	1975	Nữ	01-09-2000	01/09/2001	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	24 năm	V.07.05.15	4,98	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Đại học		
1738	Huỳnh Thanh Loan	2	11	1991	Nữ	01/08/2013	01/08/2014	TPCM tổ Anh văn	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	10 năm	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh - IELTS		
1739	Vũ Hồng Nhân	7	4	1988	Nam	01/09/2011	01/09/2012	TTCM	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	13 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN hạng II	CC BDCBQL	CNTT cơ bản	Anh B1		
1740	Lê Thị Hồng Quyên	26	11	1976	Nữ	01-09-1998	01/09/1999	TTCM tổ Địa lý	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 +6%	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	CC BDCBQL	Tin học A	Anh ĐH		
1741	Lại Tổ Trần	2	5	1975	Nữ	01-09-1998	01/09/1999	TTCM tổ Hóa học	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98 +6%	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN hạng II	CC BDCBQL	Tin học A	Anh C		
1742	Nông Nữ Trúc Ly	11	1	1987	Nữ	01-09-2010	01/09/2011	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh B		
1743	Hoàng Đức Cường	18	8	1985	Nam	01-09-2007	01/09/2008	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	16 năm 7 tháng	V. 07.05.15	3,99	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản			
1744	Đặng Thị Hồng Ngọc	25	5	1987	Nữ	01-09-2011	01/09/2012	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 Năm 6 tháng	V. 07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh B1		
1745	Đặng Trung Vinh	11	8	1978	Nam	01-09-2005	01-09-2005	TPCM tổ Hóa học	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	18 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh B1		
1746	Trần Văn Thắng	10	1	1979	Nam	15-09-2001	01-09-2002	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	21 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh C		
1747	Trịnh Thị Quỳnh Như	19	3	1985	Nữ	01-09-2010	01-09-2011	TPCM tổ Vật Li-CN	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh ĐH		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1748	Đào Văn Thúy	4	5	1985	Nữ	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	14 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Anh B1		
1749	Nguyễn Thị Phương	1	12	1978	Nữ	01-09-2002	01-09-2003	CTCĐ Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	22 năm	V.07.05.15	4,65	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II	CC BDCBQL	Tin học A	Pháp		
1750	Trần Thị Thúy Phương	22	12	1974	Nữ	10-10-1998	01-10-1999	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	25 năm 7 tháng	V. 07.05.15	4,98 + 5%	Đại học		CDNN hạng II	CC BDCBQL	Tin học A			
1751	Trần Văn Phương	16	4	1987	Nam		01/08/2012	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	THƯ&A	Cử nhân		
1752	Trần Minh Hoàng	4	3	1985	Nam	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	15 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Trung cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1753	Đoàn Nhật Duật	5	2	1990	Nam	01-09-2012	01/09/2013	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1754	Lê Thùy Trang	15	5	1991	Nữ	01/08/2013	01/08/2014	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	10 năm	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1755	Nguyễn Cung Hoàng Nam	8	4	1984	Nam	01-09-2007	01/09/2008	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	17 năm	V.07.05.15	3,99	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản			
1756	Phạm Thị Huyền	7	4	1986	Nữ	01-09-2008	09/01/2010	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	15 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		THƯ&A	Anh B1		
1757	Nguyễn Trần Hạnh Nguyên	30	4	1977	Nữ	01/09/1998	01/09/1999	TTCM tổ Ngữ Văn	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98+6 %	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II		THƯ&A	Anh B		
1758	Nguyễn Thị Thín	15	10	1976	Nữ	01-09-1998	01/09/1999	P CTCĐ Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	25 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98+6 %	Đại học	Trung cấp	CDNN hạng II		Tin học A	Trung -B		
1759	Trần Thị Lý	17	1	1981	Nữ	01-09-2007	01/09/2008	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	16 năm	V. 07.05.15	3.99	Đại học	Sơ cấp	CDNN hạng II		THƯ&A	Anh		
1760	Trần Thị Quỳnh Anh	05	5	1992	Nữ	01/08/2014	01/08/2015	UVBCH CD Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	9 năm 9 tháng	V. 07.05.15		Đại học		CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh B4		
1761	Nguyễn Thị Hồng Anh	29	3	1968	Nữ	01 /09/ 2008	01-09-2009	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	15 năm	V. 07 . 05 . 15	3.99	Thạc sĩ	Sơ cấp	CDNN hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH-...		
1762	Phạm Thanh Dũng	1	9	1979	Nam		01-11-1992	TTCM	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	33 năm	V. 07 . 05 . 15	4,98+8 %	Đại học		CDNN hạng II		CNTT nâng cao	Anh B		
1763	Bùi Công Chí	13	3	1980	Nam	01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên	THPT Trung Vương	Sở GD&ĐT TP.HCM	15 năm	V. 07 . 05 . 15	3,99	Đại học- Thạc sĩ		CDNN hạng II		Đại học	Anh B		
1764	Nguyễn Quang Phước	17	05	1974		01/09/1999	01/09/2000	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trưởng Chinh	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ - Toán	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1765	Nguyễn Ngọc Liên	25	02	1976	x	08/1997	07/1998	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trưởng Chinh	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ - Quản lý Giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1766	Đỗ Trần Minh Vũ	01	07	1983		01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Trưởng Chinh	Sở GD&ĐT	19 năm	V.07.05.15	4,32	Thạc Sĩ toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1767	Nguyễn Thị Thu Hà	11	08	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Trưởng Chinh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Đại số và Lý thuyết số	Trung cấp	GV THPT hạng II		THƯ&B	Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1768	Lê Viết Nhon	01	01	1985		15/09/2011	15/09/2012	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	11 năm, 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- sư phạm Toán học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1769	Vũ Thị Ngọc Hằng	19	09	1982	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	19 năm	V.07.05.15	4,34	Thạc Sỹ Phương pháp giảng dạy vật lý	Trung cấp			CNTT cơ bản	Anh B1		
1770	Nguyễn Thị Mỹ Tho	24	4	2024	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1771	Trần Thị Thu Trang	21	07	1987	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	15 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc Sĩ - Lý luận và PPDH môn Vật Lý	Sơ cấp			THƯỞ A	Anh B1		
1772	Đông Thị Như Thảo	05	10	1977	x	01/09/1998	01/09/1999	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	25 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98 + 7%	Đại học - Sư phạm Hóa học	Trung cấp			THƯỞ A	Anh B1		
1773	Đinh Thị Hoài Vân	16	02	1980	x	01/04/2003	01/04/2004	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	19 năm 11 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Hoá học	Trung cấp			CNTT cơ bản	Trung		
1774	Phan Thị Bích Ngọc	18	07	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Hóa Học	Sơ cấp			CNTT cơ bản	Anh B1		
1775	Trần Thị Phương Thảo	20	09	1976	x	01/09/1998	01/09/1999	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	26 năm	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Hóa Học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh A2		
1776	Vũ Thị Hải Duyên	25	07	1981	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	14 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Hoá học	Sơ cấp			THƯỞ A	Anh B1		
1777	Ngô Thị Minh Hương	01	06	1983	x	01/09/2006	01/09/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	18 năm	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ - ngành Sinh hóa	Trung cấp			THƯỞ A	Anh - TOEFL Ibt		
1778	Dương Thị Nga	20	11'	1983	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
1779	Nguyễn Thị Hồng	01	01	1977	x	01/09/2004	01/09/2005	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Cử nhân sư phạm Sinh	Sơ cấp			CNTT cơ bản	Anh B		
1780	Dương Ngọc Yến	19	02	1975	x	01/09/2000	01/09/2001	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	23 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại Học- Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp			CNTT cơ bản	Nga		
1781	Hoàng Thị Hiền	31	10	1986	x	20/08/2009	20/08/2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	15 năm	V.07.05.15	3,66	Đại Học- sư phạm Văn	Sơ cấp			CNTT cơ bản	Anh B		
1782	Phạm Thị Quỳ	17	05	1984	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Sơ cấp			CNTT cơ bản	Anh B		
1783	Lê Thị Trang	28	02	1986	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	14 năm	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ ngôn ngữ học	Sơ cấp			CNTT cơ bản	Anh B1		
1784	Nguyễn Thị Hòa	12	09	1990	x	01/09/2012	01/09/2013	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học-Sư phạm Lịch sử	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh B		
1785	Huỳnh Vũ Linh	18	10	1971	x	01/09/1995	01/09/1997	Giáo viên môn Giáo dục Công dân	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	29 năm	V.07.05.15	4,98 + 9%	Đại học Sư phạm giáo dục chính trị	Trung cấp			Trung cấp	Anh B		
1786	Dương Thị Cẩm Lệ	16	11	1982	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên môn Giáo dục Công dân	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	15 năm	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ- Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A	Anh - TOEIC		
1787	Huỳnh Thị Hồng Nhung	05	10	1981	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	20 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Địa lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1788	Đặng Thị Thu Thủy Lan	18	05	1987	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	13 năm	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Địa Lí	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Trung		
1789	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25	10	1986	x	02/10/2009	02/10/2010	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	14 năm	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ - Địa lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1790	Phạm Thanh Thủy	03	08	1983	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- giảng dạy Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Trung		
1791	Ca Thanh Tòng	22	06	1978		01/09/1999	01/03/2000	Hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	24 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,98 + 24%	Đại học - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp Thạc sĩ - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cao đẳng	Anh ĐH		
1792	Nguyễn Kim Tuyền	25	07	1980	x	01/10/2003	01/10/2004	TTCM, Giáo viên Vật lý	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Vật lý học Thạc sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Lý	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1793	Kiều Quang Minh	05	05	1986		01/08/2014	01/08/2014	Giáo viên Vật lý	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞ A			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1794	Lê Thị Quỳnh Lâm	20	11	1974	x	01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh C		
1795	Nguyễn Thị Mai	05	09	1983	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Sinh học Thạc sĩ - Sinh học thực nghiệm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT nâng cao	Anh B1		
1796	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	29	11	1979	x	01/09/2000	01/03/2001	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	23 năm 1 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1797	Nguyễn Thị Ngọc Chúc	20	06	1987	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản			
1798	Nguyễn Thị Hằng	26	06	1984	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Công nghệ	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh ĐH Trung		
1799	Đinh Thị Hằng	09	09	1978	x	01/09/2000	25/01/2002	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	22 năm 3 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại học - Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh B1		
1800	Tạ Thị Thân	18	7	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Ngữ văn	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THƯỞNG A	Anh B1		
1801	Mai Thị Hà	15	06	1976	x	01/09/2007	01/09/2008	TTCM, Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1802	Bà Thị Hương	16	06	1983	x	15/02/2008	15/02/2009	Giáo viên Lịch sử	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 2 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Lịch sử	Trung cấp	GV THPT hạng II		ICDL - Chứng chỉ Tin học Quốc tế	Anh B		
1803	Nguyễn Thị Diệu An	13	05	1984	x	01/09/2007	01/09/2007	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Anh ĐH		
1804	Hà Lê Thủy	15	06	1981	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1805	Nguyễn Minh Hải	06	03	1972		01/09/2003	01/09/2004	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	19 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Thể dục thể thao Thạc sĩ - Giáo dục thể chất		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1806	Trần Thị Thùy Minh	16	12	1983	x	01/09/2007	01/09/2008	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại học - Xã hội học	Sơ cấp	GV THPT hạng II					
1807	Nguyễn Thị Hương	03	04	1984	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Tâm lý giáo dục	Sơ cấp	GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học trình độ B			
1808	Nguyễn Thị Thủy	14	04	1985	x	01/09/2009	01/09/2010	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Trường THPT Vĩnh Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm 7 tháng	V07.05.15	3.66	Đại học - Sư phạm Chính trị		GV THPT hạng II		Chứng chỉ Tin học trình độ B			
1809	Phùng Hữu Quang	15	12	1972		09-01-2004	09-01-2005	Hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở Giáo dục và Đào tạo	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Tiếng Anh - Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	GV THPT hạng II	Quản lý giáo dục	UDCNTT nâng cao	Đại học		
1810	Võ Thị Ngọc Châu	10	10	1976	x	10-01-1998	09-01-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,98	Đại học sư phạm Ngữ văn - Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Quản lý giáo dục	A	B		
1811	Hoàng Công Phú	12	2	1984		09-01-2008	09-01-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở Giáo dục và Đào tạo	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Giáo dục thể chất - Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II	Quản lý giáo dục	B	B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1812	Nguyễn Xuân Dương	5	3	1971		08-01-2015	08-01-2015	Giáo viên môn Tin học TTCM Tin học	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc Sĩ - CNTT		GV THPT hạng II	Chứng chỉ quản lý giáo dục	Đại học CNTT	Tiếng Anh: Cử nhân Tiếng Trung: Cử nhân		
1813	Hồ Văn Hùng	6	10	1988		08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên môn Lịch sử	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Lịch sử Thạc Sĩ - Lịch sử Việt Nam		GV THPT hạng II		B	B1		
1814	Lưu Thị Muội	30	12	1971	x	08-01-2016	08-01-2016	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	7 năm 8 tháng	V.07.05.15	4,65	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Lý luận và phương pháp dạy học môn Sinh học		GV THPT hạng II		CNITTNC	B1		
1815	Vũ Thị Thu Hồng	30	7	1986	x	08-01-2008	08-01-2015	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - Phương pháp giảng dạy Sinh học	Sơ cấp	GV THPT hạng II		B	Bậc 3 (B1)		
1816	Đoàn Thị Thanh Quyền	4	10	1989	x	09-01-2011	09-01-2012	Giáo viên môn Địa lý	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Địa lý Thạc Sĩ - Địa lý học	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ quản lý giáo dục	CNNTCB	Bậc 3 (B1)		
1817	Hoàng Thị Lê	17	12	1985	x	09-01-2008	31/8/2010	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân Sư phạm	Sơ cấp	GV THPT hạng II		A	B1		
1818	Lê Thị Thanh Thủy	6	7	1989	x	09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên môn Công nghệ	Trường THPT Vĩnh Lộc B	Sở GD&ĐT	11 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - chuyên ngành sư phạm kỹ thuật công nông nghiệp		GV THPT hạng II		A	B		
1819	Phạm Thị Thủy	23	03	1992		08-01-2014	08-01-2015	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	9 năm	V.07.05.15	3.33	Sư phạm Ngữ Văn	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	không	chứng chỉ A tin học	Anh Văn bậc 3		
1820	Phan Thị Hằng	19	6	1987		01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên Công nghệ- Thư kí hội đồng	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	13 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Đại Học- Sư Phạm kỹ thuật Nông Nghiệp	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	A Tin Học ứng dụng	B Anh văn		
1821	Phan Thị Lan Anh	10	11	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	11 năm 5 tháng	V.07.05.15	3,34	Thạc sĩ - Lý luận và PPDH môn Ngữ Văn	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	CNNTCB	B1		
1822	HUỲNH VĂN HOÀI	22	12	1978		01-09-2008	01-09-2017	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	06 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	Thạc sĩ - Toán Giải tích	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chứng chỉ Quản lý Giáo dục	A	Anh văn Bậc 3		
1823	Vũ Đại Hội	01	4	1988		01-08-2014	01-08-2015	Tổ phó chuyên môn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	CNNTCB	Anh Bậc 4		
1824	Lương Như Quỳnh	01	06	1987		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	13 năm 3 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại Học - Sư phạm Toán. Thạc Sĩ - Toán Giải Tích	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	CNNTCB	Anh Bậc 3		
1825	Nguyễn Ngọc Thanh	30	08	1983		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II	Hoàn thành chương trình Bồi dưỡng quản lý trường phổ thông	Thạc sĩ	Chứng chỉ B tiếng anh		
1826	Lê Trần Thùy Linh	13	11	1989		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	10 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Sinh học	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	chứng chỉ A	Đại học Anh văn		
1827	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	11	12	1984		06-10-2006	05-10-2007	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.99	Cử nhân sư phạm Toán- Tin, thạc sĩ phương pháp Toán sơ cấp	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	Cử nhân	Anh văn bậc 2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1828	NGUYỄN THỊ KỶ	01	05	1989		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn GD&ĐT, GDCD, GDT&PL	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học _ Sư Phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB	Chứng chỉ B		
1829	Nguyễn Kim Dung	19	06	1986		09-01-2009	09-01-2010	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học sư phạm tin học , thạc sĩ công nghệ thông tin Đại học Khoa Học Tự Nhiên	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	B1		
1830	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	05	09	1982		22-08-2010	22-08-2011	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.66	Đại học sư phạm Vật Lý	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	B	B		
1831	Nguyễn Nhật Kim Thanh	26	10	1991		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Toán học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	9 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.33	Thạc Sĩ - Toán giải tích	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	không	CNTTCB	Anh Bậc 3		
1832	Nguyễn Thị Thuý	20	08	1989		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Địa Lí Cử Nhân	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
1833	NGUYỄN THỊ KỶ	01	05	1989		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn GD&ĐT, GDCD, GDT&PL	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học _ sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
1834	Phùng Văn Hùng	2	7	1981		01-09-2003	01-09-2004	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	20 năm 2 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học sư phạm TĐTT Thành Phố HCM	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chưa	B	B		
1835	NGUYỄN THỊ KỶ	01	05	1989		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên môn GD&ĐT, GDCD	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại học _ sư phạm Giáo dục chính trị	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	Chứng chỉ A	Chứng chỉ B		
1836	Nguyễn Thị Thuý	20	08	1989		01-08-2013	01-08-2014	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3.33	Đại Học - Sư phạm Địa Lí	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	Tin học A	Anh B		
1837	NGUYỄN HOÀI LINH	07	03	1993		01-08-2016	01-05-2017	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	6 năm 11 tháng	V.07.05.15	3	Thạc sĩ - Li luận văn học	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3		
1838	Vũ Lan Hương	20	04	1987		01-10-2010	01-10-2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học sư phạm Hóa học	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II	không	CNTTB	Anh bậc 2		
1839	Trịnh Thị Nương	17	01	1983		01-08-2014	01-08-2014	Giáo viên Tâm lý giáo dục	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	9 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc Sĩ - Tâm lý học (Tâm lý học trường học)	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Không	CNTTCB	Anh B		
1840	Lâm Thị Xuân Thảo	28	02	1973		05-09-1994	05-09-1996	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	16 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.99	SU phạm Ngữ văn	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh	Tin học A văn phòng và chứng chỉ Intel	Chứng chỉ năng lực Tiếng Anh B1 khung tham chiếu châu Âu		
1841	Bùi Thị Anh Thư	29	04	1982		01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4.32	Đại học - Sư phạm Toán	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
1842	Nguyễn Thị Thanh Mai	01	07	1994		01-08-2017	01-05-2018	Giáo viên môn Ngữ Văn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	6 năm 9 tháng	V.07.05.15	3	Đại học - Sư phạm Ngữ Văn; Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không.	Công nghệ thông tin cơ bản	Anh Văn B1		
1843	Mai Thị Thu Hằng	18	06	1984		05-09-2006	05-09-2007	Giáo viên môn hoá học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	17 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chưa có	CNTTCB-B	Bằng B tiếng anh		
1844	Lê Thị Thu Hằng	22	04	1981		05-09-2005	05-09-2006	Giáo viên môn Tiếng Anh	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học sư phạm tiếng anh, thạc sĩ Phương pháp giảng dạy tiếng anh	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chưa có	CNTTCB B	Thạc sỹ tiếng anh		
1845	Nguyễn Thị Mạnh	05	01	1987		01-09-2010	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Cu nhân	CNTTCB	B1		
1846	CHÂU THỊ MỸ NGUYỄN	28	08	1989		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Sinh Học	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3.66	Sư phạm Sinh học	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	Ti học ung dụng A	Anh Văn B		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1847	Trần Thị Thanh Nhàn	20	01	1982		01-09-2008	01-09-2009	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam	Trung cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Chứng nhận học xong học phần QLNN	Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản	Anh Bậc 3		
1848	La Duy Đài	19	05	1985		01-08-2015	01-06-2016	Giáo Viên GDTC	Trường THPT Võ Thị Sáu	Sở GD&ĐT	8năm 5tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc Sĩ	Sơ cấp LLCT	GV THPT Hạng II	Không	CNTTCB	B		
1849	Đỗ Thị Mai	9	8	1984	x	01-10-2008	01-10-2009	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học- sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1850	Phạm Vũ Hải	7	11	1982		01-09-2008	01-09-2009	Giáo viên môn Tin học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	14 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Sư phạm Tin học Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	GV THPT hạng II		Đại học	Tiếng Anh B1		
1851	Lê Thị Thủy Nga	17	7	1981	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Vật Lý	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	18 năm 7 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học- Chuyên ngành Vật lý	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn bậc 3		
1852	Nguyễn Thị Kim Cương	14	5	1985	X	05-09-2011	05-09-2012	Giáo viên Tin học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	12 năm 1 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học - Cử nhân Công Nghệ Thông Tin Thạc sĩ - Quản Lý Giáo Dục	Trung Cấp	GV THPT Hạng II		Đại học	Anh ĐH		
1853	Nguyễn Thị Phụ	16	5	1976	x	01/09/2005	01/09/2006	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	17 năm 4 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại học - Sư phạm Anh	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Pháp B		
1854	Vũ Thị Hà	10	4	1985	x	01/09/2008	01/09/2009	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học - Sư phạm Anh		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	HSK2		
1855	Nguyễn Thị Ninh	15	6	1985	x	01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	12 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học - Sư phạm Anh		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	HSK2		
1856	Nguyễn Thị Thắm	28	4	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên Hoá học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	11 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học sư phạm- hoá học , Thạc Sĩ - Khoa học môi trường		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng nhật N3		
1857	Nguyễn Văn Hải	1	3	1977		01/09/2007	01/09/2008	Tổ trưởng tổ Thể dục	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm TDTT Thạc Sĩ - Giáo dục học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1858	Ngô Thị Lan Phương	20	4	1979	x	01-09-2004	01-09-2005	Giáo viên môn Địa Lí	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	18 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,32	Đại Học - Sư phạm Địa Lí Thạc Sĩ - Lý luận và pphd môn Địa Lí	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh ĐH		
1859	Huỳnh Thị Quyên	9	10	1979	x	01-09-2006	01-09-2007	Giáo viên Tin học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD & ĐT	16 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học- Cử nhân tin học	Trung cấp	CDNN giáo viên THPT		Đại học	Anh B		
1860	Nguyễn Thu Hương	20	5	1989	X	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn GDTC-QP	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD& ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại học Sư Phạm GDTC- GDQP	Sơ cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn bậc 3		
1861	Ngô Thị Thanh Hiền	10	7	1984	X	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên môn GDTC	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD& ĐT	15 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học Thể Dục Thể Thao TW 2 - Cử nhân môn Bắn Súng	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B1		
1862	Nguyễn Tri Minh Nam	7	12	1989		01-08-2017	01-08-2017	Giáo viên Toán học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD& ĐT	6 năm 8 tháng	V.07.05.15	3	Đại Học - Sư phạm Toán học, Thạc sĩ chuyên ngành Toán giải tích		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh C		
1863	Trần Thị Mỹ Nga	6	8	1978	x	24-11-2007	29-12-2009	Giáo viên Ngữ văn	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD& ĐT	14 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp	GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh văn bậc 3		
1864	Lê Anh Lực	3	1	1985		01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Hóa học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Hóa học Thạc Sĩ - Công nghệ Hóa hữu cơ	Sơ cấp	GV THPT hạng II		THUĐ B	Toeic 635		
1865	Dương Quang Minh	1	11	1987		01/09/2010	01/09/2011	Giáo viên môn Vật lý	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	12 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm vật lý Thạc Sĩ - Vật Lý địa cầu		GV THPT hạng II		CNTT cơ bản	Anh B		
1866	Nguyễn Thái Từ Nghiêm	6	2	1981		01/01/2006	01/01/2007	Giáo viên môn Sinh học	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	17 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Sư phạm Sinh học Thạc Sĩ - ĐHKHTN Sinh lý thực vật		GV THPT hạng II		CNTTCB	Anh văn B1		
1867	Lưu Đình Trác	6	1	1988		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên môn Vật lí	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,66	CNSP Vật lí-ĐH Sư phạm TP.HCM Thạc Sĩ - Giáo dục học		GV THPT hạng II		THUĐ B	Anh B 1		
1868	Nguyễn Thị Bích Liên	17	2	1976	x	01-09-1999	01-09-2000	Giáo viên môn Toán	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	23 năm 6 tháng	V.07.05.15	4,98	Cử nhân chuyên ngành Toán học	Trung cấp	GV THPT hạng II		CCTH UD A	Anh văn Toeic bậc 2		
1869	Lê Thị Thom	1	2	1982		01-09-2008	01-09-2009	Tổ trưởng Tổ Tin	Trường THPT Võ Trường Toàn	Sở GD&ĐT	14 năm 6 tháng	V.07.05.15	3,99	Cư nhân sư phạm - Tin học	Trung cấp	GV THPT hạng II		Cử nhân tin học			

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1870	Phạm Quang Hiếu	19	9	1973		01/9/1995	01/01/1999	Hiệu trưởng	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	25 năm 2 tháng	V.07.05.15	4.98+10%	Đại Học - Sư phạm Vật Lý Thạc Sĩ - Vật Lý lý thuyết	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý trường phổ thông	B	Anh B1		
1871	Nguyễn Thị Thu Hà	11	8	1985	x	01-09-2015	01-09-2016	Tổ trưởng chuyên môn- GDCD	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT TP.HCM	8 năm 8 tháng (Thạc sĩ đầu vào khi tuyển dụng)	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Cử nhân Triết học Thạc sĩ - Triết học	Sơ cấp LLCT	GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý trường phổ thông	Tin học ứng dụng - Trình độ B	TOEFL ITP 487		
1872	Nguyễn Thị Tôn Nghi	19	6	1987	x	02-08-2016	02-08-2016	Tổ trưởng chuyên môn- Lịch sử	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	8 năm 8 tháng (Thạc sĩ đầu vào khi tuyển dụng)	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Lịch sử Thạc Sĩ - Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý trường phổ thông	CNNTCB	B1		
1873	Lê Anh Tuyền	23	5	1983	x	11-01-2010	11-01-2011	Tổ trưởng chuyên môn- Tiếng Anh	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 4 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học- Cử nhân tiếng Anh	Sơ cấp	GVTHPT hạng II		A	Anh ĐH		
1874	Phùng Nguyễn	7	4	1974		09-01-2009	09-01-2010	Tổ trưởng chuyên môn- Vật Lí	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	14 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,99	Đại Học - Cử Nhân Vật Lí		GV THPT hạng II		CN TTC A	Anh CC B		
1875	Nguyễn Thị Bích Hằng	20	12	1983	x	20/12/1983	01-09-2011	Tổ trưởng chuyên môn- Sinh học	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	12 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Sinh học		GV THPT hạng II		CN TTCB	Anh loại C		
1876	Hồ Thị Tuyền	16	4	1976	nữ	01-09-1998	09-01-1999	Giáo viên	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT TP HCM	24 năm 7 tháng	V 07.05.15	4,98	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn		GV THPT hạng II		CCTH A	Anh văn bậc 2		
1877	Ngô Thị Diễm	4	2	1984	x	01-09-2009	01-09-2010	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh	14 năm 3 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn Thạc Sĩ - Văn học Việt Nam		GV THPT hạng II		UDCNTT CB	Anh A2		
1878	Trần Thị Hương	18	10	1988	x	01-09-2010	01-09-2011	Giáo viên môn Ngữ văn	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT TP.HCM	13 năm 8 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ văn	Trung cấp LLCT	GV THPT hạng II		Tin học ứng dụng - Trình độ A			
1879	Thạch Thanh Tiền	4	8	1987		09-01-2012	09-01-2013	Giáo viên Toán học	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	11 năm 7 tháng	V.07.05.15	3,33	Đại Học - Sư phạm Toán học		GV THPT hạng II		CN TTCB	Anh B		
1880	Trịnh Văn Khoát	3	6	1981		15-08-2015	01-09-2016	Tổ trưởng Chuyên môn	Trường THPT Võ Văn Kiệt	Sở GD&ĐT	8 năm 7 tháng, 16 ngày	V.07.05.15	3,66	Đại Học - Sư phạm Ngữ Văn Thạc Sĩ - Ngôn Ngữ học	Sơ cấp	GV THPT hạng II	Chứng chỉ cán bộ quản lý trường phổ thông	Chứng chỉ A	Toeic 470		
1881	Đào Thị Thủy	22	11	1988	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	11 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Toán giải tích	Trung cấp	GVTHPT hạng II	không	UDCNTT Nâng cao	Anh B1 - Khung Châu Âu		
1882	Phạm Thị Ngọc Dung	25	8	1976	x	01-11-2001	01-09-2002	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	21 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	4,98	Thạc sĩ - chuyên ngành giảng dạy tiếng anh	Sơ cấp	GVTHPT hạng II	không	UDCNTT Cơ bản	tiếng Anh theo Khung NLNN 6 Bậc dùng cho VN		
1883	Phan Duy Thanh	12	7	1986		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	11 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ - Hóa Hữu cơ	Trung cấp	GVTHPT hạng II	không	UDCNTT Cơ bản	Anh B		
1884	Lương Thị Ánh Vi	28	10	1976	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	15 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,99	Cử nhân - Lịch sử	Sơ cấp	GVTHPT hạng II	không	UDCNTT Cơ bản	Anh A2		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1885	Võ Khải Hoàn	19	2	1969		01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	11 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,66	Cử nhân -Khoa học	Trung cấp	GVTHPT hạng II	không	Kỹ sư	Anh B1 - Khung Châu Âu		
1886	Lê Thị Mỹ Hạnh	22	3	1980	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	11 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ vật lý	Sơ cấp	GVTHPT hạng II	không	Tin học Cơ bản	C		
1887	Nguyễn Thanh Quyển	18	9	1989	x	01-09-2011	01-09-2012	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	11 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Hóa học	Trung cấp	GVTHPT hạng II	không	Tin học Cơ bản	Anh văn B1		
1888	Cao Thị Mai Huệ	18	8	1980	x	01-09-2002	01-09-2003	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	20 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ - Giáo Dục học	Trung cấp	GVTHPT hạng II	không	Tin học Văn phòng	Anh B1		
1889	Phạm Duy Mẫn	1	10	1988		01-09-2012	01-09-2013	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	10 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ - Văn học Việt Nam	Sơ cấp	GVTHPT hạng II	không	Tin học Ứng dụng Trình độ A	Anh Văn B1 - Khung Châu Âu		
1890	Bùi Xuân Kim Sa	24	4	1979	x	01-09-2007	01-09-2008	Giáo viên	Trung tâm GDKTTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	Sở GD và ĐT	15 Năm 6 Tháng	V.07.05.15	3,99	Thạc sĩ chính trị học	Trung cấp	GVTHPT hạng II	Chứng chỉ Quản lý hành chính NN và quản lý ngành đào tạo	Trung cấp CNTT	Anh B1		

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2024**

Bậc học: Đại học

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-TCCB ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Võ Văn Thật	01	11	1976		01/02/2000	01/02/2001	Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	23 năm 03 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Lịch sử	Cao cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		Quyết định số QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	Nguyễn Huy Hùng	18	09	1974		01/07/1995	01/05/2012	Phó Trưởng khoa Khoa Điện tử viễn thông	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Kỹ thuật	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Học tiến sĩ ở nước ngoài		
3	Nguyễn Hữu Phúc	04	03	1977		01/07/2002	01/01/2012	Phó Trưởng khoa Khoa Điện tử viễn thông	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 04 tháng	V.07.01.03	4,32	Thạc sĩ Tự động hóa	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	27	10	1976	x	01/06/1999	01/06/2012	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Điện tử viễn thông	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 11 tháng	V.07.01.03	4,98	Thạc sĩ Kỹ thuật	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
5	Lê Quốc Đán	26	01	1971		15/05/2001	01/01/2012	Giảng viên Khoa Điện tử Viễn thông	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 04 tháng	V.07.01.03	4,65	Thạc sĩ Kỹ thuật	Trung cấp	Giảng viên đại học		THUĐ A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
6	Nguyễn Thị Hậu	20	05	1984	x	01/04/2013	01/04/2013	Giảng viên Khoa Điện tử Viễn thông	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 01 tháng	V.07.01.03	3,99	Thạc sĩ Kỹ thuật	Trung cấp	Giảng viên đại học		Kỹ thuật viên	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
7	Nguyễn Thị Hoàng Anh	20	03	1983	x	01/04/2008	01/09/2013	Giảng viên Khoa GDQP-AN và GDTC	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	10 năm 08 tháng	V.07.01.03	3,99	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giảng viên đại học		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
8	Trần Ngọc Cương	21	03	1978		01/09/1999	01/09/2002	Giảng viên Khoa GDQP-AN và GDTC	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	21 năm 08 tháng	V.07.01.03	4,65	Tiến sĩ Giáo dục học	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
9	Phạm Phúc Vĩnh	04	05	1977		01/07/2004	01/01/2013	Phó Trưởng khoa Khoa Giáo dục Chính trị	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 04 tháng	V.07.01.03	4,65	Tiến sĩ Lịch sử	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		THUĐ A	Tiếng Anh C		
10	Nguyễn Thị Việt Hà	22	11	1989	x	01/11/2011	01/12/2016	Giảng viên Khoa Giáo dục Chính trị	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	07 năm 05 tháng	V.07.01.03	3,66	Tiến sĩ Chính trị học	Cao cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT nâng cao	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
11	Tổng Thị Hạnh	24	07	1981	x	01/09/2005	01/12/2009	Trưởng Bộ môn Khoa Giáo dục Chính trị	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	14 năm 05 tháng	V.07.01.03	3,99	Tiến sĩ Kinh tế Chính trị	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
12	Trần Thị Tâm Minh	14	03	1982	x	01/11/2014	01/01/2018	Phó Trưởng khoa Khoa Giáo dục Mầm non	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	06 năm 04 tháng	V.07.01.03	3,33	Tiến sĩ Khoa học giáo dục	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		Kỹ thuật viên	Tiếng Anh Bậc 4		
13	Nguyễn Thị Thu Hằng	03	09	1972	x	01/10/1999	01/10/2006	Giảng viên Khoa Giáo dục Tiểu học	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	17 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,65	Tiến sĩ Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài		Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2		
14	Lê Thị Ngọc Mai	05	02	1987	x	11/10/2009	11/11/2010	Giảng viên Khoa Luật	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	13 năm 06 tháng	V.07.01.03	3,66	Thạc sĩ Luật học		Giảng viên đại học		CNTT cơ bản	Tiếng Anh C		
15	Nguyễn Lâm Trâm Anh	14	03	1984	x	01/10/2011	01/10/2012	Giảng viên Khoa Luật	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 07 tháng	V.07.01.03	3,99	Thạc sĩ Luật học		Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
16	Võ Thị Hoài	07	09	1978	x	01/03/2003	01/12/2005	Giảng viên Khoa Luật	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	18 năm 05 tháng	V.07.01.03	3,33	Thạc sĩ Luật học		Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
17	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	18	02	1982	x	01/09/2007	01/01/2008	Phó Trưởng khoa Khoa Môi trường	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	16 năm 04 tháng	V.07.01.03	4,32	Tiến sĩ Hóa phân tích	Trung cấp	Giảng viên hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
18	Trần Thế Phi	07	02	1976		01/09/1997	01/10/1999	Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	24 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Trung cấp	Giảng viên hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Pháp B1		
19	Trần Thị Kim Tuyền	02	06	1979	x	01/09/2001	01/09/2007	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	16 năm 08 tháng	V.07.01.03	3,99	Tiến sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		THƯĐ A	Cử nhân tiếng Anh		
20	Nguyễn Thu Hiền	04	09	1988	x	01/12/2010	01/10/2013	Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	10 năm 07 tháng	V.07.01.03	3,66	Thạc sĩ Thương mại quốc tế và Tài chính		Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Học thạc sĩ ở nước ngoài		
21	Từ Minh Khai	03	03	1967		01/06/2009	01/08/2010	Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	13 năm 09 tháng	V.07.01.03	4,65	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Trung cấp	Giảng viên hạng II		A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
22	Đặng Thị Ngọc Thanh	08	05	1975	x	01/10/1997	01/10/1999	Trưởng Bộ môn Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	26 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Vi sinh vật học	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		THƯĐ A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
23	Nguyễn Hữu Duy Khang	04	09	1984		01/04/2014	01/04/2016	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	08 năm 01 tháng	V.07.01.03	3,66	Tiến sĩ Hóa hữu cơ		Giảng viên chính hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
24	Phạm Thị Giang Anh	12	11	1975	x	15/11/1997	01/08/1999	Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	24 năm 09 tháng	V.07.01.03	4,98	Thạc sĩ Hóa lý và Hóa lý thuyết	Trung cấp	Giảng viên đại học		CNTT cơ bản	GCN tương đương tiếng Anh B2		
25	Bùi Gia Khánh	09	12	1980		01/03/2011	01/01/2014	Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	10 năm 04 tháng	V.07.01.03	3,99	Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2		
26	Đặng Văn Vũ	15	07	1967		03/09/1991	01/01/1993	Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	31 năm 04 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Ngữ văn		Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Nga C		
27	Phạm Xuân Vũ	14	06	1976		14/10/2000	11/10/2007	Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	16 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,98 + 5%	Tiến sĩ Khoa học giáo dục	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B2		
28	Đào Vĩnh Hợp	20	02	1982		01/04/2014	01/05/2017	Giảng viên Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	07 năm	V.07.01.03	3,66	Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam	Trung cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngữ văn Anh		
29	Lê Thái Sơn	20	01	1982		01/08/2004	01/08/2005	Trưởng Bộ môn Khoa Toán - Ứng dụng	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	18 năm 09 tháng	V.07.01.03	4,32	Tiến sĩ Kinh tế học		Giảng viên chính hạng II		THƯĐ B	TOEIC 515		
30	Nguyễn Lương Thái Bình	11	06	1974		01/10/1997	01/10/1998	Giảng viên Khoa Toán - Ứng dụng	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	25 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Toán học		Giảng viên chính hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh Bậc 4		
31	Trần Thanh Bình	02	01	1973		01/09/1995	05/09/1997	Giảng viên Khoa Toán - Ứng dụng	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	26 năm 08 tháng	V.07.01.03	4,98 + 7%	Tiến sĩ Toán học		Giảng viên chính hạng II		THƯĐ A	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
32	Phan Đức Tuấn	13	06	1980		01/04/2014	01/04/2016	Giảng viên Khoa Toán - Ứng dụng	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	08 năm 01 tháng	V.07.01.03	3,33	Tiến sĩ Toán học		Giảng viên đại học		THƯĐ A	Tiếng Anh B2		
33	Nguyễn Văn Đồng	10	09	1983		01/09/2009	01/09/2010	Giảng viên Khoa Văn hóa và Du lịch	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	13 năm 08 tháng	V.07.01.03	3,66	Tiến sĩ Ngôn ngữ học	Trung cấp	Giảng viên đại học		THƯĐ B	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
34	Đỗ Thị Ngọc Uyển	15	03	1974	x	15/12/2014	01/04/2012	Giảng viên Khoa Văn hóa và Du lịch	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 01 tháng	V.07.01.03	4,65	Tiến sĩ Văn hóa học	Trung cấp	Giảng viên đại học		Kỹ thuật viên	Cử nhân tiếng Anh		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
35	Hoàng Minh Tâm	18	03	1974		01/10/1997	01/10/1999	Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	24 năm 07 tháng	V.07.01.03	4,98	Tiến sĩ Vi sinh vật học	Cao cấp	Giảng viên chính hạng II		CNTT cơ bản	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		
36	Phạm Thị Quỳnh Anh	11	05	1982	x	01/12/2008	01/12/2008	Chuyên viên Trung tâm Công nghệ thông tin	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	15 năm 05 tháng	V.07.01.03	4,32	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học		Giảng viên chính hạng II		Thạc sĩ	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh		
37	Đinh Thị Phương Trinh	01	10	1991	x	30/08/2013	01/06/2014	Giáo viên tiểu học Trường Tiểu học Thực hành Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	09 năm 11 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Sư phạm tiếng Anh		Giáo viên tiểu học hạng II		IC3	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh		
38	Trần Thị Thiên Thương	27	06	1990	x	01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên tiểu học Trường Tiểu học Thực hành Đại học Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 08 tháng	V.07.03.29	3,33	Đại học Giáo dục tiểu học	Trung cấp	Giáo viên tiểu học hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
39	Nguyễn Thị Thủy Mai	30	08	1988	x	01/10/2010	01/11/2011	Tổ trưởng, Giáo viên THCS Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 06 tháng	V.07.04.32	3,33	Đại học Giáo dục Chính trị	Trung cấp	Giáo viên THCS hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
40	Đỗ Cảnh Phụng	08	11	1989		01/01/2011	01/01/2012	Giáo viên THCS Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 04 tháng	V.07.04.32	3,66	Đại học Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử		Giáo viên THCS hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
41	Lê Thị Phương Trinh	24	12	1982	x	05/09/2004	05/09/2005	Hiệu trưởng, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	18 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,32	Thạc sĩ Toán Giải tích	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
42	Đinh Thị Thu Phương	29	01	1981	x	01/09/2003	01/03/2004	Tổ trưởng, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	20 năm 02 tháng	V.07.05.15	4,65	Thạc sĩ Giáo dục học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Cử nhân tiếng Anh sư phạm		
43	Nguyễn Ái Minh Uyên	14	03	1989	x	30/10/2011	01/10/2012	Tổ trưởng, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Anh văn C1, Pháp văn B1		
44	Nguyễn Thị Phương Hồng	17	09	1986	x	01/09/2009	01/10/2012	Tổ phó, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 07 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Giáo dục thể chất	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		
45	Phan Huy Bảo	12	05	1988		01/11/2010	01/11/2011	Tổ trưởng, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	12 năm 06 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
46	Trần Thái Sơn	17	03	1988		01/11/2010	01/11/2012	Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 06 tháng	V.07.05.15	3,66	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam		Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
47	Vũ Duy Đăng	06	09	1988		15/08/2009	15/08/2010	Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	13 năm 09 tháng	V.07.05.15	3,66	Đại học Sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		
48	Trần Duy Trí	11	09	1967		10/02/1989	10/01/1991	Phó Hiệu trưởng Trường Trung học Thực hành Sài Gòn	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	33 năm 04 tháng	V.07.05.15	4,98 + BL 0,6	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B		
49	Lê Thị Hồng Hạnh	10	11	1973	x	05/09/1995	05/09/1995	Tổ trưởng, Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	28 năm 08 tháng	V.07.05.15	4,98 + 5%	Đại học Sư phạm Địa lý	Trung cấp	Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Cử nhân Cao đẳng Sư phạm tiếng Anh		
50	Nguyễn San Hà	05	09	1989		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam		Giáo viên THPT hạng II		THƯĐ A	Tiếng Anh B1		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng			N ữ	Ngày/tháng /năm vào ngành	Ngày/Tháng/ Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
51	Nguyễn Thị Huyền Trang	27	12	1987		01/09/2011	01/09/2012	Giáo viên THPT Trường Trung học thực hành	Trường Đại học Sài Gòn	UBND TP.HCM	11 năm 08 tháng	V.07.05.15	3,33	Thạc sĩ Khoa học máy tính		Giáo viên THPT hạng II		Thạc sĩ	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2024**

Bậc học: ...

(Kèm theo Công văn số .../SGDDT-TCCB ngày ... tháng 6 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Ngày/tháng/năm vào ngành	Ngày/Tháng/Năm bổ nhiệm CDNN (hết tập sự)	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Cơ quan quản lý	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi						Có đề án, đề tài	Thông tin Quyết định phê duyệt danh mục VTVL và cơ cấu CDNN của đơn vị
		Ngày	Tháng	Năm								Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Chứng chỉ bồi dưỡng nghề nghiệp	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		
1	Không có																				Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../2024 của ...
2	...																				
3	...																				

* Ghi cụ thể số năm số tháng giữ CDNN (và tương đương)